

UNDP GEF SGP Việt Nam

Xét duyệt Ý tưởng dự án - hạn nộp 31/8/2013

Ý TƯỞNG DỰ ÁN HỢP LỆ VÀ KHÔNG HỢP LỆ

Ý TƯỞNG DỰ ÁN HỢP LỆ

	Tên dự án	Tóm tắt dự án
1.	<p>Tăng cường năng lực phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa</p> <p>Trung tâm Phát triển bền vững miền Trung – Tây Nguyên (SUSDECVIETNAM)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.260.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.050.000.000 (tương đương 50.000USD)</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu tổng quát: Nâng cao hiệu quả công tác phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu cho cộng đồng cấp cơ sở theo phương châm 4 tại chỗ. Lấy xã ven biển Hải Châu làm điểm để nhân rộng ra các xã khác trên địa bàn tỉnh có điều kiện tương tự.- Mục tiêu cụ thể: Tăng cường năng lực và giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương trước thiên tai và biến đổi khí hậu cho chính quyền và người dân địa phương xã Hải Châu. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none">- Nâng cao nhận thức của chính quyền và người dân địa phương về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM) và ứng phó với biến đổi khí hậu.- Lồng ghép việc lập kế hoạch giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng và ứng phó với biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; bước đầu cải thiện sinh kế.- Nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm- Tăng cường năng lực PCLB cho các đội phản ứng nhanh ở cấp xã và cấp thôn- Nâng cao nhận thức về phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và biến đổi khí hậu cho học sinh và giáo viên THCS và Tiểu học trên địa bàn. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Tổ chức Hội thảo khởi động và Hội thảo kết thúc Dự án với các</p>

	<p>ban ngành có liên quan ở cấp huyện và cấp xã</p> <p>2. Xây dựng bộ tài liệu Thông tin - Giáo dục và Truyền thông (IEC) về giảm thiểu rủi ro thiên tai vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu (tờ rơi, pô-tơ, biển báo, sổ tay, ...) sát với thực tế địa phương.</p> <p>3. Hỗ trợ xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình về giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu cũng như thông tin về các hoạt động của Dự án.</p> <p>4. Tổ chức các hoạt động sân khấu về giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng.</p> <p>5. Tập huấn cho các Tập huấn viên (TOT) các kiến thức và kỹ năng về giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và thích nghi với biến đổi khí hậu, đánh giá hiểm họa, khả năng dễ bị tổn thương và khả năng (HVCA) cho các đối tác có liên quan ở cấp huyện và cấp xã. Tiến hành đánh giá HVCA ở xã dự án</p> <p>6. Lập Kế hoạch phòng ngừa thiên tai của cộng đồng ở cấp xã và thôn dựa trên kết quả của đánh giá HVCA</p> <p>7. Tổ chức hội thảo lập kế hoạch liên ngành ở cấp huyện và xã để lồng ghép Giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và Thích nghi với biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>8. Tập huấn cho hộ gia đình về lập kế hoạch phòng ngừa thiên tai của hộ gia đình.</p> <p>9. Làm sạch môi trường tại các thôn dễ bị tổn thương.</p> <p>10. Tập huấn về cách diễn giải bản tin dự báo thời tiết, thông tin cảnh báo sớm về các loại thiên tai khác nhau (lũ, bão, cháy rừng) cho Đội phản ứng nhanh và các cán bộ có liên quan cấp xã (Ban CHPCLB, Chữ Thập đỏ, Phát thanh, truyền hình)</p> <p>11. Củng cố hệ thống cảnh báo sớm ở cấp xã và thôn (nâng cấp hệ thống phát thanh và trang bị thêm loa cầm tay, thiết lập các điểm đo mực nước, lập biển báo các vị trí có thiên tai nguy hiểm, v.v).</p> <p>12. Tập huấn kỹ thuật sơ cấp cứu ban đầu cho các Đội xung kích.</p> <p>13. Cung cấp các bộ thiết bị cứu hộ (áo phao, áo mưa, đèn pin, ...) và bộ thiết bị sơ cấp cứu ban đầu cho đội phản ứng nhanh.</p> <p>14. Tổ chức đợt diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn ở cấp xã.</p> <p>15. Hoàn thiện bộ tài liệu đào tạo và tiến hành tập huấn/đào tạo TOT về Giảm thiểu rủi ro thiên tai và Thích ứng với biến đổi khí hậu cho</p>
--	--

		<p>đội ngũ giáo viên các trường.</p> <p>16. Hỗ trợ lòng ghép kiến thức về Giảm thiểu rủi ro thiên tai và Thích ứng với biến đổi khí hậu vào các hoạt động ngoại khóa cũng như tập huấn cho học sinh.</p> <p>17. Hội thảo đánh giá, rút kinh nghiệm để nhân rộng trọng nhà trường.</p> <p>18. Hội thảo Tổng kết Dự án</p>
	Nguyễn Trọng Hiệu	
2.	<p>Xây dựng mô hình điểm, cộng đồng tham gia nhằm giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường ở làng cổ Hương Thịnh xã Quang Minh huyện Hiệp Hoà tỉnh Bắc Giang.</p> <p>Hội nước sạch và môi trường tỉnh Bắc Giang phối hợp với trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang</p> <p>Tổng kinh phí: Chưa rõ GEF SPG: 50.000 USD</p>	<p>- Mục tiêu chung: Giáo dục cộng đồng có ý thức bảo vệ môi trường sống, tự nguyện tham gia các hoạt động BVMT, giữ gìn làng cổ quê hương xanh sạch đẹp, nâng cao chất lượng cuộc sống thực hiện tiêu chí 17 trong công cuộc xây dựng nông thôn mới.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thành lập HTX bảo vệ môi trường do hội Cựu chiến binh xã đảm nhiệm, xây dựng quy chế hoạt động, định mức thu lệ phí môi trường theo các văn bản pháp quy của nhà nước. + Xây dựng bãi rác thải bảo đảm các tiêu chí về môi trường (của thôn Hương Thịnh xã Quang Minh); Thu gom và xử lý rác thải theo phương thức phân loại từ đầu nguồn, xử lý chất thải hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh trước khi chôn lấp; Tái chế xử lý rác thải ni lon tiến tới không sử dụng túi ni lon. + Xây dựng mô hình xử lý môi trường ở bãi tha ma theo phương thức chôn cất truyền thống. Xây dựng lò đốt để xử lý khi chôn cất và khi cải táng tạo môi trường sạch. Quy hoạch mới có thứ tự hệ thống mộ chí (từ khi dự án được triển khai). + Xây dựng mô hình hầm khí Biogas tạo nguồn năng lượng sạch ở các hộ gia đình chăn nuôi gia đình có quy mô lớn (từ 20 đầu lợn trở lên). Hướng dẫn xử lý chất thải rắn chăn nuôi (ủ phân có dùng chế phẩm vi sinh) tạo nguồn phân bón hoai mục phục vụ cho sản xuất nông nghiệp sạch. <p>- Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tạo được một mô hình điển hình về bảo vệ môi trường ở nông thôn thực hiện tốt tiêu chí 17 về môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam. + Làm tốt công tác thu gom rác thải, phân loại rác từ đầu nguồn, chọn công nghệ xử lý phù hợp với điều kiện kinh tế hiện nay, không để hậu quả lâu dài về môi trường. + Xây dựng được quy hoạch bãi tha ma theo phương thức chôn cất

		<p>truyền thông xử lý tốt môi trường khi chôn cất và cải táng, tiết kiệm đất đai.</p> <p>+ Xử lý được môi trường khi chăn nuôi hộ gia đình phát triển mạnh, quy mô chăn nuôi ngày càng tăng lên.</p> <p>+ Kết quả lớn nhất là giáo dục cộng đồng có ý thức tự giác và có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường sống, xoá bỏ tư tưởng ỷ lại, bao cấp, nâng cao chất lượng cuộc sống.</p> <p>- Các hoạt động dự kiến:</p> <p>+ Đẩy mạnh công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn khi thực hiện các mục tiêu của dự án.</p> <p>+ Xây dựng các mô hình theo dự kiến dựa vào nguồn tài trợ của GEF/SGP, huy động nguồn vốn đối ứng của địa phương (tỉnh, huyện, xã) và đóng góp tích cực của cộng đồng dân cư.</p> <p>+ Tổ chức học tập, tham quan ở các mô hình làm tốt trong tỉnh và các địa phương khác.</p> <p>+ Khi dự án được phê duyệt thành lập BDH dự án tổ chức các cuộc làm việc, trao đổi với các sở chức năng như sở NN&PTNT sở TN&MT, sở Khoa học và Công nghệ, sở Kế hoạch và Đầu tư để tranh thủ sự giúp đỡ phối hợp cùng thực hiện các mục tiêu chung.</p>
	Hồ Ngọc Hải	
3.	<p>Giải pháp canh tác cây Sắn bền vững vùng đồi núi cho đồng bào dân tộc huyện Hướng Hóa</p> <p>Hội Nông dân huyện Hướng Hóa - tỉnh Quảng Trị.</p> <p>- Tổng kinh phí: 1.000. 000.000</p> <p>GEF SGP: 850.000.000</p>	<p>- Mục tiêu chung: Đưa sản xuất nông nghiệp huyện Hướng Hóa canh tác theo hướng ổn định, bền vững, cải tạo đất bạc màu, thoái hóa tăng năng suất cây trồng nâng cao thu nhập cho bà con nông dân dân tộc thiểu số góp phần bảo vệ môi trường và xóa đói giảm nghèo một cách bền vững</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Đưa quy trình sản xuất cây Sắn vào áp dụng tại vùng trồng Sắn của bà con dân tộc. Đạt năng suất bình quân 25 - 28 tấn/ha, có sử dụng phân bón tổng hợp theo mức đầu tư thấp nhất. Đồng thời trồng xen canh cây Lạc hàng năm cho năng suất Lạc 1,2 tấn /ha.</p> <p>+ Áp dụng một số biện pháp kỹ thuật vào quy trình sản xuất, phương pháp trừ bệnh cho cây Sắn trong thời kỳ phát triển, thử nghiệm giống sắn KM98.</p> <p>+ Tập huấn, dạy nghề cho 300 - 400 lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số.</p> <p>- Kết quả dự kiến</p> <p>+ Trình diễn 300 mô hình trồng Sắn xen canh Lạc tại 13 xã vùng</p>

		<p>đồng bào dân tộc thiểu số.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trang bị kiến thức sử dụng phân bón NPK tổng hợp, sử dụng vôi, thân lá Lạc làm phân bón hữu cơ cho đất và thức ăn cho cây Sắn, góp phần làm chuyển biến nhận thức trong đồng bào dân tộc thiểu số về tập tục canh tác, ngại bón phân cho cây trồng. + Giữ ổn định năng suất Sắn từ 25 - 28 tấn/ha/năm tăng thêm thu nhập cho người dân qua sản phẩm Lạc 1,2 tấn/ha/năm. + Hạn chế sự suy thoái tài nguyên đất do trồng chay cây Sắn gây ra. + Nâng cao thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo cho đồng bào vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc ít người. Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong toàn huyện xuống dưới 13% sau khi kết thúc dự án. + Lựa chọn được giống Sắn và Lạc có năng suất chất lượng cao, ít nhiễm sâu bệnh để khuyến cáo bà con nông dân trồng đại trà và luân canh lâu dài. <p>- Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất nâng cao trình độ nhận thức cho người dân: 13 lớp x 30 người/lớp/x 07 ngày. + Trình diễn mô hình: 30 ha (01 sào/hộ) Sắn xen canh Lạc. Tiến hành đồng bộ các kỹ thuật sản xuất trồng xen canh cây Sắn và cây Lạc. + Hỗ trợ vật tư: Lạc giống, phân bón, vôi, thuốc BVTV, hom sắn KM98 đủ để trình diễn 300 mô hình. + Hướng dẫn thao tác kỹ thuật canh tác theo từng giai đoạn sinh trưởng của cây Sắn và cây Lạc, kỹ thuật ủ, vùi thân cây Lạc vào đất làm phân bón hữu cơ cho đất và dinh dưỡng cho cây Sắn. + Nâng cao kỹ thuật sử dụng phân bón hữu cơ sinh học bằng phương pháp composting để thâm canh, giảm giá thành, tăng thu nhập góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc bằng sản xuất nông nghiệp hàng hóa đảm bảo an ninh lương thực. + Tổ chức điều tra đánh giá kết quả trình diễn các mô hình. + Tổ chức Hội thảo đầu bờ, rút kinh nghiệm, tuyên truyền nhân rộng mô hình trong toàn huyện
	Trần Thúc Sơn	
4.	Hỗ trợ các sáng kiến trong việc Bảo vệ Môi trường sử dụng có hiệu quả sản xuất trên đơn vị	<p>- Mục tiêu chung: Lựa chọn các hoạt động trình diễn, rút kinh nghiệm nhân rộng trên địa bàn để hướng dẫn hộ dân từng bước cách thức tiếp cận lồng ghép xóa đói giảm nghèo với bảo vệ môi trường trong quy hoạch sản xuất ở các xã miền núi góp phần phát triển kinh</p>

	<p>diện tích góp phần ngăn ngừa suy thoái đất để giải quyết những vấn đề môi trường ở địa phương.</p> <p>Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ Thuật huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh</p> <p>Tổng kinh phí: 1.200.000.000</p> <p>GEF SPG: 1.000.000.000</p>	<p>tế xã hội huyện nhà trong thời gian tới.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Hoàn thiện thể chế, khung pháp lý xây dựng kế hoạch hành động đầu tư dự án</p> <p>+ Tăng cường năng lực sản xuất lồng ghép chương trình xóa đói giảm nghèo với bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư miền núi về sử dụng có hiệu quả đất ở vùng núi.</p> <p>- Kết quả dự kiến:</p> <p>Nâng cao năng lực sản xuất sử dụng có hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích đất sản xuất ở vùng núi góp phần nâng cao đời sống người dân ở xã nghèo và bảo vệ môi trường để mở rộng dự án trong thời gian tới trên địa bàn sau khi thí điểm thành công dự án.</p> <p>- Các hoạt động cụ thể:</p> <p>+ Đầu tư dự án trên diện tích 9 ha vùng hạ lưu hồ chứa để nuôi thủy sản, trồng, chăm sóc quản lý và bảo vệ rừng, tổ chức chăn nuôi làm mô hình trình diễn lồng ghép giữa nâng cao thu nhập với bảo vệ môi trường chống xói mòn đất ở miền núi.</p> <p>+ Trình diễn các hoạt động trong dự án rút kinh nghiệm trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên nói riêng và tổ chức hội thảo, học tập nhân rộng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh nói chung.</p>
	Trần Thúc Sơn	
5.	<p>Nâng cao năng lực cộng đồng trong quản lý đất ngập nước tại xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An</p> <p>Trung tâm Môi trường và Phát triển (CED)</p> <p>Tổng kinh phí : 4.000.000.000</p> <p>GEF SGP : 1.100.000.000đ</p>	<p>- Mục tiêu chung: Rừng ngập mặn và khu nuôi trồng thủy sản ở xã Nghi Quang được quản lý bền vững.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Kiến thức và năng lực về quản lý bền vững rừng ngập mặn và khu nuôi trồng thủy sản của các bên liên quan được nâng cao</p> <p>+ Các mô hình quản lý bền vững rừng ngập mặn và khu nuôi trồng thủy sản được trình diễn</p> <p>+ Dự án được quản lý hiệu quả.</p> <p>- Kết quả dự kiến</p> <p>+ Nhận thức và năng lực về quản lý rừng ngập mặn và khu nuôi trồng thủy sản của các bên liên quan được nâng cao.</p> <p>+ Mô hình trình diễn về quản lý rừng ngập mặn và khu nuôi trồng</p>

		<p>thủy sản được xây dựng và quản lý hiệu quả.</p> <p>+ Dự án được quản lý một cách hiệu quả</p> <p>- Hoạt động dự kiến</p> <p>+ Nâng cao nhận thức cho cộng đồng và cán bộ địa phương về quản lý bền vững rừng ngập mặn và khu nuôi trồng thủy sản</p> <p>+ Xây dựng năng lực về quản lý rừng ngập mặn và khu nuôi trồng thủy sản</p> <p>+ Xây dựng Mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững</p> <p>+ Xây dựng Mô hình thực hành quản lý bền vững rừng ngập mặn</p> <p>+ Xây dựng quy chế (có sự tham gia) quản lý rừng ngập mặn và khu nuôi trồng thủy sản</p> <p>+ Thành lập Ban quản lý dự án</p> <p>+ Báo cáo nhà tài trợ (giữa kì và cuối kì)</p> <p>+ Giám sát, đánh giá và bài học kinh nghiệm</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
6.	<p>Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và vấn đề sinh kế cho cộng đồng các xã ven biển tỉnh Quảng Nam</p> <p>Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 1.300.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.050.000.000</p>	<p>- Mục tiêu dự án</p> <p>+ Nâng cao năng lực ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng cho người dân và các đối tác địa phương.</p> <p>+ Tìm kiếm và chọn lựa được những mô hình sinh kế phù hợp cho từng địa phương nhằm thích nghi với biến đổi khí hậu (thông qua tham vấn và xây dựng mô hình thử nghiệm)</p> <p>+ Cải thiện sinh kế và tăng thu nhập cho người dân vùng ven biển nói chung và phụ nữ nói riêng</p> <p>- Kết quả dự kiến</p> <p>+ Đến đầu năm 2015, ít nhất 80% các đối tác và cộng đồng địa phương được nâng cao kiến thức và các kỹ năng ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng</p> <p>+ Thực hiện khoảng 20 lớp tập huấn và truyền thông về những nội dung bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống</p> <p>+ Đến đầu năm 2015, ít nhất 80% cán bộ địa phương và cộng đồng dân cư trong vùng dự án biết làm thế nào để sản xuất an toàn giảm thiểu tác động của thiên tai.</p> <p>+ Đến cuối năm 2014, có khoảng 100 mô hình sinh kế được thực hiện thử nghiệm tại 10 xã ven biển</p>

		<p>+ Đến cuối năm 2015, có khoảng 200 hộ được cung cấp trang thiết bị để ứng phó với lụt bão và hạn hán.</p> <p>+ Đến cuối năm 2015, có khoảng 200 hộ được nhận hỗ trợ giống, một số vật tư để thực hiện mô hình sinh kế thay thế hoặc sinh kế bổ sung.</p> <p>+ Đến cuối năm 2015, mạng lưới thú y ở các xã vùng dự án được hình thành, được tập huấn kiến thức và hỗ trợ thiết bị hành nghề</p> <p>- Hoạt động dự kiến</p> <p>+ Tập huấn, đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao và bảo vệ chất lượng của môi trường sống • Các kỹ thuật sản xuất nông nghiệp • Về biến đổi khí hậu và làm thế nào để đối phó và thích ứng với ảnh hưởng của nó <p>+ Khảo sát, tham vấn, đánh giá để lựa chọn mô hình sinh kế phù hợp điều kiện cụ thể địa phương và thích nghi với biến đổi khí hậu</p> <p>+ Xây dựng mô hình sinh kế thử nghiệm</p> <p>+ Cung cấp một số trang thiết bị để đối phó với lụt bão và hạn hán</p> <p>+ Hỗ trợ giống, một số vật tư để áp dụng thực hiện mô hình sinh kế</p> <p>+ Hỗ trợ kiến thức và thiết bị để nâng cao mạng lưới thú y cộng đồng</p>
	Nguyễn Trọng Hiệu	
7.	<p>Hỗ trợ thực hiện bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp du lịch sinh thái và tạo sinh kế bền vững cho người dân Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử.</p> <p>Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bắc Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000</p> <p>GEF SGP:</p>	<p>- Mục tiêu</p> <p>+ Nâng cao nhận thức của người dân địa phương về giá trị của việc gìn giữ đa dạng sinh học, nâng cao ý thức bảo tồn hệ động, thực vật và các nguồn gen quý hiếm hiện có trong Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử.</p> <p>+ Khai thác có hiệu quả và bền vững thắng cảnh và quần thể động, thực vật hiện có tại Khu bảo tồn phục vụ du lịch nhằm thu hút khách và tạo thành các tour du lịch sinh thái phù hợp.</p> <p>+ Khôi phục một số ngành nghề truyền thống tại địa phương, mô hình sản xuất lâm sản ngoài gỗ nhằm thu hút khách du lịch và tạo sinh kế bền vững cho đồng bào thiểu số tại địa phương.</p> <p>- Kết quả dự kiến</p> <p>+ Khôi phục được một số ngành nghề địa phương như: Nghề dệt thổ cẩm Khe Nghè - Lục Sơn, Nghề nuôi ong rừng, ...</p> <p>+ Mô hình sản xuất một số loài lâm sản ngoài gỗ đặc sản của địa</p>

	1.100.000.000	<p>phương vùng Tây Yên Tử như mô trồng cây Ba kích tía, mô hình trồng hoa lan rừng, mô hình nuôi ong rừng, mô hình nuôi tắc kè, ...</p> <p>+ Mô hình cộng đồng tham hoạt động du lịch thông qua việc bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển ngành nghề truyền thống tại địa phương.</p> <p>+ Hình thành một số tour du lịch ngắn trong phạm vi Khu vực bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử vừa để thu hút khách du lịch, vừa để tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân địa phương.</p> <p>- Hoạt động dự kiến</p> <p>+ Điều tra nhanh quần thể động, thực vật hiện có tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử.</p> <p>+ Điều tra tình hình cơ bản địa phương: Sử dụng phương pháp điều tra, đánh giá nông thôn nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) để nắm tình hình cơ bản của địa phương, xác định nhu cầu của cộng đồng.</p> <p>+ Chọn địa điểm, chọn hộ tham gia dự án.</p> <p>+ Thành lập Ban điều hành dự án.</p> <p>+ Xây dựng mô hình khôi phục một số ngành nghề truyền thống của địa phương như: Nghề dệt thổ cẩm Khe Nghè - Lục Sơn, Nghề nuôi ong rừng.</p> <p>+ Xây dựng mô hình sản xuất một số loài lâm sản ngoài gỗ đặc sản của địa phương vùng Tây Yên Tử như mô trồng cây Ba kích tía, mô hình trồng hoa lan rừng, mô hình nuôi ong rừng, mô hình nuôi tắc kè.</p> <p>+ Khảo sát, thiết kế một số tour du lịch nội vùng Khu Bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử.</p> <p>+ Mô hình tuyên truyền bảo tồn hệ động, thực vật nhất là một số loài quý hiếm trong hệ sinh thái vùng Tây Yên Tử.</p> <p>+ Báo cáo tổng kết dự án, đề xuất dự án mở rộng.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
8.	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý rơm rạ thành phân bón hữu cơ vi sinh tại chỗ nhằm hạn chế thoái hoá đất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường	<p>- Mục tiêu</p> <p>+ Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong công nghệ sử dụng vi sinh vào xử lý rơm rạ nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn phụ phẩm từ sản xuất lúa phục vụ canh tác, nâng cao năng suất và hiệu quả canh tác nông nghiệp.</p> <p>+ Hạn chế tình trạng thoái hoá đất do thói quen đốt rơm rạ tại ruộng hiện nay của nông dân. Đồng thời hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường do khói bụi từ đốt rơm rạ; hạn chế ô nhiễm đồng ruộng do việc vùi lấp rơm rạ</p>

	<p>Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bắc Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 1.600.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.100.000.000</p>	<p>tươi; hạn chế tác hại của rơm rạ do không được sử lý làm tắc dòng chảy kênh mương.</p> <p>+ Giải quyết việc làm tại chỗ cho nông dân thông qua việc tận dụng nguồn phụ phẩm rơm rạ để sản xuất phân bón, sản xuất giá thể gieo mạ khay, giá thể sạch phục vụ sản xuất rau mầm.</p> <p>+ Nâng cao ý thức về canh tác bền vững, thâm canh gắn với bảo vệ chống thoái hoá đất và ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư nông thôn.</p> <p>- Kết quả dự kiến</p> <p>+ Mô hình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ rơm rạ với quy mô 500 tấn rơm rạ/năm.</p> <p>+ Mô hình xử lý rơm rạ tại ruộng nhằm hạn chế tình trạng ngộ độc đất gây nghẹt rễ lúa với quy mô 300 ha/vụ.</p> <p>+ Mô hình trang trại và mô hình tổ hợp tác sản xuất giá thể gieo mạ khay và giá thể sản xuất rau mầm sạch với quy mô 10 tấn/năm.</p> <p>+ Tuyên truyền được cho 1.000 lượt người dân thuộc các xã vùng thực hiện dự án về ý thức về canh tác bền vững, thâm canh gắn với bảo vệ chống thoái hoá đất và ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư nông thôn.</p> <p>+ Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án.</p> <p>- Hoạt động dự kiến</p> <p>+ Điều tra tình hình cơ bản địa phương: Sử dụng phương pháp điều tra, đánh giá nông thôn nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) để nắm tình hình cơ bản của địa phương (như tình hình ruộng đất, tập quán canh tác, lao động, việc làm, tình hình sử dụng rơm rạ,...), xác định nhu cầu của cộng đồng.</p> <p>+ Chọn địa điểm, chọn hộ tham gia dự án. Các hộ tham gia mô hình phải dựa trên cơ sở tự nguyện, có lao động và đất đai, có vốn đối ứng, cam kết thực hiện đúng các qui định của dự án.</p> <p>+ Thành lập Ban điều hành dự án.</p> <p>+ Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật.</p> <p>+ Xây dựng mô hình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ rơm rạ.</p> <p>+ Xây dựng mô hình xử lý rơm rạ tại ruộng bằng men vi sinh nhằm hạn chế tình trạng ngộ độc đất gây nghẹt rễ lúa.</p> <p>+ Mô hình sản xuất giá thể gieo mạ khay và giá thể sản xuất rau mầm sạch. Tổ chức sản xuất, xây dựng chuỗi cung ứng và tiêu thụ.</p> <p>+ Hội thảo khoa học.</p>
--	--	---

		+ Báo cáo tổng kết dự án, đề xuất dự án mở rộng.
	Trần Thúc Sơn	
9.	<p>Xây dựng mô hình nhân giống, trồng cây Ba kích nhằm bảo tồn, nhân rộng và phát triển giống Ba kích, góp phần xoá đói, giảm nghèo cho nông dân vùng Tây Yên Tử, huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang.</p> <p>Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bắc Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 1.600.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.100.000.000</p>	<p>- Mục tiêu</p> <p>+ Áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ để nhân giống, trồng cây Ba kích dưới tán rừng và trong vườn cây ăn quả nhằm bảo tồn, nhân rộng và phát triển giống Ba kích tại tỉnh Bắc Giang góp phần thực hiện bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao thu nhập cho đồng bào thiểu số khu vực phía Tây dãy núi Yên Tử.</p> <p>+ Tạo việc làm bền vững cho người nông dân, đặc biệt là dân tộc thiểu số vùng cao, vùng sâu tại huyện Sơn Động từ nguồn lâm sản ngoài gỗ; tận dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống; hạn chế vào rừng khai thác nhằm bảo vệ rừng và các tài nguyên khác từ rừng.</p> <p>+ Nâng cao ý thức về bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học cho cộng đồng dân cư nhất là người dân tộc thiểu số vùng cao huyện Sơn Động.</p> <p>- Kết quả dự kiến</p> <p>+ Mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới nhân giống Ba kích với quy mô 500 m².</p> <p>+ Mô hình trồng thử nghiệm giống Ba kích với quy mô 05 ha (tương đương 50.000 cây).</p> <p>+ Tập huấn, chuyển giao khoa học được cho 150 người dân về kỹ thuật nhân giống, trồng cây Ba kích.</p> <p>+ Mô hình cộng đồng tham gia tuyên truyền bảo tồn đa dạng sinh học. Trong thời gian thực hiện dự án tuyên truyền được cho 500 lượt người dân thuộc các xã vùng thực hiện dự án về vai trò của việc bảo tồn đa dạng sinh học, có ý thức trong việc cộng đồng cùng tham gia bảo vệ các nguồn gen quý hiếm.</p> <p>+ Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án.</p> <p>- Hoạt động dự kiến</p> <p>+ Điều tra tình hình cơ bản địa phương: Sử dụng phương pháp điều tra, đánh giá nông thôn nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) để nắm tình hình cơ bản của địa phương, xác định nhu cầu của cộng đồng.</p> <p>+ Chọn địa điểm, chọn hộ tham gia dự án. Các hộ tham gia mô hình phải dựa trên cơ sở tự nguyện, có lao động và đất đai, có vốn đối ứng, cam kết thực hiện đúng các qui định của dự án.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> + Thành lập Ban điều hành dự án. + Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật. + Xây dựng mô hình nhân giống, mô hình trồng cây Ba kích. + Xây dựng mô hình cộng đồng tham gia tuyên truyền bảo tồn đa dạng sinh học. + Hội thảo khoa học. + Báo cáo tổng kết dự án, đề xuất dự án mở rộng.
	Trần Thúc Sơn	
10.	<p>Bảo tồn hệ sinh thái khu di tích lịch sử cấp quốc gia – Bảo Tháp Chương Sơn</p> <p>Hội Cựu chiến binh tỉnh Nam Định</p> <p>Tổng kinh phí: 1.300.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.250.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Bảo tồn hệ sinh thái thực vật tại khu di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia Bảo tháp Chương Sơn thuộc núi Ngô Xá- xã Yên Lợi – huyện Ý Yên- tỉnh Nam Định.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ sức khỏe cộng đồng; nâng cao ý thức và hành động bảo vệ môi trường của người dân địa phương. Ngăn chặn những nguy cơ đe dọa sự biến mất của thảm thực vật thuộc quần thể di tích do những hành động chặt phá, hủy hoại của con người. - Góp phần giữ gìn, tôn tạo các giá trị văn hóa, lịch sử; khảo cổ và tín ngưỡng tâm linh Phật giáo đã có từ ngàn năm nay ở mảnh đất địa linh nhân kiệt này. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức khảo sát dư luận xã hội tại địa phương về thực trạng và nhu cầu bảo vệ môi trường của khu di tích núi Ngô Xá. - Làm việc với cấp ủy, chính quyền địa phương và ban quản lý khu di tích đình, chùa, Bảo tháp Chương Sơn về ý tưởng xây dựng dự án bảo tồn hệ sinh thái khu di tích của Hội CCB tỉnh Nam Định. - Làm việc với Hội CCB huyện Ý Yên, Hội CCB xã Yên Lợi và Chi hội CCB thôn Ngô Xá về ý tưởng xây dựng dự án và những nội dung chỉ đạo của Thường trực Tỉnh Hội giao cho Hội CCB địa phương thực hiện. - Triển khai tổ chức thực hiện xây dựng dự án khi ý tưởng được GEF đồng ý hỗ trợ.
	Nguyễn Ngọc Lung	

11.	<p>Ứng dụng các giải pháp công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi nông hộ, gia trại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Trung tâm nghiên cứu ứng dụng KHKT chăn nuôi Thanh Hoá</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000</p> <p>GEF SPG: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng một nền chăn nuôi sạch, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường và hiệu quả kinh tế cao. - Ứng dụng công nghệ KSH (Biogas), chế phẩm sinh học (EM, gốc EM hoặc BALASA-N01) để xử lý chất thải trong chăn nuôi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ngăn chặn dịch bệnh. - Tái sử dụng chất thải tạo nguồn năng lượng tái tạo để cung cấp khí đốt cho hộ chăn nuôi nâng cao hiệu quả kinh tế và sức khỏe cho con người. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 40 công trình KSH (Biogas) có thể tích 15 m³, kèm 40 bể chứa phụ phẩm để dự trữ nước thải từ bể Biogas làm phân bón cho trồng trọt và nuôi cá. - Hỗ trợ chế phẩm vi sinh cho 40 hộ chăn nuôi. - Tổ chức 2 lớp tập huấn về Công nghệ Biogas, chế phẩm EM và Quản lý thức ăn, nước uống và hoá chất tồn dư. - Tổ chức Hội nghị đánh giá, kết quả dự án. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyển chọn các nông hộ, gia trại, trang trại tham gia dự án, hướng dẫn xây mới hoặc sửa chữa các hạng mục chuồng trại phù hợp đủ tiêu chuẩn. - Tập huấn về Công nghệ Biogas, sử dụng chế phẩm EM và quy trình kỹ thuật chăn nuôi cho các hộ dân - Lựa chọn công nghệ Biogas, chế phẩm sinh học triển khai công việc phục vụ nội dung xây dựng mô hình. - Hướng dẫn xử lý chất thải theo công nghệ đã lựa chọn tại nông hộ, gia trại, trang trại tham gia dự án. - Tổ chức giám sát, đánh giá hiệu quả của dự án từ đó kiến nghị đề xuất thực hiện các chương trình, dự án trong những năm tiếp theo.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
12	<p>Sản xuất nấm ăn bằng vật liệu khô dưới tán rừng thông để gây cháy rừng</p> <p>Trung tâm tư vấn hỗ trợ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom, dọn sạch thảm thực vật khô (chủ yếu lá thông khô rụng) dưới tán rừng thông, ngăn chặn nguy cơ cháy rừng - Dùng lá thông khô rụng xử lý thành nguyên liệu làm nấm và sản xuất nấm thông.

	<p>phát triển lâm nghiệp</p> <p>Tổng kinh phí: 2.122.000.000VND GEF SGP: 52.000USD</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân sống cạnh rừng, đặc biệt là nông dân, phụ nữ nghèo, làm tốt là góp phần bảo vệ và phát triển rừng bền vững. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 xã trọng điểm có rừng thông 1.800ha, gồm: Hà Lĩnh, Hà Đông, Hà Tân, Hà Ninh. - 800 hộ số hộ dân sống cạnh rừng của 4 xã (BQ 200hộ/xã) tham gia thực hiện dự án. - Mở 8 lớp/200hộ/4-6 ngày/lớp về tập huấn nâng cao năng lực: Học tập Luật bảo vệ và phát triển rừng; chính sách hưởng lợi từ rừng; kỹ thuật kỹ năng về phòng chống chữa cháy rừng; kỹ thuật sản xuất nấm thông. - Xây dựng 4 xã 4 mô hình nhà xưởng sản xuất nấm thông/quy mô 50m² / mô hình, giúp hộ dân sống cạnh rừng nghèo của 4 xã tham gia dự án. - Tổ chức ít nhất 1 cuộc tham quan, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm cho cộng đồng tham gia dự án. - Xây dựng 01 băng hình độ dài 1giờ, 8 lần quảng bá trên đài phát thanh, truyền hình, báo chí về kết quả dự án. Biên soạn in 1000 cuốn tài liệu hoá dự án để mở rộng dự án đến các xã, huyện có rừng thông, góp phần bảo vệ và phát triển rừng bền vững. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Việc làm đầu tiên là khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu tài liệu liên quan, xử lý số liệu, phục vụ cho giai đoạn xây dựng dự án chính thức. 2. Hội nghị giữa Trung tâm và địa phương bàn về công tác tổ chức thành lập Ban QLDA, , thống nhất danh sách hộ tham gia dự án, xây dựng quy chế làm việc. 3. Hội nghị triển khai thực hiện dự án. 4. Mở 8 lớp/4-6 ngày/lớp về tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng về Luật bảo vệ và phát triển rừng; các chính sách hưởng lợi từ rừng; kỹ thuật, kỹ năng về phòng chống chữa cháy rừng; kỹ thuật sản xuất nấm thông. 5. Tổ chức thực thi dự án, xây dựng quy trình nuôi trồng nấm thông. 6. Trình cơ quan kiểm định an toàn thực phẩm kiểm định chất lượng nấm thông.
--	--	---

		<p>7. Xây dựng 4 mô hình nhà xưởng sản xuất nấm thông/4 xã, giúp số hộ dân nghèo sống cạnh rừng tham gia dự án.</p> <p>8. Tổ chức ít nhất 1 cuộc tham quan, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm cho cộng đồng tham gia dự án.</p> <p>9. Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện DA</p> <p>10. Ban QLDA thăm viếng dự án.</p> <p>11. Tổ chức hội nghị (sơ kết, tổng kết dự án; đánh giá dự án; hội thảo chia sẻ nhân rộng dự án và bàn giao DA cho địa phương quản lý...).</p> <p>12. Xây dựng băng hình về dự án, quảng bá trên đài phát thanh, truyền hình, báo chí về kết quả dự án.</p> <p>13. Biên soạn tài liệu hoá dự án, nhằm mở rộng dự án đến các xã, huyện có rừng thông, góp phần bảo vệ và phát triển rừng bền vững.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
13	<p>Nâng cao năng lực nuôi chim yến cho người lao động huyện Quảng Xương và Thị xã Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ & Dịch thuật Thanh Hóa.</p> <p>Tổng kinh phí: 1.970.000.000</p> <p>GEF SGP5 : 980.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp người dân thích nghi với sự biến đổi khí hậu, khai thác lợi thế nghề nuôi chim yến để phát triển kinh tế lâu dài. - Nâng cao trình độ kỹ thuật của người nuôi chim yến, tăng thu nhập cho các gia đình tại TX Sầm Sơn và huyện Quảng Xương đang nuôi chim yến. - Cơ cấu và phát triển toàn diện nghề nuôi chim yến, du nhập vào địa phương và giúp các gia đình sản xuất, tổ chức và chế biến tại chỗ sản phẩm yến sào. - Đưa nghề nuôi chim yến thành nghề mới ở địa phương, đưa tỉnh Thanh Hóa thành đơn vị có tên trên bản đồ nuôi chim yến ở trong nước và khu vực. - Chim yến là loài chim quý, có tên trong sách đỏ cần bảo vệ. Phát triển nghề nuôi chim yến là góp phần bảo tồn đa dạng sinh học. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức lớp học cho 25 gia đình đang nuôi chim yến. Lớp học sẽ được quay phim dựng băng hình. 175 học viên dự định nuôi yến cũng được học tập. Sau một tháng học tập cả lý thuyết và thực hành các học viên sẽ nắm vững kỹ thuật nuôi chim yến. - Giúp các gia đình thành công trong nuôi chim yến và thu nhập sẽ tăng lên - Giá yến sào hiện nay đang bán tại siêu thị BIC Thanh Hóa là 50



		<p>triệu/kg. Nếu sản phẩm được sản xuất ở Thanh Hóa giá thành sẽ giảm và người tiêu dùng sẽ được hưởng lợi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chim yến sống di cư và ăn thức ăn sạch, tập tính bầy đàn lớn, sinh sản theo cặp số nhân và rất trung thành với nơi ở cũ nên nếu điều kiện sống thích hợp chúng sẽ ở lâu. - Cơ cấu lại ngành nghề ở địa phương có hiệu quả, kinh tế vững chắc. Vì vậy dự án nhận được sự đồng tình ủng hộ của cộng đồng và chính quyền địa phương. - Sản phẩm dự án làm ra có rất nhiều. Đó là tài liệu giảng dạy kỹ thuật nuôi yến, băng hình, thiết bị dự án đầu tư, sơ đồ qui hoạch và tổ yến thu được sau từng giai đoạn... <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra thực trạng cơ sở vật chất hiện có và nhu cầu của các hộ nuôi chim yến. - Mua thiết bị, dụng cụ cần thiết. Phân tích thành phần tổ chim yến ở Thanh Hóa. - Tổ chức và giảng dạy các lớp theo kế hoạch ở huyện Quảng Xương và TX Sầm Sơn. - Xây dựng Tổ kỹ thuật nuôi chim yến trong Trung tâm,. - Kiểm tra tình hình chim yến ở các địa phương khác trong tỉnh, - Dự thảo bản đồ qui hoạch nuôi chim yến ở Thanh Hóa. - Viết tài liệu kỹ thuật nuôi chim yến ở miền Bắc - Tuyên truyền trên báo, đài, web và tivi mở rộng nghề nuôi chim yến. - Sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả với GEF SGP và địa phương Thanh Hóa.
	Nguyễn Ngọc Lung	
14	<p>Xây dựng mô hình điểm thu gom và phân loại rác thải nông thôn.</p> <p>Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn</p> <p>Tổng kinh phí:</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>* Mục tiêu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi cho người dân hưởng lợi từ dự án có khả năng tự thu gom quản lý, phân loại rác thải sinh hoạt tại cộng đồng dân cư, khắc phục được ô nhiễm môi trường hiện nay. Đồng thời thông qua mô hình làm điểm, tham quan, học tập, ứng dụng nhân rộng trong cộng đồng dân cư của xã và các địa phương lân cận; tạo ra phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi

	530.000.000	<p>trường nông thôn đạt hiệu quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các tổ tự quản tại địa phương ổn định hoạt động bền vững, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thu gom, phân loại rác thải. Đồng thời đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm tỷ lệ hộ nghèo, gắn với thực hiện chương trình hành động của Chính phủ, các tổ chức Phi Chính phủ về bảo vệ môi trường. <p>* Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của người dân hình thành thói quen, có ý thức, trách nhiệm đối với công tác vệ sinh môi trường, tạo ra sự đồng thuận nhất trí cao trong cộng đồng dân cư, nhằm bảo vệ môi trường, giữ cho khu dân cư luôn xanh, sạch, đẹp. - Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường nông thôn, chú ý tập trung tuyên truyền vận động cho mọi người dân biết chăm lo và tự xác định đây là một trong những việc làm hết sức có ý nghĩa quan trọng trong đời sống của xã hội; coi công tác bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống, sức khỏe cho gia đình mình, từ đó thường xuyên tham gia các hoạt động cùng nhau bảo vệ môi trường, đảm bảo cho cộng đồng phát triển bền vững, góp phần hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường ở vùng nông thôn. - Trang bị người dân nắm vững kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình, dự án của các tổ chức phi Chính phủ về bảo vệ môi trường, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ tài nguyên - môi trường nông thôn, giảm thiểu đến mức thấp nhất những hành vi vi phạm của con người, làm ảnh hưởng tác hại đến môi trường. - Đến cuối năm 2015, 90% lượng rác thải sinh hoạt tại xã được thu gom và phân loại. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hơn 1.150 hộ dân của xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn nhận biết ý nghĩa sâu sắc và tầm quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ môi trường nông thôn, biết khắc phục được ô nhiễm môi trường, giảm dịch bệnh cho khu dân cư, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. - Tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức bảo vệ môi trường cho 500 người dân; đồng thời tuyên truyền vận động và nhân rộng
--	-------------	--

		<p>cho người dân trong xã và các địa bàn lân cận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình điểm thu gom, phân loại chất thải, rác thải bảo vệ môi trường bền vững, tạo ra nơi tham quan, trao đổi, học tập để nhân rộng mô hình cho các xã trên địa bàn tỉnh - Triển khai các chi, tổ Hội, 100% hộ gia đình nông dân đăng ký thực hiện bảo vệ môi trường tại địa phương; thông qua đó xây dựng các nội dung, hương ước về bảo vệ môi trường gắn với việc xây dựng thôn, làng văn hoá. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Ban Quản lý dự án cấp tỉnh, cấp huyện và Ban Điều hành dự án (cấp xã). - Phối hợp với các ngành chức năng, tổ chức chuyên môn xây dựng hướng dẫn cụ thể về xây dựng mô hình và kiến thức tập huấn cho người dân tham gia dự án. - Tổ chức triển khai xây dựng mô hình. - Tổ chức nghiệm thu mô hình và tổng hợp báo cáo đánh giá hiệu quả trong các năm thực hiện dự án. - Xây dựng kế hoạch hằng năm hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Ngày Môi trường Thế giới và Chiến dịch làm cho thế giới xanh sạch hơn.
	Hồ Ngọc Hải	
15	<p>Tư vấn và hỗ trợ xây dựng làng sinh thái tại 2 thôn Phú Sơn 1 và Phú Sơn 2, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng</p> <p>Hội Nông dân thành phố Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 2.000.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.200.000.000</p>	<p><i>a. Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng hệ thống quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến theo hướng sản xuất hữu cơ. + Sử dụng hợp lý các loại tài nguyên, các dịch vụ ở nông thôn để phát triển kinh tế góp phần xóa đói, giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nông dân. + Bảo vệ môi trường sinh thái, tạo cảnh quan môi trường “xanh - sạch - đẹp”. + Đảm bảo xã hội lành mạnh và an toàn. <p><i>b. Kết quả dự kiến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Hình thành mô hình làng sinh thái phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường của vùng đó và thống nhất với

	<p>định hướng phát triển kinh tế, xã hội của vùng, của huyện và của thành phố theo mẫu Vườn - Ao - Chuồng, hệ sinh thái (VAC).</p> <p>+ Cải tạo hệ thống vườn tạp của các nông hộ trong vùng dự án trở thành vườn sinh thái, phát triển bền vững hiệu quả, góp phần xóa đói giảm nghèo, làm giàu từ kinh tế VAC.</p> <p>+ Làm thay đổi tập quán chăn nuôi gia súc gia cầm truyền thống sang chăn nuôi thâm canh, an toàn sinh học.</p> <p><i>c. Các hoạt động dự kiến:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều tra đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng dự án, khảo sát toàn diện từng nông hộ chú trọng kinh tế vườn, chăn nuôi. 2. Tổ chức 2 cuộc hội thảo về xây dựng tiêu chí làng sinh thái. 3. Xây dựng kế hoạch chi tiết phát triển kinh tế vườn, chăn nuôi cho từng nông hộ. 4. Hoàn chỉnh dự án xây dựng làng sinh thái tại Phú Sơn 1 và Phú Sơn 2 xã Hòa Khương, huyện Hòa vang, thành phố Đà Nẵng. 5. Tổ chức tập huấn xây dựng làng sinh thái, dự kiến 4 lớp. 6. Tổ chức tập huấn phát triển kinh tế vườn, dự kiến 10 lớp, 5 lớp về quy trình kỹ thuật về chăn nuôi gia súc gia cầm, 5 lớp về trồng trọt. 7. Hỗ trợ cây giống phục vụ cải tạo vườn bao gồm xây dựng vườn rào, cây sản xuất. 8. Hỗ trợ cải tạo chuồng nuôi gia súc gia cầm, ao cá. 9. Hỗ trợ con giống phát triển chăn nuôi cho nông hộ. 10. Xây dựng hương ước bảo vệ môi trường. 11. Hỗ trợ xử lý chất thải tại nguồn ở từng nông hộ. 12. Hình thành tổ tự quản giám sát việc thực hiện hương ước bảo vệ môi trường. 13. Hỗ trợ cùng địa phương, sửa chữa, xây dựng các công trình công cộng như giao thông nông thôn, kênh mương, nhà trẻ, nhà sinh hoạt cộng đồng. 14. Lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện của mỗi nội dung hoạt động. 15. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của dự án.
	Nguyễn Ngọc Lung

16	<div data-bbox="252 331 571 537"> <p>Vận động cộng đồng tham gia hoạt động bảo vệ môi trường (BVMT) ứng phó biến đổi khí hậu.</p> </div> <div data-bbox="252 593 571 672"> <p>Hội Chữ thập đỏ huyện Thới Bình – Cà Mau</p> </div> <div data-bbox="252 728 571 907"> <p>Tổng kinh phí: 1.053.800.000 GEF SGP: 1.053.800.000</p> </div> <div data-bbox="587 331 1457 1955"> <p>a. Mục tiêu của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các đội TNXX tình nguyện BVMT ứng phó với BĐKH. - Tổ chức tập huấn cho cộng đồng nâng cao nhận thức về BVMT và ứng phó với BĐKH. - Vận động cộng đồng tham gia hoạt động BVMT ứng phó với BĐKH. - Xây dựng các mô hình mẫu tiên tiến về BVMT để nhân rộng điển hình. - Hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường ở nông thôn. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức lực lượng TNXX tình nguyện BVMT – ứng phó BĐKH, làm nòng cốt trong các hoạt động BVMT ở địa phương. + Hội CTĐ huyện tổ chức 1 đội 60 LL + 12 cơ sở các xã và thị trấn tổ chức mỗi đơn vị 1 đội TNXX 20 LL: $20 \text{ LL} \times 12 \text{ cơ sở} = 240 \text{ LL}$ <ul style="list-style-type: none"> - Mở các lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng về BVMT và BĐKH cụ thể là: + Tổ chức: 3 lớp tập huấn cho 300 lực lượng TNXX tình nguyện BVMT. + Tổ chức: 2 lớp tập huấn cho cán bộ chủ chốt các ban ngành, BCH, CTĐ huyện và cơ sở có 200 học viên. + Tổ chức 5 lớp tập huấn cho 500 người dân ở địa điểm xây dựng mô hình điểm và BVMT sau nhân rộng cả vùng. Đây là các điểm địa phương chọn xây dựng nông thôn mới. + Tổ chức 4 lớp tập huấn cho 400 em học sinh trường cấp II và cấp III ở các điểm trường thuộc các xã điểm xây dựng nông thôn mới - Huy động 300 lực lượng TNXX tình nguyện và 200 cán bộ lãnh đạo của các ban ngành và hội CTĐ từ huyện đến cơ sở cùng với 500 người dân, 400 học sinh tổng số là: 1.400 người tham gia các hoạt động BVMT. - Xóa 550 cầu tiêu không hợp vệ sinh, xây dựng cầu tiêu hợp vệ sinh. Xóa cơ bản cầu tiêu không hợp vệ sinh trên sông rạch trong huyện. </div>

		<ul style="list-style-type: none"> - Làm 450 hố rác tự hủy ở gia đình - Phát dọn bụi rậm 20 km đường giao thông - Khai thông 3.500 mét cống rãnh - Thu gom 16 tấn rác thải - Trồng 20.000 cây xanh khu công cộng, đường giao thông khóm ấp. - Xây dựng 20 túi BOGAS làm mô hình mẫu để nhân rộng. - Xây dựng 10 điểm trồng nấm rơm, sau nhân rộng mô hình cho cộng đồng - Xây dựng 10 điểm trồng rau sạch an toàn, làm mô hình trình diễn để nhân rộng phổ biến trong vùng. - Tổ chức hệ thống lực lượng TNXX tình nguyện BVMT từ huyện đến cơ sở, gồm có 13 đội với 340 lực lượng, làm nòng cốt tham gia các hoạt động BVMT ở địa phương. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <p> <i>Hoạt động 1:</i></p> <p>Tổ chức 13 đội thanh niên xung kích tình nguyện BVMT gồm 300 lực lượng làm nòng cốt, vận động cộng đồng 1500 ngày công tham gia xóa cầu tiêu không hợp vệ sinh trên sông rạch, phát quang bụi rậm, khai thông cống rãnh, thu gom rác, trồng cây xanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân đầu xóa cơ bản cầu tiêu không hợp vệ sinh trên kênh rạch - Vận động 60% hộ gia đình có hố chôn rác, vỏ đựng rác. - Trồng 20.000 cây xanh ven lộ. - Làm hàng rào cây xanh 10.000 mét ven lộ góp phần xây dựng nông thôn mới. <p> <i>Hoạt động 2:</i></p> <p>Mở các lớp tập huấn nâng cao kiến thức cho cộng đồng về BVMT ứng phó với BĐKH.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở 2 lớp tập huấn cho cán bộ lãnh đạo các ban ngành và cán bộ hội CTĐ từ huyện đến cơ sở, khóm ấp 200 học viên. - Mở 3 lớp tập huấn cho 300 lực lượng TNXX tình nguyện BVMT của 13 đội từ huyện đến cơ sở các xã và thị trấn. - Mở 5 lớp tập huấn cho cộng đồng 5 ấp, điểm xây dựng nông thôn mới gồm 500 người. - Mở 4 lớp tập huấn cho 400 em học sinh của 4 trường THCS
--	--	---

		<p>các điểm trường, qua tập huấn nâng cao nhận thức về BVMT – BDKH cho cán bộ hội viên và cộng đồng.</p> <p>🚧 <i>Hoạt động 3:</i></p> <p>Xây dựng mô hình túi ủ BOGAS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 20 túi ủ BOGAS phục vụ cho chất đốt, hạn chế ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi của hộ gia đình, hạn chế tình trạng chặt phá cây rừng làm chất đốt sau đó nhân rộng khí BOGAS cho cả vùng. <p>🚧 <i>Hoạt động 4:</i></p> <p>Xây dựng 10 mô hình trồng nấm rơm diện tích 5000 mét vuông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huyện Thới Bình có 28.884 ha diện tích trồng lúa, rơm rạ hàng năm có hàng trăm ngàn tấn, bị đốt bỏ hoặc vứt bỏ xuống sông gạch vừa làm ô nhiễm môi trường, vừa làm tắc nghẽn dòng chảy. - Tận dụng rơm rạ trồng nấm rơm tạo ra nguồn thức ăn sạch, tăng thu nhập cho người nông dân. Sau khi thu hoạch nấm xong rơm mục ủ làm phân hữu cơ bón cho cây trồng, hạn chế dùng phân vô cơ, hạn chế ô nhiễm môi trường mô hình này sau đó nhân rộng ở địa phương. <p>🚧 <i>Hoạt động 5:</i></p> <p>Xây dựng 10 mô hình trồng rau sạch trong nhà lưới tổng diện tích 5000 mét vuông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng rau sạch trong nhà lưới dùng phân vi sinh, không sử dụng thuốc trừ sâu và phân vô cơ tạo ra nguồn rau sạch sau đó nhân rộng mô hình, tăng thu nhập cho người dân. <p>🚧 <i>Hoạt động 6:</i></p> <p>Xây dựng 10 mô hình trồng thanh long ruột đỏ trên đất nhiễm phèn mặn, cải tạo được vùng đất hoang hóa, vườn tạp, trồng 10 ha làm mẫu sau nhân rộng cho các hộ xung quanh tăng thu nhập cho người dân. Khắc phục tình trạng đất bị bỏ hoang do nhiễm phèn mặn. (huyện Thới Bình hiện nay còn 1.650 ha đất bị nhiễm phèn mặn)</p>
	Hồ Ngọc Hải	
17	Phục hồi cân bằng sinh thái và cải thiện cho người dân vùng sa mạc	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Mục tiêu tổng quát của dự án là xây dựng mô hình về phục hồi cân bằng sinh thái và cải thiện kinh tế cho người dân vùng sa mạc hoá</p>

	<p>hóa huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận</p> <p>Trung tâm phát triển kinh tế xã hội Bình Thuận (SEDEC)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.200.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ tham gia dự án được nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường, cân bằng sinh thái; thay đổi tập quán canh tác bền vững với môi trường sinh thái; được đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi phù hợp với vùng đất cát; được hỗ trợ tín dụng nhỏ cho hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp... góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống và từng bước thoát nghèo. - Cán bộ tham gia dự án được nâng cao năng lực trong hoạt động cộng đồng. - Một phần của vùng đất cát được phủ xanh. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, đánh giá nhanh vùng dự án và chọn hộ tham gia dự án. - Tổ chức hội thảo về các vấn đề môi trường và ảnh hưởng của nó đến cuộc sống người dân; định hướng sản xuất nông nghiệp bền vững; giới thiệu các ứng dụng khoa học công nghệ và tập huấn kỹ thuật thâm canh tăng vụ trong trồng trọt và chăn nuôi; hỗ trợ cây, con giống; phát triển một số hoạt động phi nông nghiệp dựa vào vùng nguyên liệu của địa phương; tham quan, tập huấn kỹ thuật và triển khai hoạt động trồng và quản lý rừng; tập huấn và triển khai hoạt động tín dụng tiết kiệm nhỏ... - Tham quan học tập kinh nghiệm, tập huấn kỹ năng quản lý dự án và phát triển cộng đồng cho cán bộ dự án. - Đánh giá kết quả dự án và đề xuất các hoạt động cho giai đoạn tiếp theo.
	Nguyễn Ngọc Lung	
18	<p>Khắc phục tình trạng thiếu nước ngày càng trầm trọng, chuyển đổi diện tích lúa cây cường năng suất thấp, bắp bệnh, cây màu hiệu quả thấp, sang trồng mía có năng suất cao ở các</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng diện che phủ đất, giữ màu chống xói mòn, chống felalytich hóa đất, chống bạc màu đi đến sa mạc hóa đất. Tạo môi trường bền vững lâu dài cho nền nông nghiệp Trung du miền núi. - Bố trí cây trồng sao tốn ít nước, sản xuất phát triển đời sống nông dân, nhất là dân tộc ít người: thu nhập cao và ổn định. - Cung cấp nguyên liệu chất lượng cao cho nhà máy, đưa nền nông

	<p>huyện Trung du, Miền núi Nghệ an trong điều kiện biến đổi khí hậu.</p> <p>Trung tâm tư vấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật nông nghiệp tỉnh Nghệ An</p> <p>Tổng kinh phí: 4.130.000.000</p> <p>GEG SPG: 1.100.000.000</p>	<p>ng nghiệp lạc hậu, tự cung tự cấp thành nền nông nghiệp hàng hóa, từng bước thực hiện hiện đại hóa nền nông nghiệp ở trung du miền núi</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Sau 3-5 năm, 3000-5000 ha diện tích cây cường, trồng màu hiệu quả thấp sang trồng mía năng suất đạt bình quân 80 tấn/ha – 100 tấn/ha. Theo thời giá hiện nay vùng có dự án thu về 243 – 405 triệu/năm</p> <p>c. Các hoạt động dự kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo quy hoạch vùng mía nguyên liệu của tỉnh cho 3 nhà máy, hàng năm thiếu nguyên liệu. Căn cứ diện tích của từng xã, huyện cần chuyển đổi cây trồng - Làm việc với các huyện xã trong phạm vi dự án dự kiến xây dựng mô hình thâm canh mía - Làm việc với các nhà máy đường tham gia kế hoạch phương án đầu tư, ký hợp đồng với nông dân trồng mía, thống nhất với xã huyện xây dựng mạng lưới giao thông vận tải nguyên liệu,... cùng chuyển đổi sản xuất có thể thay đổi diện mạo nông thôn nơi có dự án
	Trần Thúc Sơn	
19	<p>Khôi phục và phát triển đàn vịt bầu Quý ở miền tây Nghệ An</p> <p>Trung tâm tư vấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật nông nghiệp tỉnh Nghệ An</p> <p>Tổng kinh phí: 2.500.000.000</p> <p>GEF SPG: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn quỹ gen quý hiếm, khôi phục và phát triển đàn Vịt bầu Quý cả về số lượng và chất lượng, nhằm tạo ra khối lượng nông sản có chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm, cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh, tiến tới xuất khẩu, trên cơ sở đó để chuyển dần nền sản xuất tự cung tự cấp của nông dân các dân tộc thiểu số miền Tây Nghệ An sang sản xuất nông sản hàng hóa, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo bền vững. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa tổng đàn Vịt bầu Quý trong vùng hiện có 100.000 con/năm, lên trên 200.000 con/năm vào năm kết thúc dự án. - Xây dựng một mô hình (1 bản) có 100 hộ nông dân, trong đó có 90 hộ nông dân là dân tộc Thái chăn nuôi Vịt bầu Quý, với quy mô 40.000 con/năm, đưa trọng lượng xuất chuồng bình quân từ 1,8kg/con lên 2,0 kg/con, đảm bảo an toàn sinh học. - Chọn lọc được 1 đàn vịt có quy mô 1.000con, có đặc tính đặc trưng của giống Vịt bầu Quý gốc, để chuyên sản xuất giống cung cấp cho nhân dân trong vùng chăn nuôi

		- Góp phần giảm nghèo cho nhân dân trong vùng, đặc biệt giảm tỷ lệ hộ nghèo của Bản xây dựng mô hình từ 40% hiện nay, xuống còn 30% vào năm kết thúc dự án.
	Trần Thúc Sơn	
20	<p>Mô hình quản lý và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng tại ốc đảo Bắc Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị thuộc hạ lưu sông Thạch Hãn.</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí 1.150.000.000 VNĐ</p> <p>GEF SPG: 900.000.000 VNĐ.</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn thông qua mô hình quản lý tổng hợp rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng, tiến tới mô hình du lịch sinh thái cộng đồng đầu tiên trên địa bàn tỉnh.</p> <p>b. Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân về tầm quan trọng của cây ngập mặn, những hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu và lập kế hoạch phòng chống thiên tai. - Tổ chức truyền thông cho học sinh trung học cơ sở thông qua 01 cuộc thi hùng biện về rừng ngập mặn. - Thành lập 01 mô hình thu gom rác dựa vào cộng đồng, do cộng đồng tự quản lý thu và chi, hỗ trợ các trang thiết bị cơ bản và hộ thu gom rác để định kỳ xử lý. - Tổ chức hội thảo để bổ sung, điều chỉnh vào bản hương ước quy định các điều khoản được phép và không được phép thực hiện trong khu vực rừng ngập mặn, quy định các điều khoản về bảo vệ môi trường. - Tổ chức trồng cây ngập mặn tại khu vực mới chưa có cây ngập mặn. - Hỗ trợ sinh kế bản địa cho cộng đồng địa phương ít nhất sẽ có 10 hộ được hưởng lợi từ dự án; dự án sẽ hỗ trợ để nuôi cá dìa, cá nâu, và cua xanh – đây là những loài thủy sản bản địa có giá trị thương phẩm cao - Thành lập quỹ địa phương do người dân quản lý nhằm hỗ trợ cho phát triển sinh kế và ứng phó khi có thiên tai, quỹ này sẽ có nhiệm vụ cũng cấp vốn ban đầu cho những hộ đặc biệt khó khăn, chú trọng cho những phụ nữ nghèo và nhóm yếu thế. <p>c. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% cán bộ thôn và 60% trở lên số người dân được nâng cao nhận thức về cây ngập mặn và bảo vệ môi trường trong khu vực dự án thông qua tập huấn về kỹ năng lập kế hoạch bảo vệ rừng - Thành lập 01 mô hình thu gom rác dựa vào cộng đồng.

		<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung và điều chỉnh nội dung về bảo vệ, quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng và hơng ước của thôn; kết hợp trồng thêm 10 ha cây ngập mặn tại khu vực mới chưa có cây ngập mặn. - Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho 10 hộ dân nuôi cá di, cá nâu và cua xanh. - Thành lập “Quỹ phát triển bền vững” tại địa phương do người dân tự quản lý và giúp đỡ nhau để cùng phát triển sinh kế và ứng phó khi có thiên tai.
	Nguyễn Ngọc Lung	
21	<p>Sử dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp để tăng năng suất nuôi trồng nấm sò trong điều kiện khí hậu thời tiết tại Quảng Trị</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí 1.600.000.000 VNĐ</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000 VNĐ.</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển nghề trồng nấm sò thông qua mô hình sử dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp nhằm tăng năng suất, hiệu quả; tiết kiệm điện, nước và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. - Nâng cao năng lực cho cán bộ và nông dân về kỹ thuật nuôi trồng nấm sò với các biện pháp kỹ thuật mới. <p>b. Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát đánh giá tình hình trồng nấm sò trên địa bàn tỉnh, thiết kế xây dựng Dự án.. - Tổ chức hội thảo lập kế hoạch triển khai, các tiêu chí và chọn hộ để tập huấn và xây dựng mô hình. - Tổ chức 04 lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ khuyến nông và người dân về kỹ thuật nuôi trồng và chế biến nấm sò, các biện pháp kỹ thuật tổng hợp nhằm tăng năng suất, hiệu quả, tiết kiệm nước và bảo vệ môi trường trong nuôi trồng nấm sò. - Tổ chức thăm quan học tập, rút kinh nghiệm tại các trang trại nuôi trồng nấm sò trong và ngoài tỉnh. - Xây dựng 04 mô hình trình diễn nuôi trồng nấm sò bằng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp tại 04 huyện, thị của tỉnh. Các biện pháp kỹ thuật tổng hợp mới gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng nhà xưởng có treo lưới giúp giảm nhiệt độ, giữ ẩm mùa hè, làm ẩm mùa rét; ánh sáng sử dụng bằng bóng đèn tiết kiệm điện; nền nhà xưởng được lát xi-măng có xây be quanh để giữ nước; sử dụng hệ thống phun sương bán tự động để phun nấm giữ ẩm thường xuyên và đồng đều cho môi trường nhà xưởng trồng nấm. + Sử dụng chế phẩm EM (<i>Effective Microorganisms</i>) để ủ nguyên liệu trồng nấm (mùn cưa, rơm) làm nhanh hoại mục nguyên liệu,

		<p>tăng nguồn vi sinh vật có lợi, đồng thời khử mùi hôi, chua, mốc,... trong quá trình ủ nguyên liệu.</p> <p>+ Sử dụng rỉ mật đường và phân NPK khi ủ nguyên liệu trồng nấm thay cho việc dùng bột cám, ngô trộn với nguyên liệu (nhằm hạ giá thành và chống chua, mốc).</p> <p>- Hỗ trợ 20 hộ dân nuôi trồng nấm: Giống nấm, vật tư và các vật liệu khác phục vụ nuôi trồng nấm sò cho một vụ sản xuất.</p> <p>- Tổ chức các hội thảo: lập kế hoạch triển khai, đánh giá kết quả các mô hình trình diễn.</p> <p>- Xây dựng, in ấn tờ rơi kỹ thuật trồng nấm sò để tuyên truyền, quảng bá kỹ thuật mới trong nuôi trồng nấm sò.</p> <p>- Tổ chức truyền thông quá trình triển khai thực hiện các hoạt động của dự án qua các kênh truyền hình, báo chí, tạp chí khoa học và kỹ thuật,....</p> <p>c. Kết quả dự kiến</p> <p>- 90% cán bộ khuyến nông và 60% trở lên số người dân được tập huấn nắm bắt tốt kỹ thuật nuôi trồng nấm sò bằng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp trong điều kiện khí hậu thời tiết tại Quảng Trị.</p> <p>- Xây dựng 04 mô hình trình diễn có hiệu quả về nuôi trồng nấm sò bằng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp.</p> <p>- Hỗ trợ 20 hộ nuôi trồng nấm để sản xuất có hiệu quả.</p> <p>- 2.000 tờ rơi “Nuôi trồng nấm sò trong điều kiện khí hậu thời tiết tại Quảng Trị”.</p> <p>- Từ 04-06 tin, bài, đĩa mềm về: Quá trình triển khai thực hiện các hoạt động của dự án</p>
	Trần Thúc Sơn	
22	Xây dựng mô hình sử dụng phế thải chăn nuôi, phế phụ phẩm nông nghiệp, sinh khối, rác thải sinh hoạt hữu cơ để sản xuất năng lượng tái tạo (Biogas) bằng thiết bị Biogas Vị Nông, nhằm nâng cao giá trị gia tăng các sinh kế cho người nông dân,	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Xây dựng mô hình phát triển 200 thiết bị Biogas Vị Nông sử dụng phế thải chăn nuôi, phế phụ phẩm nông nghiệp, sinh khối, rác thải sinh hoạt hữu cơ để sản xuất năng lượng tái tạo (Biogas) bằng thiết bị Biogas Vị Nông, nhằm nâng cao giá trị gia tăng các sinh kế cho người nông dân, bảo vệ môi trường và góp phần xây dựng nông thôn mới tại các Thanh Chương, Đô Lương, Yên Thành Nghệ An.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>1. Có 10 đội thợ chuyên xây dựng thiết bị Biogas Vị Nông, với 20 được đào tạo.</p>

	<p>bảo vệ môi trường và góp phần xây dựng nông thôn mới tại các huyện Thanh Chương, Đô Lương, Yên Thành, tỉnh Nghệ An</p> <p>Trung tâm Khuyến viên và Dịch vụ Nghề vườn Việt Nam, gọi tắt là Trung tâm Vĩ Nông – TVN, thuộc Hội Làm vườn Việt Nam, trụ sở đóng tại Tp Vinh Nghệ An.</p> <p>Tổng kinh phí 2.482.269.000 GEF SGP: 1.050.000.000</p>	<p>2. Có 200 hộ nông dân được chọn và 200 BSK Biogas Vĩ Nông được xây dựng.</p> <p>3. Có 200 phụ nữ/ chủ hộ được tập huấn vận hành, bảo dưỡng BSK Vĩ Nông.</p> <p>4. 200 người/ 200 hộ được huấn luyện kỹ thuật chế biến sử dụng phân hữu cơ vi sinh từ chất thải BSK</p> <p>5. Có 10 tổ dịch vụ Biogas Vĩ Nông được xây dựng với 20 người và trên 2.000 tờ rơi kỹ thuật Biogas Vĩ Nông được phát hành.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp Hội Làm vườn cơ sở xây dựng Ban quản lý Dự án - Tập huấn đào tạo đội ngũ thợ xây - Hợp/ Chọn lựa các gia đình nông dân tham gia đóng góp và cam kết thực hiện dự án - Xây dựng 200 thiết bị Biogas Vĩ Nông - Tập huấn quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị Biogas Vĩ Nông cho 200 người/hộ - Tập huấn sản xuất phân hữu cơ từ bã thải BSK - Thành lập 10 tổ dịch vụ Biogas với 20 người và có 2.000 tờ rơi kỹ thuật Biogas Vĩ Nông được in và phát hành..
	Hồ Ngọc Hải	
23	<p>Giảm phát khí thải nhà kính dựa vào việc chuyển đổi từ gạch nung thủ công sang gạch không nung</p> <p>Hội Nông Dân Huyện Yên Dũng, Bắc Giang</p> <p>Tổng kinh phí 1.600.000.000 vnd GEF SPG: 1.000.000.000 vnd</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngăn chặn phát thải KNK từ các lò gạch thủ công làm thiệt hại đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và sức khỏe của người dân - Ngăn chặn hoạt động khai thác đất sét làm thu hẹp diện tích canh tác lúa và ảnh hưởng đến an toàn đê sông trong mùa lũ <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm gạch không nung (nhằm thay thế dần cho gạch nung) - Tạo dựng một mạng lưới nhằm định hình thị trường cho gạch không nung trong tương lai, bao gồm tiềm năng thị trường, bên mua, bên bán, vai trò của UBND, yêu cầu về sản phẩm,... - Tạo dựng hình ảnh một mô hình sản xuất mới sạch, an toàn và kinh tế <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra mặt bằng, nhà xưởng, tư vấn công nghệ

		<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ với các nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, nghiên cứu thị trường đầu ra - Xây dựng nhà xưởng, mua máy móc công nghệ, thuê nhân công - Vận hành, hoạt động - Đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án
	Nguyễn Trọng Hiệu	
24	<p>Xây dựng mô hình trồng bổ xung cây bản địa và sử dụng bếp tiết kiệm củi, bảo vệ hệ sinh thái rừng đầu nguồn Hồ thác Bà tại xã Phúc Lợi, huyện Lục Yên- Yên Bái</p> <p>Trung tâm SUDECOM</p> <p>Tổng kinh phí: 1.171.447.000</p> <p>GEF SGP: 1.007.647.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu phát triển: Góp phần đa dạng sinh thái rừng đầu nguồn, bảo vệ môi trường Hồ Thủy điện Thác Bà, ở tỉnh Yên Bái. - Mục tiêu cụ thể: Nâng cao năng lực bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học thông qua mô hình trồng bổ xung cây bản địa, sử dụng bếp tiết củi và thâm canh lúa thích với thay đổi khí hậu của người dân tộc thiểu số xã Phúc Lợi huyện Lục Yên – Tỉnh Yên Bái. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Kết quả 1: Năng lực của cán bộ nông cốt xã, thôn và tình nguyện viên về lập kế hoạch có sự tham gia về đa dạng sinh thái, bảo vệ môi trường và thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương được nâng lên;</p> <p>Kết quả 2: Nhận thức của người dân tộc thiểu số về bảo vệ môi trường đa dạng hệ sinh thái, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu xã Phúc Lợi được nâng lên;</p> <p>Kết quả 3: Mô hình trồng bổ xung rừng bản địa, Mô hình sử dụng bếp tiết kiệm củi ít khói, thâm canh lúa thích ứng thay đổi khí hậu được thực hiện hiệu quả tại 2 thôn điểm;</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p><i>c.1 Các hoạt động để đạt kết quả 1:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 3 lớp tập huấn cho 90 cán bộ nông cốt cấp xã, 11 thôn, tình nguyện viên cộng đồng về lập kế hoạch có sự tham gia về đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Thời gian 3 ngày/1 lớp; Địa điểm tại xã; Thúc đẩy viên là cán bộ chuyên môn của SUDECOM - Dự án tổ chức 3 lớp tập huấn cho 90 cán bộ nông cốt cấp xã, 11 thôn, và tình nguyện viên về kỹ năng quản lý bảo vệ môi trường dựa vào cộng đồng (cách tiếp cận và quy trình quản lý dựa vào cộng đồng). Thời gian 3 ngày/1 lớp; Địa điểm tại xã; Thúc đẩy viên là cán bộ chuyên môn của SUDECOM

	<p>- SUDECOM sẽ cùng chi cục Kiểm Lâm, tỉnh và cán bộ địa phương tiến hành kiểm kê đánh giá thực trạng rừng bản địa xã Phúc lợi.</p> <p>Hoạt động sẽ diễn ra trong 5 ngày, kết quả kiểm kê là cơ sở dữ liệu thuyết phục tiến trình thay đổi tham gia trồng rừng bản địa hiệu quả hơn;</p> <p><i>c.2 Các hoạt động để đạt kết quả 2.</i></p> <p>- Tổ chức 2 hội thảo cho 80 đại diện hộ dân tộc thiểu số 2 thôn về lập kế hoạch bảo vệ môi trường, đa dạng hệ sinh thái, thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu</p> <p>- SUDECOM sẽ hỗ trợ phương pháp kỹ thuật để mở 4 cuộc diễn đàn tại 2 thôn sự tham gia của lãnh đạo xã và các bên liên quan về nội dung bảo vệ môi trường sinh thái, về thích ứng giảm nhẹ biến đổi khí hậu.</p> <p>- Dự án sẽ hỗ trợ SUDECOM làm tài liệu gấp truyền thông thúc đẩy hành vi bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và thích ứng giảm nhẹ thay đổi khí hậu; (số lượng khoảng 1000 tờ).</p> <p>- Tổ chức 2 lễ mít tinh tại 2 thôn phát động chương trình hành động bảo vệ môi trường và ký cam kết của hộ dân tại 2 thôn (Ba Thuồng và Ba Ván) về bảo vệ môi trường sinh thái, có sự tham gia hành động bảo vệ môi trường của các bên liên quan;</p> <p><i>c.3 Các hoạt động để đạt kết quả 3:</i></p> <p>- Dự án tổ chức 2 lớp tập huấn cho 60 hộ dân của 2 thôn điểm về trồng rừng bản địa, khai thác rừng đúng quy trình, bảo vệ rừng; Thời gian: 3 ngày/1 lớp</p> <p>- Hỗ trợ 60 hộ dân 2 thôn cây giống bản địa mỗi hộ khoảng 30-50 cây để trồng bổ xung vào rừng nguyên liệu giấy;</p> <p>- Tập huấn 2 lớp cho 40 chủ hộ về kỹ thuật xây dựng bếp tiết kiệm củi;</p> <p>- Tổ chức chuyên tham quan cho 25 cán bộ Ban quản lý dự án xã và đại diện hộ dân về sử dụng bếp tiết kiệm củi tại 1 xã đồng bào Dao do SUDECOM thực hiện trong tỉnh.</p> <p>- Hỗ trợ vật liệu xây 60 mô hình bếp tiết kiệm củi tại 2 thôn (mỗi thôn 30 bếp)</p> <p>- Tập huấn 2 lớp cho 60 hộ về thâm canh lúa bản địa thích ứng với biến đổi khí hậu</p>
	Nguyễn Trọng Hiệu

25	<p>Chống cát bay và sa mạc hóa bằng xây dựng vùng sản xuất rau ở động cát Bầu Ấu, thôn Từ Tâm 1, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận</p> <p>Hội Nông dân tỉnh Ninh Thuận</p> <p>Tổng kinh phí 2.200.000.000 vnd</p> <p>GEP SGP: 50.000 USD (qui ra tiền Việt Nam theo tỷ giá thời điểm chấp thuận dự án)</p>	<p>- Mục tiêu 1. Cung cấp điện cho vùng sản xuất Phước Hải.</p> <p>Hoạt động 1.1. Làm việc với lãnh đạo tỉnh, thống nhất chủ trương đầu tư hệ thống điện trung thế, hạ thế cung cấp điện cho vùng dự án. Làm việc với doanh nghiệp để đầu tư hệ thống điện cho vùng dự án.</p> <p>Hoạt động 1.2. Xây dựng và triển khai dự án cung cấp điện.</p> <p>Kết quả: Điện được cung cấp cho vùng sản xuất/vùng dự án.</p> <p>- Mục tiêu 2: Nâng cao nhận thức người dân (cộng đồng), chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể có liên quan. Đào tạo nhóm nông dân tích cực làm hạt nhân tuyên truyền cho dự án để nhân rộng trên toàn địa bàn.</p> <p>Hoạt động 2.1. Tập huấn cho cán bộ chủ chốt của huyện, xã thuộc huyện Ninh Phước; cán bộ chủ chốt Hội Nông dân tỉnh, huyện.</p> <p>Hoạt động 2.2. Tập huấn cho cán bộ xã, các ban ngành đoàn thể ở xã, thôn và cộng đồng xã Phước Hải.</p> <p>Hoạt động 2.3. In ấn, phát hành tài liệu tờ rơi, tờ bướm; các hoạt động tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.</p> <p>Hoạt động 2.4. Tổ chức hội thảo giới thiệu dự án, về sa mạc hóa, các giải pháp phòng chống sa mạc hóa, chống cát bay và các ứng dụng kỹ thuật cho sản xuất, bảo vệ môi trường.</p> <p>Kết quả: Nâng cao nhận thức người dân (cộng đồng), chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể có liên quan, tạo sự đồng thuận của xã hội về mục tiêu của dự án. Đào tạo nhóm nông dân tích cực làm hạt nhân tuyên truyền cho dự án.</p> <p>- Mục tiêu 3. Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về ứng dụng các giải pháp kỹ thuật tiên bộ trong xây dựng mô hình sản xuất để giảm chi phí, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao.</p> <p>Hoạt động 3.1. Tổ chức tập huấn hướng dẫn xây dựng mô hình sản xuất rau sạch, an toàn ứng dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm và cho 100 – 120 hộ dân/5 ha.</p> <p>Hoạt động 3.2. Lựa chọn, thiết kế xây dựng các mô hình sản xuất (30 – 50 hộ/mô hình/5 ha).</p> <p>Hoạt động 3.3. Tổ chức hoạt động tham quan mô hình sản xuất rau sạch, an toàn trong và ngoài tỉnh.</p> <p>Hoạt động 3.4. Triển khai xây dựng mô hình sản xuất, hỗ trợ</p>
----	--	---

		<p>đầu tư hệ thống tưới, chi phí sản xuất;</p> <p>Hoạt động 3.5. Xây dựng mô hình hợp tác liên kết sản xuất, kết nối tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>Hoạt động 3.6. Hội nghị/hội thảo đầu bờ về kết quả xây dựng mô hình sản xuất.</p> <p>Kết quả: Xây dựng được mô hình sản xuất rau sạch, an toàn, nâng cao thu nhập và đời sống người dân được nâng lên. Thay đổi môi trường sinh thái theo hướng tích cực; hạn chế, phòng chống cát bay, sa mạc hóa.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
26	<p>Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển bền vững cây bon bo bản địa tại huyện Kỳ Sơn- tỉnh Nghệ An.</p> <p>Hội khoa học kỹ thuật lâm nghiệp tỉnh Nghệ An (NAFA)</p> <p>Tổng kinh phí</p> <p>2.300.000.000</p> <p>GEF SGP:</p> <p>1.100.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn và phát triển bền vững cây bon bo, nâng cao đời sống người dân, bảo vệ đa dạng sinh học, phòng chống xói mòn đất, phòng chống cháy rừng và cải thiện môi trường sinh thái tại huyện Kỳ Sơn- tỉnh Nghệ An. - Tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư sống trong khu dự trữ sinh quyển thế giới, dựa vào phát triển lâm sản ngoài gỗ để bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, cải thiện môi trường sinh thái. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập được 2-3 mô hình giao khoán phù hợp cho người dân, hộ gia đình, cộng đồng quản lý bảo vệ và khai thác bền vững nguồn lợi cây bon bo trong tự nhiên. - Quy trình kỹ thuật nhân giống cây bon bo bằng hạt và bằng tách chồi. - Mô hình khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên cây bon bo: 10,0 ha - Mô hình khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung cây bon bo: 10,0 ha - Mô hình trồng thâm canh cây bon bo trong vườn hộ và trên đất sau nương rẫy: Diện tích 10,0 ha. - Quy trình thu hái, bảo quản hạt cây bon bo - Thiết lập chuỗi thị trường tiêu thụ hạt cây bon bo nâng cao phần thụ hưởng của người dân - Mở 3-5 lớp tập huấn và 1 cuộc hội thảo để nhân rộng mô hình cho các vùng có điều kiện phù hợp (Các huyện, xã miền núi) tỉnh Nghệ An.)

		<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch và cơ chế chính sách phù hợp của chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng để bảo tồn và đầu tư phát triển bền vững cây bon bo. <p>c. Hoạt động dự kiến của dự án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và xin nguồn tài trợ của dự án - Khảo sát, thiết kế dự án - Triển khai các nghiên cứu của dự án. - Hội thảo, tập huấn, nhân rộng mô hình - Đề xuất thiết lập quy hoạch, cơ chế chính sách để nhân rộng dự án.
	Nguyễn Ngọc Lung	
27	<p>XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI TỪ KHU VỰC CHĂN NUÔI PHÂN TÁN TẠI XÃ HÒA TIẾN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</p> <p>Hội Nông dân thành phố Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí 2.000.000.000 GEF SGP: 1,2 tỷ đồng</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi tập quán chăn nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi của từng nông hộ, góp phần xóa đói giảm nghèo. - Xây dựng xã Hòa Tiến trở thành vùng chăn nuôi an toàn đối với các bệnh dịch nguy hiểm như Lở mồm long móng, Tai xanh và Cúm gia cầm. - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ chăn nuôi. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành vùng chăn nuôi an toàn đối với các loại dịch bệnh nguy hiểm như bệnh tai xanh ở lợn, Lở mồm long móng gia súc và bệnh cúm gia cầm. - Nâng cao hiệu quả chăn nuôi ở khu vực phân tán, góp phần nâng cao đời sống. - Môi trường khu dân cư được đảm bảo, hạn chế tối đa ô nhiễm không khí, đất và nước ngầm, góp phần đạt tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới. <p>c. Các hoạt động dự kiến:</p> <p>Hoạt động 1: Điều tra đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng dự án, khảo sát toàn diện từng nông hộ chú trọng chăn nuôi khu vực phân tán.</p> <p>Hoạt động 2: Tổ chức hội thảo về xây dựng mô hình “chăn nuôi nông hộ” phù hợp với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Thành phần tham dự hội thảo: Viện nghiên cứu Kinh</p>

		<p>tế Xã hội thành phố Đà Nẵng; Sở KH&CN; Sở TN&MT; Sở NN&PTNT, Trung tâm Khuyến Ngư Nông lâm thành phố; Chi cục Thú y thành phố; UBND huyện Hòa Vang và các phòng, ban liên quan; UBND xã Hòa Tiến; Một số hộ chăn nuôi điển hình.</p> <p>Hoạt động 3: Hoàn chỉnh Báo cáo Thuyết minh dự án.</p> <p>Hoạt động 4: Khảo sát lựa chọn 50 hộ xây dựng mô hình chăn nuôi bằng đệm lót sinh học.</p> <p>Hoạt động 5: Tổ chức tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, xây chuồng trại chăn nuôi bằng đệm lót sinh học cho 50 hộ được lựa chọn.</p> <p>Hoạt động 6: Tổ chức tập huấn chăn nuôi an toàn sinh học, không chế dịch bệnh và bảo vệ môi trường khu vực dự án. Dự kiến 10 lớp cho 10 thôn.</p> <p>Hoạt động 7: Tổ chức hội thảo về mô hình đệm lót sinh học, bàn giải pháp nhân rộng mô hình.</p> <p>Hoạt động 8: Hỗ trợ cải tạo chuồng nuôi gia súc gia cầm, phù hợp với khả năng đầu tư của nông hộ. Với mục tiêu bảo vệ môi trường, tận dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp.</p> <p>Hoạt động 9: Hỗ trợ thực hiện các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh tổng hợp cho hộ chăn nuôi khu vực phân tán thuộc vùng dự án, bao gồm thuốc thú y, hóa chất tiêu độc khử trùng, nhân công kỹ thuật thực hiện.</p> <p>Hoạt động 10: Hình thành quỹ hỗ trợ rủi ro trong quá trình thực hiện các biện pháp phòng ngừa tổng hợp, khoảng 3% tổng kinh phí dự án, dùng để xử lý, hỗ trợ các trường hợp gia súc, gia cầm phản ứng do tiêm phòng.</p> <p>Hoạt động 11: Lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện của mỗi nội dung hoạt động.</p> <p>Hoạt động 12: Báo tiến độ thực hiện dự án 6 tháng 1 lần.</p> <p>Hoạt động 13: Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của dự án.</p>
	Nguyễn Trọng Hiệu	
28	Bảo tồn giống gà Tò bản địa tại Thái Bình	<p>a. Mục tiêu dự án:</p> <p>- Bảo tồn được giống gà Tò quý hiếm đã có từ lâu đời nhưng đang bị lãng quên, thoái hóa và đang dần bị tuyệt chủng.</p>

	<p>Trung tâm Tư vấn, Ứng dụng, Phát triển Khoa học Nông nghiệp và Môi trường Thái Bình</p> <p>Tổng kinh phí 1.200.000.000đ</p> <p>GEF SGP: 800.000.000đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân được giống gà Tò để mở rộng phát triển chăn nuôi cho các hộ trong vùng - Khôi phục được thương hiệu "gà Tò" đã có từ ngàn đời nay. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn lọc được giống gà Tò thuần chủng. - Thành lập được “Câu lạc bộ nuôi gà Tò” tại thôn Tô Đề - xã An Mỹ - huyện Quỳnh Phụ - tỉnh Thái Bình. - Xây dựng được các quy trình: Nhân giống, chăn nuôi, phòng dịch, để các hộ trong "Câu lạc bộ" áp dụng. - Nhân được giống gà Tò nổi tiếng để mở rộng phát triển nuôi giống gà Tò góp phần nâng cao thu nhập, nâng cao cuộc sống cho cộng đồng dân cư nông thôn. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Viện Chăn nuôi Quốc gia để chọn lọc được giống gà Tò thuần chủng - Thành lập "Câu lạc bộ nuôi gà Tò" tại xã An Mỹ - huyện Quỳnh Phụ - tỉnh Thái Bình. - Tập huấn cho nông dân các quy trình chăn nuôi và phòng bệnh - Nhân được giống gà Tò thuần chủng cung cấp cho các hộ chăn nuôi nông, người dân trong xã, trong vùng có nhu cầu. - Mở rộng địa bàn nuôi giống gà Tò trong xã, huyện và tỉnh Thái Bình - Khôi phục thương hiệu "gà Tò"
	Trần Thúc Sơn	
29	<p>Hạn chế và ngăn ngừa suy thoái đất canh tác bằng xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp thành phân hữu cơ vi sinh, phát triển cây khoai tây hàng hóa cho người dân vùng chuyên canh lúa</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Thu gom xử lý được toàn bộ phế phụ phẩm nông nghiệp thành phân bón hữu cơ để trồng khoai tây làm hàng hóa, hạn chế, ngăn ngừa suy thoái đất canh tác, tăng năng suất cây trồng, tăng chất lượng nông sản, nâng cao thu nhập cho cộng đồng , góp phần bảo vệ môi trường.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 600 nông dân được tập huấn, nâng cao nhận thức cho nông dân về việc thu gom và kỹ thuật xử lý phế thải nông nghiệp ngoài đồng ruộng (Trong đó tỷ lệ phụ nữ 80%)

	<p>Trung tâm tư vấn, ứng dụng, phát triển khoa học Nông nghiệp và Môi trường Thái Bình</p> <p>Tổng kinh phí 1.452.000.000 đ</p> <p>GEF SGP: 802.000.000.đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1.200 tấn phế thải được xử lý thành phân hữu cơ vi sinh - 50 ha khoai tây hàng hóa sạch được sản xuất từ bón phân hữu cơ vi sinh có năng suất trên 15 tấn/ha - 15 kỹ thuật viên cơ sở được đào tạo - 50 người được tham quan học tập mô hình của dự án - Sau mỗi vụ đất canh tác được bồi bổ bằng phân hữu cơ vi sinh sẽ màu mỡ hơn bằng năng suất khoai tây tăng trên 25% so với canh tác cũ, củ to, mẫu mã đẹp, giá thành bán cao hơn 1.000 đ/kg <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Hoạt động 1: Tập huấn, nâng cao nhận thức cho 600 hộ nông dân về việc thu gom và kỹ thuật xử lý phế thải nông nghiệp ngoài đồng ruộng.</p> <p>Hoạt động 2: Nâng cao năng lực chỉ đạo, thực hiện quy trình công nghệ cho 15 kỹ thuật viên cơ sở</p> <p>Hoạt động 3: Làm các mô hình xử lý 1.200 tấn phế thải nông nghiệp bằng chế phẩm sinh học thành phân hữu cơ vi sinh bón cho cây trồng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, giảm phân bón hóa học, giảm chi phí đầu vào, tăng độ phì nhiêu của đất.</p> <p>Hoạt động 4: Tập huấn, hướng dẫn 600 nông dân biết cách sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh cho từng loại cây trồng để tăng năng suất và chất lượng nông sản</p> <p>Hoạt động 5: Sản xuất 50 ha khoai tây hàng hóa sạch bằng bón phân hữu cơ vi sinh</p> <p>Hoạt động 6: Hội thảo tham quan, học hỏi kinh nghiệm Mô hình cho các vùng chuẩn bị mở rộng tiếp.</p> <p>Hoạt động 7: Hội thảo tổng kết Dự án. Báo cáo kết quả dự án với cơ quan tài trợ</p>
	Trần Thúc Sơn	
30	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật canh tác chuối mốC bền vững trên đất đồi núi nhằm góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và đời	<p>3.1. Mục tiêu của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Mục tiêu tổng quát:</i> Chuyển giao kỹ thuật canh tác chuối mốC bền vững trên đất đồi núi nhằm góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và đời sống cho cộng đồng tại xã miền núi An Lĩnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. - <i>Mục tiêu cụ thể</i> <ul style="list-style-type: none"> + Chuyển giao kỹ thuật thông qua tổ chức các lớp tập huấn

<p>sống cho cộng đồng tại xã miền núi An Lĩnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên</p> <p>Hội Nông dân huyện Tuy An – Phú Yên</p> <p>Tổng kinh phí</p> <p>1.600.000.000</p> <p>GEF SGP:</p> <p>1.050.000.000</p>	<p>ToT (Training of Trainer) gắn với các mô hình trình diễn kỹ thuật thâm canh chuối mốc bền vững trên đất đồi núi nhằm góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và đời sống cho cộng đồng tại xã miền núi An Lĩnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.</p> <p>+ Tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực của chính quyền và người dân địa phương về BĐKH gắn với phát triển bền vững của địa phương nói chung và phát triển sản xuất cây chuối mốc nói riêng thông qua các giải pháp truyền thông, lồng ghép với các hoạt động của các hội đoàn thể địa phương.</p> <p>+ Biên soạn tài liệu kỹ thuật; Theo dõi, thu thập số liệu, đánh giá hiệu quả, tổng kết, tổ chức hội thảo, tập huấn kỹ thuật nhân rộng mô hình.</p> <p>3.2. Nội dung và các hoạt động chính của dự án</p> <p>3.2.1. Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật thâm canh chuối mốc bền vững trên đất đồi núi gắn với các mô hình trình diễn theo phương thức cầm tay chỉ việc</p> <p>- Đào tạo 2 lớp ToT về kỹ thuật thâm canh chuối mốc bền vững trên đất đồi núi cho 40 cán bộ cơ sở, gồm: cán bộ khuyến nông cơ sở, trưởng thôn của các thôn thuộc vùng dự án.</p> <p>- Đào tạo 8 lớp tập huấn cho nông dân về kỹ thuật thâm canh chuối mốc bền vững trên đất đồi núi cho 240 lượt nông dân của các xã thuộc vùng dự án.</p> <p>3.2.2. Xây dựng các mô hình sản xuất chuối mốc bền vững trên đất đồi núi gắn với các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật</p> <p>- Mô hình trồng thâm canh tổng hợp cây chuối mốc bằng cây con. Quy mô: 10 ha.</p> <p>- Mô hình chăm sóc cây chuối mốc bằng cây con của vườn hộ nông dân đã trồng sẵn. Quy mô: 10 ha</p> <p>- Mô hình trồng thâm canh tổng hợp cây chuối mốc bằng cây con vô tính nuôi cấy tế bào (cây con invitro). Quy mô: 5 ha</p> <p>3.2.3. Tổ chức Hội thảo đầu bờ gắn với các mô hình trình diễn</p> <p>- Tổ chức 4 Hội thảo đầu bờ để chuyển giao kỹ thuật tổng hợp cây chuối mốc bằng cây con cho 200 lượt nông dân vùng dự án và vùng lân cận.</p> <p>- Tổ chức 4 Hội thảo đầu bờ để chuyển giao kỹ thuật tổng hợp cây chuối mốc bằng cây con của vườn hộ nông dân đã trồng sẵn cho 200 lượt nông dân vùng dự án và vùng lân cận.</p>
---	--

		<p>- Tổ chức 4 Hội thảo đầu bờ để chuyển giao kỹ thuật tổng hợp cây chuối mốC bằng cây con vô tính nuôi cấy tế bào (cây con invitro) cho 200 lượt nông dân vùng dự án và vùng lân cận.</p> <p>3.2.4. Xây dựng và thực hiện các hoạt động truyền thông</p> <p>- Tổ chức Truyền thông trên Đài VTV Phú Yên, Đài Phát thanh – Tiếp hình Tuy An.</p> <p>- Phối hợp Hội Nông dân xã An Lĩnh tổ chức 2 hoạt động truyền thông về Hoang mạc hóa và thoái hóa đất cho nông dân.</p> <p>- Tổ chức 2 buổi tọa đàm về Hoang mạc hóa và thoái hóa đất, Biến đổi khí hậu và các giải pháp thích ứng để ổn định sản xuất và đời sống</p> <p>3.2.5. Tổng kết – tài liệu hóa</p> <p>Theo dõi, đúc kết và phổ biến bài học kinh nghiệm của dự án để phổ biến cho những vùng có điều kiện tương tự.</p> <p>3.3. Kết quả dự kiến</p> <p>3.3.1. Đối với nội dung Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật thâm canh chuối mốC bền vững trên đất đồi núi gần với các mô hình trình diễn theo phương thức cầm tay chỉ việc</p> <p>- <i>Kết quả 1.</i> Nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan của xã An Lĩnh về tác động của Biến đổi khí hậu và các biện pháp thích ứng, giải phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa được nâng cao.</p> <p>- <i>Kết quả 2.</i> Nâng cao được trình độ chuyên môn về kỹ thuật thâm canh cây trồng thích ứng và góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa với vùng đất đồi núi cho nông dân và cán bộ cơ sở.</p> <p>3.3.2. Đối với nội dung Xây dựng các mô hình sản xuất chuối mốC bền vững trên đất đồi núi gần với các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật</p> <p>- <i>Kết quả 1.</i> Thiết kế mô hình sản xuất chuối mốC bền vững trên đất đồi núi với các biện pháp canh tác cụ thể được thiết kế với sự tham gia của cộng đồng.</p> <p>- <i>Kết quả 2.</i> Mô hình trồng thâm canh tổng hợp cây chuối mốC bằng cây con. Quy mô: 10 ha. Triển khai trong 2 năm.</p> <p>- <i>Kết quả 3.</i> Mô hình trồng thâm canh tổng hợp vườn chuối mốC bằng cây con của vườn hộ nông dân đã trồng sẵn. Quy mô: 10 ha Triển khai trong 2 năm.</p> <p>- <i>Kết quả 4.</i> Mô hình trồng thâm canh tổng hợp cây chuối mốC bằng cây con vô tính nuôi cấy tế bào (cây con invitro). Quy mô: 5 ha.</p>
--	--	--

		<p>Triển khai trong 2 năm.</p> <p>3.3.3. Đối với nội dung <i>Tổ chức Hội thảo đầu bờ gắn với các mô hình trình diễn</i></p> <p>- <i>Kết quả 1.</i> Thông tin về mô hình được phổ biến rộng rãi nhằm mục tiêu nhân rộng tại các xã có điều kiện tương tự như xã An Lĩnh – Tuy An.</p> <p>3.3.4. Đối với nội dung <i>Xây dựng và thực hiện các hoạt động truyền thông</i></p> <p>- <i>Kết quả 1.</i> Phim tư liệu về kết quả xây dựng mô hình thâm canh tổng hợp cây chuối mốc trên đất đồi núi với giải pháp hợp lý và góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa để ổn định sản xuất và đời sống</p> <p>- <i>Kết quả 2.</i> Nâng cao nhận thức về hạn chế Hoang mạc hóa và thoái hóa đất và thích ứng với BĐKH; về kỹ thuật canh tác tổng hợp cây chuối mốc trên đất đồi núi.</p>
	Trần Thúc Sơn	
31	<p>Xây dựng mô hình phát triển bền vững cây cói dựa vào cộng đồng trên đất phèn mặn ven biển tại xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định góp phần hạn chế thoái hóa đất do biến đổi khí hậu và nâng cao thu nhập cho nông dân.</p> <p>Hội Nông dân Hoài Nhơn – Bình Định</p> <p>Tổng kinh phí 2.100.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.050.000.000</p>	<p>3.1. Mục tiêu của dự án</p> <p>- <i>Mục tiêu tổng quát:</i> Xây dựng và nhân rộng mô hình phát triển bền vững cây cói dựa vào cộng đồng trên đất phèn mặn ven biển nhằm góp phần hạn chế thoái hóa đất, giảm thiểu thiệt hại do xâm nhập mặn, xi phèn và nâng cao thu nhập cho nông dân xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn – Bình Định.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng năng lực nhận biết về thoái hóa đất, biến đổi khí hậu tác động đến sản xuất và đời sống con người cho chính quyền địa phương và cộng đồng. + Xây dựng mô hình phát triển bền vững cây cói trên đất phèn mặn phù hợp với điều kiện địa phương, góp phần hạn chế thoái hóa đất và thích ứng tình trạng nhiễm mặn do biến đổi khí hậu tại xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn – Bình Định. + Biên soạn tài liệu kỹ thuật; + Theo dõi, thu thập số liệu, đánh giá hiệu quả, tổng kết, tổ chức hội thảo, tập huấn kỹ thuật nhân rộng mô hình. <p>3.2. Nội dung thực hiện</p> <p>3.2.1. <i>Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông, thông tin nâng cao năng lực về thoái hóa đất, về biến đổi khí hậu và thích</i></p>

		<p><i>ứng với các tác động bất lợi cho chính quyền và nhân dân trong vùng dự án</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn cho cộng đồng (Chính quyền cơ sở và nhân dân vùng dự án). - Tổ chức Hội thảo giới thiệu và chia sẻ kinh nghiệm về hiệu quả các mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững góp phần hạn chế thoái hóa đất, ứng phó với điều kiện biến đổi khí hậu cho các vùng lân cận và có điều kiện tương tự trong vùng. <p><i>3.2.2. Xây dựng mô hình phát triển bền vững cây cói trên đất phèn mặn dựa vào cộng đồng tại xã vùng dự án</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình phát triển bền vững cây cói trên đất phèn mặn nhằm hạn chế thoái hóa đất do biến đổi khí hậu. - Tập huấn kỹ thuật cho nông dân tham gia dự án. - Tổ chức hội thảo đầu bờ, học tập kinh nghiệm sản xuất cho nông dân trong vùng để nhân rộng mô hình ra sản xuất đại trà. - Tổ chức thông tin kết quả thực hiện MH trên các phương tiện thông tin đại chúng. <p><i>3.2.3. Phân tích đánh giá hiệu quả của dự án đối với việc cải thiện sinh kế nông thôn và hạn chế thiệt hại do thoái hóa đất trong vùng dự án</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mức độ gia tăng lợi nhuận, giảm thiểu thiệt hại, hiệu quả kinh tế từ sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững đối với các hộ nông dân tham gia dự án. - Đánh giá thông qua kết quả điều tra, phân tích (PRA) các chỉ tiêu liên quan về hiệu quả tác động đối với cộng đồng trước và sau khi thực hiện dự án. <p><i>3.2.4. Xây dựng thương hiệu Chiêu – Cói Chương Hòa và Bảo tồn làng nghề dệt chiếu Chương Hòa (thuộc xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng thương hiệu Chiêu – Cói Chương Hòa; - Bảo tồn làng nghề dệt chiếu Chương Hòa. <p>3.3. Kết quả dự kiến</p> <p><i>* Đối với nội dung Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông, thông tin nâng cao năng lực về hạn chế thoái hóa đất, về biến đổi khí hậu và thích ứng với các tác động bất lợi cho chính quyền và nhân dân trong vùng dự án</i></p> <p>Kết quả 1: Nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan của xã</p>
--	--	---

		<p>Hoài Châu Bắc về tác động của thoái hóa đất, của BĐKH và các biện pháp thích ứng được nâng cao.</p> <p>Kết quả 2: Mô hình dự án được nhân rộng trên địa bàn xã Hoài Châu Bắc.</p> <p>Kết quả 3. Thông tin về mô hình được phổ biến rộng rãi nhằm mục tiêu nhân rộng tại các xã có điều kiện tương tự như xã Hoài Châu Bắc.</p> <p>* Đối với nội dung <i>Xây dựng mô hình phát triển bền vững cây cói trên đất phèn mặn dựa vào cộng đồng đạt hiệu quả tại vùng dự án</i></p> <p>Kết quả 1. Thiết kế mô hình sản xuất cói bền vững với các biện pháp canh tác cụ thể được thiết kế với sự tham gia của cộng đồng.</p> <p>Kết quả 2: Mô hình trồng mới cây cói được trình diễn và đánh giá kết quả tại 50 hộ nông dân với diện tích 10 ha.</p> <p>Kết quả 3: Mô hình chăm sóc thâm canh ruộng cói hiện có của dân được trình diễn và đánh giá kết quả tại 50 hộ nông dân với diện tích 10 ha/năm (100 lượt hộ với 20 ha/ 2,5 năm).</p> <p>* Đối với nội dung <i>Phân tích đánh giá hiệu quả của dự án đối với việc cải thiện sinh kế nông thôn và hạn chế thiệt hại do thoái hóa đất, do biến đổi khí hậu trong vùng dự án.</i></p> <p>Kết quả 1. Phân tích hiệu quả của mô hình trong cải thiện sinh kế đối với các hộ nông dân tham gia.</p> <p>Kết quả 2. Phân tích được hiệu quả nâng cao năng lực để hạn chế thoái hóa đất, để thích ứng với biến đổi khí hậu của cộng đồng.</p> <p>* Đối với nội dung: <i>Xây dựng thương hiệu Chiếu – Cói Chương Hòa và Bảo tồn làng nghề dệt chiếu Chương Hòa.</i> (Kế thừa kết quả thực hiện của các Sở, ngành và UBND tỉnh Bình Định).</p>
	Trần Thúc Sơn	
32	Chuyển giao kỹ thuật canh tác bền vững để nâng cao năng lực cho cộng đồng trong mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả ở vùng đất dốc và đất ngập lụt vùng ven sông Kỳ Lộ thuộc xã Xuân	<p>a. Mục tiêu</p> <p>- Mục tiêu tổng quát: Chuyển giao kỹ thuật canh tác trong mô hình sản xuất nông nghiệp ở các xã vùng ven sông Kỳ Lộ nhằm nâng cao năng lực thích ứng với tình trạng ngập lụt gia tăng do tác động của biến đổi khí hậu để góp phần hạn chế hoang mạc hóa và thoái hóa đất, duy trì vùng sản xuất nông nghiệp của cộng đồng có hiệu quả, đảm bảo an ninh lương thực, tăng thu nhập cho nông dân vùng ven sông thường ngập lụt và đất đồi gò thuộc xã Xuân Quang 2, Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.</p>

<p>Quang 2 và Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên trong điều kiện tác động bất lợi của thoái hóa đất do biến đổi khí hậu</p> <p>Hội Nông dân huyện Đồng Xuân – Phú Yên</p> <p>Tổng kinh phí 1.800.000.000 VNĐ GEF SGP: 1.050.000.000 VNĐ</p>	<p>- Mục tiêu cụ thể</p> <p>+ Chuyển giao kỹ thuật thông qua tổ chức các lớp tập huấn ToT (Training of Trainer) gắn với các mô hình trình diễn kỹ thuật thâm canh cây trồng thích ứng với vùng đất ven sông thường bị ngập và đất đồi gò, hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa để nâng cao năng lực cho cộng đồng vùng bị tác động bởi lũ lụt, xói mòn, rửa trôi do tác động BĐKH ở vùng ven sông Kỳ Lộ: Xuân Quang 2, Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.</p> <p>+ Tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực của chính quyền và người dân địa phương về BĐKH gắn với phát triển bền vững của địa phương nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng thông qua các giải pháp truyền thông, lồng ghép với các hoạt động của các hội đoàn thể địa phương.</p> <p>+ Biên soạn tài liệu kỹ thuật; Theo dõi, thu thập số liệu, đánh giá hiệu quả, tổng kết, tổ chức hội thảo, tập huấn kỹ thuật nhân rộng mô hình.</p> <p>b. Hoạt động</p> <p>- Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật thâm canh cây trồng góp phần hạn chế thoái hóa đất do BĐKH trên vùng đất ngập lụt và trên đất đồi gò gắn với các mô hình trình diễn theo phương thức cầm tay chỉ việc</p> <p>+ Đào tạo 4 lớp ToT về kỹ thuật thâm canh cây trồng hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa do BĐKH trên vùng đất ngập lụt và trên đất đồi gò cho 80 cán bộ cơ sở, gồm: cán bộ khuyến nông cơ sở, trưởng thôn của các thôn thuộc vùng dự án.</p> <p>+ Đào tạo 8 lớp tập huấn cho nông dân về kỹ thuật thâm canh cây trồng hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa do BĐKH trên vùng đất ngập lụt và trên đất đồi gò cho 240 lượt nông dân của các xã thuộc vùng dự án.</p> <p>- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa do BĐKH trên vùng ngập lụt và trên đất đồi gò ven sông Kỳ Lộ gắn với các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật</p> <p>+ 2 mô hình trình diễn Lạc ĐX – Ngô lai vụ Hè – Ngô trồng dày làm thức ăn gia súc góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa do biến đổi khí hậu trên vùng đất ngập lụt ven sông gắn với 2 lớp tập huấn nông dân. Quy mô 12 ha/ mô hình. Triển khai trong 2 năm.</p> <p>+ 2 mô hình trình diễn Lạc xen sắn góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa do BĐKH trên vùng đất ngập lụt ven sông gắn</p>
--	---

		<p>với 2 lớp tập huấn nông dân (giống sản ngắn ngày). Quy mô 4 ha/ mô hình. Triển khai trong 2 năm.</p> <p>+ 2 mô hình trình diễn kỹ thuật Lạc xen sản góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa do BĐKH trên đất đồi gò gắn với 2 lớp tập huấn nông dân. Quy mô 4 ha/ mô hình. Triển khai trong 2 năm.</p> <p>+ 2 mô hình nông lâm kết hợp trên đất đồi gò gắn góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa với 2 lớp tập huấn nông dân. Quy mô 4 ha/ MH. Triển khai trong 2 năm.</p> <p>- Tổ chức Hội thảo đầu bờ gắn với các mô hình trình diễn</p> <p>+ Tổ chức 12 Hội thảo đầu bờ để chuyển giao kỹ thuật thâm canh mô hình Lạc ĐX – Ngô lai vụ Hè – Ngô trồng dày làm thức ăn gia súc cho 600 lượt nông dân vùng lân cận (2 hội thảo/vụ x 3 vụ/ năm x 2 năm).</p> <p>+ Tổ chức 8 Hội thảo đầu bờ để chuyển giao kỹ thuật thâm canh mô hình Lạc xen sản cho 800 lượt nông dân vùng lân cận (2 hội thảo/vụ x 2 vụ/ năm x 2 năm).</p> <p>+ Tổ chức 8 Hội thảo đầu bờ để chuyển giao kỹ thuật thâm canh mô hình Lạc xen sản trên đất ven sông cho 800 lượt nông dân vùng lân cận (2 hội thảo/vụ x 2 vụ/ năm x 2 năm).</p> <p>+ Tổ chức 8 Hội thảo đầu bờ để chuyển giao kỹ thuật thâm canh mô hình Lạc xen sản trên đất đồi gò cho 800 lượt nông dân vùng lân cận (2 hội thảo/vụ x 2 vụ/ năm x 2 năm).</p> <p>+ Tổ chức 8 Hội thảo đầu bờ để chuyển giao kỹ thuật canh tác theo phương thức nông lâm kết hợp trên đất đồi gò cho 800 lượt nông dân vùng lân cận (2 HT/vụ x 2 vụ/ năm x 2 năm).</p> <p>- Xây dựng và thực hiện các hoạt động truyền thông</p> <p>+ Tổ chức Truyền thông trên Đài VTV Phú Yên, Đài Phát thanh – Tiếp hình Đồng Xuân.</p> <p>+ Phối hợp Hội Nông dân 2 xã Xuân Quang 2, Xuân Quang 3 tổ chức 2 hoạt động truyền thông về Hoang mạc hóa và thoái hóa đất cho nông dân.</p> <p>+ Tổ chức 2 buổi tọa đàm về Hoang mạc hóa và thoái hóa đất, Biến đổi khí hậu và các giải pháp thích ứng để ổn định sản xuất và đời sống</p> <p>- Tổng kết – tài liệu hóa</p> <p>Theo dõi, đúc kết và phổ biến bài học kinh nghiệm của dự án để phổ biến cho những vùng có điều kiện tương tự.</p>
--	--	--

		<p>c. Kết quả dự kiến</p> <p>* Đối với nội dung Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật thâm canh cây trồng góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa do BĐKH trên vùng đất ngập lụt và trên đất đồi gò gắn với các mô hình trình diễn theo phương thức cầm tay chỉ việc</p> <p>- Kết quả 1. Nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan của xã Xuân Quang 2 và Xuân Quang 3 về tác động của Biến đổi khí hậu và các biện pháp thích ứng, giải phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa được nâng cao.</p> <p>- Kết quả 2. Nâng cao được trình độ chuyên môn về kỹ thuật thâm canh cây trồng thích ứng và góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa với vùng đất ngập lụt và trên đất đồi gò cho nông dân và cán bộ cơ sở.</p> <p>* Đối với nội dung Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa do BĐKH trên vùng ngập lụt và trên đất đồi gò ven sông Kỳ Lộ.</p> <p>- Kết quả 1. Thiết kế mô hình sản xuất nông nghiệp góp phần hạn chế thoái hóa đất do BĐKH trên vùng ngập lụt và trên đất đồi gò với các biện pháp canh tác cụ thể được thiết kế với sự tham gia của cộng đồng.</p> <p>- Kết quả 2. Hai mô hình trình diễn Lạc ĐX – Ngô lai vụ Hè – Ngô trồng dày làm thức ăn gia súc góp phần hạn chế thoái hóa đất do BĐKH trên vùng đất ngập lụt ven sông (đất 2 lúa bắp bệnh hiệu quả thấp). Quy mô: 24 ha (2 ha/ thôn/ mô hình/ vụ x 3 vụ x 2 năm x 2 thôn). Triển khai trong 2 năm.</p> <p>- Kết quả 3. Hai mô hình trình diễn Lạc xen sắn góp phần hạn chế thoái hóa đất do BĐKH trên vùng đất ngập lụt ven sông (giống sắn ngắn ngày). Quy mô: 8 ha (2 ha/ thôn/ mô hình/ vụ x 1 vụ x 2 năm x 2 thôn). Triển khai trong 2 năm.</p> <p>- Kết quả 4. Hai mô hình trình diễn kỹ thuật Lạc xen sắn trên đất đồi gò. Quy mô: 8 ha (2 ha/ thôn/ mô hình/ vụ x 1 vụ x 2 năm x 2 thôn). Triển khai trong 2 năm.</p> <p>- Kết quả 5. Hai mô hình nông lâm kết hợp trên đất đồi gò. Quy mô: 8 ha (2 ha/ thôn/ mô hình/ vụ x 3 vụ x 2 năm x 2 thôn). Triển khai trong 2 năm.</p> <p>* Đối với nội dung Tổ chức Hội thảo đầu bờ gắn với các mô hình trình diễn</p> <p>- Kết quả 1. Thông tin về mô hình được phổ biến rộng rãi nhằm mục</p>
--	--	---

		<p>tiêu nhân rộng tại các xã có điều kiện tương tự như xã Xuân Quang 2 và Xuân Quang 3.</p> <p>* Đối với nội dung Xây dựng và thực hiện các hoạt động truyền thông</p> <p>- Kết quả 1. Phim tư liệu về kết quả XDMH góp phần hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hóa do BĐKH trên vùng đất ngập lụt và đồi núi ven sông để ổn định sản xuất và đời sống.</p> <p>- Kết quả 2. Nâng cao nhận thức về hạn chế Hoang mạc hóa và thoái hóa đất và thích ứng với BĐKH.</p>
	Trần Thúc Sơn	
33	<p>CẢI THIẾN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG CHO PHỤ NỮ TẠI CÁC XÃ VEN BIỂN TỈNH QUẢNG TRỊ.</p> <p>Hội LHPN tỉnh Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí 1.150.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.050.000.000</p>	<p>1. Mục tiêu: Nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi về thực hiện nước sạch – vệ sinh môi trường cho phụ nữ, thông qua đó góp phần nâng cao chất lượng sức khỏe cho cộng đồng.</p> <p>2. Kết quả dự kiến: 60% hộ gia đình hội viên phụ nữ (của vùng dự án) thực hiện tốt việc thu gom rác thải trong gia đình.</p> <p>3. Các hoạt động dự kiến:</p> <p><i>Hoạt động 1:</i> Tập huấn kiến thức và kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi trong công tác bảo vệ môi trường cho đội ngũ TTV cấp xã</p> <p><i>Hoạt động 2:</i> xây dựng Tổ phụ nữ thu gom rác thải tự quản tại các thôn, xã</p> <p><i>Hoạt động 3:</i> Truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch – vệ sinh môi trường cho hội viên phụ nữ.</p>
	Hồ Ngọc Hải	
34	<p>Ươm con giống và nuôi cá chình lồng bán tự nhiên trên sông Trà Khúc, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Trung tâm Tư vấn dịch vụ phát triển Khoa học</p>	<p>a. Mục tiêu: Khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi cá chình quý hiếm, đảm bảo đa dạng sinh học, tạo việc làm, thu nhập cho người dân nghèo vùng sông nước, đồng thời có sản lượng đặc sản cá chình phục vụ nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.</p> <p>b. Kết quả dự kiến: Tạo ra sản phẩm cá chình giống, sản phẩm cá chình nuôi lồng bán tự nhiên và kỹ thuật hướng dẫn ương nuôi cá chình cho người dân.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <p>- Tập huấn kỹ thuật ương giống và nuôi cá chình lồng bán tự nhiên</p>

	<p>và Công nghệ Quảng Ngãi thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Tổng kinh phí 1.500.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>cho người dân tham gia dự án;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng mô hình ương giống và nuôi cá chình lồng bán tự nhiên do người dân thực hiện; - Tổ chức tham quan, học tập mô hình ương và nuôi cho người dân ngoài vùng dự án tiếp cận để làm theo.
	Nguyễn Chu Hồi	
35	<p>Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn “sạch” trên nền đệm lót sinh thái tại phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh</p> <p>Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Vân Dương</p> <p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức, kiến thức và kỹ năng bảo vệ môi trường trong chăn nuôi cho người chăn nuôi phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh. - Góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, dịch bệnh, nâng cao chất lượng môi trường sống và sức khỏe cộng đồng nông thôn. - Thí điểm sử dụng công nghệ mới là sử dụng đệm lót sinh học nhằm xử lý phân lợn tại chỗ, không gây mùi, giảm chi phí đầu vào và tăng thu nhập cho người chăn nuôi. - Nhân rộng được mô hình ở năm thứ 2 của dự án đến các địa bàn lân cận theo cách người dân tự hưởng ứng, lan tỏa nhờ các kênh thông tin hiệu quả. <p>b) Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo được phong trào sản xuất và nếp sống mới với ý thức bảo vệ sinh thái của người dân chăn nuôi Bắc Ninh. - Xây dựng 03 mô hình điểm chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh thái tại phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh. - Hỗ trợ tham quan các cơ sở chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh thái đã thành công ở 1 số tỉnh lân cận (Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hà Nội) - Hỗ trợ xây dựng được ít nhất 20 hộ chăn nuôi lợn khác trong phường với số lượng đầu con khoảng 5000 con lợn thịt được nuôi theo công nghệ “sạch” này. - Thiết kế, in ấn và phát đến các hộ chăn nuôi trong phường

		<p>Vân Dương và 1 số phường ngoại thành khác của thành phố Bắc Ninh sách mỏng về chăn nuôi lợn “không mùi” nhờ áp dụng đệm lót sinh thái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cho 1500 người về kỹ thuật sử dụng đệm lót sinh thái trong chăn nuôi lợn. <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động điều tra thực trạng chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi tại phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh. - Nghiên cứu lựa chọn và thiết kế mô hình chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh thái tại 3 hộ chăn nuôi lợn quy mô 10 lợn nái hoặc 50 lợn thịt trong phường. - Tư vấn, hỗ trợ xây dựng các hộ trong và ngoài phường tham quan, xây dựng chuồng trại, áp dụng công nghệ mới này. - Tập huấn, truyền thông về công nghệ mới trong chăn nuôi lợn “sạch” - Đánh giá và rút kinh nghiệm từng giai đoạn và hạng mục của dự án theo tiến độ đã xây dựng.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
36	<p>Bảo tồn giống gà Hồ ở thôn Lạc Thổ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh</p> <p>Hội Chăn nuôi gà Hồ thôn Lạc Thổ</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a) Mục tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức và kiến thức kỹ năng bảo vệ giống gà Hồ của Bắc Ninh trong phạm vi toàn tỉnh, khu vực và toàn quốc bằng nhiều kênh truyền thông đa phương tiện. - Tạo điều kiện tốt nhằm thúc đẩy chăn nuôi gà Hồ và gia cầm của Bắc Ninh phát triển. - Tạo được mô hình bảo tồn giống gà Hồ có sự chung tay tham gia của cộng đồng tại làng Lạc Thổ, từ đó có cơ sở phát triển nhân rộng ra các xã lân cận góp phần bảo tồn đa dạng sinh học giống vật nuôi bản địa và phát triển giống gà quý này. <p>b) Kết quả dự kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo được phong trào bảo vệ giống gà Hồ cũng như nâng cao được nhận thức về bảo tồn nguồn gen vật nuôi bản địa của nhân dân trong và ngoài tỉnh. - Tạo được nhiều chương trình truyền thông phù hợp và hiệu quả với thực trạng bảo tồn giống gà Hồ, nhận thức và tập quán sản xuất, sinh hoạt của người dân địa phương, cụ thể (dự kiến): <p>+ 02 Hội thảo: “Thực trạng và giải pháp bảo vệ giống gà Hồ ở</p>

		<p>Bắc Ninh” và “Bảo vệ giống gà Hồ với sự tham gia của cộng đồng”.</p> <ul style="list-style-type: none"> + 03 lớp đào tạo kỹ thuật chăn nuôi gà Hồ an toàn sinh học. + Mở chuyên mục “Bảo vệ giống gà Hồ tiến Vua vùng Kinh Bắc xưa” trên kênh truyền hình và Tạp chí Khoa học và Công nghệ của Thông tấn xã; trên kênh truyền hình và báo Bắc Ninh. + 7.000 đĩa DVD hướng dẫn bảo tồn giống gà Hồ cho các hộ dân làng Lạc Thổ và các làng xã lân cận. + 10.000 sách mỏng về bảo tồn và phát triển gà Hồ phát cho các hộ dân thị trấn Hồ, Bắc Ninh. + 30.000 tờ rơi tuyên truyền về sự cần thiết phải bảo vệ giống gà Hồ đặc sản của quê hương Bắc Ninh. + 200 băng rôn, khẩu hiệu vào các dịp liên quan như Hội làng, Hội thi, lễ Tết, .. + 100 tranh cổ động + 01 Hội thi “Gà Hồ đẹp quý” + 01 Hội thi “Gà Hồ trong kinh tế và văn hóa xưa, nay” + Nâng cao năng lực hoạt động của Hội chăn nuôi gà Hồ: cơ sở vật chất, nhân lực và hình thức hoạt động. <p>c) Hoạt động dự kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức điều tra thực trạng bảo tồn giống gà Hồ ở trong ngoài tỉnh. - Thiết kế các chương trình, nội dung truyền thông và tổ chức truyền thông. - Xây dựng mô hình bảo tồn gà Hồ tại thôn Lạc Thổ trên cơ sở quy tụ và nâng cấp, mở rộng chăn nuôi gà Hồ sẵn có tại làng.
	Trần Thúc Sơn	
37	<p>Xây dựng mô hình đa dạng hóa truyền thông hướng dẫn thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt và nông nghiệp tại xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh</p>	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức, kiến thức và kỹ năng bảo vệ môi trường sống của người dân tại xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. - Tạo điều kiện tốt nhằm thúc đẩy chăn nuôi, trồng trọt và các ngành nghề khác của địa phương phát triển. - Tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp. Không còn hiện tượng vứt rác bừa bãi, rác sinh hoạt và rác thải nông nghiệp được phân loại ngay tại nguồn và xử lý theo quy trình đơn giản nhưng

<p>Hội Nông dân xã Châu Phong</p> <p>Tổng kinh phí: 1 tỷ đồng</p> <p>GEF SGP: 1 tỷ đồng</p>	<p>hiệu quả đem lại lợi ích kinh tế cho người dân trong cộng đồng nông thôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, dịch bệnh, nâng cao chất lượng môi trường sống và sức khỏe cộng đồng nông thôn. - Dự án sẽ tập hợp được sức mạnh của cộng đồng, của Nhà nước, các Doanh nghiệp, nhà khoa học. Từ đó tạo hiệu ứng lan tỏa trong cộng đồng, nâng cao kiến thức và thu nhập cho người dân. Tạo cơ hội việc làm cho người dân nông thôn. <p>c) Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo được phong trào và nếp sống mới với ý thức bảo vệ sinh thái của người dân xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. - Tạo được nhiều chương trình truyền thông phù hợp và hiệu quả với thực trạng môi trường sống, nhận thức và tập quán sản xuất, sinh hoạt của người dân địa phương. + 02 Hội thảo: “Thực trạng và giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn huyện Quế Võ, Bắc Ninh” và “Bảo vệ môi trường nông thôn có sự tham gia của cộng đồng ở Châu Phong, Quế Võ, Bắc Ninh”; + 03 lớp đào tạo Truyền thông viên môi trường cơ sở cho ít nhất xã trong huyện Quế Võ; + 02 phóng sự được tuyên truyền trên kênh truyền hình của Thông tấn xã và truyền hình Bắc Ninh; + Tham gia 01 bài mỗi ngày phát trên Chương trình truyền thanh hàng ngày trên Đài phát thanh xã; + Mở chuyên mục để tuyên truyền, hướng dẫn bảo vệ môi trường nông thôn tại các xã của dự án trên các báo được sử dụng nhiều nhất ở các xã (dựa trên kết quả điều tra thực tế); + 10.000 đĩa DVD hướng dẫn thu gom, phân loại rác thải phát cho các hộ dân trong xã của dự án và các xã lân cận; + 10.000 sách mỏng phát cho các hộ trong 3 xã của huyện Quế Võ; + 30.000 tờ rơi tuyên truyền về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường nông thôn; + 100 băng rôn, khẩu hiệu; + 100 tranh cổ động; + 2000 cuốn “Hướng dẫn bảo vệ môi trường nông thôn” phát
---	--

		<p>cho cán bộ cấp xã, huyện, các chi hội Hội Phụ nữ, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Câu lạc bộ chăn nuôi, trồng trọt, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo được mô hình làng, xã xanh- sạch- đẹp tại xã Châu Phong. - Hỗ trợ xây dựng được Hương ước về bảo vệ môi trường được chính quyền xã ra quy định, các hộ dân, trường học, các dòng tộc cam kết thi đua thực hiện. Đây là sự tiếp thu truyền thống văn hóa tốt đẹp của làng xã Việt Nam, kết hợp với tư duy khoa học hiện đại về bảo vệ môi trường. Tạo mô hình điểm nhân rộng ra các xã khác trong huyện. - Xây dựng 03 mô hình thu gom, phân loại rác từ trong nhà ra đến cánh đồng, chuồng trại - Xây dựng 03 mô hình xử lý rác thành phân vi sinh đối với rác hữu cơ, chôn lấp đối với rác vô cơ. <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động điều tra. <ul style="list-style-type: none"> + Điều tra thực trạng ô nhiễm và xử lý rác ở các xã trong dự án; + Điều tra tập quán sinh hoạt, sản xuất với ý thức bảo vệ môi trường nông thôn, kỹ năng thu gom, phân loại và xử lý rác của người dân địa phương; + Điều tra thực trạng truyền thông bảo vệ môi trường nông thôn của các xã trong dự án. - Tổ chức nghiên cứu, thiết kế. <ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu lựa chọn và thiết kế mô hình thu gom, phân loại xử lý rác phù hợp với kết quả điều tra trên; + Thiết kế các chương trình và nội dung truyền thông. - Tư vấn, hỗ trợ xây dựng Hương ước phù hợp với truyền thống mỗi xã. - Huy động cộng đồng tham gia các mô hình truyền thông và xử lý rác thải. - Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp, HTX, Hội trên địa bàn tham gia hỗ trợ xây dựng mô hình. - Đánh giá và rút kinh nghiệm từng giai đoạn và hạng mục của dự án theo tiến độ đã xây dựng.
	Hồ Ngọc Hải	
38	Mô hình thu gom rác	a. Mục tiêu dự án

	<p>thải, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn do Hội liên hiệp Phụ nữ quản lý</p> <p>Hội liên hiệp Phụ nữ huyện An Lão, thành phố Hải Phòng</p> <p>Tổng kinh phí 1.432.772.000 GEF SGP: 1.053.500.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thu gom được 90% lượng rác thải sinh hoạt trong huyện. - Thay đổi ý thức, tiến tới thay đổi hành vi của phụ nữ cũng như nhân dân huyện An Lão trong việc thu gom, phân loại, xử lý rác thải nông thôn. - Hình thành và duy trì phong trào thu gom rác thải nông thôn, đấu tranh với hiện tượng xả rác trực tiếp ra môi trường trong cộng đồng dân cư huyện. - Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp phát triển bền vững của huyện. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được 17 mô hình “Phụ nữ thu gom rác thải” ở 17 xã, thị trấn trong huyện với phương tiện thu gom rác, phương tiện bảo hộ cho người thu gom rác đạt tiêu chuẩn. - Tổ chức 17 lớp tập huấn tại 17 xã, thị trấn nhằm nâng cao kiến thức cho hội viên phụ nữ và toàn thể nhân dân trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập 84 tổ thu gom rác do phụ nữ quản lý ở 84 thôn toàn huyện, trang bị 84 xe hút rác. - Hỗ trợ 252 thẻ bảo hiểm y tế; 252 bộ quần áo, ủng, găng tay bảo hộ cho 252 lao động trực tiếp thu gom rác. - Tổ chức 17 lớp tập huấn tại 17 xã, thị trấn nhằm nâng cao kiến thức cho hội viên phụ nữ và toàn thể nhân dân trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Vai trò của giới trong bảo vệ môi trường; + Vệ sinh môi trường và sức khỏe con người; + Trách nhiệm của mọi người trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường.
	Hồ Ngọc Hải	
39	<p>Trồng rừng ngập mặn - Giảm thiểu rủi ro thích ứng với biến đổi khí hậu bảo tồn sinh học và phát triển sinh kế bền vững</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Cải thiện và bổ sung hệ thống trồng rừng ngập mặn ven biển nhằm hạn chế sự tác động do nước biển dâng, xói mòn, sạt đất ven biển, phòng chống gió bão, bảo vệ đê, cải thiện môi trường sinh thái, đa dạng hoá các loại thủy sản và góp phần giảm tác động của biến đổi khí hậu, đồng thời phát triển bền vững sinh kế cho người dân.. Mục tiêu này phù hợp với những nguyên tắc của phong trào Chữ thập đỏ và đang được các cấp chính</p>

	<p>Hội Chữ thập đỏ thành phố Hải Phòng</p> <p>Tổng kinh phí: 50.000 USD</p> <p>GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>quyền quan tâm.</p> <p>b. Kết quả mong đợi và các hoạt động dự kiến</p> <p>1. Kết quả mong đợi 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng từ 30 – 50ha rừng ngập mặn tại các xã Đông Hưng, Tiên Hưng huyện Tiên Lãng. - Cùng cố, thành lập các đội bảo vệ rừng, huy động cán bộ, hội viên thanh thiếu niên, tình nguyện viên Chữ thập đỏ và nhân dân địa phương tích cực tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng ngập mặn mới trồng. <p>Các hoạt động:</p> <p>Hoạt động 1: Lựa chọn các xã, huyện tham gia trực tiếp dự án.</p> <p>Hoạt động 2: Phối hợp với sở Nông nghiệp và PTNT, sở Tài Nguyên – Môi trường, UBND huyện, xã khảo sát, đo GPS diện tích trồng rừng và nghiệm thu RNM (nhưng nơi có thể trồng RNM mà không nằm trong diện quy hoạch của huyện và thành phố trong vòng 20 năm).</p> <p>Hoạt động 3: Lựa chọn các hộ tham gia dự án (ưu tiên Hội viên Hội CTĐ các hộ nghèo, khó khăn, gia đình chính sách, nạn nhân chất độc da cam nhưng có lực lượng lao động).</p> <p>Hoạt động 4: Tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng</p> <p>Hoạt động 5: Huy động động cán bộ, hội viên, thanh thiếu niên, tình nguyện viên và các hộ tham gia trồng rừng.</p> <p>Hoạt động 6: Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về dự án tại các địa phương.</p> <p>2. Kết quả mong đợi 2:</p> <p>Củng cố, thành lập các đội bảo vệ rừng tại các địa phương và xây dựng khung đội ngũ cán bộ dự án các cấp, nhóm Tình nguyện viên tham gia thực hiện dự án. Củng cố những đội bảo vệ rừng đã có sẵn và thành lập tổ bảo vệ tại những xã mới.</p> <p>Các hoạt động:</p> <p>Hoạt động 1: Củng cố các đội bảo vệ cũ và thành lập các đội bảo vệ mới, được tập huấn, trang bị kiến thức, kỹ năng cho công tác chăm sóc, bảo vệ rừng.</p> <p>Hoạt động 2: Mua sắm một số trang thiết bị bảo vệ rừng như; áo mưa, giày ủng, đèn pin, lao tay...</p>
--	--	--

		<p>3. Kết quả mong đợi 3:</p> <p>Triển khai các hoạt động xây dựng mô hình sinh kế bền vững cho người dân và đội bảo vệ rừng thông qua các hoạt động như; hỗ trợ nuôi ong tại các xã Đại Hợp huyện Kiến Thụy, phường Bằng La quận Đồ Sơn; chăn nuôi bò sinh sản tại phường Tân Thành quận Dương Kinh, xã Đông Hưng, Tiên Hưng huyện Tiên Lãng...</p> <p>Các hoạt động.</p> <p>Hoạt động 1: Lựa chọn đối tượng, nhân lực và tổ bảo vệ rừng tham gia vào phát triển sinh kế.</p> <p>Hoạt động 2: Xác định nguồn con giống đảm bảo chất lượng</p> <p>Hoạt động 3: Tổ chức tập huấn cho các hộ dân tham gia nuôi ong, nuôi bò</p> <p>4. Kết quả mong đợi 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn Quản lý rủi ro thảm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân trên các phương tiện thông tin đại chúng về dự án. - 90% trở lên dân số các xã, huyện (vùng dự án) được xem phóng sự, nghe các tin tức về chương trình trồng rừng ngập mặn. - 80% trở lên cán bộ chủ chốt và cán bộ ngành, đoàn thể ở các xã tham gia dự án được tập huấn Quản lý rủi ro thảm họa và thích ứng với BĐKH. <p>Các hoạt động:</p> <p>Hoạt động 1: Tổ chức các thành viên dự án và phóng viên đi thực địa, thu thập số liệu, viết tin, bài tại các xã dự án.</p> <p>Hoạt động 2: Tổ chức tập huấn cho các cán bộ chủ chốt và các ban, ngành đoàn thể và Hội CTĐ các xã dự án.</p> <p>Hoạt động 3: Đăng tải các phóng sự, tin, bài viết về dự án trên các phương tiện thông tin đại chúng từ trung ương đến địa phương và website, bản tin Chữ thập đỏ thành phố.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
40	<p>THU TÚI NILONG TỪ RÁC THẢI SINH HOẠT GIA ĐÌNH</p> <p>Hội Nước sạch và Môi trường tỉnh Bà Rịa</p>	<p>a) Mục tiêu :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tinh thần trách nhiệm công dân với môi trường sống và cũng là trách nhiệm với sức khỏe cộng đồng . - Xây dựng công dân có văn hóa ứng xử đúng với môi trường, có

	<p>Vũng Tàu</p> <p>Tổng kinh phí 305.000.000</p> <p>GEF SGP: 155.000.000</p>	<p>tinh thần giữ gìn cảnh quan xanh sạch đẹp từ nhà đến nơi công cộng</p> <p>b) Kết quả dự kiến :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phường 9 thành phố Vũng Tàu có 5 khu phố, gần 3.000 hộ, dân số 11.200 người. Dự kiến Hội sẽ triển khai dự án tại khu phố 3 và 4 của phường 9 từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2014 với số lượng 1000 hộ. Cứ 3 tháng sẽ có kiểm tra việc rác thải sinh hoạt không còn túi nilong. Sau 12 tháng tổng kết rút kinh nghiệm, nếu dự án có kết quả tốt sẽ nhân rộng cho nhiều địa phương khác trong tỉnh . <p>c) Hoạt động dự kiến :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc với nhà máy nhựa để thống nhất thiết kế và giá thành sản phẩm của giá thu túi nilong được sản xuất tại nhà máy nhựa. - Xây dựng kinh phí cho dự án. - Phối hợp với chính quyền các cấp của thành phố Vũng Tàu để chọn 1000 hộ dân trong dự án . - Xây dựng mạng lưới cộng tác viên của Hội phối hợp với các khu phố trưởng và tổ dân phố triển khai và hướng dẫn cho từng hộ dân theo nhóm. (20 hộ dân là một nhóm) dự kiến có 50 nhóm.
	Hồ Ngọc Hải	
41	<p>Góp phần giảm thiểu nguy cơ hoang mạc hoá, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, đất và nước, đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng các dân tộc thiểu số huyện Mường Lát</p> <p>Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Thanh H</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Xây dựng các mô hình trình diễn góp phần giảm thiểu nguy cơ hoang mạc hoá vùng đầu nguồn sông Mã; Tăng cường sự tham gia cộng đồng trong việc chia sẻ công bằng lợi ích tài nguyên thiên nhiên các dân tộc, các nhóm cộng đồng trong cùng tiểu lưu vực đầu nguồn n bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, đất, nước, tạo sinh kế bền vững cộng đồng các dân tộc thiểu số huyện Mường Lát.</p> <p>b. Kết quả và các hoạt động dự kiến:</p> <p>b.1- Báo cáo kết quả điều tra, xác định được tính chất và mức độ hoang mạc hoá ở các vùng đất của huyện Mường Lát: Giảm độ phì, thành phần cơ giới, xói mòn rửa trôi, tỉ lệ tro đá mặt, mất cân bằng sinh suy giảm đa dạng sinh học... cho từng loại hình, từng khu vực trong v đưa ra được các giải pháp khắc phục hữu hiệu.</p> <p>b.2- Xây dựng được các mô hình trồng mới rừng bằng cây</p>

	<p>Tổng kinh phí: 2.700.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>ng nghiệp chủ lực xen cây nông nghiệp (<i>cây chủ nuôi thả cánh kiến ...</i>) những diện tích đất trống, đồi trọc vừa tạo độ che phủ, vừa tạo thu nhập cho người dân, lấy ngắn nuôi dài, phòng chống suy thoái đất, bảo vệ và tạo nguồn sinh thủy, chống hoang mạc hoá.</p> <p>Dự kiến 50 hecta, với sự tham gia của hàng chục hộ nông dân các dân tộc, ưu tiên phụ nữ và người nghèo.</p> <p>Quan tâm đến việc nhân rộng các mô hình của Dự án mà GEF và các tổ chức khác tài trợ đã triển khai thành công, có nhiều hiệu quả kinh tế xã hội. môi trường ở địa phương, như mô hình: Nuôi thả Cánh kiến trên các loài cây chủ; Mô hình trồng Co khiết tập trung nuôi thả cánh kiến đỏ kết hợp trồng cây nông nghiệp lấy ngắn nuôi dài;</p> <p>b.3- Mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tạo thu nhập cao... với các loại cây màu, cây nông nghiệp để duy trì nền nông nghiệp bền vững, tự cấp cho người dân vùng biên giới.</p> <p>Dự kiến 10 ha cho 20 hộ tham gia.</p> <p>b.4- Lựa chọn được các diện tích rừng nghèo kiệt, bị khai thác cạn kiệt để xây dựng được mô hình làm giàu rừng bằng trồng xen cây nông nghiệp bản địa đa loài: Lát Hoa, Vàng tâm, Giổi, De gừng, Cọ khiết, Phèn, Đậu thiều... .</p> <p>Dự kiến 30 ha, với sự tham gia của hàng chục hộ nông dân các dân tộc, ưu tiên phụ nữ và người nghèo.</p> <p>b.5- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc chia sẻ và hưởng lợi từ tài nguyên thiên nhiên giữa các dân tộc, các nhóm cộng đồng ở vùng đầu nguồn với các vùng khác trong cùng tiểu lưu vực đầu nguồn nhằm khắc phục thói quen tùy tiện “mạnh ai nấy làm” để cùng chung tay xây dựng và phát triển thôn bản.</p> <p>Xác định các tiểu lưu vực có nhiều cộng đồng đang chung sống và xây dựng trách nhiệm cho từng nhóm cộng đồng cùng chung lo quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên: Cộng đồng phía đầu nguồn có trách nhiệm trồng rừng, tạo nguồn sinh thủy; nhóm cộng đồng ở giữa lưu vực đóng góp công xây dựng, bảo vệ các hồ, đập, nguồn dự trữ nước, công trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn; nhóm cộng đồng phía cuối lưu vực đóng góp công xây dựng mương dẫn nước, công trồng rừng và bảo vệ phát triển rừng phía đầu nguồn ...</p> <p>Dự kiến 2 mô hình quản trị tài nguyên thiên nhiên, chia sẻ và hưởng lợi từ tài nguyên thiên nhiên với hàng trăm ha rừng được thiết lập, có sự tham gia và hưởng lợi từ hàng trăm hộ dân trong 2 tiểu lưu vực.</p> <p>b.6- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho chính quyền địa phương và người dân về quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.</p>
--	---	---

		<p>và cộng đồng về quản lý tài nguyên thiên nhiên; Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tăng cường tính thích ứng của cộng đồng trước nguy cơ biến đổi khí hậu; Áp dụng các kỹ thuật tiên tiến trong canh tác nông nghiệp vững, tạo thu nhập cao; Bảo vệ môi trường sống, bảo vệ rừng, đất và nước;</p> <p>Dự kiến 20 lớp tập huấn, 10 hội thảo cấp xã và cấp huyện được tổ chức với sự tham gia của trên 1000 người, ưu tiên phụ nữ và nhóm dân cư còn chịu thiệt thòi và sống phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng.</p> <p>b.7- Tham quan các mô hình quản trị tài nguyên thiên nhiên tốt và chia sẻ bài học kinh nghiệm với các địa phương khác trong tỉnh và vùng. Dự kiến 3 đợt thăm quan, chia sẻ được tổ chức, với sự tham gia của 80 cán bộ và nông dân nông cốt, ưu tiên phụ nữ và người nghèo.</p> <p>b.8- Chia sẻ thông tin và nhân rộng: Xác định được các chỉ số để báo cáo trong việc phòng và chống hoang mạc hoá, bảo vệ và phát triển rừng đất và nước ở địa phương khẳng định được sự thành công của dự án; Tài liệu hóa, giám sát và đánh giá, rút ra các bài học kinh nghiệm; Chia sẻ thông tin, đóng góp ý kiến về chính sách được tổ chức thực hiện.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
42	<p>Phản biện xã hội Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu Đa dạng Sinh học và An toàn Sinh học trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá</p> <p>Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Thanh Hoá</p> <p>Tổng kinh phí: 1.200.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Dự án đưa ra luận cứ góp phần đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, khách quan, giúp UBND tỉnh có cơ sở phê duyệt, đưa Cơ sở dữ liệu Đa dạng Sinh học và An toàn Sinh học trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá vào cuộc sống.</p> <p>b. Kết quả và các hoạt động dự kiến:</p> <p>b1. Tổng hợp các tài liệu thứ cấp về Đa dạng Sinh học và An toàn Sinh học trên địa bàn tỉnh hiện có ở các tổ chức, cơ quan, ban ngành trong tỉnh.</p> <p>b2. Điều tra ngẫu nhiên tại khu rừng đặc dụng, vùng nước, các hệ sinh thái có tính đa dạng sinh học cao để có thêm dẫn liệu, luận cứ khoa học về Đa dạng Sinh học và An toàn Sinh học trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. Dự kiến điều tra ngẫu nhiên một số hệ sinh thái đặc trưng.</p> <p>b3. Tiến hành công tác phản biện, giám định và vận động chính sách cho Dự án Đa dạng Sinh học và An toàn Sinh học của Sở Tài nguyên & Môi trường, thông qua 5 cuộc hội thảo ở 5 khu vực có hệ sinh thái đặc trưng; 3 cuộc Hội thảo cấp tỉnh để tham vấn, tập</p>

		<p>hợp và tổng kết cơ sở dữ liệu, xây dựng Báo cáo tổng kết phản biện cho Dự án.</p> <p>b4. Tổ chức các lớp tập huấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 2 khoá tập huấn về Phương pháp tư vấn phản biện, giám định và vận động chính sách nhằm tăng cường sự hiểu biết, kiến thức và kỹ năng cho 80 lượt cán bộ tổ chức hội thành viên. - Tổ chức 5 khoá tập huấn về Các vấn đề môi trường chính như đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, thoái hóa đất và hoang mạc hóa, ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải...cho 300 cán bộ khoa học, công nghệ trong tỉnh. - Tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức phản biện, giám định và vận động chính sách thông qua việc huy động và tập hợp, liên kết giữa các hội thành viên của LHH KHKT. <p>b5. Chia sẻ kinh nghiệm giữa trong công tác tư vấn phản biện, giám định và vận động chính sách; Biên soạn tài liệu hoá, bài học kinh nghiệm.</p>
	Nguyễn Ngọc Sinh	
43	<p>Xây dựng mô hình cộng đồng sản xuất phân hữu cơ vi sinh theo quy trình đồng bộ, từ nguyên liệu tự nhiên bón cho cây luống Thanh Hóa, bảo vệ môi trường, chống phát thải CO₂</p> <p>Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Thanh Hoá</p> <p>Tổng kinh phí: 1.700.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p><i>Mục tiêu tổng quát:</i> Nâng cao năng lực cộng đồng, làm cho người dân biết sản xuất men giống và sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ nguyên liệu tại chỗ để bón cho cây luống nhằm nâng cao năng suất chất lượng và hiệu quả rừng luống. Góp phần sử dụng bền vững tài nguyên đất và rừng làm chậm và giảm quá trình chai đất, giảm thiểu phát thải khí nhà kính (CO₂), góp phần chống biến đổi khí hậu. Tạo cơ hội nhân rộng ra các địa phương trong và ngoài tỉnh.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc chống hoang mạc hóa bằng việc sử dụng phân hữu cơ vi sinh bón cho cây luống. - Công đồng nắm vững được quy trình sản xuất và tự sản xuất được men vi sinh và phân hữu cơ vi sinh bằng nguyên liệu tại chỗ. <p>b. Kết quả và các hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 20 lớp tập huấn với các nội dung về hoang mạc hóa, đa dạng sinh học, kỹ thuật sản xuất men vi sinh, kỹ thuật sản phân vi sinh bằng nguyên liệu tại chỗ số lượng 1.500 lượt học viên, đối tượng chính là chị em phụ nữ thôn, bản.

		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình cộng đồng tự sản xuất phân hữu cơ vi sinh cho 50 hộ sản xuất được 60kg men giống vi sinh để sản xuất 60 tấn phân hữu cơ vi sinh bón cho 50ha luồng sau khai thác; - Tham quan dây chuyền sản xuất phân vi sinh công nghiệp tại Quảng Bình cho 20 hộ dân trong vùng dự án; - Truyền thông về tác dụng hiệu quả của mô hình tự sản xuất phân hữu cơ vi sinh; Tài liệu hoá kỹ thuật Dự án.
	Nguyễn Ngọc Lung	
44	<p>Bảo tồn và phát triển giống vịt bản địa Cổ Lũng, góp phần tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng các dân tộc thiểu số huyện Bá Thước tỉnh Thanh Hoá</p> <p>Liên hiệp hội khoa học và thuật Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 1.700.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để bảo tồn và phát triển thành công giống vịt bản địa Cổ Lũng, nhằm tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng các dân tộc thiểu số huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>b. Các hoạt động và kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, điều tra, bổ sung về điều kiện kinh tế - xã hội và tình hình chăn nuôi vịt bản địa Cổ Lũng tại huyện Bá Thước. <p>Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung về tình hình chăn nuôi vịt bản địa Cổ Lũng tại huyện Bá Thước được xây dựng nhằm xác định được hiện trạng để đưa ra các phương án tác động hữu hiệu nhằm bảo tồn thành công giống vịt bản địa Cổ Lũng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, xây dựng tiêu chuẩn giống vịt bố, mẹ nhằm xác định được các chỉ tiêu về ngoại hình và năng suất của vịt bản địa Cổ Lũng (ngoại hình, tập tính, màu sắc lông, đặc điểm sinh trưởng, trọng lượng để đưa ra các phương án bảo tồn và phát triển phù hợp. - Xây dựng tiêu chí và xác định lựa chọn các hộ tham gia mô hình của dự án nhằm lựa chọn những hộ chăn nuôi vịt có kinh nghiệm tiêu biểu cho phương thức sản xuất của vùng, chăn nuôi an toàn sinh học để tiến hành xây dựng mô hình. Dự kiến sẽ chọn được 80 hộ dân tộc Thái có kinh nghiệm nuôi vịt bản địa Cổ Lũng tham gia dự án, trong đó ưu tiên phụ nữ và người nghèo. - Lựa chọn vịt Cổ Lũng bố, mẹ đạt tiêu chuẩn. Tiến hành xây dựng các mô hình: nuôi vịt sinh sản, thương phẩm và ấp nở trứng vịt nhằm bảo tồn nguồn gen bản địa. + Mô hình nuôi vịt sinh sản bảo tồn nguồn gen quy mô: 1800 con , 30 hộ tham gia. + Mô hình nuôi vịt thương phẩm bảo tồn nguồn gen quy mô: xây dựng mô hình chăn nuôi 3.000 con vịt thương phẩm trên quy mô 30 hộ với số lượng 100 con/hộ.

		<p>+ Mô hình ấp nở trứng vịt bản địa Cổ Lũng: Xây dựng mô hình ấp nở trứng vịt với quy mô 2 máy ấp, công suất 400 - 600 trứng. Tổng số hộ tham gia là 20 hộ.</p> <p>- Theo dõi một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của các mô hình nhằm quan sát, theo dõi và xác định được các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển của giống vịt bản địa Cổ Lũng về: Đặc điểm ngoại hình (Màu sắc lông, màu mỏ, màu chân...); Tỷ lệ nuôi sống qua các giai đoạn tuổi; Khối lượng cơ thể qua các tuần tuổi; Tuổi đẻ, năng suất trứng qua các tháng đẻ, khối lượng và năng suất trứng, tỷ lệ trứng có phôi, ấp nở...vv.</p> <p>- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật tiến bộ trong chăn nuôi vịt sinh sản, thương phẩm và ấp nở trứng vịt bản địa Cổ Lũng theo hướng an toàn sinh học. Nội dung tập huấn bao gồm quy trình chọn giống, chăm sóc nuôi dưỡng, vệ sinh thú y, phòng bệnh...vv.</p> <p>Dự kiến 20 lớp tập huấn, 10 hội thảo cấp xã và cấp huyện được tổ chức với sự tham gia của gần 1000 lượt người tham gia.</p> <p>- Hoàn thiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi vịt sinh sản, thương phẩm và ấp nở trứng vịt bản địa Cổ Lũng theo hướng an toàn sinh học.</p> <p>Dự kiến xây dựng được tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nuôi vịt sinh sản, thương phẩm và ấp nở giống vịt bản địa Cổ Lũng phù hợp với điều kiện chăn nuôi của địa phương.</p> <p>- Tham quan các mô hình chăn nuôi gia cầm bảo tồn nguồn gen theo hướng an toàn sinh học và chia sẻ bài học kinh nghiệm với các địa phương khác trong tỉnh và ngoài tỉnh. Dự kiến 3 đợt thăm quan, chia sẻ được tổ chức, với sự tham gia của 90 cán bộ và nông dân nòng cốt, ưu tiên phụ nữ và người nghèo.</p> <p>- Xây dựng thương hiệu vịt Cổ Lũng: Dự kiến sẽ đăng ký và xây dựng được thương hiệu vịt Cổ Lũng Bá Thước.</p> <p>- Chia sẻ thông tin và nhân rộng: Việc tài liệu hóa, giám sát và đánh giá, chia sẻ thông tin, đóng góp ý kiến về chính sách được tổ chức thực hiện.</p>
	Trần Thúc Sơn	
45	Hỗ trợ năng lực về biến đổi khí hậu (BĐKH) cho phụ nữ huyện Nông Cống, để cải thiện hiệu quả sản xuất nông	<p>a. Mục tiêu cụ thể gồm:</p> <p>- Nâng cao nhận thức và năng lực của người dân, đặc biệt là phụ nữ, về ảnh hưởng, thực trạng, cũng như giải pháp ứng phó với hiện tượng XNM và hạn hán;</p>

	<p>ng nghiệp góp phần phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh BĐKH</p> <p>Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 55.000 USD (tương đương 1.161.600.000 VNĐ)</p> <p>GEF SGP: 45.000 USD (tương đương 950.400.000 VNĐ)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi hành vi sử dụng đất và nước của người dân, đặc biệt là phụ nữ, hướng đến sử dụng đất và nước bền vững, ứng phó với BĐKH; - Giảm thiểu các tác động tiêu cực của BĐKH, XNM, và khô hạn thông qua thực hiện các mô hình nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật phù hợp; - Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong quản lý và sử dụng tài nguyên đất và nước, cũng như các hoạt động ứng phó với BĐKH. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>1 Dựa trên nhận thức và năng lực được nâng cao về BĐKH, hiện tượng XNM và hạn hán, phụ nữ chủ động thay đổi hành vi sử dụng đất và nước, cũng như ứng phó và thích ứng tốt hơn với BĐKH.</p> <p>1.1 Bộ tài liệu truyền thông, bộ công cụ giảng dạy và bộ công cụ cho CTV được xây dựng để phổ biến, tuyên truyền dễ dàng.</p> <p>1.2 Năng lực cán bộ Hội LHPN huyện, xã và CTV về BĐKH, tác động của XNM và khô hạn, biện pháp thích ứng với XNM và khô hạn được nâng cao.</p> <p>1.3 Tuyên truyền, phổ biến về BĐKH, tác động của XNM và khô hạn được tăng cường thông qua hệ thống thông tin địa phương.</p> <p>1.4 Nhận thức của phụ nữ và người dân về BĐKH, tác động của XNM và khô hạn và biện pháp thích ứng với XNM được nâng cao thông qua các cuộc thi diễn kịch về chủ đề BĐKH và các buổi họp của Hội.</p> <p>1.5 Phụ nữ có đủ năng lực và thông tin để lựa chọn biện pháp thích ứng trong đời sống và sinh kế.</p> <p>2 Tài nguyên đất và nước được sử dụng một cách hiệu quả và hợp lý: đất nông nghiệp bị XNM và hạn hán được khai thác một cách hiệu quả thông qua những kỹ thuật nông nghiệp phù hợp.</p> <p>2.1 Kế hoạch sử dụng tài nguyên tại thôn được xây dựng nhằm: xác định rõ sự phân bố và áp lực của vùng đất và nước bị tác động bởi XNM và hạn hán, cũng như áp lực của nhu cầu sinh kế của cộng đồng và các cơ chế chính sách ảnh hưởng đến.</p>
--	---	---

		<p>Phụ nữ có khả năng xác định các ưu tiên, lựa chọn và phân bổ nguồn lực hạn chế phù hợp (thời gian, tiền bạc, kỹ thuật canh tác, ...) để ứng phó với XNM và hạn hán.</p> <p>Tăng cường vai trò phụ nữ trong lập kế hoạch, sử dụng và giám sát tài nguyên đất và nước và phân bổ nguồn lực địa phương.</p> <p>2.2 Sản xuất nông nghiệp tại các mô hình được áp dụng kỹ thuật ứng phó với hiện tượng XNM và hạn hán trong điều kiện BĐKH.</p> <p>Các hoạt động khuyến nông được tăng cường thông qua các mô hình để hướng dẫn trực quan phụ nữ áp dụng kỹ thuật ứng phó với XNM và hạn hán.</p> <p>Tăng cường vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ gia đình thông qua việc tham gia các mô hình nông nghiệp thích ứng XNM và hạn hán.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <p>1 Thông tin, Đào tạo, và Truyền thông (IEC) bao gồm 03 chủ đề sau: (i) BĐKH, (ii) Tác động của XNM và khô hạn, (iii) Các biện pháp thích ứng với XNM và khô hạn.</p> <p>1.1 Soạn thảo tài liệu truyền thông, bộ công cụ giảng dạy và bộ công cụ cho cộng tác viên sẽ do Cơ quan Tư vấn chịu trách nhiệm. Trong đó, Viện Quy hoạch Thiết kế Nông nghiệp (QHTKNN) chịu trách nhiệm chủ đề BĐKH, Tác động của XNM và khô hạn, Trung tâm khuyến nông Huyện sẽ kết hợp cùng Viện QHTKNN thiết kế các tài liệu liên quan đến biện pháp thích ứng với XNM và khô hạn.</p> <p>1.2 Viện QHTKNN tổ chức tập huấn 02 chủ đề BĐKH và Tác động của XNM/khô hạn. Trung tâm khuyến nông huyện tổ chức tập huấn các biện pháp thích ứng với XNM và khô hạn. Bộ công cụ giảng dạy do dự án thiết kế được sử dụng để truyền đạt kiến thức cho cán bộ Hội LHPN huyện, xã, và cộng tác viên.</p> <p>1.3 Hội LHPN huyện chủ động cung cấp tài liệu truyền thông do dự án thiết kế cho hệ thống thông tin của xã dự án (loa đài, bảng tin. ...) tại các thôn.</p> <p>1.4 CTV sử dụng bộ công cụ do dự án cung cấp truyền đạt thông tin cho người dân tại các thôn, thông qua các cuộc</p>
--	--	---


		<p>hợp thôn và hợp của Hội LHPN.</p> <p>CTV kết hợp cùng các chi hội phụ nữ tại các thôn tổ chức cuộc các cuộc thi tiểu phẩm văn nghệ về chủ đề BĐKH.</p> <p>1.5 Trung tâm khuyến nông kết hợp cùng CTV tổ chức tập huấn cho người dân, những người tham gia mô hình, các biện pháp thích ứng với XNM và khô hạn.</p> <p>2 Ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp phù hợp với điều kiện xâm nhập mặn và hạn hán</p> <p>2.1 Xây dựng kế hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại thôn/bản: Viện QHTKNN rà soát Quy hoạch sử dụng đất huyện Nông Công, Quy hoạch Nông thôn mới xã dự án, và các tài liệu kỹ thuật liên quan đến XNM và hạn hán. Viện sử dụng phương pháp có sự tham gia tìm hiểu các vấn đề thực tế về XNM và hạn hán tại xã dự án. Viện QHTKNN kết hợp cùng Trung tâm Khuyến nông huyện đề xuất các phương pháp thích ứng phù hợp.</p> <p>2.2 20 mô hình nông nghiệp thích ứng XNM và hạn hán dựa trên các Kế hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại mỗi thôn sẽ được thực hiện. Trung tâm khuyến nông huyện cử cán bộ hướng dẫn và giám sát các mô hình.</p>
	Nguyễn Trọng Hiệu	
46	<p>Xây dựng mô hình cộng đồng tham gia trồng rừng ngập mặn góp phần phòng hộ bảo vệ bờ biển và bảo tồn hệ sinh thái vùng ven biển Thái Bình</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa học – Kỹ thuật tỉnh Thái Bình</p> <p>Tổng kinh phí: 1.400.000.000</p>	<p>Mục tiêu của dự án:</p> <p>Mục tiêu chung:</p> <p>Phát triển trồng rừng ngập mặn để khép kín và mở rộng vành đai rừng ngập mặn bảo vệ bờ biển, phát triển và bảo tồn đa dạng sinh học khu sinh quyển rừng ngập mặn ở Thái Bình, tạo việc làm, tăng thu nhập cho ngư dân vùng ven biển.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra mô hình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn có sự tham gia của cộng đồng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể. - Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cư dân ven biển trong việc trồng và bảo vệ rừng ngập mặn; - Triển khai mô hình trình diễn trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn có hiệu quả cao và có thể nhân rộng ra các địa phương khác; <p>Kết quả dự kiến:</p>







	<p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức và hành vi của cộng đồng về trồng và bảo vệ rừng ngập mặn được nâng lên. - Đưa ra được quy trình kỹ thuật dễ hiểu, dễ làm, phù hợp với điều kiện của địa phương. - Xây dựng được mô hình quản lý bảo vệ rừng ngập mặn hiệu quả kinh tế cao và có thể áp dụng rộng rãi đến nhiều địa phương khác. - Mô hình là cơ sở để phát triển bền vững trồng rừng ngập mặn ở Thái Bình, sẽ khép kín vành đai bảo vệ đê biển Thái Bình trong thời gian tới, phát triển bền vững đa dạng sinh học vùng rừng ngập mặn, thu nhập của cư dân ven biển tăng lên. <p>Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tuyên truyền qua hệ thống thông tin đại chúng như Đài phát thanh, Đài truyền hình, Trường học. - Thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) trồng và bảo vệ rừng ngập mặn cấp xã. - Thành lập các tổ chuyên môn: ươm cây giống, trồng rừng và chăm sóc bảo vệ. - Xây dựng quy trình kỹ thuật trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. - Tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, hội thảo đầu bờ, thăm quan học tập. - Triển khai trồng rừng ngập mặn. - Áp dụng hình thức giao bãi, giao rừng đến tận hộ gia đình để chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng ngập mặn.
	Nguyễn Ngọc Lung	
47	<p>Ngăn chặn sự suy giảm chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm cá ngừ đánh bắt bằng phương pháp câu tay</p> <p>Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ Thủy sản Việt Nam (FITES)</p>	<p>a. Mục tiêu: Ngăn chặn sự suy giảm chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm cá ngừ đánh bắt bằng phương pháp câu tay.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp làm ngất bằng điện và phương pháp “trôi” cá ngừ bằng túi hơi được áp dụng thành công, sẽ khắc phục được tình trạng chất lượng thịt cá bị suy giảm (biến màu, có vị chua, mềm nhão) - Phương pháp phòng ngừa lây nhiễm vi khuẩn từ người, dụng cụ sơ chế và hàm bảo quản vào cá ngừ được áp dụng, sẽ ngăn chặn được hiện tượng suy giảm chất lượng và sinh độc tố histamin. - Các kết quả của dự án được phổ biến áp dụng rộng rãi cho




	GEF SGP : 1.050 triệu đồng	<p>ngư dân khai thác cá ngừ thuộc 3 tỉnh Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa</p> <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <p>Hoạt động 1: Tiếp tục hoàn thiện phương pháp “tróir” cá ngừ bằng túi hơi, khắc phục tình trạng cá vùng vẫy làm thủng túi.</p> <p>Hoạt động 2 : Nghiên cứu thiết kế hệ thống bình ac quy, dây dẫn điện nối với lưới câu, để làm ngắt cá ngừ ngay sau khi cá dính câu.</p> <p>Hoạt động 3 : Hoàn thiện kỹ thuật bắn đinh nhọn vào não cá bằng súng hơi làm cá ngừ chết nhanh, vết thương tạo ra không ảnh hưởng tới yêu cầu chế biến,</p> <p>Hoạt động 4 : Xây dựng và hướng dẫn thực hành quy phạm vệ sinh chuẩn trong sơ chế và bảo quản cá ngừ để ngăn ngừa lây nhiễm vi khuẩn từ người, dụng cụ chế biến, hầm bảo quản vào cá và ngăn ngừa hiện tượng vi khuẩn sinh độc tố histamin</p> <p>Hoạt động 5 : Tổng kết, viết tài liệu hướng dẫn, tổ chức phổ biến ứng dụng cho cơ quan quản lý địa phương và ngư dân các tỉnh Bình Định, Phú yên và Khánh Hòa.</p>
	Nguyễn Chu Hồi	
48	<p>Xây dựng mô hình điểm thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn dựa vào cộng đồng tại xã Triệu An, huyện Triệu Phong và nhân rộng mô hình trên địa bàn toàn tỉnh</p> <p>Hội phụ nữ xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí: 700.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Xử lý ô nhiễm môi trường phát sinh do rác thải sinh hoạt nông thôn.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>Hệ thống thu gom và xử lý rác thải nông thôn.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, thiết kế phương án kỹ thuật và dự toán của dự án. - Làm việc với cộng đồng về nội dung thực hiện của dự án, cam kết của cộng đồng cùng thực hiện. - Tuyên truyền, tập huấn người dân. - Xây dựng điểm tập kết rác. - Thành lập đội thu gom rác thải của xã. - Mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động của đội thu gom. - Vận hành, nghiệm thu, phổ biến hiệu quả của mô hình. - Hỗ trợ cho khoảng 10 xã để xây dựng mô hình thu gom, xử lý rác thải nhằm nhân rộng mô hình trên địa bàn toàn tỉnh.

	Hồ Ngọc Hải	
49	<p>Đánh giá hiện trạng môi trường và nghiên cứu thực nghiệm công nghệ xử lý khí thải phát sinh từ lò than tại xã Phú Tân, huyện châu Thành, tỉnh Hậu Giang</p> <p>Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường tỉnh Hậu Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 50.000 USD</p> <p>GEF SGP: 40.000 USD</p>	<p>a.1. Mục tiêu tổng quát</p> <p>Đánh giá tác động của hoạt động sản xuất than củi đến cộng đồng dân cư và nghiên cứu thực nghiệm công nghệ và thiết bị để xác định thiết bị xử lý khí thải phù hợp nhằm triển khai đại trà cho các cơ sở sản xuất than hầm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.</p> <p>a.2. Mục tiêu cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định mức độ ô nhiễm của khí thải phát sinh từ lò hầm than - Đánh giá tác động của nghề hầm than củi đến sức khỏe của cộng đồng dân cư, và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. - Nghiên cứu thực nghiệm để lựa chọn công nghệ và thiết bị xử lý phù hợp. - Đề xuất giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường ở các lò hầm than tại xã Phú Tân. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả đánh giá về mức độ phát thải, thành phần các chất ô nhiễm trong khí thải lò hầm than, mức độ ô nhiễm không khí ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống của người dân và đề xuất các giải pháp quản lý, công nghệ xử lý và bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất than củi trên địa bàn xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. - Công nghệ và bản vẽ thiết kế mẫu đối với thiết bị xử lý khí thải lò than phù hợp để triển khai ứng dụng cho các hộ sản xuất than. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu xác định mức độ phát thải và thành phần các chất ô nhiễm không khí trong khí thải lò hầm than. - Nghiên cứu xác định mức độ ô nhiễm không khí xung quanh các lò hầm than và đánh giá tác hại của việc ô nhiễm khí thải lò hầm than đến sức khỏe cộng đồng và điều kiện kinh tế - xã hội của các hộ dân vùng dự án. - Nghiên cứu thực nghiệm và đề xuất lựa chọn công nghệ xử lý khí thải lò hầm than với chi phí hợp lý có thể triển khai ứng dụng cho các hộ sản xuất than. - Đề xuất các giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường từ hoạt động sản xuất than củi trên địa bàn thực hiện dự án.

	Nguyễn Trọng Hiệu	
50	<p>Xây dựng tổ chức Tổ cộng đồng về bảo vệ, tái tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lợi Sò lông (Anadara antiquata line) tại vùng biển ven bờ xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận</p> <p>Hội nghề cá tỉnh Bình Thuận</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000</p> <p>GEF SGP: 800.000.000</p>	<p>a) Mục tiêu: Khôi phục nguồn lợi Sò lông đang bị cạn kiệt tại vùng biển ven bờ xã Thuận Quý. Nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, môi trường biển. Tạo sinh kế bền vững, lâu dài cho cộng đồng ngư dân địa phương. Tạo được mô hình trình diễn để nhân rộng toàn tỉnh.</p> <p>b) Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thành công việc tổ chức giao mặt nước của UBND Tỉnh cho Tổ cộng đồng sử dụng vào mục đích bảo vệ, tái tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lợi Sò lông trong năm đầu tiên thực hiện dự án. - Một mô hình Tổ cộng đồng về quản lý, bảo vệ, tái tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lợi Sò lông cho khoảng 20 hộ ngư dân lặn trong năm đầu tiên thực hiện dự án. - Xây dựng và tổ chức thực thi có hiệu quả quy chế hoạt động của Tổ cộng đồng, qui chế phối hợp giữa các bên liên quan trong năm đầu tiên và những năm tiếp theo của dự án. - Sau 3 năm triển khai, phục hồi và phát triển được nguồn lợi Sò lông tại vùng biển xã Thuận Quý theo hướng tốt hơn thời điểm chưa xây dựng tổ chức Tổ cộng đồng. - Sau 3 năm triển khai, sinh kế của cộng đồng tham gia mô hình sẽ bền vững, ổn định và tốt hơn thời điểm chưa xây dựng tổ chức tổ cộng đồng. - Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực đồng quản lý nguồn lợi thủy sản của chính quyền, ngư dân và các bên liên quan. - đúc kết và chia sẻ rộng rãi những bài học kinh nghiệm của mô hình. Nhân rộng phương thức đồng quản lý trong nghề cá ra các xã, huyện khác. <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Các hoạt động tiền dự án: Điều tra, khảo sát và xây dựng thuyết minh dự án; Hội thảo tham vấn cộng đồng, các bên liên quan; Thành lập Ban thực hiện dự án; Xây dựng kế hoạch, phân công thực hiện dự án; Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện triển khai thí điểm giao quyền sử dụng mặt nước cho cộng đồng ngư dân theo Nghị định số 33/NĐ-CP ngày 31/03/2010 của Thủ tướng Chính phủ. * Các hoạt động triển khai thực hiện dự án: <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập tổ chức tổ cộng đồng là những ngư dân hành

		<p>nghe lẫn tại địa phương, có Ban quản lý Tổ do cộng đồng tự bầu ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng điều lệ và quy định cộng đồng: điều lệ và quy ước do các thành viên cộng đồng xây dựng lên với sự hỗ trợ của cán bộ dự án được chính quyền địa phương công nhận. - Xây dựng qui chế phối hợp, hỗ trợ tổ cộng đồng của các bên liên quan. - Đánh dấu vùng dự án (vùng được giao, vùng cho phép khai thác, vùng bảo vệ bãi đẻ của Sò lông,...): tại vùng bảo vệ nghiêm ngặt sử dụng lưới bao khoanh vùng, tại các điểm khác sử dụng phao, cờ hiệu để đánh dấu. - Tổ chức thực thi, giám sát việc tuân thủ các qui định của pháp luật, điều lệ quy ước của Tổ cộng đồng tại vùng dự án. - Theo dõi các yếu tố môi trường, tự nhiên,...biến động và sinh trưởng của nguồn lợi Sò lông. - Khai thác nguồn giống tự nhiên từ các nơi khác thả bổ sung vào vùng bảo vệ bãi đẻ của sò lông. Phối hợp với các Viện, Trường nghiên cứu xây dựng qui trình công nghệ sản xuất giống nhân tạo Sò lông phục vụ công tác tái tạo nguồn lợi và thả nuôi tự nhiên nhằm gia tăng thêm thu nhập cho ngư dân. - Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho các ngư dân nòng cốt, các cán bộ địa phương, các bên liên quan. - Áp dụng thực hành theo các tiêu chuẩn của tổ chức WWF (Quỹ bảo tồn thiên nhiên Quốc tế) tiến tới việc xây dựng chứng nhận MSC cho nghề khai thác Sò lông tại vùng biển xã Thuận Quý.
	Nguyễn Chu Hồi	
51	<p>Cộng đồng, doanh nghiệp và chính quyền Hội An chung tay giảm ô nhiễm môi trường nước</p> <p>Trung tâm Hành động vì Sự phát triển Đô thị</p> <p>Tổng kinh phí:</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Mục tiêu dài hạn: Môi trường nước ở thành phố Hội An được quản lý một cách bền vững</p> <p>Mục tiêu ngắn hạn: Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước ở Hội An thông qua việc tạo sự đồng thuận giữa người dân, chính quyền và doanh nghiệp hướng tới các giải pháp bảo vệ môi trường nước dựa vào cộng đồng.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p> Kết quả 1: Người dân và khối doanh nghiệp được nâng</p>

	<p>1.200.000.000</p> <p>GEF SGP :</p> <p>1.100.000.000</p>	<p>cao nhận thức về ô nhiễm môi trường nước do tác động của nước thải.</p> <ul style="list-style-type: none">  Kết quả 2: Một số mô hình thí điểm về xử lý nước thải phi tập trung được xây dựng tại các nhà hàng, khách sạn, lò mổ, khu dân cư.  Kết quả 3: Thí điểm mô hình sản xuất theo quy trình nông nghiệp hữu cơ tại Hội An.  Kết quả 4: Các thỏa thuận/cam kết giữa các bên liên quan (chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân) về xử lý nước thải và sản xuất theo quy trình nông nghiệp hữu cơ được kí kết và thực hiện.  Kết quả 5: Mô hình thực tế được biến thành chính sách của Hội An và được chia sẻ cho các địa phương khác. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none">  Các hoạt động để đạt được kết quả 1: Người dân và khối doanh nghiệp được nâng cao nhận thức về ô nhiễm môi trường nước do tác động của nước thải. ✓ Tổ chức cuộc họp tham vấn các bên liên quan. ✓ Thiết kế các tài liệu truyền thông. ✓ Tổ chức đào tạo, tập huấn. ✓ Thực hiện các chiến dịch cộng đồng. ✓ Kiểm tra, khảo sát thực trạng xử lý nước thải tại các nhà hàng, khách sạn, lò mổ, khu dân cư. ✓ Xây dựng bản danh sách các hành động có thể thực hiện được tại các nhà hàng, khách sạn, lò mổ, khu dân cư để góp phần giảm nguy cơ ô nhiễm do nước thải. ✓ Các cuộc họp thường xuyên với các nhà hàng, khách sạn, lò mổ, khu dân cư để cung cấp hỗ trợ liên tục.  Các hoạt động để đạt được kết quả 2: Một số mô hình thí điểm về xử lý nước thải phi tập trung được xây dựng tại các nhà hàng, khách sạn, lò mổ, khu dân cư. ✓ Khảo sát các địa điểm có thể xây dựng mô hình thí điểm. ✓ Xây dựng thiết kế kỹ thuật cho mô hình thí điểm. ✓ Huy động vốn để xây dựng các mô hình thí điểm. ✓ Hỗ trợ kỹ thuật trong suốt quá trình xây dựng mô hình thí
--	--	--

		<p>điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tiến hành kiểm tra chất lượng nước thải tại điểm xây dựng mô hình thí điểm. ✓ Xây dựng tài liệu mang tính tuyên truyền, giáo dục: áp phích, tờ rơi, đăng ký bài viết về các điểm trình diễn. ✓ Thu thập các mẫu điều tra lấy ý kiến phản hồi của khách khi đến tham quan mô hình thí điểm. <p> Các hoạt động để đạt được kết quả 3: Thí điểm mô hình nông nghiệp hữu cơ tại Hội An.</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tổ chức cuộc họp tham vấn các bên liên quan. ✓ Xây dựng các tài liệu tuyên truyền về tác hại của sử dụng hóa chất đến môi trường đất, nước và sức khỏe con người ✓ Khảo sát các khu đất có thể làm thí điểm mô hình nông nghiệp hữu cơ. ✓ Khảo sát các giống cây trồng phù hợp với điều kiện canh tác, khí hậu, đất, nước... tại địa phương. ✓ Làm báo cáo kinh tế - kỹ thuật cho mô hình thí điểm. ✓ Tổ chức buổi tham vấn cộng đồng dân cư để lấy ý kiến, vận động người dân tham gia chương trình. ✓ Xây dựng chiến lược quảng bá cho sản phẩm, các cách tiếp cận người tiêu dùng. <p> Các hoạt động để đạt được kết quả 4: Các thỏa thuận/cam kết giữa các bên liên quan (chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân) về xử lý nước thải và sản xuất theo quy trình nông nghiệp hữu cơ được kí kết và thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Xây dựng bản sơ thảo về các thỏa thuận/cam kết. ✓ Tổ chức cuộc họp định kỳ giữa các phòng ban của thành phố, các nhà hàng, khách sạn, lò mổ, khu dân cư để hoàn thiện các thỏa thuận /cam kết. ✓ Chính quyền địa phương tổ chức cuộc họp với các bên liên quan để công bố bản thỏa thuận/cam kết. ✓ Tổ chức các cuộc họp định kì giữa chính quyền địa phương và các bên liên quan để đánh giá hiệu quả thực hiện bản thỏa thuận/cam kết. <p> Các hoạt động để đạt được kết quả 5: Tổng kết các kinh nghiệm và chia sẻ cho các địa phương khác.</p>
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> ✓ Nghiên cứu baseline về thực trạng ô nhiễm môi trường nước ở khu vực dân cư, lò mổ, nhà hàng khách sạn, đồng ruộng có sử dụng hóa chất ✓ Nghiên cứu, đo đạc chất lượng nước để so sánh trước và sau khi có can thiệp của dự án ✓ Tổng kết các kinh nghiệm gặt hái được thành tài liệu để chia sẻ cho các địa phương khác.
	Hồ Ngọc Hải	
52	<p>Xử lý nước thải từ khu xử lý nước có công suất vừa và nhỏ thuộc các hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Ninh Thuận</p> <p>Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Ninh Thuận</p> <p>Tổng kinh phí: 1.200.000.000</p> <p>GEF SGP : 1.100.000.000</p>	<p>a/ Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý theo tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - cột B (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt). - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong khu vực do việc tồn đọng nước thải không được xử lý. <p>b/ Kết quả dự kiến chất lượng nước sau khi xử lý đạt được:</p> <p>Phần công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - TCXDVN 7957-2008: Thoát nước - Mạng lưới và Công trình bên ngoài. - TCXDVN 4474-1987: Tiêu chuẩn thoát nước bên trong công trình. <p>Phần môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chuẩn Việt Nam 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. - Quy chuẩn Việt Nam QCVN 08 - 2008 về chất lượng nước mặt. <p>c/ Hoạt động dự kiến:</p> <p>d. Tổ chức thực hiện và quản lý dự án : Đơn vị Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Ninh Thuận, Tổ chức trong việc thực hiện và quản lý dự án.</p> <p>e. Thời gian thực hiện dự án : trong năm 2013 đến 2015</p>
	Hồ Ngọc Hải	
53	Tăng cường năng lực, phát triển bền vững	<p>Mục tiêu của dự án:</p> <p>Tăng cường năng lực và phát triển bền vững ngành ngư nghiệp đánh</p>

	<p>ngành ngư nghiệp và giảm thải khí nhà kính cho đội tàu đánh bắt thủy sản tại Việt Nam bằng cách dùng đèn LED thay thế các nguồn sáng truyền thống</p> <p>Hội Chiếu sáng Đô thị Việt Nam VULA (thuộc Tổng hội Xây dựng Việt Nam)</p> <p>Tổng kinh phí: 2.500.000.000</p> <p>GEF/SGP: 47.450 USD (tương đương 1.000.000.000 VNĐ)</p>	<p>bắt hải sản cho đội tàu đánh bắt thủy sản tại Việt Nam bằng cách dùng LED thay thế các nguồn sáng truyền thống. Giảm chi phí sản xuất cho ngư dân, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường cũng như sức khỏe của ngư dân.</p> <p>Kết quả dự kiến của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ lắp ráp hệ thống đèn LED hoạt động hiệu quả trên tàu được hoàn thiện và chuyển giao cho 02 tàu đánh cá lựa chọn. - 02 mô hình hệ thống đèn LED được xây dựng và vận hành tại các tàu đánh cá được lựa chọn. - Các lớp học về nâng cao nhận thức biến đổi khí hậu vai trò của bảo vệ môi trường trong việc phát triển ngư nghiệp bền vững; lợi ích của việc sử dụng đèn LED trong đánh bắt hải sản xa bờ, qui trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống đèn tại các tàu đánh cá được lựa chọn và tại các cơ sở khác có nhu cầu chuyển giao công nghệ. - 2-3 hội thảo, góp phần thúc đẩy nhân rộng mô hình. - 02 báo cáo: 01 báo cáo về hiệu quả của việc sử dụng đèn LED đối với việc đánh bắt hải sản thông qua các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; 01 báo cáo về tác động đến môi trường sinh thái sau khi sử dụng đèn LED với các thông số môi trường trước và sau khi triển khai dự án.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
55	<p>Xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân hữu cơ vi sinh góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và hướng tới sự phát triển nông nghiệp bền vững với sự tham gia của cộng đồng địa phương</p> <p>Hội nông dân huyện Gia Lâm, Hà Nội</p> <p>Tổng kinh phí:</p>	<p>Mục tiêu của dự án:</p> <p>Xây dựng được các mô hình xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân hữu cơ vi sinh sử dụng chế phẩm sinh học EMTSA quy mô hộ gia đình. Mô hình sử dụng phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm nông nghiệp đạt hiệu quả cao cho một số loại cây trồng tại khu vực triển khai dự án (cây lúa, cây cà chua, một số loại rau trồng). Nâng cao nhận thức của cộng đồng về lợi ích của việc sử dụng phân hữu cơ trong nông nghiệp và vai trò của bảo vệ môi trường trong việc phát triển nông nghiệp bền vững.</p> <p>Kết quả dự kiến của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân hữu cơ vi sinh ứng dụng đạt hiệu quả cao cho một số loại cây trồng tại khu vực triển khai dự án. - Các lớp học/tập huấn cho người dân (50-100 người) về

	<p>2.300.000.000</p> <p>GEF/SGP: 47.450 USD (tương đương 1.000 000 000 VNĐ)</p>	<p>nâng cao nhận thức biến đổi khí hậu; lợi ích của việc sử dụng phân hữu cơ trong nông nghiệp và vai trò của bảo vệ môi trường trong việc phát triển nông nghiệp bền vững; qui trình xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân hữu cơ sử dụng chế phẩm EMTSA và các địa phương khác có nhu cầu chuyển giao công nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2-3 hội thảo, góp phần thúc đẩy nhân rộng mô hình. - 04 báo cáo: 01 báo cáo về thành phần, tình hình thu gom và xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất nông nghiệp các xã triển khai; 01 báo cáo về thực trạng môi trường đất, nước, các chỉ tiêu an toàn thực phẩm của nông sản; 01 báo cáo về hiệu quả của việc sử dụng phân hữu cơ vi sinh đối với một số loại rau màu qua các chỉ tiêu về tính chống chịu, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; 01 báo cáo về tác động đến môi trường sinh thái sau khi sử dụng phân hữu cơ vi sinh.
	Trần Thúc Sơn	
56	<p>Nghiên cứu đặc điểm sinh thái rùa Trung Bộ (<i>Mauremys annamensis</i>) và thiết lập chương trình bảo tồn có sự tham gia của cộng đồng</p> <p>Mạng lưới Sông ngòi Việt Nam (VRN)</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Mục tiêu dài hạn Bảo tồn bền vững loài rùa Trung bộ. ➤ Mục tiêu trung hạn Thành lập khu bảo tồn sinh cảnh loài rùa Trung Bộ ở tỉnh Quảng Ngãi. ➤ Mục tiêu của dự án <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học về đặc điểm sinh thái của rùa Trung Bộ. - Thí điểm phục hồi tập tính tự nhiên của các cá thể rùa Trung Bộ đang sống trong môi trường nuôi nhốt. - Khôi phục một quần thể rùa Trung Bộ trong tự nhiên và duy trì sinh cảnh bền vững của loài. - Nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng, chính quyền địa phương và các cơ quan truyền thông vào công tác bảo tồn rùa Trung Bộ. - Tạo cơ hội phát triển kinh tế - xã hội địa phương qua công tác bảo tồn đa dạng sinh học. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khoa học toàn diện về đặc điểm sinh thái của rùa Trung Bộ, đăng trên tạp chí khoa học SCI hoặc SCI-E, và các tạp chí trong nước.

		<ul style="list-style-type: none"> - Một nhóm cộng đồng bảo tồn rùa được thành lập và hoạt động ở huyện Bình Sơn (đối tượng ưu tiên là nông dân và phụ nữ tại chỗ tích cực chủ động tham gia vào nhóm). - Cộng đồng, chính quyền và các cơ quan truyền thông địa phương được nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học và tham gia tích cực vào công tác bảo tồn rùa Trung Bộ. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Nghiên cứu đặc điểm sinh thái của rùa Trung bộ: gồm 2 hoạt động chính sau: <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, ghi nhận và đánh giá các hoạt động sinh sống và tập tính sinh thái của loài rùa về: chủng loại thức ăn, địa điểm hoạt động ngày – đêm, sinh sản, và các mối đe dọa... - Hỗ trợ cho việc theo dõi (radio tracking) các cá thể rùa Trung Bộ được bắt ngoài tự nhiên. ➤ Bảo tồn rùa Trung Bộ với sự tham gia của cộng đồng: <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập nhóm tình nguyện viên bảo tồn rùa ở cộng đồng 3 xã thuộc vùng dự án của huyện Bình Sơn. Thiết lập quy chế hoạt động riêng và chương trình giám sát ngoài thiên nhiên. - Tập huấn các kiến thức và kỹ năng về bảo tồn rùa cho nhóm cộng đồng. - Thành lập câu lạc bộ xanh “Học sinh bảo tồn rùa” trong phạm vi cấp huyện và xã. - Tổ chức cuộc thi vẽ tranh về rùa Trung Bộ cho học sinh mẫu giáo và tiểu học. - Tăng cường nhận thức về bảo tồn rùa Trung Bộ đối với các cơ quan truyền thông, cộng đồng và trường học.
	Nguyễn Chu Hồi	
57	Trạm bơm tưới tổ 2, thôn Phước Hà, xã Bình Phú, huyện Thăng Bình Hội nông dân huyện Thăng Bình, tỉnh	<p>Mục tiêu:</p> <p>a. Mục tiêu trước mắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp nước phục vụ tưới cho 21 ha đất trồng lúa thuộc các tổ 3 & 4 thôn Phước Hà và thôn 1 (Điện An, xã Bình Định Nam), nhằm đảm bảo an ninh lương thực cho khoảng 585 người dân, đảm bảo an toàn dân sinh và kinh tế trong khu vực; - Ổn định về tâm lý để người dân an tâm sinh hoạt và sản xuất

	<p>Quảng Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 2.889.504.000</p> <p>GEF SGP: 1.053.500.000</p>	<p>của cải vật chất; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong lao động sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo mối liên kết trong phát triển kinh tế nội bộ vùng, thông qua các chương trình hợp tác phát triển giữa các tỉnh trong vùng; <p>b. Mục tiêu lâu dài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo kết cấu hạ tầng đồng bộ để phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và giao lưu giữa vùng nông thôn huyện Thăng Bình và các huyện lân cận; tạo điều kiện nâng cao đời sống nhân dân, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa vùng thành thị với vùng nông thôn và miền núi; - Tạo cơ sở hạ tầng chiến lược cho sự phát triển kinh tế của địa phương, thu hút đầu tư trên các lĩnh vực công nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng tích cực; - Xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng nông thôn một cách bền vững, gắn phát triển với bảo vệ cảnh quan, môi trường và nguồn nước <p>Kết quả dự kiến:</p> <p>Sau khi dự án hoàn thành sẽ mang lại kết quả rất khả quan cho dân sinh và kinh tế trong khu vực; cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp nước phục vụ tưới cho 21 ha đất trồng lúa thuộc các tổ 3 & 4 thôn Phước Hà và thôn 1(Điện An, xã Bình Định Nam), nhằm đảm bảo an ninh lương thực cho khoảng 585 người dân, đảm bảo an toàn dân sinh và kinh tế trong khu vực; - Ổn định về tâm lý để người dân an tâm sinh hoạt và sản xuất của cải vật chất; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong lao động sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo; <p>Kết quả chung về kinh tế- xã hội của khu vực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân cả giai đoạn 2011-2015 tăng 15,86% năm. - Thu ngân sách từ phát sinh kinh tế trên địa bàn tăng bình quân hằng năm 11-12%. - Thu nhập bình quân đầu người đạt xấp xỉ 1.000 USD. - Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm từ 2-3%; <p>Hoạt động dự kiến:</p> <p>a. Điều tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu khí tượng thủy văn trong khu vực và các vùng lân
--	--	---

		<p>cận;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình dân sinh kinh tế trong vùng hưởng lợi của công trình; - Tác động có ảnh hưởng đến môi trường sinh thái trong khu vực; - Các tài liệu công trình công cộng có liên quan đến khu vực có công trình như: Giao thông, năng lượng, thông tin liên lạc; - Các điều kiện xây dựng công trình và các nguồn vật liệu xây dựng tại chỗ như đá, cát, sỏi ... - Định hướng và chiến lược phát triển của địa phương tại khu vực; - Nghiên cứu bản đồ 1/10.000, 1/25.000 Quốc gia hiện có. <p>b. Khảo sát:</p> <p>Khảo sát địa hình khu vực dự án, bao gồm: đo vẽ bình đồ hiện trạng khu vực xây dựng công trình...</p> <p>c. Các hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng khác: bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình; - Thẩm tra thiết kế, dự toán; - Lựa chọn nhà thầu thi công: lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; - Giám sát thi công xây dựng; - Kiểm định chất lượng công trình; - Đánh giá tác động môi trường. <p>d. Quản lý dự án đầu tư xây dựng</p> <p>e. Thi công xây dựng công trình</p> <p>f. Các hoạt động khác: bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định thiết kế và dự toán; - Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công; - Kiểm toán; - Thẩm tra phê duyệt quyết toán.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
58	<p>Cống thoát lũ và ngăn mặn số 2, thôn 4, xã Bình Giang, huyện Thăng Bình</p> <p>Hội nông dân huyện Thăng Bình, tỉnh</p>	<p>Mục tiêu:</p> <p>a. Mục tiêu trước mắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường khả năng thoát lũ, tiêu úng; ngăn mực nước biển dâng và triều cường; hạn chế xâm nhập mặn cho khu vực thôn 4, xã Bình Giang với diện tích gần 80 ha đất sản xuất nông nghiệp; đồng thời, nhằm đảm bảo an toàn cho khoảng 2.340 người dân, đảm bảo an toàn dân sinh và kinh tế trong khu vực;

	<p>Quảng Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 1.325.360.000</p> <p>GEF SGP: 1.053.500.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ổn định về tâm lý để người dân an tâm sinh hoạt và sản xuất của cải vật chất; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong lao động sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo; - Tạo mối liên kết trong phát triển kinh tế nội bộ vùng, thông qua các chương trình hợp tác phát triển giữa các xã trong vùng; <p>b. Mục tiêu lâu dài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo kết cấu hạ tầng đồng bộ để phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và giao lưu giữa vùng nông thôn huyện Thăng Bình và các huyện lân cận; tạo điều kiện nâng cao đời sống nhân dân, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa vùng thành thị với vùng nông thôn và miền núi; - Tạo cơ sở hạ tầng chiến lược cho sự phát triển kinh tế của địa phương, thu hút đầu tư trên các lĩnh vực công nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng tích cực; - Xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng nông thôn một cách bền vững, gắn phát triển với bảo vệ cảnh quan, môi trường và nguồn nước <p>Kết quả dự kiến:</p> <p>Sau khi dự án hoàn thành sẽ mang lại kết quả rất khả quan cho dân sinh và kinh tế trong khu vực; cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường khả năng thoát lũ, tiêu úng; ngăn mực nước biển dâng và triều cường; hạn chế xâm nhập mặn cho khu vực thôn 4, xã Bình Giang với diện tích gần 80 ha đất sản xuất nông nghiệp; - Đảm bảo an toàn cho tính mạng và tài sản của 620 hộ gia đình với khoảng 2.340 người dân; trong đó, có khoảng 110 hộ nghèo. <p>Kết quả chung về kinh tế- xã hội của khu vực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân cả giai đoạn 2011-2015 tăng 16,13% năm. - Thu ngân sách từ phát sinh kinh tế trên địa bàn tăng bình quân hằng năm 10-12%. - Thu nhập bình quân đầu người đạt xấp xỉ 1.000 USD. - Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm từ 2-3%; <p>Hoạt động dự kiến:</p> <p>a. Điều tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu khí tượng thủy văn trong khu vực và các vùng lân cận;
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình dân sinh kinh tế trong vùng hưởng lợi của công trình; - Tác động có ảnh hưởng đến môi trường sinh thái trong khu vực; - Các tài liệu công trình công cộng có liên quan đến khu vực có công trình như: Giao thông, năng lượng, thông tin liên lạc; - Các điều kiện xây dựng công trình và các nguồn vật liệu xây dựng tại chỗ - Định hướng và chiến lược phát triển của địa phương tại khu vực; - Nghiên cứu bản đồ 1/10.000, 1/25.000 Quốc gia hiện có. <p>b. Khảo sát:</p> <p>Khảo sát địa hình khu vực dự án, bao gồm: đo vẽ bình đồ hiện trạng khu vực xây dựng công trình...</p> <p>c. Các hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng khác: bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình; - Thẩm tra thiết kế, dự toán; - Lựa chọn nhà thầu thi công: lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; - Giám sát thi công xây dựng; - Kiểm định chất lượng công trình; - Đánh giá tác động môi trường. <p>d. Quản lý dự án đầu tư xây dựng</p> <p>e. Thi công xây dựng công trình</p> <p>f. Các hoạt động khác: bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định thiết kế và dự toán; - Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công; - Kiểm toán; Thẩm tra phê duyệt quyết toán.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
59	<p>Thành lập và phát triển Khu Bảo vệ thủy sản Gành Lãng, kết hợp bảo tàng văn hóa nghề cá phục vụ du lịch cộng đồng</p> <p>Hội nghề cá Thừa Thiên Huế (HUEFIS)</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu lâu dài: Góp phần bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển thủy sản bền vững trên hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai thông qua việc nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và bảo tồn văn hóa nghề cá ở Khu vực Gành Lãng. • Mục tiêu trước mắt: <ul style="list-style-type: none"> ○ Mục tiêu 1: Thúc đẩy quá trình giao quyền bảo vệ các bãi giống bãi đẻ ở khu vực Gành Lãng thông qua Quyết định thành lập Khu bảo vệ Thủy sản dựa vào cộng đồng

	<p>Tổng kinh phí: 1.880.000.000</p> <p>GEF SGP: 960.000.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> ○ Mục tiêu 2: Khôi phục diện tích cây ngập mặn bản địa có sự tham gia của cộng đồng ○ Mục tiêu 3: Nghiên cứu khả thi tổ chức phát triển du lịch sinh thái văn hóa ở khu vực Gành Lãng <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kết quả 1: <ul style="list-style-type: none"> ○ Hồ sơ thành lập Khu bảo vệ Gành Lãng được chính quyền Tỉnh phê duyệt ○ Cơ sở vật chất và năng lực vận hành của Chi hội nghề Lộc Bình được nâng cao ○ Khu bảo vệ thủy sản được cắm mốc phân giới, có bản hiệu và có nhà chồ quan sát • Kết quả 2: <ul style="list-style-type: none"> ○ Diện tích 1000m2 cây ngập mặn bản địa được phục hồi và dần dần trở thành “ngân hàng cây giống” cho các Khu bảo vệ thủy sản khác ở vùng đầm phá ○ Chi hội nghề cá có ý thức bảo vệ diện tích cây ngập mặn và tham gia vào quá trình phục hồi và duy trì hệ sinh thái này. • Kết quả 3: <ul style="list-style-type: none"> ○ Tiềm năng du lịch sinh thái và văn hóa dựa vào cộng đồng ở khu vực Gành Lãng được đánh giá tiềm khả thi. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> • Để đạt được Kết quả 1: <ul style="list-style-type: none"> ○ Hoạt động 1.1: Tiến hành khảo sát và xây dựng hồ sơ thành lập Khu bảo vệ Thủy sản Gành Lãng ○ Hoạt động 1.2: Tiến hành cắm trụ mốc phân giới và xây dựng các bảng hiệu và nhà chồ sau khi Khu bảo vệ được chính thức thành lập ○ Hoạt động 1.3: Duy trì các hoạt động giám sát ngư trường xung quanh Khu Bảo vệ thủy sản và ngăn chặn các hành vi xâm hại khu bảo vệ của Chi hội nghề cá cơ sở được giao quản lý. ○ Hoạt động 1.4: Tổ chức tập huấn các kỹ năng vận hành, điều phối và quản lý tài chính cho Ban chấp hành Chi hội nghề cá ○ Hoạt động 1.5: Tổ chức tham vấn cộng đồng và các bên
--	---	---

		<p>liên quan để xây dựng quy chế quản lý Khu bảo vệ Thủy sản</p> <ul style="list-style-type: none"> • Để đạt được Kết quả 2: <ul style="list-style-type: none"> ○ Hoạt động 2.1: Xác định khu vực thí điểm phục hồi cây ngập mặn bản địa ○ Hoạt động 2.2: Huy động sự tham gia của cộng đồng triển khai mở rộng diện tích phục hồi cây ngập mặn dựa vào bài học kinh nghiệm từ khu vực thí điểm ○ Hoạt động 2.3: Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích trong việc quản lý và vận hành “ngân hàng cây giống” từ diện tích rừng ngập mặn được phục hồi ○ Hoạt động 2.4: Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về lợi ích diện tích cây ngập mặn và quy chế quản lý của Khu bảo vệ Thủy sản • Để đạt được Kết quả 3: <ul style="list-style-type: none"> ○ Hoạt động 3.1: Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan và các công ty du lịch quan tâm đến du lịch đầm phá tiến hành nghiên cứu thực địa tiềm năng du lịch ở đây ○ Hoạt động 3.2: Giới thiệu với nhà tài trợ và những người quan tâm các giá trị lịch sử văn hóa và sinh thái đặc trưng của Khu vực Gành Lãng thông qua một phóng sự trên truyền hình địa phương và trung ương ○ Hoạt động 3.3: Hỗ trợ sáng kiến cộng đồng xây dựng một khu trưng bày ngư cụ đặc trưng vùng đầm phá và phục dựng các lễ hội văn hóa nghề cá nhằm tôn vinh các giá trị truyền thống trong cộng đồng
	Nguyễn Chu Hồi	
60	<p>Củng cố và Phát huy Mạng lưới Khu bảo vệ Thủy sản dựa vào Cộng đồng trên Đầm phá Tam Giang-Cầu Hai</p> <p>Hội nghề cá Thừa Thiên Huế (HUEFIS)</p>	<p>d. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu lâu dài: Góp phần bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển thủy sản bền vững trên hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai thông qua việc củng cố mạng lưới Khu bảo vệ Thủy sản dựa vào cộng đồng. • Mục tiêu trước mắt: <ul style="list-style-type: none"> ○ Mục tiêu 1: Củng cố cơ sở vật chất và nâng cao năng lực cho các Chi hội nghề cá ở các Khu bảo vệ thủy sản mới thành lập năm 2012 và 2013

	<p>Tổng kinh phí: 1.500.000.0000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> ○ Mục tiêu 2: Thúc đẩy chia sẻ học hỏi giữa các Chi hội nghề cá được giao quản lý các Khu bảo vệ thủy sản dựa vào cộng đồng ○ Mục tiêu 3: Quảng bá hình ảnh mạng lưới để vận động chính sách và kêu gọi tài trợ <p>e. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kết quả 1: <ul style="list-style-type: none"> ○ Toàn bộ 10 Khu bảo vệ thủy sản được cắm mốc phân giới, có bản hiệu và có nhà chồ quan sát, phát triển thêm 05 Khu Bảo vệ thủy sản mới. ○ Năng lực vận hành, tổ chức và bảo vệ nguồn lợi ở các Chi hội nghề cá được nâng cao • Kết quả 2: <ul style="list-style-type: none"> ○ Các Chi hội nghề cá chia sẻ kinh nghiệm vận hành và bảo vệ nguồn lợi thông qua các hình thức khác nhau • Kết quả 3: <ul style="list-style-type: none"> ○ Hình ảnh và thông tin về việc vận hành Mạng lưới Khu bảo vệ Thủy sản được quảng bá trong cả nước thông qua các hình thức truyền thông đa dạng <p>f. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> • Để đạt được Kết quả 1: <ul style="list-style-type: none"> ○ Hoạt động 1.1: Huy động nguồn lực nhà nước và xã hội tiến hành cắm trụ mốc phân giới và xây dựng các bảng hiệu và nhà chồ ○ Hoạt động 1.2: Mở rộng các hoạt động đánh giá tài nguyên, nguồn lợi thủy sản sau khi các Khu Bảo vệ thủy sản đi vào hoạt động. ○ Hoạt động 1.3: Duy trì các hoạt động giám sát ngư trường xung quanh các Khu Bảo vệ thủy sản và hoạt động ngăn chặn các hành vi xâm hại khu bảo vệ của các Chi hội nghề cá cơ sở được giao quản lý. ○ Hoạt động 1.4: Bảo vệ và phát triển các cây ngập nước, bán ngập nước, cỏ, rong... tạo lùm bụi ven bờ cho tôm cá sinh sản, sinh trưởng và phát triển ○ Hoạt động 1.5: Tổ chức tập huấn các kỹ năng vận hành, điều phối và quản lý tài chính cho Ban chấp hành Chi hội nghề cá
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> • Để đạt được Kết quả 2: <ul style="list-style-type: none"> ○ Hoạt động 2.1: Tổ chức cho các BCH các Chi hội nghề cá ở các Khu bảo vệ thủy sản trong hệ thống tham quan, học tập lẫn nhau về các khía cạnh nổi trội của mỗi đơn vị. ○ Hoạt động 2.2: Tổ chức 2-3 hội thảo chia sẻ kinh nghiệm giữa hệ thống các Khu bảo vệ thủy sản và những cơ sở chuẩn bị phát triển Khu Bảo vệ thủy sản mới. ○ Hoạt động 2.3: Tổ chức tham quan học tập ở các mô hình quản lý tài nguyên thành công ở các tỉnh khác • Để đạt được Kết quả 3: <ul style="list-style-type: none"> ○ Hoạt động 3.1: Tài liệu hóa quá trình hình thành, phát triển và vận hành Mạng lưới Khu bảo vệ thủy sản với hai hình thức: (i) ấn phẩm và (ii) đĩa DVD phóng sự ○ Hoạt động 3.2: Phối hợp với đài truyền hình địa phương và trung ương phát sóng phóng sự ○ Hoạt động 3.3: Tổ chức hội thảo giới thiệu ấn phẩm và phóng sự ở địa phương và trung ương nhằm chia sẻ và lấy ý kiến phản hồi. ○ Hoạt động 3.4: Đề xuất các chính sách hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ cho cộng đồng để đảm bảo quản lý và bảo tồn nguồn lợi tại các Khu Bảo vệ thủy sản
	Nguyễn Chu Hồi	
61	<p>Xây dựng một “Ốc Đảo Xanh” bên chùa Nhấm Dương để khôi phục, duy trì và phát triển tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái “Rừng trên núi đá vôi và bầy khỉ vàng bản địa” của vùng đảo thuộc huyện miền núi Kinh Môn, tỉnh Hải Dương</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Bảo tồn nguồn gen quý hiếm của hệ sinh thái núi đá vôi ở Đông Bắc nước ta, bao gồm các thực vật bản địa, nhiều động vật quý hiếm, trong đó có bầy khỉ vàng đứng trước nguy cơ diệt vong. Nhờ diện tích 30ha đã được quy hoạch dành cho di tích Chùa Nhấm Dương, dự án dự định đưa các động, thực vật đang bị tróc ra để lấy đá, đưa về để biến nơi đây thành một “Ốc Đảo Xanh” giữa một khu núi đá vôi hậu khai thác của công nghiệp xi măng.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>- Hình thành được một “Ốc Đảo xanh” xung quanh chùa, bổ sung được các cây và các loài động vật chủ yếu, đặc biệt là bầy khỉ vàng bản địa xưa kia đã làm nên hệ sinh thái núi đá vôi.</p>

<p>học và Kỹ thuật tính Hải Dương</p> <p>GEF SGP: 01 tỷ đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được một cộng đồng thân thiện quanh “Ốc Đảo” để không những bảo vệ mà còn bổ sung và làm phong phú cho hệ sinh thái ấy. - Thử nghiệm cho bầy khi hòa nhập, sống được trong môi trường thu nhỏ ấy. - Dần dần tạo điều kiện cho chúng sinh sản phát triển bầy đàn như chúng đã từng tồn tại ở qui mô toàn vùng như trước đây. - Từng bước khai thác “Ốc Đảo Xanh” phục vụ cho khách đến văn cảnh tâm linh và khách du lịch sinh thái. Phía Bắc tỉnh (xã Duy Tân) có “Khỉ ho”, phía Nam tỉnh (xã Chi Lăng Nam) có “Cò gáy”, chắc chắn Hải Dương sẽ hấp dẫn khách du lịch thập phương và bảo vệ được vững chắc 2 khu đa dạng sinh học quan trọng này. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo 1 gian phòng khách của Chùa thành một “Trung tâm giáo dục môi trường” với các trang bị nghe nhìn và tranh ảnh mẫu vật, tiêu bản... đủ để tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, trước hết thôn, xã; sau đến các xã có núi đá vôi, để họ biết yêu quý và trân trọng các tài sản thiên nhiên quý giá này. - Giúp cộng đồng thấy được giá trị của tài nguyên phủ bên ngoài các núi đá vôi chưa khai thác, vì: Có được ngôi biệt thự chỉ cần vài tháng. Có được một nhà máy xi măng như ở trong vùng chỉ cần vài năm. Nhưng để có được hệ sinh thái ấy phải cần tới sự tiến hóa của vài ngàn năm hoặc lâu hơn nữa... <p>Để thực thi cần nhiều buổi: trình bày, thảo luận, trao đổi nhóm, khảo sát ngoài thực địa...tùy theo các đối tượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng khu vực đệm quanh “Ốc Đảo”: Đệm cơ giới và đệm nhân sự với mục đích không để đối tượng bên ngoài xâm nhập bất khi đem đi như nhà Chùa đã từng gặp. - Lập khu vực trống để tập kết các “cấu kiện đá” có kèm động, thực vật thu thập ở nơi khác đem về. Cần thuê xe tải chở và cần cầu để bốc lên dỡ xuống. - Điều tra thành phần động thực vật ở “Ốc Đảo” và quanh vùng, làm tiêu bản về chúng để trưng bày ở Trung tâm giáo dục môi trường. - Đưa về trồng bổ sung các cây cho quả, củ, lá... mà khi vàng thường ăn và các cây chúng dùng để chữa bệnh (thí dụ cây con khi hay cây hoàn ngọc...).
--	--

		<p>- Tổ chức thu mua về các khỉ con hoặc khỉ bị thương do phá đá, đem về để nuôi dưỡng, chữa chạy và cho chúng làm quen với cuộc sống ở “Ốc Đảo”.</p> <p>- Tham quan Trung tâm cứu trợ linh trưởng RQG Cúc Phương và một số nơi như Đảo Khỉ (Ở Vịnh Hạ Long) để tham khảo khẩu phần ăn nhân tạo của khỉ vàng và cách cho chúng hòa nhập với môi trường nhằm thả chúng về môi trường tự nhiên.</p> <p>- Đề xuất xây dựng một “Ốc Đảo xanh” nữa theo cách làm tương tự, để bảo vệ khỉ vàng và hệ sinh thái núi đá vôi (dự kiến là Áng Sầu, khu vực hiện cấm ra vào vì đang giữ gìn phá đá, có dấu hiệu các khỉ còn sót lại hay lui tới).</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
62	<p>Các biện pháp khẩn cấp và bền vững nhằm bảo tồn sự đa dạng sinh học hệ sinh thái vùng rừng đồi xã An Lạc - một xã miền núi thuộc thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hải Dương</p> <p>GEF SGP: 01 tỷ đồng</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Bảo tồn, phát triển bền vững hệ sinh thái rừng đồi xã An Lạc thành khu du lịch sinh thái, du lịch tâm linh góp phần bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng đồi xã An Lạc thành một khu dự trữ thiên nhiên và một địa điểm tham quan du lịch sinh thái hấp dẫn. - Bước đầu thử nghiệm thực hiện các loại hình du lịch “mạo hiểm” và du lịch “khám phá” như: leo núi, lội suối, trèo cây, đi thuyền...có tiềm năng tổ chức ở đây. - Dựa trên 2 bộ sách Atlas về động, thực vật đã in, biến địa bàn thành nơi học tập và thực hiện các bài “tham quan thiên nhiên” trong chương trình của sách giáo khoa mới về sinh học và địa lý cho học sinh, sinh viên trong và ngoài tỉnh. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, xác định các ngọn đồi có hệ sinh thái động thực vật đa dạng và phong phú ở khu vực xã An Lạc, thị xã Chí Linh; - Quy hoạch lại các rừng đồi cần bảo vệ trên cơ sở kết quả điều tra; - Tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học cho nhân dân xã An Lạc, và các xã kề cận thuộc thị xã Chí Linh; - Phát triển đồi cò An Lạc thành một địa chỉ giáo dục môi

		<p>trường cho giáo viên, học sinh và sinh viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động nguồn vốn đầu tư để tạo cảnh quan, đường xá, khai thông suối lạch...nhằm để khách có thể đi bộ và đi thuyền khi đến tham quan và du lịch sinh thái. - Mua giống, đầu tư công phủ tre gai ngọn đồi bị cháy vừa qua (nơi có cò vạc cư trú và làm tổ, để con trước khi cháy) để cò vạc tiếp tục về sinh sống như trước khi xảy ra sự cố .
	Nguyễn Ngọc Lung	
63	<p>Nhân rộng khu xử lý rác thải Lạc Tánh, Bình Thuận hướng tới phát triển môi trường bền vững</p> <p>Trung tâm Hỗ trợ & Phát triển Cộng đồng Thiện Chí</p> <p>Tổng kinh phí: 1,843,000,000</p> <p>GEF SGP: 1,023,400,000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Giải pháp nhân rộng nhà máy xử lý rác, tăng công suất xử lý gấp đôi nhằm đạt được các mục tiêu xử lý được hết lượng rác thải thu gom tập kết về bãi rác , rác thải không còn tồn đọng gây ô nhiễm cục bộ tại nhà máy và duy trì nhà máy hoạt động bền vững</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> • Với mục tiêu xử lý được hết lượng rác thải thu gom, tránh gây ô nhiễm cục bộ tại nhà máy - 300 tấn rác thu gom và tập kết tại bãi rác huyện Tánh Linh mỗi tháng sẽ được xử lý, giải quyết vấn đề rác tồn đọng và mùi hôi quanh bãi tập kết rác - 70% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, trong đó 60% được tái chế, tái sử dụng. - 15 tấn phân thành phẩm sản xuất được mỗi tháng, phục vụ đủ nhu cầu phân bón cho nông dân trong và ngoài huyện - 92,300 người dân tại 11 xã thu gom rác hưởng bầu không khí trong lành hơn, đời sống tinh thần và sức khỏe được cải thiện • Với mục tiêu nhà máy hoạt động bền vững: - Tạo việc làm ổn định cho 12 công nhân làm việc tại nhà máy - CQDP cam kết hỗ trợ chi phí sản xuất duy trì hoạt động nhà máy bền vững - Chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất và quản lý nhà máy CQDP sau khi dự án kết thúc <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>HD 1: Xây dựng cơ bản</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Làm việc với UBND huyện về việc giải phóng mặt bằng bàn giao lại cho Trung tâm

		<p>2. Lập hồ sơ chi tiết xây dựng và kế hoạch kinh phí thực hiện trình với UBND huyện để thống nhất biện pháp thực hiện</p> <p>3. Khởi công xây dựng (bao gồm: Mở rộng nhà xưởng từ 6,000m² - 10,000 m², xây hầm ủ xử lý rác, hồ ủ chứa rác không phân huỷ, sân phơi, nâng cấp nhà nghỉ công nhân</p> <p>HD 2: Bổ sung máy móc, thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung máy móc và lắp đặt hệ thống dây chuyền. Bao gồm: Máy tách tạp chất vô cơ, Máy trộn, Máy may bao, Băng chuyền, Xe cải tiến chuyên dụng và dụng cụ hỗ trợ (găng tay, bạt,...) <p>HD 3: Hỗ trợ và nghiệm thu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoạt động thử nghiệm và điều chỉnh các vấn đề phát sinh 2. Nghiệm thu và đưa vào sử dụng
	Hồ Ngọc Hải	
64	<p>Xây dựng làng du lịch sinh thái cộng đồng Katu trên địa bàn miền núi huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng</p> <p>Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Đà Nẵng</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo sinh kế cho cộng đồng Katu nói riêng và địa phương nói chung, từng bước giảm nghèo bằng việc thu hút sự tham gia tối đa của cộng đồng vào hoạt động du lịch. - Nâng cao năng lực về phát triển du lịch bền vững, sử dụng bền vững và có hiệu quả các nguồn lực của địa phương cho phát triển kinh tế du lịch. - Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc bảo tồn phát huy các giá trị truyền thống, bảo vệ cảnh quan môi trường. - Tăng khả năng tiếp cận cho người dân đối với các dịch vụ xã hội, cơ sở hạ tầng chất lượng. Tăng khả năng giao lưu kinh tế, văn hóa, thúc đẩy tiêu thụ nông sản lưu thông hàng hóa với bên ngoài. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành và đưa vào hoạt động làng du lịch sinh thái cộng đồng tại địa phương với các nhóm dịch vụ khác nhau và tập huấn kỹ năng cho các nhóm. - Thúc đẩy việc sản xuất sản phẩm thủ công phục vụ du lịch. - Phát triển sản vật tại địa phương thông qua thành lập nhóm trồng rừng, trồng vườn cây ăn quả. - Đầu tư một số cơ sở hạ tầng cần thiết như biển chỉ dẫn, nhà

		<p>vệ sinh, thùng rác,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của người dân địa phương và du khách về nước sạch vệ sinh, về môi trường thông qua các chiến dịch truyền thông. - Tạo nên thu nhập chính đáng và hiệu quả, bổ sung cho đời sống nông lâm nghiệp đang gặp khó khăn hiện nay. Từ đó, củng cố chính sách định cư bền vững, góp phần bảo tồn được cả môi trường thiên nhiên, văn hóa và phát triển đời sống kinh tế. - Thành lập một quỹ tín dụng nhỏ để các hộ nông dân có điều kiện vay vốn sản xuất. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định, thiết kế, xây dựng không gian làng du lịch sinh thái + Khảo sát chọn điểm xây dựng làng du lịch gắn với làng cư trú của cộng đồng Katu và các điểm tham quan sinh thái tự nhiên. + Xây dựng sa bàn về địa điểm sẽ xây dựng làng du lịch. + Xây dựng ngôi làng người Katu theo lối kiến trúc truyền thống với đầy đủ thiết chế, công trình chức năng (nhà gươl, cột đâm trâu, máng nước, khu đan lát, dệt...); có đầy đủ không gian, cơ sở vật chất để sinh hoạt như chính họ đang sống trong môi trường đó. Đồng thời có cơ sở đủ để phục vụ “homestay” cho du khách. - Hỗ trợ xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ du lịch ở nơi thực hiện dự án với quy mô nhỏ bao gồm biển chỉ dẫn, nhà vệ sinh,... - Trang bị văn hóa vật chất và tinh thần cho ngôi làng du lịch: + Khảo sát nghiên cứu, khái quát nên những nét đặc trưng văn hóa tộc người, khẳng định những yếu tố cần bảo lưu, phục hồi, những yếu tố nên loại bỏ, nhằm làm cơ sở cho việc phục dựng lại cảnh quan, môi trường sống cho “làng du lịch”. + Tiến hành sưu tập một số hiện vật tiêu biểu về văn hóa vật chất, tinh thần của đồng bào Katu. Số hiện vật này sẽ trưng bày ngay tại làng du lịch sinh thái. + Hoàn thiện các “sản phẩm” văn hóa tinh thần như: lễ đâm trâu, lễ mừng cơm mới, diễn xướng Cha chấp, Tung tung,... - Thành lập các nhóm trồng rừng, trồng cây ăn quả theo theo
--	--	--

		<p>kỹ thuật mới, làm đẹp cho ngôi làng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế các tour tuyến, đưa khách về làng du lịch, khám phá vẻ đẹp hoang sơ của núi rừng, trước hết dựa trên việc liên kết với các khu du lịch sinh thái khác trên địa bàn huyện như suối Hoa, suối Mơ,... - Lựa chọn và di chuyển “thời vụ” một số gia đình làm hạt nhân với nhiệm vụ hướng dẫn du khách cũng như thuyết phục dân bà con dân bản tham gia vào hoạt động của làng du lịch sau này. Sau khi có dấu hiệu thành công, lượng khách và số thu nhập ổn định sẽ tập trung tất cả các gia đình từ khu cư trú sẵn sàng sang khu vực làng du lịch khi cần, để phục vụ du lịch khi có khách và theo hướng đó, chúng ta có thể mở rộng ra thành ngôi làng hoàn chỉnh. - Tập huấn về kỹ năng phục vụ du lịch cho cộng đồng từ biểu diễn nghệ thuật đến phục vụ ẩm thực, lưu trú, hướng dẫn tham quan, giúp cộng đồng hiểu biết và tự tin hơn trong khai thác du lịch. - Đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, tổ chức tập huấn, tham quan một số điểm để rút kinh nghiệm cho địa phương. và cán bộ cơ sở trong quản lý và triển khai các hoạt động du lịch, - Hỗ trợ tiếp cận thị trường, quảng bá xúc tiến du lịch + Tiến hành xây dựng tập gấp, tờ rơi quảng cáo với những thông tin cần thiết về ngôi làng du lịch sinh thái cộng đồng trên địa bàn miền núi huyện Hòa Vang. + Tuỳ tình hình trên mặt bằng chung của du lịch trong thành phố Đà Nẵng, cả nước và quốc tế, khi những tour lớn xuất hiện, vùng tham quan được mở rộng, bắt đầu quảng cáo cho điểm du lịch của mình để thu hút khách, chú ý đến hình thức cắm trại, homestay để tăng thêm sức hấp dẫn.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
65	<p>NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC SINH HOẠT TRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</p> <p>Hội Chữ thập đỏ huyện Tiên Phước</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Lồng ghép biến đổi khí hậu trong trường học nhằm làm cho học sinh có những hiểu biết và nhận thức về biến đổi khí hậu trên toàn cầu và những giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Học sinh có được một ý thức trách nhiệm cao và có các hành động cụ thể, sáng tạo để cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Từ đó, các em có những hành động thích hợp tham gia vào các hoạt động về ứng phó với biến đổi khí hậu nói riêng và với thiên tai nói chung.</p>

	<p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000đ</p> <p>GEF SGP: 1.200.000.000đ</p>	<p>b. Kết quả dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Đánh giá sơ bộ sự hiểu biết về tác động của biến đổi khí hậu của cơ quan quản lý nhà nước (phòng giáo dục), lực lượng giáo viên, học sinh tại huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam; - Đội ngũ tuyên truyền viên về biến đổi khí hậu là giáo viên của các trường học; - Bộ tài liệu về tuyên truyền biến đổi khí hậu cho học sinh; - Nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu cho học sinh tại các trường học; - Hội thảo, tập huấn chia sẻ kinh nghiệm; - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự án; <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 1: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến về dự án; - Hoạt động 2: Đánh giá sơ bộ sự hiểu biết về tác động của biến đổi khí hậu của cơ quan quản lý nhà nước (phòng giáo dục), lực lượng giáo viên, học sinh tại huyện Tiên Phước tỉnh Quảng Nam; - Hoạt động 3: Mở 01 lớp đào tạo tuyên truyền viên về biến đổi khí hậu cho giáo viên của các trường học; - Hoạt động 4: Xây dựng bộ tài liệu về biến đổi khí hậu cho học sinh và thiết kế bài giảng về biến đổi khí hậu cho giáo viên; - Hoạt động 5: Tổ chức dạy học kiến thức về biến đổi khí hậu cho học sinh; - Hoạt động 6: Tổ chức Lễ Mitting và kết hợp với hoạt động ngoại khóa như: dọn vệ sinh hoặc trồng cây trong trường học; - Hoạt động 7: Đánh giá kết quả thực hiện dự án; - Hoạt động 8: Hội thảo tổng kết kết quả dự án và chia sẻ kinh nghiệm.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
66	Nâng cao ý thức, ngăn chặn sự ô nhiễm nguồn nước tại Hà Tĩnh	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Đến cuối năm 2015 trên 90% người dân tại 15 xã trong vùng Dự án Hà Tĩnh có các kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước; xây dựng được ít nhất 15 mô hình thu gom rác</p>

<div>Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Hà Tĩnh</div> <div>Tổng kinh phí: 80.000 USD</div> <div>GEF SGP: 50.000 USD</div>	thải trong cộng đồng và rác thải trong sản xuất nông nghiệp.		
	b. Kết quả mong đợi:		
	<div>- Sau 2 năm thực hiện Dự án, trên 90% người dân trong vùng dự án được tiếp cận và có các kiến thức BVMT, bảo vệ nguồn nước. Trong đó, trên 70% người dân có những chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường và thực hiện quy trình phân loại và xử lý rác thải.</div> <div>- Thành lập 15 tổ hợp tác thu gom rác thải hoạt động có hiệu quả.</div> <div>- Phối hợp xử lý ít nhất 2 “điểm nóng” về ô nhiễm môi trường.</div>		
	c. Các hoạt động chính:		
	T T	Hoạt động	Mô tả
	1	Tổ chức các đợt tuyên truyền vận động người dân các kiến thức BVMT, bảo vệ nguồn nước	- Có ít nhất 3 đợt tuyên truyền tại 15 xã vùng dự án các kiến thức BVMT, bảo vệ nguồn nước
2	Tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập các tổ hợp tác thu gom rác thải	Tập huấn về phương pháp thu gom phân loại rác tại nguồn. Sự cần thiết và quy trình thành lập tổ thu gom rác thải.	
3	Hỗ trợ các thùng đựng rác trên các cánh đồng để tập kết rác thải trong SX nông nghiệp	Xác định các điểm, xây dựng thùng đựng rác thải trong nông nghiệp tại các cánh đồng trên địa bàn 15 xã.	
4	Phối hợp với Sở TNMT, cơ quan ban ngành chức năng	- Đề xuất với các ban ngành liên quan xây dựng các bãi tập	

			cùng giải quyết một số “điểm nóng” về ô nhiễm nguồn nước tại địa phương	<p>kết và xử lý rác thải đảm bảo quy trình, hợp vệ sinh.</p> <p>- Hỗ trợ cộng đồng trong vùng DA xây dựng các chế tài nhằm xử phạt các hành vi gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Đề xuất các giải pháp với các cơ quan chức năng để giải quyết một số “điểm nóng” về ô nhiễm nguồn nước tại một số địa phương</p>	<p>lý đúng</p> <p>- Trên</p> <p>trong v</p> <p>cam k</p> <p>các quy</p> <p>- Có ít</p> <p>nóng v</p> <p>được c</p> <p>ngành</p> <p>hợp xử</p>
		5	Đánh giá hiệu quả và nhân rộng các mô hình thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn toàn tỉnh.	<p>- Đánh giá hiệu quả, tác động DA mang lại.</p> <p>- Khẳng định tính hiệu quả tính bền vững và khả năng nhân rộng của DA.</p> <p>- Đề xuất với các cơ quan chức năng hỗ trợ nhân rộng các mô hình thu gom rác và quy trình các giải pháp xử lý các điểm nóng về ô nhiễm môi trường.</p>	<p>- UBND</p> <p>nhận v</p> <p>sách h</p> <p>các tổ t</p> <p>vệ môi</p> <p>- Vấn c</p> <p>đưa và</p> <p>quy địn</p> <p>làng x</p> <p>- có ít</p> <p>liên qu</p> <p>điểm n</p> <p>HPN đ</p> <p>UBND</p> <p>và thực</p>
	Hồ Ngọc Hải				
67	<p>Xây dựng mô hình chăn nuôi gà H’mông nhằm tăng nguồn thực phẩm đặc sản và nâng cao thu nhập cho người dân thiểu số Dao tại huyện Hoành Bồ, Quảng Ninh</p> <p>Hội Nông dân huyện Hoành Bồ, Quảng Ninh</p>	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng mô hình chăn nuôi giống gà H’mông đặc sản tại các hộ nông dân dân tộc Dao tại huyện Hoành Bồ Quảng Ninh <p>b) Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> Tạo một mạng lưới 20 hộ dân. Nuôi một đàn gà H’mông: 200 con giống. Xây dựng một mạng lưới giống. Đào tạo được 30 người có kỹ thuật chăn nuôi. <p>c) Hoạt động dự kiến</p>			

	GEF SGP: 50.000 USD	<ul style="list-style-type: none"> • Điều tra chọn lọc các hộ chăn nuôi. • Tổ chức chăn nuôi gà H'mông ở các hộ. • Xây dựng mạng lưới giống, thú y và ấp nở. • Mở các lớp tập huấn lý thuyết và thực hành cho nông dân. • Kiểm tra và uốn nắn các hoạt động thường xuyên cho nông dân. • Hội thảo. • Biên soạn các kỹ thuật chăn nuôi. • Xây dựng báo cáo.
	Trần Thúc Sơn	
68	<p>Nâng cao nhận thức và áp dụng các giải pháp tổng hợp nhằm bảo vệ, cải tạo nguồn nước đầu nguồn, nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm và phát triển du lịch bền vững cho cộng đồng người dân tộc Dao tại Xóm Còi, xã Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Phú Thọ</p> <p>Tổng kinh phí: 1.380.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.380.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p><i>* Mục tiêu tổng quát:</i> Cải thiện hành vi bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước đầu nguồn và phát triển du lịch sinh thái một cách bền vững cho cộng đồng người dân tộc Dao tại xóm Còi xã Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ.</p> <p><i>* Mục tiêu chính:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức cho cộng đồng người Dao ở xóm Còi xã Xuân Sơn và khách du lịch về bảo vệ môi trường, cải tạo nguồn nước đầu nguồn bị ô nhiễm; cải thiện hành vi ứng xử, vệ sinh trong sinh hoạt và chăn nuôi của cộng đồng đối với môi trường và nguồn nước sinh hoạt. - Phát triển kỹ năng du lịch cộng đồng cho đồng bào người Dao. - Xây dựng mô hình có sự tham gia của cộng đồng và áp dụng các giải pháp tổng hợp góp phần bảo vệ, cải tạo nguồn nước ô nhiễm, phát triển du lịch sinh thái bền vững. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ và cải tạo nguồn nước đầu nguồn; ý thức về giữ gìn vệ sinh môi trường của 20 hộ dân tại khu vực bị ảnh hưởng nói riêng và của 85 hộ dân người Dao tại vùng dự án và của khách du lịch được cải thiện và nâng cao. - 85 hộ dân tại xóm Còi được thực hành các kỹ năng về bảo vệ nguồn nước, thay đổi hành vi, tập quán sinh hoạt, chăn thả gia súc, gia cầm; kỹ năng về phát triển du lịch cộng đồng.

		<p>- Hệ thống các tài liệu tờ rơi, áp phích tuyên truyền được lưu hành và phổ biến cho từng hộ dân trong xóm và tại những nơi công cộng. Đội cộng tác viên tuyên truyền, giáo dục, vận động về bảo vệ rừng đầu nguồn, nguồn nước và vệ sinh môi trường được thành lập và đi vào hoạt động.</p> <p>- Các hạng mục công trình hỗ trợ, bảo vệ và cải tạo nguồn nước đầu nguồn và hỗ trợ phát triển du lịch được hình thành và đưa vào khai thác gồm: 20 công trình nhà vệ sinh phục sinh hoạt và chăn nuôi cho 20 hộ dân có ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến suối Cỏi; 500m rãnh bê tông có nắp đậy chạy dọc con suối Cỏi để thu nước thải từ khu dân cư xuống và thải ra cuối xóm; 500 m đường bê tông nối từ đường du lịch vào hang Cỏi có trồng cây xanh cảnh quan; 01 công trình vệ sinh công cộng; 03 bảng tuyên truyền về vệ sinh môi trường, những khuyến cáo đến người dân và khách tham quan; 10 thùng rác trên lối đi vào cửa hang Cỏi; 01 công trình trồng băng xanh bằng được xây dựng và trồng tại sườn đồi sau các nhà dân để ngăn chặn việc xói mòn đất từ trên đồi tràn qua khu dân cư xuống suối, góp phần bảo vệ môi trường cho toàn khu vực.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>- Khảo sát, đánh giá về nhận thức, thái độ, hành vi cũng như tập quán của người Dao trong việc bảo vệ môi trường, cải tạo và bảo vệ nguồn nước đầu nguồn.</p> <p>- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn tuyên truyền về các nội dung: Bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ nguồn nước, vệ sinh môi trường.</p> <p>- Tập huấn kỹ năng nhằm thay đổi hành vi trong sinh hoạt và chăn nuôi; kỹ năng phát triển du lịch cộng đồng.</p> <p>- Biên soạn, in ấn các tờ rơi, áp phích có minh họa tranh ảnh nhằm tuyên truyền, vận động cho cộng đồng và khách du lịch. Tài liệu hóa về các giải pháp, biện pháp tuyên truyền, cải thiện hành vi bảo vệ môi trường và phát triển du lịch sinh thái bền vững tại cộng đồng.</p> <p>- Khảo sát hiện trường, lập bản vẽ thiết kế và hỗ trợ thi công các công trình, hạng mục bảo vệ suối Cỏi (Rãnh thoát nước, đường bê tông du lịch, cây xanh cảnh quan, nhà vệ sinh, bảng nội quy, thùng rác, thiết kế khu chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, băng xanh chắn xói mòn).</p> <p>- Đánh giá tổng kết dự án, duy trì và nhân rộng mô hình dự</p>
--	--	---

		án ra các địa bàn khác.
	Hồ Ngọc Hải	
69	<p>Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển giống hồng Hạc tại 3 xã ven Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ góp phần bảo tồn nguồn gen gốc quý hiếm, bảo vệ tính đa dạng sinh học và phát triển bền vững giống hồng Hạc quý tại địa phương.</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Phú Thọ</p> <p>Tổng kinh phí: 1.430.000.000,0đ</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000,0đ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p><i>*Mục tiêu tổng quát:</i></p> <p>Bảo tồn và phát triển bền vững giống hồng Hạc tại cộng đồng nhằm bảo vệ nguồn gen giống hồng gốc, khai thác và phát huy hiệu quả các giá trị của cây hồng Hạc.</p> <p><i>*Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn nguyên vị 110 cây hồng Hạc gốc hiện có (tương đương 0,25 ha) và phát triển, mở rộng diện tích trồng 5 ha hồng tại vùng dự án. - Tạo lập thương hiệu hồng đặc sản Hạc. - Tài liệu hóa công tác bảo tồn và phát triển hồng Hạc và tuyên truyền nhân rộng kết quả dự án tại địa phương. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực bảo tồn giống hồng Hạc của cộng đồng được tăng cường. - Bảo tồn thành công 110 cây hồng Hạc gốc tại vùng dự án. - Mở rộng được 5 ha diện tích trồng hồng Hạc hiệu quả. - Thương hiệu hồng Hạc được người tiêu dùng biết đến rộng rãi. - Tỉnh Phú Thọ ban hành các chính sách thúc đẩy bảo tồn và phát triển cây hồng Hạc. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p><i>1. Xây dựng mô hình bảo tồn 110 cây hồng Hạc gốc tại xã Tiên Kiên.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng về cây Hồng Hạc trên địa bàn TP Việt Trì và xã Tiên Kiên. - Lập hồ sơ quản lý, bảo tồn 110 cây hồng Hạc gốc tại xã Tiên Kiên. - Áp dụng các biện pháp kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 110 cây hồng. <p><i>2. Xây dựng mô hình trồng 5 ha hồng.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tuyển chọn cây ưu tú từ 110 cây hồng Hạc tại Tiên Kiên (cây đầu dòng) để nhân giống. - Xây dựng vườn ươm nhân giống tại các hộ gia đình bằng phương pháp giâm rễ truyền thống và áp dụng nhân giống bằng

		<p>công nghệ nuôi cấy mô: Thiết kế, xây dựng nhà lưới vườn ươm, tổ chức nhân giống, quản lý, chăm sóc vườn ươm...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình trồng 5 ha hồng. - Hỗ trợ tiến hành ủ phân hữu cơ vi sinh. <p>3. <i>Hỗ trợ xây dựng năng lực quản lý, bảo tồn và phát triển hồng.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Nhóm sở thích/Hợp tác xã hồng Hạc và hỗ trợ nâng cao năng lực cho nhóm: Quản lý nhóm, sản xuất kinh doanh, chuỗi giá trị.... - Tập huấn kỹ thuật cải tạo vườn tạp; trồng, chăm sóc, thu hái và bảo quản hồng. <p>4. <i>Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quảng bá, giới thiệu sản phẩm và thúc đẩy thị trường tiêu thụ hồng Hạc.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tổ chức các hoạt động giới thiệu, tuyên truyền về cây hồng Hạc: Hội nghị, hội thảo, tham gia hội chợ nông nghiệp, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng... - Tổ chức 1 cuộc nghiên cứu về chuỗi giá trị hồng Hạc. <p>5. <i>Vận động chính quyền huyện, tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển cây hồng Hạc thành sản phẩm hàng hóa, có thương hiệu.</i></p> <p>6. <i>Tài liệu hóa về công tác bảo tồn và phát triển hồng Hạc và tuyên truyền nhân rộng tại địa phương.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 01 cuốn cẩm nang hướng dẫn bảo tồn và phát triển hồng Hạc. - Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật về bảo tồn và phát triển hồng Hạc;
	Trần Thúc Sơn	
70	Xây dựng mô hình cộng đồng tham gia quản lý rừng phòng hộ cục bộ, phục hồi đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, bảo vệ sản xuất và cuộc sống người dân xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Mục tiêu tổng quát: Thông qua hoạt động khôi phục và quản trị rừng bền vững nhằm bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn, điều hòa môi trường sinh thái và cải thiện sinh kế cho cộng đồng địa phương, đặc biệt là người nghèo tại xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. * Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ và phát triển 37 ha rừng tự nhiên hiện có thành rừng phòng hộ cục bộ chống xói mòn, thoái hóa đất, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ sản xuất và đời sống người dân xã Yên Kiện một

	<p>Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Phú Thọ</p> <p>Tổng kinh phí: 1.700.000.000,đ</p> <p>GEP SGP: 1.000.000.000,đ</p>	<p>cách bền vững. Xây dựng kế hoạch trồng, chăm sóc 74ha rừng sản xuất hiện có một cách hợp lý nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và sản xuất nông nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động, đề xuất với huyện, tỉnh có chính sách hỗ trợ xây dựng, bảo vệ rừng phòng hộ cục bộ. - Nâng cao nhận thức, hiểu biết và trách nhiệm của cộng đồng trong bảo vệ và phát triển rừng. - Xây dựng và phát triển các mô hình sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân tại vùng dự án. - Tài liệu hóa kỹ thuật và xây dựng các mô hình của dự án. Tuyên truyền, phổ biến các kết quả của dự án để mở rộng ra các vùng có điều kiện tương tự. <p>3.2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành 37 ha rừng phòng hộ, phục hồi đa dạng sinh học và 74ha rừng sản xuất có kế hoạch trồng và khai thác hợp lý. - Tỉnh, huyện có chính sách phù hợp hỗ trợ bảo vệ đối với diện tích sau khi chuyển đổi thành rừng khoanh nuôi tái sinh. - Tạo được các mô hình sinh kế bền vững, người dân có thu nhập ổn định và có đủ khả năng huy động nguồn lực để thực hiện sinh kế và bảo vệ rừng. 100% hộ thuộc khu 7 và khu 8 được sử dụng bếp đun cải tiến TK90. - 01 bộ cẩm nang về khôi phục rừng phòng hộ và bảo vệ rừng bền vững có sự tham gia của người dân; 01 bộ cẩm nang hướng dẫn xây dựng các mô hình sinh kế nông lâm kết hợp hiệu quả, bền vững. - Kết quả của dự án được tuyên truyền tại cấp huyện và tỉnh. <p>3.3. Hoạt động dự kiến</p> <p>3.3.1. Chuyển đổi rừng sản xuất sang rừng phòng hộ cục bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động, tuyên truyền cho người dân về tác hại của việc trồng cây Bạch đàn và lợi ích của việc chăm sóc và bảo vệ rừng, khai thác hợp lý. - Rà soát cụ thể diện tích đang trồng bạch đàn của các hộ dân, xây dựng kế hoạch chăm sóc, bảo vệ cụ thể, chi tiết. - Tập huấn cho người dân về quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Keo, và cây bản địa. Hỗ trợ cây giống, phân bón., chi
--	--	---

		<p>đạo trồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh vùng, cắm mốc phân định giữa diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh phía trên và rừng sản xuất phía dưới. <p>3.3.2. Tập huấn về quản lý và bảo vệ rừng cho người dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập nhóm quản lý, bảo vệ rừng; - Tập huấn cho người dân khu 7 và khu 8 về lợi ích của rừng. - Hợp dân xây dựng hương ước cộng đồng bảo vệ rừng; quy định quyền và nghĩa vụ của chủ rừng. <p>3.3.3. Xây dựng các mô hình sinh kế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý, phát triển và khai thác lâm sản ngoài gỗ - Xây dựng các mô hình chăn nuôi gà, trâu, bò. - Hỗ trợ cho mỗi hộ gia đình 01 bếp đun cải tiến TK90.
	Nguyễn Ngọc Lung	
71	<p>Hỗ trợ mở rộng bảo tồn dựa vào cộng đồng và thí điểm “ngân hàng cua” phục hồi tài nguyên thủy sản ở hệ đầm phá Tam Giang – cầu Hai</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cộng đồng (CCRD)</p> <p>GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Mục tiêu chung là hỗ trợ kiện toàn cơ chế tổ chức, quản lý và vận hành KBVTS đã được thành lập, đồng thời thí điểm thực hiện mô hình “ngân hàng cua” dựa vào cộng đồng góp phần phục hồi thủy sản và cải thiện sinh kế. Mục tiêu cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ kiện toàn tổ chức, có chế quản lý và vận hành KBVTS đã được thành lập góp phần mở rộng hoạt động bảo tồn dựa vào cộng đồng - Xây dựng mô hình thí điểm “ngân hàng cua” dựa vào cộng đồng góp phần phục hồi thủy sản và cải thiện sinh kế - Nâng cao nhận thức và năng lực cho người dân, chi hội nghề cá và chính quyền địa phương trong lập kế hoạch, huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện hoạt động bảo tồn kết hợp cải thiện sinh kế <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình bảo tồn dựa vào cộng đồng được áp dụng, kiện toàn và vận hành đạt kết quả tốt cho phục hồi chức năng bãi giống TS kết hợp quản lý tài nguyên cải thiện sinh kế.

		<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình thí điểm bảo tồn cua (Crab Bank) dựa vào cộng đồng được thực hiện làm cơ sở đề xuất đề án mở rộng bảo tồn phục hồi cua ở hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai - Tổ chức cộng đồng và chính quyền địa phương được nâng cao năng lực, có khả năng chủ động xây dựng kế hoạch và huy động sự tham gia của người dân vào hoạt động quản lý tài nguyên thủy sản, bảo tồn cua kết hợp cải thiện sinh kế - Người dân và cộng đồng được nâng cao nhận thức và năng lực kỹ thuật cũng như khả năng vận hành bảo tồn theo hình thức Crab Bank phục hồi nguồn cua - Tài liệu tổng kết đánh giá mô hình và hướng dẫn áp dụng phương pháp cộng đồng bảo tồn cua được xây dựng. <p>*Các tiêu chí đánh giá thành Công dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý, bảo vệ và chia sẻ lợi ích trong hoạt động bảo tồn được kiện toàn với đồng thuận cao. o KBVTS được bảo vệ hiệu quả o Mô hình thí điểm Crab Bank được thực hiện sẽ huy động 90% thành viên của chi hội nghề cá tham gia, đóng góp. Sản lượng cua khai thác được tăng lên, trong đó cua thương phẩm 10%, cua giống 30%. o Chi Hội nghề cá có khả năng lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động bảo vệ và vận hành crab bank o Thu nhập của cộng đồng được nâng cao. o Tài liệu kỹ thuật về crab bank được xây dựng <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Đánh giá và Kiện toàn tổ chức, quy chế quản lý và vận hành hoạt động KBVTS mới thành lập. - Đánh giá quan trắc tài nguyên thủy sản, trọng tâm là nguồn cua làm cơ sở đánh giá kết quả bảo tồn crab bank - Tổ chức ngày hành động cộng đồng triển khai hoạt động bảo vệ và phục hồi môi sinh bãi giống tại KBVTS tuyên truyền về bảo tồn - Xây dựng mô hình thí điểm Crab bank, gồm lập kế hoạch, vận động cộng đồng tham gia mô hình, và triển khai các lớp
--	--	--

		<p>học hiện trường (FFS) thực hiện mô hình thí điểm Crab bank</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn và in ấn tài liệu kỹ thuật về áp dụng phương pháp cộng bảo tồn “ngân hàng cua” dựa vào cộng đồng - Tổ chức hội thảo các bên liên quan quảng bá mô hình bảo tồn dựa vào cộng đồng và “ngân hàng cua” phục hồi thủy sản và cải thiện sinh kế .
	Nguyễn Chu Hồi	
72	<p>KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUÀ TẶNG, LƯU NIỆM ĐẶC TRƯNG ĐỊA PHƯƠNG PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH LÀNG NGHỀ SINH THÁI VỊNH HẠ LONG (TỈNH QUẢNG NINH)</p> <p>Trung tâm Tạo mẫu hỗ trợ Làng nghề Việt Nam</p> <p>GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>a) Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn, phát huy và phát triển làng nghề du lịch sinh thái ven bờ và một số hải đảo thuộc Vịnh Hạ Long (thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh), nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng của khách du lịch trong nước và quốc tế được hòa đồng trong môi trường làng nghề, có thêm kiến thức về truyền thống văn hóa, tập quán, tài năng và kinh nghiệm cổ truyền của người thợ, cư dân Hạ Long. - Tăng doanh thu cho làng nghề, cho ngành du lịch, người thợ và cộng đồng dân cư địa phương bằng ngành hàng lưu niệm, quà tặng đặc trưng Hạ Long và Quảng Ninh phục vụ yêu cầu mua sắm ngày càng lớn hơn của du khách trong và ngoài nước đến kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long. - Góp phần phát triển kinh tế - xã hội ven biển và hải đảo vùng Đông Bắc của Tổ quốc. <p>b) Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án thu hút 250 - 300 lao động trong 2 năm (2014 - 2015), trong đó có 45 - 50 thợ giỏi, nghệ nhân tại thành phố Hạ Long và huyện Hoàn Bô. - Sản phẩm dự kiến: thiết kế và sản xuất 800 - 1.000 mẫu quà tặng, lưu niệm, đồ thủ công mỹ nghệ mới, tổng sản phẩm sản xuất trong 2 năm (2014 - 2015) đạt 500.000 sản phẩm các loại. Doanh thu dự kiến 2 - 2.5 tỷ đồng trong năm 2015. Những năm tiếp theo, phấn đấu tăng bình quân 50 - 80%/năm. - Hoàn thành việc lập bản đồ chỉ dẫn địa chỉ tới từng nghề nhân, hộ nghề, doanh nghiệp làng nghề, nơi trưng bày giới thiệu sản phẩm, cửa hàng và quầy hàng tại khách sạn lớn nhỏ ở Hồng Gai, Bãi Cháy, làng gốm sứ Hoàn Bô. Hỗ trợ xây dựng Thương hiệu Vịnh Hạ Long đối với đồ lưu niệm, quà tặng của địa phương. <p>c) Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2014: lập kế hoạch tổng thể và chi tiết thực hiện dự án;

		<p>đào tạo và tập huấn thiết kế tạo mẫu, quy hoạch và lập bản đồ chỉ dẫn địa chỉ; tổ chức nơi trưng bày giới thiệu sản phẩm; liên kết hoạt động giữa nghệ nhân, thợ giỏi, doanh nhân với các đại diện trung tâm thương mại, điểm, tuyến, tua du lịch (như trung tâm xúc tiến thương mại Quảng Ninh và thành phố Hạ Long, tuyến du lịch làng nghề sinh thái trong tổng thể du lịch Hạ Long - Yên Tử - Yên Hưng, Hạ Long - Vân Đồn - Trà Cổ... với những hoạt động kinh tế, văn hóa, di tích nổi tiếng).</p> <p>- Năm 2015: hoàn thành triển khai kế hoạch tổng thể, tập trung vào tạo mẫu, xử lý nguyên liệu và sản xuất, đa dạng hóa mặt hàng quà tặng, lưu niệm, bước đầu có thương hiệu uy tín, có đội ngũ kỹ thuật và thợ lành nghề, tạo được các điểm tiêu thụ sản phẩm tại Bãi Cháy, chợ Hạ Long, các hang động nổi tiếng (hang Luồn, hang Đầu Gỗ, hang Trinh Nữ, động Thiên Cung...), tại khu du lịch đảo Tuần Châu, và từng bước mở rộng ra các nơi khác.</p>
	Nguyễn Chu Hồi	
73	<p>ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU THÔNG QUA PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE</p> <p>Trung tâm Hỗ trợ & Phát triển Cộng đồng Thiện Chí</p> <p>Tổng kinh phí: 875,520,000 GEF SGP: 704,520,000</p>	<p><u>1. Mục đích và mục tiêu của dự án:</u></p> <p>Mục đích của dự án là nhằm trang bị cho cộng đồng địa phương tại 3 huyện nông thôn tỉnh Bình Thuận những kiến thức và các kỹ năng để ứng phó với các biến đổi khí hậu theo một cách thức tích cực và bền vững thông qua phát triển nông nghiệp bền vững và bảo vệ sức khỏe. Cách tiếp cận tích hợp sẽ hỗ trợ cộng đồng chống lại các tác động tiêu cực và ngày càng tăng của biến đổi khí hậu.</p> <p><u>2. Các mục tiêu cụ thể:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Người nông dân thay đổi các phương pháp sản xuất nông nghiệp theo hướng thích nghi với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường • Cộng đồng địa phương nâng cao sự hiểu biết về các nguyên nhân và tác hại của biến đổi khí hậu • Cộng đồng địa phương có môi trường sống tốt hơn và có kiến thức trong việc bảo vệ sức khỏe, tránh các tác hại của biến đổi khí hậu. • Các hộ khó khăn cải thiện môi trường và điều kiện sống qua việc xây dựng, lắp đặt các cơ sở hạ tầng để thích nghi với biến đổi khí hậu <p><u>3. Kết quả dự kiến:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các mô hình nông nghiệp thí điểm được thực hiện tại 3

		<p>huyện Tánh Linh, Đức Linh và Hàm Thuận Nam. Các mô hình này được thực hiện theo hướng thân thiện với môi trường và bảo vệ sức khỏe người dân, chẳng hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Trồng rau sử dụng phân hữu cơ thay cho các loại phân hóa học, sử dụng hệ thống tưới nước tự động và một số áp dụng mô hình trồng sau sạch trong nhà lưới. ➤ Lắp đặt các hệ thống biogas để xử lý phân heo, giảm thiểu mùi hôi, đồng thời tạo ra nhiên liệu dùng trong nấu nướng, giảm tiền mua các chất đốt khác. ➤ Chăn nuôi gia súc, gia cầm bằng các loại thức ăn hữu cơ và không sử dụng chất kích thích tăng trưởng ➤ Các chương trình nông nghiệp khác cũng được khuyến khích sử dụng phân hữu cơ thay cho các loại phân hóa học <ul style="list-style-type: none"> • Các lớp tập huấn cung cấp các kiến thức và kỹ năng để áp dụng thực tế cho khoảng 4,320 người, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ➤ 3,600 người được tham gia tập huấn về biến đổi khí hậu ➤ 300 người tham gia các hội thảo về nông nghiệp ➤ 120 nông dân tham quan các mô hình nông nghiệp thực tế ➤ 300 người hưởng lợi từ việc cung cấp hỗ trợ lắp đặt các hệ thống thích ứng với môi trường và bảo vệ sức khỏe. • Ít nhất 96 hộ nông dân được nhân rộng các mô hình nông nghiệp (tương đương 480 người được hưởng lợi) trong cộng đồng địa phương <ul style="list-style-type: none"> ➤ 18 hộ x mô hình trồng rau ➤ 30 hộ x nuôi heo ➤ 30 hộ x mô hình đệm lót sinh học ➤ 18 hộ x mô hình dùng phân hữu cơ • 210 hộ khó khăn (đối tượng hưởng lợi tương đương = 1,075 người bởi ước tính trung bình mỗi hộ có 5 người) được hỗ trợ lắp đặt các hệ thống xử lý nước nhiễm phèn và nhiễm bần, các hệ thống vệ sinh môi trường khác, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> ➤ 30 hộ x được hỗ trợ xây nhà vệ sinh
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> ➤ 30 hộ x đào giếng ➤ 120 hộ x lắp đặt hệ thống xử lý nước nhiễm bẩn ➤ 30 hộ x Lắp đặt hệ thống Bioga <ul style="list-style-type: none"> • Khoảng 1,000 cây trồng (chủ yếu là cây muồng) sẽ được trồng tại huyện Đức Linh <p><u>4. Hoạt động dự kiến:</u></p> <p>Tập huấn: Trung tâm Thiện Chí phối hợp với Hội nông dân và các ban ngành sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định các địa điểm thực hiện các mô hình nông nghiệp tại mỗi vùng dự án để thực hiện các mô hình thí điểm như: <ul style="list-style-type: none"> ○ Vườn rau sạch sử dụng phân hữu cơ, hệ thống tưới nước tự động ○ Mô hình nuôi heo sử dụng hệ thống bioga ○ Mô hình đệm lót sinh học trong nuôi gà ○ Các mô hình nông nghiệp sạch khác • Tổ chức các chuyến tham quan các mô hình cụ thể cho nông dân để cho họ học hỏi kinh nghiệm và áp dụng theo • Hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân địa phương để nhân rộng các mô hình • Tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn chuyên đề, hội thi nông dân cho nông dân tại các vùng dự án. Các chủ đề về môi trường và kinh tế đều được thảo luận và trình bày tại các buổi này, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ○ Biến đổi khí hậu: Nguyên nhân, hệ quả và các biện pháp thích ứng, cải thiện môi trường ○ Tầm quan trọng của việc sử dụng phân hữu cơ ○ Lợi ích và kỹ thuật của mô hình đệm lót sinh học ○ Nguyên nhân và tác hại của nước phèn và nước nhiễm bẩn ○ Lợi ích và cách lắp đặt hệ thống Bioga ○ Lợi ích và cách xây nhà vệ sinh hiệu quả ○ Tầm quan trọng của nông nghiệp sạch <p>Lắp đặt các hệ thống vệ sinh: Trung tâm Thiện Chí kết hợp với chính quyền địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định danh sách các hộ khó khăn cần được hỗ trợ các hệ thống vệ sinh nhất
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> • Tiếp cận và khảo sát các hộ khó khăn để hỗ trợ các hộ này lắp đặt các hệ thống vệ sinh, thân thiện môi trường • Hỗ trợ lắp đặt trực tiếp cho các hộ này: <ul style="list-style-type: none"> ○ Nhà vệ sinh tự hoại ○ Giếng và bồn chứa nước ○ Hệ thống bioga để giảm mùi hôi và tạo chất đốt ○ Các hệ thống xử lý nước phèn và nước nhiễm bần • Hỗ trợ xây nhà vệ sinh cho các trường mẫu giáo • Tập huấn cho giáo viên mẫu giáo về vệ sinh môi trường • Trồng 1,000 cây xanh tại huyện Đức Linh (giúp tạo việc làm thêm cho một số người dân)
	Nguyễn Trọng Hiệu	
74	<p>Khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để cải thiện cuộc sống người dân tộc thiểu số và bảo vệ rừng tỉnh Quảng Nam</p> <p>Trung tâm Phát triển Sáng kiến Cộng đồng và Môi trường (C&E)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.250.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.100.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Mục tiêu chung: Đảm bảo an ninh năng lượng thông qua việc khuyến khích sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo sạch và an toàn để cải thiện cuộc sống cho người dân tộc thiểu số và bảo vệ rừng tỉnh Quảng Nam.</p> <p>Dự án có các mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao nhận thức và kỹ năng cho cộng đồng dân tộc thiểu số vùng dự án về việc sử dụng bền vững và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo; • Hỗ trợ xây dựng các mô hình sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện cho các hộ gia đình và một số nơi cộng đồng tại 2 xã dự án; • Hỗ trợ xây dựng các mô hình bếp nấu dùng nhiên liệu hiệu quả cho các hộ gia đình người dân tộc thiểu số để cải thiện cuộc sống của họ và giảm phá rừng vùng dự án. • Vận động để nhân rộng các mô hình của dự án. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> • 100 mô hình sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện sinh hoạt cấp hộ gia đình tại 2 xã dự án được xây dựng đạt yêu cầu. • 06 mô hình sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện cho UBND xã, trạm y tế xã và nhà trẻ tại 2 xã dự án được

		<p>xây dựng đạt yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> • 100 mô hình Bếp sử dụng nhiên liệu hiệu quả cấp hộ gia đình được xây dựng đạt yêu cầu. • 02 tập huấn đào tạo cán bộ kỹ thuật về (1) thiết kế, lắp đặt, vận hành, sửa chữa hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện và (2) bếp nấu sử dụng nhiên liệu hiệu quả và tiết kiệm. • 06 tập huấn cho người dân về (1) kỹ thuật sử dụng hệ thống cung cấp điện từ năng lượng mặt trời an toàn và có hiệu quả, và (2) kỹ thuật sử dụng bếp nấu sử dụng nhiên liệu hiệu quả an toàn và có hiệu quả. • 02 hội thảo khởi động dự án và chia sẻ kinh nghiệm nhân rộng mô hình • 01 tham quan học hỏi kinh nghiệm về các mô hình đã thành công • 06 tài liệu truyền thông (tờ rơi, sách nhỏ) và 01 cuộc thi tìm hiểu. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Điều tra, khảo sát lựa chọn hộ dân tham gia dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điều tra, đánh giá tình hình và nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt của người dân, trạm y tế, lớp mẫu giáo, UBND xã. • Điều tra, khảo sát lựa chọn hộ dân tham gia dự án, ưu tiên các hộ nghèo, hộ cận nghèo. • Khảo sát, lựa chọn vị trí lắp đặt hệ thống cung cấp điện từ năng lượng mặt trời. <p>Xây dựng mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mô hình 1: Hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện sinh hoạt cấp hộ gia đình. <p>Dự án sẽ trang bị cho 2 xã dự án mỗi xã 50 hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện cho các hộ gia đình nghèo khó khăn nhất. Tuổi thọ trung bình của hệ thống có thể lên tới 15 đến 20 năm. Giá thành khoảng 2.5 - 3 triệu đồng /hệ thống.</p>
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> Mô hình 2: Hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện cho UBND xã, trạm y tế xã và nhà trẻ. Dự án sẽ trang bị cho 2 xã dự án mỗi xã 03 hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện. Tuổi thọ trung bình của hệ thống có thể lên tới 15 đến 20 năm. Giá thành khoảng 20 triệu đồng/hệ thống. Mô hình 3: Bếp nấu sử dụng nhiên liệu hiệu quả cấp hộ gia đình Dự án sẽ trang bị cho các hộ gia đình nghèo khó khăn nhất của 2 xã dự án mỗi xã 50 bếp nấu sử dụng nhiên liệu hiệu quả. Giá thành khoảng 1.7-2 triệu đồng /bếp. Đây là loại bếp cải tiến sáng tạo có thể sử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp (trấu, bã mía, mùn cưa,...) để đốt (không tạo khí CO₂ và không có khói vì đốt trong giai đoạn yếm khí) tạo thành nguồn sáng tia hồng ngoại biến thành năng lượng có thể đun nấu trong 2-3 tiếng. Phần than sau khi đốt là than sinh học có thể sử dụng làm phân bón cho đồng ruộng. <p>Đào tạo, tập huấn</p> <p>Đào tạo cán bộ kỹ thuật về thiết kế, lắp đặt và vận hành, sửa chữa hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện và tập huấn cho người dân về kỹ thuật sử dụng hệ thống cung cấp điện từ năng lượng mặt trời an toàn và có hiệu quả. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức đào tạo tại chỗ cho 12 cán bộ kỹ thuật về thiết kế, lắp đặt, vận hành, sửa chữa hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện. Tổ chức 03 lớp tập huấn cho người dân (35 người/lớp) về kỹ thuật sử dụng hệ thống cung cấp điện từ năng lượng mặt trời an toàn và có hiệu quả. Tổ chức đào tạo tại chỗ cho 12 cán bộ kỹ thuật về thiết kế, lắp đặt, vận hành, sửa chữa bếp sử dụng nhiên liệu hiệu quả. Tổ chức 03 lớp tập huấn cho người dân (35 người/lớp) về kỹ thuật sử dụng bếp sử dụng nhiên liệu hiệu quả an toàn và có hiệu quả. <p>Tham quan</p>
--	--	--

		<p>Tổ chức 01 chuyên tham quan các mô hình sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện ở Quảng Trị cho người dân của 2 xã dự án (25 người/xã).</p> <p>Truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng và phát hành các tờ rơi, sách hướng dẫn liên quan đến các mô hình của dự án • Tổ chức 01 cuộc thi tìm hiểu về mối liên quan giữa rừng và việc sử dụng các nguồn năng lượng..... <p>Hội thảo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức 01 hội thảo khởi động dự án • Tổ chức 01 hội thảo tổng kết dự án và nhân rộng các mô hình sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện và bếp sử dụng nhiên liệu hiệu quả tại địa phương.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
75	<p>DỰ ÁN XÂY DỰNG MÔ HÌNH CÁNH ĐỒNG QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP (CÁNH ĐỒNG IPM) TRÊN CÂY LÚA THEO QUI MÔ THÔN</p> <p>Hội Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 1.400.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy xây dựng nông thôn mới và phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. - Mục tiêu trước mắt: Cải thiện tình hình lạm dụng thuốc BVTV của nông dân hiện nay, giúp họ thâm canh, quản lý dịch hại hợp lý hơn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất lúa, bảo vệ môi trường, môi sinh, sức khỏe cho cộng đồng... <p>b.Kết quả dự kiến:</p> <p>Xây dựng được từ 15- 20 mô hình cánh đồng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây lúa theo qui mô thôn (Trung bình 1 mô hình là 50ha) là hình mẫu cho các thôn, xã khác học tập và áp dụng vào sản xuất</p> <p>c.Hoạt động dự kiến:</p> <p>Đề án dự kiến có các hoạt động chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện dự án - Tập huấn cho giảng viên để thống nhất nội dung, phương pháp thực hiện. - Làm việc với UBND huyện, Xã nơi triển khai dự án để báo cáo và sự phối hợp trong quá trình thực hiện dự án. - Hợp sơ kết, tổng kết.

		<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai các mô hình: Gồm các hoạt động chính sau: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng kế hoạch thực hiện cánh đồng IPM qui mô thôn. + Tổ chức huấn luyện cho nông dân đại diện (khoảng 50 nông dân/thôn) về các kỹ thuật thâm canh lúa theo IPM. + Tổ chức điều tra, phân tích hệ sinh thái đồng ruộng hàng tuần (Cán bộ chỉ đạo hướng dẫn và cùng 5 nông dân kỹ thuật (chọn trong lớp học) thực hiện) + Theo dõi, hướng dẫn nông dân chăm sóc, quản lý dịch hại trong vụ sản xuất. + Tổ chức hội thảo đầu bờ, tổng kết mô hình.
	Trần Thúc Sơn	
76	<p>Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình cộng đồng góp phần bảo tồn đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gổ Hà Tĩnh.</p> <p>Trung tâm tư vấn Bồi dưỡng Phát triển Khoa học và Công nghệ</p> <p>Tổng kinh phí: 1.400.000.000</p> <p>GEF SGP: 900.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng và lợi ích lâu dài của việc bảo tồn đa dạng sinh học; giúp cộng đồng gắn bó cuộc sống và thu nhập của mình với công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. - Giải quyết từng bước sinh kế ổn định cho người dân vùng đệm khu bảo tồn thông qua các giải pháp sản xuất nông nghiệp bền vững, tham gia quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn ĐDSH. - Góp phần bảo tồn ĐDSH tại khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gổ Hà Tĩnh. <p>b. Kết quả dự kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thông điệp tuyên truyền được thực hiện - Các chương trình nâng cao nhận thức được thiết kế và thực hiện - Các mô hình cộng đồng được thiết kế và thực hiện <ul style="list-style-type: none"> + Mô hình trồng rau an toàn góp phần bảo tồn đa dạng sinh học cho 10 hộ với quy mô 0,2ha/hộ. + Mô hình nuôi gà thả vườn cho 15 hộ với quy mô 300con/hộ. <p>c. Hoạt động dự kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng đa dạng sinh học tại khu bảo tồn Kê Gổ. - Xây dựng các mô hình cộng đồng góp phần bảo tồn đa

		<p>dạng sinh học.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng mô hình nuôi gà thả vườn. + Xây dựng mô hình trồng rau an toàn. - Nâng cao nhận thức, khuyến khích các bên liên quan tham gia xây dựng và bảo vệ đa dạng sinh học khu bảo tồn Kè Gỗ.
	Nguyễn Ngọc Lung	
77	<p>Tăng cường sự tham gia, đồng thuận của người dân và nâng cao năng lực cho Hội đồng giao rừng cấp xã để thúc đẩy việc hoàn thành Đề án giao rừng tại huyện Trấn Yên.</p> <p>Trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ Tây Bắc (CARTEN)</p> <p>Tổng kinh phí: 745.000.000 đ</p> <p>GEF SGP: 675.000.000 đ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p><u>Mục tiêu chung:</u></p> <p>Tăng cường tiếng nói và sự hiểu biết về quyền được sử dụng đất rừng cho các hộ nông dân nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số, thông qua sự tham gia đồng thuận của cộng đồng và năng lực đại diện đứng ra bảo vệ quyền sử dụng đất của các CSOs trong việc thực thi chính sách giao rừng, nhằm giúp cộng đồng có thể đảm bảo sinh kế bền vững, mở rộng và đa dạng sinh kế cải thiện chất lượng cuộc sống.</p> <p><u>Mục tiêu cụ thể:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nâng cao hiểu biết về luật đất đai và kiến thức quản lý rừng bền vững cho cộng đồng và các tổ chức đại diện cộng đồng (CSOs) để bảo vệ quyền sử dụng đất rừng trong quá trình thực thi chính sách giao rừng. 2. Đảm bảo trên 75% người dân tại thôn bản đồng thuận trong việc lập quy hoạch phân chia giao đất rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất lâm nghiệp nhằm đảm bảo quyền tiếp cận và quyền sử dụng đất rừng ổn định cho cộng đồng người dân tộc thiểu số và người nghèo. 3. Tác động đến quá trình ra chính sách và thực thi chính sách giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất lâm nghiệp của tỉnh Yên Bái và cấp quốc gia. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tăng cường nhận thức về các văn bản luật, nghị định, chính sách, đề án giao rừng, kiến thức quản lý rừng bền vững cho khoảng 1000 người dân và thành viên Hội đồng giao rừng 2 xã trong diện giao rừng đợt 1 năm 2013 – 2104 của huyện Trấn Yên. ✓ Phương án chi tiết phân chia giao rừng của 2 xã được sự tham gia đồng thuận của người dân đảm bảo đạt tỷ lệ ít nhất 75%

		<p>số hộ trong thôn bản đồng ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Vận động UBND tỉnh Yên Bái và các tổ chức có liên quan đề nghị bổ xung vào văn bản dự thảo luật đất đai về hình thức lập phương án phân chia giao rừng cho cộng đồng người dân tộc thiểu đảm bảo sự tham gia đồng thuận ít nhất 75% số hộ trong thôn bản đồng ý, dựa trên các bằng chứng, kết quả và kinh nghiệm của 2 tổ chức đã thực hiện dự án tại tỉnh Yên Bái. ✓ Nhóm cộng đồng người dân: Hiểu biết về luật, các chính sách của nhà nước để nâng cao vai trò trách nhiệm quyền và lợi ích hợp pháp về quản lý đất bền vững, đảm bảo sự tham gia đồng thuận trong phương án phân chia và giao rừng của thôn bản. Hơn thế nữa, các cộng đồng yếu thế được đặc biệt khuyến khích phát huy khả năng hiểu biết và tham gia trong suốt quá trình. ✓ Nhóm chính quyền địa phương: Lắng nghe tiếng nói của người dân, đảm bảo trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong việc thực thi các luật đất đai và trong chính sách quản lý đất cụ thể trong quy hoạch, thay đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi, giao đất. ✓ Nhóm Hội đồng giao rừng và đại diện các CSOs: nâng cao tính đại diện cộng đồng để họ có thể hỗ trợ pháp lý nhiều hơn cho cộng đồng người dân và chính quyền địa phương để đưa các luật, chính sách của nhà nước về quản lý đất vào cuộc sống. Đồng thời nhóm CSOs sẽ là đại diện tốt hơn để đưa tiếng nói của người dân trong quá trình phản biện chính sách. <p>d. Các hoạt động cụ thể</p> <p><u>Hoạt động cho mục tiêu 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Biên soạn tài liệu tóm tắt luật và nghị định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trách nhiệm của cộng đồng trong phương án giao rừng, thuê rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp. ✓ Biên soạn tài liệu hướng dẫn quản lý khai thác rừng bền vững dựa vào cộng đồng. ✓ Tập huấn cho Hội đồng giao rừng (HĐGR) và đại diện các CSOs về luật, nghị định và đề án giao rừng của huyện Trấn Yên. ✓ Tập huấn cho HĐGR và đại diện các CSOs về quản lý khai
--	--	---

		<p>thác rừng bền vững dựa vào cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hỗ trợ HDGR và đại diện các CSOs tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức cho cộng đồng (lấy các nhóm yếu thế làm trung tâm) về luật, nghị định và đề án giao rừng của huyện Trấn Yên. ✓ Hỗ trợ HDGR và đại diện các CSOs tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn cho các hộ dân ưu tiên nhóm hộ yếu thế về quản lý khai thác rừng bền vững dựa vào cộng đồng. <p><u>Hoạt động cho mục tiêu cụ thể 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tập huấn cho HDGR và đại diện các CSOs về kỹ năng tham vấn và lấy ý kiến đồng thuận của cộng đồng. ✓ Hỗ trợ HDGR xây dựng phương án chi tiết giao rừng. ✓ Hỗ trợ HDGR và đại diện các CSOs tổ chức tham vấn cộng đồng về phương án phân chia, giao rừng, cấp giấy quyền sử dụng đất sản xuất lâm nghiệp của từng thôn bản. ✓ Hỗ trợ HDGR tổng hợp ý kiến tham vấn và hoàn thiện phương án giao rừng của từng thôn bản. ✓ Hỗ trợ HDGR tổ chức lấy ý kiến đồng thuận của người dân (lấy các nhóm yếu thế làm trung tâm) thông qua phương án phân chia giao rừng cho từng thôn bản. <p><u>Hoạt động cho mục tiêu cụ thể 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tài liệu hóa phương pháp tham vấn cộng đồng, sự tham gia đồng thuận của cộng đồng trong quá trình quy hoạch lập phương án phân chia giao rừng tại thôn bản (trong bối cảnh địa phương bao gồm nhiều cộng đồng yếu thế). ✓ Tổ chức hội thảo chia sẻ phổ biến kinh nghiệm cấp tỉnh, cấp vùng về sự tham gia đồng thuận trong việc lập quy hoạch và xây dựng phương án phân chia, giao đất rừng, cấp sổ đỏ. ✓ Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, thông cáo báo chí ✓ Vận động chính sách giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất lâm nghiệp của tỉnh Yên Bái và cấp quốc gia.
	Nguyễn Ngọc Lung	
78	Bảo tồn tài nguyên tổng hợp và phát triển sinh kế bền vững nhằm thích	<p>Mục tiêu</p> <p>Tăng cường khả năng chịu đựng và thích ứng của các cộng đồng khu vực đầm phá và ven biển thị xã Hương Trà nhằm thích ứng với</p>

<p>ứng với biến đổi khí hậu tại các xã khu vực đầm phá Tam Giang, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>Trung Tâm Nghiên Cứu và Tư Vấn Quản Lý Tài Nguyên (CORENARM)</p> <p>Tổng kinh phí: 1,750,000,000</p> <p>GEF SGP: 1,050,000,000</p>	<p>biến đổi khí hậu thông qua các hoạt động bảo tồn và phát triển nông lâm ngư nghiệp, các hoạt động phát triển sinh kế và nhận thức của người dân và chính quyền địa phương.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao tính chịu đựng và khả năng thích ứng của các cộng đồng và chính quyền địa phương thông qua các hoạt động bảo tồn, phát triển, nhân rộng và sử dụng bền vững các tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ thiên tai ở khu vực đầm phá và ven biển của thị xã Hương Trà. - Nâng cao năng lực và nhận thức cho chính quyền và cộng đồng hai xã Hải Dương và Hương Phong trong ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững thông qua các hoạt động truyền thông lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức dựa vào cộng đồng. - Tư liệu hóa, đánh giá kết quả, đúc kết kinh nghiệm, khuyến nghị với chính quyền và người dân địa phương cũng như thể chế hóa các bài học tốt về những vấn đề có liên quan cho thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp dựa trên kết quả thử nghiệm các mô hình của dự án; <p>Các hoạt động và Kết quả dự kiến</p> <p>a. Mục tiêu 1: Nâng cao tính chịu đựng và khả năng thích ứng của các cộng đồng và chính quyền địa phương thông qua các hoạt động bảo tồn, phát triển, nhân rộng và sử dụng bền vững các tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ thiên tai ở khu vực đầm phá và ven biển của thị xã Hương Trà.</p> <p>i) <i>Hoạt động 1.1: Mô hình và xây dựng quy trình Phục tráng giống lúa Nước Mặn ở Hương Phong và Hải Dương</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả dự kiến: <ul style="list-style-type: none"> o Xây dựng được 2 mô hình phục tráng và tuyển chọn giống lúa Nước Mặn với diện tích 3 ha/ 2 vụ/ năm ở 2 xã Hương Phong và Hải Hương o Xây dựng được quy trình phục tráng và tuyển chọn lúa giống cho giống lúa Nước Mặn và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
--	--

		<ul style="list-style-type: none"> ○ Tổ chức được 10 tập huấn với 300 lượt người về kỹ thuật cho người dân về kỹ thuật phục tráng theo phương pháp Lớp học hiện trường cho nông dân (FFS), trong đó có ít nhất 150 lượt phụ nữ tham gia. ○ Tổ chức được 04 hội thảo đầu bờ và nhân rộng phương pháp phục tráng và tuyển chọn lúa giống. <p>ii) <i>Hoạt động 1.2: Nhân rộng mô hình Phục tráng giống lúa Chiên Đen và Chiên Trắng cho các thôn của ở Hương Phong và Hải Dương.</i></p> <p>- Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Tổ chức được 8 tập huấn với 240 lượt người về kỹ thuật cho người dân về kỹ thuật phục tráng giống lúa Chiên Đen và Chiên Trắng theo phương pháp FFS, trong đó có ít nhất 100 lượt phụ nữ. ○ Tổ chức được 04 hội thảo đầu bờ giới thiệu về kết quả phục tráng và tuyển chọn lúa giống Chiên Đen và Chiên Trắng. <p>iii) <i>Hoạt động 1.3: Tập huấn, hội thảo và nhân rộng phương pháp nuôi xen ghép thủy sản</i></p> <p>- Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Tổ chức được 4 lớp Tập huấn kỹ thuật nuôi xen ghép các loài thủy sản cho 240 lượt người tham gia theo phương pháp FFS, trong đó có ít nhất 60 lượt phụ nữ. ○ Tổ chức 02 hội thảo / 2 xã và 01 hội thảo cấp tỉnh chia sẻ kinh nghiệm, đánh giá và nhân rộng các giải pháp tốt của hoạt động nuôi xen ghép và cùng các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong nuôi trồng thủy sản <p>iv) <i>Hoạt động 1.4: Xây dựng 02 vườn ươm cộng đồng với diện tích khoảng 300 m² phục vụ cho kế hoạch trồng 10 ha phân tán ở khu vực ven phá và ao tôm.</i></p> <p>- Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Tổ chức được 02 lớp tập huấn cho 50 thành viên của các chi hội nghề cá về các kỹ thuật sản xuất giống cây ngập mặn và quản lý vườn ươm theo phương
--	--	--

		<p>pháp FFS, trong đó có ít nhất 20 phụ nữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Xây dựng 02 vườn ươm cây ngập mặn với diện tích 150 m²/ vườn với sản lượng 12.000 cây tiêu chuẩn xuất vườn/ năm. ○ Tổ chức 01 hội thảo đầu bờ chia sẻ kinh nghiệm sản xuất cây ngập mặn. <p>v) <i>Hoạt động 1.5: Trồng cây ngập mặn ven phá, khu vực ao nuôi và khu bảo vệ thủy sản, và thực hiện quản lý rừng và các khu bảo vệ thủy sản.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả dự kiến: <ul style="list-style-type: none"> ○ Tổ chức được 02 lớp tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ngập mặn với 60 lượt người tham gia, trong đó có ít nhất 20 phụ nữ tham gia. ○ Tổ chức trồng, bảo vệ và chăm sóc được 12.000 cây ngập mặn phân tán với tỷ lệ sống 80% sau 2 năm. ○ Tổ chức 01 hội thảo đầu bờ chia sẻ kinh nghiệm sản xuất cây ngập mặn. ○ Thực hiện việc tuần tra quản lý rừng và khu bảo vệ thủy sản ○ Thực hiện thử nghiệm thành công cơ chế chia sẻ lợi ích từ quản lý rừng ngập mặn và các khu bảo vệ thủy sản cho các Chi hội nghề cá. <p>vi) <i>Hoạt động 1.6: Thử nghiệm và nhân rộng mô hình sản xuất phân hữu cơ từ các chất thải hữu cơ sinh hoạt, nông nghiệp và bèo tây để giảm ô nhiễm môi trường nước và cảnh quan.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả dự kiến: <ul style="list-style-type: none"> ○ Tổ chức được 04 tổ sản xuất phân hữu cơ từ các Chi hội nghề cá với 120 lượt người tham gia. ○ Tổ chức được 02 lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ với chế phẩm sinh học cho 60 lượt người tham gia, trong đó có ít nhất 30 phụ nữ tham gia. ○ Sản xuất được 20 tấn phân hữu cơ từ các chất thải sản xuất nông nghiệp, rác hữu cơ và bèo tây. ○ Tổ chức 02 hội thảo báo cáo kết quả và nhân rộng
--	--	---

		<p>mô hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Tư liệu hóa và xây dựng tài liệu hướng dẫn đơn giản. <p>vii) <i>Hoạt động 1.7: Thử nghiệm và nhân rộng mô hình xen canh lúa cá và lúa tôm ở các khu vực ruộng nhiễm mặn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả dự kiến: <ul style="list-style-type: none"> ○ Tổ chức được 06 lớp tập huấn cho các Chi hội nghề cá với 180 lượt người tham gia. ○ Hỗ trợ và thực hiện nuôi với diện tích tối thiểu là 5 ha năm thứ nhất và 10 ha năm thứ 2. ○ Tổ chức được 04 hội thảo/ 2 năm về các hình thức nuôi ○ Tư liệu hóa và biên soạn tài liệu hướng dẫn các quy trình nuôi và trồng. <p>b. Nâng cao năng lực và nhận thức cho chính quyền và cộng đồng hai xã Hải Dương và Hương Phong trong ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững thông qua các hoạt động truyền thông lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức dựa vào cộng đồng.</p> <p>i) <i>Hoạt động 2.1: Tổ chức các buổi thảo luận chuyên đề giữa cộng đồng, chính quyền địa phương và các nhà khoa học và cơ quan chuyên môn về tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp và các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ rủi ro.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả dự kiến: <ul style="list-style-type: none"> ○ Tổ chức được 14 buổi thảo luận cho 2 xã với 700 người tham gia, trong đó có tối thiểu 40% là nữ. ○ Xác định được các vấn đề có nguy cơ cao nhất ở mỗi thôn để có giải pháp thực hiện. ○ Nâng cao nhận thức và kế hoạch của người dân và các cộng đồng liên quan đến thích ứng và giảm nhẹ các rủi ro do BĐKH. <p>ii) <i>Hoạt động 2.2: Xây dựng các chương trình truyền thông qua đài phát thanh, các áp phích và các tài liệu kỹ thuật về các giải pháp và thực hành tốt đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để cung cấp cho các cộng đồng nhằm nâng</i></p>
--	--	--

		<p><i>cao nhận thức, giải pháp và ứng dụng về thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả dự kiến: <ul style="list-style-type: none"> ○ Xây dựng và cung cấp được 4 loại áp phích/ thôn cho các thôn của Dự án. ○ Phối hợp với các đoàn thể và các chi hội nghề cá tổ chức tìm hiểu và xây dựng được 4 câu chuyện thành công liên quan đến các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ thiệt hại của BĐKH đối với sản xuất và đời sống của người dân vùng đầm phá. ○ In ấn và chuyển giao các tài liệu kỹ thuật, các giải pháp và thực hành tốt và thành công của Dự án cho các cộng đồng trên địa bàn tỉnh các các dự án trong mạng lưới của GEF, VNGO-CC. <p><i>iii) Hoạt động 2.3: Tập huấn đánh giá rủi ro và tác động của biến đổi khí hậu cho cán bộ địa phương và các tổ chức cộng đồng.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả dự kiến: <ul style="list-style-type: none"> ○ Tổ chức được 02 lớp tập huấn cho các cán bộ xã và thôn, và Chi hội nghề cá với 60 lượt người tham gia, trong đó có ít nhất 20 phụ nữ tham gia. ○ Lập được kế hoạch đánh giá rủi ro và tác động cho các thôn. ○ Các tổ chức cộng đồng tự tổ chức đánh giá các rủi ro và tác động đến địa phương mình với sự hỗ trợ tư vấn của CORENARM, các tổ chức khác trên địa bàn và cán bộ địa phương. <p>c. Tư liệu hóa, đánh giá kết quả, đúc kết kinh nghiệm, khuyến nghị với chính quyền và người dân địa phương cũng như thể chế hóa các bài học tốt về những vấn đề có liên quan cho thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp dựa trên kết quả thử nghiệm các mô hình của dự án;</p> <p><i>i) Hoạt động 3.1: Tổ chức đánh giá và hội thảo công bố các kết quả dự án và tư liệu hóa.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả dự kiến:
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> ○ Tổ chức 3 đợt đánh giá giảm thiểu tính tổn thương (VRA) định kỳ trước, trong và sau khi dự án kết thúc. ○ Tổ chức đánh giá cuối kỳ dự án có sự tham gia của người hưởng lợi và chính quyền địa phương. ○ Báo cáo đánh giá kết thúc dự án được thực hiện và được Ban điều phối dự án thông qua. ○ Tổ chức hội thảo kết thúc dự án và công bố các tài liệu và hướng dẫn đã được phê duyệt. <p>ii) <i>Hoạt động 3.2: Tổ chức tuyên truyền thông qua hệ thống đài phát thanh các xã và các báo đài địa phương và Trung ương trên địa bàn tỉnh.</i></p> <p>- Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Đăng được ít nhất 20 tin bài trên Web của CORENARM và các mạng lưới về BĐKH. Các bản tin và các câu chuyện thành công sẽ được phát trên hệ thống truyền thông của xã. ○ Đăng được ít nhất 4 bài viết về các thành công của dự án trên báo Thừa Thiên Huế. ○ Có ít nhất 02 bản tin được xây dựng và phát trên đài truyền hình.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
79	<p>Tăng cường sự tham gia của các cộng đồng dân tộc thiểu số trong việc bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học nguồn gen cây trồng bản địa gắn liền với sử dụng bền vững tài nguyên đất dốc tại xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.</p> <p>Hội nông dân xã Chiềng Bôm</p>	<p>3.1. Mục tiêu</p> <p><i>Mục tiêu tổng quát:</i></p> <p>Giúp cho xã Chiềng Bôm tăng cường công tác bảo tồn đa dạng nguồn gen cây trồng bản địa và xây dựng mô hình quản lý, canh tác bền vững trên đất dốc góp phần bảo vệ môi trường, đáp ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1 Nhằm đẩy mạnh các tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của các phương thức sản xuất nông nghiệp của các cộng đồng dân tộc thiểu số đến tài nguyên đa dạng sinh học của hệ sinh thái nông – lâm nghiệp tại Chiềng Bôm; 2 Nâng cao năng lực nhận thức, tăng cường sự tham gia của các cộng đồng dân tộc thiểu số trong công tác bảo tồn và sử dụng

	<p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 965.000.000 đ/ 1 năm</p>	<p>bền vững nguồn gen cây trồng bản địa có giá trị kinh tế;</p> <ol style="list-style-type: none"> 3 Hỗ trợ qui hoạch qui mô hộ và xây dựng mô hình sử dụng, canh tác bền vững trên đất dốc. 4 Giảm sự phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên, phụ thuộc điều kiện tự nhiên trong sản xuất nông nghiệp của các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Chiềng Bôm. <p>3.2. Kết quả dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có ít nhất 300 hộ dân thuộc các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Chiềng Bôm được nâng cao năng lực nhận thức và tham gia vào công tác bảo tồn, phát triển, sử dụng bền vững nguồn gen cây trồng bản địa có giá trị kinh tế. 2. Có ít nhất 200 hộ dân thuộc các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Chiềng Bôm được hỗ trợ, nâng cao năng lực kỹ thuật trong công tác phục tráng giống, bảo tồn nguồn gen cây trồng bản địa có giá trị kinh tế. 3. Có ít nhất 10 giống lúa, khoai, ... bản địa được phục tráng thành công. 4. Có ít nhất 200 loài cây trồng bản địa được bảo tồn theo hình thức ex situ trong các thư viện nguồn gen do cộng đồng quản lý. 5. Có ít nhất 5 mô hình sinh kế, canh tác bền vững trên đất dốc được xây dựng phù hợp cho các tiểu vùng khí hậu, phù hợp với phong tục tập quán của các cộng đồng mục tiêu. <p>3.3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> (1) Tập huấn nâng cao năng lực nhận thức và tham gia vào công tác bảo tồn, sử dụng bền vững nguồn gen cây trồng bản địa cho ít nhất 500 hộ dân thuộc các cộng đồng dân tộc thiểu số như Thái, H'Mông, Dao, Xá,... dân về các vấn đề như tầm quan trọng của việc bảo tồn sự đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên trong đó đặc biệt chú trọng đến vấn đề canh tác bền vững trên đất dốc, chống biến đổi khí hậu,... (2) Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho ít nhất 200 hộ dân về vấn đề phục tráng giống, xây dựng các mô hình cộng đồng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học, các vấn đề cụ thể như: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Phục tráng giống để khôi phục những đặc điểm tốt của giống nguyên thủy. ✓ Bảo quản nguồn gen cây trồng địa phương ở các mức độ
--	---	---

		<p>ex situ khác nhau (bảo quản hạt, bảo quản invitro,...)</p> <p>(3) Xây dựng một số mô hình cộng đồng phục tráng giống lúa cạn, cây ăn quả,...</p> <p>(4) Xây dựng mô hình ‘Thư viện nguồn gen do cộng đồng quản lý’ là nơi trồng, chăm sóc và bảo tồn nguồn gen thực vật tại địa phương.</p> <p>(5) Xây dựng các mô hình sinh kế canh tác bền vững trên đất dốc của các cộng đồng mục tiêu có hiệu quả, phù hợp với các tiêu vùng khí hậu khác nhau.</p> <p>(6) Hội thảo đầu bờ để giới thiệu về các mô hình trình diễn, tập huấn kỹ thuật xây dựng mô hình trình diễn có sự tham gia của cộng đồng.</p> <p>(7) Thành lập các ‘Tổ cộng đồng quản lý nguồn gen cây trồng bản địa’ tại các thôn, bản, các cộng đồng dân cư.</p>
	Nguyen Ngoc Lung	
80	<p>Xây dựng mô hình tổ chức quản lý và sử dụng bền vững vườn chim Hải Lựu, xã Hải Lựu, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh phúc, pha II.</p> <p>Trung tâm Giáo dục Môi trường và các vấn đề Xã hội (CESED)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.570.000.000 VNĐ</p> <p>GEF SGP: 1.050.000.000 VNĐ</p>	<p>3.1. Mục tiêu, dự kiến kết quả và hoạt động</p> <p>Mục tiêu lâu dài của dự án: Tiếp tục củng cố, xây dựng bền vững mô hình quản lý vườn chim hộ gia đình có sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.</p> <p>Mục tiêu trước mắt, dự kiến kết quả và các hoạt động</p> <p>Mục tiêu 1: Phát triển mô hình quản lý, bảo vệ và khai thác vườn chim hộ gia đình có sự tham gia của cộng đồng</p> <p><i>Kết quả 1.1: Báo cáo tổng kết công tác thực hiện vận hành mô hình quản lý vườn chim hộ gia đình có sự tham gia của cộng đồng theo thỏa thuận đã kí kết. Xây dựng kế hoạch bảo tồn vườn chim 2015 - 2020</i></p> <p><i>Hoạt động:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các cuộc họp giữa gia đình chủ vườn, đại diện cộng đồng và chính quyền bàn kế hoạch tổ chức quản lý và khai thác VC năm 2014 và 2015. - Triển khai vận hành cơ chế quản lý và khai thác theo văn bản đã thỏa thuận, cộng đồng trách nhiệm và chia sẻ lợi ích giữa gia đình chủ vườn và chính quyền, các tổ chức xã hội.

		<p>- Hội thảo rút kinh nghiệm hàng năm và cuối kì dự án</p> <p>- Viết tài liệu báo cáo kết quả, xác định các điều kiện thực hiện cơ chế quản lí và sử dụng bền vững vườn chim hộ gia đình có sự tham gia của cộng đồng.</p> <p>- Xây dựng kế hoạch bảo tồn vườn chim 2015 - 2020</p> <p><i>Kết quả 1.2. Báo cáo nghiên cứu, theo dõi sự phát triển của đàn chim sau những kết quả bảo tồn của pha I và thời gian hoạt động của pha II</i></p> <p>Hoạt động: Điều tra nghiên cứu, theo dõi sự phát triển và sinh trưởng, cư trú của đàn chim. Viết báo cáo đánh giá sự phát triển và sinh trưởng, cư trú của đàn chim.</p> <p>Mục tiêu 2: Tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ cho công tác bảo tồn, khai thác bền vững vườn chim.</p> <p><i>Kết quả 2.1. Xây dựng và đưa vào hoạt động trung tâm giáo dục môi trường, trung tâm điều hành, khai thác du lịch sinh thái vườn chim.</i></p> <p>Hoạt động: Trên cơ sở nhà văn hóa thôn Dừa Lẽ ở gần VC, dự án sẽ tôn tạo, đảm bảo đủ diện tích và thiết kế phù hợp làm trung tâm GDMT và trung tâm điều hành du lịch VC. Trang bị các thiết bị, các tiêu bản, hình ảnh về các loài động thực vật có trong VC và ở địa phương, các tài liệu liên quan đến bảo tồn ĐDSH, bảo tồn VC và BVMT. Trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác quảng bá và khai thác du lịch, điều hành du lịch VC.</p> <p><i>Kết quả 2.2. Tăng cường nhận thức, ý thức và kỹ năng bảo vệ vườn Chim Hải Lựu, bảo tồn ĐDSH của các tầng lớp cư dân trong cộng đồng và giáo viên, học sinh trong nhà trường.</i></p> <p><i>Hoạt động:</i></p> <p>- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho cư dân thôn Dừa Lẽ, Dừa Cả và các thôn lân cận về bảo tồn ĐDSH, bảo tồn VC, BVMT để mở rộng đối tượng chung tay bảo vệ VC (70 lượt người/2 lớp x 2ngày).</p> <p>- Tổ chức 2 chuyến tham quan các mô hình bảo tồn đa dạng sinh học ở các địa phương khác nhằm nâng cao trình độ và năng lực của cán bộ địa phương và chủ vườn chim về bảo tồn và cách thức khai thác VC bền vững.</p> <p>- Biên soạn 2 tài liệu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THCS và tiểu học gắn liền với nội dung bảo vệ môi trường và tài nguyên</p>
--	--	--

		<p>thiên nhiên của địa phương qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Tài liệu Hướng dẫn sử dụng VC và trung tâm GDMT để GD bảo tồn VC nói riêng, bảo tồn ĐDSH nói chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn tài liệu hướng dẫn giáo viên mầm non giáo dục bảo tồn VC Hải Lựu, giáo dục bảo tồn ĐDSH, BVMT cho trẻ mẫu giáo. - Tập huấn cho GV mầm non, tiểu học, THCS (80 người/3 lớp x2 ngày) - Tổ chức các hoạt động GDBVMT trong các trường mầm non, tiểu học và THCS và tại trung tâm GDMT - vườn chim. - Báo cáo kết quả hoạt động <p><i>Kết quả 2.3. Tăng cường khả năng khai thác du lịch sinh thái vườn Chim Hải Lựu, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương.</i></p> <p><i>Hoạt động:</i> Xây dựng cơ sở điều hành và khai thác du lịch sinh thái vườn chim Hải Lựu trên cơ sở đồng thuận của hộ gia đình và cộng đồng, gồm các việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phòng điều hành, lập nhóm điều hành quản lý du lịch để đón tiếp và hướng dẫn khách du lịch. - Trang bị các thiết bị phục vụ du lịch, quảng bá du lịch - Tập huấn về du lịch sinh thái (văn hóa du lịch, phương pháp khai thác du lịch, thực hành) (70 người/2 lớp x 2 ngày) - Làm con đường nhỏ đi lại trong khuôn viên khu vực vườn chim để du khách đi lại thuận tiện, bảo đảm không ảnh hưởng đến điều kiện cư trú của chim (làm đường, tạo bậc thang). - Khai thác du lịch - Đánh giá kết quả thực hiện, rút bài học kinh nghiệm <p><i>Kết quả 2.4. Vườn Chim Hải Lựu được mở rộng, củng cố, bảo tồn thông qua việc mở rộng diện tích và hoạt động trực tiếp của các lực lượng trong cộng đồng phối hợp cùng gia đình.</i></p> <p><i>Hoạt động 2.4.1: Mở rộng diện tích vườn chim lên 12 ha, tạo khu môi sinh để chim có điều kiện phát triển.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu và cùng UBND xã triển khai các hoạt động mở rộng khu môi sinh cho chim ở phía bờ ruộng (đổi đất ở nơi khác cho dân để lấy ruộng, đào ao thả cá, trồng cây, tạo lối đi...) - Trồng bổ sung cây lâm sinh trong vườn, tổ chức làm tốt công tác bảo
--	--	---

		<p>vệ môi trường, bảo vệ vườn chim (ao, đầm, thùng đựng rác...)</p> <p>Hoạt động 2.4.2: Hỗ trợ hoạt động của Tổ bảo vệ cộng đồng để cùng gia đình bảo vệ vườn chim.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động viên sinh hoạt thường xuyên - Hỗ trợ thêm trang thiết bị quần áo, giày, mũ, đèn... - Hội thảo rút kinh nghiệm hoạt động <p>Hoạt động 2.4.3: Hỗ trợ gia đình bà Khiêm phát triển kinh tế theo mô hình vườn – ao – chuồng và khai thác du lịch, cải thiện mức sống, yên tâm giữ gìn bảo vệ vườn chim.</p> <p>Mục tiêu 3: Đánh giá, đúc kết chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương về mô hình quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý vườn chim hộ gia đình có sự tham gia của cộng đồng</p> <p><i>Kết quả 3.1. Tài liệu về những bài học kinh nghiệm của mô hình trình diễn được xây dựng, nghiệm thu và phổ biến.</i></p> <p>Hoạt động 3.1.1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, đúc rút những bài học kinh nghiệm, biên soạn tài liệu và tổng kết các mô hình trình diễn của dự án (phương thức quản lý vườn Chim trên cơ sở hộ gia đình có sự tham gia của cộng đồng, giáo dục bảo vệ môi trường trong trường học và cộng đồng, du lịch sinh thái) - Tổ chức cuộc họp nghiệm thu. Thành phần nghiệm thu bao gồm các sở, ban ngành có liên quan của tỉnh Vĩnh Phúc và UBND huyện Sông Lô và xã Hải Lựu. <p>Hoạt động 3.1.2. Tổ chức in ấn tài liệu, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm với các ĐP có VC.</p>
	Nguyen Ngọc Lung	
81	HỖ TRỢ XỬ LÝ Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ, NGUỒN NƯỚC THẢI, RÁC THẢI TẠI CÁC CHỢ BẰNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC GẮN LIỀN TRUYỀN THÔNG NÂNG CAO NHẬN THỨC (Mô hình trình diễn tại khu	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thành công việc xử lý ô nhiễm mùi, không khí, nguồn nước thải tại các chợ Hà Nội với công nghệ sinh học, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> o Các chợ lớn thuộc các quận nội thành. o Các chợ cóc, chợ tạm thuộc các quận nội thành. o Các chợ khu vực dân sinh ngoại thành. - Thay đổi nhận thức bảo vệ môi trường và tạo thói quen xử

	<p>vực trung tâm và ngoại thành Hà Nội)</p> <p>Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 1.360.000.000 VND</p> <p>GEF SGP: 950.000.000 VND</p>	<p><i>lý rác thải hữu cơ</i> với công nghệ sinh học cho các hộ kinh doanh, tiểu thương... tại chợ trước khi xả thải thông qua hiệu quả của việc xử lý và hoạt động tuyên truyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đào tạo và hỗ trợ công nghệ xử lý rác sinh học</i> cho ban quản lý chợ, các công nhân môi trường và các hộ kinh doanh tại chợ. - <i>Xây dựng được hệ thống mạng lưới đội ngũ Cộng tác viên (CTV), Tình nguyện viên (TNV) cộng đồng</i> cùng với các hộ kinh doanh tạo thành các nhóm tổ chức xã hội dân sự tình nguyện tại các khu vực chợ. - <i>Nhân bản mô hình xử lý rác với công nghệ sinh học kết hợp với tuyên truyền</i> để phát triển mở rộng dự án. <p><i>b. Kết quả dự kiến:</i></p> <p>Kết quả dự kiến trong 01 năm hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về cơ bản, xử lý được các vấn đề ô nhiễm mùi, không khí, nguồn nước tại tất cả các chợ tại Hà Nội và khu vực ngoại thành. <i>Trực tiếp cải thiện môi trường sống, sức khỏe cho các đối tượng kinh doanh, người đi chợ... chủ yếu là đối tượng phụ nữ.</i> - Thay đổi nhận thức về bảo vệ môi trường cho các hộ kinh doanh và dân cư nơi có chợ. - Tạo thói quen xử lý rác thải hữu cơ với công nghệ sinh học cho các hộ kinh doanh, tiểu thương... tại chợ trước khi xả thải. - Xây dựng mạng lưới tuyên truyền, thành lập được các nhóm tổ chức xã hội dân sự tình nguyện. - Mô hình thành công của dự án sẽ được tiếp tục triển khai và mở rộng vào những năm tiếp theo của dự án tại Hà Nội và các tỉnh thành khác theo hướng ưu tiên cho các tỉnh Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. <p><i>. Hoạt động dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Sử dụng, khai thác Công nghệ sinh học xử lý rác thải ô nhiễm an toàn và hiệu quả</i> - <i>Khai thác các kênh truyền thông đồng bộ và hoạt động với tần suất cao</i> <ul style="list-style-type: none"> ○ Truyền thông internet trong toàn xã hội về công nghệ sinh
--	---	--

		<p>học, các hình ảnh về tình trạng môi trường đã được thay đổi theo hướng tích cực qua các hoạt động xử lý rác thải.</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Định kỳ có các hoạt động xử lý rác thải hữu cơ tại các chợ như các mô hình mẫu. ○ Tuyên truyền trực tiếp với các hoạt động xử lý rác thải tại các chợ với đội ngũ tổ chức xã hội dân sự, CTV, TNV. ○ Tổ chức hội thảo và tuyên truyền từ thành phố tới cấp phường/xã, thôn tại các nơi có chợ. ○ Liên tục có các hoạt động hỗ trợ khi có vấn đề về ô nhiễm, rác thải (đường dây nóng). <p>- Sử dụng đội ngũ CTV, TNV là thanh niên, học sinh, sinh viên trực tiếp tiến hành việc xử lý ô nhiễm (cùng với việc Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam đảm bảo việc hỗ trợ lợi ích CTV, TNV)</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Số lượng TNV liên tục gia tăng với các lợi ích: xây dựng nhân hiệu, nâng cấp hồ sơ năng lực cá nhân, hỗ trợ việc làm, có thu nhập... Đội ngũ được huấn luyện về tinh thần cộng đồng, công nghệ và kỹ năng xử lý rác thải. ○ Khai thác sự ủng hộ của các hộ kinh doanh tại chợ với lợi ích: hỗ trợ quảng cáo online, marketing với các khóa đào tạo. ○ Khai thác sự ủng hộ của các tổ chức xã hội dân sự tình nguyện tại địa phương (phụ nữ, thanh niên, người cao tuổi...) với các lợi ích vì môi trường trong sạch. <p>- Đào tạo các hộ kinh doanh tại các chợ về công nghệ xử lý rác sinh học và hỗ trợ tái đào tạo thường xuyên trong suốt thời kỳ triển khai dự án.</p> <p>- Thiết lập đường dây nóng xử lý ô nhiễm do rác thải và hỗ trợ xử lý tại nơi có ô nhiễm.</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Đường dây nóng xử lý rác thải được tuyên truyền rộng rãi trên toàn địa bàn qua các kênh truyền thông, hỗ trợ: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Công nghệ xử lý ô nhiễm. ▪ Nhân sự triển khai xử lý (TNV). ▪ Chất xử lý rác thải. ○ Các hoạt động triển khai được kết nối chặt chẽ với các kênh truyền thông và hoạt động tình nguyện.
--	--	---

		<p>- Hình thành thói quen xử lý rác thải hữu cơ từ trong mỗi hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hướng đến việc hạn chế tối đa rác thải sản xuất, sinh hoạt... giảm thiểu ô nhiễm với chất lượng hoạt động xử lý rác bằng công nghệ, kết hợp với tuyên truyền.</p> <p>- Nhân bản mô hình.</p>
	Hồ Ngọc Hải	
82	<p>Xử lý phụ phẩm trồng trọt bằng chế phẩm sinh học theo mô hình tổ hợp tác sản xuất tại huyện Đà Bắc – tỉnh Hòa Bình</p> <p>Hội nông dân huyện Đà Bắc – tỉnh Hòa Bình</p> <p>Tổng kinh phí: 1.037.200.000đ</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000đ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p><u>Mục tiêu chung</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Đến năm 2016, đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Đà Bắc cải thiện được hiệu quả sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững nhờ các biện pháp xử lý phụ phẩm trồng trọt. <p><u>Mục tiêu cụ thể</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Đến năm 2016, 75% tổ hợp tác hoạt động hiệu quả và chủ động trong chuyển giao kỹ thuật xử lý phụ phẩm trồng trọt. Đến năm 2016, ít nhất 70% hộ dân trong các xã của dự án và 30% hộ dân thuộc xã ngoài dự án được tiếp cận kiến thức về xử lý phụ phẩm trồng trọt bằng chế phẩm sinh học. Đến năm 2016, ít nhất 60% lượng phụ phẩm trồng trọt bằng chế phẩm sinh học được sử dụng có hiệu quả. <p><u>Hoạt động</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Tập huấn cho các tổ hợp tác về kỹ thuật xử lý phụ phẩm trồng trọt bằng chế phẩm sinh học. Tổ chức hội thảo trình diễn nhằm tuyên truyền và khuyến khích áp dụng mô hình của dự án trong phạm vi các xã trong và ngoài dự án.
	Hồ Ngọc Hải	
83	<p>Tận dụng vỏ quả cà phê để nuôi trồng nấm ăn và sử dụng các phế liệu qua xử lý làm nguyên liệu sản xuất phân vi sinh, tạo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số và bảo vệ</p>	<p>3.4. Mục tiêu</p> <p><u>Mục tiêu tổng quát:</u></p> <p>Nhằm góp phần sử dụng năng lượng tái tạo hiệu quả, tiết kiệm, giảm thiểu sự phát thải khí nhà kính từ các hoạt động sản xuất, chế biến cà phê; nâng cao sinh kế cho người dân thuộc Thuận Châu, tỉnh Sơn La.</p> <p><u>Mục tiêu cụ thể:</u></p>

<p>môi trường tại huyện Thuận Châu, Sơn La</p> <p>Hội Nông dân thị trấn Thuận Châu</p> <p>Tổng kinh phí:</p> <p>GEF SGP: 895.000.000 đ/ 1 năm</p>	<p>1. Nâng cao năng lực nhận thức và hiểu biết của các cấp chính quyền địa phương và cộng đồng về vấn đề phát triển kinh tế hộ gia đình gắn liền với bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.</p> <p>2. Tăng cường sự tham gia của các cộng đồng dân tộc thiểu số trong công tác bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý năng lượng tái tạo từ các phế/phụ phẩm trong nông nghiệp.</p> <p>3. Hỗ trợ qui hoạch qui mô hộ và xây dựng mô hình trồng nấm trên vỏ quả cà phê, sản xuất phân sinh học từ phế liệu trong quá trình sản xuất cà phê.</p> <p>4. Nâng cao sinh kế gắn liền với giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.</p> <p>3.5. Kết quả dự kiến</p> <p>1. Có ít nhất 500 hộ dân thuộc các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Thuận Châu được nâng cao năng lực nhận thức về biến đổi khí hậu, hiệu ứng nhà kính, ô nhiễm môi trường,...</p> <p>2. Xây dựng được các quy trình trồng nấm, ủ phân sinh học hiệu quả từ phế liệu của quá trình sản xuất cà phê.</p> <p>3. Có ít nhất 300 hộ dân thuộc các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Thuận Châu được hỗ trợ, nâng cao năng lực kỹ thuật trồng nấm, ủ phân sinh học từ các phế liệu của quá trình sản xuất cà phê.</p> <p>4. Sản xuất được ít nhất 300 tấn phân ủ mỗi năm.</p> <p>5. Nâng cao năng suất sản xuất rau, màu tại Thuận Châu nhờ sử dụng phân sinh học được sản xuất từ phế phẩm của quá trình chế biến cà phê tại địa phương.</p> <p>3.6. Hoạt động dự kiến</p> <p>(3) Tập huấn nâng cao năng lực nhận thức, hiểu biết cho ít nhất 500 hộ dân thuộc các cộng đồng dân tộc thiểu số như Thái, H'Mông, Dao, Xá,... của huyện Thuận Châu về các vấn đề như biến đổi khí hậu, hiệu ứng nhà kính, ô nhiễm môi trường,...</p> <p>(4) Nghiên cứu quy trình trồng nấm trên vỏ quả cà phê, quy trình ủ phân sinh học từ các phế phẩm cà phê.</p> <p>(5) Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho ít nhất 300 hộ dân quy trình trồng nấm trên vỏ quả cà phê, ủ phân sinh học từ các phế liệu của quá trình sản xuất cà phê.</p> <p>(6) Đánh giá hiệu quả của dự án : hiệu quả kinh tế khi sử dụng vỏ quả cà phê để trồng nấm, sử dụng phân ủ sinh học để bón cho</p>
---	--

		cây trồng, xác định các chỉ số về cải thiện môi trường mà dự án mang lại
	Hồ Ngọc Hải	
84	<p>Giáo dục môi trường và biến đổi khí hậu cho học sinh cấp 1-2 tại Khánh Hòa</p> <p>Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 750.000.000 đồng</p>	<p><u>3.1 Mục tiêu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, giáo dục thông qua các khóa học về giáo dục môi trường tới các em học sinh trong địa bàn toàn tỉnh Khánh Hòa, không chỉ giới hạn riêng trong địa bàn thành phố Nha Trang mà còn là các huyện khác trong địa bàn tỉnh, đặc biệt là các huyện xa trung tâm thành phố Nha Trang như: Khánh Sơn, Khánh Vĩnh. Nơi mà các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về môi trường trước đây ít được chú trọng. - Cung cấp kiến thức và kỹ năng phù hợp cho đối tượng học sinh cấp 1,2 tại địa phương trong vấn đề bảo vệ môi trường. - Trong quá trình giảng dạy, tiếp tục hoàn thiện và chỉnh sửa nội dung sao cho phù hợp với thực tế tại địa phương để tiến hành nâng cấp mô hình thành một khóa học chính thức trong các trường học trong địa bàn tỉnh Khánh Hòa <p><u>3.2 Kết quả dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức được 50 khóa học về giáo dục môi trường cho khoảng 4000 học sinh cấp 1,2 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa - Góp phần thay đổi nhận thức, suy nghĩ cho các em học sinh đã tham gia khóa học để các em có thể lan tỏa đến cộng đồng cùng chung tay bảo vệ môi trường. - Lập một diễn đàn về môi trường cho giới trẻ tại Khánh Hòa. <p><u>3.3 Hoạt động dự kiến</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, điều tra về mối quan tâm của học sinh về vấn đề môi trường tại địa phương, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của các em về những vấn đề trọng tâm, mong muốn của các em khi tham gia khóa học. - Dựa trên kết quả điều tra, kết hợp với việc khảo sát thực tế tại địa phương tiến hành biên soạn nội dung giáo trình sẽ giảng dạy trong các khóa học. - Tuyển và bồi dưỡng kiến thức cho các cá nhân tham gia dự án. - Chuẩn bị và tiến hành dự án giáo dục môi trường trong địa bàn tỉnh Khánh Hòa - Đánh giá và khắc phục những thiếu sót trong dự án để tiến hành chuyển giao cho Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Khánh Hòa để tiến

		hành nhân rộng mô hình trên toàn tỉnh.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
85	<p>Xây dựng mô hình bảo tồn giống lợn Chợ Rã theo hướng bán thâm canh đảm bảo tính bền vững và an toàn dịch bệnh</p> <p>Hội Chăn nuôi Việt Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 945.000.000,00 đồng</p> <p>GEF SGP: 945.000.000,00 đồng (45.000 US\$)</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>Bảo tồn và khai thác nguồn gen giống lợn Chợ Rã nhằm tăng thêm nguồn thịt lợn đặc sản cho địa phương và qua đó tăng thêm nguồn thu nhập cho cộng đồng dân tộc ít người miền núi Bắc Kạn để góp phần vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức và năng lực kỹ thuật cho cộng đồng và người dân về công tác bảo tồn các nguồn gen vật nuôi nói chung và lợn Chợ Rã nói riêng nói riêng. - Xây dựng các mô hình bảo tồn và phát triển giống lợn Chợ Rã tại huyện Ba Bể và Pác Nặm, đảm bảo vệ sinh an toàn dịch bệnh và tính bền vững cho cộng đồng. - Tổng kết, đánh giá, đúc kết các bài học kinh nghiệm và biên soạn tài liệu kỹ thuật về mô hình trình diễn nhằm mục tiêu nhân rộng mô hình tại các địa phương khác trong huyện và tỉnh. <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <p>TẬP HUẤN : 2 lớp, mỗi lớp 40 người cho hộ tham gia Dự án và hộ không tham gia Dự án</p> <p>XÂY DỰNG ĐÀN GIỐNG HẠT NHÂN : Xây dựng đàn lợn giống hạt nhân với 5-6 đực giống và 30-35 lợn nái giống.</p> <p>XÂY DỰNG MÔ HÌNH: Xây dựng 2 mô hình, mỗi mô hình 50 lợn nái</p> <p>Sản xuất được 300-400 lợn hậu bị giống có chất lượng tốt phục vụ cho sản xuất nhân rộng mô hình trong cộng đồng.</p> <p>Tuyển chọn đội ngũ cán bộ kỹ thuật thực hiện Dự án</p> <p>Lựa chọn các hộ chăn nuôi tham gia dự án</p> <p>Thiết kế mô hình và triển khai công tác xây dựng mô hình, chú ý đến xây dựng chuồng trại</p> <p>Tuyển chọn, thu mua con giống để xây dựng đàn giống hạt nhân</p> <p>Một số biện pháp kỹ thuật áp dụng cho đàn lợn sinh sản</p> <p>Các hoạt động khác trong thời gian xây dựng mô hình</p>

		<p>Tổ chức cho các hộ tham quan trao đổi học tập lẫn nhau kết quả xây dựng mô hình bảo tồn gen.</p> <p>Tình hình chăn nuôi</p> <p>Chất lượng đàn giống lợn</p> <p>TỔNG KẾT</p> <p>Hoạt động tổng kết</p> <p>Đánh giá thực hiện dự án</p> <p>HOẠT ĐỘNG NỘI TIẾP DỰ ÁN</p> <p>Đúc rút các bài học thành công và chưa thành công.</p> <p>Các khuyến nghị, đề xuất để đảm bảo tính bền vững của mô hình</p> <p>Biên soạn tài liệu kỹ thuật.</p> <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <p>Tập huấn</p> <p>Tổ chức cho các hộ tham quan trao đổi học tập lẫn nhau</p> <p>Xây dựng mô hình bảo tồn.</p> <p>Chọn lợn giống để xây dựng đàn hạt nhân</p> <p>Chọn hộ nuôi</p> <p>Xây dựng kế hoạch ghép phối đàn hạt nhân để tạo ra đàn lợn giống chất lượng cao nhất để bổ sung, thay thế đàn hạt nhân, cung cấp cho các mô hình điểm và cung cấp con giống cho cộng đồng.</p> <p>Cải tiến phương thức chăn nuôi</p> <p>Biên soạn tài liệu kỹ thuật hướng dẫn bảo tồn nguồn gen.</p> <p>Tổng kết</p> <p>Hoạt động</p> <p>Đánh giá việc xây dựng mô hình</p> <p>Đúc rút các bài học kinh nghiệm dự án</p>
	Trần Thúc Sơn	
86	Quy hoạch xây dựng vùng nông thôn ven biển huyện	<p>a. Mục tiêu chủ yếu của dự án:</p> <p>- Làm cơ sở lập các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và có hình thức quản lý đặc thù phù hợp với các hoạt động sản xuất và đời</p>

	<p>Kim Sơn tỉnh Ninh Bình</p> <p>Hội Kiến trúc sư tỉnh Ninh Bình</p> <p>Tổng kinh phí: 1.400.000.000 đồng</p> <p>GEF SGP: 1.100.000.000 đồng</p>	<p>sống của nhân dân khu ven biển huyện Kim Sơn;</p> <p>- Góp phần làm giảm thiểu các tác động xấu của con người đến môi trường vùng nông thôn ven biển Kim Sơn nói riêng và vùng ven biển nói chung.</p> <p>b. Kết quả dự kiến: Dự án sẽ tác động tích cực đến hiệu quả đầu tư sản xuất kinh doanh của khu vực lập dự án; tạo lập được môi trường sống ổn định và phát triển cho khu vực nông thôn ven biển Kim Sơn.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: Quá trình điều tra, nghiên cứu lập và phê duyệt dự án cần có sự tham gia của người dân nơi sở tại. Có quy chế quản lý và tuyên truyền để mọi người tự giác thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.</p>
	Nguyễn Chu Hồi	
87	<p>Tận dụng nguồn rơm rạ sau thu hoạch để sản xuất nấm rơm hướng tới phát triển bền vững – Bảo vệ môi trường ngành nông nghiệp tại huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Hội khoa học và kỹ thuật huyện Hoằng Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 1,2 tỷ đồng</p> <p>GEF SGP: 1 tỷ.</p>	<p>Mục tiêu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảm thiểu khí CO₂ – Sạch môi trường. + Xây dựng mô hình sản xuất – Xuất phát từ những – nhóm, tổ hợp tác. + Xây dựng mô hình từ những tổ nhóm hợp tác. + Tận dụng nguồn nguyên liệu rơm rạ sau thu hoạch sản xuất nấm rơm và phát triển bền vững ngành nông nghiệp huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa. <p>b. Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- Mục tiêu khoa học – kỹ thuật :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm cho cộng đồng nắm vững kỹ thuật trồng các loại nấm . + Phổ biến quy trình kỹ thuật cho nông dân về trồng và sơ chế nấm tại gia đình. + Xây dựng cụ thể hóa quy trình kỹ thuật trồng nấm (ít nhất được 1 quy trình trồng nấm rơm và 1 quy trình trồng nấm mỡ áp dụng tại địa phương) <p>- Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ nhóm tạo thu nhập có công ăn việc làm lúc nhàn rỗi, tạo hiệu quả. <p>Con số dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dự kiến ban đầu sẽ có 20 hộ tham gia ở 2 xã. + Số lượng lao động tham gia tận dụng những lúc nông nhàn.

		<p>+ Lợi nhuận : 1 năm trồng 3 vụ nấm. Trung bình mỗi bịch meo giống 100gam cho 1kg nấm thương phẩm.</p> <p>Giá bán trung bình tính 35.000đ/kg. Lúc cao điểm có thể bán 60.000 – 70.000đ/kg</p> <p>- Mục tiêu bảo vệ môi trường :</p> <p>Thành công của mô hình giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do đốt rơm rạ của nông dân, giúp giải quyết vấn đề môi trường trên cơ sở sinh học, ổn định, bền vững.</p> <p>Sau mỗi vụ trồng nấm, chất thải hữu cơ tạo nguồn phân bón tốt cho trồng trọt, cải thiện môi trường – hạn chế tình trạng ngộ độc hữu cơ trong đất.</p> <p>+ Mục tiêu nhân rộng mô hình :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ hiệu quả kinh tế - xã hội, KHKT. Sau khi thực hiện thành công mô hình , dựa án sẽ có kế hoạch nhân rộng thành nhiều mô hình điển hình trên địa bàn Huyện. -Đầu mối, tìm nguồn tiêu thụ sản phẩm để có kế hoạch đưa mô hình vào với mục tiêu phát triển kinh tế của nông dân, tăng thu nhập, ổn định đời sống, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. - Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của mô hình. - Báo cáo phương án nhân rộng kết quả dự án. - Nhân rộng mô hình ra toàn huyện. Tùy vào mức độ thành công của mô hình và thị trường tiêu thụ để quyết định nhân rộng mô hình trên địa bàn toàn huyện. Bước đầu nhân rộng từ 2 xã lên 5 – 6 xã trong 2 năm đầu để đánh giá mức độ phù hợp của dự án. <p>+ Kế hoạch trên thị trường:</p> <p>Liên kết với công ty rau quả Hoàng Hóa, Trung tâm giống nấm, Sở KHMT.</p> <p>2.2. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống nông dân. - Từ đánh giá hiện trạng sử dụng nguồn rơm rạ sau thu hoạch hiện nay của nông dân huyện Hoàng Hóa từ đó có kế hoạch sử dụng hiệu quả, an toàn. - Tạo ra nguồn phân hữu cơ vi sinh từ nguyên liệu trồng nấm, tái tạo nguồn dinh dưỡng cho đất trồng đặc biệt đối với đất trồng lúa. - Làm cho cộng đồng nắm vững kỹ thuật trồng các loại nấm –
--	--	--

		<p>phổ biến quy trình cho người dân (trồng – sơ chế tại gia đình).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1 – 2 quy trình KH – KT về trồng nấm cụ thể tại địa phương. <p>2.3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu các đề tài, dự án làm nấm rơm. Các phương pháp sản xuất nấm rơm: Ủ đồng, làm meo... - Đánh giá hiện trạng về sử dụng nguồn rơm rạ hiện nay trong nhân dân. - Phối hợp với các hộ nông dân có điều kiện để xây dựng mô hình trồng nấm rơm nhằm nhân ra diện rộng. - Tổ chức các lớp tập huấn về sản xuất nấm rơm cho nông dân, tăng cường ý thức tận dụng nguồn nguyên liệu sau thu hoạch tạo ra sản phẩm hữu ích. - Xây dựng một số cơ chế chính sách hỗ trợ nông dân trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là tận dụng nguồn nguyên liệu sau thu hoạch cho sản xuất và tái tạo dinh dưỡng cho đất sản xuất, tạo cho ngành nông nghiệp phát triển bền vững. <p>Cụ thể :</p> <p>Tổ chức tập huấn: Số lượng : 1.000 người tham gia (Trung bình :1 lớp: 40 lượt người x 25 lớp = 1000 người.</p> <p>Trong đó :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nấm rơm: 500 người tham gia. + Nấm mỡ : 400 người tham gia. + Kỹ thuật sơ chế - chế biến : 100 người tham gia. + Tập huấn tác động biến đổi khí hậu. + Mời chuyên gia TN – MT – Vệ sinh môi trường – lồng ghép với các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng nấm rơm và nấm mỡ. + Thành lập tổ hợp tác. Ban đầu 2 tổ ở 2 xã, sau đó tùy thuộc vào mức độ nhận rộng mô hình để quyết định thành lập số tổ - nhóm. Ít nhất mỗi xã từ 1 – 3 HTX + Xây dựng cơ chế chính sách – vận động chính sách. - Thành lập ban quản lý dự án: 5 người. Trong đó có thành viên Hội KHKT, Phòng NN&PTNT, Trạm khuyến nông, Hội nông dân, Hội phụ nữ... - Kế toán của hội. - Phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, đặc biệt HTX dịch vụ
--	--	--

		nông nghiệp, Hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên.
	Hồ Ngọc Hải	
88	<p>“Nghiên cứu phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm kim loại nặng và xyanua tại các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”</p> <p>Hội nước sạch và Môi trường tỉnh Bắc Kạn</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 50.000 USD.</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>- Mục tiêu chung:</p> <p>Xác định được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, tính chất các nguồn gây ô nhiễm và đề xuất mô hình công nghệ xử lý, kiểm soát thích hợp đối với các chất ô nhiễm trong quá trình khai thác, chế biến khoáng sản.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Đánh giá hiện trạng, nguyên nhân ô nhiễm và quy mô ảnh hưởng của các dạng ô nhiễm từ các nguồn thải trong khai thác và chế biến khoáng sản.</p> <p>+ Xác định tính chất của các nguồn ô nhiễm và xây dựng mô hình công nghệ xử lý chất thải có chứa thành phần nguy hại phát sinh từ các hoạt động khai thác khoáng sản điển hình trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</p> <p>+ Đề xuất các giải pháp quản lý, công nghệ xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường và lưu trữ an toàn quặng nghèo và đuôi quặng trong khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>- Giải pháp công nghệ xử lý kim loại nặng và xyanua từ các nguồn thải trong khai thác, chế biến khoáng sản.</p> <p>- Giải pháp lưu trữ an toàn quặng đuôi nghèo và đuôi quặng thải.</p> <p>- Đào tạo 3-4 cử nhân, 2-3 thạc sỹ, hỗ trợ đào tạo 1-2 tiến sỹ. Hỗ trợ đào tạo chuyên môn cho cán bộ địa phương.</p> <p>- 03 bài báo trên tạp chí và hội nghị khoa học trong nước.</p> <p>- 02 công trình công bố tại hội nghị hoặc tạp chí quốc tế.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>- Khảo sát, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng ô nhiễm kim loại nặng, xyanua tại một số khu vực khai thác, chế biến khoáng sản điển hình trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.</p> <p>- Nghiên cứu khả năng xử lý ô nhiễm kim loại nặng, xyanua trong môi trường nước tại các khu vực khai thác, chế biến khoáng</p>

		<p>sản lựa chọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu khả năng xử lý ô nhiễm kim loại nặng, xyanua trong môi trường nước tại các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản lựa chọn. - Nghiên cứu khả năng xử lý, lưu trữ an toàn quặng nghèo và đuôi quặng trong khai thác và làm giàu quặng. - Thiết kế chế tạo và thử nghiệm mô hình công nghệ xử lý kim loại nặng và xyanua trong môi trường đất, nước tại khu vực khai thác, chế biến khoáng sản lựa chọn. - Đề xuất một số giải pháp quản lý và xử lý nhằm kiểm soát quá trình tồn lưu và lan truyền kim loại nặng từ các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản vào môi trường.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
89	<p>“Điều tra, thống kê và đề xuất các giải pháp kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”</p> <p>Hội nước sạch và Môi trường tỉnh Bắc Kạn</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 50.000 USD.</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>- Mục tiêu tổng quát:</p> <p>Ngăn ngừa và kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại nhằm bảo vệ đa dạng sinh học và góp phần phát triển bền vững kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Kạn.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xác định được các loài sinh vật ngoại lai xâm hại và tình hình phân bố của chúng. + Xác định ảnh hưởng của một số loài sinh vật ngoại lai xâm hại đến đa dạng sinh học, vật nuôi, cây trồng và nguồn lợi thủy sản thông qua một số đặc trưng cơ bản: tính cạnh tranh thức ăn, nơi cư trú với các loài bản địa, khả năng sinh sản và phát tán quần đàn; đặc tính săn bắt mồi, khả năng lây bệnh.... + Đề xuất các giải pháp ngăn chặn, kiểm soát thích hợp cho từng nhóm đối tượng sinh vật ngoại lai. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được loại, tình hình phân bố, đặc tính sinh học của các loài sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh. - Đề xuất được các giải pháp nhằm ngăn ngừa và kiểm soát các sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh. - Đề xuất các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể để thực

		<p>hiện ngăn chặn và kiểm soát các sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Bản đồ hiện trạng phân bố sinh vật ngoại lai xâm hại.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>- Thu thập, tổng hợp, phân tích các tài liệu, thông tin có liên quan:</p> <p>+ Đặc điểm điều kiện tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế xã hội (<i>tập trung vào phát triển nông - lâm - ngư có các giống loài nhập nội</i>) trên địa bàn tỉnh.</p> <p>+ Khái quát về hiện trạng đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.</p> <p>+ Kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án liên quan đến nội dung nghiên cứu.</p> <p>+ Nguyên nhân và các con đường du nhập của sinh vật ngoại lai xâm lấn.</p> <p>+ Mối quan hệ giữa sinh vật ngoại lai xâm lấn và các ngành kinh tế khác nhau.</p> <p>- Hiện trạng các loài sinh vật ngoại lai xâm hại đang sống ở các hệ sinh thái (<i>tự nhiên và hệ sinh thái nông nghiệp, rừng và đất ngập nước</i>), tình hình phân bố của chúng trên địa bàn tỉnh:</p> <p>+ Điều tra, khảo sát thực tế, thu mẫu, phân loại các loài sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh.</p> <p>+ Tình hình phân bố các loài sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh.</p> <p>+ Đánh giá cụ thể về đặc tính sinh vật học của sinh vật ngoại lai.</p> <p>+ Đánh giá các tác động cụ thể của các loài sinh vật ngoại lai đến đa dạng sinh học, phát triển kinh tế xã hội và môi trường.</p> <p>- Đánh giá các loài sinh vật ngoại lai điển hình:</p> <p>+ Đánh giá các loài sinh vật ngoại lai điển hình tác động lên đa dạng sinh học và sản xuất nông lâm ngư về các đặc điểm sinh học, sinh sản, sinh thái.</p> <p>+ Đánh giá khả năng xâm lấn của các loài sinh vật ngoại lai khác vào các hệ sinh thái của tỉnh.</p> <p>+ Dự báo xu thế phát triển các loài sinh vật ngoại lai và ảnh</p>
--	--	---

		<p>hường của chúng đến đa dạng sinh học và phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>- Xây dựng bản đồ sinh vật ngoại lai xâm hại, bản đồ phân bố các loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại:</p> <p>+ Xây dựng lớp thông tin bản đồ các ổ sinh thái theo quan điểm hệ sinh thái của Tansley - 1935 và theo phương pháp viễn thám - GIS.</p> <p>+ Xây dựng bản đồ phân bố các loài ngoại lai xâm hại theo nguyên tắc điểm. Bản đồ là sự tích hợp lớp thông tin hệ sinh thái và lớp thông tin các điểm phân bố các loài dựa trên khảo sát thực địa chi tiết.</p> <p>- Đề xuất các giải pháp nhằm ngăn ngừa và kiểm soát các sinh vật ngoại lai xâm hại:</p> <p>- Đề xuất các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể để thực hiện ngăn chặn và kiểm soát các sinh vật ngoại lai xâm hại.</p> <p>- Hội thảo lấy ý kiến góp ý, hoàn thiện dự án</p> <p>+ Hội thảo chuyên đề lấy ý kiến của các chuyên gia, các ngành có liên quan.</p> <p>+ Hội thảo nghiệm thu dự án.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
90	<p>Xây dựng mô hình xử lý chất thải ô nhiễm môi trường tại khu chế biến hải sản tập trung xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.</p> <p>Hội Nghề cá xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 1.200.000.000 đồng</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Giảm thiểu chất thải ô nhiễm môi trường từ các cơ sở chế biến thủy sản trên địa bàn xã Bình Minh.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Kết quả 1: Mô hình xử lý chất thải ô nhiễm môi trường tại các cơ sở chế biến thủy sản được xây dựng.</p> <p>Kết quả 2: Cộng đồng dân cư có nhận thức cao hơn về tác hại từ chất thải ô nhiễm của các cơ sở chế biến thủy sản ra môi trường.</p> <p>Kết quả 3: Giảm thiểu nước thải ô nhiễm môi trường từ việc hấp, luộc thủy sản.</p> <p>c. Các hoạt động dự kiến</p> <p>Để đạt Kết quả 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức hội thảo, lấy ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan về chất thải tại các cơ sở chế biến thủy sản và kế hoạch xây dựng mô hình;

	(một tỷ đồng)	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng quy trình xử lý chất thải tại các cơ sở chế biến thủy sản; • Tập huấn, hướng dẫn quy trình xử lý chất thải để nhân rộng mô hình; • Xây dựng kế hoạch định kỳ giám sát môi trường tại các cơ sở chế biến thủy sản. <p>Để đạt Kết quả 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện công tác tuyên truyền về tác hại của chất thải từ các cơ sở chế biến thủy sản; hướng dẫn làm vệ sinh sạch sẽ và phun chế phẩm khử mùi hôi sau mỗi lần sản xuất chế biến thủy sản; • Xây dựng nhóm hạt nhân để vận động, tuyên truyền và xử lý chất thải ở địa phương; • Vận động người dân cam kết không sử dụng các thiết bị và xả chất thải ô nhiễm ra môi trường tại các cơ sở chế biến. • Khuyến cáo từng cơ sở hoặc chung nhiều cơ sở đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường. • Tăng cường quản lý việc tập kết và sản xuất chế biến thủy sản của các cơ sở theo đúng quy định <p>Để đạt kết quả 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định các đối tượng có giá trị kinh tế cao nhằm tiêu thụ trực tiếp ra thị trường, không qua hấp, luộc sản phẩm. • Tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm tươi sống không qua chế biến để tăng thu nhập cho người dân, góp phần hạn chế nước thải ô nhiễm. • Các đề xuất cho chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý ngành liên quan về xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ cho các cơ sở chế biến thủy sản.
	Nguyễn Chu Hồi	
91	“Nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu và sử dụng hợp lý hệ sinh thái rừng ngập mặn hướng tới	<p>Mục tiêu dự án: Tiếp tục thử nghiệm mô hình thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu trong nuôi trồng thủy sản tại Cồn Trường xã Hoàng châu, Hoàng lưu, Hoàng phong vùng nuôi nước lợ đặc trưng của tỉnh Thanh Hóa, hướng tới phát triển nghề cá bền vững.</p> <p>Kết quả 1.0: Các mô hình nuôi thích ứng với các điều kiện biến đổi</p>

	<p>phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản tại Huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa”</p> <p>Hội nghề cá tỉnh Thanh Hoá</p> <p>Tổng kinh phí: 1,600,000,000 ĐVN</p> <p>GEF SGP: 1,000,000,000 ĐVN</p>	<p>khí hậu được thiết kế và triển khai.</p> <p>Sản phẩm 1.1: 3 loại mô hình nuôi với các đối tượng nuôi và phương thức nuôi thích hợp được thiết kế với sự tư vấn của chuyên gia và sự tham gia và đồng thuận của cộng đồng NTTS</p> <p>Sản phẩm 1.2: 30 hộ gia đình được hưởng lợi trực tiếp từ việc tham gia xây dựng mô hình</p> <p>Kết quả 2.0: Rừng ngập mặn được trồng, quản lý và khai thác hiệu quả</p> <p>Sản phẩm 2.1: Một bản quy hoạch trồng, bảo vệ và khai thác rừng ngập mặn được xây dựng</p> <p>Sản phẩm 2.2: Có 15- 20 ha rừng được trồng mới</p> <p>Sản phẩm 2.3: ít nhất 20 hộ gia đình được hưởng lợi từ việc nuôi ong trong RNM</p> <p>Kết quả 3.0: Nhận thức và năng lực của cộng đồng được nâng cao</p> <p>Sản phẩm 3.1: ít nhất 10 cuộc tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho người dân được tổ chức với sự tham gia của ít nhất là 300 người</p> <p>Sản phẩm 3.2: Ít nhất 12 cuộc tập huấn và 10 hội thảo được tổ chức với sự tham gia của ít nhất là 500 lượt người dân</p> <p>Sản phẩm 3.3: 30 cuộc họp cộng đồng được tổ chức, bàn về các vấn đề về xây dựng, thực hiện quy chế, tổ chức các hoạt động....</p> <p>Sản phẩm 3.4: Các tổ cộng đồng giám sát môi trường và bảo vệ rừng ngập mặn, bảo vệ nguồn lợi và các nhóm sở thích được thành lập và đi vào hoạt động.</p> <p>Sản phẩm 3.5: Quy chế cộng đồng được xây dựng và thực hiện, phổ biến rộng rãi trong cộng đồng</p> <p>Sản phẩm 3.6: Tìm kiếm và thúc đẩy cơ chế hợp tác với các bên có liên quan trong quản lý nguồn nước để bảo vệ quyền lợi cho cộng đồng.</p> <p>Kết quả 4.0: Nguồn lợi tự nhiên được tái tạo</p> <p>Sản phẩm 4.1: Xây dựng mô hình Crab bank tại ba điểm khác nhau quanh cồn Trường</p> <p>Sản phẩm 4.2: Tổ chức được 03 đợt thả cá, tôm giống xuống biển (kết hợp với Chi cục KT&BVNL, Trung tâm khuyến nông và người dân)</p>
	Trần Thúc Sơn	
92	Xây dựng mô hình canh	Mục tiêu lâu dài: Góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường do sử dụng quá mức thuốc bảo vệ thực vật / thuốc diệt cỏ

	<p>tác hại tiềm ẩn bền vững, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và thuốc diệt cỏ nhằm góp phần giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm đất, nguồn nước, cải thiện sinh kế người dân và bảo vệ môi trường.</p> <p>Hội sản xuất và tiêu thụ vải thiều huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 1. 580 triệu VNĐ</p> <p>GEF SGP: 1. 150 triệu VNĐ</p>	<p>trong canh tác vải thiều, đảm bảo sinh kế người dân và sức khỏe cộng đồng, phát triển kinh tế địa phương</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <p>Mục tiêu 1: Điều tra đánh giá hiện trạng, xác định nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ đến sự suy thoái tài nguyên thiên nhiên, sức khỏe và sinh kế cộng đồng</p> <p>Mục tiêu 2: Xây dựng mô hình trình diễn canh tác vải thiều an toàn nhằm giảm thiểu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật / thuốc diệt cỏ</p> <p>Mục tiêu 3: Nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong chính quyền, người dân địa phương trong việc quản lý, sử dụng hợp lý thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ theo hướng an toàn, hiệu quả nhằm bảo vệ môi trường.</p> <p>4.Nội dung hoạt động của Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu 1 <p>-Đánh giá có sự tham gia thực trạng và nhu cầu của người dân về canh tác vải thiều an toàn trong vùng dự án, từ đó xây dựng kế hoạch triển khai dự án;</p> <p>Nếu ý tưởng dự án được chấp thuận, việc khảo sát và đánh giá, xác định các nguyên nhân và giải pháp cụ thể của mô hình trên cơ sở có sự tham vấn ý kiến của cộng đồng người trồng và tiêu thụ vải, sự hỗ trợ của các chuyên gia trong lĩnh vực BVTV và môi trường sẽ được tiến hành trong thời gian thiết kế dự án.</p> • Mục tiêu 2 <p>Kết quả 1: Mô hình canh tác vải thiều bền vững nhằm giảm thiểu 20% thuốc BVTV được xây dựng</p> <p>Hoạt động 1: Tổ chức thực hiện xây dựng mô hình trình diễn có sự tham gia: dự kiến có khoảng 50 hộ gia đình nông dân trồng vải thử nghiệm các giải pháp của dự án, với diện tích khoảng 30ha, trong thời gian 2 năm (2 vụ).</p> <p>Hoạt động 2: Phổ biến kỹ thuật canh tác vải thiều an toàn theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (ViệtGAP) cho các hộ nông dân tham gia dự án, gồm các nội dung chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sử dụng đất trồng an toàn, không ô nhiễm hóa học và sinh học, không có tồn dư hóa chất độc hại; Sử dụng nước an toàn, đúng lúc; -Sử dụng phân bón an toàn, giảm thiểu sử dụng phân hóa
--	--	--

		<p>học;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Quản lý sâu bệnh hại: +Áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo phương châm 4 đúng; tăng cường công tác kiểm tra/dự báo sâu bệnh; +Chỉ sử dụng thuốc BVTV khi thật cần thiết và thay đổi thói quen phun thuốc định kỳ; Sử dụng thuốc trừ sâu sinh học; Nắm vững cách thức sử dụng/pha chế TBVTV; +Bảo vệ các loài thiên địch hữu ích.. <p>Hoạt động 3: Đúc rút bài học kinh nghiệm và phổ biến, nhân rộng</p> <p>Kết quả 2: Mô hình canh tác vải thiều nhằm giảm thiểu sử dụng thuốc diệt cỏ được xây dựng (giảm 20-30% thuốc diệt cỏ so với hiện nay)</p> <p>Hoạt động 1: Thu thập tri thức truyền thống / kinh nghiệm của người dân trong phòng trừ cỏ dại;</p> <p>Hoạt động 2: Xây dựng mô hình trình diễn các biện pháp tiến bộ kỹ thuật phòng trừ cỏ dại, giảm thiểu sử dụng thuốc trừ cỏ như che phủ nilon, kết hợp biện pháp che phủ nilon, các biện pháp truyền thống và phun thuốc trừ cỏ (nhằm giảm số lần phun thuốc và lượng thuốc sử dụng);</p> <p>- Dự kiến có khoảng 30 hộ gia đình nông dân trồng vải thử nghiệm các giải pháp của dự án, với diện tích khoảng 15ha trong thời gian 2 năm (2 vụ).</p> <p>Hoạt động 3: Đúc rút bài học kinh nghiệm và phổ biến, nhân rộng</p> <p>Kết quả 3: Mô hình cộng đồng thu gom rác thải bao bì thuốc BVTV sau sử dụng được xây dựng và tổ chức thực hiện:</p> <p>Hoạt động 1: Xây dựng quy chế cộng đồng về quản lý rác thải bao bì thuốc BVTV;</p> <p>Hoạt động 2: Thiết kế và xây dựng mô hình thu gom rác thải bao bì thuốc BVTV;</p> <p>Hoạt động 3: Thành lập và duy trì hoạt động tổ chức thu gom.</p> <p>Kết quả 4: Theo dõi và đánh giá kết quả mô hình, đúc kết bài học kinh nghiệm, xây dựng tài liệu kỹ thuật đúc kết các giải pháp mà dự án đã thực hiện nhằm phổ biến rộng rãi, thúc đẩy nhân</p>
--	--	--

		<p>rộng mô hình sau khi dự án kết thúc</p> <p>Bộ Tài liệu kỹ thuật và Tài liệu Đúc kết bài học kinh nghiệm trong thực hiện mô hình dự án được biên soạn và phổ biến.</p> <p>Hoạt động 1: Tổ chức các hội thảo, trao đổi thông tin / kinh nghiệm trong thực hiện các nội dung của dự án</p> <p>Hoạt động 2: Thu thập thông tin và biên soạn tài liệu kỹ thuật, đúc rút các bài học kinh nghiệm trong thực hiện mô hình dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu 3 <p>Kết quả 1 : Năng lực thực hiện các giải pháp kỹ thuật canh tác vải thiều an toàn của cộng đồng được tăng cường</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức các buổi hội thảo, tham quan đầu bờ cho các hộ tham gia dự án; -Tập huấn nâng cao năng lực nhận thức/nắm bắt kỹ thuật canh tác vải thiều theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (ViệtGAP); -Tập huấn nâng cao năng lực thực hiện các kỹ thuật tiến bộ kỹ thuật mới trong việc thay thế một phần thuốc diệt cỏ trong canh tác vải thiều; <p>Kết quả 2 : Nhận thức của cộng đồng, chính quyền địa phương về tác hại của thuốc BVTV/TDC đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng được nâng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tập huấn nâng cao nhận thức của người dân / chính quyền địa phương về vấn đề nguy hại của việc sử dụng quá mức thuốc BVTV/TDC đối với sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường; -Tổ chức các buổi hội thảo, thảo luận cho các hộ tham gia dự án; -Tổ chức các hoạt động truyền thông, giới thiệu nội dung và kết quả dự án trên báo, đài phát thanh truyền hình địa phương và trung ương; <p>Kết quả 3: Kết quả dự án được nhân rộng và lồng <i>ghép</i> trong các chính sách về cây vải của địa phương huyện, tỉnh;</p>
	Trần Thúc Sơn	
93	“Máy nước nóng năng lượng mặt trời dành cho người nghèo, người có thu nhập thấp”.	<p>a. Mục tiêu</p> <p>* <i>Mục tiêu tổng quát:</i> Góp phần hữu ích vào chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm, chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Giúp người dân nghèo, người có thu nhập thấp, cộng đồng chưa được tiếp cận đầy đủ tới các dịch vụ cơ</p>

<p>Hội vì cuộc sống bền vững Hà Tĩnh</p> <p>Tổng kinh phí: 1,830,000,000 VNĐ</p> <p>GEF SGP: 1,000,000,000 VNĐ</p>	<p>bản trong việc tiếp cận sản phẩm máy nước nóng năng lượng mặt trời (NLMT).</p> <p><i>* Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới nhất về chế tạo, lắp ráp máy nước nóng năng lượng mặt trời bằng các nguyên liệu dễ tìm, dễ thao tác, với mức chi phí thấp chỉ bằng 1/8 giá thị trường nhưng vẫn đảm bảo tốt mục đích sử dụng (khoảng 1.000.000 đồng). ✓ Mọi người dân với điều kiện kinh tế khác nhau đặc biệt đối với người nghèo, người có thu nhập thấp đều có thể tiếp cận sử dụng máy nước nóng NLMT phục vụ cuộc sống một cách hữu ích. ✓ Nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng; xây dựng mối quan hệ, cộng tác giữa các lực lượng ở địa phương, các ban ngành liên quan trong tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm điện, chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường. Tuyên truyền kết quả dự án để có thể áp dụng rộng rãi cho những vùng, những trường hợp có điều kiện tương tự. <p>b. Kết quả dự kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Năng lực kỹ thuật và nhận thức của người dân về sử dụng nguồn năng lượng mặt trời trong sản xuất đời sống được nâng lên. ✓ Các mô hình sản xuất máy nước nóng bằng năng lượng mặt trời được xây dựng và nhân rộng. ✓ Tổ chức cho 1650 người tập huấn kỹ thuật chế tạo và lắp đặt máy nước nóng NLMT; 12 mẫu hồ sơ máy nước nóng năng lượng mặt trời (với quy mô 500 cái) được lắp đặt và phân bố tại 12 huyện thị trong toàn tỉnh; 8 cuộc hội thảo, kiểm tra, nghiệm thu, tổng kết, đánh giá mẫu hồ sơ dự án; 1 đĩa DVD phim chương trình tập huấn cho người dân về kỹ thuật chế tạo và lắp đặt máy nước nóng NLMT. ✓ Kết quả của đề án sẽ tác động sâu rộng đến mọi người dân trong vùng Đề án thực hiện nói riêng và cả tỉnh Hà Tĩnh nói chung về lĩnh vực sử dụng máy nước nóng NLMT giá rẻ. Những người dân sử dụng máy nước nóng NLMT sẽ giảm một lượng điện năng đáng kể khi không dùng đến bồn đun nóng lạnh, ngoài ra sử dụng nước nóng sẵn có sẽ giúp người dân hạn chế khai thác củi từ rừng về đun nấu. Khi có sẵn nguồn nước nóng trong nhà sẽ là hữu ích cho việc tắm của phụ nữ, người già và em nhỏ tránh được một số bệnh như cảm lạnh, đau khớp. <p>c. Hoạt động dự kiến.</p>
--	---

		<p>Hoạt động 1: Thu thập tài liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Thu thập tài liệu ở Trung ương và địa phương. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trong nước đặc biệt là trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. <p>Hoạt động 2: Khảo sát thực địa, thiết kế mô hình, lựa chọn địa điểm triển khai</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Điều tra khảo sát: Đi khảo sát thực địa tại các huyện thị trong tỉnh. Tập trung khảo sát địa bàn các xã của các huyện tiến hành triển khai làm mô hình. Đánh giá tình hình sử dụng NLMT. ✓ Lập mẫu phiếu điều tra, lập báo cáo phân tích kết quả điều tra, lấy thông tin vào phiếu. Tổng hợp, xử lý và nhập số liệu. ✓ Lập quy hoạch, sơ đồ thiết kế chi tiết công cụ. ✓ Lựa chọn địa điểm thích hợp: Thu thập tài liệu, phân tích, đánh giá các mô hình đã thành công trong nước trên cơ sở đó lựa chọn địa điểm thích hợp để tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm. <p>Hoạt động 3: Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tham quan khảo sát các mô hình về sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trong nước. Phân tích ưu nhược điểm của từng mô hình. Chọn kiểu mô hình thích hợp cho Hà Tĩnh, phù hợp với ý tưởng, mục tiêu của dự án. <p>Hoạt động 4: Lựa chọn giải pháp, chuyển giao công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Thu thập tài liệu, mạng Internet, các trang, kênh thông tin... để nghiên cứu lựa chọn các giải pháp kỹ thuật, các thiết bị, vật liệu phù hợp với điều kiện của địa phương. ✓ Chuyển giao công nghệ: Công nghệ chế tạo, lắp ráp, bảo quản máy nước nóng NLMT cho 500 hộ dân trong toàn tỉnh. ✓ Tổ chức tập huấn cộng đồng. <p>Hoạt động 5: Xây dựng các mô hình trình diễn</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Xác lập tiêu chí và lựa chọn các hộ dân đủ tiêu chuẩn tham gia xây dựng mô hình. ✓ Ban điều hành dự án ký hợp đồng cam kết tham gia xây dựng mô hình với các nông hộ. ✓ Dự án đầu tư hỗ trợ kinh phí thiết bị, vật tư, vật liệu chế tạo, lắp ráp máy nước nóng NLMT cho các hộ tham gia mô hình dự án ✓ Cộng đồng đầu tư một phần nguyên vật liệu và nhân công triển khai xây dựng các mô hình của dự án. ✓ Chuyên gia tư vấn hỗ trợ kỹ thuật xây dựng các mô hình.
--	--	--

		<p>Theo dõi và cung cấp các thông tin cần thiết cho việc xây dựng mô hình.</p> <p>✓ Ban điều hành kiểm tra, theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện xây dựng mô hình.</p> <p>Hoạt động 6: Tổng kết đánh giá, nhân rộng mô hình</p> <p>✓ Tổ chức hội thảo, hội nghị, bảo cáo tổng kết dự án. Tổ chức các cuộc hội thảo đúc rút và chia sẻ kinh nghiệm, tham khảo ý kiến các bên có liên quan trong quá trình thiết kế, triển khai, theo dõi và đánh giá kết quả mô hình dự án.</p> <p>✓ Tổ chức hội đồng nghiệm thu kết quả mô hình</p> <p>✓ Tổng hợp xử lý số liệu xây dựng bảo cáo tổng kết dự án;</p> <p>✓ Xây dựng phương án nhân rộng các mô hình: Tổ chức các hoạt động truyền thông, đào tạo nhằm nâng cao năng lực và nhận thức của chính quyền địa phương về việc sử dụng nguồn năng lượng tái tạo nói chung và NLMT nói riêng trong sản xuất và đời sống cộng đồng.</p> <p>Hoạt động 7: In ấn và phổ biến các tài liệu của dự án.</p>
	Nguyễn Trọng Hiệu	
94	<p>“Trồng cây chống thoái hóa đất và hoang mạc hóa kết hợp xây dựng mô hình phát triển kinh tế bền vững trên vùng đất cát ven biển huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh”.</p> <p>Hội vì cuộc sống bền vững Hà Tĩnh.</p> <p>Tổng kinh phí: 1,650,000,000 VNĐ</p> <p>GEF SGP: 1,000,000,000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>* Mục tiêu tổng quát: Hạn chế, ngăn ngừa hiện tượng thoái hóa đất và hoang mạc hóa. Phát triển kinh tế bền vững trên vùng đất cát ven biển, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích, góp phần ổn định đời sống cho nhân dân trong vùng gắn với việc bảo vệ môi trường của địa phương.</p> <p>* Mục tiêu cụ thể:</p> <p>✓ ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới nhất xây dựng mô hình, khai thác và sử dụng hiệu quả diện tích đất cát hoang hoá ven biển Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh góp phần xoá đói giảm nghèo, hạn chế những thách thức bất lợi của môi trường: Gió bão, cát bay, cát chảy, cồn cát di động theo mùa, hiện tượng thoái hoá đất và hoang mạc hoá.</p> <p>✓ Nâng cao nhận thức, hiểu biết và trách nhiệm của cộng đồng; xây dựng mối quan hệ, cộng tác giữa các lực lượng ở địa phương, các ban ngành liên quan trong lĩnh vực hạn chế thoái hóa đất và hoang mạc hoá. Tuyên truyền kết quả dự án để có thể áp dụng cho những vùng có điều kiện tương tự.</p> <p>b. Kết quả dự kiến.</p> <p>✓ Năng lực kỹ thuật và nhận thức của người dân về cải tạo đất,</p>

		<p>hạn chế hoang mạc hoá được tăng cường.</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Các mô hình phát triển kinh tế bền vững trên vùng cát hoang hoá được xây dựng và nhân rộng. ✓ Khu vực đất xây dựng mô hình được phục hồi thông qua hệ thống tưới tiêu, kỹ thuật cải tạo đất; kỹ thuật thâm canh cây trồng và chăn nuôi thích hợp. ✓ Tổ chức 32 lớp tập huấn chuyển giao cung nghệ xây dựng mô hình, 08 chuyên tham quan học tập kinh nghiệm, 23 cuộc hội nghị, hội thảo, kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá tổng kết mô hình dự án; ✓ Trồng được 5ha phi lao TQ đạt tỷ lệ sống trên 80%; 30 ha keo lai đạt tỷ lệ sống trên 85%; sản xuất 60 tấn lạc xuân và lạc đông đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; sản xuất trên 400 tấn dưa hấu đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; 30.000 con gà thịt thương phẩm; 30 con bê lai Zebu phát triển tốt; trồng 0,5ha cỏ VA06 đạt năng suất 50 tấn/ha. <p>c. Hoạt động dự kiến.</p> <p><i>Hoạt động 1: Thu thập tài liệu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Thu thập tài liệu ở Trung ương và địa phương. Phân tích, đánh giá hiện trạng hoang mạc hoá. Thành lập phác thảo sơ đồ đất hoang hoá ven biển. <p><i>Hoạt động 2: Khảo sát thực địa, thiết kế mô hình, lựa chọn địa điểm triển khai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Điều tra khảo sát: Đi khảo sát thực địa dọc tuyến ven biển từ Cửa Sốt huyện Thạch Hà đến Cửa Nhượng huyện Cẩm Xuyên. Tập trung khảo sát địa bàn xã Cẩm Hòa. Đánh giá tình hình khai thác quặng Inmenit. Hoàn chỉnh sơ đồ sử dụng đất cồn cát và đất cát ven biển huyện Cẩm Xuyên. ✓ Lập mẫu phiếu điều tra, lập báo cáo phân tích kết quả điều tra, lấy thông tin vào phiếu. Tổng hợp, xử lý và nhập số liệu. ✓ Lập quy hoạch, thiết kế chi tiết cóc mô hình. ✓ Lựa chọn địa điểm thích hợp: Thu thập tài liệu, phân tích, đánh giá các mô hình đã thành công trên dải cát ven biển Miền Trung: Trồng phi lao chống cát di động ven biển, (Lâm Công Định, 1976); Mô hình kinh tế - môi trường trên đất cát hoang hoá ở Cát Hiệp, Bình Định (Nguyễn Trọng Hiệu, Đặng Trung Thuận, 2000) v.v... qua đó lựa chọn địa điểm thích hợp để tổ chức khảo sát , học tập kinh nghiệm. <p><i>Hoạt động 3: Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm</i></p>
--	--	---

		<p>✓ Tham quan khảo sát các mô hình thành công trong hạn chế và ngăn ngừa thoái hoá đất và hoang mạc hoá kết hợp với xây dựng các mô hình kinh tế nông nghiệp tại các tỉnh duyên hải Trung bộ có điều kiện tương tự như Hà Tĩnh. Phân tích ưu nhược điểm của từng mô hình. Chọn kiểu mô hình thích hợp cho Hà Tĩnh, phù hợp với ý tưởng, mục tiêu của dự án.</p> <p><i>Hoạt động 4: Lựa chọn giải pháp, chuyển giao công nghệ</i></p> <p>✓ Thu thập tài liệu, mạng Internet, các trang, kênh thông tin... để nghiên cứu lựa chọn các giải pháp kỹ thuật các giống cây, con phù hợp với điều kiện của địa phương.</p> <p>✓ Chuyển giao công nghệ: Công nghệ trồng, quản lý và bảo vệ phi lao TQ, keo lai; công nghệ sản xuất thâm canh lạc xuân và lạc đông; công nghệ sản xuất dưa hấu chất lượng cao; công nghệ nuôi gà thả vườn theo hướng hàng hóa; cụng nghệ nuôi bê lai Zebu chất lượng cao; công nghệ trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bê lai.</p> <p>✓ Tổ chức tập huấn cộng đồng.</p> <p><i>Hoạt động 5: Xây dựng cơ sở hạ tầng triển diễn</i></p> <p>✓ Xác lập tiêu chí và lựa chọn các hộ dân đủ tiêu chuẩn tham gia xây dựng mô hình.</p> <p>✓ Ban điều hành dự án ký hợp đồng cam kết tham gia xây dựng mô hình với các nông hộ.</p> <p>✓ Dự án đầu tư hỗ trợ kinh phí giống, vật tư kỹ thuật, phân bón, thuốc, thức ăn chăn nuôi cho các hộ dân tham gia dự án.</p> <p>✓ Cộng đồng đầu tư một phần nguyên vật liệu và nhân công triển khai xây dựng các mô hình của dự án.</p> <p>✓ Chuyên gia tư vấn hỗ trợ kỹ thuật xây dựng các mô hình. Theo dõi và cung cấp các thông tin cần thiết cho việc xây dựng mô hình.</p> <p>✓ Ban điều hành kiểm tra, theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện xây dựng mô hình.</p> <p><i>Hoạt động 6: Tổng kết đánh giá, nhân rộng mô hình</i></p> <p>✓ Tổ chức hội thảo, hội nghị, báo cáo tổng kết dự án. Tổ chức các hội thảo đúc rút và chia sẻ kinh nghiệm, tham khảo ý kiến các bên có liên quan trong quá trình thiết kế, triển khai, theo dõi và đánh giá kết quả mô hình dự án.</p> <p>✓ Tổ chức hội đồng nghiệm thu kết quả mô hình</p>
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tổng hợp xử lý số liệu xây dựng báo cáo tổng kết dự án; ✓ Xây dựng phương án nhân rộng các mô hình: Tổ chức các hoạt động truyền thông, đào tạo nhằm nâng cao năng lực và nhận thức của chính quyền địa phương, cộng đồng người dân về tác động của hoang mạc hoá và thoái hoá đất đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng. <p><i>Hoạt động 7: In ấn và phổ biến các tài liệu của dự án</i></p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
95	<p>Ứng dụng cách tiếp cận Y tế công cộng để giảm nguy cơ phơi nhiễm với dioxin trong môi trường và thực phẩm cho người dân sống xung quanh sân bay Biên Hoà.</p> <p>Hội Y tế công cộng Việt Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 1.800.000.000 VND GEF SGP: 47.450 USD (tương đương 1.000.000.000 VNĐ)</p>	<p>Mục tiêu của dự án:</p> <p>Mục tiêu của dự án này là áp dụng cách tiếp cận Y tế công cộng nhằm giảm nguy cơ phơi nhiễm dioxin trong môi trường và thực phẩm cho người dân sống tại 3 phường Trung Dũng, Tân Phong và Bửu Long, Thành phố Biên Hoà.</p> <p>Nội dung của dự án</p> <p>Để đạt được mục tiêu của dự án, các nội dung chính cần tiến hành của dự án là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kiến thức - thái độ - thực hành của người dân sống tại 3 phường Trung Dũng, Tân Phong và Bửu Long (1/2013-12/2013) và đánh giá nồng độ dioxin trong thực phẩm tại Biên Hoà (1/2013-6/2014). Hoạt động này do ADS, Phòng Thí Nghiệm Dioxin và NCCR North-South (Thụy Sĩ) tài trợ. - Hoàn thiện và in ấn các sản phẩm truyền thông dự phòng phơi nhiễm dioxin trong môi trường và thực phẩm để áp dụng tại 3 phường. - Tập huấn cho đại diện các ban ngành liên quan, UBND và Trạm Y tế 3 phường can thiệp. - Triển khai một số hoạt động truyền thông nhắc lại tại 2 phường Trung Dũng và Tân Phong (nơi đã có các hoạt động dự phòng năm 2008). - Triển khai các hoạt động tập huấn, truyền thông dự phòng phơi nhiễm dioxin tại phường Bửu Long, nơi chưa có can thiệp nào được triển khai. - Đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng phơi nhiễm dioxin trong môi trường và thực phẩm tại 3 phường sau can thiệp. <p>Kết quả dự kiến của dự án</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ tài liệu truyền thông dự phòng phơi nhiễm dioxin trong môi trường và thực phẩm. - Các buổi tập huấn cho cán bộ và đội ngũ tuyên truyền viên tại các phường Trung Dũng, Tân Phong và Bửu Long về dự phòng phơi nhiễm dioxin trong môi trường và thực phẩm. - Kiến thức, thái độ, thực hành (KAP) của người dân sống tại 3 phường xung quanh sân bay Biên Hoà được cải thiện so với trước can thiệp. - 03 Báo cáo: Báo cáo đánh giá KAP trước can thiệp, báo cáo hoạt động dự án và báo cáo đánh giá KAP sau can thiệp. - Các bài trình bày về kết quả của chương trình can thiệp tại các hội nghị trong nước và quốc tế về dioxin; ít nhất 1 bài báo khoa học đăng tải tại tạp chí khoa học trong nước hoặc tạp chí quốc tế.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
96	<p>Cải thiện môi trường sống thông qua mô hình “Sống xanh” tại cộng đồng</p> <p>Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng)</p>	<p>a. Mục tiêu dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của HVPN qua đó chuyển đổi được hành vi, thói quen trong sinh hoạt hàng ngày, sống thân thiện với trường, góp phần bảo vệ thiên nhiên và cải thiện môi trường sống. - Nhân rộng mô hình trồng rau sạch tại các hộ gia đình HVPN, đa chủng loại các loại cây xanh ở những vùng đất trống, tăng diện tích đất trồng rau sạch. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được một mô hình Xanh nhà, Xanh cộng đồng với hành động và thói quen tích cực có lợi cho gia đình HVPN và cộng đồng đặc biệt giúp phụ nữ và thành viên khác trong gia đình biết cách làm phân hữu cơ tại nhà, trồng rau sạch qua đó tiết kiệm được chi phí, an toàn cho sức khỏe, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sống. - Từ việc làm phân hữu cơ an toàn, trồng rau sạch, trong tương lai mô hình này sẽ giúp cho người dân tận dụng được diện tích đất trống (bancong, sân thượng, hiên nhà, có thể trồng trong các thùng xốp...) ở những khu đô thị diện tích đất ở bị thu hẹp. Từ đó, các hộ gia đình có thể liên kết, hợp tác, đầu tư thành lập cơ sở hay Trung tâm chuyên sản xuất phân hữu cơ, rau sạch trao đổi với các Công ty chuyên cung cấp giống cây trồng, cây xanh về phân hữu cơ, ngược lại các Công ty này sẽ là nhà cung cấp nguồn cây giống lại cho các hộ gia đình. - Ngoài ra, việc sử dụng mô hình làm phân hữu cơ này sẽ dần dần thay thế các loại phân bón hóa học có hại cho sức khỏe người tiêu dùng, gây

		<p>ảnh hưởng đến môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành đánh giá, nhân rộng mô hình này trên toàn thành phố. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Hội về công tác bảo vệ môi trường, kỹ năng sống xanh, sống khỏe; các kỹ năng chuyên sâu về cách làm phân hữu cơ, trồng rau xanh, sạch, an toàn - Biên soạn tài liệu tuyên truyền cho hội viên về thực hiện mô hình, các kiến thức liên quan đến bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. - Phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động các gia đình hội viên phụ nữ đăng ký thực hiện các tiêu chí của mô hình (Có kiểm tra đánh giá, định lượng, đầu ra sản phẩm). Tích cực tuyên truyền, tư vấn giúp đỡ cho hộ gia đình hội viên phụ nữ về kiến thức, kỹ năng sống xanh. - Gây quỹ từ hoạt động của mô hình để hỗ trợ, tiếp tục đầu tư lại cho các hoạt động của mô hình và hoạt động Hội.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
97	<p>Nâng cao năng lực thích ứng và giảm thiểu rủi ro thiên tai cho cộng đồng dễ bị tổn thương của vùng hạ lưu sông Thạch Hãn, tỉnh Quảng Trị trước biến đổi khí hậu</p> <p>Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí: 900.000.000 VNĐ</p> <p>GEF SGP: 860.000.000 VNĐ</p>	<p>Mục đích tổng thể của dự án là tăng cường năng lực giảm nhẹ thiên tai và thích ứng của cộng đồng dễ bị tổn thương của xã Triệu An, Triệu Phong, Quảng Trị trước biến đổi khí hậu.</p> <p>Để đạt được mục đích chung, trước hết dự án sẽ tăng cường năng lực cho cộng đồng thôn Tường Vân và An Lợi trong việc lập kế hoạch, triển khai các giải pháp giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cụ thể, dự án sẽ tổ chức các lớp tập huấn cho ít nhất 10 cán bộ trong mỗi thôn về kỹ năng điều hành các cuộc họp, thúc đẩy hội thảo có sự tham gia. Họ chính là người đóng vai trò chính trong việc lập kế hoạch, triển khai các giải pháp giảm thiểu thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu sau khi dự án kết thúc. Tuy nhiên để làm được điều này, cán bộ thôn phải được tham gia trực tiếp vào việc điều hành các cuộc họp, thúc đẩy các cuộc thảo luận nhóm trọng tâm và hội thảo có sự tham gia trong dự án này. Một điều đáng lưu ý, trong 1 cộng đồng không phải tất cả người dân có năng lực thích ứng và giảm nhẹ thiên tai giống nhau, mà phụ nữ, người già, người nghèo thường là nhóm dễ bị tổn thương nhất, chính vì vậy họ phải luôn luôn được khích lệ tham gia tích cực trong việc đánh giá rủi ro, xây dựng và triển khai kế hoạch giảm nhẹ thiên tai và thích ứng trước biến đổi khí hậu.</p>

	<p>Vì cộng đồng thôn An Lợi và Tường Vân đã và đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ thiên tai và biến đổi khí hậu, nên kết quả mong đợi thứ 2 từ dự án này đó là cuộc sống và sinh kế của cộng đồng thôn An Lợi và Tường Vân được cải thiện. Để làm được điều này, dự án cần phải xây dựng được một vành đai cây chịu mặn nhằm bảo vệ hệ thống đê bao ở 2 thôn và đặc biệt nó phải được cộng đồng tự bảo vệ. Vành đai cây chịu mặn không chỉ đóng vai trò chống bị xói lở cho đê bao mà còn khôi phục lại nguồn tài nguyên thiên nhiên mà cộng đồng đã bị mất đi trong thời gian vừa qua. Để cải thiện các hoạt động sinh kế cũng như phòng tránh các loại dịch bệnh trong mùa mưa lũ, dự án sẽ giúp cộng đồng cải tạo hệ thống kênh thoát nước chính trong làng; thiết lập và vận hành hệ thống thu gom rác thải theo quy chế đồng quản lý. Thêm nữa, ít nhất 40 hộ nghèo và cận nghèo của 2 thôn cần được hỗ trợ xây nhà vệ sinh tự hoại đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng tránh dịch bệnh, đồng thời trang bị bể lọc nước mang lại nguồn nước sinh hoạt có chất lượng tốt hơn. Riêng đối với thôn An Lợi, do tàu thuyền là tài sản không thể thiếu cho sinh kế của họ trong khi họ chưa có nơi để tránh bão lũ, vì vậy dự án sẽ hỗ trợ cho An Lợi xây dựng khu tránh bão cho tàu thuyền và được vận hành theo quy chế cộng đồng tự quản lý.</p> <p>Mặc dù đề xuất dự án này được xây dựng dựa vào nguyện vọng của người dân, với sự ủng hộ rất lớn của chính quyền địa phương, nhưng một số khó khăn có thể xảy ra cần được lưu ý. Thứ nhất, sự tham gia của một số người dân vào dự án có thể thiếu tích cực. Khi dự án được tiến hành không loại trừ trường hợp người dân tham gia vào dự án thiếu mặn mà với các hoạt động. Vấn đề này sẽ được khắc phục bằng cách tuyên truyền và vận động để cho người dân hiểu rõ hơn về cơ hội và lợi ích mà dự án mang lại. Việc vận động cần phải triển khai đến từng hộ dân trong thôn, đặc biệt là những hộ chưa hiểu rõ về dự án.</p> <p>Thứ hai, những hộ nghèo trong thôn có thể thiếu thông tin nên không tiếp cận được với dự án do nhiều lý do khác nhau, chẳng hạn phải đi làm ăn xa trong một khoảng thời gian nhất định. Để giải quyết được khó khăn này, dự án sẽ điều tra, tìm hiểu kỹ những hộ nghèo ở trong thôn, những hộ được coi là thực sự khó khăn về cuộc sống và sinh kế, mời họ tham dự các buổi tham vấn, lấy ý kiến về những khó khăn của họ để giải quyết, đảm bảo rằng những người nghèo là những người quan trọng nhất được tiếp cận với dự án.</p> <p>Thứ 3, hoạt động thu gom rác thải do cộng đồng tự quản lý sẽ khó</p>
--	--

		<p>thành công nếu không có sự đồng thuận giữa các hộ gia đình và ủng hộ của chính quyền địa phương. Theo kinh nghiệm của Trung tâm, các khó khăn này sẽ giải quyết được bằng cách tổ chức các cuộc hội thảo – tập huấn có sự tham gia, nhằm tăng cường nhận thức của người dân về vệ sinh môi trường và xây dựng quy chế thu gom, quản lý rác thải dựa trên nguyên tắc tự quản với sự ủng hộ của chính quyền địa phương.</p> <p>Thứ 4, khả năng sống của cây chịu mặn được trồng mới thấp. Theo những người lớn tuổi trong thôn cho biết trước đây Tường Vân và An Lợi đều có cây bản địa có khả năng chống xói lở, bao gồm cây chá, bản, trang. Chính vì vậy, để xây dựng một vành đai cây chịu mặn chống xói lở đề kè, cộng đồng sẽ được mời tham khảo sát, thử nghiệm và đánh giá khả năng thích nghi của các loại cây bản địa để có sự lựa chọn thích hợp và đảm bảo tỷ lệ sống cao nhất.</p>
	Nguyễn Ngọc Sinh	
98	<p>Bảo vệ, phát triển cây bàng vuông và cây phong ba nhằm phát huy tác dụng chắn gió, chắn cát bảo vệ đảo Cồn Cỏ trước tác động của biến đổi khí hậu</p> <p>Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí: 850.000.000 VNĐ</p> <p>GEF SGP: 800.000.000 VNĐ</p>	<p>Mục đích tổng thể của dự án là phục hồi, bảo vệ và phát triển cây phong ba và cây bàng vuông nhằm phát huy tác dụng chắn gió, chắn cát bảo vệ đảo Cồn Cỏ trước tác động của biến đổi khí hậu hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững cho vùng đảo Cồn Cỏ.</p> <p>Để đạt được mục đích chung, trước hết dự án sẽ nâng cao nhận thức cho cộng đồng trên huyện đảo Cồn Cỏ về biến đổi khí hậu, công tác lập kế hoạch, triển khai các giải pháp bảo vệ, phát triển cây phong ba và cây bàng vuông. Cụ thể, dự án sẽ tổ chức các lớp tập huấn cho ít nhất 20 cán bộ về các thiệt hại do biến đổi khí hậu, kỹ năng điều hành các cuộc họp, thúc đẩy hội thảo có sự tham gia; các lớp tập huấn cho ít nhất 15 người/lớp về kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ, trồng mới cây phong ba và cây bàng vuông. Họ là người đóng vai trò chính trong việc bảo vệ và phát triển hai loài cây nhằm giảm thiểu thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu sau khi dự án kết thúc. Tuy nhiên để làm được điều này, cán bộ huyện đảo phải được tham gia trực tiếp vào việc điều hành các cuộc họp, thúc đẩy các cuộc thảo luận nhóm trọng tâm và hội thảo có sự tham gia trong dự án này.</p> <p>Kết quả mong đợi thứ hai của dự án là vấn đề về bảo vệ, phát triển cây phong ba và cây bàng vuông. Để làm được điều này, dự án cần phải mở rộng vườn ươm hiện có nhằm tăng số lượng và loài cây được ươm trồng, cây được ươm sẽ phục vụ cho hai mục đích: thứ</p>

		<p>nhất là cung cấp quà tặng cho khách du lịch – nguồn kinh phí này sẽ được sử dụng để phát triển vườn ươm và tăng thu nhập cho người dân; thứ hai là phục vụ cho mục đích trồng mới tại các khu vực xung yếu ven biển. Xây dựng cơ chế về chăm sóc và bảo vệ vườn ươm cũng như cây được trồng mới. Đây là hoạt động rất quan trọng để đảm bảo tính bền vững của dự án sau khi kết thúc, cộng đồng sẽ là nhân tố chính trong vấn đề chăm sóc, bảo vệ cây phong ba và cây bàng vuông.</p> <p>Mặc dù dự án được đề xuất dựa trên những yêu cầu thực tế, được chính quyền địa phương hết sức ủng hộ và mang lại rất nhiều lợi ích cho cộng đồng, nhưng có một số khó khăn cần được lưu ý. Thứ nhất, sự tham gia của một số người dân vào dự án có thể thiếu tích cực. Khi dự án được tiến hành không loại trừ trường hợp người dân tham gia vào dự án thiếu mặn mà với các hoạt động. Vấn đề này sẽ được khắc phục bằng cách tuyên truyền và vận động để cho người dân hiểu rõ hơn về cơ hội và lợi ích mà dự án mang lại. Việc vận động cần phải triển khai đến từng hộ dân trong thôn, đặc biệt là những hộ chưa hiểu rõ về dự án. Thứ hai, hiện tại đối với huyện đảo Cồn Cỏ có một số lượng cán bộ chiến sỹ sinh sống, do đó triển khai dự án rất cần sự đồng thuận từ phía họ. Điều này sẽ được giải quyết bằng cách cán bộ Trung tâm sẽ xin ý kiến và hợp tác giữa hai bên, chúng tôi tin rằng cán bộ chiến sỹ không những ủng hộ dự án mà sẽ là những hạt nhân tiên phong của dự án. Thứ 3, thời gian sinh trưởng của cây dài, do đó trong quá trình triển khai dự án có thể sẽ không đánh giá hết sự thành công. Vấn đề này sẽ được giải quyết bằng cách chúng tôi sẽ thường xuyên cập nhật thông tin cho GEF ngay cả khi dự án đã kết thúc và mong muốn nhận được sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật (nếu có) từ phía GEF vì mục tiêu phát triển bền vững dự án.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
99	<p>Xây dựng giải pháp khai thác và sử dụng bền vững đa dạng sinh học khu vực cửa sông Ô Lâu, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>Trung tâm Tư vấn và</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p><i>* Mục tiêu chung</i></p> <p>Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học vùng đầm phá Tam Giang – Cầu Hai tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p><i>* Mục tiêu trước mắt</i></p> <p>- Đánh giá được chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực cửa sông Ô Lâu làm cơ sở cho xây dựng giải pháp khai thác và sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và tài nguyên đất ngập nước vùng cửa sông Ô Lâu.</p>

<p>Phát triển khoa học, công nghệ (CDST)</p> <p>Tổng kinh phí: 750.000.000đ</p> <p>GEF SGP: 600.000.000đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện sinh kế của người nghèo, người bị ảnh hưởng lớn từ sự suy giảm đa dạng sinh học được. - Một số hệ sinh thái, giống loài tại khu vực bước đầu được khôi phục - Xây dựng được các giải pháp cơ bản về khai thác và sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và tài nguyên đất ngập nước vùng cửa sông Ô Lâu. <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh môi trường và đa dạng sinh học khu vực đất ngập nước của sông Ô Lâu. - Có mô hình sinh kế hiệu quả cho cộng đồng nghèo và chịu tác động của suy giảm đa dạng sinh học. - Một số giống loài, hệ sinh thái cơ bản bước đầu được phục hồi - Có các giải pháp khai thác và sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và tài nguyên đất ngập nước vùng cửa sông Ô Lâu. <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <p><i>Hoạt động 1: Đánh giá chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực đất ngập nước cửa sông Ô Lâu</i></p> <p>Các hoạt động chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện PRA về chất lượng môi trường và đa dạng sinh học tại khu vực nghiên cứu. - Lập kế hoạch và triển khai đánh giá chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực của sông Ô Lâu. - Đánh giá biến động của chất lượng môi trường, đa dạng sinh học theo mùa, năm. - Phân tích các nguyên nhân gây suy giảm môi trường và đa dạng sinh học khu vực nghiên cứu. <p><i>Hoạt động 2. Phục hồi đa dạng sinh học</i></p> <p>Các hoạt động chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá điều kiện thời tiết, khí hậu, địa hình,...khu vực nghiên cứu. - Khảo sát và đánh giá kiến thức của cộng đồng về phục hồi đa dạng sinh học: kiến thức trồng, chăm sóc cây ngập nước, kiến thức bảo vệ loài thủy sản,... - Xây dựng kế hoạch và thực hiện trồng cây ngập nước, bổ sung giống thủy sản,....
--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo đánh giá các hoạt động phục hồi đa dạng sinh học. <p>Hoạt động 3. Cải thiện sinh kế</p> <p>Các hoạt động chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát các hoạt động sinh kế của cộng đồng địa phương, điều kiện để triển khai các hoạt động sinh kế của địa phương. - Phân tích và lựa chọn các hoạt động phù hợp với điều kiện hộ nghèo và cộng đồng địa phương. - Tập huấn về các mô hình sinh kế. - Triển khai các mô hình sinh kế. - Hội thảo chia sẻ và nhân rộng mô hình.
	Nguyễn Chu Hồi	
100	<p>Hỗ trợ sinh kế ngư dân khai thác thủy sản tại các xã vùng đệm khu dự trữ sinh quyển UNESCO thuộc huyện Kim Sơn, Ninh Bình để nâng cao sinh kế người dân gần rừng ngập mặn góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.</p> <p>Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ Thủy sản Việt Nam - FITES, trực thuộc Hội Nghề cá Việt Nam – VINAFIS</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 1.000 triệu đồng</p>	<p>a. Mục tiêu dài hạn: Ngư dân khai thác và người không có đất canh tác thuộc vùng đệm khu dự trữ sinh quyển UNESCO có cuộc sống ổn định, bền vững không tác động xấu vào hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học vùng đệm ven khu bảo tồn.</p> <p>b. Mục tiêu ngắn hạn: Xây dựng vùng nuôi và đào tạo việc quản lý nuôi nghêu bền vững khu vực bãi bồi; đào tạo về bảo quản thủy sản và 3 tàu đánh cá được cải hoán hàm tàu nâng cao chất lượng bảo quản thủy sản.</p> <p>Kết quả 1. Xây dựng tổ đồng quản lý nuôi nghêu tại khu vực bãi bồi ven biển Kim Sơn, NB (giữa BQL rừng, bãi bồi nuôi nghêu và người nuôi thủy sản)</p> <p>Hoạt động dự kiến:</p> <p>1.1. Khảo sát, đánh giá hiện trạng và xây dựng tổ đồng quản lý nuôi nghêu bền vững, người tham gia được đào tạo về đồng quản lý.</p> <p>1.2. Xây dựng điều lệ về quản lý tài nguyên bền vững của tổ đồng quản lý.</p> <p>1.3. Xây dựng kế hoạch nuôi nghêu bền vững của tổ đồng quản lý.</p> <p>Kết quả 2. Hướng dẫn nuôi nghêu bền vững không nhiễm độc tố, quản lý theo MSC.</p> <p>Hoạt động dự kiến:</p> <p>2.1. Dựa trên hiện trạng vùng nuôi nghêu bãi bồi, đề xuất biện pháp kỹ thuật, xây dựng bài giảng để đào tạo người dân phát triển nghề nuôi nghêu bền vững.</p>

		<p>2.2. Đào tạo kỹ thuật nuôi nghêu bền vững, quản lý theo MSC.</p> <p>2.3. Những người nuôi khu bãi bồi có sinh kế để tồn tại.</p> <p>Kết quả 3. Đào tạo và thực hiện cải hoán tàu và nâng cao kỹ thuật bảo quản cho mô hình 3 tàu khai thác của ngư dân Kim Sơn</p> <p>Hoạt động dự kiến:</p> <p>3.1. Đào tạo về kỹ thuật bảo quản thủy sản sau thu hoạch trên các tàu đánh cá.</p> <p>3.2. Lựa chọn 3 tàu đánh cá thực hiện mô hình cải hoán hầm tàu, nâng cao chất lượng bảo quản thủy sản.</p> <p>Kết quả 4. Tổng kết dự án, đề xuất giải pháp duy trì và nhân rộng mô hình.</p> <p>Hoạt động dự kiến:</p> <p>4.1. Xây dựng báo cáo tổng kết dự án, đề xuất duy trì và phát triển nhân rộng mô hình.</p> <p>4.2. Hội nghị tổng kết dự án và thống nhất giải pháp duy trì và nhân rộng mô hình</p>
	Nguyễn Chu Hồi	
101	<p>Góp phần bảo tồn đa dạng sinh học Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà thông qua Nâng cao nhận thức và Xây dựng các lớp tập huấn chuyển đổi nghề cho cộng đồng cư dân vùng đệm phường Thọ Quang và Mân Thái, quận Sơn Trà, Đà Nẵng</p> <p>Trung tâm Bảo tồn Đa dạng sinh học Nước Việt Xanh</p> <p>Tổng kinh phí:</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Nâng cao nhận thức về giá trị đa dạng sinh học KBTTN Sơn Trà, tập huấn chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao thu nhập từ hoạt động ngoài rừng, giảm áp lực vào tài nguyên thiên nhiên cho ba nhóm đối tượng cộng đồng cư dân vùng đệm KBTTN Sơn Trà; kêu gọi sự tham gia bảo tồn đa dạng sinh học Sơn Trà của các đối tượng hưởng lợi từ tài nguyên thiên nhiên tại phường Thọ Quang và phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng</p> <p><u>Hoạt động chính và kết quả dự kiến</u></p> <p>A. Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>I. THẢO LUẬN VÀ ĐƯA RA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG</p> <p>Hoạt động 1: Meeting với ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, UBND hai phường, Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên phường Thọ Quang, phường Mân Thái</p> <p>Kết quả 1:</p> <p>- Sự đồng ý hợp tác của UBND Quận Sơn Trà, hai phường Thọ</p>

	<p>1,540,000,000 đ</p> <p>GEF SGP: 1,048,000,000đ</p>	<p>Quang và Mân Thái trong dự án</p> <p>- Hội Phụ nữ và Đoàn thanh niên ký cam kết thỏa thuận về việc quản lý nhóm đối tượng sau chương trình tập huấn</p> <p>Hoạt động 2: Meeting với Hạt Kiểm lâm liên quận Ngũ Hành Sơn - Sơn Trà</p> <p>Kết quả 2: - Sự đồng ý hợp tác của Hạt Kiểm lâm</p> <p>- Hạt Kiểm lâm ký cam kết thỏa thuận về việc quản lý đội bảo vệ rừng nông cốt sau thời gian tập huấn, với các cơ chế quản lý rõ ràng</p> <p>Hoạt động 3: Meeting với các đơn vị kinh doanh lữ hành, UBND Quận, UBND hai phường</p> <p>Kết quả 3:</p> <p>- 30 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tour và 50 đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú trên địa bàn đăng ký tham gia dự án</p> <p>- 10 đơn vị kinh doanh tour và kinh doanh dịch vụ lưu trú đồng ý cam kết tham gia tập huấn cho các nhóm đối tượng của dự án</p> <p>Hoạt động 4: Workshop với các bên liên quan (tất cả), đưa ra chương trình hành động và nhiệm vụ các bên</p> <p>Kết quả 4: Chương trình hành động có sự tham gia của UBND quận, Hội phụ nữ và Đoàn thanh niên phường, Hạt Kiểm lâm liên quận Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn trên địa bàn quận</p> <p>II. KHẢO SÁT PHÂN LOẠI CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG</p> <p>Hoạt động 1: Thiết kế và chuẩn bị kế hoạch khảo sát</p> <p>Hoạt động 2: Làm việc với Hạt Kiểm lâm, Hội phụ nữ phường và Đoàn Thanh niên phường để khảo sát, sàng lọc và phỏng vấn</p> <p>Hoạt động 3: Meeting kết luận kết quả khảo sát</p> <p>Kết quả: Sàng lọc và đưa ra được ba nhóm đối tượng của dự án</p> <p>B. Giai đoạn triển khai</p> <p>I. ĐỘI BẢO VỆ RỪNG NÔNG CỐT</p> <p>Hoạt động 1: Thiết lập đội bảo vệ rừng nông cốt</p> <p>Kết quả 1: - Xây dựng nhóm bảo vệ rừng nông cốt gồm 10 người, có chức năng nhiệm vụ, vai trò và công tác quản lý chỉ đạo</p>
--	---	---

		<p>- Xây dựng kế hoạch hoạt động dưới sự chỉ đạo của Hạt Kiểm lâm</p> <p>Hoạt động 2: Đưa vào hoạt động trong 18 tháng</p> <p>Kết quả 2:</p> <p>- Triển khai hoạt động giám sát luân phiên trong KBT, tham gia gỡ bãi, dẹp lán trại mỗi tháng hai lần</p> <p>- Triển khai hoạt động hướng dẫn các đoàn nghiên cứu, quay film tư liệu đa dạng sinh học trong KBT theo sự chỉ đạo của Hạt Kiểm lâm</p> <p>- Tiến hành các cuộc họp báo cáo tình hình mỗi quý, cập nhật kết quả hoạt động cho các cơ quan chức năng địa phương</p> <p>II. ĐỘI DỊCH VỤ DU LỊCH</p> <p>Hoạt động: Triển khai chương trình tập huấn</p> <p>Kết quả:</p> <p>- 30 thanh niên tốt nghiệp lớp hướng dẫn viên du lịch tại Sơn Trà</p> <p>- 30 thành viên tốt nghiệp lớp kỹ năng, nghiệp vụ khách sạn</p> <p>III. WORKSHOP BÁO CÁO CUỐI NĂM KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VỚI CÁC ĐỐI TÁC</p> <p>IV. KẾT NỐI DOANH NGHIỆP, TÌM ĐẦU RA CHO NHÓM HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ, DU LỊCH</p> <p>C. Giai đoạn tổng kết, báo cáo</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
102	<p>Cộng đồng tham gia phát huy tiềm năng từ vùng đất nhiễm mặn, tạo sinh kế bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường sinh thái.</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu phát triển nguồn lực nông thôn</p>	<p>a. Mục tiêu: Xây dựng thành công mô hình phát huy tiềm năng sẵn có từ 30 ha đất nhiễm mặn, góp phần chống sa mạc hoá, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, tạo sinh kế bền vững cho dân cư tại xóm Trì Khê để chính quyền các cấp và các dự án khác trong tỉnh đúc rút kinh nghiệm nhân rộng mô hình.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>Kết quả 1. Sau 3 tháng thực hiện dự án, 30 ha đất nhiễm mặn có nguy cơ bị sa mạc hoá tại thôn Trì Khê được cải tạo để đưa vào xây dựng mô hình phát triển sinh kế bền vững.</p> <p>Hoạt động chính:</p> <p>1.1. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và lập kế hoạch xây dựng cánh đồng mẫu với sự tham gia của các nhà khoa học, các ngành liên quan cấp tỉnh, chính quyền, đoàn thể địa phương xã</p>

	<p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000 đồng</p> <p>GEF SGP: 1.056.500.000 đồng</p>	<p>Thạch Sơn và người dân thôn trì Khê;</p> <p>1.2. Thành lập THT/HTX sản xuất giống lúa</p> <p>1.3. San ủi mặt bằng và làm hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng</p> <p>1.4. Tổ chức thau chua rửa mặn cho 30 ha;</p> <p>1.5. Thành lập tổ bảo vệ nông</p> <p>Kết quả 2: <i>Thử nghiệm thành công mô hình sinh kế bền vững trên diện tích 30 ha đất nhiễm mặn sau khi được cải tạo</i></p> <p>Hoạt động chính</p> <p>2.1. Tổ chức 2 khoá Đào tạo nghề sản xuất giống lúa theo quy trình IPM kết hợp phương pháp SRI và hướng dẫn nông dân nghiên cứu quá trình sinh trưởng và hiệu quả đầu tư trên diện tích 2 sào/vụ hè thu 2014 và 2 sào/vụ mùa 2014;</p> <p>2.2. Chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất và sử dụng phân hữu cơ vi sinh cho cây lúa, trồng cây cỏ hôi, cây phân xanh xung quanh khuôn viên 30 ha đất để làm cây xua đuổi côn trùng có hại bảo vệ thiên địch và làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ vi sinh để bón ruộng, giảm sử dụng phân hoá học;</p> <p>2.3. Chuyển giao kỹ thuật và xây dựng mô hình tổ hợp tác chăn nuôi gia cầm kết hợp nuôi giun quế;</p> <p>2.4. Hội thảo ký kết thoả thuận liên kết hợp tác đầu tư giữa các bên liên quan trong chuỗi giá trị lúa giống;</p> <p>2.5. Tổ chức một chuyên tham quan học tập kinh nghiệm xây dựng cánh đồng mẫu ngoài tỉnh cho cán bộ địa phương và xã viên HTX;</p> <p>2.6. Hội thảo đầu bờ 2 vụ lúa hè thu và lúa mùa;</p> <p>2.7. Nghiên cứu tác động của dự án đến hiệu quả phát triển kinh tế, xã hội và môi trường ở địa phương</p> <p>Kết quả 3: <i>Thông qua các hoạt động truyền thông kết quả, tác động của dự án, được chính quyền các cấp, các dự án khác trong tỉnh ghi nhận và tổ chức nhân rộng mô hình sau khi kết thúc dự án.</i></p> <p>3.1. Tập huấn kỹ năng chụp ảnh, viết câu chuyện điển hình truyền thông về tác động của dự án đến đời sống kinh tế, xã hội và môi trường của cộng đồng cho nhóm nông cốt cộng đồng;</p> <p>3.2. Triển lãm sản phẩm truyền thông về tác động của dự án đến đời</p>
--	---	--

		<p>sống kinh tế, xã hội của cộng đồng do chính người dân địa phương thực hiện</p> <p>3.3. Tài liệu hoá các bài học kinh nghiệm từ các hoạt động thực hiện dự án và các giáo trình đào tạo, tập huấn các kết quả nghiên cứu</p> <p>3.4. Truyền thông kết quả, hiệu quả hoạt động dự án trên phương tiện thông tin đại chúng (3 bài Báo, 1 phóng sự PTTH);</p> <p>3.5. Hội thảo báo cáo kết quả nghiên cứu tác động của dự án đến hiệu quả kinh tế và xã hội ở địa phương và kết thúc dự án;</p> <p>3.6. Mua sắm phương tiện truyền thông và đào tạo tập huấn</p>
	Trần Thúc Sơn	
103	<p>Bảo tồn và nhân rộng giống bò U đầu riu ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An</p> <p>Hiệp Hội Chăn nuôi gia súc lớn</p> <p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000 VNĐ</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ để nhân giống, chăn nuôi bò u đầu riu ở huyện Nam Đàn và các huyện lân cận khác của tỉnh Nghệ An nhằm bảo tồn, nhân rộng và phát triển giống bò này ở tỉnh, góp phần thực hiện bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ và nâng cao thu nhập cho đồng bào khu vực miền núi tỉnh Nghệ An.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới nhân giống bò u đầu riu: sử dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo cho 30 con bò cái có chửa. - Mô hình chăn nuôi có kiểm soát với quy mô từ 5 – 50 con/cơ sở - Sách mỏng “Hướng dẫn kỹ thuật nhân giống, chăm sóc và nuôi dưỡng giống bò u đầu riu” - Tập huấn, chuyển giao khoa học được cho 150 người chăn nuôi về kỹ thuật nhân giống, chăm sóc và nuôi dưỡng bò u đầu riu. - Tuyên truyền được cho 300 lượt người dân thuộc các xã vùng miền núi huyện Nam Đàn về vai trò của việc bảo tồn đa dạng sinh học, có ý thức trong việc cộng đồng cùng tham gia bảo vệ các nguồn gen bản địa. - Báo cáo tổng hợp mô tả tình hình phân bố và mật độ quần thể hiện còn của giống bò u đầu riu ở khu vực Bắc Trung bộ, đặc biệt tập trung mô tả hiện trạng tại tỉnh Nghệ An. - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát tình hình phân bố và mật độ quần thể hiện còn của giống bò u đầu riu ở các tỉnh Nghệ An. - Điều tra tình hình cơ bản của địa phương: Sử dụng phương pháp điều tra, đánh giá nông thôn nhanh có sự tham gia của người dân

		<p>(PRA) để nắm tình hình cơ bản của địa phương, xác định nhu cầu của cộng đồng về bảo tồn và phát triển giống bò u đầu riu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn địa điểm, chọn hộ tham gia dự án. - Thành lập Ban điều hành dự án. - Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật. - Xây dựng mô hình nhân giống bò u đầu riu. - Xây dựng mô hình chăm sóc và nuôi dưỡng bò u đầu riu hướng thịt. - Hội thảo khoa học. - Báo cáo tổng kết dự án, đề xuất dự án mở rộng.
	Trần Thúc Sơn	
104	<p>Xây dựng “Tủ điển Giống vật nuôi Việt Nam” nhằm khuyến cáo sản xuất bền vững và bảo vệ đa dạng sinh học nguồn gen vật nuôi Việt Nam</p> <p>Hiệp Hội Chăn nuôi gia súc lớn</p> <p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000 VNĐ</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Tổng hợp được đầy đủ, chính xác mọi thông tin về các giống vật nuôi nông nghiệp ở Việt Nam và khuyến cáo chi tiết cho từng giống phù hợp với địa phương nào, với quy mô chăn nuôi nào, hướng khai thác và phương thức chăn nuôi tối ưu nhất để khai thác tối đa nguồn lợi mà giống đó đem lại. Từ đó góp phần thực hiện bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ và nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi trong cả nước.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 04 tập cuốn “Tủ điển Giống vật nuôi Việt Nam” bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tập 1: “Tủ điển Giống gia cầm Việt Nam” + Tập 2: “Tủ điển Giống lợn Việt Nam” + Tập 3: “Tủ điển Giống đại gia súc Việt Nam” + Tập 4: “Tủ điển Giống vật nuôi quý hiếm ở Việt Nam” - Tuyên truyền được cho khoảng 300 người dân thuộc các tỉnh có thế mạnh về chăn nuôi theo khuyến cáo của Tủ điển về giống chủ lực của địa phương nhằm giúp định hướng sản xuất, nâng cao ý thức của cộng đồng cùng tham gia bảo vệ và phát triển hiệu quả nguồn gen vật nuôi Việt Nam. - Báo cáo tổng hợp mô tả tình hình phân bố giống vật nuôi. - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát tình hình phân bố giống vật nuôi ở số tỉnh, thành phố có thế mạnh phát triển chăn nuôi. - Điều tra thứ cấp thông tin tổng hợp về các giống vật nuôi Việt

		<p>Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Ban điều hành dự án. - Tuyên truyền một số khuyến cáo cơ bản của Từ điển cho một số tỉnh, thành. - Xây dựng mô hình nuôi bò Vàng ở Thọ Xuân, Thanh Hóa, bò sữa ở Mộc Châu, Sơn La. - Hội thảo khoa học. - Báo cáo tổng kết dự án
	Nguyễn Ngọc Sinh	
105	<p>NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI TỈNH BẮC KẠN</p> <p>Hội Nước sạch và Môi trường tỉnh Bắc Kạn.</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>a. Mục tiêu: Nâng cao nhận thức và khả năng thích ứng với BĐKH của người dân tộc thiểu số. tại huyện vùng cao Pác Nặm của tỉnh Bắc Kạn.</p> <p>b. Kết quả dự kiến: Thực hiện một số nội dung trong dự án tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu trong Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt(dự án ưu tiên1).</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% người dân tộc thiểu số nhận thức cơ bản đầy đủ về BĐKH và những giải pháp thích ứng với BĐKH; - Chứng minh năng lực của Hội Nước sạch và Môi trường trong việc hỗ trợ người dân tộc thiểu số ứng phó với BĐKH và được chia sẻ với các tổ chức khác; <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cho cán bộ nòng cốt của hội nước sạch của tỉnh, huyện, xã kiến thức về BĐKH và thích ứng với BĐKH; - Tổ chức các buổi tuyên truyền nâng cao nhận thức về BĐKH cho cộng đồng dân tộc thiểu số tại xã được lựa chọn thuộc huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn. - Lựa chọn các công trình cơ sở hạ tầng có thể giảm nhẹ thiên tai và tác động của BĐKH cho cộng đồng người dân tộc thiểu số tại địa phương; hướng dẫn các phương pháp sản xuất nông, lâm nghiệp phù hợp giúp người dân thích ứng với BĐKH.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
106	Xử lý ô nhiễm môi trường	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Mục tiêu là đem lại sức khỏe cho cộng đồng, tạo cho họ thói quen trong bảo vệ môi trường, nâng cao mức sống của người dân để họ</p>

	<p>Hội chữ thập đỏ huyện Năm Căn</p> <p>Tổng kinh phí:</p> <p>GEF SGP:</p> <p>1.000.000.000đ</p>	<p>tạo ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, góp phần giảm thiểu tác động của BĐKH đã, đang diễn ra trên toàn cầu.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng thu nhập, cải thiện đời sống và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân - Bảo vệ môi trường, ngăn ngừa thoái hóa đất, góp phần hạn chế tác động của BĐKH - Nâng cao đời sống người dân về sức khỏe, kinh tế, văn hóa (đối tượng được hưởng lợi là 32.983 người dân tại địa phương) <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: Thành lập các Đội thanh niên xung kích môi trường, tập huấn trang bị kiến thức và đồng phục phương tiện hoạt động. - Giai đoạn 2: Các đội thanh niên xung kích sẽ tổ chức tuyên truyền cho người dân thông qua tờ bướm, tờ rơi, trong các buổi họp dân, cuộc họp của các đoàn thể. - Giai đoạn 3: Trang bị phương tiện thu gom rác (xuồng máy thu gom trên sông, khơi thông cống rãnh,...) trồng cây xanh, hướng dẫn người dân gom rác tại hộ gia đình - Giai đoạn 4: Chính quyền hỗ trợ người dân và các Đội Thanh niên xung kích bảo vệ môi trường hoạt động bền vững bằng các văn bản đúng theo pháp luật sau khi kinh phí dự án đã tài trợ hoàn thành.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
107	<p>Mô hình quản lý và kiểm soát chất thải rắn vùng nông thôn</p> <p>Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, 45, đường 3/2, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ</p> <p>Tổng kinh phí:</p>	<p>1. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường ý thức của người dân về kiểm soát và quản lý chất thải rắn sinh hoạt và độc hại ngay tại hộ gia đình. - Xây dựng các tụ điểm thu gom bao bì thuộc bảo vệ thực vật đúng qui chuẩn ngay trên đồng ruộng và đề xuất hướng xử lý phù hợp. - Đề xuất phương pháp quản lý, phân loại và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chăn nuôi hợp vệ sinh và dễ thực hiện cho người nông dân. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường ý thức của người dân về sức khỏe và an toàn liên quan đến chất thải, đặc biệt là chất thải từ bao bì thuộc bảo vệ thực vật. - Ý thức người dân được nâng cao là nền tảng để thực hiện tốt công tác quản lý, phân loại và xử lý chất thải rắn tại vùng nông thôn trong giai đoạn tiếp theo.

	<p>GEF SGP: 974.000.000đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thu gom 80% lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật (hiện tại là 0% - báo cáo của UBND huyện Vĩnh Thạch) thông qua các bãi thu gom hợp qui chuẩn được xây dựng ngay trên đồng ruộng. - Hạn chế sự ô nhiễm nguồn nước bởi sự xử lý và quản lý chất thải rắn không đúng qui định hiện nay. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 9 lớp tập huấn để tăng cường ý thức của người dân về mối nguy cơ từ chất thải rắn sinh hoạt, chăn nuôi, bao bì thuốc bảo vệ thực vật và vệ sinh đồng ruộng một cách bền vững và hiệu quả tại huyện Vĩnh Thạch. - Tuyên truyền cho người nông dân về cách quản lý và xử lý chất thải rắn hiệu quả và an toàn ở địa phương thông qua áp phích, tờ rơi. - Xây dựng 3 bãi thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật đạt qui chuẩn tại 3 ấp. Đây là mô hình để tham khảo và nhân rộng sau này cho các địa phương khác. - Xây dựng một mô hình xử lý chất thải chăn nuôi tại nông hộ. - Biên soạn một cẩm nang về qui trình thu gom, phân loại, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chăn nuôi và bao bì thuốc bảo vệ thực vật.
	Hồ Ngọc Hải	
108	<p>Nhân rộng mô hình sản xuất lê hàng hóa tại xã Cần Nông Huyện Thông Nông, Tỉnh Cao Bằng</p> <p>- Hội làm vườn tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Tổ 4 Nà Cáp, Phường Sông Hiến, TP Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng</p> <p>Tổng kinh phí: 850.000.000đ</p>	<p>1. Mục tiêu:</p> <p>Hướng dẫn cho cán bộ tham gia dự án biết phương pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ bệnh dịch, thu hái, bảo quản sản phẩm làm ra theo kỹ thuật tiên tiến hiện đại, tổ chức sản xuất bền vững đồng thời là mô hình điển hình cho các hộ khác học tập làm theo, tăng thu nhập, cải thiện đời sống và giảm được đói nghèo, khai thác lợi thế địa phương chống rửa trôi sỏi mòn bảo vệ được tài nguyên môi trường góp phần thực hiện hoàn thành xây dựng nông thôn mới của tỉnh.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng 10 ha lê phân tán cho các hộ với số lượng 4000 cây - Hộ tham gia dự án: ưu tiên trước cho hộ nghèo, hộ thiếu đất sản xuất, đến hộ cận nghèo. - Các hộ tiếp cận với khoa học kỹ thuật tiên tiến làm thay đổi phương pháp canh tác lạc hậu truyền thống. - cây lê trồng sau 3 năm cho bội quả, từ năm năm thứ 5 trở đi nông dân có thu nhập từ trồng lê giành một phần thu nhập để cải thiện

	<p>GEF SGP: 750.000.000đ</p>	<p>đời sống và đầu tư cho cây lê</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạ tỉ lệ đói nghèo - môi trường được bảo vệ <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi dự án được duyệt trước tiên làm tốt khâu phổ biến, tuyên truyền cho nhân dân biết từ đó phổ biến vùng đất trồng, lập danh sách hộ, phân nhóm để quản lý chỉ đạo. - Sản xuất 4000 cây lê giống - Tập huấn kĩ thuật trồng lê cho các hộ theo từng công đoạn. - Tổ chức tham quan mô hình lê trong tỉnh. - Trồng, kiểm tra, giám sát các hộ thực hiện - Ban hành các văn bản quản lý hướng dẫn thực hiện dự án - Phối hợp với các cơ quan liên quan để triển khai thực hiện - Báo cáo theo tiến độ - Sơ tổng kết đánh giá hoạt động dự án - Quyết toán kinh phí
	Trần Thúc Sơn	
109	<p>Bảo vệ gìn giữ môi trường sinh thái lâm viên Kỳ Sầm xã Vĩnh Quang, TP Cao Bằng</p> <p>Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Cao Bằng</p> <p>Số 126 Bế Văn Đàn, P. Hợp Giang, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.253.300.000 GEF SGP: 1.053.300đ</p>	<p>1. Mục tiêu:</p> <p>Nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư ở xã Vĩnh Quang về việc bảo vệ môi trường sinh thái khu lâm viên Kỳ Sầm</p> <p>2. Hoạt động và kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường sử dụng phân vi sinh, phân ủ sau khi qua sử dụng khí bioga để bón đồng ruộng, thực hiện qui trình sản xuất nông nghiệp sạch, tiến tới góp phần cung cấp thực phẩm rau quả sạch cho TP Cao Bằng. - Tăng cường việc trồng mới thêm một số cây xanh để phủ kín những quả đồi còn trống trọi tại lâm viên Kỳ Sầm để trong vòng 10 năm sau lâm viên sẽ đạt được chỉ tiêu 80% độ che phủ rừng thay vì hiện nay là 52%. - Tuyên truyền trong dân ý thức bảo vệ môi trường trong khu vực xã Vĩnh Quang và các xã lân cận nằm trong khu vực có ảnh hưởng như không chặt phá cây, đốt gỗ, không đốt nương, hạn chế tối đa yếu tố con người đến việc xâm hại môi trường như khai thác đá, khai thác cát sỏi làm sạt lở ven sông Bằng

	<p>- Phát huy những di tích lịch sử văn hóa tại xã Vĩnh Quang</p> <p>Ngay tại trung tâm xã có đền thờ Nùng Chí Cao một nhân vật lịch sử đại diện dân tộc Tày, Nùng Cao Bằng đã anh dũng tập hợp binh sĩ để chiến đấu cho nền độc lập của dân tộc Việt Nam trong thế kỉ XI. Di tích đã được Bộ văn hóa thông tin xếp hạng cấp quốc gia, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên với rừng cây những xóm làng của dân sở tại chính là góp phần tuyên truyền và bảo vệ di tích lịch sử văn hóa.</p> <p>Riêng di tích lịch sử văn hóa xã Vĩnh Quang còn mang dấu ấn hữu nghị 2 dân tộc Việt – Mỹ ở khu vực đền Kỳ Sầm, lễ vậy cũng cần được xây dựng một bia lịch sử ghi dấu để mọi người biết đến sự kiện</p> <p>- Tập huấn nâng cao nhận thức</p> <p>Nhằm nâng cao nhận thức của người dân xã Vĩnh Quang trong việc gìn giữ bảo vệ môi trường phát triển bền vững. Mở các các lớp huấn luyện cho toàn thể nhân dân trong xã bảo vệ cây xanh, nguồn nước, tài nguyên, các động thực vật có tại quê hương làm cho người dân trong xã có ý thức thân thiện với môi trường. Đồng thời mỗi người dân trong xã Vĩnh Quang là những tuyên truyền viên tuyên truyền cho nhân dân các xã phụ cận và khách đến thăm di tích văn hóa có ý thức gìn giữ phát triển môi trường ngày càng xanh – Sạch – Đẹp.</p> <p>- Truyền thông môi trường</p> <p>Kết quả mong muốn: người dân được thường xuyên cung cấp những thông tin về bảo vệ môi trường, rừng đầu nguồn, giữ vệ sinh và sức khỏe cộng đồng thông qua các hoạt động truyền thanh, phân phát tờ rơi, cuộc thi tìm hiểu môi trường, chiến dịch và hoạt động bảo vệ môi trường một cách thường xuyên</p> <p>Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sạch tại 3 xóm thuộc xã Vĩnh Quang. Với trên dưới 300 hộ dân sản xuất nông nghiệp, thực hiện vệ sinh môi trường trong 300 hộ dân như gom rác, chuồng trại chăn nuôi, nhà tiêu đạt tiêu chuẩn hợp vệ sinh</p> <p>Thiết kế và dựng các pa nô tuyên truyền bảo vệ môi trường khổ lớn ở khu vực công cộng có nhiều khách du lịch đến thăm quan.</p> <p>- Thông tin truyền thông tuyên truyền</p> <p>Thiết kế và in ấn 2000 tờ rơi có nội dung tuyên truyền, vận động gìn giữ vệ sinh môi trường và phân phát đến tận các hộ gia đình trong xã Vĩnh Quang và cho khách du lịch đến thăm quan.</p> <p>Xây dựng chương trình phát thanh hàng tháng để cung cấp thông tin</p>
--	---

		và vận động nhân dân tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường
	Hồ Ngọc Hải	
110	<p>Nâng cao năng lực cộng đồng người dân vùng đệm, bảo tồn đa dạng sinh học, chống biến đổi khí hậu</p> <p>Hội Khoa học kỹ thuật lâm nghiệp Thanh Hóa</p> <p>Số 06 Đường Hạc Thành P. Tân Sơn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 1.700.000.000 GEF SGP: 1000.000.000</p>	<p>1. Mục tiêu:</p> <p>- <i>Mục tiêu chung:</i> Xây dựng một mô hình phát triển kinh tế hiệu quả - sinh thái bền vững, trình diễn để nhân rộng ra cộng đồng các dân tộc ít người vùng miền núi Thanh Hóa</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Xây dựng 4 mô hình phát triển kinh tế hiệu quả - sinh thái bền vững tại vùng đệm, 02 khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Lâm, Thường Xuân và vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông huyện Bá Thước. + Trình diễn nhân rộng ra cộng đồng các dân tộc ít người mỗi năm tăng thêm 2 – 3 lần. - Xây dựng qui hoạch các vùng phát triển kinh tế hiệu quả - sinh thái bền vững Thanh Hóa. + Nâng cao năng lực và nhận thức cho cộng đồng trong hoạt động quản lý và bảo tồn rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường. + Tổng kết bài học, đúc kết kinh nghiệm từ xây dựng mô hình để nhân rộng ra toàn tỉnh, cải thiện đời sống, chia sẻ hưởng lợi từ rừng/</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <p>- Xây dựng 4 mô hình phát triển kinh tế hiệu quả - sinh thái bền vững tại 4 đặc trưng sinh thái của vùng đệm thuộc 02 khu BTTN Thanh Hóa. - Các cơ sở luận cứ cho xây dựng các mô hình - Các giải pháp nhân rộng mô hình. - Cải thiện phát triển kinh tế bền vững cho các hộ nghèo trong vùng dự án hoạt động. - Cải thiện và mở rộng chăn nuôi gia súc, gia cầm cho người dân nghèo. - Nâng cao năng lực quản lý cho đối tác địa phương để giúp đỡ họ có thể tự thực hiện chu trình quản lý dự án để đảm bảo tính bền vững của dự án. - Xây dựng năng lực cho các ban phát triển nông thôn, các nhóm và các tổ chức dựa vào cộng đồng. - Tăng cường năng lực cho cộng đồng trong việc ứng phó với thiên</p>

		<p>tai và biến đổi khí hậu.</p> <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra bổ sung một số yếu tố làm số liệu nền cho các vùng triển khai dự án. - Xây dựng các chỉ tiêu kinh tế và tiêu chí sinh thái xây dựng các mô hình. - Xác định các TBKT các công nghệ ứng dụng vào mô hình. - Tham quan học tập một số mô hình trong nước, nước ngoài để làm cơ sở luận cứ cho các tiêu chí. - Thiết kế xây dựng mô hình Hội thảo, hội nghị chuyên gia xác định qui mô chỉ tiêu và tiêu chí các mô hình. - Triển khai xây dựng mô hình. - Sơ kết và điều chỉnh các tiêu chí, chỉ tiêu - Tổng kết đánh giá, đề xuất giải pháp, nhân rộng mô hình
	Nguyễn Ngọc Lung	
111	<p>Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển giống Hàu bản địa cửa sông (Ostrea rivularis Gould) đảm bảo tính bền vững và sinh kế cho cộng đồng người dân ven sông huyện Hậu lộc tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Hội làm vườn và trang trại huyện Hậu lộc, Tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 2.700 triệu đồng</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1.100 triệu</p>	<p>1. Mục tiêu chung</p> <p>Góp phần bảo tồn và phát triển giống Hàu cửa sông Hòa lộc nhằm tạo kế sinh nhai và xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư văn hạ lưu sông Lạch trường – huyện Hậu lộc tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>2. Mục tiêu và Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được thực trạng về khai thác và bảo vệ giống Hàu cửa sông tại cửa lạch Trường – Hậu Lộc - Nghiên cứu tổ chức sản xuất giống Hàu Hòa lộc cửa sông để bảo tồn và cung cấp cho các mô hình nuôi ven sông - Xây dựng các mô hình bảo tồn và phát triển giống Hàu Hòa lộc tại xã Hòa lộc, Xuân lộc – đảm bảo vệ sinh an toàn dịch bệnh và phát triển bền vững, đa dạng sinh học nguồn lợi thủy sản. Tạo sinh kế cho cư dân vùng ven cửa lạch tỉnh Thanh Hóa - Nâng cao nhận thức và năng lực kỹ thuật cho cộng đồng về công tác bảo vệ và đa dạng sinh học nói chung và Hàu cửa sông nói riêng. Kỹ thuật bảo tồn và phát triển giống Hàu Hòa lộc - Tổng kết, đánh giá đúc kết các bài học kinh nghiệm và biên soạn tài liệu kỹ thuật về mô hình trình diễn nhằm nhân rộng ra các địa bàn khác trong tỉnh.

	<p>đồng</p> <p>Kinh phí đóng góp từ các nguồn khác: 1.600 triệu đồng</p>	<p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tổng thuật tài liệu về môi trường cửa sông; thành phần giống loài tình hình phân bố, mùa vụ sinh sản, tình hình khai thác. Đánh giá thực trạng về khai thác và bảo vệ giống Hàu cửa sông nói chung và Hàu Hòa lộc nói riêng - Nghiên cứu tổ chức sản xuất giống Hàu cửa sông để bảo tồn và cung cấp cho các mô hình nuôi ven sông - Xây dựng các mô hình bảo tồn và phát triển giống Hàu Hòa lộc tại xã Hòa lộc, Xuân Lộc – đảm bảo vệ sinh an toàn dịch bệnh và tính bền vững cho nguồn lợi thủy sản - Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ và ngư dân tiếp thu các quy định của nhà nước về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý và khai thác hợp lý tài nguyên ven biển - Xây dựng một số khuyến nghị có liên quan về chính sách được đề xuất trong việc bảo tồn, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản.
	Nguyễn Chu Hồi	
112	<p>Phát triển hoạt động bảo tồn tại cộng đồng và sử dụng bền vững cây thuốc quý Lan kim tuyến (Anoectochilus SP) tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng</p> <p>Hội dược liệu Việt Nam (Vietnam Medicinal Materials Association – VIMAMES) – 302 Nhà Y3, số 135 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội</p> <p>Tổng kinh phí: 65.000 USD</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 49.200 USD</p>	<p>1. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành nghiên cứu quy trình nhân giống bằng giâm cành và quy trình trồng Lan kim tuyến và chuyển giao tới các thầy thuốc y học cổ truyền tại huyện Nguyên Bình (Cao Bằng), là nơi có điều kiện sinh thái phù hợp với khả năng sinh trưởng và phát triển của cây Lan kim tuyến. - Các thầy thuốc y học cổ truyền tại huyện Nguyên Bình tiến hành trồng và bảo tồn cây thuốc Lan kim tuyến tại vườn thuốc gia đình, đồng thời được hỗ trợ để phát triển một số sản phẩm từ Lan kim tuyến sử dụng trong cộng đồng. - Mô hình được văn bản hóa, tuyên truyền nhằm nhân rộng, khuyến khích cộng đồng địa phương chủ động bảo tồn các tài nguyên đa dạng sinh học ngoài các khu bảo tồn của quốc gia, địa phương. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình nhân giống bằng giâm cành và quy trình trồng Lan kim tuyến bền vững theo tiêu chuẩn Ethical BioTrade được xây dựng; - Quy trình nhân giống bằng giâm cành và quy trình trồng Lan kim tuyến bền vững theo tiêu chuẩn Ethical BioTrade được chuyển giao tới 60 thầy thuốc y học cổ truyền tại các xã của huyện Nguyên Bình - Cây Lan kim tuyến được các thầy thuốc y học cổ truyền tại huyện Nguyên Bình chủ động bảo tồn tại vườn thuốc gia đình thông qua áp dụng các quy trình canh tác chuẩn, đồng thời được sử dụng bền

	<p>Kinh phí từ các hoạt động của VIMAMES: 15.800 USD</p>	<p>vững thông qua một số dạng sản phẩm sử dụng tại cộng đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan nhà nước có liên quan (chính sách, nghiên cứu) được thúc đẩy và hỗ trợ trong việc nghiên cứu và ban hành các chính sách nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị của cây Lan kim tuyến, qua đó khuyến khích việc bảo tồn và sử dụng bền vững Lan kim tuyến tại địa phương; - Các thầy thuốc y học cổ truyền tại địa phương trong tham gia dự án trong giai đoạn này sẽ trở thành các nòng cốt nhân rộng mô hình trong giai đoạn tiếp theo; - Mô hình bảo tồn chủ động tại cộng đồng ngoài các khu bảo tồn của quốc gia và địa phương được phát huy và nhân rộng cho các dược liệu quý hiếm khác <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu chọn loài Lan kim tuyến tại địa bàn, nhân giống ban đầu bằng phương pháp nuôi cấy mô; - Nghiên cứu quy trình trồng và nhân giống bằng giâm cành; - Tổ chức đào tạo, tập huấn quy trình cho các thầy thuốc y học cổ truyền tại địa phương; - Hỗ trợ các thầy thuốc y học cổ truyền triển khai trồng và thực hiện giâm cành theo tiêu chuẩn/quy trình đã xây dựng tại vườn thuốc gia đình; - Hỗ trợ các thầy thuốc y học cổ truyền triển khai phát triển một số sản phẩm từ Lan kim tuyến để sử dụng tại cộng đồng; - Định kỳ giám sát, đánh giá và kịp thời hỗ trợ các thầy thuốc y học cổ truyền tại địa phương trong việc tuân thủ quy trình; - Hội thảo tổng kết, rút kinh nghiệm và lập kế hoạch cho kỳ sản xuất tiếp theo.
	Nguyễn Ngọc Lung	
113	<p>Xây dựng mô hình quản lý rừng cộng đồng tại xã Tam Thái, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An</p> <p>Quỹ tình thương Việt –</p>	<p>1. Mục tiêu của dự án:</p> <p>* Mục tiêu chung:</p> <p>Thông qua việc quản lý và sử dụng tốt tài nguyên thiên nhiên bằng rừng cộng đồng, góp phần xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng dân tộc thiểu số ở vùng núi tỉnh Nghệ An.</p> <p>* Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục và phát triển phương thức quản lý rừng cộng đồng nhằm phục hồi thể chế địa phương và nâng cao năng lực cho cán bộ và cộng đồng của địa phương về vấn đề quản lý và sử dụng tài nguyên

	<p>Lầu 4 tòa nhà Vietcomreal, số 68 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM</p> <p>Tổng kinh phí: 61.500 USD</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 49.200 USD</p> <p>Kinh phí đóng góp từ địa phương: 12.300 USD</p>	<p>thiên nhiên góp phần bảo vệ tài nguyên rừng</p> <p>- Thông qua quản lý tốt rừng cộng đồng, tạo cơ hội cho người dân nghèo vùng cao tiếp cận các nguồn lực và đảm bảo nguồn thu nhập của họ.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <p>- Tổ chức được 3 cuộc hội thảo cùng tham gia về hình thức quản lý cộng đồng</p> <p>- Ba mô hình rừng cộng đồng tại 3 bản thuộc xã Tam Thái được xây dựng, có quy ước của làng bản về quản lý rừng cộng đồng, có ban quản lý rừng cộng đồng cấp bản.</p> <p>- Xây dựng được hương ước cấp làng bản về cơ chế tự quản tài nguyên thiên nhiên nói chung trong bảo vệ tài nguyên rừng, kể cả phần rừng tư nhân và rừng cho nhà nước quản lý.</p> <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <p>Hoạt động 1: Hội thảo, tập huấn cùng tham gia về quản lý rừng cộng đồng</p> <p><i>Hoạt động 1.1.</i> Hội thảo cùng tham gia về quản lý rừng cộng đồng</p> <p><i>Hoạt động 1.2.</i> Hội thảo nâng cao năng lực tự quản</p> <p><i>Hoạt động 1.3.</i> Tập huấn kỹ thuật lâm nghiệp</p> <p>Hoạt động 2: Xây dựng mô hình rừng cộng đồng</p> <p>Xây dựng mô hình rừng cộng đồng ở cấp thôn bản, tại 3 bản của xã Tam Thái. Ba bản thuộc xã Tam Thái sẽ được chọn làm mô hình điểm. Một diện tích rừng sẽ được cấp cho bản, một ban quản lý rừng cộng đồng sẽ được thành lập và ban này chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện các quy ước của bản về rừng cộng đồng.</p> <p><i>Hoạt động 2.1.</i> Tham quan mô hình rừng cộng đồng</p> <p><i>Hoạt động 2.2.</i> Thiết kế các hoạt động</p> <p><i>Hoạt động 2.3.</i> Xây dựng mô hình</p> <p><i>Hoạt động 2.4.</i> Phát triển tài nguyên rừng</p> <p>Hoạt động 3: Đánh giá dự án</p> <p><i>Hoạt động 3.1.</i> Đánh giá thường kỳ 3 tháng 1 lần</p> <p><i>Hoạt động 3.2.</i> Đánh giá cuối dự án</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
114	Thúc đẩy vai trò chủ động của người dân xã Chính Tâm, huyện Kim Sơn	<p>1. Mục tiêu</p> <p>- Hoạt động sản xuất, trồng và sơ chế dược liệu Trạch tả tại xã Chính Tâm, huyện Kim Sơn (Ninh Bình) được áp dụng theo tiêu</p>

	<p>Sơn (Ninh Bình) trong việc lập kế hoạch và triển khai sản xuất Trạch tả (Alisma Plantago) theo tiêu chuẩn Đạo đức Thương mại Sinh học</p> <p>Hội dược liệu Việt Nam (Vietnam Medicinal Materials Association – VIMAMES) – 302 Nhà Y3, số 135 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội</p> <p>Tổng kinh phí: 52.000 USD</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 39.500 USD</p> <p>Kinh phí từ các hoạt động của VIMAMES: 12.500 USD</p>	<p>chuẩn Đạo đức Thương mại Sinh học (Ethical BioTrade)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự hình thành và hoạt động hiệu quả của nhóm nông dân trồng, chế biến và kinh doanh Trạch tả (tổ hợp tác) tại xã Chính Tâm, huyện Kim Sơn. - Các bài học và kết quả của hoạt động được văn bản hóa, chia sẻ và tuyên truyền nhằm tăng cường khả năng nhân rộng mô hình trong các thời gian tiếp theo <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình trồng và chế biến Trạch tả tại xã Chính Tâm (Kim Sơn, Ninh Bình) theo tiêu chuẩn Ethical BioTrade, đáp ứng 30% nhu cầu của các thành viên VIMAMES trong giai đoạn đầu; - Thu nhập từ trồng và sơ chế Trạch tả của người dân tăng 30% so với hiện tại thông qua việc tuân thủ quy trình trồng và sơ chế; - Người nông dân tham gia dự án trong giai đoạn này sẽ trở thành các nòng cốt nhân rộng mô hình trong giai đoạn tiếp theo; - Người dân và chính quyền địa phương xã Chính Tâm, huyện Kim Sơn và tỉnh Ninh Bình được cập nhật các hoạt động của dự án nhằm đưa ra những chính sách hỗ trợ cụ thể, kịp thời cũng như tiếp thu đưa Trạch tả và chương trình khuyến nông của địa phương <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu xây dựng quy trình trồng và sơ chế Trạch tả theo tiêu chuẩn Ethical BioTrade; - Tổ chức các hội thảo phổ biến quy trình, lựa chọn các hộ nông dân tham gia, lấy ý kiến nhằm xác định các thành phần của chuỗi cung ứng, tổ chức mô hình cung ứng, xây dựng hợp đồng cung ứng đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích, xây dựng hệ thống khuyến nông, giám sát và đánh giá; - Đào tạo tập huấn áp dụng quy trình; - Xây dựng mô hình sơ chế, bảo quản và đóng gói tập trung; - Triển khai trồng và sơ chế theo quy trình đã được tập huấn; - Định kỳ giám sát, đánh giá và hỗ trợ; - Hội thảo tổng kết, rút kinh nghiệm và lập kế hoạch cho kỳ sản xuất tiếp theo.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
115	Quy hoạch và thực hiện biện pháp bảo tồn các loài chim hoang dã với	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Nhằm bảo tồn bền vững các loài chim hoang dã trên cơ sở xây dựng ý thức và sự tham gia bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học của</p>

	<p>sự tham gia của cộng đồng người dân địa phương xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>Hội nông dân xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>người dân.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Quy hoạch và bảo tồn bền vững tại một số khu vực có các loài chim hoang dã được trên cơ sở cộng đồng người dân địa phương tự tổ chức thực hiện và hưởng lợi từ các dịch vụ môi trường đem lại.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, lập quy hoạch bảo tồn chi tiết các loài chim hoang dã tại địa điểm xóm làng Cháy, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (lấy điểm rừng của gia đình ông Quỳnh làm trung tâm). - Thực hiện tuyên truyền cho người dân địa phương nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường từ đó tự nguyện tham gia các hoạt động bảo tồn các loài chim hoang dã trong khu vực. - Lập kế hoạch bảo tồn bền vững các loài chim hoang dã trên cơ sở người dân địa phương thực hiện và hưởng lợi từ các dịch vụ môi trường đem lại; chính quyền và kiểm lâm địa phương hỗ trợ và bảo đảm pháp lý.
	Nguyễn Ngọc Lung	
116	<p>Xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu và sử dụng hợp lý tài nguyên hướng tới phát triển bền vững kinh tế - xã hội tại xã Diễn Vạn, Diễn Châu, Nghệ An.</p> <p>Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Nghệ An.</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: thử nghiệm các mô hình nuôi thủy sản phù hợp, có hiệu quả thích ứng với các tác động bất lợi của thời tiết trong nuôi trồng thủy sản và làm muối tại xã Diễn Vạn. Góp phần giảm thiểu tổn thương và tăng cường khả năng thích ứng hướng tới phát triển bền vững kinh tế - xã hội tại các vùng nước lợ ở vùng Bắc Trung Bộ. - Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng và thử nghiệm các mô hình nuôi thủy sản thích hợp mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân và thích ứng với các diễn biến bất lợi của thời tiết và tình trạng ngọt hóa các vùng nuôi thủy sản và làm muối ở vùng ven biển. + Xây dựng và thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức về hiểm họa của biến đổi khí hậu thông qua các hoạt động truyền thông cho cộng đồng. Nâng cao kiến thức về môi trường, về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản thông qua tập huấn hội nghị hội thảo. Nâng cao nhận thức và hiểu biết của chính quyền và người dân về biến đổi khí hậu và tác động tiêu cực của nó đến phát triển bền vững của địa phương. + Góp phần bảo vệ, tái tạo và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên đảm bảo vững chắc cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương.

		<p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ số liệu về sinh kế và tác động của biến đổi khí hậu tới cộng đồng tại xã Diên Vạn - Xây dựng được 03 mô hình nuôi thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu: mô hình nuôi xen ghép, mô hình nuôi luân canh và mô hình chuyển đổi đất làm muối thành nuôi trồng thủy sản. - Tổ chức 04 lớp tập huấn/hội thảo chuyển giao kết quả mô hình tới các hộ nông dân - Xây dựng 02 tờ rơi về kỹ thuật nuôi kết hợp và luân canh trong bối cảnh biến đổi khí hậu. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát các hoạt động nuôi trồng thủy sản tại vùng dự án tại xã Diên Vạn - Tìm hiểu sinh kế và các tác động của biến đổi khí hậu đến cộng đồng nuôi thủy sản và làm muối tại vùng dự án - Xác định và thử nghiệm các mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và mô hình nuôi trên đất chuyển đổi từ làm muối sang nuôi trồng thủy sản. - Tập huấn và chuyển giao kết quả các mô hình nuôi cho nông dân - Kết hợp với các địa phương xây dựng kế hoạch quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý, hiệu quả tài nguyên hiện có tại khu vực dự án
	Nguyễn Chu Hồi	
117	<p>Xây dựng mô hình khai thác và bảo vệ nguồn lợi tôm hùm giống tại phường Vĩnh Hòa, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa</p> <p>Hội nghề cá tỉnh Khánh Hòa</p> <p>Khu liên cơ I, Số 85, đường 2/4, phường Vạn Thắng, Tp Nha Trang</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Xây dựng mô hình khai thác và bảo vệ nguồn lợi tôm hùm giống bền vững tại phường Vĩnh Hòa, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa có sự tham gia của cộng đồng. - Mục tiêu cụ thể: + Tăng cường nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và nguồn lợi tôm hùm giống, không sử dụng san hô làm ngư cụ khai thác. + Quy hoạch vùng khai thác và bảo vệ nguồn lợi tôm hùm giống nhằm tránh xung đột giữa các ngành nghề hoạt động trên Vịnh Nha Trang, đồng thời nhằm duy trì sự ổn định nguồn giống cho các vùng nuôi tôm hùm. + Giảm thiểu tối đa, tiến tới loại bỏ việc sử dụng san hô làm bẫy

	<p>Tổng kinh phí: 1.285.790.000 đồng</p> <p>Kinh phí tài trợ từ GEF SGP: 987.890.000 đồng</p> <p>Kinh phí từ nguồn khác: 297.890.000</p>	<p>khai thác tôm hùm giống.</p> <p>+ Xây dựng mô hình quản lý khai thác tôm hùm giống dựa vào cộng đồng.</p> <p>+ Kết hợp phát triển du lịch theo hướng tiếp cận cộng đồng tại khu dân cư phường Vĩnh Hòa.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch vùng khai thác và bảo vệ nguồn lợi tôm hùm giống tại Vịnh Nha Trang được phê duyệt. - Sử dụng ngư cụ khai thác tôm hùm giống có tính chọn lọc cao đồng thời đảm bảo thân thiện môi trường, không sử dụng san hô làm bẫy khai thác tôm hùm giống. - Tổ chức cộng đồng khai thác và bảo vệ nguồn lợi tôm hùm giống được thành lập. - Các hoạt động truyền thông và đào tạo được tổ chức thành công. - Các mô hình trình diễn cộng đồng khai thác và bảo vệ tôm hùm giống được thử nghiệm thành công. - Đánh giá và đúc rút các bài học kinh nghiệm và biên soạn tài liệu kỹ thuật về mô hình trình diễn nhằm mục tiêu nhân rộng mô hình tại các địa phương có điều kiện tương tự. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức xin ý kiến tư vấn của chuyên gia về các kỹ thuật tiếp cận cộng đồng như PRA, phân tích đối tượng tài nguyên mục tiêu, phân vùng... để có thể cùng làm việc với cộng đồng. 2. Quy hoạch phân vùng chức năng khu bảo tồn nguồn lợi tôm hùm giống (khu bảo vệ và khai thác). Sử dụng phương pháp có sự tham gia của cộng đồng trong quy hoạch, phân vùng, lập bản đồ. 3. Xây dựng quy hoạch và quy chế quản lý quy hoạch phân vùng bảo vệ và quy chế hoạt động của Ban quản lý và các tổ cộng đồng. 4. Thành lập nhóm hạt nhân quản lý khai thác tôm hùm giống tại phường Vĩnh Hòa, chịu trách nhiệm: (1) bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô, (2) quản lý hoạt động khai thác nguồn lợi tôm hùm giống bền vững và (3) phát triển du lịch sinh thái cộng đồng. 5. Hỗ trợ cộng đồng và người dân địa phương thiết lập quan hệ với các ngân hàng và hỗ trợ cộng đồng xây dựng dự án để vay vốn từ ngân hàng cho các mô hình thủy sản bền vững đa thử nghiệm thành công tại địa phương. 6. Xây dựng kế hoạch chi tiết hoạt động của tổ cộng đồng về phát
--	--	---

		<p>triển du lịch sinh thái cộng đồng theo quy hoạch đã phê duyệt.</p> <p>7. Tiến hành giám sát và đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm.</p> <p>8. Tổ chức hội nghị, hội thảo giữa kỳ, cuối kỳ để giới thiệu về kết quả mô hình dự án.</p>
	Nguyễn Chu Hồi	
118	<p>Xây dựng mô hình thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt dựa vào cộng đồng</p> <p>Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị</p> <p>Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí thực hiện: 1.805.910.000 đồng</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1.049.000.000 đồng</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, nâng cao nhận thức cho người dân trong bảo vệ môi trường, góp phần giảm thiểu rác thải tại 2 xã Triệu Phước và Triệu Đại. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực và kỹ năng truyền thông của đội ngũ truyền thông viên được nâng lên. - Trách nhiệm của chính quyền, các ban ngành, các tổ chức chính trị xã hội trong việc quản lý các nguồn rác thải sinh hoạt được nâng lên. - Hình thành được các tổ thu gom và xử lý rác. - Xây dựng được bộ tài liệu tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng và nâng cao năng lực cho đội ngũ truyền thông viên. - Báo cáo kết quả hoạt động. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường sống, nâng cao năng lực cho đội ngũ TTV tham gia truyền thông phân loại rác tại nhà trên cơ sở dựa vào cộng đồng. <ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch bãi rác có diện tích đảm bảo ở khu xa dân cư tránh gây ô nhiễm môi trường. - Nâng cao nhận thức cho cộng đồng thông qua sự tham gia của người dân. - Nâng cao năng lực và kỹ năng truyền thông cho đội ngũ TTV tham gia truyền thông phân loại rác. 2. Tổ chức tập huấn TOT cho đội ngũ truyền thông viên <ul style="list-style-type: none"> - Các khóa tập huấn TOT được tổ chức - Đội ngũ TTV có được kỹ năng tốt, nắm vững kiến thức và thực hiện được việc truyền thông thu gom và xử lý rác tại các thôn 3. Tổ chức truyền thông cho các hộ dân: người dân có kiến thức và ý thức bảo vệ môi trường, tự giác chấp hành chủ trương và đóng góp một phần kinh phí trong việc xây dựng mô hình thu gom và xử

		<p>lý rác thải sinh hoạt tại cộng đồng.</p> <p>4. Xây dựng và hỗ trợ các điều kiện ban đầu cho các tổ hợp tác và hợp tác xã thu gom, xử lý rác thải.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập các tổ hợp tác tiến tới thành lập các hợp tác xã để thu gom và xử lý rác thải. - Hỗ trợ xe chở rác, dụng cụ và bảo hộ lao động cho người thu gom.
	Hồ Ngọc Hải	
119	<p>Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển chăn nuôi gà Tây Mường Xén nhằm tăng kế sinh nhai cho người dân tộc H'Mông, Mường Xén, Kỳ Sơn, Nghệ An</p> <p>Hội nông dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An</p> <p>Thị trấn Mường Xén, Kỳ Sơn, Nghệ An</p> <p>Tổng kinh phí: 1.100.000.000 đồng</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 50 000 USD</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <p>Tăng cường năng lực chăn nuôi bảo tồn và khai thác tốt hơn giống gà Tây Mường Xén.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo được một mạng lưới 20 hộ dân. - Nuôi một đàn gà tây 200 con giống. - Xây dựng một mạng lưới giống. - Đào tạo được 30 người có kỹ thuật chăn nuôi. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều tra chọn lọc các hộ chăn nuôi. 2. Xây dựng chương trình tiêm phòng hàng năm cho các loại gà. 3. Xây dựng kế hoạch chọn lọc và nhân giống. 4. Mở các lớp tập huấn lý thuyết và thực hành cho nông dân. 5. Kiểm tra và uốn nắn các hoạt động thường xuyên cho nông dân. 6. Hội thảo. 7. Biên soạn tài liệu về các kỹ thuật chăn nuôi. 8. Xây dựng báo cáo.
	Trần Thúc Sơn	
120	<p>Bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên đã giao cho hộ gia đình theo hướng bền vững thông qua xây dựng các mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng nhằm tạo sinh kế cho người dân tại xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu tổng quát: <p>Nhằm bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên đã giao cho các hộ gia đình trên địa bàn xã Cam Nghĩa theo hướng bền vững, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, chống xói mòn đất, bảo vệ nguồn nước thông qua xây dựng các mô hình trồng các loại lâm sản ngoài gỗ để phát triển KT_XH, góp phần xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững cho cộng đồng dân cư xã Cam Nghĩa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cụ thể: <p>Mục tiêu 1: Nâng cao nhận thức và hiểu biết cho cộng đồng, chính</p>

<p>Hội khoa học và Kỹ thuật huyện Cam Lộ</p> <p>Tổng kinh phí: 1.767.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.047.000.000</p>	<p>quyền và các bên liên quan của xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ về mối đe dọa của biến đổi khí hậu, cụ thể là hạn hán, ngập úng và thoái hóa bạc màu đất đối với sự phát triển bền vững của địa phương.</p> <p>Mục tiêu 2: Nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư về việc bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên theo hướng bền vững trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật để xây dựng các mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế, phù hợp với tập quán, kiến thức bản địa của người dân.</p> <p>Mục tiêu 3: Chuyển giao các quy trình, mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ (song mây, chè vằng...) đã được khẳng định, nhằm phát huy lợi thế của địa phương nhằm tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường trên diện tích đất rừng được giao. Cụ thể: (1) Mô hình trồng cây mây tằm dưới tán rừng tự nhiên: 20ha; (2) Mô hình trồng cây Chè Vằng: 10ha; (3) Khoanh nuôi, bảo vệ rừng tự nhiên: 98ha.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức và hiểu biết của cộng đồng, chính quyền và các bên liên quan của xã Cam Nghĩa về bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên theo hướng bền vững được nâng cao góp phần ứng phó với sự biến đổi khí hậu. - 04 mô hình/02 năm về trồng cây lâm sản ngoài gỗ được xây dựng và chuyển giao cho cộng đồng dân cư. - Phim VIDEO về các hoạt động của dự án. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, truyền thông nhằm mục tiêu nâng cao nhận thức và hiểu biết của chính quyền địa phương cấp cơ sở và cộng đồng về mối đe dọa của biến đổi khí hậu do chặt phá hệ sinh thái rừng đối với sự phát triển bền vững của địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - H1.1: Tổ chức khảo sát, điều tra thu thập thông tin vấn đề chặt phá rừng, săn bắt thú rừng trái phép. Điều kiện KT-XH vùng dự án. - H1.2: Thiết kế và in ấn tờ rơi giới thiệu về nội dung dự án. - H1.3: Biên soạn tài liệu và tổ chức 01 lớp tập huấn về tác động của BĐKH và các biện pháp thích ứng. - H1.4: Chủ trì phối hợp với các tổ chức đối tác xây dựng nội dung để tổ chức 02 cuộc họp các tổ chức quản chúng của xã
--	---

		<p>về lồng ghép vấn đề phát triển bền vững tài nguyên rừng và tạo sinh kế cho người dân; các biện pháp thích ứng, giải pháp phù hợp để xây dựng mô hình, chế biến, tiêu thụ các mặt hàng lâm sản ngoài gỗ tạo ra.</p> <p>2. Thử nghiệm và trình diễn các biện pháp kỹ thuật và các chiến lược về xây dựng 02 mô hình/năm (04 mô hình/02 năm) về trồng cây Song mây và cây Chè Vằng dưới tán rừng tự nhiên đã giao cho hộ gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - H2.1: Các hoạt động đào tạo xây dựng năng lực kỹ thuật cho chính quyền địa phương, các tổ chức cấp cơ sở và cộng đồng như lựa chọn cây trồng, kỹ thuật gieo ươm, kỹ thuật trồng, thu hái và chế biến, tiêu thụ sản phẩm. - H2.2: Biên soạn tài liệu và tổ chức các lớp tập huấn về KHCN trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng bền vững, tăng cường năng lực cộng đồng trong việc quản lý sử dụng tài nguyên đất, nước bền vững để cải thiện sinh kế, thích ứng với BĐKH. - H2.3: Tổ chức chuyên tham quan học kinh nghiệm và 01 hội thảo về kết quả nhân rộng các mô hình được tổ chức thành công. - H2.4: Thiết kế kênh phân phối hợp lý để giải quyết đầu ra cho sản phẩm của vùng dự án cũng như việc nhân rộng mô hình sau này. - H2.5: Xây dựng và biên tập phim VIDEO về các hoạt động của dự án để phổ biến chia sẻ kinh nghiệm.
	Nguyễn Ngọc Lung	
121	QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI VÙNG BIỂN VEN BỜ VÀ PHÁT TRIỂN SINH KẾ CHO CỘNG ĐỒNG TẠI XÃ NHƠN HẢI, THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Mục tiêu lâu dài:</i> Quản lý có hiệu quả hệ sinh thái rạn san hô; bảo tồn, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ tại xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn trên cơ sở quản lý cộng đồng; góp phần ổn định và phát triển sinh kế cho cộng đồng dân cư vùng ven biển. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Cũng cố và nâng cao năng lực cho Mô hình đồng quản lý, bảo vệ hệ sinh thái vùng biển ven bờ xã Nhơn Hải (hệ sinh thái rạn san hô, tôm hùm giống, rong mơ, các loài thủy sản sống trong rạn san hô)... Cũng cố và nhân rộng Nhóm cộng đồng bảo vệ rùa biển.

<p>Hiệp hội Thủy sản Bình Định</p> <p>Kinh phí: 2.000.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>+ Xây dựng mô hình sản xuất phù hợp phát triển sinh kế bền vững và thực hiện bình đẳng giới cho cộng đồng tại xã Nhơn Hải thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.</p> <p>+ Tổng kết mô hình, đánh giá kết quả, đúc kết và phổ biến các bài học kinh nghiệm.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>- Mô hình Đồng quản lý, bảo vệ hệ sinh thái vùng biển ven bờ xã Nhơn Hải được củng cố và nhân rộng từ Mô hình đồng quản lý nghề cá xã Nhơn Hải với hiệu quả cụ thể trong việc tăng cường quản lý, bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô và nguồn lợi thủy sản ven bờ (tôm hùm giống, rong mơ, các loài thủy sản sống trong rạn san hô).... Củng cố và nhân rộng Nhóm cộng đồng bảo vệ rùa biển để gia tăng số lượng trứng và rùa biển được bảo vệ.</p> <p>- Xây dựng được 2 loại mô hình sản xuất thủy sản hiệu quả theo hướng bền vững dựa vào cộng đồng tại vùng dự án.</p> <p>Quy mô của mô hình bè chà là 2 cái, mỗi mô hình gồm khoảng 50m² bè và hệ thống chà kèm theo, với 7 người tham gia sản xuất, có khả năng nhân rộng.</p> <p>Quy mô của tổ phụ nữ sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ các loài thủy sản gồm 5 người tham gia, có khả năng nhân rộng.</p> <p>- Tài liệu kỹ thuật của dự án được biên soạn và nghiệm thu.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p><i>1. Điều tra kinh tế xã hội, điều tra đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ ở Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.</i></p> <p><i>2. Xây dựng và triển khai chương trình nâng cao năng lực, nâng cao nhận thức cộng đồng (chính quyền và nhân dân trong vùng dự án) về tình trạng nguy cấp của suy giảm nguồn lợi tôm hùm giống, các nguồn lợi thủy sản rạn san hô, rùa biển, rong mơ và vai trò của rạn san hô, thảm cỏ biển với hệ sinh thái ven bờ và nguồn lợi thủy sản ven bờ.</i></p> <p>- Tổ chức tập huấn đào tạo giảng viên nông dân (TOT – Training of Trainers) và xây dựng hộ nông dân nòng cốt (Key farmer)</p> <p>- Tổ chức tập huấn cho cộng đồng (Chính quyền cơ sở và nhân dân).</p> <p>- Tập huấn kỹ thuật cho nông dân tham gia dự án. Trang bị cho người dân kiến thức về hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển;</p>
---	---

		<p>các nguồn lợi thủy sản sống trên rạn san hô (tôm hùm, cá rạn...), thảm cỏ biển; sinh trưởng phát triển của rong Mơ, tầm quan trọng của rong Mơ đối với hệ sinh thái biển; tình trạng nguy cấp của suy giảm nguồn lợi tôm hùm giống, rùa biển, rong mơ...; các quy định của Nhà nước về khai thác thủy sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Hội thảo giới thiệu và chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình đồng quản lý nguồn lợi thủy sản khác. - Tổ chức chương trình truyền thông cho cộng đồng bằng hình thức sân khấu hóa với nội dung tuyên truyền bảo vệ rùa biển, bảo vệ môi trường biển và bảo vệ rạn san hô. - Tổ chức đợt giao lưu, học tập kinh nghiệm tại các địa phương có mô hình quản lý hệ sinh thái biển dựa vào cộng đồng. <p><i>3. Cũng cố và xây dựng Mô hình đồng quản lý, bảo vệ hệ sinh thái vùng biển ven bờ xã Nhơn Hải.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Quy ước cộng đồng về quản lý, bảo vệ hệ sinh thái ven bờ; nguồn lợi tôm hùm, cá rạn, rong Mơ vùng ven biển Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn thông qua quá trình dự thảo, hội thảo, lấy ý kiến cộng đồng. - Thành lập các nhóm cộng đồng bảo vệ hệ sinh thái vùng ven biển và Ban điều hành nhóm cộng đồng. - Xây dựng kế hoạch, quy chế hoạt động nhóm cộng đồng. Ban điều hành theo dõi, giám sát việc thực hiện quy ước cộng đồng - Các bên liên quan tổ chức kiểm tra đánh giá. <p><i>4. Cũng cố và nhân rộng Nhóm cộng đồng bảo vệ rùa biển.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật cứu hộ rùa biển và bảo vệ bãi đẻ của rùa biển cho ngư dân tham gia dự án. Trang bị về kiến thức sinh học của rùa biển, kỹ năng quan sát, theo dõi và bảo vệ bãi đẻ của rùa biển. - Thành lập nhóm cộng đồng bảo vệ rùa biển, giám sát và bảo vệ bãi đẻ của rùa biển và Ban điều hành nhóm cộng đồng bảo vệ rùa biển. - Xây dựng kế hoạch, quy chế hoạt động của nhóm cộng đồng. Ban điều hành theo dõi, giám sát hoạt động của Nhóm cộng đồng. - Các bên liên quan tổ chức kiểm tra đánh giá. <p><i>5. Xây dựng các mô hình sản xuất thủy sản phù hợp nhằm nhân rộng để giải quyết việc làm giảm áp lực khai thác.</i></p>
--	--	--

		<p>- Mô hình khai thác chà bè (2 bè chà, mỗi mô hình gồm khoảng 50m² bè và hệ thống chà kèm theo, với 7 người tham gia sản xuất)</p> <p>- Mô hình tổ sản xuất thủ công mỹ nghệ (gồm 5 người tham gia)</p> <p><i>6. Phân tích đánh giá, hiệu quả đối với công tác quản lý, bảo vệ hệ sinh thái, nguồn lợi ven bờ và việc cải thiện sinh kế cộng đồng của dự án.</i></p> <p>- Xác định được mức độ nguồn lợi tôm hùm giống được bảo vệ và phát triển, hiệu quả kinh tế - xã hội từ công tác bảo vệ và khai thác hợp lý nguồn lợi tôm hùm giống.</p> <p>- Xác định được mức độ đảm bảo tái tạo phát triển nguồn rong Mơ, hiệu quả kinh tế - xã hội từ khai thác đúng thời gian, kỹ thuật phù hợp từ các hộ nông dân tham gia dự án.</p> <p>- Xác định số lượng rùa biển sinh sản tại vùng biển Nhơn Hải, hiệu quả của việc bảo vệ bãi đẻ, không còn hiện tượng phá hoại bãi đẻ của cộng đồng ngư dân Nhơn Hải.</p> <p>- Đánh giá hiệu quả kinh tế- xã hội của các mô hình sản xuất tạo sinh kế của dự án thực hiện và đánh giá khả năng phát triển nhân rộng.</p> <p>- Đánh giá thông qua kết quả điều tra, phân tích (PRA) các chỉ tiêu nguồn lợi thủy sản, hiệu quả tác động đối với cộng đồng trước và sau khi thực hiện dự án.</p>
	Nguyễn Chu Hồi	
122	<p>Xây dựng lối sống xanh trong đối tượng sinh viên trên địa bàn thành phố Nha Trang</p> <p>Hội bảo vệ thiên nhiên môi trường Khánh Hòa</p> <p>GEF SGP 510.000.000</p>	<p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tuyên truyền cho mọi người nhất là đối tượng sinh viên về tầm quan trọng của việc hạn chế rác thải và bảo vệ môi trường đồng thời kêu gọi hạn chế rác thải vì một môi trường xanh sạch đẹp. Tạo một nơi sinh hoạt và học tập thân thiện với môi trường và sức khỏe cho các sinh viên sống tại các ký túc xá nơi có lượng rác thải khá lớn. Tạo một tiền đề để nhân rộng mô hình trên phạm vi lớn hơn nhằm tạo một lối sống văn minh, thân thiện với môi trường cho đối tượng học sinh, sinh viên.

		<p>- Các hoạt động chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chương trình ký túc xá xanh: vận động các bạn sinh viên trong ký túc xá và khu trọ ký cam kết tiết kiệm điện, nước, hạn chế sử dụng túi nilon, trồng các loại cây thân mềm, dây leo tạo khuôn viên, cảnh quang xanh cho ký túc xá, thay các hộp xốp và thìa nhựa tại các căng tin ký túc bằng hộp nhựa có chất lượng, tổ chức các buổi gặp mặt, truyền thông cho các bạn sinh viên về các kiến thức môi trường, lắp đặt các thùng rác phân loại,... Cuộc thi màu xanh sinh viên: tạo sân chơi cho các bạn sinh viên tham gia dự án giao lưu, học hỏi, tạo điểm nhấn về truyền thông, hiệu ứng lan tỏa
	Hồ Ngọc Hải	
123	<p>Đánh giá nhu cầu tăng cường năng lực của cộng đồng để thực hiện sáng kiến Giảm phát thải thông qua nỗ lực hùn chắt mọt rừng và suy thoái rừng (REDD+) và 6 tỉnh thí điểm Chương trình UN-REDD Việt Nam Giai đoạn 2</p> <p>Hội Khoa học và Kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam (VIFA)</p> <p>Kinh phí : 60.000 USD</p> <p>GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>a) Mục tiêu dự án: Tìm ra khoảng trống giữa năng lực hiện có và năng lực cần có của cộng đồng địa phương để chuẩn bị triển khai REDD+, từ đó đề xuất các hoạt động cần tiến hành nhằm hỗ trợ quá trình lập kế hoạch tăng cường năng lực cho cộng đồng 6 tỉnh thí điểm của Chương trình UN-REDD Việt Nam Giai đoạn 2.</p> <p>b) Kết quả và hoạt động của dự án</p> <p>Kết quả 1: Một báo cáo về yêu cầu năng lực cơ bản cần có của cộng đồng địa phương để triển khai REDD+ được xây dựng</p> <p>Hoạt động 1.1: Nghiên cứu các tài liệu hiện có liên quan đến quyền của cộng đồng và các hoạt động cộng đồng địa phương có thể tham gia để triển khai REDD+</p> <p>Hoạt động 1.2: Nghiên cứu các tài liệu hiện có của Công ước UNFCCC và các tài liệu liên quan đến yêu cầu năng lực của cộng đồng địa phương để thực hiện các hoạt động triển khai REDD+</p> <p>Hoạt động 1.3: Xây dựng báo cáo về yêu cầu năng lực cơ bản cần có của cộng đồng địa phương để triển khai REDD+.</p> <p>Kết quả 2: Một báo cáo đánh giá nhu cầu tăng cường năng lực của cộng đồng địa phương để triển khai REDD+ được xây dựng</p> <p>Hoạt động 2.1: Xác định các bên tham gia điều tra khảo sát, phỏng vấn, bao gồm cả việc xây dựng tiêu chí phân loại các bên tham gia và thiết kế câu hỏi điều tra phỏng vấn</p> <p>Hoạt động 2.2: Tiến hành điều tra phỏng vấn và thu thập thông tin</p> <p>Hoạt động 2.3: Phân tích, xử lý thông tin</p>

		<p><i>Hoạt động 2.4:</i> Xây dựng báo cáo đánh giá nhu cầu tăng cường năng lực của cộng đồng</p> <p>Kết quả 3: Một báo cáo đề xuất các nội dung tăng cường năng lực cần triển khai REDD+ ở cấp cộng đồng được xây dựng</p> <p><i>Hoạt động 3.1:</i> Phân loại các nhóm đối tượng cần tăng cường năng lực</p> <p><i>Hoạt động 3.2:</i> Đề xuất các hoạt động tăng cường năng lực phù hợp với từng đối tượng</p> <p><i>Hoạt động 3.3:</i> Đề xuất các loại tài liệu đào tạo, tập huấn cho các nhóm đối tượng</p> <p><i>Hoạt động 3.4:</i> Xây dựng báo cáo đề xuất các nội dung tăng cường năng lực</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
124	<p>XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRÌNH DIỄN SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG THAY THẾ GẠCH NUNG TRUYỀN THỐNG TẠI HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH</p> <p>Hội Xây dựng Bình Định</p> <p><i>Kinh phí:</i> 1.700.000.000 GEF/SGP : 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>- <i>Mục tiêu tổng quát:</i></p> <p>Thông qua việc xây dựng mô hình trình diễn sản xuất gạch không nung nhằm từng bước thay thế hoạt động sản xuất gạch nung làm giảm phát thải khí nhà kính và các khí khác gây ô nhiễm môi trường xung quanh.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <p>+ Xây dựng 02 mô hình trình diễn sản xuất gạch không nung thí điểm phù hợp với điều kiện huyện Tây Sơn. Không sử dụng nhiên liệu đốt và đất sét mà sử dụng các nguồn nguyên liệu phổ biến của địa phương: đất đồi, cát, mặt đá hoa cương, xi măng, ...</p> <p>+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu, nguyên nhân của biến đổi khí hậu và khuyến khích người dân sử dụng gạch không nung thân thiện môi trường thay cho gạch đất sét nung thủ công.</p> <p>b. Hoạt động dự kiến</p> <p>- Kết quả 1. Định hình nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất gạch không nung ở địa phương, định hình cho công nghệ sản xuất phù hợp.</p> <p>+ <i>Hoạt động 1.1.</i> Khảo sát nguồn cung cấp nguyên vật liệu phù hợp cho sản xuất gạch không nung ở địa phương huyện Tây Sơn (khối lượng nguồn, giá thành trung bình, phương thức chuyên chở)</p> <p>+ <i>Hoạt động 1.2.</i> Đánh giá thị trường vật liệu xây dựng, xác</p>

		<p>minh loại hình sản phẩm có khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường.</p> <p>+ <i>Hoạt động 1.3.</i> Khảo sát các nhà cung cấp trang thiết bị, công nghệ, định hình dây chuyền công nghệ phù hợp.</p> <p>+ <i>Hoạt động 1.4.</i> Viết báo cáo tổng hợp về nguyên vật liệu và công nghệ sản xuất gạch không nung phù hợp, đưa ra phương án cụ thể.</p> <p>- Kết quả 2. Cơ sở thực hiện mô hình trình diễn được lựa chọn, các văn bản thỏa thuận phù hợp được ký kết cho việc thực hiện xây dựng mô hình trình diễn.</p> <p>+ <i>Hoạt động 2.1.</i> Thiết lập các tiêu chí lựa chọn cơ sở cho việc thực hiện mô hình trình diễn cùng những khả năng hỗ trợ có thể.</p> <p>+ <i>Hoạt động 2.2.</i> Công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng về việc lựa chọn cơ sở thực hiện mô hình trình diễn và các tiêu chí lựa chọn nhằm thu hút các doanh nghiệp đăng ký thực hiện một cách bình đẳng.</p> <p>+ <i>Hoạt động 2.3.</i> Lựa chọn cơ sở thực hiện mô hình trình diễn sau khi đánh giá theo các tiêu chí đã được thiết lập (1 – 2 doanh nghiệp).</p> <p>+ <i>Hoạt động 2.4.</i> thỏa thuận với doanh nghiệp về các vấn đề thực hiện mô hình trình diễn, ký kết thỏa thuận hợp tác để thực hiện mô hình trình diễn.</p> <p>+ <i>Hoạt động 2.5.</i> Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc lựa chọn nhà thầu cung cấp trang thiết bị cho việc thực hiện mô hình trình diễn và ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ.</p> <p>+ <i>Hoạt động 2.6.</i> Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc giám sát lắp đặt trang thiết bị cho dây chuyền sản xuất gạch không nung.</p> <p>- Kết quả 3. Mô hình trình diễn sản xuất gạch không nung được vận hành hiệu quả cho ra sản phẩm đạt chất lượng tốt.</p> <p>+ <i>Hoạt động 3.1.</i> Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc nghiên cứu tỉ lệ phối trộn hợp lý nguyên vật liệu nhằm sản xuất sản phẩm có chất lượng và giá thành đạt tiêu chuẩn Việt Nam có giá thành phù hợp trên thị trường.</p> <p>+ <i>Hoạt động 3.2.</i> Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thử nghiệm chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn phù hợp với loại gạch không nung được sản xuất.</p> <p>+ <i>Hoạt động 3.3.</i> Sản xuất sản phẩm gạch không nung và đưa ra thị trường vật liệu xây dựng.</p>
--	--	---

		<p>+ <i>Hoạt động 3.4.</i> Đánh giá mô hình trình diễn về các phương diện kinh tế, kỹ thuật và giảm thiểu ô nhiễm môi trường so với việc sản xuất gạch đất sét nung truyền thống.</p> <p>- Kết quả 4. Sản phẩm gạch không nung được hỗ trợ về mặt truyền thông giúp thay đổi nhận thức người tiêu dùng, các lớp tập huấn về biến đổi khí hậu, ưu nhược điểm của vật liệu xây không nung và chủ trương của nhà nước được thực hiện.</p> <p>+ <i>Hoạt động 4.1.</i> Tổ chức 01 hội thảo giới thiệu sản phẩm theo đại diện chính quyền địa phương và các nhà phân phối vật liệu xây dựng được mời nhằm giới thiệu sản phẩm mới.</p> <p>+ <i>Hoạt động 4.2.</i> Tổ chức 01 lớp đào tạo nâng cao nhận thức của người dân và các cơ sở sản xuất gạch trên địa bàn Huyện về vấn đề biến đổi khí hậu và giảm ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng. Giới thiệu mô hình sản xuất mới.</p> <p>+ <i>Hoạt động 4.3.</i> Tổ chức 01 buổi tọa đàm về nguyên nhân, các tác động của biến đổi khí hậu và các giải pháp giảm thiểu ứng phó của Việt Nam nói chung và Bình Định nói riêng.</p> <p>+ <i>Hoạt động 4.4.</i> thực hiện 01 chương trình phóng sự trên truyền hình về đề tài sản xuất vật liệu xây không nung so sánh với gạch đất sét nung trên đài truyền hình tỉnh Bình Định.</p> <p>- Kết quả 5. Dự án được tổng kết thành công</p> <p>Tổ chức hội thảo tổng kết dự án, đúc kết những kinh nghiệm thực tiễn khi triển khai dự án chuyển đổi từ gạch đất sét nung sang sản xuất gạch không nung trên địa bàn huyện Tây Sơn, cũng như các huyện khác tại Bình Định.</p>
	Nguyễn Trọng Hiệu	
125	Chuyển giao kỹ thuật thâm canh lúa thích ứng ứng ngập và nhiễm mặn để nâng cao năng lực của cộng đồng nhằm duy trì sản xuất lúa hiệu quả ở các huyện vùng ven đê đông (huyện Tuy Phước, huyện Phù Cát) tỉnh Bình Định để hạn chế tình trạng	<p><u>Mục tiêu của dự án:</u></p> <p>- <i>Mục tiêu chung:</i></p> <p>Chuyển giao kỹ thuật sản xuất lúa thâm canh thích ứng với ứng ngập và xâm nhập mặn cho cộng đồng vùng trũng thấp ven đê đông nhằm nâng cao năng lực sản xuất lúa trong điều kiện mưa lũ bất thường, triều cường, xâm nhập mặn gia tăng do tác động biến đổi khí hậu để duy trì vùng sản xuất lúa hiệu quả, hạn chế bỏ hoang hóa, thoái hóa đất, duy trì sinh kế cho người dân vùng trũng ven đê đông thuộc hai huyện Phù Cát và Tuy Phước, tỉnh Bình Định.</p>

<p>hoang hóa đất trồng lúa trong điều kiện nhiễm mặn gia tăng do nước biển xâm nhập sâu do tác động của Biến đổi khí hậu.</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Định.</p> <p>Tổng kinh phí: 1.700.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000</p>	<p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <p><u>Mục tiêu 1:</u> Chuyển giao kỹ thuật thông qua tổ chức các lớp tập huấn ToT (Training of Trainer), các lớp tập huấn FFS gắn với các mô hình trình diễn kỹ thuật thâm canh lúa thích ứng ngập úng và nhiễm mặn để nâng cao năng lực cho cộng đồng vùng bị tác động bởi mưa lũ, triều cường, nước biển dâng do tác động BĐKH ở vùng ven đê đông thuộc 2 huyện: Tuy Phước (Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thắng và Phước Thuận) và Phù Cát (xã Cát Tiến, Cát Chánh).</p> <p><u>Mục tiêu 2:</u> Tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực của chính quyền và người dân địa phương về biến đổi khí hậu gắn với phát triển bền vững của địa phương nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng thông qua các giải pháp truyền thông, lồng ghép với các hoạt động của các hội đoàn thể địa phương.</p> <p><u>Nội dung thực hiện:</u></p> <p><i>1. Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật thâm canh lúa thích ứng ngập úng và nhiễm mặn, tập huấn kỹ thuật chọn giống lúa gắn với cộng đồng (PVS) gắn với các mô hình trình diễn theo phương thức cầm tay chỉ việc.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo 2 lớp ToT về kỹ thuật sản xuất lúa thâm canh, thích ứng ngập úng và nhiễm mặn cho 30 cán bộ cơ sở, gồm: cán bộ khuyến nông cơ sở, trưởng thôn của các thôn thuộc vùng mở rộng dự án. - Đào tạo 6 lớp tập huấn cho nông dân về kỹ thuật thâm canh lúa thích ứng ngập úng và nhiễm mặn cho 180 lượt nông dân của các xã thuộc vùng mở rộng dự án. - Đào tạo 2 lớp FFS (1 cho huyện Tuy Phước và 1 cho huyện Phù Cát) về kỹ thuật sản xuất giống lúa, và chọn giống lúa thích ứng BĐKH dựa vào cộng đồng (PVS) cho vùng mở rộng dự án. <p><i>2. Xây dựng các mô hình sản xuất lúa thâm canh và PVS gắn với các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 6 mô hình trình diễn thâm canh lúa thích ứng ngập úng và phèn mặn gắn với 6 lớp tập huấn nông dân. Quy mô 1 ha/thôn/lớp tập huấn; sản xuất 2 vụ/năm (vụ đông xuân và vụ thu). Triển khai trong 2 năm - 2 mô hình chọn giống lúa PVS gắn với 2 lớp FFS về sản xuất và chọn giống lúa thích ứng BĐKH dựa vào cộng đồng (PVS) cho vùng mở rộng dự án.
---	--

		<p>Quy mô 1.000 m² /mô hình, thực hiện 4 vụ liên tiếp/2 năm cho các xã mở rộng của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 10 mô hình trình diễn kỹ thuật thâm canh lúa thích ứng ngập úng và nhiễm mặn gắn với các lớp đào tạo tập huấn cho 200 nông dân chủ chốt. <p><i>3. Tổ chức Hội thảo đầu bờ gắn với các mô hình trình diễn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 12 Hội thảo đầu bờ để chuyển giao kỹ thuật thâm canh lúa thích ứng BĐKH cho 600 lượt nông dân vùng lân cận (6 hội thảo/vụ) - Tổ chức 4 Hội thảo tại điểm trình diễn PVS (2 Hội thảo/vụ). <p><i>4. Xây dựng và thực hiện các hoạt động truyền thông:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Truyền thông trên Đài PTTH Bình Định - Phối hợp Hội phụ nữ huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát tổ chức 3 – 4 hoạt động truyền thông về Biến đổi khí hậu cho chị em phụ nữ - Tổ chức 2 buổi tọa đàm về Biến đổi khí hậu và các giải pháp thích ứng để ổn định sản xuất và đời sống <p><i>5. Tổng kết – tài liệu hóa :</i></p> <p>Theo dõi, đúc kết và phổ biến bài học kinh nghiệm của dự án để phổ biến cho những vùng có điều kiện tương tự.</p> <p>3. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin và tài liệu tập huấn, tuyên truyền về tác động của BĐKH và quy trình kỹ thuật sản xuất lúa thâm canh thích ứng ngập úng, nhiễm mặn được phổ biến; - Có lớp 2 lớp tập huấn ToT, 6 lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất lúa thâm canh thích ứng ngập úng và phèn mặn, 2 lớp tập huấn sản xuất và chọn giống PVS, 12 hội thảo đầu bờ được tổ chức cho nông dân và cán bộ cơ sở vùng dự án tham dự. - Mô hình trình diễn sản xuất lúa thâm canh thích ứng ngập úng và xâm nhập mặn được triển khai với tổng diện tích 10 ha /năm. - Dự kiến có 600 hộ nông dân và cán bộ cơ sở vùng ven đê đông được chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất lúa thâm canh thích ứng ngập úng và xâm nhập mặn, giúp ổn định sản xuất trên diện tích 300 ha, đảm bảo năng suất và tăng thu nhập so với trước dự án từ 10 – 20%. - Có 250 hộ nông dân và cán bộ cơ sở được tập huấn, đào tạo nắm bắt kỹ thuật sản xuất lúa thâm canh thích ứng ngập úng và xâm
--	--	--

		nhập mặn, kỹ thuật PVS để làm “hạt nhân” chuyển giao kỹ thuật sản xuất lúa thích ứng cho cộng đồng theo phương thức “Từ nông dân đến nông dân”
	Trần Thúc Sơn	
126	<p>Ứng dụng giải pháp kỹ thuật để xây dựng mô hình trình diễn sản xuất tổng hợp rút kinh nghiệm phát triển ra cộng đồng góp phần giảm thiểu rủi ro và tăng khả năng thích ứng trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích góp phần ngăn ngừa suy thoái đất để giải quyết những vấn đề môi trường ở địa phương, nâng cao thu nhập cho người dân nghèo vùng núi huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật huyện Cẩm Xuyên tỉnh Hà Tĩnh</p> <p>Kinh phí: 1.451.580.000 GEF SGP: 946.580.000</p>	<p>Mục tiêu dự án</p> <p>a. <i>Mục tiêu chung:</i> Thông qua ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về cây trồng vật nuôi để xây dựng mô hình trình diễn trên đơn vị đất sản xuất; theo dõi, đúc kết và phổ biến bài học kinh nghiệm của mô hình nhằm nhân rộng mô hình trên địa bàn toàn huyện; góp phần sử dụng đất có hiệu quả bền vững nâng cao thu nhập giải quyết việc làm góp phần xóa đói giảm nghèo tại các xã miền núi hạn chế nạn phá rừng, bảo vệ môi trường thiên nhiên giảm thiểu tổn thương và tăng cường khả năng thích ứng với điều kiện sản xuất vùng núi.</p> <p>b. <i>Mục tiêu cụ thể:</i> Trên diện tích 9 ha của chủ hộ</p> <p>Nâng cao được nhận thức và năng lực thích ứng của cộng đồng dân cư về biến đổi khí hậu, tác hại của nó tới mọi hoạt động kinh tế xã hội và môi trường sống tại địa phương miền núi. Đồng thời xây dựng mô hình trình diễn trên diện tích 9 ha của chủ hộ với các nội dung: Chuyển các cây hiện có hiệu quả thấp sang trồng cây có giá trị kinh tế cao; xây dựng hệ thống ương nuôi thủy sản cung cấp cho nhu cầu trên địa bàn và nuôi thương phẩm các thủy đặc sản; chăn nuôi gà thả vườn</p> <p>Kết quả dự kiến:</p> <p>a. <i>Kết quả triển khai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng cây lâm nghiệp: Trồng mới cây Huỷnh đàn trên diện tích 2 ha, trồng tria dậm 3 ha với 1000 cây. - Năm ao ương cá giống với diện tích 3000 m², Nuôi thương phẩm các loài thủy đặc sản 3,7 ha; - Nuôi gà thả vườn: quy mô 1000 con; <p>b. <i>Hiệu quả kinh tế của dự án trong một năm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng thu: Nuôi gà thả vườn đạt 700con X 2 lứa X 1.4 kg/con X 120.000đ/kg = + Bán cá giống: 3000m² X 40con/m² / 120con/kg X 50.000đ/kg x3 đợt = + Thu từ bán cá thương phẩm 3,7ha x 5tấn/ha x 40triệu

		<p>đồng/tấn =</p> <p>+ Thu từ trồng cây huỳnh đàn 800 cây x 10 triệu đồng cây/20năm =</p> <p>Tổng doanh thu một năm:</p> <p>- Tổng chi:</p> <p>+ Nuôi gà thả vườn: 700con X 2lúa X1.4 kg/con X 69.000đ/kg=</p> <p>+ Ương nuôi cá giống: 1000kg x 25.000đg/kg x 3 đợt =</p> <p>+ Chi phí trồng cây 1000 cây x 30.000đ/cây x 25 triệu/20năm =</p> <p>+ Chi phí nuôi cá thương phẩm 3,7ha x 5tấn x 30triệu/ tấn =</p> <p>+ khấu hao:</p> <p>Tổng chi:</p> <p>Lợi nhuận: 1525,2 triệu – 1115,24 triệu = 409,96 triệu đồng</p> <p><i>Hoạt động dự kiến</i></p> <p>Cách tiếp cận của dự án nhằm tăng cường khả năng thích ứng của địa phương là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chú trọng nâng cao hiểu biết và nhận thức của chính quyền và cộng đồng về bảo vệ môi trường trong chuyển đổi cây trồng vật nuôi, tăng cường hiệu quả bảo vệ đất bền vững để sản xuất lâu dài do tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) và các giải pháp thích ứng để sản xuất có hiệu quả. - Thử nghiệm các mô hình sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên có khả năng nhân rộng tại địa phương nhằm tăng cường khả năng thích ứng của hệ sinh thái và cộng đồng do tác động của BĐKH toàn cầu. Trong xây dựng các mô hình, chú trọng những vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng năng lực kỹ thuật cho cộng đồng trong chuyển đổi sản xuất nông nghiệp nhằm tăng cường khả năng thích ứng của hệ sinh thái và cộng đồng với tình hình sử dụng đất tại địa phương. + Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi với biện pháp canh tác hợp lý nhằm thích ứng tốt hơn với tiềm năng đất đai, mặt nước hiện có, chú trọng công tác bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên vùng rừng núi của địa phương, tri thức truyền thống của
--	--	---

	<p>cộng đồng trong sử dụng tài nguyên và áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác sử dụng đất bền vững. Các mô hình chuyển đổi có tính đến tác động trước mắt và lâu dài của BĐKH đến sản xuất nông nghiệp và tài nguyên đất và nước của địa phương. Các mô hình mang tính đột phá, thử nghiệm nhằm đúc rút các bài học kinh nghiệm và khuyến nghị cho địa phương những mô hình phù hợp. Kết quả của các mô hình nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng đất, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân và đảm bảo chương trình an ninh lương thực thực phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình sử dụng tài nguyên đất, mặt nước hợp lý nhằm bảo tồn và phát triển phù hợp địa hình: vùng cao giáp chân núi gần hồ chứa nước. + <i>Cơ sở lựa chọn</i>: Tại xã Cẩm Sơn có diện tích trang trại của chủ hộ đã được giao 9 ha đất ổn định lâu dài và đã từng thực hiện các mô hình nuôi cá chình, nuôi tổng hợp, nuôi ba ba thương phẩm và đã được học tập về kinh nghiệm nuôi thủy sản và trồng rừng ; kinh tế hộ chủ yếu dựa vào vườn gia đình, rừng và có ít đất ruộng. + <i>Giải pháp</i>: Dựa trên kết quả của công tác điều tra khảo sát về kế hoạch phát triển mô hình , đáp ứng các tiêu chí sau: (1) ngăn ngừa sự thoái hoá đất trong vườn gia đình; (2) định hướng cho việc triển khai các mô hình canh tác trang trại phù hợp với địa phương và mở rộng diện tích của mô hình phát triển có hiệu quả kinh tế cao và lợi thế so sánh của địa phương; (3) sử dụng có hiệu quả những diện tích đất chưa được sử dụng hiệu quả; (4) ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và tăng cường sử dụng các biện pháp canh tác truyền thống bền vững trong nhân giống và chọn giống, quản lý dịch bệnh tổng hợp, chế độ luân canh/xen canh hợp lý; (5) cơ cấu sử dụng đất phù hợp hệ sinh thái và đa dạng sinh vật. - Tổ chức hội thảo góp ý về bản kế hoạch phát triển. - Căn cứ vào bản kế hoạch để xác định địa điểm cụ thể và xây dựng nội dung và dự toán để triển khai các mô hình trình diễn trang trại. - Kết quả mong đợi: chuyển đổi và sử dụng tài nguyên sinh vật hợp lý nhằm bảo tồn và phát triển trang trại phù hợp địa hình: vùng cao giáp chân núi, trong đó cấu trúc và thành phần cây trồng đảm bảo tính sinh học, văn hoá xã hội và hiệu quả. Năng lực quản lý của nông hộ được tăng cường, trang trại được quản lý và phát
--	---

		<p>triển, góp phần ổn định sinh kế cho cộng đồng học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp trên đất ven hồ chứa nước <p><i>Cơ sở lựa chọn:</i> Trên cơ sở nguyện vọng của dân, xác định cơ cấu giống, cây trồng và kỹ thuật canh tác phù hợp cho đất ven hồ chứa.</p> <p>Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng dân cư tại xã Cẩm Sơn và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và sinh kế của cộng đồng người nghèo thông qua tổ chức các hoạt động tuyên truyền và lồng ghép vào tất cả các nội dung xây dựng mô hình của dự án.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
127	<p>Dự án Bảo tồn và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn kết hợp phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại khu phục hồi sinh thái Cồn Chim – Đầm Thị Nại</p> <p>HIỆP HỘI THỦY SẢN TỈNH BÌNH ĐỊNH</p> <p>GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình du lịch sinh thái tại Khu phục hồi và phát triển khu phục hồi sinh thái Cồn Chim – đầm Thị Nại gắn kết với các hoạt động phục hồi sinh thái, nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ các hệ sinh thái nhạy cảm của vùng đất ngập nước, bảo vệ đa dạng sinh học góp phần tạo khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. - Xây dựng Khu phục hồi sinh thái Cồn Chim-đầm Thị Nại thành địa chỉ học tập, nghiên cứu, thăm quan khám phá thiên nhiên, giao lưu văn hóa. - Khai thác có hiệu quả cảnh quan, nguồn lợi theo hướng bền vững và thân thiện với môi trường. - Tạo nhiều sinh kế mới cho cộng đồng dân cư từ đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân ven đầm, tạo sự gắn bó lâu dài và bền vững giữa quyền lợi và trách nhiệm của nhân dân trong vùng, giảm áp lực từ dân cư trong bảo vệ tài nguyên đất ngập nước. - Tạo cơ sở xây dựng mô hình mẫu về quản lý đất ngập nước gắn kết với sử dụng khôn khéo trên cơ sở đó triển khai nhân rộng cho cộng đồng ở các khu vực lân cận. - Phục hồi nguồn lợi thủy sản góp phần phát triển nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản bền vững, cải thiện sinh kế cho người dân. <p>b. Kết quả dự kiến: Khi dự án được triển khai sẽ mang lại một số kết quả dự kiến sau:</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được mô hình mẫu du lịch sinh thái cộng đồng mà người dân là chủ thể tham gia và hưởng lợi từ hoạt động du lịch góp phần cải thiện sinh kế, tăng thu nhập. - Các hệ sinh thái, đa dạng sinh học được tăng cường bảo vệ và phục hồi. - Khu phục hồi sinh thái Cồn Chim – đầm Thị Nại được nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh biết đến như là nơi nghiên cứu, học tập, tham quan khám phá thiên nhiên, giao lưu văn hóa. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng trung tâm thông tin truyền thông về các hệ sinh thái, đa dạng sinh học khu vực đầm Thị Nại là nơi trưng bày các mẫu vật, tiêu bản của động, thực vật, các loại ngư lưới cụ truyền thống... - Đầu tư các dịch vụ phát triển du lịch sinh thái: chòi nghỉ sinh thái dưới tán rừng, chòi quan sát sát chim, ao câu cá, nhà hàng sinh thái, chèo thuyền chở khách tham quan, một ngày làm ngư dân... - Mở các lớp đào tạo cho cộng đồng dân cư kỹ năng, phương thức tham gia các hoạt động du lịch sinh thái cộng đồng. - Thực hiện các mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững để triển khai nhân rộng cho cộng đồng dân cư áp dụng. - Tuyên truyền cho người dân nhận thức về du lịch sinh thái cộng đồng, từ đó tạo điều kiện cho người dân nhiệt tình tham gia và hưởng lợi. - Quảng bá, kêu gọi đầu tư phát triển du lịch sinh thái bằng các hình thức website, ấn phẩm quảng bá, tư vấn trực tiếp...
	Nguyễn Chu Hồi	
128	Xây dựng các mô hình canh tác chống xói mòn và thoái hóa đất lưu vực sông Chu dưới tác động của biến đổi khí hậu	<p>Mục tiêu:</p> <p>1) Xác định các mô hình canh tác, bao gồm cây trồng, thời vụ, cơ cấu luân canh, xen canh, kỹ thuật làm đất chăm sóc, thu hoạch có hiệu quả kinh tế cao góp phần cải tạo và bảo vệ các vùng đất bị xói mòn và thoái hóa, nâng cao đời sống và KT của cộng đồng trên lưu vực sông Chu trong những năm tới và trong bối cảnh BĐKH</p>

	<p>Nguyễn Duy Phương Trung tâm phát triển Nông lâm nghiệp và Nông thôn</p> <p>Tổng kinh phí : 60.000.USD GEF/SGP 50.000 USD</p>	<p>2) Nâng cao nhận thức, chuyển giao cho cộng đồng và các cơ quan có liên quan các mô hình canh tác tiên tiến có khả năng chống xói mòn và thoái hóa đất, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững trên lưu vực sông Chu trong tương lai .</p> <p>Kết quả dự kiến :</p> <p>1) Báo cáo minh chứng về mức độ xói mòn và thoái hóa đất trên lưu vực sông Chu và tác động của xói mòn và thoái hóa đến sinh kế cộng đồng địa phương cũng như tác động ngoại lai do xói mòn đối với hạ lưu.</p> <p>2) Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp và tính hiệu quả về kinh tế , cải tạo bảo vệ đất của các mô hình sử dụng đất/ canh tác đang áp dụng trên lưu vực ; Chỉ rõ các ưu việt và hạn chế của các loại mô hình này , đồng thời đề xuất các mô hình canh tác cải tiến để giảm thiểu xói mòn, thoái hóa và đáp ứng thiết thực cho sinh kế người dân làm luận cứ khoa học cho các hoạt động tiếp theo của DA</p> <p>3) Các mô hình canh tác bảo vệ chống xói mòn bao gồm i) Mô hình ứng dụng NN như xen canh, luân canh, kỹ thuật làm đất tối thiểu, điều chỉnh thời vụ đảm bảo có hiệu quả KT cao cho người dân; ii) Các mô hình nông lâm kết hợp (cây ăn quả, cây lương thực, cây lâm nghiệp; iii) Mô hình lâm nghiệp phòng hộ đầu nguồn...</p> <p>4) Các hội thảo để trao đổi kinh nghiệm, tập huấn chuyển giao TBKT, nâng cao nhận thức cho cộng đồng và các cơ quan có liên quan về kỹ thuật bảo vệ đất, chống xói mòn và thoái hóa đất trên lưu vực sông Chu trong bối cảnh biến đổi khí hậu.</p> <p>Các hoạt động dự kiến</p> <p>1) Điều tra, khảo sát xác định các luận cứ khoa học và đánh giá mức độ xói mòn và thoái hóa đất trên lưu vực sông Chu</p> <p>2) Xác định các mô hình phù hợp của các mô hình canh tác đang áp dụng với sự dao động khí hậu hàng năm trên lưu vực</p> <p>3) Xác định các mô hình canh tác có hiệu quả KT, cải tạo và bảo vệ vùng đất bị xói mòn và thoái hóa tại vùng đầu nguồn, trung lưu và hạ lưu</p> <p>4) Tổ chức các hội thảo để nâng cao nhận thức, chuyển giao cho cộng đồng về các mô hình canh tác có khả năng chống xói mòn và thoái hóa đất trên lưu vực sông Chu trong bối cảnh biến đổi khí hậu.</p>
	Trần Thúc Sơn	
129	Đa dạng hóa sinh kế để phát triển thích ứng với	<p>Mục tiêu :</p> <p>Người dân 2 xã Dự án, đặc biệt nhóm đối tượng dễ bị tổn thương</p>

	<p>biến đổi khí hậu cho người dân ở huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị</p> <p>Vũ Thị Bích Hợp – Trung tâm phát triển nông thôn bền vững (SRD)</p> <p>Tổng kinh phí : 1.076.900.000 đ GEF/SGP 1.052.900.000đ</p>	<p>được hỗ trợ tăng cường năng lực trong phát triển sinh kế theo hướng đa dạng hóa để thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu</p> <p>Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân 2 xã nhận thức tốt hơn và điều chỉnh sinh kế hiện tại theo hướng đa dạng và thích ứng, giảm thiểu rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương - Một số mô hình sinh kế thích ứng giúp ổn định và cải thiện thu nhập gia đình cho các nhóm hộ dễ bị tổn thương được hỗ trợ nhân rộng - Sinh kế bản địa cây lá vằng được quản lý phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa với qui mô phù hợp và nhân rộng nguồn cung cấp giống <p>Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo ra mắt DA - Tổ chức tập huấn cho người dân 3 xã về các nội dung liên quan đến biến đổi khí hậu và phân tích khung sinh kế bền vững và thích ứng BĐKH - Nghiên cứu một số mô hình sinh kế thích ứng tiềm năng tại 3 xã DA nói riêng và toàn huyện nói chung - Tổ chức các hội thảo chia sẻ KN về đa dạng sinh kế mới có khả năng áp dụng tại địa phương - Hỗ trợ tham quan học tập KN một số mô hình sinh kế mới có khả năng áp dụng tại địa phương - Hỗ trợ áp dụng và nhân rộng một số mô hình sinh kế thích ứng đã thử nghiệm thành công ở địa bàn - Hỗ trợ hình thành tổ nhóm sở thích sản xuất phát triển và bảo tồn cây lá vằng thông qua nghiên cứu đặc tính, tập huấn kỹ thuật ương giống, chăm sóc và thu hái - Hội thảo tổng kết DA
	Nguyễn Trọng Hiệu	
130	<p>Nghiên cứu, đánh giá tính ĐDSH về thành phần loài thiên địch (vi sinh vật và côn trùng có ích) trên một số cây trồng chính ở Hà Tĩnh để bảo tồn, sử dụng bền</p>	<p>Mục tiêu :</p> <p>Đánh giá ảnh hưởng của BĐKH theo mùa, vụ, thời tiết tới tính ĐDSH về thành phần loài thiên địch vi sinh vật và côn trùng trên một số cây trồng chính như lúa, rau và đậu trong năm 2014-2015 trên cơ sở giúp cho nông dân Hà Tĩnh có đủ khả năng BVMT khi họ hành động có tổ chức, có biện pháp kiểm soát sử dụng nguồn tài nguyên thiên địch, cung cấp những kiến thức và thông tin cần thiết</p>

	<p>vững và bảo vệ môi trường</p> <p>TS. Trần Thị Thúy – Trung tâm sinh học nông nghiệp và bảo vệ môi trường (VUSTA)</p> <p>Kinh phí : 1.100.000.000 Từ GEF : 50.000USD</p>	<p>cho nông dân, Từ đó nâng cao tính đa dạng sinh học về thiên dịch nhằm thích ứng BĐKH trên cây trồng, tạo nông sản phẩm an toàn và BVMT</p> <p>Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được ảnh hưởng của BĐKH tới tính ĐDSH trên một số cây trồng chính như lúa, rau bắp cải và đậu trong năm 2014-2015, giúp nông dân bảo vệ thiên dịch - Đánh giá tác động của hóa chất lên khu hệ sinh thái cây trồng - Phân tích những vấn đề cơ bản , đánh giá tác động của BĐKH đến sản xuất cây trồng NN - Triển khai mô hình về ĐDSH thiên dịch thích ứng với BĐKH và không tác động hóa chất vào cây lúa và rau ở Hà Tĩnh (diện tích mỗi mô hình 0,5ha) - Tổ chức tập huấn cho về ĐDSH thiên dịch thích ứng với BĐKH 3 đợt x 100 nông dân - Đề xuất các biện pháp làm tăng tính ĐDSH lên cây lúa, rau ,đậu ở Hà Tĩnh <p>Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức điều tra khảo sát , đánh giá ảnh hưởng của BĐKH tới ĐDSH về thiên dịch vi sinh vật và côn trùng có ích tại 3 huyện đại diện cho Hà Tĩnh -Lập kế hoạch hoạt động theo từng thời gian ứng với nội dung thực hiện để đảm bảo tiến độ và chất lượng
	Nguyễn Ngọc Sinh	
131	<p>Mô hình đồng quản lí rừng phòng hộ bảo tồn hệ sinh thái rừng, bảo tồn</p> <p>ĐDSH và tạo thu nhập bền vững cho cộng đồng sống trong và gần rừng</p> <p>Vũ Thị Hiền – Trung</p>	<p>Mục tiêu</p> <p>Cơ chế liên kết và mô hình hợp tác đồng quản lí rừng phòng hộ giữa cộng đồng và chủ rừng Nhà nước được thiết kế và thử nghiệm với mục tiêu quản lí rừng bền vững, bảo tồn hệ sinh thái rừng, ĐDSH, tạo thu nhập bền vững cho cộng đồng được tổng kết, phổ biến để mở rộng, đóng góp xây dựng chính sách đồng quản lí rừng và bảo tồn ĐDSH, REDD+cấp quốc gia.</p> <p>Kết quả dự kiến :</p> <p>1)Diện tích rừng phòng hộ của xã Thanh Tân- Như Thanh- Thanh Hóa được quản lí theo hướng đồng Quản lí giữa người dân và chủ nhà nước dưới sự hỗ trợ về pháp lí của chính quyền cấp huyện và xã, rừng được QL tốt</p> <p>2)Thế chế cộng đồng được hình thành : Hiệp hội bảo vệ rừng ; Các</p>

	<p>tâm nghiên cứu và phát triển vùng cao</p> <p>Tổng kinh phí : 75.000 USD GEF: 50.000USD</p>	<p>tổ liên gia ; Cộng đồng</p> <p>3)Thế chế đồng QL được hình thành : Hội đồng đồng QL rừng phòng hộ giữa Ban QL rừng phòng hộ và Hiệp hội bảo vệ rừng cộng đồng được thành lập : Cơ chế QL, Quyền, trách nhiệm; Cơ chế chia sẻ lợi ích từ SP rừng ...</p> <p>4)Qui chế bảo vệ rừng của từng tổ và toàn Hiệp hội bảo vệ rừng cộng đồng được xây dựng</p> <p>5)Hệ thống giám sát ĐDSH và phát triển cơ sở dữ liệu được xây dựng</p> <p>6)100% Hộ gia đình tự nguyện tham gia Tổ tự quản và Hiệp hội BVR cộng đồng, thay đổi thái độ và hành vi, hợp tác BV rừng hiệu quả</p> <p>7)Tạo thu nhập dài hạn từ trồng xen cây bản địa trên đất trống . Ít nhất 01 vườn ươm cây bản địa được xây dựng và tự cung ứng cây con cho các Tổ liên gia BV rừng</p> <p>8)100% lãnh đạo các Tổ tự quản đủ năng lực hướng dẫn người dân biết cách khai thác cây gỗ tác động thấp và khai thác cây lâm sản ngoài gỗ bền vững</p> <p>9)Chủ rừng nhà nước hoàn thành nhiệm vụ của họ với vai trò đồng QL và đủ năng lực để mở rộng mô hình sang địa bàn khác</p> <p>Hoạt động dự kiến :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức các cuộc họp tại cấp xã -Giao thiệp DA với Cục Bảo tồn ĐDSH, Bộ TN-MT : mục tiêu DA, xây dựng mối quan hệ hợp tác -Tổ chức hội thảo tập huấn về vai trò ĐDSH, HST rừng, QL rừng bền vững -Tập huấn và đối thoại chính sách -Trao đổi KN quản lí rừng -Tổ chức diễn đàn thảo luận về hình thành các thể chế nội bộ cộng đồng -Tổ chức hội thảo bàn về thể chế, cơ chế đồng quản lí giữa chủ rừng nhà nước và cộng đồng địa phương -Tổ chức giao tiểu khu rừng cho các Tổ liên gia BV rừng -Hội thảo lập kế hoạch bảo tồn và xây dựng qui chế bảo tồn nguồn nước tự nhiên đầu nguồn rừng phòng hộ -Hội thảo và tham vấn cộng đồng xây dựng qui chế đồng bảo vệ rừng
--	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> -Thực hành vận hành hệ thống giám sát và thông tin về ĐDSH trên rừng phòng hộ -Xây dựng vườn ươm cây bản địa -Tổ chức các khóa tập huấn về trồng xen và chăm sóc cây -Hội thảo tập huấn xây dựng phương án điều chế rừng , trồng xen, khai thác gỗ -Hội thảo và tham vấn cộng đồng chia sẻ lợi ích giữa các bên -Hình thành và xây dựng quỹ bảo vệ và phát triển rừng, qui chế sử dụng và tăng trưởng quỹ
	Nguyễn Ngọc Lung	
132	<p>Cộng đồng dân tộc thiểu số tham gia bảo tồn cây thuốc nam tại xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái</p> <p>TS. Đào Thị Ngọc Lan – Trung tâm phát triển khoa học – công nghệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng (CDSH)</p> <p>Tổng kinh phí : 1.400.300.000 đ GEF: 1.045.000.000</p>	<p>Mục tiêu :</p> <p>Mục tiêu dài hạn : góp phần BVMT và bảo tồn ĐDSH của các loài cây thảo dược bản địa, hướng tới xóa đói, giảm nghèo bền vững tại xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái</p> <p>Mục tiêu cụ thể : Thu hút sự tham gia của người dân vào quá trình ra quyết định liên quan đến việc bảo tồn cây thảo dược bản địa, tại xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái</p> <p>Kết quả dự kiến :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Các nhóm sở thích của người DTTS được thành lập và duy trì hiệu quả để thu hút sự tham gia của người dân vào quá trình ra quyết định liên quan đến việc bảo tồn cây thảo dược bản địa, tại xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái (chỉ số 3 nhóm) 2. Thu nhập của các hộ gia đình được cải thiện nhờ ứng dụng mô hình trồng, bảo vệ và khai thác hiệu quả nguồn thảo dược bản địa 3.Bài học KN liên quan đến thu hút người DTTS vào bảo tồn các thảo dược bản địa được chia sẻ rộng rãi <p>Hoạt động dự kiến :</p> <p>Kết quả 1 : Tập huấn về kỹ năng thành lập, tổ chức nhóm sở thích bảo tồn các thảo dược bản địa; Thiết lập và duy trì các nhóm</p> <p>Kết quả 2 : Tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây thảo dược bản địa; Hỗ trợ các mô hình vườn thuốc nam tại hộ gia đình; Tổ chức tập huấn về KT sơ chế và bảo quản thuốc Nam; Tập huấn kỹ năng kinh doanh tiếp cận thị trường</p> <p>Kết quả 3: Tài liệu hóa Bài học KN thành lập tổ nhóm sở thích, Về sự tham gia của người dân vào bảo tồn cây thảo dược ; Tổ chức hội thảo vận động chính sách cấp huyện nhằm chia sẻ bài học KN; Hỗ</p>

		trợ nhân rộng mô hình tổ nhóm sang các xã khác trong huyện Văn Chấn Hoạt động theo dõi giám sát
	Nguyễn Ngọc Lung	
133	<p>Nông dân thông minh - học tập và cập nhật thông tin qua di động và máy tính bảng (LIVES + and One Tablet Per Farmer – A Practical Mobile Learning System for the Farmers)</p> <p>Trung tâm UNSCO Khoa học nhân văn và Cộng đồng (UNESCOM)</p> <p>Kinh phí: 1.000.000 VNĐ GEF SGP: 800.000.000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cài đặt và cải tiến phiên bản hệ thống quản lý hỗ trợ học tập qua di động cho nông dân 2. Cải tiến hỗ trợ trên 2 loại thiết bị: điện thoại di động thường và điện thoại thông minh (máy tính bảng). 3. Dựng nên hai phương thức hoạt động học theo mô hình kéo (pull) và đẩy (push) thông tin 4. Áp dụng LIVES kết hợp máy tính bảng cho nông dân trong các dự án thí điểm trồng hoa tại lâm Đồng 5. Tiến tới triển khai dự án “một tablet xho mỗi nông dân” ở Việt Nam nhằm tăng khả năng tiếp cận thông tin và nâng cao chất lượng cuộc sống. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Triển khai thành công hệ thống quản lý hỗ trợ học tập qua di động cho nông dân kết hợp LIVES và máy tính bảng. 2. Cung cấp máy tính bảng cho 200 nông dân phục vụ cho việc tiếp cận thông tin một cách hiệu quả. 3. Triển khai thành công một khóa học về kiến thức trồng hoa cho nâng dân Lâm Đồng giúp nâng cao kỹ năng và kiến thức cho nông dân, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nông dân. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cài đặt và cải tiến hệ thống LIVES 2. Tích hợp hệ thống LIVES với máy tính bảng Android 3. Phát máy tính bảng và tập huấn cho nông dân. 4. Xây dựng nội dung học tập tương ứng với nông dân trồng hoa tại Lâm Đồng 5. Tiến hành triển khai khóa học qua di động cho nông dân. 6. khảo sát và đánh giá hiệu quả (kết quả) hệ thống mang lại.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
134	Bảo tồn và phát triển	a. Mục đích: Nâng cao kiến thức, năng lực Bảo vệ tài nguyên thiên

	<p>cây Bon Bo góp phần bảo tồn ĐDSH, bảo vệ đất, thích ứng với BĐKH tại huyện Kỳ Sơn, Tương Dương và Quế Phong tỉnh Nghệ An</p> <p>Trung tâm Tư vấn phát triển lâm nghiệp Nghệ An.</p> <p>Kinh phí: 1.170.000.000đ.</p> <p>GEF: 1.000.000.000đ</p>	<p>nhiên và môi trường rừng, Bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ đất chống suy thoái hoang mạc thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở phát triển kinh tế cho Nông dân, Phụ nữ dân tộc miền núi tỉnh Nghệ An.</p> <p>b. Mục tiêu cụ thể: Nâng cao kiến thức, năng lực bảo vệ và phát triển loài cây Bon Bo cho phụ nữ, nông dân dân tộc 3 huyện miền núi vùng cao Kỳ Sơn, Tương Dương và Quế Phong, tỉnh Nghệ An để phát triển Kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường bền vững</p> <p>c. Kết quả dự kiến:</p> <p>1. Về tuyên truyền, nâng cao nhận thức, năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một nhóm phóng sự truyền hình 20 phút về bảo tồn và phát triển cây Bon Bo góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ đất, thích ứng với biến đổi khí hậu tại 3 Huyện được xây dựng và phát triển Đài TTH tỉnh Nghệ An và Đài PTTH tại 3 huyện. - Có 3000 tờ rơi kích cỡ 20 cm x 40/50 cm in màu cả 2 mặt về bảo tồn và phát triển cây Bon Bo được thiết kế, in ấn và chuyển cho cộng đồng tại 3 huyện. - Có 1000 cuốn sổ tay dạng hỏi đáp kích cỡ 14 cm x 20 cm dung lượng 120 trang về kỹ thuật bảo tồn, bảo vệ và phát triển cây Bon Bo được cung cấp cho phụ nữ, nông dân, cộng đồng tại 3 huyện. <p>2. Về đào tạo, tập huấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tập huấn kỹ thuật gây trồng, bảo vệ và phát triển cây Bon Bo được biên soạn. - Một lớp tập huấn Kỹ thuật phát triển cây Bon Bo cho 50 cán bộ Hội KHKTT lâm nghiệp tỉnh Nghệ An và các Chi hội trực thuộc được tổ chức thành công. - Ba lớp tập huấn Nâng cao kiến thức, năng lực bảo vệ và phát triển cây Bon Bo cho 217 cán bộ Hội Phụ nữ, Hội nông dân của 3 huyện và 52 xã, thị trấn trong 3 huyện được tổ chức thành công. <p>3. Các loại mô hình được xây dựng thành công để phổ cập, nhân rộng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh nuôi bảo vệ 600 ha rừng gần với xúc tiến bảo tồn và phát triển cây Bon Bo dưới tán rừng tự nhiên - Trồng thành công 30 ha cây Bon Bo dưới tán rừng tự nhiên tại 30 hộ gia đình thuộc 6 thôn bản của 3 xã, 3 huyện
--	--	---

		<p>4. Hội thảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thành công 1 cuộc hội thảo cấp tỉnh có 80 đại biểu về bảo vệ và phát triển cây Bon Bo dưới tán rừng. Đề xuất kiến nghị liên quan về kỹ thuật và cơ chế chính sách về bảo vệ và phát triển cây Bon Bo được gửi cho các cơ quan, ban ngành chức năng liên quan để xử lý. - Tổ chức thành công 3 cuộc hội thảo đầu bờ tại 3 huyện để phổ cập, nhân rộng về kỹ thuật bảo tồn và phát triển cây Bon Bo. <p>d. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 1 phóng sự truyền hình thời lượng 20 phút về bảo tồn và phát triển Cây Bon Bo và phát trên đài TTH tỉnh Nghệ An và Đài PTTH 3 huyện (có lồng tiếng Thái và tiếng Hơ Mông). - Thiết kế, in ấn và phân phát 3000 tờ rơi kích cỡ 14cm x 20cm dung lượng 120 trang về Kỹ thuật bảo tồn, bảo vệ và phát triển cây Bon Bo để cung cấp cho phụ nữ, nông dân, cộng đồng tại 3 huyện, <p>2. Đào tạo tập huấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn tài liệu tập huấn - Tổ chức một lớp tập huấn kỹ thuật phát triển cây Bon Bo cho 50 cán bộ hội KHKT lâm nghiệp tỉnh Nghệ An và các Chi hội trực thuộc. Thời gian tập huấn 2 ngày. Địa điểm tập huấn tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. - Tổ chức 3 lớp tập huấn Nâng cao kiến thức, năng lực bảo vệ và phát triển cây Bon Bo cho 217 cán bộ hội Phụ Nữ, hội Nông dân của 3 huyện và 52 xã, thị trấn trong 3 huyện. Thời gian tập huấn 1 ngày/lớp. <p>3. Xây dựng mô hình để phổ cập, nhân rộng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh nuôi bảo vệ 600 ha rừng gần với xúc tiến bảo tồn và phát triển cây Bon Bo dưới tán rừng, tự nhiên tại 3 huyện. - Trồng 30 ha cây Bon Bo dưới tán rừng tự nhiên tại 30 hộ gia đình thuộc 6 thôn bản của 3 xã, thuộc 3 huyện. <p>4. Tổ chức hội thảo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức một cuộc hội thảo Cấp tỉnh về bảo vệ và phát triển cây Bon Bo dưới tán rừng ở Nghệ An tại TP Vinh có 80 đại biểu tham dự, thời gian hội thảo 1 ngày. - Tổ chức 3 cuộc hội thảo đầu bờ tại 3 huyện (những nơi xây dựng mô hình khoanh nuôi bảo vệ rừng, trồng cây Bon Bo) có 100 đại
--	--	---

		biểu/huyện tham dự để phổ cập, nhân rộng về kỹ thuật bảo tồn và phát triển cây Bon Bo, thời gian hội thảo 1 ngày.
	Trần Thúc Sơn	
135	<p>Chuyển giao, phổ biến công nghệ và vận hành thử nghiệm hệ thống khí hóa rác thải hữu cơ nông thôn cải tiến, tại khí (gas) nhiên liệu sạch tại xã Phong Bình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với viện khoa học năng lượng</p> <p>Kinh phí: 1.007.000.000đ GEF: 1.050.000.000đ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 1 mô hình, giải pháp trọn bộ xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn, bao gồm: hệ thống trạm thu gom, sàng lọc, hệ thống thiết bị khí hóa rác thải, tạo khí nhiên liệu sạch tại xã Phong Bình, huyện Phong Điền, làm cơ sở nhân rộng mô hình ra toàn tỉnh và khu vực trong tương lai. - Sản xuất khí nhiên liệu, tạo nguồn cung cấp khí đốt ổn định, đáp ứng 1 phần nhu cầu địa phương. Khí nhiên liệu này đảm bảo quy cách, chất lượng và an toàn theo quy định Nhà nước và tiêu chuẩn liên quan. - Tạo việc làm mới, gia tăng thu nhập cho người dân thông qua việc thương mại hóa khí sản phẩm của hệ thống khí hóa. - Giải quyết vấn đề rác thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường tại xã Phong Bình, huyện Phong Điền - Nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường sống và xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định. - Nâng cao hiệu quả quản lý, cải thiện môi trường sống một cách bền vững, dài hạn tại địa phương. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế, xây dựng, chuyển giao và vận hành thành công mô hình trọn bộ xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn. - Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật để cộng đồng có thể tự vận hành khi dự án kết thúc. - Tổ chức hội thảo đầu bờ để tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng mô hình với chính quyền, nhân dân địa phương và các địa bàn lân cận tỉnh Thừa Thiên Huế <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát thực tế và thu thập thông tin để thiết kế dự án. - Xây dựng xưởng đặt thiết bị và điểm thu gom rác do cộng đồng quản lý, phân loại. - Thiết kế và lắp đặt hệ thống: sàng lọc, khí hóa rác thải tạo khí (gas) nhiên liệu sạch, công suất dự kiến 400kg/ngày - Chế tạo hệ thống trọn bộ tạo khí (gas) nhiên liệu sạch - Tổ chức hội thảo đầu bờ để trình diễn, tập huấn và hướng dẫn quy

		<p>trình vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin tuyên truyền - Xây dựng bộ tài liệu, sổ tay hướng dẫn quản lý, xử lý rác thải - Hỗ trợ trang thiết bị thu gom - Đánh giá tác động môi trường của hệ thống thiết bị và đánh giá RMA - Quản lý và điều phối dự án.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
136	<p>Xây dựng mô hình thu gom, vận chuyển rác thải nông thôn gắn với phát triển kinh tế cho phụ nữ nghèo huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (trường hợp 2 xã Trung Thành và Long Thành)</p> <p>Trung tâm môi trường và phát triển</p> <p>Kinh phí: 1.500.000.000đ</p> <p>GEF: 1.100.000.000đ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu chung: Môi trường tại địa bàn thực hiện dự án được bảo vệ và sinh kế của phụ nữ nghèo được phát triển bền vững 2. Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân 2 xã Trung Thành và Long Thành được nâng cao. - Mô hình thu gom và vận chuyển rác thải nông thôn 2 xã được xây dựng thành công. - Mô hình trồng nấm ăn cho phụ nữ nghèo 2 xã được xây dựng thành công. - Dự án được quản lý hiệu quả. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức của các bên liên quan đặc biệt là người dân địa phương được nâng lên trong việc giữ gìn vệ sinh bảo vệ môi trường. 2. Mô hình đội tự quản thu gom rác, bảo vệ môi trường được xây dựng và hoạt động có hiệu quả, được duy trì thường xuyên. 3. Mô hình trồng nấm ăn của phụ nữ nghèo 2 xã được xây dựng thành công. 4. Dự án được quản lý hiệu quả <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>* Kết quả 1</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1 Cuộc họp khởi động dự án: giới thiệu dự án, tìm kiếm sự ủng hộ và sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình thực hiện dự án 1.2 Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho người dân địa phương: Tổ chức 4 lớp tập huấn, trong đó: Tại mỗi xã tổ chức 2 lớp tập huấn nâng cao nhận thức của cộng đồng về BVMT, mỗi lớp 100 người trong thời gian 2 ngày: <ul style="list-style-type: none"> - Lớp 1: Luật bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan.

		<p>- Lớp 2: Kỹ thuật thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý rác thải nông thôn</p> <p>* Kết quả 2:</p> <p>2.1: Thành lập đội tự quản về thu gom và vận chuyển rác</p> <p>Tổ chức họp để bầu ra đội tự quản. Đội do cộng đồng cử ra mỗi xóm 1 người là những cá nhân có nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm cao và có thời gian để tham gia hoạt động của đội. Đội đóng vai trò tự quản thu gom và bảo vệ môi trường nông thôn, đội thực hiện thu gom rác hằng ngày tại xã.</p> <p>2.2 Hỗ trợ phương tiện kỹ thuật:</p> <p>Mỗi xóm trong các xã sẽ được hỗ trợ phương tiện, bảo hộ lao động, thu gom và vận chuyển rác cho đội tự quản hoạt động.</p> <p>2.3 Xây dựng và ban hành quy chế bảo vệ môi trường dựa vào cộng đồng.</p> <p>Thuê chuyên gia dự thảo Quy chế bảo vệ môi trường dựa vào cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo góp ý Quy chế quản bảo vệ môi trường dựa vào cộng đồng cho 100 người/xã trong 01 ngày. - UBND xã tổ chức thẩm định và phê duyệt quy chế. - Tuyên truyền quy chế trên đài truyền thanh xã. <p>* Kết quả 3:</p> <p>3.1 Tổ chức họp dân chọn hộ tham gia xây dựng mô hình và tổ chức tạo thành mạng lưới.</p> <p>Xây dựng tiêu chí chọn hộ và tổ chức họp dân để chọn hộ. Mỗi xã sẽ chọn ra 25 hộ tham gia xây dựng mô hình. Trong 25 hộ này sẽ chia thành 4-5 nhóm tạo thành mạng lưới, hỗ trợ nhau về kỹ thuật, kinh nghiệm trong quá trình sản xuất nấm.</p> <p>3.2 Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng nấm cho chị em phụ nữ địa phương.</p> <p>Mỗi xã tổ chức 6 lớp tập huấn về các giai đoạn trong quy trình sản xuất nấm sò và nấm rơm (quy trình sản xuất mỗi loài nấm là 3 lớp)</p> <p>3.3 Tổ chức tham quan trao đổi, học tập kinh nghiệm sản xuất nấm của các tỉnh phía Bắc</p> <p>Ban điều hành dự án và các thành viên tham quan có được hiểu biết, kinh nghiệm về kỹ thuật trồng và bảo quản nấm</p> <p>3.4 Hỗ trợ giống, kỹ thuật</p> <p>Xây dựng các mô hình trồng nấm tại các hộ gia đình 2 xã trong</p>
--	--	--

		<p>vùng dự án.</p> <p>3.5 Hỗ trợ người dân tiếp cận thị trường.</p> <p>* Kết quả 4:</p> <p>4.1 Thành lập ban điều hành dự án.</p> <p>Tổ chức bộ máy: Thành lập Ban điều hành dự án gồm có 07 người: đại diện CED 3 người; Hội phụ nữ huyện 1 người, Ủy ban huyện 1 người, 2 xã 2 người.</p> <p>4.2 Giám sát, đánh giá dự án.</p> <p>4.2.1 Giám sát dự án</p> <p>Các bên liên quan thực hiện giám sát nội bộ thường xuyên nhằm thu nhập các thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc đánh giá giữa kỳ và kết thúc dự án</p> <p>4.2.2 Đánh giá dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tác động giữa kỳ của dự án - Đánh giá tác động cuối dự án
	Hồ Ngọc Hải	
137	<p>Nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên nông dân chủ động ứng phó với BĐKH tại tỉnh Quảng Trị</p> <p>Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị</p> <p>Kinh phí: 1.053.316.000đ GEF: 1.053.316.000đ</p>	<p>a.Mục tiêu: tuyên truyền giáo dục nâng cao năng lực quản lý của cán bộ, hội viên, nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị về các vấn đề liên quan đến BĐKH. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu cho cộng đồng, đặc biệt là hội viên, nông dân bằng hình thức tập huấn, cung cấp tài liệu, hỗ trợ xây dựng mô hình điểm...phát huy tinh thần làm chủ của mỗi cán bộ, hội viên và nông dân, nâng cao ý thức tự giác, chủ động ứng phó với BĐKH và thực hiện tốt các chủ trương đường lối của Đảng, phát luật của Nhà nước cũng như các quy chế, quy ước của cộng đồng liên quan đến bảo vệ môi trường</p> <p>b.Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 40 lớp tập huấn trên địa bàn toàn tỉnh về nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên nông dân, chủ động ứng phó với BĐKH, giúp cho 1400 học viên nhận thức được vấn đề liên quan đến BĐKH để chủ động điều chỉnh cuộc sống hiện tại theo hướng thích hợp, giảm thiểu rủi ro do BĐKH gây ra. - Tổ chức tập huấn 18 lớp về kỹ thuật chăn nuôi bằng công nghệ sinh học cho 720 học viên và xây dựng 18 mô hình chăn nuôi trên đệm lót sinh học, giúp hội viên, bà con nông dân ổn định và cải thiện thu nhập gia đình, bảo vệ môi trường.

		<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tổng kết, hỗ trợ nhân rộng mô hình. - Nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng đặc biệt là hội viên và nông dân về BĐKH nói riêng, bảo vệ môi trường nói chung được nâng cao <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập ban quản lý dự án - Khảo sát chọn đơn vị, đối tượng hưởng lợi từ dự án (ưu tiên các đối tượng hộ nông dân nghèo, các đối tượng dễ bị tổn thương nhất) - Tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên nông dân chủ động ứng phó với BĐKH - Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bằng công nghệ sinh học (chăn nuôi trên đệm lót sinh học) - Tham quan học tập 1 số mô hình sinh kế, thích ứng dựa vào thực trạng BĐKH và tác động hiện tại của nó đối với đời sống người dân địa phương - Hội thảo đầu bờ, đánh giá nhân rộng 1 số mô hình đã triển khai thành công - Hội nghị tổng kết dự án cuối kỳ.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
138	<p>Áp dụng phân loại rác thải tại hộ gia đình và đơn vị tập thể</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Gia Lai</p> <p>Kinh phí từ GEF: 300 triệu đồng; kinh phí đóng góp của tổ chức đề xuất: 50 triệu đồng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức người dân về việc phân loại rác tại nguồn, góp phần bảo vệ môi trường - Hướng đến việc xử lý rác thành phân bón - Đánh giá kết quả đạt được và phổ biến nhân rộng mô hình <p>b. Hoạt động chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham quan học tập kinh nghiệm - Khảo sát khu vực tổ chức dự án - Chọn địa điểm, cơ quan, đơn vị áp dụng phân loại rác tại nguồn - Sử dụng các pano, áp phích; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động đến các cơ sở cho người dân hiểu về lợi ích của việc phân loại rác thải, từ đó định hướng người dân thực hiện - Tiến hành phát túi ni-long và thùng rác, thực hiện phân loại rác - Thu gom rác đã phân loại

		<p>c. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 80% người dân ở khu vực dự án được tuyên truyền, nâng cao nhận thức - Tính được giá trị, số lượng rác thải có thể tái chế, tái sử dụng trong vòng 2 năm thực hiện dự án - Lượng rác thải giảm so với khi không thực hiện dự án - Kết quả dự án sẽ được nhân rộng cho các địa phương khác trong tỉnh - Báo cáo tổng kết dự án <p>d. Phương pháp tổ chức thực hiện và quản lý dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi dự án: hộ gia đình trong 1 tổ dân phố, trường học (cấp 1, 2 và 3), doanh trại quân đội - Liên hiệp Hội sẽ phối hợp với ThS. Công nghệ môi trường Phạm Thị Thùy Vân, chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ Gia Lai; Sở Tài nguyên và Môi trường Gia Lai, Công ty Công trình đô thị Gia Lai triển khai bước 1 của dự án (phân loại rác tại nguồn) trong 2 năm (01/2014 – 12/2015)
	Hồ Ngọc Hải	
139	<p>Áp dụng các giải pháp khoa học và kỹ thuật, khắc phục tình trạng hoang hóa, thoái hóa đất nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, thời tiết thông qua các mô hình canh tác tiên tiến và sử dụng đất bền vững tại xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ.</p> <p>Hội khoa học và kỹ thuật huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí:</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu tổng quát: <p>Áp dụng các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu cụ thể là hạn hán, ngập úng và thoái hóa đất để phát triển KT-XH, góp phần xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững cho cộng đồng dân cư xã Cam Thủy thông qua ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật các mô hình canh tác tiên tiến cho 30ha đất bị hoang hóa, thoái hóa ở vùng phía bắc thôn Cam Vũ, xã Cam Thủy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cụ thể: <p>Nâng cao nhận thức và hiểu biết cho cộng đồng, chính quyền và các bên liên quan về mối đe dọa của biến đổi khí hậu, cụ thể là hạn hán, ngập úng và thoái hóa bạc màu đất; Nâng cao nhận thức về thay đổi tập quán chăn nuôi, trồng trọt theo hướng áp dụng tiến bộ kỹ thuật; Chuyển giao các quy trình đã được khẳng định phát huy lợi thế của địa phương</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p>

	<p>2.042.000.000 đồng</p> <p>GEF SGP:</p> <p>1.047.000.000 (tương đương 50.000USD)</p> <p>Các nguồn khác:</p> <p>995.000.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức của cộng đồng, chính quyền và các bên liên quan về mối đe dọa của biến đổi khí hậu đối với địa phương được nâng cao (bao gồm 1 lớp tập huấn cho 50 người dân, chính quyền địa phương; 2 cuộc họp của tổ chức quần chúng; in 500 tờ rơi/tờ gấp) - Nhận thức của cộng đồng dân cư về thay đổi tập quán chăn nuôi, trồng trọt được nâng cao (bao gồm 1 lớp tập huấn cho 70 người; in 500 tờ rơi, 1 pano về mô hình canh tác) - 4 mô hình canh tác tiên tiến được xây dựng (bao gồm nuôi cá nước ngọt theo mô hình ghép, trồng mướp khén, trồng rau an toàn vụ đông, trồng cỏ VA 06 để nuôi bò lai sind), 60 hộ gia đình tham gia với diện tích mô hình 30ha, tập huấn về KHCN cho 150 người, - 1 kênh phân phối được thiết lập với 4 quầy trưng bày, giới thiệu sản phẩm - 1 phim VIDEO về các hoạt động của dự án được xây dựng <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về mối đe dọa của BĐKH với phát triển bền vững của địa phương - Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về thay đổi tập quán chăn nuôi, trồng trọt, sử dụng tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp - Biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn về KHCN phục vụ mô hình dự án - Chuyển giao kỹ thuật cho 4 mô hình canh tác: gồm nuôi cá nước ngọt theo mô hình ghép, trồng mướp khén, trồng rau an toàn vụ đông, trồng cỏ VA 06 để nuôi bò lai sind - Tổ chức tham quan, hội thảo trao đổi kinh nghiệm - Thiết lập kênh phân phối, tìm đầu ra cho sản phẩm của mô hình dự án - Biên soạn và in tờ rơi, pano về mô hình dự án - Biên tập và xây dựng phim VIDEO về dự án
	Trần Thúc Sơn	
140	Xây dựng mô hình canh tác trồng trọt, chăn nuôi bền vững tại xã miền núi cao Tam Quang,	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế tạo máy thủy nhiệt công suất 500kg/ngày. - Xây dựng thí điểm mô hình tái chế rác thải sinh hoạt của các nhà hàng ăn uống tại Thành phố Lạng Sơn thành viên nhiên liệu sử

	<p>huyện Trương Dương, tỉnh Nghệ An</p> <p>Trung tâm bảo vệ Tài nguyên và Môi trường Rừng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000</p> <p>GEF SGP: 850.000.000</p>	<p>dụng làm chất đốt.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Tái chế thí điểm thành công rác thải hữu cơ thành 1 tấn nhiên liệu chất đốt phục vụ chính nhu cầu năng lượng của các nhà hàng.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Dự án thực hiện gồm 3 giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giai đoạn 1:</i> Từ những kết quả thu được của mô hình biến chất thải hữu cơ thành nhiên liệu quy mô phòng thí nghiệm được thực hiện với máy thủy nhiệt công suất nhỏ cỡ 5kg/mẻ thực hiện tối ưu hoá công nghệ chế tạo để đạt được hiệu suất chuyển đổi cao nhất có thể. Trên cơ sở của kết quả đó, tiến hành chế tạo máy thủy nhiệt công suất lớn 500kg/ngày. - <i>Giai đoạn 2:</i> Khảo sát lựa chọn các nhà hàng có lượng rác thải hữu cơ lớn, bị quá tải trong khâu xử lý làm đầu mối thu gom, phân loại các loại rác thải. Giai đoạn này cần sự kết hợp với các ban ngành địa phương. - <i>Giai đoạn 3:</i> Xây dựng quy trình tái chế rác thải hữu cơ với máy thủy nhiệt công suất lớn có quy mô thương mại
	Hồ Ngọc Hải	
141	<p>Xây dựng mô hình xử lý nước thải nuôi tôm quy mô hộ gia đình khu vực xã Trung Giang phù hợp với điều kiện vùng cát ven biển tỉnh Quảng Trị</p> <p>Hội nông dân xã Trung Giang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí: 900.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực nuôi tôm. - Phát triển bền vững nghề nuôi tôm trên cát ven biển. - Bảo vệ và duy trì hệ sinh thái vùng cát ven biển <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cung cấp, xử lý và thoát nước nuôi tôm vận hành tốt, đạt tiêu chuẩn môi trường. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, thiết kế phương án kỹ thuật và dự toán của dự án. - Làm việc với cộng đồng về nội dung thực hiện của dự án, cam kết của địa phương và cộng đồng hộ dân nuôi tôm. - Lựa chọn nhà thầu thực hiện công tác xây dựng hệ thống xử lý và thoát nước thải. - Nghiệm thu, chuyển giao hướng dẫn vận hành và duy tu hệ thống.
	Nguyễn Chu Hồi	

142	<p>“Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến nguồn lợi thủy sản huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh nhằm xây dựng các giải pháp tổng hợp và mô hình thử nghiệm phát triển nuôi trồng thủy sản, duy trì nguồn gen quý hiếm ứng phó và giảm nhẹ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu”</p> <p>Hội Nghề cá tỉnh Quảng Ninh</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 đ</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000 đ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p><i>Mục tiêu chung</i></p> <p>Đánh giá tác động BĐKH tới diện tích, năng suất, sản lượng nuôi trồng thủy sản và nguồn lợi hải sản. Đề xuất các giải pháp đối phó, thích ứng trong nghề nuôi trồng thủy sản và cho người nghèo trong tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu khi nước biển dâng;</p> <p>Nghiên cứu cải tiến những công nghệ nuôi, đối tượng nuôi mới phù hợp với sự biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Chọn tạo được những giống nuôi mới có khả năng thích ứng với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, khả năng kháng bệnh cao;</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng sinh kế, xã hội (dịch vụ xã hội, cơ sở hạ tầng, ...) và khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu của cộng đồng trong vùng nghiên cứu. - Phân tích cơ hội đa dạng sinh kế của người nghèo. - Đề xuất định hướng và giải pháp thực hiện chiến lược phát triển sinh kế thích ứng với BĐKH cho người nghèo ở vùng nghiên cứu. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Nâng cao nhận thức, trách nhiệm tham gia của các cấp của ngành, lĩnh vực, địa phương và cộng đồng hiểu biết và thực hiện các biện pháp ứng phó với BĐKH và nước biển dâng cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> i) Xây dựng các tài liệu phổ biến, tuyên truyền về BĐKH và tác động BĐKH cho cán bộ quản lý và ngư dân ii) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền nâng cao nhận thức trong ngành (Trung ương và Địa phương), cho các lĩnh vực, cộng đồng và các vùng miền; iii) Thành lập và tập huấn đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức ở cấp ngành, lĩnh vực và địa phương; iv) Tổ chức các Hội thảo, tập huấn, hội nghị chuyên đề; v) Nâng cao ý thức của cộng đồng, tự giác trong hoạt động nhằm giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó và giảm nhẹ tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu.
-----	--	---

		<p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Hoạt động 1: Đánh giá tác động của BĐKH đến hệ thống cơ sở hạ tầng, diện tích, năng suất, sản lượng nuôi trồng thủy sản ven biển, sản lượng khai thác thủy sản (chọn đối tượng là nhuyễn thể và hình thức nuôi chương, bãi làm đại diện để đánh giá sâu) tại tỉnh Quảng Ninh</p> <p>Nghiên cứu tổng quan về các phương pháp đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến nuôi trồng thủy sản và các giải pháp ứng phó trên thế giới và Việt Nam</p> <p>Đánh giá hiện trạng và các định hướng quy hoạch phát triển nuôi nhuyễn thể trên quan điểm ứng phó với biến đổi khí hậu trên toàn quốc và tại vùng nghiên cứu</p> <p>Lựa chọn phương pháp đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống cơ sở hạ tầng, diện tích, năng suất, sản lượng nuôi nhuyễn thể ven biển</p> <p>Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống cơ sở hạ tầng và diện tích nuôi nhuyễn thể ven biển tại tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến năng suất và sản lượng nuôi nhuyễn thể ven biển tại tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>Hoạt động 2: Thử nghiệm áp dụng các giải pháp tổng hợp cho 02 mô hình nuôi ngao hoa bằng lồng treo và nuôi ngao hoa chương, bãi tại Vạn Yên; 02 mô hình lưu giữ, duy trì nguồn gen hải sâm (Hải sâm thuộc họ Hải sâm, ngành Động vật da gai, loài hải sâm gai, còn gọi hải sâm Nhật Bản (<i>Apostichopus japonicus</i>) là loại đặc sản quý hiếm. Theo phân tích của các nhà khoa học, hải sâm gai có thành phần hoá học: nước 76%, protit 21,5%, chất béo 0,3%, chất không đạm 1%, tro 1,2%. Trong thịt hải sâm có nhiều protit và axit amin có lợi cho việc chống lão hoá) để bảo vệ đa dạng các giống loài thủy sản quý hiếm trước biến đổi khí hậu ở 2 cấp độ hộ gia đình và cộng đồng xã Bản Sen.</p> <p>Xây dựng tiêu chí lựa chọn xây dựng mô hình</p> <p>Khảo sát thực địa, lựa chọn địa điểm thử nghiệm mô hình</p>
	Nguyễn Chu Hồi	
143	Nhân rộng mô hình bảo	Mục tiêu dự án:

<p>tồn, phát triển và chuyển giao các giống lúa chịu hạn, chịu mặn ở tỉnh Bạc Liêu</p> <p>Hội nông dân tỉnh Bạc Liêu</p> <p>Tổng kinh phí: 150.000USD</p> <p>Xin được CBA hỗ trợ: 50.000USD</p>	<p><i>Mục tiêu chung:</i> Góp phần giảm thiểu tổn thương và tăng cường khả năng thích ứng với xâm nhập mặn và hạn hán thông qua ứng dụng các giải pháp tổng hợp để bảo tồn, phát triển bền vững các giống lúa chịu hạn, chịu mặn và chuyển giao hiệu quả đến nông dân canh tác lúa vùng ven biển ĐBSCL nói chung và tỉnh Bạc Liêu nói riêng.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng về BĐKH và tác hại của nó tới mọi hoạt động kinh tế xã hội và môi trường sống của cộng đồng dân cư tại địa phương. 2. Mở rộng mô hình bảo tồn thông qua sử dụng các giống lúa chịu hạn, chịu mặn (chú trọng các giống lúa địa phương) với các biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp trên vùng đất lúa nhiễm mặn huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Tiếp tục phục tráng giống lúa cổ truyền chịu hạn và chịu mặn cao đồng thời đạt năng suất và phẩm chất tốt để bảo tồn và phát triển bền vững trong vùng ven biển tỉnh Bạc Liêu trước điều kiện khô hạn và xâm nhập mặn ngày càng trầm trọng hơn. 3. Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tổng hợp với 200-300ha các giống lúa chịu hạn, mặn tốt nhất trên vùng đất thoái hóa, tăng thu nhập cho nông dân trong vùng Dự án từ 12-15% và xây dựng được 2 tổ hợp sản xuất và cung ứng giống cho cộng đồng trong vùng dự án. <p>Các hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Hoạt động của chương trình nhằm nâng cao nhận thức về hiểm họa của hạn và xâm nhập mặn; 2) Thực hiện mở rộng các mô hình trình diễn sự đa dạng giống lúa nhằm đánh giá tích thích nghi, năng suất, phẩm chất và hiệu quả kinh tế của các giống lúa chịu hạn chịu mặn; 3) Phục tráng một số giống lúa cổ truyền thích nghi tốt với mặn, có phẩm chất gạo tốt nhưng đã bị thoái hóa và lẫn tạp; 4) Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tổng hợp với các giống lúa chịu hạn, chịu mặn để chuyển giao đến nông dân; 5) Ứng dụng quy trình bảo tồn và phát triển giống chịu hạn, mặn và xây dựng định hướng phát triển sản xuất lúa ở vùng chịu ảnh hưởng mặn, khô hạn của Bạc Liêu và ĐBSCL; 6) Xây dựng tổ hợp sản xuất giống và cung ứng cho cộng đồng. <p>Kết quả dự kiến:</p>
---	---

		<ul style="list-style-type: none"> i) Nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan về tác động của biến đổi khí hậu và các biện pháp thích ứng được nâng cao; ii) Lựa chọn được 1-2 giống lúa (1 giống lúa địa phương) có tính chống chịu hạn, chịu mặn tốt để có giải pháp bảo tồn và phát triển hiệu quả; iii) Phục tráng và phát triển 1-2 giống lúa địa phương trong các mô hình canh tác bền vững của địa phương; iv) Mô hình áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp với 200-250ha các giống lúa chịu hạn, mặn tốt nhất trên vùng đất thoái hóa, tăng thu nhập cho nông dân trong vùng Dự án từ 12-15%; v) Mô hình canh tác lúa chống chịu hạn, chịu mặn hiệu quả, bền vững được nhân rộng; 10-12 lớp tập huấn kỹ thuật về chọn lọc, phục tráng giống lúa, biện pháp canh tác tổng hợp; vi) Xây dựng được 2 tổ hợp sản xuất và cung ứng giống cho cộng đồng trong vùng dự án (mỗi xã 1 tổ hợp);
	Trần Thúc Sơn	
144	<p>Hỗ trợ cộng đồng đánh giá và giám sát chất lượng môi trường, đa dạng sinh học tại các khu bảo vệ thủy sản và vùng phụ cận thuộc hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu đa dạng sinh học và quản lý nghề cá</p> <p>Tổng kinh phí: 705.000.000</p> <p>GEF SGP: 600.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học vùng đầm phá Tam Giang – Cầu Hai - Mục tiêu trước mắt + Đánh giá được chất lượng môi trường và đa dạng sinh học tại các khu bảo vệ thủy sản và vùng phụ cận làm cơ sở cho quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững + Nâng cao năng lực, nhận thức của cộng đồng về giám sát, đánh giá môi trường, đa dạng sinh học. Cộng đồng thực hiện được việc giám sát, đánh giá các chỉ tiêu cơ bản về môi trường và đa dạng sinh học + Hoàn thiện được sổ tay hướng dẫn cộng đồng giám sát, đánh giá môi trường và đa dạng sinh học tại các khu bảo vệ thủy sản và vùng phụ cận. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về chất lượng môi trường nước của 3 khu bảo vệ thủy sản điển hình thuộc khu hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai - Báo cáo về đa dạng sinh học của 3 khu bảo vệ thủy sản điển hình thuộc khu hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai - Sổ tay hướng dẫn đánh giá chất lượng nước và đa dạng sinh học ở cấp độ cộng đồng cho các khu bảo vệ thủy sản <p>c. Hoạt động dự kiến</p>

		<p>Hoạt động 1. Đánh giá chất lượng môi trường nước và đa dạng sinh học tại 3 khu bảo vệ thủy sản thuộc hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai.</p> <p>Các hoạt động chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện PRA về chất lượng môi trường và đa dạng sinh học tại 3 khu bảo vệ thủy sản - Lập kế hoạch và triển khai đánh giá chất lượng môi trường và đa dạng sinh học tại 3 khu bảo vệ thủy sản - Đánh giá biến động của chất lượng môi trường theo mùa, năm và đưa ra các khuyến cáo về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học <p>Hoạt động 2. Xây dựng sổ tay hướng dẫn đánh giá và giám sát chất lượng môi trường và đa dạng sinh học ở cấp độ cộng đồng tại 3 khu bảo vệ thủy sản</p> <p>Các hoạt động chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá năng lực, nhu cầu về giám sát, đánh giá chất lượng môi trường và đa dạng sinh học tại 3 khu bảo vệ thủy sản - Xây dựng sổ tay hướng dẫn đánh giá và giám sát chất lượng môi trường và đa dạng sinh học ở cấp độ cộng đồng tại 3 khu bảo vệ thủy sản - Tổ chức hội thảo đánh giá và hoàn thiện sổ tay <p>Hoạt động 3. Nâng cao năng lực cộng đồng về giám sát và đánh giá chất lượng môi trường và đa dạng sinh học tại các khu bảo vệ thủy sản</p> <p>Các hoạt động chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cộng đồng về giám sát và đánh giá chất lượng môi trường và đa dạng sinh học tại các khu bảo vệ thủy sản - Giám sát và hướng dẫn cộng đồng tại 3 khu bảo vệ thủy sản giám sát, đánh giá chất lượng môi trường và đa dạng sinh học - Hội thảo chia sẻ về giám sát, đánh giá môi trường, đa dạng sinh học của cộng đồng
	Nguyễn Chu Hồi	
145	Ngăn ngừa hoang mạc hóa từ mô hình phát triển kinh tế cho cộng đồng nghèo xã Cẩm Hòa	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + mục tiêu tổng quát: Xóa đói giảm nghèo và ngăn ngừa hoang mạc hóa cho cộng đồng nghèo xã Cẩm Hòa + mục tiêu cụ thể: - Nâng cao nhận thức của người dân về sinh kế bền vững

	<p>Trung tâm tư vấn Bồi dưỡng Phát triển KH&CN Hà Tĩnh</p> <p>Tổng kinh phí: 1.900.000.000</p> <p>GEF SGP: 900.000.000</p>	<p>thích ứng với đặc điều kiện kinh tế từng vùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của người dân về sinh kế bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu. - Ngăn ngừa hoang mạc hóa. - Tạo nghề sinh kế mới cho người dân theo hướng bền vững. - Tạo thu nhập và việc làm cho cộng đồng nghèo. - Hạn chế người dân đi xa làm thuê kiếm sống. - Hạn chế tình trạng nghỉ học của các em nhỏ. - Tận dụng được thế mạnh vùng cát hoang mạc hóa của địa phương. <p>b. Kết quả Dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 85% chính quyền địa phương và người dân nhận thức được khả năng xây dựng sinh kế phù hợp với điều kiện tự nhiên của xã và thích ứng với biến đổi khí hậu. - 50% người dân có khả năng làm giàu trên vùng cát hoang mạc hóa của địa phương. - 10 cuộc tập huấn cho 10 thôn trong xã được tổ chức đạt hiệu quả cao. - 10 mô hình nuôi Nhông cát kết hợp với trồng Dưa hấu Thái Lan được xây dựng thành công. - 20% người dân có khả năng thoát nghèo - 50% những người đi xa làm thuê về quê hương sinh sống. - 20% trẻ em không phải nghỉ học. - 01 cuộc hội thảo đầu bờ được tổ chức thành công và hiệu quả. - 01 bản phương hướng chính sách nhân rộng mô hình trên toàn xã được thành lập. - Các mô hình dự án được quảng bá trên các kênh thông tin đại chúng. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập nhóm chuyên gia tư vấn - Thành lập ban quản lý Dự án với sự có mặt của chính quyền địa phương và đại diện người dân hưởng lợi. - Tổ chức 10 cuộc tập huấn cho 500 người dân thuộc 10 xóm về sinh kế bền vững thích ứng với đặc trưng từng vùng và biến đổi
--	--	---

		<p>khí hậu cũng như kỹ thuật nuôi Nhông cát kết hợp với trồng Dưa hấu Thái Lan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 10 mô hình trình diễn về nuôi Nhông cát kết hợp với trồng Dưa hấu Thái Lan. - Tổ chức 01 cuộc hội thảo đầu bờ với sự tham gia của các ngành trong tỉnh. - Lập bản phương hướng và chính sách nhân rộng mô hình trên toàn xã. - Quảng bá mô hình trên các kênh thông tin đại chúng.
	Nguyễn Ngọc Lung	
146	<p>Ứng dụng quy trình sản xuất phân vi sinh từ rác thải hữu cơ ở cấp độ nông hộ</p> <p>Hội Nông dân xã Đại Lai</p> <p>Kinh phí: GEF SGP 900 triệu đ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính do đốt rơm rác ngoài cánh đồng - Hoàn thiện quy trình sản xuất phân vi sinh từ phụ phẩm nông nghiệp, rác thải sinh hoạt và chất thải chuồng trại chăn nuôi tại nông hộ nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại Gia Bình, Bắc Ninh - Tăng thu nhập cho nông hộ thông qua việc tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, chuồng trại để sản xuất phân vi sinh sử dụng tại nông hộ hoặc cung cấp sản phẩm cho thị trường. <p>b. Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án dự định triển khai tại 100 nông hộ thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Giang với một số tiêu chí như các hộ này tham gia sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi có bình quân thu nhập thấp, có lao động dư thừa và mong muốn triển khai dự án. Lợi nhuận của mỗi hộ thu được từ việc tham gia triển khai dự án trung bình trên 10 triệu đồng/hộ/năm. - Bên cạnh 100 hộ hưởng lợi trực tiếp từ việc tham gia dự án thì có khoảng 500 hộ khác được hưởng lợi gián tiếp thông qua các khóa tập huấn về quy trình sản xuất phân vi sinh và cách sử dụng phân vi sinh trong sản xuất nông nghiệp. - Việc ứng dụng quy trình sản xuất phân vi sinh từ rác thải hữu cơ sẽ được cộng đồng nông dân nhiệt tình tham gia vì dự án sẽ mang lại lợi ích dài hạn cho người dân địa phương trên nhiều phương diện như giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, chống hoang hóa, bạc màu đất sản xuất nông nghiệp, tạo công ăn

		<p>việc làm tại chỗ và tăng thu nhập cho người dân.</p> <p>c. Hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thu thập số liệu về KTXH và lựa chọn mô hình tham gia dự án- Tiến hành tổ chức tập huấn hướng dẫn các mô hình tham gia dự án, chuẩn bị nguyên liệu sản xuất phân vi sinh- Hướng dẫn các nông hộ sản xuất phân vi sinh từ rác thải hữu cơ lần 1- Hướng dẫn cách sử dụng phân vi sinh trong sản xuất nông nghiệp và trồng rau sạch chuẩn bị nguyên liệu sản xuất phân vi sinh lần 2- Hướng dẫn các nông hộ sản xuất phân vi sinh từ rác thải hữu cơ lần 2- Đánh giá chất lượng phân vi sinh bằng cách phân tích thành phần dinh dưỡng và thành phần vi sinh vật trong phân vi sinh- Tiến hành hội thảo, tổng kết đánh giá dự án, viết báo cáo, tài liệu hướng dẫn, quy trình sản xuất phân vi sinh tại nông hộ cũng như cách sử dụng phân vi sinh trong sản xuất nông nghiệp và trồng rau sạch- Nhân rộng mô hình trên toàn Bắc Ninh và các tỉnh khác thông qua các phương tiện truyền thanh, truyền hình và tài liệu hướng dẫn <p>d. Tổ chức thực hiện và quản lý dự án</p> <ul style="list-style-type: none">- Cán bộ dự án và cán bộ địa phương phối hợp thực hiện: lựa chọn mô hình tham gia dự án- Cán bộ dự án và cán bộ địa phương phối hợp tổ chức thực hiện: tiến hành tổ chức tập huấn hướng dẫn các mô hình tham gia dự án, chuẩn bị nguyên liệu sản xuất phân vi sinh.				
	Hồ Ngọc Hải					
147	Hỗ trợ cộng đồng trong Quản lý và phòng chống xâm mặn vùng duyên hải Bắc Trung bộ dưới tác động của biến đổi khí hậu - trường hợp nghiên cứu điển	<p>1.1.1. Mục tiêu, hoạt động và kết quả dự kiến dự án</p> <p>Bảng 0-1. Mục tiêu, phương pháp và kế hoạch hành động của dự án</p> <table><tr><th>Mục tiêu</th><th>Phương pháp và chiến lược thực hiện</th></tr><tr><td>Tăng cường nhận thức và trang bị kiến thức cộng đồng cho người dân để tăng</td><td><ul style="list-style-type: none">• Điều tra khảo sát điều kiện kinh tế- xã hội để tìm hiểu môi liên hệ giữa phát triển kinh tế, tăng dân số tới tốc độ quá trình xâm mặn; tìm hiểu nhận thức của</td></tr></table>	Mục tiêu	Phương pháp và chiến lược thực hiện	Tăng cường nhận thức và trang bị kiến thức cộng đồng cho người dân để tăng	<ul style="list-style-type: none">• Điều tra khảo sát điều kiện kinh tế- xã hội để tìm hiểu môi liên hệ giữa phát triển kinh tế, tăng dân số tới tốc độ quá trình xâm mặn; tìm hiểu nhận thức của
Mục tiêu	Phương pháp và chiến lược thực hiện					
Tăng cường nhận thức và trang bị kiến thức cộng đồng cho người dân để tăng	<ul style="list-style-type: none">• Điều tra khảo sát điều kiện kinh tế- xã hội để tìm hiểu môi liên hệ giữa phát triển kinh tế, tăng dân số tới tốc độ quá trình xâm mặn; tìm hiểu nhận thức của					

<p>tại xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Trung tâm Hỗ trợ Ứng phó Biến đổi Khí hậu</p> <p>GEF GSP là VND 1,085,900,000</p>	<p>khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và xâm mặn tại địa phương.</p>	<p>người dân về vai trò dịch vụ sinh thái của rừng ngập mặn.</p> <ul style="list-style-type: none">• Điều tra thực trạng rừng ngập mặn• Hỗ trợ thông tin và kỹ thuật thông qua tập huấn về rừng ngập mặn; hỗ trợ một phần kinh phí cho việc trồng và tổ giám sát rừng ngập mặn	
	<p>Thiết lập hợp lý vị trí các giếng cung cấp nước sinh hoạt/nước tưới cho người dân để hạn chế việc khai thác quá mức</p>	<ul style="list-style-type: none">• Khảo sát tần suất bơm và lượng nước ngọt từ các giếng trên địa sử dụng trong sinh hoạt/sản xuất của người dân• Khảo sát độ mặn của các giếng và xem xét khả năng đóng cửa của các giếng sát bờ biển	
	<p>Mô hình canh tác hợp lý tăng khả năng chịu mặn và đảm bảo thu nhập ổn định cho cộng đồng</p>	<ul style="list-style-type: none">• Khảo sát độ mặn của các khu vực hiện đang canh tác và nuôi trồng thủy sản• Đề xuất các biện pháp cải tạo đất, giảm độ mặn nước bề mặt trên các ao hồ thủy sản• Đề xuất các mô hình hệ thống cây trồng có khả năng thích ứng cao cho vùng nhiễm mặn để người dân lựa chọn.• Phân tích chi phí-lợi ích của các mô hình cùng người dân để xác định mô hình phù hợp nhất mà đa số trong cộng đồng chấp nhận.• Chuyển giao kỹ thuật thông qua tập huấn cho cộng đồng dựa trên mô hình được lựa chọn.	
	<p>Kết quả dự kiến của dự án bao gồm: tổ chức thành công 02 buổi tập huấn về “Vai trò dịch vụ sinh thái của rừng ngập mặn trong ứng phó với BĐKH và xâm mặn” và “Kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn”. Dự kiến số thành viên tham gia mỗi khóa tập huấn là 50 người (bao gồm cả cán bộ địa phương); phân tích và báo cáo chi tiết về hiện trạng rừng ngập mặn và tình trạng nhiễm mặn tại Nga Tân (kết hợp cả bản đồ không gian chi tiết); tổ chức 03 buổi tập huấn riêng theo chủ đề các mô hình hệ thống nông nghiệp & ít nhất</p>		

		3 mô hình canh tác bền vững cho vùng ngập mặn.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
148	<p>Xây dựng mô hình quy hoạch sử dụng đất hợp lý có sự tham gia của cộng đồng tại thượng nguồn lưu vực sông Cả, tỉnh Nghệ An</p> <p>Trung tâm Hỗ trợ Ứng phó Biến đổi Khí hậu</p> <p>Tổng kinh phí: 1,065,000,000</p> <p>GEF SGP: 1,065,000,000</p>	<p>a. Mục tiêu chung</p> <p>Xây dựng mô hình quy hoạch và sử dụng hợp lý tài nguyên đất và định hướng phát triển đất lâu dài bền vững nhằm nâng cao sinh kế cho người dân. Để đạt được mục tiêu chung các mục tiêu cụ thể bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng các mô hình sử dụng đất hợp lý có sự tham gia của cộng đồng trong việc khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất rừng; 2. Định hướng sử dụng đất hợp lý lâu dài và ổn định dựa trên các khóa tập huấn ngắn hạn, hội thảo chuyên đề cho cán bộ địa phương thuộc các huyện trong khu vực nghiên cứu; 3. Xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống quản lý các mô hình sử dụng đất hợp lý. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình sử dụng đất hợp lý có sự tham gia của cộng đồng tại lưu vực sông Cả và chuyển giao cho cán bộ địa phương. - Cơ sở dữ liệu về sử dụng đất tại lưu vực sông Cả bao gồm: hệ thống thông tin phục vụ quản lý đất. - Xây dựng tiêu chí định hướng sử dụng đất bền vững. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Điều tra khảo sát hệ thống sử dụng và quản lý tài nguyên tại thượng nguồn lưu vực sông Cả</p> <p>Tổ chức tập huấn cho cán bộ địa phương</p> <p>Tổ chức hội thảo chuyên đề có sự tham gia của cộng đồng.</p> <p>Thí điểm đánh giá mô hình quy hoạch sử dụng đất hợp lý</p> <p>Trình bày kết quả của dự án tại hội thảo chuyên ngành, hội thảo quốc tế</p>
	Nguyễn Ngọc Sinh	
149	THỬ NGHIỆM CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ LÚA HỮU CƠ PHÙ HỢP VỚI NÔNG DÂN	<p>1. Mục tiêu:</p> <p>Thử nghiệm các mô hình sản xuất, tiêu thụ lúa hữu cơ phù hợp với điều kiện khí hậu và trình độ của nông dân nhỏ vùng Đồng bằng sông Hồng từ đó phát hiện các mô hình khả thi, bền vững để phổ biến và nhân rộng góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ</p>

<p>NHỎ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NHẪM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</p> <p>Viện khoa học và phát triển nông thông (SIRD)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.157.000.000 VND</p> <p>GEF SGP: 1.057.000.000 VND</p>	<p>môi trường, vì sức khỏe cộng đồng và lợi ích của nông dân trồng lúa quy mô nhỏ.</p> <p>2. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng năng lực cho nông dân trồng lúa quy mô nhỏ vùng đồng bằng sông Hồng thông qua thử nghiệm các mô hình sản xuất, tiêu thụ, Marketing lúa hữu cơ nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, vì sức khỏe cộng đồng và lợi ích, sinh kế của chính nông dân, cộng đồng nông thôn. - Lựa chọn được các mô hình sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ phù hợp với điều kiện nông dân trồng lúa quy mô nhỏ để phổ biến, nhân rộng trong vùng đồng thời tạo mô hình điểm cho hoạt động khuyến nông của Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ non trẻ của Việt Nam. - Soạn thảo các tài liệu và sổ tay hướng dẫn sản xuất, tiêu thụ và quản lý chất lượng và truy nguyên nguồn gốc lúa hữu cơ trong điều kiện nông dân nhỏ vùng đồng bằng sông Hồng. - Hình thành mạng lưới nông dân nòng cốt và giảng viên nông dân để phổ biến rộng rãi cho cộng đồng các mô hình sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ bền vững. - Thu hút các sinh viên đại học, cao học và các cán bộ khoa học trẻ nghiên cứu, thử nghiệm và công hiến cho phát triển nông nghiệp hữu cơ vì một nền nông nghiệp xanh của Việt Nam. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn địa điểm và loại lúa để xây dựng mô hình. Tìm hiểu tình hình sản xuất và tiêu thụ lúa, các hệ thống canh tác lúa an toàn đã có, thái độ của người dân và cán bộ về nông nghiệp hữu cơ, đặc biệt là lúa hữu cơ. - Lựa chọn hộ nông dân tham gia nhóm hữu cơ, tổ chức hoạt động nhóm, ban hành cơ chế, quy định của nhóm. Nhóm được hình thành trên cơ sở tự nguyện có cam kết và ưu tiên phụ nữ. - Tập huấn kiến thức chung về nông nghiệp hữu cơ và lúa hữu cơ cho nhóm để họ có kiến thức sơ bộ. Tập huấn theo phương pháp có tham gia và phương pháp làm việc với người lớn, ngắn ngày, thực tiễn. - Thử nghiệm các mô hình sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ cho vụ đầu, lặp lại và hoàn thiện trong 4 vụ lúa liên tiếp. - Phổ biến và nhân rộng dần mô hình theo hình thức bổ sung thêm hộ vào các mô hình đã có hoặc áp dụng có chọn lọc mô
---	--

		<p>hình vào địa phương khác. Phổ biến mô hình sản xuất tiêu thụ lúa hữu cơ bằng các hình thức như hội nghị đầu bờ, truyền thông theo tiếp cận Khuyến nông trọn gói để cung cấp thông tin cho nông dân nhỏ trong sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo để chia sẻ kinh nghiệm và chuyển giao kết quả cho các cơ quan và địa phương để phát triển mô hình bền vững. - Công bố kết quả qua việc xuất bản tài liệu, bài báo khoa học, luận văn của sinh viên đại học và cao học. - Hoạt động kết thúc dự án và đề xuất dự án cho giai đoạn tiếp theo.
150	<p>Xây dựng mô hình đồng quản lý tài nguyên rừng ngập mặn nhằm tạo sinh kế, cải thiện đời sống cho cộng đồng dân cư sống ven, gần rừng ngập mặn ven biển tại huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa</p> <p>Trung tâm tư vấn hỗ trợ phát triển lâm nghiệp Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 700.000.000 VND GEF SGP: 600.000.000 VND</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhằm giảm bớt tác động tiêu cực gây ảnh hưởng xấu đến tài nguyên rừng ngập mặn tại địa phương. - Nâng cao giá trị của rừng ngập mặn về phòng hộ, lưu trữ nguồn gen và giảm phát thải khí nhà kính gây biến đổi khí hậu - Nâng cao sinh kế cho cộng đồng dân cư sống gần rừng, ven rừng tại vùng triển khai dự án. - Thông qua đó góp phần nâng cao sự hiểu biết cho người dân, cộng đồng dân cư, các nhà quản lý tài nguyên rừng ngập mặn góp phần bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên này. <p>2. Kết quả dự kiến của dự án</p> <p>Từ những vấn đề được giải quyết trên cũng như mục đích của dự án, sau quá trình triển khai thực hiện dự án thì kết quả dự kiến sẽ đạt được, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn tài nguyên rừng ngập mặn ven biển được bảo vệ nguyên vẹn và phát triển bền vững (khoảng 500ha) - Người dân, cộng đồng dân cư được cùng tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng ngập mặn (xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa) - Đời sống người dân gần, ven rừng được cải thiện từ cơ chế

		<p>đồng quản lý (20-25) hộ được cải thiện sinh kế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được cơ chế chia sẻ lợi ích của các bên khi tham gia đồng quản lý rừng tại khu vực - Xây dựng được bộ giám sát, đánh giá <p>3. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tập huấn, thống nhất biện pháp điều tra thống kê - Đánh giá nhu cầu đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật - Điều tra, khảo sát xây dựng mô hình dự án - Hợp các bên có liên quan xây dựng cơ chế đồng quản lý rừng - Tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân nhằm thay đổi hành vi, thói quen trong sử dụng tài nguyên - Chuyển giao và nhân rộng mô hình
--	--	--

	Nguyễn Chu Hồi	
151	<p>Tăng cường vai trò của cộng đồng địa phương trong công tác đồng quản lý tài nguyên cây thuốc nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển rừng bền vững tại khu rừng đặc dụng khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa</p> <p>Trung tâm tư vấn hỗ trợ phát triển lâm nghiệp Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 800.000.000 VND</p> <p>GEF SGP: 800.000.000 VND</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn nâng cao năng lực cho các bộ tại khu rừng đặc dụng khu di tích lịch sử, văn hóa Hàm Rồng về Bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen các loài cây thuốc, với 150 lượt người tham gia - Xây dựng cơ chế đồng quản lý rừng đặc dụng, cơ chế chia sẻ lợi ích trong quản lý tài nguyên cây thuốc, với 5 thôn thuộc 3 xã có diện tích giáp ranh với khu rừng đặc dụng - Xây dựng 05 mô hình Vườn cây thuốc có giá trị theo hướng bảo tồn, phát triển tại các hộ dân sống ven, gần khu rừng đặc dụng, khu di tích, lịch sử Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa - Nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng sống gần, ven rừng về giá trị của đa dạng sinh học, về phương pháp quản lý sử dụng bền vững tài nguyên rừng, với 150 lượt người tham gia - Cải thiện sinh kế cho người dân, cộng đồng dân cư trong cơ chế chia sẻ lợi ích về quản lý bảo vệ rừng nhằm giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu tại khu vực triển khai dự án và nhân rộng (Trước mắt là các hộ tham gia được cải thiện sinh kế, sau đó được nhân rộng cho các hộ có điều kiện tương đồng) <p>2. Kết quả dự kiến của dự án</p> <p>Từ những vấn đề được giải quyết trên cũng như mục đích của dự án trên, sau quá trình triển khai thực hiện dự án thì kết quả dự kiến sẽ đạt được, cụ thể:</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền, người dân và cán bộ Ban quản lý rừng được nâng cao về năng lực quản lý, cách tiếp cận cũng như giá trị về đa dạng sinh học, giá trị về nguồn được liệu hiện có trong khu vực góp phần trong cách thức sử dụng rừng, đất rừng có hiệu quả, bền vững - Xây dựng được danh lục cây thuốc tại Khu rừng đặc dụng, khu di tích, lịch sử Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa - Xây dựng mô hình trồng cây thuốc, diện tích 05ha (mỗi mô hình 01 ha) - Xây dựng được bản đồ phân bố các loài cây thuốc trong khu vực - Xây dựng được mô hình đồng quản lý rừng trong cơ chế chia sẻ lợi ích giữa các bên có liên quan (Ban quản lý và cộng đồng dân cư) - Đưa ra được một số giải pháp trong công tác quản lý bảo vệ rừng nói chung và bảo vệ phát triển cây thuốc nói riêng trong khu vực. <p>3. Hoạt động dự kiến của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tập huấn, thống nhất biện pháp - Hợp các bên có liên quan xây dựng cơ chế đồng quản lý rừng tại khu rừng đặc dụng khu di tích, lịch sử Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa - Điều tra khảo sát thực địa - Điều tra tình hình khai thác, sử dụng trong nhân dân và nhu cầu thị trường - Trồng thử tập 05 ha các loài cây thuốc hiện có trong ban quản lý - Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân nhằm thay đổi hành vi, thói quen trong sử dụng tài nguyên
	Nguyễn Ngọc Lung	
152	Thực trạng ô nhiễm nguồn nước mặt tại các thủy vực trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, xây dựng mô hình trình diễn và đề xuất biện pháp xử lý	<p>1. Mục tiêu của dự án</p> <p>Mục tiêu chung: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của nhân dân. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, hướng tới nền sản xuất xanh, sạch, bền vững.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn các giải pháp phù hợp để xử lý nước thải trước khi đổ xuống thủy vực, bảo đảm sau khi xử lý

	<p>Trung tâm ứng dụng kỹ thuật sinh học</p> <p>Tổng kinh phí: 3.000.000.000 VND</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000 VND</p>	<p>nước thủy vực đạt loại B (dùng cho trồng trọt)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 3-5 mô hình trình diễn xử lý nước thải công nghiệp, nước thải làng nghề nông thôn trước khi đổ ra thủy vực - Tăng cường năng lực nhận thức về ý thức bảo vệ môi trường của cư dân xung quanh thủy vực, kết hợp năng lực áp dụng kỹ thuật xử lý môi trường với biện pháp, chính sách giữ gìn môi trường sinh thái - Tổng kết, đánh giá và đúc rút bài học kinh nghiệm và biên soạn tài liệu kỹ thuật về các mô hình, đề xuất với chính quyền địa phương các giải pháp quản lý và xử lý nước thải xuống thủy vực nhằm nhân rộng mô hình ra các thủy vực trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát >10 thủy vực đang bị ô nhiễm điển hình cần phải giải quyết, số liệu phân tích, quan trắc môi trường. Lựa chọn giải pháp xử lý. - Xây dựng 2 mô hình xử lý nước thải khu công nghiệp (có sự tham gia của chủ doanh nghiệp) hoặc hiếu khí, hoặc yếm khí trước khi đổ ra thủy vực, 02 mô hình xử lý chung nước thải làng nghề chăn nuôi, chế biến nông sản, thực phẩm (có sự tham gia của chính quyền địa phương) 01 trang trại chăn nuôi tập trung quy mô >1000 con lợn hoặc >50 con trâu bò (có sự tham gia của chủ trang trại) - Biên soạn tài liệu kỹ thuật, tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức về quản lý chất thải, nước thải, sử dụng hợp lý nguồn nước tại thủy vực thông qua các lớp tập huấn, nói chuyện chuyên đề... - Tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động của các mô hình, biên soạn tài liệu, rút ra bài học kinh nghiệm, khuyến nghị biện pháp bảo vệ thủy vực xanh, sạch. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát > 10 thủy vực trên địa bàn tỉnh, bảng kết quả phân tích các chỉ số về môi trường: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) so sánh TCVN 4560-1988, Oxy hòa tan (DO) so sánh TCVN 7325-2004, Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5) so với TCVN 6001-1996, Nhu cầu oxy hóa học (COD) so với TCVN 4565-1988, tổng Coliform so với TCVN 6187-1996. Thành phần động vật thủy sinh trong khu vực. - Lựa chọn công nghệ xử lý: Căn cứ điều kiện thực tế, tham
--	---	--

		<p>khảo kinh nghiệm, mặt bằng xây dựng, địa lý địa chất đưa ra công nghệ phù hợp. Đối với chất thải công nghiệp và làng nghề sử dụng công nghệ hóa học kết hợp sinh học, đồng thời bổ sung cơ cấu động thực vật thủy sinh. Đối với trang trại chăn nuôi sử dụng công nghệ sinh học bằng lên men yếm khí chất thải chăn nuôi nhằm loại bỏ ký sinh trùng gây bệnh, trứng giun sán, kết hợp hiếu khí làm sạch nước nhờ tảo lam hoặc thực vật thủy sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình trình diễn về biện pháp xử lý nước thải trước khi đổ xuống thủy vực. Xây dựng công trình phụ trợ Bảng số liệu phân tích quá trình trước, trong và sau xử lý. - Tổ chức tập huấn, phổ biến kỹ thuật về quản lý và sử dụng nguồn chất thải rắn và nước thải cho nhân dân vùng xung quanh thủy vực. - Tuyên truyền, vận động sự tham gia của cộng đồng trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, sự tham gia của chính quyền địa phương, chủ doanh nghiệp, chủ trang trại về việc quản lý môi trường, khai thác thủy vực hợp lý. - Đánh giá hiệu quả, xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác sử dụng, bảo vệ môi trường sau khi dự án kết thúc.
	Hồ Ngọc Hải	
153	<p>Tăng cường sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan trong quản lý tổng hợp lưu vực sông Túy Loan, Đà Nẵng</p> <p>Viện nghiên cứu Phát triển kinh tế-Xã hội Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 VND GEF SGP: 1.000.000.000 VND</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <p>Mục tiêu tổng quát: Quản lý tổng hợp và bền vững tài nguyên nước lưu vực sông Túy Loan, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Nhân rộng kết quả dự án cho các lưu vực tương tự, nhất là khu vực miền Trung-Tây Nguyên của Việt Nam.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường cơ sở dữ liệu lưu vực sông. - Tăng cường nhận thức của cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên nước. - Cộng đồng biết cách lồng ghép các biện pháp bảo vệ TNN trong các hoạt động sản xuất, sinh hoạt, dịch vụ diễn ra trên lưu vực sông Túy Loan. - Thúc đẩy sự phối hợp giữa cộng đồng và các cơ quan quản lý trong quản lý TNN lưu vực sông Túy Loan. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Báo cáo đánh giá hiện trạng lưu vực sông, mô tả các tác động qua lại giữa con người và TNN lưu vực sông Túy Loan. - 01 Sổ tay hướng dẫn lồng ghép các biện pháp bảo vệ TNN trong các hoạt động diễn ra trên lưu vực sông.

		<ul style="list-style-type: none"> - 01 Bản đồ cảnh báo nguy cơ lũ, sạt lở, vỡ đập và phương án báo động, di dời. - 01 Dự thảo thiết chế quản lý lưu vực sông Túy Loan. - Tối thiểu 70% hộ gia đình và 80% học sinh cấp I, II ở 5 xã nhận thức đúng về quản lý tổng hợp TNN <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát lưu vực sông: thu thập các tài liệu về điều kiện tự nhiên, dân sinh, kinh tế trên lưu vực sông: địa hình, điều kiện khí hậu, vị trí địa lý, dân số và nhân khẩu, kinh tế và mức độ đói nghèo, giáo dục và chăm sóc sức khỏe, các hoạt động sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ do địa phương thực hiện (nông-lâm-ngư nghiệp, chăn nuôi, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, làng nghề, quản lý rác thải nông thôn) - Đặc điểm của hệ thống cấp nước đang được đại phương quản lý và sử dụng: tình trạng các nguồn nước, những thay đổi của nguồn nước theo thời gian; các công trình và thiết bị sử dụng, sự thay đổi quản lý theo thời gian. - Nhận dạng, phân tích, các tác động qua lại giữa con người và TNN lưu vực sông. - Xác định các điểm xung yếu có nguy cơ lũ, sạt lở, vỡ đập trong bối cảnh biến đổi khí hậu, đề xuất hệ thống cảnh báo và phương án di dời. - Phân tích mô hình (hệ thống) quản lý tài nguyên nước hiện tại của lưu vực sông Túy Loan: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức vận hành: chức năng của hệ thống, điều lệ và quy định vận hành, năng lực quản lý của cộng đồng; + Thể chế hay tổ chức quản lý: loại hình tổ chức quản lý hệ thống; chức năng và cách thức hợp tác với các bên liên quan; vai trò và tham gia của cộng đồng; + Quản lý tài chính: đóng góp của cộng đồng vào hệ thống; phí sử dụng nước; tiêu thụ nước và hình thức thanh toán; lợi ích tài chính của cộng đồng; + Tác động xã hội: thái độ của cộng đồng đối với sự tham gia quản lý nguồn nước; năng lực quản lý; những lợi ích xã hội tăng thêm mà cộng đồng đạt được; + Tác động sinh thái và môi trường: những thay đổi về chất lượng và khối lượng nước từ mô hình; các tác động đến mùa màng, hoa màu và đời sống tự nhiên; - Đánh giá chung bản chất, mức độ tham gia của cộng đồng, phân tích điểm mạnh, điểm yếu.
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo, báo cáo kết quả và lấy ý kiến của các bên liên quan về các nội dung đã nghiên cứu ở trên. - Nghiên cứu các biện pháp có thể lồng ghép trong các hoạt động sinh sống, sản xuất nhằm bảo vệ nguồn nước. - Biên tập sổ tay hướng dẫn lồng ghép các biện pháp quản lý lưu vực sông trong các hoạt động trên lưu vực sông Túy Loan. - Tổ chức các buổi họp cộng đồng tại tất cả các thôn trên lưu vực; tổ chức các buổi nói chuyện tại các trường cấp I-II của 5 xã; tuyên truyền, phát sổ tay hướng dẫn. - Xúc tiến thành lập Ban quản lý khu vực sông Túy Loan với sự tham gia của đại diện 5 xã. Xây dựng cơ chế hoạt động và huy động tài chính cho Ban này. - Xây dựng thiết chế quản lý lưu vực sông Túy Loan: quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
154	<p>Xử lý chất thải trong sản xuất bún có sự tham gia của cộng đồng</p> <p>Hội Nông dân huyện Triệu Phong</p> <p>Tổng kinh phí: 1.064.700.000 VND GEF SGP: 1.000.000.000 VND</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án phát triển thực hiện nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò quan trọng của môi trường với cuộc sống. - Trang bị cho cán bộ, hội viên, nông dân một số kiến thức cơ bản về môi trường, cách xử lý môi trường trong mỗi gia đình cùng toàn thể thôn, xóm. - Nâng cao năng lực cho cán bộ, hội viên trong lĩnh vực quản lý dự án, nâng cao vai trò trách nhiệm bảo vệ môi trường nông thôn cho cán bộ, hội viên, nông dân xã Triệu Sơn. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất gắn với cải tạo và bảo vệ môi trường. - Thông qua xây dựng mô hình trình diễn để nhân rộng mô hình và tuyên truyền, giáo dục người dân có những việc làm thiết thực góp phần cải tạo và hạn chế ô nhiễm môi trường nông thôn do chính con người gây ra. - Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho con người. - Phát huy nội lực tại chỗ, kết hợp lồng ghép với các nguồn lực khác để người dân tự nguyện đóng góp kinh phí, vật liệu, đất đai và công sức cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng các công trình xử lý nước thải và vệ sinh môi trường nông thôn, bảo vệ nguồn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày càng xanh, sạch đẹp và bền vững. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cho 150 người dân được tham gia, trong đó 70 hộ

		<p>được tham gia và hưởng lợi từ dự án, áp dụng thành công những kiến thức được học vào công tác bảo vệ môi trường và trở thành tuyên truyền viên, hướng dẫn viên trong công tác vệ sinh môi trường nông thôn ở địa phương. Đồng thời đây là điểm tham quan trao đổi kinh nghiệm và học tập tại chỗ về công tác bảo vệ môi trường và từ đó phát triển bền vững và nhân rộng trong cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 70 mô hình xử lý nước thải từ sản xuất bún. - Làm đổi mới tư tưởng cán bộ, hội viên các cấp góp phần nâng cao nhận thức tạo thói quen mới về bảo vệ môi trường trong toàn dân, trong sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt hàng ngày. - Xây dựng được 02 chi tổ hội, câu lạc bộ nông dân tự quản về phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ bền vững môi trường nông thôn. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông trên các kênh thông tin với nhiều hình thức đa dạng, phong phú nhằm biểu dương, khích lệ hộ làm tốt, nhắc nhở hộ chưa làm hoặc chưa đúng. - Huy động các nguồn lực đầu tư hỗ trợ cho hộ nông dân có kinh phí và kỹ thuật xây dựng mô hình. - Hướng dẫn các hộ gia đình quản lý, sử dụng hợp lý nguồn nước sạch; thu gom phân loại rác thải, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải trong sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt phù hợp với điều kiện của địa phương; xây dựng ý thức tự quản và phát động phong trào thi đua giữ vệ sinh đường làng, ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, cải tạo ao tù, nước đọng; xây dựng các chi, tổ hội nông dân, câu lạc bộ nông dân tự quản về môi trường; xây dựng hương ước về bảo vệ môi trường nông thôn. - Phát động phong trào thi đua “Sạch từ nhà ra ngõ và sạch từ ngõ vào nhà”; “Ăn sạch, uống sạch và ở sạch” và xây dựng các nội dung thi đua hưởng ứng tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.
	Hồ Ngọc Hải	
155	Bảo vệ môi trường nước ở Hộ Thành Hào Kinh thành Huế - Di sản Văn	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhằm tăng cường bảo vệ nguồn nước góp phần bảo vệ di tích Đại Nội Huế-Di sản Văn hóa Thế giới trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu.

	<p>hóa Thế giới thông qua việc trục vớt và xử lý bèo dâu tây làm phân vi sinh</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội (CSRĐ)</p> <p>Tổng kinh phí: 461.300.000 VND GEF SGP: 420.000.000 VND</p>	<p>- Nhằm nâng cao vai trò và sự tham gia tích cực của nhóm sinh viên, cộng đồng và các bên liên quan trong việc bảo vệ môi trường nước, giữ gìn cảnh quan trong khu vực di sản. Đồng thời, giúp người dân nhận biết được lợi ích từ việc tận dụng rác thải hữu cơ để sản xuất phân hữu cơ vi sinh phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp nhằm cải thiện tính chất đất đai, nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hướng đến thân thiện với môi trường.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <p>- 90 người (gồm nhóm HSRN, những người làm công tác bảo tồn di tích, hộ dân xung quanh khu vực đại nội Huế) sẽ hiểu và nhận thức rõ hơn về nguồn nước, vai trò, chức năng nguồn nước trong bảo tồn di sản thế giới khi khí hậu toàn cầu đang thay đổi.</p> <p>- Sự thay đổi về hành vi và thái độ của người dân và Chính quyền đại phương trong việc giữ gìn cảnh quan môi trường và ở khu vực nội thành Huế thông qua việc quan sát, tham gia các đợt thu gom xử lý cây bèo trên hệ thống Hồ Thành Hào và tận dụng rác thải nông nghiệp, rác thải hữu cơ để sản xuất ra nguồn phân hữu cơ vi sinh phục vụ cho nông nghiệp.</p> <p>- Mô hình sản xuất phân vi sinh từ bèo lục bình được triển khai và áp dụng rộng rãi và thường xuyên cho ít nhất là 80 hộ ở đang có hoạt động trồng rau màu ở khu vực lân cận.</p> <p>Môi trường nước ở Hồ Thành Hào được cải thiện, đảm bảo sự khơi thông dòng chảy trong mùa mưa lũ.</p> <p>- Môi trường sống của người dân quanh Hồ Thành Hào và môi trường du lịch Đại nội Huế sẽ được cải thiện và trong lành hơn.</p> <p>- Quang cảnh của toàn khu di tích Đại Nội Huế sẽ được sạch đẹp hơn và làm nổi bật kiến trúc và ý nghĩa của Hồ Thành Hào, từ đó có thể phát triển tour du lịch bằng thuyền quanh Hồ Thành Hào.</p>
	Hồ Ngọc Hải	
156	<p>Nghiên cứu chế tạo màng BC (Bacterial cellulose) từ vi khuẩn ứng dụng trong bảo quản thực phẩm ở Sơn La</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyển chọn, định loại chủng vi khuẩn tiềm năng có khả năng sinh màng Bacterial cellulose (BC) - Nghiên cứu một số đặc tính vật lý của màng BC. - Xây dựng được qui trình công nghệ chế tạo màng BC. - Sản xuất thử nghiệm 20.000-30.000 túi bảo quản thực phẩm BC kích thước 30x40 cm.

	<p>Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Sơn La</p> <p>Tổng kinh phí: 2.200.000.000 VND GEF SGP: 1.950.000.000 VND</p>	<p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định chủng vi khuẩn sinh màng BC. - Xác định môi trường dinh dưỡng và điều kiện nuôi cấy thích hợp cho chủng vi khuẩn sinh màng BC. - Đánh giá chất lượng, mức độ an toàn vệ sinh thực phẩm và thân thiện với môi trường của túi bảo quản thực phẩm BC. - Tổ chức 02 Hội thảo báo cáo khoa học. - Xây dựng quá trình thu nhận màng BC. - Tổ chức 01 lớp tập huấn về thu nhận màng BC và sản xuất thử nghiệm túi bảo quản thực phẩm BC. - Tổ chức sản xuất thử nghiệm túi bảo quản thực phẩm BC. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <p>Giai đoạn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu một số đặc tính sinh lí, sinh hóa của chủng vi khuẩn tiềm năng. - Thí nghiệm và tuyển chọn chủng vi khuẩn tiềm năng có khả năng sinh màng BC. - Định loại đến loài và vẽ cây phân loại cho chủng vi khuẩn tiềm năng. - Lựa chọn môi trường dinh dưỡng và điều kiện nuôi cấy thích hợp cho chủng vi khuẩn tiềm năng. - Tạo màng BC trong phòng thí nghiệm. - Nghiên cứu một số đặc tính vật lý của màng BC tạo ra từ chủng vi khuẩn tiềm năng. - Đánh giá chất lượng, an toàn của sản phẩm màng BC. - Tổ chức 02 Hội thảo báo cáo khoa học. - Xây dựng quy trình tạo và thu nhận màng BC trong phòng thí nghiệm. <p>Giai đoạn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình công nghệ tạo và thu nhận màng BC để sản xuất công nghiệp. - Tổ chức sản xuất thử nghiệm túi bảo quản thực phẩm BC. - Tổ chức 01 lớp tập huấn về thu nhận màng BC và sản xuất thử nghiệm túi bảo quản thực phẩm BC.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
157	<p>Khảo sát yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến bảo vệ</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại các xã vùng đệm Khu bảo tồn;

	<p>đa dạng sinh học của đồng bào Bru – Vân Kiều, Tà Ôi tại các xã vùng đệm thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị</p> <p>Hội Khoa học kỹ thuật Bảo vệ rừng và đa dạng sinh học tỉnh Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí: 450.000.000 VND GEF SGP: 400.000.000 VND</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến ĐDSH tại Khu bảo tồn; - Tìm hiểu kiến thức bản địa của người dân áp dụng trong công tác bảo vệ rừng; - Tìm hiểu các nhu cầu của người dân và giúp họ tiếp cận với khoa học kỹ thuật góp phần cải thiện phần nào cuộc sống, đặc biệt là cho người dân tộc và phụ nữ. <p>2. Các hoạt động dự án và kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về dân số và dân tộc vùng dự án - Các hoạt động kinh tế: chủ yếu là Nông-Lâm nghiệp, trong đó nông nghiệp chiếm 92% lực lượng lao động, diện tích trồng rừng còn thấp, số vườn nhà chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ với mô hình chưa đưa lại hiệu quả kinh tế cho người dân. Chăn nuôi chưa biết khai thác thuận lợi đồi núi, đồng cỏ, ao hồ nên đàn gia súc, gia cầm và ao cá ở đây có năng suất và hiệu quả kinh tế còn thấp. - Cơ sở hạ tầng: Cơ sở hạ tầng còn thấp kém, đi lại và thông tin liên lạc còn rất khó khăn, y tế giáo dục hầu như chưa có gì và chỉ tập trung ở trung tâm xã. - Mức sống: Sự khác biệt giữa mức sống của người dân do 3 nguyên nhân: người dân sống bằng sản xuất nông nghiệp, sống nhờ các khoản lương và trợ cấp chính phủ, do vị trí địa bàn. - Hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học: <ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá chung: tiến hành phát hiện và ghi nhận sự có mặt nhiều loài hệ động và thực vật; + Các nguyên nhân làm suy thoái đa dạng sinh học: <ul style="list-style-type: none"> - Các nguyên nhân trực tiếp (Xâm lấn đất lâm nghiệp để làm nương rẫy; Khai thác gỗ; Săn bắt động vật rừng; Khai thác lâm sản phi gỗ khác; Hoạt động khai thác các loại cây quý như chưng cất dầu; Chiến tranh (chất động hóa học, bom); Thiên tai, xây dựng, làm đường, thủy điện...) - Các nguyên nhân về kinh tế xã hội, chính sách (dân số, nghèo đói; thiếu đất canh tác; không có nghề phụ; phân bố dân cư rải rác, địa hình phức tạp, trình độ dân trí thấp, sự bất đồng ngôn ngữ giữa các khu vực... Các chính sách về lâm nghiệp; qua từng gia đoạn, tác động của cơ sở pháp lý, tình hình quản lý khu bảo tồn của Ban quản lý...)
	Nguyễn Ngọc Lung	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

		<p>tham quan học tập kinh nghiệm tỉnh ngoài cho Ban quản lý dự án của tỉnh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 02 cuộc hội thảo khởi động dự án tại 02 xã và 01 cuộc hội thảo tại huyện để đánh giá kết quả dự án. - Tổ chức 02 hội thi tại 02 xã và 01 hội thi cấp huyện (chung cho 2 xã) - In ấn tờ gấp và xây dựng phóng sự ngắn để tuyên truyền về môi trường và hoạt động hiệu quả của dự án.
	Hồ Ngọc Hải	
160	<p>Phát triển du lịch cộng đồng gắn với thiên nhiên theo hướng bền vững tại bản En, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa</p> <p>Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu</p> <p>Tổng kinh phí: 950.000.000 VND GEF SGP: 900.000.000</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <p>Mục tiêu 1: Nâng cao năng lực quản lý và dịch vụ du lịch cho ban quản lý và người dân địa phương.</p> <p>Mục tiêu 2: Khôi phục, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của bản.</p> <p>Mục tiêu 3: Giới thiệu được các giá trị tiềm năng du lịch của bản về du lịch cộng đồng, gắn với thiên nhiên.</p> <p>Mục tiêu 4: Gắn phát triển du lịch cộng đồng với cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ môi trường.</p> <p>Mục tiêu 5: Tạo công ăn việc làm và xóa đói, giảm nghèo cho cộng đồng.</p> <p>2. Kết quả dự kiến:</p> <p>Kết quả cho mục tiêu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập được Ban quản lý du lịch tại bản En gồm 8 thành viên. - Có được 01 hội nghị triển khai dự án. - Có được 01 khóa đào tạo về kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động du lịch cho Ban quản lý và 10 hộ gia đình. - Có được 01 bản quy chế quản lý du lịch; 01 bản quy chế chia sẻ lợi ích. - 10 hộ gia đình, 01 cán bộ xã, 02 cán bộ Khu bảo tồn và 01 lãnh đạo bản có được kỹ năng thực hiện du lịch sinh thái. <p>Kết quả cho mục tiêu 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có được 10 nhà sàn đạt tiêu chuẩn nhà nghỉ cộng đồng. - Có được 10 bộ chăn, đệm, bông lau, gối và màn. - Khôi phục và củng cố được 01 đội văn nghệ của bản. <p>Kết quả cho mục tiêu 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có được 01 tấm Pano để giới thiệu, quảng bá du lịch

		<p>bản En.</p> <ul style="list-style-type: none"> - In ấn được 2000 tờ rơi, tờ gấp giới thiệu và quảng bá du lịch. - Có được 01 bảng chỉ dẫn, hướng dẫn cho khách du lịch. <p>Kết quả cho mục tiêu 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có được tuyến đường mòn vào hang Dùn dài 3km - Có được 10 thùng đựng rác thải giả gỗ để tại các điểm du lịch và trên các tuyến đường mòn. - Có được 05 nhà tắm và nhà vệ sinh tự hoại khép kín. <p>Kết quả cho mục tiêu 5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo được việc làm thường xuyên cho ít nhất 40 người trong bản. - 100% số hộ trong bản thoát đói, số hộ nghèo giảm xuống còn 2% sau khi dự án hoạt động được 5 năm. - Có được 01 mô hình trồng rau sạch, 01 mô hình chăn nuôi phục vụ khách thăm quan và làm thực phẩm sạch cho khách và sử dụng tại chỗ cho bản. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <p>Hoạt động của kết quả 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thành lập Ban quản lý dự án bản En gồm 8 thành viên và tổ chức 01 hội nghị triển khai dự án. - Xây dựng 01 bản quy chế quản lý du lịch, 01 án quy chế chia sẻ lợi ích về du lịch. - Tổ chức 01 khóa tập huấn 5 ngày về kỹ năng quản lý và thực chi các hoạt động du lịch cho ban quản lý và 10 hộ gia đình. - Tổ chức 01 đợt tham quan học tập (7 ngày) tại Sapa cho 14 người. <p>Hoạt động của kết quả 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, sửa chữa 10 nhà sàn phục vụ khách nghỉ qua đêm. - Mua sắm 10 bộ chăn, đệm, bông lau, gối và màn. - Hỗ trợ, củng cố đội văn nghệ của bản. <p>Hoạt động của kết quả 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 01 tấm Pano để giới thiệu, quảng bá du lịch bản En. - Phối hợp in ấn 2000 tờ rơi, tờ gấp giới thiệu và quảng bá du lịch. - Xây dựng 01 bảng chỉ dẫn, hướng dẫn cho khách du lịch.
--	--	---

		<p>Hoạt động của kết quả 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tuyến đường mòn hang Dùn dài 3km. - Xây dựng 10 thùng đựng rác thải giả gỗ đặt tại các điểm du lịch và trên các tuyến đường mòn. - Xây dựng 5 hệ thống nhà tắm và nhà vệ sinh tự hoại khép kín. <p>Hoạt động kết quả 5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 01 mô hình trồng rau sạch - Xây dựng 01 mô hình chăn nuôi phù hợp
	Nguyễn Ngọc Sinh	
161	<p>Huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức xã hội dân sự cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan về môi trường trong chương trình nghị sự của Quốc hội (2014-2015) thông qua phản biện và giám định xã hội</p> <p>Viện Khoa học Lãnh đạo và Quản lý</p> <p>GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <p>Mục tiêu tổng quát: Nhận diện thực trạng và phân tích nguyên nhân của việc huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức xã hội dân sự cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan về môi trường trong chương trình nghị sự của Quốc hội (2014-2015) thông qua phản biện và giám định xã hội.</p> <p>Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng cơ chế thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác phản biện, giám định xã hội của các tổ chức xã hội dân sự cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan về môi trường trong chương trình nghị sự của Quốc hội (2014-2015)</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện thực trạng của việc huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức xã hội dân sự cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan về môi trường trong chương trình nghị sự của Quốc hội (2014-2015) thông qua phản biện và giám định xã hội. - Phân tích nguyên nhân thành công và hạn chế của việc huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức xã hội dân sự cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan về môi trường trong chương trình nghị sự của Quốc hội (2014-2015) thông qua phản biện và giám định xã hội. - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả phản biện và giám định xã hội của các tổ chức xã hội dân sự cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan về môi trường trong chương trình nghị sự của Quốc hội (2014-2015). - Đề xuất giải pháp để xây dựng cơ chế thực hiện phản biện và giám định xã hội của các tổ chức xã hội dân sự

		<p>cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan về môi trường trong chương trình nghị sự của Quốc hội (2014-2015)</p> <p>3. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ số liệu (cả định tính và định lượng) về thực trạng sự tham gia, đóng góp của các tổ chức xã hội dân sự cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan về môi trường trong chương trình nghị sự của Quốc hội (2014-2015) - Hệ giải pháp nâng cao hiệu quả của việc tham gia, đóng góp của các tổ chức xã hội dân sự cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan về môi trường trong chương trình nghị sự của Quốc hội (2014-2015) - Cơ chế thực hiện phản biện, giám định xã hội của các tổ chức xã hội dân sự trong việc tham gia, đóng góp xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan về môi trường. <p>Bên cạnh đó, dự án sẽ đem lại những lợi ích nhất định cho cộng đồng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các luật có liên quan đến bảo vệ môi trường được xây dựng và/hoặc sửa đổi đều cùng chung quan điểm: Bảo vệ môi trường cho toàn cộng đồng, tổ chức... đồng thời đảm bảo lợi ích của các tổ chức, các hiệp hội... có liên quan đến bảo vệ môi trường trong sự phát triển của mình. Từ đó góp phần vào việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam, có tính khả thi cao và sự thích ứng trong thời gian dài (đảm bảo tính bền vững của Luật môi trường sửa đổi cũng như các luật có liên quan đến bảo vệ môi trường: “Tuổi thọ” của các luật có liên quan, đảm bảo tính chiều cạnh và mối quan hệ giữa các luật với nhau như không có sự chồng chéo, không có sự cản trở nhau mà lại có sự hỗ trợ cho nhau) - Các điều khoản có liên quan đến bảo vệ môi trường của các luật có liên quan đến bảo vệ môi trường không bị chồng chéo, trùng lặp. - Tăng cường và phát huy hoạt động phản biện và giám định xã hội trong việc huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức xã hội dân sự cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan đến môi trường nói chung hay từ tác động của luật liên quan đến môi trường đối với từng tổ chức dân sự cụ thể.
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, hiệp hội... trong việc bảo vệ môi trường cũng như giảm thiểu những tác động không tích cực đến lợi ích của các tổ chức, hiệp hội trong việc bảo vệ môi trường. - Nâng cao năng lực về phản biện và giám định xã hội của các tổ chức xã hội dân sự trong việc tham gia, đóng góp của các tổ chức xã hội cho việc xây dựng và/hoặc sửa đổi các luật có liên quan đến bảo vệ môi trường nói riêng, đối với các lĩnh vực khác nói chung. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sưu tầm tài liệu phục vụ nghiên cứu của dự án. - Tổ chức các cuộc hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học. - Khảo sát điều tra thực tế trong nước. - Xây dựng báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt của dự án.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
162	<p>Lập kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM) cho xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế (HUSTA)</p> <p>Tổng kinh phí: 950.000.000 VND GEF SGP: 950.000.000 VND</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <p>Mục tiêu chung của dự án là giảm thiểu mức độ tổn thương về người và của cho người dân ở xã Quảng Ngạn huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>Trên cơ sở mục tiêu chung của dự án, những mục tiêu cụ thể sau cần phải đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập được kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. - Tăng cường năng lực cho cán bộ cấp xã trong việc phân cấp và lập kế hoạch tham gia cho việc quản lý và đánh giá rủi ro thiên tai. - Đề xuất các nội dung nhằm cung cấp cho các cán bộ xã, tuyên truyền viên, tập huấn viên xã và người dân các kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật toàn diện về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng. - Phát triển và lập các kế hoạch thích hợp về giảm thiểu rủi ro thiên tai tại cấp cộng đồng ở khu vực dự án. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. - Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó thảm họa được đề xuất nhằm giảm thiểu thiệt hại dựa trên nhu cầu, khả năng và nhận thức về rủi ro của người dân. <p>3. Hoạt động dự kiến</p>

		<p>Đánh giá rủi ro thiên tai có sự tham gia – là quá trình sử dụng các công cụ có sự tham gia cho phép người dân trong cộng đồng chia sẻ và phân tích và kết luận mức độ rủi ro thiên tai. Quá trình gồm 4 bước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiểm họa – xác định các mối hiểm họa thiên nhiên hoặc nhân tạo hoặc các mối đe dọa cho cộng đồng và tìm hiểu tính chất và hành vi của hiểm họa. - Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương – xác định yếu tố nào có nguy cơ và tính toán mức độ dễ bị tổn thương của các yếu tố có nguy cơ thành một hiểm họa. - Đánh giá năng lực – xác định là khả năng cần thiết để giải quyết bản chất của hiểm họa và năng lực cần thiết để giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương của các yếu tố có nguy cơ. - Phân tích hiểm họa thiên tai – là quá trình tập hợp các phát hiện về hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương và các đánh giá năng lực cũng như đưa ra kết luận và đề xuất cho công tác giảm thiểu rủi ro thiên tai <p>Xác định các biện pháp giảm thiểu rủi ro – các biện pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai nhằm mục đích “vá những lỗ hổng” trong phòng tránh, giảm nhẹ hiểm họa và giảm tính dễ bị tổn thương và tăng khả năng phòng tránh cho các yếu tố có nguy cơ. Những biện pháp này có thể là công trình hoặc phi công trình.</p> <p>Lập kế hoạch dựa trên mức độ rủi ro – lồng ghép tóm tắt các biện pháp giảm rủi ro đã được xác định bao gồm thủ tục thực hiện nhằm giảm rủi ro thiên tai.</p> <p>Tổ chức nhóm giảm thiểu rủi ro (nhóm ứng phó cộng đồng) được biết đến dưới tên gọi là tổ chức/cơ quan “chức năng”. Việc tổ chức này nhằm mục đích hình thành một nhóm có vai trò ra quyết định thống nhất để đảm bảo quyền chủ sở hữu của cộng đồng trong các quá trình giảm nguy cơ thiên tai, dự án/kế hoạch, các thách thức và lợi ích.</p>
	Nguyễn Trọng Hiệu	
163	Tăng cường hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội và	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <p>Tăng cường hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội và vận động chính sách của Liên hiệp hội địa phương, góp phần bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>

<p>vận động chính sách trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu thông qua sự phối hợp hoạt động giữa Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tại các tỉnh Quảng Trị và Phú Thọ</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị</p> <p>Tổng kinh phí: 1.450.000.000 VND GEF SGP: 1.050.000.000 VND</p>	<p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 02 lớp tập huấn về tư vấn, phản biện, giám định xã hội và vận động chính sách được tổ chức tại 2 tỉnh Quảng Trị và Phú Thọ. - 02 chương trình phối hợp hoạt động giữa Hội đồng nhân dân tỉnh và Liên hiệp hội tỉnh trong lĩnh vực tư vấn, phản biện và giám định xã hội đã được ký kết. Các quyết định về tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Ủy ban nhân dân tỉnh được rà soát, sửa đổi, bổ sung. - 02 cơ sở dữ liệu chuyên gia tư vấn, phản biện và giám định xã hội của 2 tỉnh được xây dựng. - 02 hội thảo về tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu và 01 hội thảo báo cáo kết quả thực hiện dự án được tổ chức. - 06 nhiệm vụ tư vấn, phản biện về môi trường và biến đổi khí hậu được thực hiện tại 2 tỉnh Quảng Trị và Phú Thọ. - 02 báo cáo chuyên đề về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của các Liên hiệp hội địa phương, 01 báo cáo tổng quan về hoạt động tư vấn, phản biện của Liên hiệp các Hội KH&KT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW, 02 báo cáo tổng kết các hội thảo khu vực, 01 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện. - 300 cuốn tài liệu về dự án được in ấn. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các lớp tập huấn tăng cường sự hiểu biết, kiến thức và kỹ năng tư vấn phản biện, giám định xã hội và vận động chính sách, nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường chính như đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, thoái hóa đất và hoang mạc hóa, ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải... - Vận động chính sách: Rà soát, đề xuất sửa đổi các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng các chương trình phối hợp hoạt động giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Liên hiệp hội các tỉnh về tư vấn, phản biện và giám định xã hội. - Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia tư vấn, phản biện và giám định xã hội tại 2 tỉnh Quảng Trị và Phú Thọ. - Chia sẻ kinh nghiệm giữa 2 địa phương trong công tác tư vấn, phản biện, giám định xã hội và vận động chính sách. - Thực hiện 06 nhiệm vụ tư vấn, phản biện cho các đề án/ dự án của 2 địa phương Quảng Trị và Phú Thọ. - Tư liệu hóa kết quả của dự án.
Nguyễn Chu Hồi	

164	<p>Xây dựng mô hình trình diễn quản lý tổng hợp chất thải và xử lý nước thải bệnh viện cỡ nhỏ và trung bình bằng công nghệ Biotech tại bệnh viện Đa khoa tư nhiên ACA, Bim Sơn, Thanh Hóa</p> <p>Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 1.800.000.000 VND GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <p>Xây dựng một mô hình hệ thống quản lý chất thải tổng hợp từ nguồn và hệ thống xử lý nước thải bệnh viện cỡ nhỏ và trung bình bằng công nghệ sinh học đạt chuẩn Việt Nam nhưng lại tối ưu hóa chi phí đầu tư, vận hành mà khả thi về kỹ thuật và bền vững về kinh tế cho các cơ sở không có kinh phí nhà nước hỗ trợ. Thông qua việc xây dựng mô hình dự án sẽ góp phần giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước, môi trường cho thị xã Bim Sơn, trở thành mô hình tham quan học hỏi cho các doanh nghiệp, cơ sở y tế tư nhân và người dân trong tỉnh và các vùng lân cận.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn 01 cơ sở triển khai xây dựng mô hình quản lý chất thải tổng hợp từ nguồn của bệnh viện cỡ nhỏ và trung bình và hệ thống xử lý nước thải nói riêng có tính bền vững về kinh tế, khả thi, đạt chuẩn về mặt kỹ thuật, có sự tham gia của các chuyên gia trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, các ban ngành, cộng đồng. - Tính toán, thiết kế, lập hồ sơ, phê duyệt, dự toán, kế hoạch thi công xây dựng, vận hành các hệ thống trên. - Thi công xây dựng, nghiệm thu, đào tạo chuyên gia và bàn giao. - Tổ chức tham quan mô hình trình diễn, quảng bá giới thiệu để nhân lên diện rộng. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được cơ sở triển khai mô hình. Có bản thiết kế, kế hoạch hành động, kinh phí của hệ thống quản lý rác tổng hợp toàn bệnh viện và hệ thống xử lý nước thải. - Bản thiết kế hệ thống quản lý rác tổng hợp và hệ thống xử lý nước thải có tính khả thi cao và được các ngành chức năng phê duyệt. - Hệ thống quản lý rác tổng hợp và hệ thống xử lý nước thải theo thiết kế. - Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng.. - Tổ chức các hội thảo giới thiệu mô hình, in ấn được các ấn phẩm hay, thiết thực để nhân rộng mô hình. <p>3. Các hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn địa điểm, khảo sát bệnh viện đề xuất các biện pháp quản lý chất thải nói chung và biện pháp xử lý nước thải nói riêng.
-----	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt thiết kế về hệ thống quản lý rác thải và hệ thống xử lý nước thải. - Tổ chức thi công công trình mua sắm lắp đặt các trang thiết bị cần thiết. - Vận hành thử, tổ chức nghiệm thu công trình. - Tổ chức tham quan mô hình trình diễn, quảng bá giới thiệu để nhân lên diện rộng.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
165	<p>Nâng cao khả năng ứng phó với ô nhiễm phóng xạ tự nhiên cho cộng đồng dân tộc thiểu số tại những khu vực có mức độ ô nhiễm phóng xạ cao tỉnh Hà Giang</p> <p>Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Hà Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 1.300.000.000 VND GEF SGP: 1.000.000.000 VND</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp cộng đồng nói chung và người dân tộc thiểu số nói riêng nâng cao khả năng ứng phó, phòng tránh và giảm nhẹ tác động của ô nhiễm phóng xạ tự nhiên tới sức khỏe người dân, góp phần ổn định sản xuất và đời sống xã hội. - Nêu cao trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc triển khai các biện pháp tăng cường ứng phó với ô nhiễm phóng xạ tự nhiên khu vực ô nhiễm và nguy cơ ô nhiễm phóng xạ cao. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân khu vực không an toàn và vùng nguy hiểm về ô nhiễm phóng xạ tự nhiên có nhận thức đầy đủ về những tác hại của ô nhiễm phóng xạ đối với sức khỏe con người. - Xác định và tuyên truyền cho các cấp chính quyền, người dân nắm bắt cụ thể về các khu không an toàn, khu nguy hiểm về ô nhiễm phóng xạ để cảnh giác và ứng phó. - Cộng đồng dân cư khu vực ô nhiễm biết các ứng phó, phòng tránh và chủ động triển khai các biện pháp hạn chế tác động của ô nhiễm phóng xạ trong sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân. - Các cấp chính quyền có nhận thức đầy đủ và có thể chủ động đề ra các biện pháp tăng cường ứng phó với ô nhiễm phóng xạ một cách hệ thống, bền vững. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ kết quả đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã nghiên cứu đánh giá. Tiến hành phúc tra, xác định cụ thể những khu vực không an toàn, khu vực nguy hiểm và cực kỳ nguy hiểm về ô nhiễm phóng xạ đang có tác động trực tiếp tới hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân. - Tuyên truyền cho cộng đồng, cấp chính quyền nói chung và dân tộc thiểu số khu vực ô nhiễm về: địa điểm ô nhiễm; tác động của bức xạ tới đời sống, sức khỏe con người; các biện pháp và sự cam kết của cộng đồng về ứng phó, phòng tránh và

		<p>giảm nhẹ nguy cơ tác động của ô nhiễm bức xạ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình ứng phó, phòng tránh ô nhiễm bức xạ tại 01 điểm có ô nhiễm mức xạ điển hình. - Tổ chức hội thảo, đánh giá.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
166	<p>Tăng thu nhập bền vững cho các hộ dân trồng nấm huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng</p> <p>Hội nông dân huyện Hòa Vang</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 VND GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <p>Tăng thu nhập cho người trồng nấm ở xã Hòa Tiến cũng như huyện Hòa Vang.</p> <p>Mô hình thành công sẽ được khuyến cáo nhân rộng cho các quận có hộ trồng nấm trên đại bàn thành phố Đà Nẵng và có thể nhân rộng trên toàn quốc.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <p>Hỗ trợ 5 máy phá bịch nấm, hướng dẫn sử dụng cho 5 nhóm (5 người/nhóm)</p> <p>Tất cả các hộ gia đình (90 hộ) trồng nấm được lựa chọn làm phân vi sinh thử nghiệm có thiết bị làm phân vi sinh, nắm rõ quy trình làm phân vi sinh có chất lượng cao và duy trì việc làm phân vi sinh từ phế thải trồng nấm. Sau khi thành công, các hộ sẽ hướng dẫn làm và sử dụng phân vi sinh cho các hộ khác.</p> <p>Bộ phận marketing của HTX sẽ đảm nhiệm toàn bộ khâu thu gom, phân loại, đóng gói, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nấm cho toàn bộ xã viên của HTX cũng như các hộ xã viên trồng nấm trong huyện theo hợp đồng thỏa thuận.</p> <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <p>Hướng dẫn sử dụng phế thải trồng nấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ máy phá bịch và hướng dẫn sử dụng - Chuẩn bị tài liệu về phương pháp, kỹ thuật ủ phân vi sinh - Tổ chức lớp tập huấn (3 lớp cho 90 học viên đại diện đến từ các xã) - Hỗ trợ các thiết bị cần thiết cho 90 hộ đại diện để làm phân vi sinh. - Làm thử cùng các hộ - Theo dõi, đánh giá và thực hiện các giải pháp nhằm duy trì hoạt động làm phân vi sinh. <p>Tư vấn tăng cường năng lực cho HTX Nấm Hòa Tiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát và dự kiến bổ sung nhân lực vào bộ phận marketing nấm - Rà soát và dự kiến bổ sung vật lực.

		<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo quy chế hoạt động (giá mua, bán, lương, phân bổ lợi nhuận...) - Lên dự thảo kế hoạch hành động marketing năm. <p>Đảm bảo sự tham gia của xã viên vào chuỗi giá trị Nấm Hòa Tiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tài liệu thuyết trình về tầm quan trọng của liên kết - Chuẩn bị quà (để khuyến khích sự tham gia của hộ trồng nấm) - Tổ chức họp cộng đồng, huy động hộ trồng nấm gia nhập HTX năm - Ký kết gia nhập và cùng nhau xây dựng chuỗi giá trị nấm. - Hợp xã viên HTX lấy ý kiến của xã viên về: Cơ cấu của bộ phận marketing năm của HTX Hoạt động của bộ phận marketing năm của HTX Hạch toán tài chính, kế hoạch sử dụng lãi Hợp đồng thu mua nấm Án định ngày bắt đầu dịch vụ Lên kế hoạch quảng cáo - Ký kết các hợp đồng mua bán nấm giữa xã viên và HTX <p>Triển khai hoạt động marketing</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở cửa hàng phân phối các mặt hàng của nhãn hiệu “Nấm Hòa Tiến” tại thành phố (gần tòa nhà hành chính của thành phố) - Thực hiện hoạt động quảng cáo - Tiến hành các hoạt động của bộ phận marketing năm của HTX - Giám sát và đánh giá định kỳ hoạt động của HTX và bộ phận marketing của HTX
	Trần Thúc Sơn	
167	Sử dụng phân bón hữu cơ Thiên Nông (chế biến từ bã mắm thải loại) để sản xuất rau an toàn theo hướng Việt GAP đạt hiệu quả kinh tế cao và bảo	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <p>Mục tiêu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các chất thải loại để sản xuất phân bón hữu cơ, giá rẻ dùng cho sản xuất cây trồng an toàn theo hướng Việt Gap, đạt hiệu quả kinh tế cao cho Doanh nghiệp nhỏ và nông dân. - Góp phần bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và an sinh xã hội. <p>Mục tiêu cụ thể:</p>

	<p>vệ môi trường sinh thái</p> <p>Trung tâm Tư vấn, Chuyển giao Khoa học Công nghệ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 2.420.000.000 VND GEF SGP: 1.210.000.000 VND</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục tình trạng nông dân dùng các loại phân bón không hợp vệ sinh như phân bắc phân chuồng tươi, phân không đủ tiêu chuẩn ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng. - Giúp cho người dân tiêu thụ xác bã nấm, hiểu biết và sử dụng phân khoáng hữu cơ để sản xuất rau an toàn đạt hiệu quả kinh tế, môi trường cao. - Sử dụng phân bón hữu cơ trong sản xuất nói chung và rau an toàn nói riêng, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo môi trường, môi sinh xanh, sạch, bền vững. <p>2. Hoạt động và kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra đánh giá về xác bã mầm thải loại tại vùng dự án - Phối hợp với công ty TNHH Minh Tiến hoàn thiện quy trình sản xuất tiêu thụ phân khoáng hữu cơ Thiên Nông phục vụ cho sản xuất rau an toàn nói riêng và cây trồng nói chung - Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân gom, sơ chế và cung cấp cho doanh nghiệp xác bã mầm, sử dụng phân hữu cơ trong trồng trọt, đạt hiệu quả cao - Xây dựng mô hình sản xuất đạt hiệu quả, sơ tổng kết và mở rộng mô hình, giúp nông dân và doanh nghiệp nhỏ phát triển.
	Trần Thúc Sơn	
168	<p>Quản lý khai thác bền vững nguồn lợi cá kèo giống ở khu vực ven biển Sóc Trăng có sự tham gia của cộng đồng</p> <p>Hội nghề cá tỉnh Sóc Trăng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.150.000.000 VND GEF SGP: 950.000.000 VND</p>	<p>1. Mục tiêu dự án</p> <p>Mục tiêu chung: Khai thác bền vững nguồn lợi cá kèo giống trong tự nhiên ở vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát huy được vai trò làm chủ của cộng đồng trong công tác quản lý khai thác, bảo vệ nguồn lợi cá kèo giống ở khu vực ven biển tỉnh Sóc Trăng. - Tăng cường nhận thức, hiểu biết về năng lực xây dựng mô hình trình diễn cộng đồng bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn lợi cá kèo giống trong tự nhiên ở vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng - Xây dựng mô hình quản lý khai thác cá kèo giống hợp lý nhằm phục hồi nguồn lợi cá kèo giống ở khu vực ven biển Sóc Trăng - Đánh giá hiệu quả mô hình và rút ra các bài học kinh nghiệm, biên soạn tài liệu kỹ thuật về mô hình trình diễn nhằm mục tiêu nhân rộng mô hình tại các địa phương có điều kiện tương tự. <p>2. Kết quả dự kiến</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Số liệu hiện trạng về sử dụng và khai thác các kèo giống ở Sóc Trăng - Bản đồ quy hoạch chi tiết phân vùng khai thác cá kèo giống - Bộ quy chế quản lý khai thác cá kèo giống có sự tham gia của cộng đồng - Thẻ chế tổ chức cộng đồng bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn lợi cá kèo giống - Mô hình quản lý khai thác cá kèo giống có sự tham gia của cộng đồng - Nguồn lợi cá kèo giống ở khu vực ven biển tỉnh Sóc Trăng được bảo tồn và khai thác hợp lý - Các hoạt động truyền thông và đào tạo được tổ chức thành công <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập tổ công tác để điều hành dự án. - Khảo sát điều tra thực địa cùng kết hợp với tổng luận kết quả của các dự án đi trước về đánh giá hiện trạng nguồn lợi cá kèo giống tự nhiên ở khu vực ven biển Sóc Trăng để có được số liệu về hiện trạng sử dụng và khai thác cá kèo giống ở Sóc Trăng. - Tổ chức tập huấn cho nhóm hạt nhân của mô hình quản lý khai thác có sự tham gia của cộng đồng. - Tổ chức hội thảo chuyên gia. - Hội thảo tham vấn cộng đồng về sinh kế địa phương. - Tổ chức tập huấn về quy hoạch cho lãnh đạo, cán bộ, và cộng đồng ngư dân ven biển tỉnh Sóc Trăng. - Xây dựng quy chế quản lý khai thác cá kèo giống có sự tham gia của cộng đồng - Tổ chức cho cộng đồng tham quan, học tập một số mô hình đồng quản lý trong khai thác thủy sản và bảo vệ nguồn lợi có hiệu quả (xã Thạnh Phú – tỉnh Bến Tre, Đầm Trà Ô huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định) - Xây dựng chương trình giám sát - Xây dựng tài liệu tuyên truyền - Tổ chức tuyên truyền để cộng đồng hiểu tầm quan trọng của việc khai thác bền vững nguồn lợi cá kèo giống gắn liền với phát triển kinh tế xã hội
	Nguyễn Chu Hồi	
169	Tên dự án: Hỗ trợ thực hiện	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Triển khai thực hiện chính sách phát

	<p>chính sách phát triển cây sắn bền vững thông qua các mô hình thâm canh sắn dựa vào cộng đồng, trên diện tích đất có nguy cơ thoái hóa, bạc màu do điều kiện canh tác và các tác động BĐKH (hạn hán, thoái hóa đất) tại Bình định.</p> <p>Tên tổ chức: Hội làm vườn Bình Định</p> <p>Tổng kinh phí: 1 650 000 000 đồng</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 1 000 000 000 đồng</p>	<p>triển cây sắn bền vững thông qua các mô hình thâm canh sắn dựa vào cộng đồng trên diện tích đất có nguy cơ thoái hóa bạc màu do điều kiện canh tác và các tác động BĐKH (lũ lụt, hạn hán), góp phần giảm thiểu thiệt hại do hạn hán, rửa trôi gây thoái hóa đất, nâng cao thu nhập cho người dân trồng sắn tại Bình Định.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nâng cao năng lực quản lý thực hiện, thực hiện các mô hình thâm canh cho cán bộ cơ sở tại các địa phương. + Phát triển hệ thống tín dụng hỗ trợ phát triển sắn thâm canh tại các địa phương trên cơ sở chính sách đã ban hành. + Xây dựng các mô hình sản xuất thâm canh sắn bền vững, phù hợp với điều kiện địa phương tại các huyện, Phù cat, Tây Sơn và Hoài Ân. <p>Theo dõi, thu thập số liệu, đánh giá hiệu quả, tổng kết, tổ chức hội thảo, tập huấn kỹ thuật và tài liệu hóa các kết quả của dự án.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nâng cao năng lực nhận thức về biến đổi khí hậu cho cộng đồng và chính quyền địa phương. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung XD mô hình sx thâm canh sắn theo hướng bền vững dựa vào cộng đồng trên cơ sở triển khai chính sách phát triển sắn thâm canh tại các huyện vùng dự án: + Thiết kế mô hình thâm canh sắn bền vững với các biện pháp canh tác cụ thể được thiết kế với sự tham gia của cộng đồng. + Mô hình thâm canh sắn được trình diễn và đánh giá kết quả với diện tích 20ha/ vụ / năm (5 ha/ vụ/ năm/ xã/ huyện) - Với nội dung Phát triển hệ thống tín dụng để hỗ trợ phát triển sắn thâm canh: Nâng cao được 4 quỹ tín dụng cho vay tại 4 xã thực hiện mô hình thâm canh sắn xen lạc. Quy mô 30 triệu đồng / quỹ / xã. Tổng cộng 120 triệu đồng.
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - ND Nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở: + Tổ chức 4 lớp tập huấn với 100 lượt người tham gia (25 người/ lớp) về quy trình kỹ thuật và kiến thức BDKH cùng với các giải pháp thích ứng trong SX nông nghiệp. + Tổ chức 4 lớp tập huấn với 100 lượt người tham gia (25 người/ lớp) về kỹ năng tập huấn và truyền đạt thông tin cho nông dân. + Tổ chức 2 lớp tập huấn với 30 lượt người tham gia (15 người/ lớp) về kỹ năng thu thập thông tin, điều tra hiện trạng, quản lý và đánh giá hiệu quả các mô hình khuyến nông. - Nội dung Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông, thông tin nâng cao nhận thức – tri thức về biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi bất lợi cho chính quyền và nhân dân trong vùng dự án: + Nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan về tác động của biến đổi khí hậu và các biện pháp thích ứng được nâng cao. + Thông tin về mô hình được phổ biến rộng rãi nhằm mục tiêu nhân rộng tại các vùng sản xuất sẵn của Bình Định. + Hiểu biết về chính sách phát triển sản phẩm thâm canh được tuyên truyền để chính quyền cơ sở và nông dân biết và tham gia thực hiện. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - XD mô hình sx thâm canh sản theo hướng bền vững dựa vào cộng đồng trên cơ sở triển khai chính sách phát triển sản phẩm thâm canh tại các huyện vùng dự án. - Phát triển hệ thống tín dụng để hỗ trợ phát triển sản phẩm thâm canh. - ND Nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở. - Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông, thông tin nâng cao nhận thức – tri thức về biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi bất lợi cho chính quyền và nhân dân
--	--	---

		trong vùng dự án
	Trần Thúc Sơn	
170	<p>Tên dự án: Lựa chọn giống cây trồng và giải pháp kỹ thuật để tái tạo rừng tại vùng đất đồi trọc bạc màu, giảm thiểu hiện tượng sa mạc hóa tại núi ông Định – Thị xã Sông Cầu tỉnh Phú Yên.</p> <p>Tên tổ chức: Hội bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường tỉnh Phú Yên.</p> <p>Tổng kinh phí: 950 triệu đồng</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 850 triệu đồng</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Nâng cao nhận thức cộng đồng và hướng đến hành động trồng rừng trên đất đồi trọc bạc màu, nhằm góp phần tăng độ che phủ rừng, bảo tồn phát triển đa dạng sinh học, phát triển nguồn nước, gia tăng nguồn lợi động thực vật tự nhiên góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống xói mòn, xói lở, ứng phó với biến đổi khí hậu và chống hiện tượng sa mạc hóa. - Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Chống hiện tượng sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh Phú Yên, TX Sông Cầu. + Nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị và tính khả thi trồng rừng trên đất đồi trọc bạc màu, tạo sinh kế đối với người dân và chống xói lở trong bối cảnh tác động của hạn hán, mưa lũ, biến đổi khí hậu. + Lựa chọn cây trồng 2 – 4 loài (dự kiến một số loài trong họ <i>Moraceae</i>, giống <i>Ficus</i>) + Xây dựng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức gieo ươm cây giống, trồng và chăm sóc rừng trồng. + Hình thành được mô hình quản lý, trồng và chăm sóc rừng trồng phù hợp với thực tế địa phương. + Đánh giá kết quả đạt được và phổ biến, nhân rộng của mô hình. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20 hộ dân ở khu vực dự án và các khu vực lân cận có đất đồi trọc bạc màu được tuyên truyền, nâng cao nhận thức thông qua hội thảo. - Chọn được vị trí, phạm vi trồng rừng làm mẫu (Pilot) để tổng kết, nhân rộng. - Chọn được các loại cây thích hợp môi trường sinh thái,

		<p>kinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20 hộ gia đình ở khu vực dự án được tập huấn kỹ thuật tạo cây giống, trồng và chăm sóc cây chịu hạn; xây dựng các vườn ươm khoảng 500m². - 3 ha rừng được người dân trồng và chăm sóc. - Mô hình về quản lý và chăm sóc rừng được thiết lập và chuyển giao cho người dân. - Kết quả dự án sẽ được nhân rộng cho địa phương khác trong tỉnh. - Báo cáo tổng kết dự án. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo đánh giá về tình trạng và vai trò của đất đồi núi trọc bạc màu, hiện tượng sa mạc hóa đối với môi trường sống, sinh kế của cộng đồng, ứng phó với biến đổi khí hậu. - Tổ chức họp nhóm (động não) để xác định vai trò của đất đồi núi trọc bạc màu và xem xét nhu cầu và khả năng phát triển loại đất rừng này. - Tập huấn kỹ thuật lập vườn ươm, trồng và chăm sóc cây con. - Tổ chức góp ý hoàn chỉnh phương thức trồng, chọn loài cây trồng và thực hiện trồng rừng. - Xây dựng và thực hiện hình thức quản lý rừng phù hợp với thực tế địa phương. - Tổ chức hội thảo rút kinh nghiệm và đánh giá triển vọng có sự tham gia.
	Trần Thúc Sơn	
171	Tên dự án: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với	<p>a. Mục tiêu :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Tăng cường khả năng thích ứng với xâm nhập mặn và hạn thông qua ứng dụng các giải pháp tổng hợp trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả

	<p>biến đổi khí hậu hạn hán và xâm nhập mặn cho huyện Cầu Ngang tỉnh Trà Vinh.</p> <p>Tên tổ chức: Hội liên hiệp phụ nữ Trà Vinh, Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long (CLIRRI).</p> <p>Tổng kinh phí: 100 000 USD</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 50 000 USD.</p>	<p>sử dụng nguồn tài nguyên đất, nước, phát triển các giống lúa chịu hạn, chịu mặn và chuyển giao hiệu quả đến nông dân canh tác lúa vùng ven biển ĐBSCL.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cụ thể: + Nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng về biến đổi khí hậu và tác hại của nó tới mọi hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường sống của cộng đồng dân cư tại địa phương. + Xây dựng thành công mô hình luân canh lúa – màu áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp phù hợp với vùng dự án nhằm bảo tồn giống lúa địa phương như (trắng tếp, tài nguyên đục, lúa sỏi...), chuyển giao các giống lúa cao sản chịu hạn, mặn cho vùng dự án. + Phân tích lợi tức kinh tế và chuyển giao kỹ thuật, kinh nghiệm của mô hình, nghiên cứu và mở rộng mô hình cho địa phương và các tỉnh khác của ĐBSCL, tạo cho nông dân có tập quán và nhận thức đúng đắn trong việc bảo tồn và phát triển nguồn giống cây trồng có hiệu quả kinh tế cao kết hợp với môi trường sinh thái an toàn để thích ứng với diễn biến của biến đổi khí hậu toàn cầu trong nhiều năm tới. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định 2 – 3 loại cây màu thích ứng với cơ cấu luân canh lúa – màu nhằm phát triển mô hình tăng hiệu quả kinh tế, hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên đất, nước. - Xây dựng mô hình 50 – 100 ha trên vùng dự án. - Một mặt chuyển giao các giống lúa cao sản chống chịu mặn, hạn thích ứng vùng dự án và phục tráng giống lúa địa phương nhằm bảo tồn gen bản địa. - Mô hình áp dụng chuyển đổi cơ cấu luân canh lúa – màu dựa trên đa dạng hóa cây trồng có tính chịu hạn cao để tăng thu nhập cho nông dân trong vùng dự án từ 10 – 15%. - Tổ chức 10 lớp tập huấn để chuyển giao kỹ thuật canh tác, biện pháp canh tác tổng hợp. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình nâng cao nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu toàn cầu ảnh hưởng đến nông nghiệp thông qua các lớp tập huấn, hội thảo đầu bờ bằng các phương tiện thông tin đại chúng. - Thiết kế mô hình trình diễn lúa luân canh với cây màu chịu
--	---	---

		<p>hạn cao (đậu xanh, đậu phụng, bắp lai...), sử dụng biện pháp tổng hợp bón phân hợp lý, kỹ thuật sử dụng nước tiết kiệm, sử dụng phân hữu cơ, biện pháp tủ mùn để cung cấp tối thiểu lượng nước cần cho cây trong thời gian hạn kéo dài...giảm thiểu sử dụng nước ngầm. sử dụng giống lúa cổ truyền tại địa phương có khả năng chịu mặn, hạn cao và đưa một số giống lúa cao sản phẩm chất tốt, chống chịu mặn và hạn để nông dân có thể lựa chọn sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành những nghiên cứu định hướng nhằm thu thập thông tin và số liệu khoa học cho việc xây dựng kế hoạch hành động thích ứng cho địa phương. - Theo dõi, đúc kết và phổ biến bài học kinh nghiệm của mô hình nhằm nhân rộng tại địa phương.
	Trần Thúc Sơn	
172	<p>Tên dự án: Xây dựng mô hình cộng đồng ngư dân thích ứng với biến đổi khí hậu tại xã Bình Hải, huyện Thăng Bình tỉnh Quảng Nam.</p> <p>Tên tổ chức: Hội nghề cá xã Bình Hải, huyện Thăng Bình tỉnh Quảng Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 60 000 USD</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 50 000 USD</p>	<p>a. Mục tiêu :</p> <p>Sau 2 năm thực hiện dự án, xây dựng được một mô hình thích ứng với BĐKH dựa vào cộng đồng ngư dân – nông dân nuôi trồng thủy sản vùng ven biển xã Bình Hải, huyện Thăng bình tỉnh Quảng Nam.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được một mô hình thích ứng với BĐKH dựa vào cộng đồng. - Xây dựng được ít nhất 01 mô hình sinh kế có tính đến ảnh hưởng của BĐKH cho cộng đồng ngư dân ven biển xã Bình Hải. - Nâng cao nhận thức cho cộng đồng ngư dân, nông dân địa phương về BĐKH và thích ứng với BĐKH. - Xây dựng bộ tài liệu truyền thông về BĐKH. - Danh sách các hoạt động đề xuất cho chính quyền địa phương nhằm hỗ trợ cho cộng đồng ứng phó với BĐKH. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của cộng đồng và các bên tham gia về BĐKH và xây dựng mô hình. - Xác định các tác động có thể do BĐKH đối với cộng đồng như: môi trường, nguồn lợi, sinh kế, kinh tế xã hội... và các biện pháp để thích ứng, giảm thiểu tác động. - Xác định các bên tham gia và vai trò của mỗi bên trong mô hình thích ứng với BĐKH dựa vào cộng đồng. - Thực hiện công tác tuyên truyền, truyền thông về BĐKH

		<p>và các kịch bản có thể xảy ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nhóm hạt nhân về thích ứng với BĐKH tại cộng đồng. - Dự thảo quy chế hoạt động của nhóm và các bên tham gia. - Hội thảo tổng kết kinh nghiệm và giới thiệu để nhân rộng mô hình.
	Nguyễn Chu Hồi	
173	<p>Tên dự án: Phát triển cây xanh đô thị và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất.</p> <p>Tên tổ chức: Hội nông dân huyện Thăng Bình – Quảng Nam.</p> <p>Tổng kinh phí: 5 000 000 000 đồng</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 1 000 000 000 đồng</p>	<p>a. Mục tiêu : Phát triển cây xanh đô thị, bảo vệ môi trường sống, tận dụng được tài nguyên đất và giáo dục cho người dân, các tổ chức biết trân trọng, biết yêu từng cây xanh trong đô thị.</p> <p>b. Kết quả dự kiến: Sẽ không còn đất bỏ hoang ở những đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp...mới hoặc đã được xây dựng, nhưng chưa có nhà đầu tư, chưa có người mua xây dựng công trình.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nông dân huyện sẽ chọn một số xã, thị trấn làm thí điểm có sự giám sát của hội. Hội có nhiệm vụ phối hợp với phòng nông nghiệp và PTNT xây dựng quy chế về phát triển, bảo vệ cây xanh và sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai. - Lồng ghép vào chương trình trồng rừng của WB và các chương trình tài trợ từ các tổ chức khác. - Chọn tư vấn về giống cây và ươm trồng giống cây được chọn.
	Trần Thúc Sơn	
174	<p>Tên dự án: Phát triển mô hình quản lý, bảo vệ, phát triển rừng tự nhiên bền vững dựa trên quyền của người dân.</p> <p>Tên tổ chức: Hội KHKT Lâm nghiệp Thừa</p>	<p>a. Mục tiêu :</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT chung: Đóng góp để phục hồi nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học và thích ứng với BĐKH thông qua hoạt động trồng cây ngập mặn và chuyển giao các kỹ năng quản lý rừng bền vững cho người dân địa phương. - MT cụ thể: <p>+ Nâng cao nhận thức của cán bộ, chính quyền và người dân địa phương về vai trò, ý nghĩa, tác dụng của rừng ngập mặn (RNM).</p> <p>+ Chuyển giao kiến thức, kỹ thuật về gieo trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng ngập mặn cho người dân địa phương.</p>

	<p>Thiên Huế.</p> <p>Tổng kinh phí: 900 000 000 đồng</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 850 000 000 đồng.</p>	<p>+ Trồng 10 000 cây ngập mặn tập trung ở 2 khu bảo vệ thủy sản ven biển để tăng độ che phủ, tạo nguồn thức ăn, nơi cư trú cho các loài thủy sản và phòng chống xói lở các vùng đất ven bờ trước tác động của thiên tai.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo xã, thôn và người dân địa phương biết rõ, đầy đủ nội dung kế hoạch thực hiện của dự án để học chủ động ủng hộ và tham gia tích cực, có trách nhiệm với mọi hoạt động của dự án. - Trên 120 người dân (200 lượt) địa phương sinh sống và làm nghề khai thác thủy sản xung quanh các khu bảo vệ thủy sản hiểu rõ, đầy đủ vai trò, ý nghĩa của khu bảo vệ thủy sản; của RNM đối với việc khôi phục, bảo vệ nguồn lợi thủy sản. BV môi trường, phòng chống thiên tai. - Trên 120 người dân (200 lượt) địa phương thực hiện thành thạo các kỹ thuật trồng, chăm sóc quản lý và bảo vệ RNM. - 200 người gồm cán bộ chính quyền xã, thôn và người dân tham gia thực hiện các hoạt động của dự án sẽ được sở hữu một cuốn sổ tay về vai trò ý nghĩa, tác dụng của khu bảo vệ thủy sản, của RNM và kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý RNM để làm tài liệu nghiên cứu, áp dụng trong công việc. - Xác định chính xác các yếu tố môi trường ở khu bảo vệ thủy sản ảnh hưởng đến cây ngập mặn làm cơ sở khoa học cho việc bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý với từng vùng đất khác nhau. - Sản xuất và trồng thành công 10 000 cây ngập mặn ở các khu BV thủy sản, với tỉ lệ sống thành rừng 75%. - 02 quy chế về quản lý, khai thác, bảo vệ rừng ngập mặn và nguồn lợi thủy sản dựa vào cộng đồng được đưa vào áp dụng tại 02 khu bảo vệ thủy sản. - Các hoạt động chính của dự án và tác động của nó sẽ được giới thiệu rộng rãi kịp thời đến người dân trong và ngoài tỉnh thông qua các kênh thông tin đại chúng để nhiều người hiểu sâu hơn về hoạt động của dự án, đồng thời thúc đẩy sự quan tâm nhiều hơn của cộng đồng xã hội đối với hoạt động trồng RNM để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - H Đ Truyền thông: <p>+ Tổ chức 6 cuộc họp cấp thôn, xã để phổ biến nội dung dự án</p>
--	---	---

		<p>và lập kế hoạch thực hiện dự án từ người dân.</p> <p>+ Thực hiện một chương trình truyền thông để giáo dục môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản để cung cấp các thông tin về hoạt động của dự án về BĐKH cho thanh thiếu niên và người dân địa phương. Bao gồm các hoạt động:</p> <p>+ Xây dựng 02 pano giới thiệu về hoạt động dự án đặt ở 02 khu vực bảo vệ thủy sản.</p> <p>+ Thực hiện 02 phóng sự về hoạt động của dự án để phát trên sóng của đài truyền hình tỉnh và một số bài báo.</p> <p>- HĐ Nâng cao năng lực về quản lý</p> <p>+ Tổ chức 08 khóa đào tạo cho 200 lượt người dân địa phương về: KT thu hái, gieo ươm SX giống cây ngập mặn. KT trồng, chăm sóc..., Vai trò, giá trị của RNM; BĐKH, vai trò tác dụng của khu BV thủy sản.</p> <p>+ Xây dựng sổ tay về vai trò, ý nghĩa, tác dụng... và kỹ thuật chăm sóc quản lý RNM.</p> <p>+ Xây dựng 02 quy chế về quản lý, khai thác và bảo vệ RNM và nguồn lợi thủy sản dựa vào cộng đồng.</p> <p>- Phát triển rừng ngập mặn (RNM)</p> <p>+ Điều tra đánh giá phân loại điều kiện môi trường để lập kế hoạch bố trí cơ cấu cây trồng thích hợp gồm: độ mặn của nước, giá thể nền, mức độ ngập nước, các chỉ tiêu sinh hóa của đất (hàm lượng N, P, K, pH).</p> <p>+ Xây dựng 01 vườn ươm để sản xuất 10 000 cây giống ngập mặn đủ tiêu chuẩn trồng.</p> <p>+ Trồng 10 000 cây ngập mặn ở 02 khu bảo vệ thủy sản với sự tham gia của người dân địa phương.</p> <p>+ Chăm sóc, quản lý, bảo vệ theo dõi đánh giá sinh trưởng phát triển của rừng ngập mặn.</p>
	Nguyễn Chu Hồi	
175	Ứng dụng các tiến bộ KHKT xây dựng mô hình trồng bổ	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Phát triển diện tích cây bản địa thích hợp bổ sung cho rừng phòng hộ cảnh quan môi trường ở các khu vực đông dân cư của</p>

	<p>sung các loài cây bản địa cho các khu rừng phòng hộ cảnh quan môi trường ở Hà Tĩnh</p> <p>Trung tâm Tư vấn đầu tư phát triển Nông Lâm Nghiệp và Nông thôn Hà Tĩnh, thuộc Hội Khoa học kỹ thuật lâm nghiệp Hà Tĩnh</p> <p>Tổng kinh phí: 1.400.000.000 đồng GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>Hà Tĩnh nhằm xây dựng các lâm phần bền vững, góp phần đa dạng hóa thực vật rừng Hà Tĩnh.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra đánh giá rừng phòng hộ cảnh quan môi trường ở Hà Tĩnh; - Thiết kế mô hình vườn ươm cây giống và mô hình trồng cây bản địa bổ sung rừng phòng hộ cảnh quan môi trường; - Báo cáo Khoa học tổng kết dự án; - Mô hình vườn ươm cây bản địa (200m²); - Mô hình trồng cây bản địa bổ sung rừng phòng hộ cảnh quan môi trường (20 ha). <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều tra đánh giá việc sử dụng các loài cây bản địa trong trồng rừng của Hà Tĩnh nhằm đúc kết kinh nghiệm thực tiễn và đề xuất các loại cây bản địa để triển khai mô hình; 2. Khảo sát lựa chọn địa điểm triển khai mô hình vườn ươm cây giống và mô hình trồng cây bản địa bổ sung rừng phòng hộ cảnh quan môi trường; 3. Thiết kế mô hình vườn ươm cây giống và mô hình trồng cây bản địa bổ sung rừng phòng hộ cảnh quan môi trường tại Hà Tĩnh; 4. Triển khai mô hình vườn ươm cây giống; 5. Triển khai công tác dọn thực bì, chuẩn bị mặt bằng... mô hình trồng cây bản địa bổ sung rừng phòng hộ cảnh quan môi trường; 6. Triển khai mô hình trồng cây bản địa bổ sung rừng phòng hộ cảnh quan môi trường; 7. Triển khai công tác chăm sóc, theo dõi, đánh giá tình hình sinh trưởng phát triển của cây con trong vườn ươm và cây ngoài vườn trồng; 8. Triển khai các hoạt động tổ chức tập huấn kỹ thuật, hội nghị, hội thảo khoa học, tuyên truyền phổ biến và nhân rộng mô hình; 9. Xây dựng các báo cáo định kỳ, báo cáo cuối kỳ, các tài liệu kỹ thuật...
	Nguyễn Ngọc Lung	
176	Xây dựng mô hình cộng đồng sử dụng	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Xây dựng và vận hành mô hình dựa trên sự tham gia của cộng</p>

<p>năng lượng tái tạo và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững tại xã đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh</p> <p>Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh</p> <p>Tổng kinh phí: 1.250.000.000 đồng GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>đồng để sử dụng năng lượng tái tạo và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống phong điện được xây dựng cung cấp cho cộng đồng nguồn năng lượng sạch cho sinh hoạt gia đình, tiết kiệm chi phí và giảm phát thải CO₂. - Hiệu quả sử dụng năng lượng trong các hộ gia đình được nâng cao, giảm sử dụng củi và dầu diesel trong sinh hoạt. - Tài nguyên đất và nước được sử dụng bền vững với sự tham gia của cộng đồng. - Môi trường sinh thái được giữ gìn thông qua hệ thống tự quản của cộng đồng. - Vai trò của Hội phụ nữ xã nói riêng và phụ nữ trong xã Cái Chiên nói chung được nâng lên trong các hoạt động của chính quyền và cộng đồng cũng như năng lực tiếp cận với hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của các tổ chức quốc tế. - Phương pháp tiếp cận dựa trên sự tham gia của cộng đồng được áp dụng thành công và được áp dụng trong các hoạt động của cộng đồng cũng như của Hội Phụ nữ. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuyên truyền và nâng cao năng lực Nâng cao năng lực cho các chi hội phụ nữ của cộng đồng thông qua hoạt động tuyên truyền và tập huấn chuyển giao kỹ năng về các lĩnh vực: Phát triển nông thôn có sự tham gia, biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên bền vững, sử dụng năng lượng tiết kiệm trong gia đình,... 2. Sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, khảo sát phương án hệ thống cung cấp năng lượng năng lượng gió – phong điện (việc lựa chọn phương án và công nghệ sẽ được quyết định sau khi tiến hành đánh giá, khảo sát thực tế và tư vấn của cơ quan chuyên môn). - Lắp đặt và chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống phong điện cho cộng đồng. - Tổ chức vận hành, sử dụng và duy tu bảo dưỡng hệ thống phong điện dựa trên sự tham gia của cộng đồng. - Nâng cao hiệu quả sử dụng tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu ở cấp độ hộ gia đình. 3. Quản lý tài nguyên thiên nhiên (đất và nước) bền vững <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát và lập kế hoạch sử dụng tài nguyên dựa trên sự tham gia của cộng đồng.
---	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện kế hoạch sử dụng tài nguyên dựa trên sự tham gia của cộng đồng. <p>4. Quảng bá và nhân rộng phương pháp thực hiện của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra những bài học từ thực tế hoạt động tại địa phương để áp dụng cho các hoạt động khác của địa phương cũng như truyền bá những sáng kiến thành công trên diện rộng thông qua các cơ quan/tổ chức liên quan. - Lồng ghép các hoạt động và kết quả dự án với các chương trình có liên quan hiện đang triển khai tại đảo (Nông thôn mới, Xóa đói giảm nghèo...) và các hoạt động thường kỳ của Hội phụ nữ Hải Hà và Cái Chiên.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
177	<p>Xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp bền vững trên cơ sở phương thức canh tác VACB tại các hộ vùng đệm vườn quốc gia Tam Đảo</p> <p>Trung tâm tư vấn đào tạo và chuyển giao kỹ thuật Vĩnh Phúc</p> <p>Tổng kinh phí: 2.500.000.000 đồng GEF SGP: 1.000.000.000 đồng (50.000 USD)</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>1. Mục tiêu chung: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cấp chính quyền và nhân dân. Kết hợp phát triển kinh tế nông hộ góp phần giảm thiểu khai thác rừng đặc dụng và lâm sản, động thực vật xung quanh vườn quốc gia, hướng tới nền sản xuất xanh, sạch và bền vững.</p> <p>2. Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn các giải pháp kỹ thuật phù hợp để hỗ trợ người dân phát triển trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, kết hợp xử lý chất thải bằng biogas theo mô hình VACB (Vườn, Ao, Chuồng, Biogas). - Xây dựng 30-40 mô hình trình diễn tại 4-5 xã thuộc vùng đệm vườn quốc gia phù hợp với điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán của dân tộc, khả năng tài chính của chủ hộ. - Tăng cường năng lực nhận thức của các cấp chính quyền và nhân dân về phát triển kinh tế hộ bền vững kết hợp với bảo vệ môi trường. - Tổng kết, đánh giá và đúc rút bài học kinh nghiệm và biên soạn tài liệu kỹ thuật về các mô hình, đề xuất với chính quyền địa phương các giải pháp kỹ thuật nhân rộng mô hình và quản lý bảo vệ môi trường. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát: Tiến hành điều tra khảo sát 100 hộ thuộc 10 xã thuộc vùng đệm. - Báo cáo điều tra khảo sát nông hộ, rút ra kinh nghiệm từ thực tế. - Xây dựng 30-40 mô hình phát triển kinh tế hộ tại 4-5 xã, bao

		<p>gồm:</p> <p>Mô hình trồng lúa, ngô + chăn nuôi lợn, gia cầm + ao cá + biogas</p> <p>Mô hình trồng rau sạch (su su, mướp đắng,...) + chăn nuôi + ao cá + biogas</p> <p>Mô hình trồng cây dược liệu + chăn nuôi (lợn, trâu bò) + ao cá + biogas</p> <p>Mô hình chế biến nông sản + chăn nuôi + ao cá + biogas</p> <p>- Các lớp tập huấn, hội thảo thăm quan các mô hình tiên tiến (5-10 lớp) nhằm nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế kết hợp với bảo vệ môi trường.</p> <p>- Biên soạn tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tuyên truyền vận động nhân dân áp dụng các mô hình phát triển kinh tế hộ bền vững trên cơ sở tài nguyên sẵn có của nông hộ, không tham gia khai thác lâm sản, động thực vật xung quanh vườn quốc gia.</p> <p>- Tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động của các mô hình, biên soạn tài liệu, rút ra bài học kinh nghiệm, khuyến nghị áp dụng giải pháp kỹ thuật kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái trong toàn vùng đệm.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Điều tra, khảo sát: Tiến hành điều tra khảo sát 100 hộ thuộc 10 xã thuộc vùng đệm về đất đai, tập quán canh tác, loài vật nuôi, loài cây trồng có lợi thế và khó khăn trong phát triển kinh tế hộ, từ đó đề xuất giải pháp thích hợp.</p> <p>2. Xây dựng 30-40 mô hình phát triển kinh tế hộ tại 4-5 xã, bao gồm:</p> <p>Mô hình trình diễn</p> <p>Mô hình trồng lúa, ngô + chăn nuôi lợn, gia cầm + ao cá + biogas</p> <p>Mô hình trồng rau sạch (su su, mướp đắng,...) + chăn nuôi + ao cá + biogas</p> <p>Mô hình trồng cây dược liệu + chăn nuôi (lợn, trâu bò) + ao cá + biogas</p> <p>Mô hình chế biến nông sản + chăn nuôi + ao cá + biogas</p> <p>Các loại mô hình trên có thể được triển khai ở các xã tùy theo điều kiện của từng hộ.</p> <p>3. Các lớp tập huấn, hội thảo thăm quan các mô hình tiên tiến (5-10 lớp) nhằm nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế kết hợp với bảo vệ môi trường tại 10 xã tại vùng đệm. Ngoài tài liệu tập huấn, người dân còn được tự do thảo luận và tự liên hệ</p>
--	--	--

		<p>với hoàn cảnh của chính họ để lựa chọn mô hình thích hợp.</p> <p>4. Biên soạn tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tuyên truyền vận động nhân dân áp dụng các mô hình phát triển kinh tế hộ bền vững trên cơ sở tài nguyên sẵn có của nông hộ, không tham gia khai thác lâm sản, động thực vật xung quanh vườn quốc gia.</p> <p>5. Tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động của các mô hình, biên soạn tài liệu, rút ra bài học kinh nghiệm, khuyến nghị áp dụng giải pháp kỹ thuật kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
178	<p>Sổ tay hướng dẫn sử dụng thông tin khí hậu và biến đổi khí hậu phục vụ phát triển nông nghiệp văn minh và bảo tồn thông minh với khí hậu tại các vùng bên ngoài và bên trong các khu bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) trên cạn ở miền Trung (15 tỉnh, từ Thanh Hóa đến Bình Thuận).</p> <p>Viện Tài nguyên, Môi trường và Phát triển cộng đồng (RECO)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.200.000.000 đồng GEF SGP: 1.050.000.000 đồng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý và cộng đồng trong việc bảo vệ và quy hoạch phát triển bền vững các vùng nông nghiệp và bảo tồn thông minh với khí hậu ở vùng dự án. - Xây dựng được các bản đồ chỉ số BĐKH và các chỉ số khắc nghiệt của BĐKH theo các kịch bản BĐKH đối với các khu bảo tồn hiện tại và được quy hoạch. - Biên soạn được sổ tay thông tin khí hậu và BĐKH và hướng dẫn sử dụng trong quản lý, bảo vệ và quy hoạch phát triển bền vững các vùng đa dạng sinh học và các vùng nông lâm nghiệp thông minh với khí hậu trong vùng dự án. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sổ tay thông tin khí hậu và BĐKH phục vụ quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững đa dạng sinh học và nông nghiệp thông minh với khí hậu ở vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và hướng dẫn sử dụng; - Tập bản đồ rủi ro khí hậu và các chỉ số khắc nghiệt của BĐKH đối với các khu bảo tồn và các vùng sản xuất nông lâm nghiệp liên kề ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; - Báo cáo về mức độ rủi ro khí hậu, các thông gian khí hậu đe dọa đối với 8 loài cần được ưu tiên bảo vệ tại các khu bảo tồn dựa theo các điều kiện khí hậu hiện tại và tương lai theo kịch bản BĐKH. Các biện pháp quản lý rủi ro khí hậu đối với các khu bảo tồn đa dạng sinh học trong vùng nghiên cứu của dự án; - Các lớp tập huấn, hội thảo hướng dẫn sử dụng và bản giao kết quả nghiên cứu cho địa phương. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Cùng các đối tác và các cán bộ địa phương có liên quan tham gia khảo sát thực địa, thu thập các số liệu về hiện trạng đa dạng sinh học và quản lý bảo tồn đa dạng sinh học tại các vùng</p>

		<p>của dự án;</p> <p>2. Thu thập các số liệu khí hậu và sinh học trong khu vực nghiên cứu và các vùng lân cận;</p> <p>3. Xác định sơ đồ độ phong phú của các loài và độ phong phú tổng quát của các loài;</p> <p>4. Đánh giá các rủi ro khí hậu đe dọa các khu bảo tồn đa dạng sinh học theo số liệu khí hậu thời kỳ cơ sở và theo kịch bản BĐKH cho vùng dự án;</p> <p>5. Tính toán, xác định các chỉ số khí hậu, BĐKH, chỉ số mức độ khắc nghiệt của BĐKH, các không gian khí hậu đe dọa đối với các loài ở các vùng bảo tồn;</p> <p>6. Xây dựng các bản đồ khí hậu liên quan đến vùng bảo tồn đa dạng sinh học của dự án;</p> <p>7. Nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý rủi ro khí hậu đối với các khu bảo tồn đa dạng sinh học vùng dự án;</p> <p>8. Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức, hướng dẫn, bàn giao kết quả nghiên cứu.</p>
	Nguyễn Trọng Hiệu	
179	<p>Lồng ghép vấn đề Biến đổi khí hậu vào kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế (HUSTA)</p> <p>Tổng kinh phí:</p>	<p>a. Mục tiêu: Lồng ghép vấn đề Biến đổi khí hậu vào kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>b. Kết quả dự kiến - Báo cáo “Lồng ghép vấn đề Biến đổi khí hậu vào kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế”. - Hướng dẫn “Lồng ghép vấn đề Biến đổi khí hậu vào kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế”. - Kế hoạch “Lồng ghép vấn đề Biến đổi khí hậu vào kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế”.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến - Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu về hiện trạng kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p>

	<p>950.000.000 đồng GEF SGP: 950.000.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu về tác động của biến đổi khí hậu, hạn hán, bão lũ, xâm nhập mặn, nước biển dâng, ô nhiễm... đối với sản xuất nông nghiệp tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. - Điều tra, thu thập tài liệu về hiện trạng, khả năng, năng lực, cơ chế chính sách của xã trong việc ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp. - Nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tài liệu thu thập được. - “Lồng ghép vấn đề Biến đổi khí hậu vào kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế”: <ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu tổng quan những vấn đề liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của dự án. + Nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và thực trạng lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu trong kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. + Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất phương pháp, quy trình, nội dung cho việc lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu trong kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. - Hội thảo lấy ý kiến với sự tham gia của các chuyên gia, các ban ngành liên quan và đại diện các xã tại huyện Quảng Điền chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
180	<p>Nâng cao nhận thức, xây dựng mô hình bảo vệ, xây dựng rừng và sản xuất bền vững cho nhân dân các xã vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.</p>	<p>a. Mục tiêu Mục tiêu tổng quát là đóng góp một phần cùng Ban quản lý và nhân dân trong vùng thực hiện công tác xây dựng và bảo vệ thành công Khu bảo tồn.</p> <p>b. Kết quả dự kiến - Nâng cao một bước nhận thức về rừng, những chủ trương chính sách và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là ở các khu rừng đặc dụng quan trọng như Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Pù Hoạt cần được phổ biến thông qua các đợt tập huấn tuyên truyền đến người dân, đặc biệt là cán bộ chính quyền và đoàn thể địa phương.</p>

	<p>Lĩnh vực ưu tiên: Bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu biến đổi khí hậu, hạn chế và ngăn ngừa suy thoái đất</p> <p>Trung tâm bảo vệ tài nguyên và Môi trường rừng, viết tắt: Trung tâm bảo vệ rừng (TTBVR), tên giao dịch tiếng Anh viết tắt: CFERPRO</p> <p>Tổng kinh phí: 1.600.000.000 đồng GEF SGP: 1.150.000.000 đồng</p>	<p>- Có sự chuyển biến tích cực trong việc làm ăn theo phương thức sản xuất bền vững thông qua các đợt tập huấn, xây dựng các mô hình trình diễn và tham quan học tập ở những đơn vị đi trước... Góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững cho người dân, giảm áp lực tác động tiêu cực đến rừng nói chung và Khu BTTN Pù Hoạt nói riêng.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Tổ chức 3-5 cuộc tập huấn cho cán bộ chính quyền và đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên) của 6 xã vùng đệm, mỗi cuộc khoảng 50-60 người. Nội dung: Các chủ trương chính sách, pháp luật và kết quả các mô hình trình diễn. Trong đó có hội thảo tại hội trường và hội thảo đầu bờ.</p> <p>2. Phối hợp với Đài PT-TH huyện (tỉnh nếu có thể) để tổ chức những đợt tuyên truyền xuống tận người dân từ 3-5 cuộc.</p> <p>3. Xây dựng các mô hình về bảo vệ, xây dựng rừng, canh tác nông nghiệp vùng cao (tại xã Nậm Giải):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình khoanh núi nuôi rừng, khoán bảo vệ rừng 300-500 ha. - Mô hình trồng rừng kinh tế: 30-50 ha bằng các loại cây trồng kinh tế tại địa phương như keo lai hoặc loài cây khác có điều kiện giống và tiêu thụ. - Mô hình trồng rừng phòng hộ: 30-50 ha giống cây bản địa. - Mô hình nông nghiệp vùng cao: Canh tác nông – lâm kết hợp trên nương rẫy cố định được quy hoạch 30-50 ha. Phục hóa 30 ha ruộng nước và thâm canh 45 ha hiện đang canh tác. <p>4. Tổ chức 4 cuộc tham quan ở Vườn quốc gia Pù Mát, Khu BTTN Pù Huống (Nghệ An), Vườn quốc gia Bến En, Khu BTTN Xuân Liên (Thanh Hóa).</p> <p>5. Tổ chức 3 cuộc thi để đánh giá kết quả các đợt tập huấn, tuyên truyền, xây dựng mô hình.</p> <p>6. Hội thảo khoa học: Tổ chức 2 cuộc hội thảo ở giữa và cuối kỳ dự án, thành phần gồm các nhà khoa học trong tỉnh và một số ban ngành trung ương liên quan.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
181	Nâng cao năng lực cho cộng đồng về tận dụng rơm rạ phục vụ cho trồng	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Bảo vệ môi trường và cải thiện thu nhập cho nông dân qua mô hình: Trồng nấm, chế biến phân hữu cơ sinh học từ nguồn rơm rạ theo cách an toàn và thân thiện với môi trường ở xã Quảng</p>

<p>nấm và xử lý chế biến thành phân hữu cơ sinh học theo cách an toàn và thân thiện với môi trường ở xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>Quỹ Những trái tim Huế (H4H)</p> <p>Tổng kinh phí: 705.000.000 đồng GEF SGP: 555.000.000 đồng</p>	<p>Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm lượng khí thải CO₂, CO, CH₄ và các khí có hại khác vào khí quyển bằng cách hạn chế việc đốt 367.000 tấn rơm hàng năm những mùa gặt. - 20 mô hình về trồng nấm rơm/sò từ rơm rạ. - 20 mô hình về xử lý và chế biến phân hữu cơ sinh học từ rơm rạ. - Khảo sát ban đầu (1 cuộc). - Tập huấn kỹ thuật: 4 lớp (120 nông dân tham gia). - Tập huấn 1 lớp TOT: 20 cán bộ khuyến nông các cấp. - Hội thảo: 1 cuộc (150 đại biểu). <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Khảo sát thực trạng sử dụng rơm rạ cho trồng nấm, xử lý chế biến rơm rạ thành phân hữu cơ sinh học để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp thực hiện áp dụng trong mô hình sản xuất nấm rơm, xử lý chế biến phân hữu cơ sinh học tại các điểm triển khai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng về số lượng rơm rạ, hình thức sử dụng trong thời gian 3 năm gần nhất. - Hiện trạng về kỹ thuật: kỹ thuật trồng nấm rơm, xử lý chế biến phân hữu cơ sinh học. - Tìm hiểu kinh nghiệm của nông dân trong vùng về sử dụng rơm rạ, xử lý chế biến. <p>2. Xây dựng mô hình trồng nấm, xử lý chế biến rơm rạ thành phân hữu cơ sinh học.</p> <p>Ở xã xây dựng 20 hộ dân được chọn, mỗi hộ trồng nấm với diện tích 30m². Quy trình áp dụng cho mô hình được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát, điều tra và các cuộc hội thảo với nông dân và cán bộ khuyến nông và áp dụng quy trình sản xuất nấm theo hướng an toàn và thân thiện với môi trường. Các bước triển khai mô hình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn hộ tham gia: Các hộ được chọn phải sẵn sàng (tự nguyện) áp dụng quy trình trồng nấm; sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với người dân trong khu vực và đóng góp xây dựng nhà nấm, công lao động, mặt bằng. - Tập huấn cho các hộ được chọn (Tài liệu tập huấn sẽ được biên soạn): Các hộ được chọn sẽ được tham gia 1 khóa huấn luyện về các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật trồng nấm (xử lý nguyên liệu, ủ đống, cấy giống,
--	--

		<p>chăm sóc, thu hái).</p> <p>+ Kỹ thuật làm nhà trồng nấm (thiết kế, chọn vật liệu, thi công...)</p> <p>3. Xây dựng mô hình xử lý chế biến rom rạ thành phân hữu cơ sinh học giúp cải tạo đất, tăng năng suất, giảm chi phí đầu tư cho nông dân.</p> <p>Ở xã xây dựng 20 hộ dân được chọn tham gia chương trình. Quy trình áp dụng cho mô hình được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát, điều tra và các cuộc hội thảo với nông dân và cán bộ khuyến nông và áp dụng quy trình xử lý chế biến rom rạ thành phân hữu cơ sinh học theo hướng an toàn và thân thiện với môi trường. Các bước triển khai mô hình gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn hộ tham gia: Các hộ được chọn phải sẵn sàng (tự nguyện) áp dụng quy trình xử lý chế biến rom rạ thành phân hữu cơ sinh học; sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với người dân trong khu vực và đóng góp xây dựng nơi ủ rom, công lao động, mặt bằng. - Tập huấn cho các hộ được chọn (Tài liệu tập huấn sẽ được biên soạn): Các hộ được chọn sẽ được tham gia 1 khóa huấn luyện về các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật xử lý và chế biến rom thành phân hữu cơ sinh học (chuẩn bị nguyên liệu, chọn nơi ủ, chuẩn bị dụng cụ, trộn chế phẩm với nguyên liệu ủ, bảo quản, sử dụng). <p>4. Tổ chức tập huấn kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 4 lớp tập huấn cho 120 nông dân khác có nhu cầu thực hiện mô hình. - Tổ chức 1 lớp tập huấn cho cán bộ khuyến nông (20 cán bộ) các cấp trong khu vực về kỹ thuật trồng nấm, xử lý chế biến rom rạ thành phân hữu cơ sinh học (TOT). - In tài liệu kỹ thuật cho nông dân tham gia tập huấn. <p>5. Tổ chức hội thảo: Mở 1 hội nghị với khoảng 150 người tham gia. Thành phần tham gia hội thảo gồm: Nông dân làm mô hình, nông dân trong khu vực, các bộ khuyến nông và cán bộ quản lý ngành Nông nghiệp các cấp quan tâm đến trồng nấm, xử lý chế biến rom rạ thành phân hữu cơ sinh học.</p>
	Trần Thúc Sơn	
182	Trình diễn và Chuyển giao các mô hình canh tác thích	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Dự án có mục tiêu chính là góp phần giảm thiểu tổn thương và tăng cường khả năng thích ứng với hạn hán và xâm nhập mặn,</p>

	<p>ứng với đất bị hạn hán và xâm nhập mặn trên cơ cấu luân canh cây trồng có cây hành tím ở xã Vĩnh Lạc và Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.</p> <p>Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (Women's Association of Vinh Chau District- Soc Trang Province)</p> <p>Tổng kinh phí: 100.000 USD Chi phí yêu cầu tài trợ từ chương trình CBA: 50.000 USD</p>	<p>ngăn ngừa và hạn chế thoái hóa đất thông qua nhân rộng các mô hình canh tác thích ứng đã được thử nghiệm thành công tại vùng Dự án và tăng cường hơn nữa chuyển giao các kỹ thuật thích ứng với đất bị hạn hán và xâm nhập mặn trên cơ cấu luân canh cây trồng có cây hành tím ở Vĩnh Châu, Sóc Trăng.</p> <p>b. Các nội dung chính của Dự án</p> <p>1. Nâng cao nhận thức và hiểu biết về tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), hạn hán và xâm nhập mặn đối với sản xuất và sinh kế của người dân và tài nguyên thiên nhiên cần thiết cho sản xuất nông nghiệp (đất, nước, đa dạng sinh học cây trồng, vật nuôi).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện đồng ruộng và chuyển giao kỹ thuật cho cộng đồng dân tộc Khmer đặc thù của vùng Dự án nhằm nâng cao năng lực cán bộ cơ sở, duy trì và nâng cao hiệu quả bền vững và sự thích ứng với BĐKH. - Thử nghiệm và nhân rộng các mô hình canh tác phù hợp với điều kiện đất bị suy thoái, thích ứng với đất bị hạn hán và xâm nhập mặn trên cơ cấu luân canh cây trồng có cây hành tím ở 2 xã Vĩnh Hải, Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng (hành tím - rau màu khác - hành tím trên chất đất cao và cơ cấu hành tím - rau màu khác - lúa thơm/lúa trung mùa trên chân đất thấp). <p>Mô hình áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp về giống, phân bón, bảo vệ thực vật, thủy lợi để cải thiện, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, duy trì độ phì nhiêu đất cho các vùng canh tác hành tím - rau màu khác - hành tím; hành tím - rau màu khác - lúa thơm, kết hợp giữa kỹ thuật canh tác tiên tiến với các tri thức truyền thống đã được đúc kết trong cộng đồng ở giai đoạn 1 (phường 2 - thị xã Vĩnh Châu).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết, đánh giá kết quả nhân rộng mô hình và công tác chuyển giao. Đúc rút các bài học kinh nghiệm. Đề xuất giải pháp nhân rộng và chuyển giao các mô hình canh tác thích ứng với đất bị hạn hán và xâm nhập mặn trên cơ cấu luân canh cây trồng có cây hành tím ở Vĩnh Châu, Sóc Trăng. <p>c. Các hoạt động nhân rộng Mô hình và kết quả dự kiến của Dự án:</p> <p>1. Xây dựng và thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH của vùng Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức truyền thông về Dự án trên Đài truyền thanh thị xã Vĩnh Châu và Đài PTTH tỉnh Sóc Trăng (2-4 cuộc). - Phối hợp Hội liên hiệp phụ nữ Thị xã Vĩnh Châu, các tổ chức
--	--	--

		<p>cộng đồng của xã, ấp, thị xã tổ chức 3-4 hoạt động truyền thông về BĐKH cho nông dân, chị em phụ nữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 2-3 buổi tọa đàm về BĐKH với chính quyền, các Ban, ngành liên quan về các giải pháp thích ứng để ổn định sản xuất và đời sống của các cộng đồng nông dân ở Vĩnh Hải và Lạc Hòa. - Tổ chức 3 cuộc đánh giá giảm thiểu tổn thương do BĐKH của Dự án với số lượng 60-80 nông dân của 2 xã Vĩnh Hải và Lạc Hòa tham gia. <p>2. Đánh giá và quy hoạch bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp có sự tham gia. Lựa chọn cơ cấu và các biện pháp kỹ thuật phù hợp cho từng tiểu vùng.</p> <p>3. Tăng cường công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thông qua các lớp TOT, FFS và tổ chức Hội thảo đầu bờ gắn với các mô hình trình diễn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy mô và kết quả dự kiến: + Tổ chức 5-6 lớp đào tạo TOT với số lượng 10 cán bộ/xã/lớp. + Bên cạnh đó, việc tăng cường cả về quy mô và số lượng lớp tập huấn các tiến bộ kỹ thuật cho nông dân. Kết hợp cả tập huấn kỹ thuật và huấn luyện đồng ruộng cho nông dân – FFS) trên nhiều loại cây màu khác nhau. Dự kiến tổ chức 10 lớp tập huấn FFS với tổng số 500 nông dân/xã. + Tổ chức 5-6 Hội thảo đầu bờ để chuyển giao kỹ thuật canh tác hành tím, các cây màu khác và lúa thích ứng với BĐKH, đánh giá mô hình tưới nước tiết kiệm, mô hình tái sử dụng phế phụ phẩm của cây hành tím và các cây màu, các nguồn hữu cơ sẵn có tại địa phương cho 300 lượt nông dân trong vùng Dự án và lân cận (1-2 hội thảo/vụ). <p>4. Tiếp tục thử nghiệm các mô hình tưới nước tiết kiệm hiệu quả cho cây hành tím.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy mô và kết quả dự kiến: Mô hình tiết kiệm nước tưới sẽ thử nghiệm trên 2 ấp Âu Thọ A, Trà Sét của xã Vĩnh Hải và 2 ấp Đại Bái, Đại Bái A của xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu. Quy mô thực hiện trên 40-50ha/xã với 40-50 nông dân/xã tham gia trên cơ cấu luân canh hành tím (hành mùa)- màu xuân hè (hành tím giống hoặc các cây màu khác)- hành tím sớm/hành mùa , giúp giảm chi phí tưới 5-10%, giảm lượng nước tưới từ 10-12%, tăng lợi nhuận 10-15% so với biện pháp tưới truyền thống của nông dân. <p>5. Xây dựng mô hình tái sử dụng phế phụ phẩm của cây hành</p>
--	--	--

	<p>tím, và các nguồn hữu cơ tại chỗ khác.</p> <p>- Quy mô và kết quả dự kiến: Dự án sẽ thực hiện mô hình tái sử dụng phụ phế phẩm từ thân lá hành tím và cây màu khác, như lá củ cải, thân lá đậu xanh, phân bò,... ủ làm phân hữu cơ sinh học hoặc phân hữu cơ vi sinh với các chế phẩm nấm Trichoderma, vi sinh vật phân giải cellulose, vi sinh vật cố định đạm, hòa tan lân hiện có bán trên thị trường được thêm vào trong quá trình ủ các xác bã động, thực vật này làm phân hữu cơ vi sinh cung cấp trở lại cho đất canh tác hành tím giống hoặc các cây hoa màu khác. Mục tiêu xây dựng được 2-3 mô hình trình diễn ủ tàn dư thực vật của vụ trước, đặc biệt là thân lá hành tím, phân bố thành phân hữu cơ sinh học bón cho cây màu vụ sau (vụ Xuân Hè), quy mô 2-4 ha/xã. Phân ủ này có thành phần dinh dưỡng tương đương với phân hữu cơ sinh học thành phẩm từ các nguồn xác bã thực vật khác như phân Hudavil của Sóc Trăng, kết hợp với việc tiết giảm lượng phân hóa học được 10-15% thông qua kỹ thuật bón phân NPK cân đối, hợp lý và bổ sung nguồn phân hữu cơ từ Mô hình tái sử dụng phụ phế phẩm này.</p> <p>6. Tiếp tục thực hiện Mô hình trình diễn áp dụng kỹ thuật canh tác tổng hợp cải thiện độ phì nhiêu, ngăn ngừa và hạn chế suy thoái đất, đồng thời đảm bảo được năng suất và hiệu quả kinh tế của các mô hình luân canh cây trồng, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiến tiến kết hợp với tri thức truyền thống của người dân và cộng đồng.</p> <p>- Quy mô và kết quả dự kiến: Nông dân là người thực hiện các mô hình này có sự hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn của các chuyên gia kỹ thuật với diện tích 80-100 ha (40-50 ha/xã, khoảng 40-50 hộ nông dân), thực hiện trong 2-2,5 năm. Xây dựng và hình thành được mô hình canh tác an toàn, bền vững, giảm ô nhiễm môi trường đất, nước, hạn chế suy thoái đất.</p> <p>+ Đảm bảo gia tăng năng suất và hiệu quả kinh tế, các hộ tham gia mô hình có thu nhập tăng 10-15% từ việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật tổng hợp trong mô hình so với phương pháp canh tác truyền thống của người dân trước khi triển khai Dự án.</p> <p>7. Tổng kết, đánh giá kết quả nhân rộng các mô hình và công tác chuyển giao. Đúc rút các bài học kinh nghiệm. Tài liệu hóa các quy trình kỹ thuật.</p>
	Trần Thúc Sơn

183	<p>Sáng kiến tăng cường năng lực hoạt động cho các hội tình nguyện môi trường trong các trường đại học</p> <p>Trung tâm hợp tác trí tuệ Việt Nam (VICC) trực thuộc Trung tâm Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (VAPEC)</p> <p>Tổng kinh phí: 30.320 USD GEF SGP: 23.300 USD</p>	<p>II. Mô tả tóm tắt dự án</p> <p>1. Mô tả vấn đề dự án cần giải quyết</p> <p>2. Mô tả phương pháp giải quyết vấn đề của dự án</p> <p>Dự án “Sáng kiến tăng cường năng lực hoạt động cho các hội tình nguyện môi trường trong các trường đại học” sẽ góp phần giải quyết các vấn đề nêu trong trên (mục 1) bằng các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ hoạt động xây dựng nguồn ngân sách tự có cho các sáng kiến bảo vệ môi trường của các hội tình nguyện. - Tổ chức buổi đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm về kỹ năng quản lý, lãnh đạo cho thành viên của các hội vì môi trường. - Các thông điệp bảo vệ môi trường sẽ đến tay cộng đồng dưới dạng sách truyện và ấn phẩm mang tính giáo dục cao, do đó, sẽ được lưu giữ trong cộng đồng lâu hơn so với các tài liệu dạng tờ rơi, băng rôn, áp phích quảng cáo, brochure hay catalogue. - Cộng đồng không tiếp nhận miễn phí sách và ấn phẩm giáo dục mà được mua ở mức chi phí ưu đãi. <p>3. Mô tả tóm tắt dự án</p> <p>VICC tổ chức việc sản xuất sách và ấn phẩm về môi trường hướng tới giới trẻ, bao gồm sinh viên các trường đại học. VICC sẽ hỗ trợ các hội vì môi trường ở các trường đại học với mức chiết khấu ưu đãi 60% giá bìa sản phẩm. Các hội vì môi trường sẽ sử dụng nguồn hàng hỗ trợ để phân phối với mức giá ưu đãi cho sinh viên và phần doanh thu thu được sẽ phải dùng cho các sáng kiến bảo vệ môi trường của hội vì môi trường đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đề xuất hợp tác của các hội vì môi trường gửi VICC cần có ít nhất các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu về dự án, nêu rõ hoạt động sẽ thực hiện, quy trình thực hiện. + Tiến độ và kết quả dự kiến. + Dự trù chi phí. + Cam kết sử dụng doanh thu thu được từ việc bán sách và ấn phẩm giáo dục vào dự án bảo vệ môi trường. - VICC sẽ đánh giá các dự án khả thi và tư vấn về cách tổ chức thực hiện, và tổ chức buổi tập huấn về kỹ năng mềm như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tổ chức quản lý cho thành viên của các hội vì môi trường tham gia chương trình. - VICC phối hợp với hội vì môi trường, tổ chức hội thảo giới thiệu sách để hội vì môi trường thực hành các kỹ năng được hướng dẫn và triển khai phân phối sách và ấn phẩm.
-----	--	--

		<p>- VICC sẽ tiếp cận 20 trường đại học tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh để triển khai dự án trong giai đoạn 1.</p> <p>- Trong giai đoạn đầu của dự án, VICC sẽ triển khai ấn phẩm trọng tâm là cuốn sách “The world without us” (Tạm dịch “Thế giới khi loài người biến mất”):</p> <p>+ Các danh hiệu, giải thưởng đạt được gồm:</p> <p>Sách phi tiểu thuyết của năm 2007 do Tạp chí Times bình chọn.</p> <p>Sách phi tiểu thuyết số 1 năm 2007 do Tạp chí Entertainment Weekly bình chọn.</p> <p>Lọt vào chung kết giải thưởng Hội phê bình sách quốc gia năm 2007</p> <p>+ Tác giả: Alan Weisman</p> <p>+ Nội dung sách: Trong “Thế giới khi loài người biến mất”, Alan Weisman đưa ra cách tiếp cận hoàn toàn mang tính bản nguyên cho các câu hỏi về sự tác động của loài người lên hành tinh Trái đất: Alan buộc chúng ta phải hình dung về Trái đất khi không có chúng ta. Dưới góc nhìn của những chuyên gia trong các lĩnh vực: khoa học khí quyển, bảo tồn nghệ thuật, động vật học, hóa dầu, vật lý thiên văn, lãnh tụ tôn giáo cùng con mắt nhìn sâu và trải rộng mà câu chuyện đề cập tới, Weisman lần lượt đưa ra những lập luận để lý giải cho việc bằng cách nào mà những tạo tác của chúng ta – những công trình kiến trúc, nghệ thuật, và rất nhiều những biểu tượng tinh thần của chúng ta dần sụp đổ cho tới khi hoàn toàn biến mất mà không hề để lại dấu vết của loài người.</p> <p>+ Độc giả dự kiến: người quan tâm đến môi trường, người nghiên cứu về khoa học môi trường, khoa học sự sống nói chung.</p> <p>+ Số lượng phát hành đợt 1: 3000 bản.</p>
	Nguyễn Ngọc Sinh	
184	<p>Nâng cao nhận thức cho nông dân trong công tác bảo vệ môi trường và vươn lên thoát nghèo</p> <p>Hội nông dân tỉnh Quảng Ngãi</p>	<p>Mục tiêu:</p> <p>Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức; tổ chức nông dân tham gia bảo toàn đa dạng sinh học, tham gia bảo vệ môi trường; trồng rừng, phát triển kinh tế, hạn chế việc khai thác rừng nguyên sinh; Xóa đói giảm nghèo bền vững cho cộng đồng</p> <p>Kết quả dự kiến:</p> <p>- Thay đổi về cách nghĩ, tư duy, nhận thức cho một nhóm</p>

	<p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000 đ</p> <p>GEF: 1.000.000.000đ</p>	<p>hộ là người đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng ven biển để họ tự canh tác trên những khu vườn, mảnh đất đang có để vươn lên thoát nghèo, hạn chế việc khai hoang, đốt rừng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn cách nghĩ trông chờ sự hỗ trợ của cộng đồng - Tổ chức sản xuất, nuôi trồng ở vùng ven biển giải quyết công ăn việc làm cho nữ nông dân, phát huy hiệu quả sử dụng tài nguyên đất và bảo vệ môi trường. <p>Hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Suru tầm tài liệu về các vấn đề cần giải quyết và các gương điển hình tiên tiến trong người đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng ven biển đã tích cực tham gia vào các vấn đề nói trên và có ý chí vươn lên thoát nghèo. Ca ngợi những điển hình tiên tiến này trên các phương tiện thông tin đại chúng, băng đĩa và thông qua tập huấn, tuyên truyền. 2. Tuyên truyền, tập huấn, chú ý đến khơi dậy truyền thống của dân tộc, các chính sách và mục tiêu hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng quốc tế đã quan tâm đến người dân và nông dân trong thời gian qua; đồng thời cũng nêu rõ sự hỗ trợ của Nhà nước, xã hội, cộng đồng chỉ là hạn chế, từ bản thân vươn lên thoát nghèo mới là bền vững. Tuyên truyền các điển hình tiên tiến (bằng băng đĩa, hình ảnh). Tổ chức giao lưu, gợi mở để cho hội viên nói lên những nguyện vọng, suy nghĩ của mình và giải đáp những thắc mắc. 3. Tổ chức tham quan thực tế những điển hình tiên tiến 4. Hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng mô hình bằng hình thức cầm tay chỉ việc cho các hộ đã chọn. Hỗ trợ xây dựng tổ nông dân liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
185	<p>Góp phần giảm thiểu tác động của hạn hán và thời tiết cực đoan, chống sa mạc hóa thông qua xây dựng mô hình thử nghiệm các biện pháp kết hợp: nông</p>	<p>Mục tiêu của dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng thích ứng của địa phương thông qua trình diễn thử nghiệm mô hình nông, lâm nghiệp kết hợp thích ứng với thời tiết cực đoan (rét đậm, rét hại, hạn hán) chống sa mạc hóa tại xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. - Việc thử nghiệm thành công mô hình sẽ là địa điểm

	<p>ng nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi nhằm phát triển sinh kế của cộng đồng sống trên vùng cát tại xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị</p> <p>Hội nông dân xã Gio Mỹ</p> <p>Tổng kinh phí: 3.487.000.000 VNĐ GEF: 1.050.000.000 VNĐ Đối ứng: 2.437.000.000 VNĐ</p>	<p>tham quan, học tập của các địa phương có điều kiện tương tự.</p> <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình xây dựng thành công thích ứng với hạn hán và chống sa mạc hóa quy mô diện tích 10ha với các loại cây trồng đảm bảo cho năng suất như sau: Lạc L14: 20-25 tạ/ha, Ném (hành tằm): 45 tạ/ha; cây đậu các loại: 14 tạ/ha, dưa hấu, dưa leo: 12 tấn/ha. <p>Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức và hiểu biết của chính quyền và cộng đồng về tác động của BĐKH đến phát triển sinh kế bền vững của địa phương. - Thử nghiệm và trình diễn mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi kết hợp nhằm hạn chế tác hại của hạn hán, chống sa mạc hóa, khai thác tiềm năng vùng cát tại xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
	Trần Thúc Sơn	
186	<p>Nâng cao năng lực của cộng đồng trong việc nuôi và khai thác thủy sản theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường thông qua mô hình câu lạc bộ tự quản ở xã Quảng An, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>Quỹ những trái tim Huế (H4H)</p> <p>Tổng kinh phí: 790.000.000 VNĐ GEF: 640.000.000 VNĐ</p>	<p>Mục tiêu:</p> <p>Bảo vệ môi trường và cải thiện thu nhập cho người dân trong việc nuôi và khai thác thủy sản theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường ở xã Quảng An, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 01 mô hình câu lạc bộ nuôi trồng thủy sản tự quản gồm 100 hộ với quy chế hoạt động do Ủy ban nhân dân xã phê duyệt. - Xây dựng 01 mô hình câu lạc bộ khai thác đánh bắt gồm 50 hộ được thành lập với quy chế hoạt động do UBND xã phê duyệt. - Khảo sát ban đầu (1 cuộc) - Tập huấn kỹ thuật 6 lớp cho 150 người tham dự - Tập huấn 1lớp ToT: 20 cán bộ khuyến nông các cấp - Hội thảo 01 cuộc (150 người) <p>Hoạt động dự kiến:</p> <p>1.Khảo sát thực trạng môi trường, nuôi trồng và khai thác đánh</p>

	<p>Đối ứng: 150.000.000 VNĐ</p>	<p>bắt thủy sản để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp thực hiện áp dụng trong mô hình câu lạc bộ tự quản nuôi trồng và đánh bắt khai thác tại các điểm triển khai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng về số lượng hồ nuôi, giống loài trong thời gian 3 năm gần nhất - Hiện trạng về kỹ thuật: phân bố hồ nuôi, nuôi thủy sản, phương thức đánh bắt và khai thác. - Tìm hiểu kinh nghiệm của nông dân trong vùng về nuôi trồng và khai thác đánh bắt. <p>2. Xây dựng mô hình câu lạc bộ tự quản nuôi trồng ở xã: 100 hộ được thành lập. Các bước triển khai mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn hộ tham gia: các hộ được chọn phải sẵn sàng (tự nguyện), tuân thủ điều lệ của câu lạc bộ; sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với người dân trong khu vực. - Tập huấn cho các hộ được chọn: 4 khóa tập huấn về các nội dung: khơi thông dòng chảy để môi trường nước thay đổi khi triều lên xuống; Quản lý nguồn nước thải ra từ nông nghiệp theo hướng có lợi không gây ô nhiễm nguồn nước trong vùng nuôi; Thực hiện quản lý cộng đồng người nuôi về giống, lịch thời vụ và xử lý khi có dịch bệnh; Trồng cây ngập mặn trên bờ đê ao nuôi để giữ nhiệt độ và chống xói mòn bờ đê; Ứng dụng những kỹ thuật nuôi tiên tiến được tập huấn vào sản xuất; Hỗ trợ, quản lý vốn cho các thành viên trong câu lạc bộ để sản xuất. <p>3. Xây dựng mô hình câu lạc bộ tự quản khai thác và đánh bắt ở xã: gồm 50 hộ. Các bước triển khai mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn hộ tham gia: các hộ được chọn phải sẵn sàng (tự nguyện), tuân thủ điều lệ của câu lạc bộ; sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với người dân trong khu vực. - Tập huấn cho các hộ được chọn: 2 khóa tập huấn về các nội dung: Thực hiện quản lý cộng đồng về khai thác đánh bắt, cam kết chấm dứt việc khai thác đánh bắt mang tính hủy diệt, tiêu hủy phương tiện, ngư lưới cụ đánh bắt cũ và mua sắm phương tiện, ngư lưới cụ mới thân thiện với môi trường; Quản lý hệ sinh thái, tạo bãi đẻ để phát triển phong phú nguồn lợi thủy sản; Hỗ trợ, quản lý vốn cho các thành viên trong câu lạc bộ để thay đổi ngư lưới cụ, phương tiện sản xuất bền vững thân thiện với môi trường. <p>4. Tổ chức 1 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông, cán bộ xã (20 cán bộ) về nội dung, quản lý và</p>
--	-------------------------------------	--

		<p>điều hành 2 mô hình câu lạc bộ nuôi trồng và khai thác đánh bắt nhằm hỗ trợ, quản lý câu lạc bộ trong thời gian dự án vào sau khi dự án kết thúc.</p> <p>5. Tổ chức hội thảo:</p>
	Nguyễn Chu Hồi	
187	<p>Quản lý bền vững khu rừng nguyên sinh Rú Lịnh, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị dựa vào vai trò bảo vệ của cộng đồng địa phương</p> <p>Trung tâm Khoa học công nghệ Quảng Trị - Viện Tài nguyên, Môi trường và Phát triển bền vững tại thành phố Huế.</p> <p>Tổng kinh phí: 1.300.000.000 VNĐ GEF: 1.000.000.000 VNĐ Kinh phí đóng góp: 300.000.000 VNĐ</p>	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao sự hiểu biết của người dân một cách sâu sắc về vai trò và giá trị của khu rừng đối với cuộc sống của nhân dân và khoa học - Quản lý rừng dựa vào mô hình cộng đồng <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao ý thức của người dân trong công tác trồng và bảo vệ rừng - Xây dựng được vườn ươm tại chỗ cho nhân dân hai xã - Xuất bản sách về thông tin cơ bản và thành phần loài động – thực vật ở Rú Lịnh <p>Hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nâng cao ý thức của người dân trong vùng: <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành 03 lớp tập huấn về vai trò của rừng trong biến đổi khí hậu và đối với cuộc sống con người - Tổ chức các hoạt động trồng rừng ở khu vực vành đai. Trồng dặm một số loại cây bản địa phù hợp vào diện tích đất trồng tràm quanh rú 18,85ha 2. Xây dựng vườn ươm: <ul style="list-style-type: none"> - Chọn mặt bằng phù hợp và xây dựng vườn ươm diện tích 100m², chọn điểm gần khe suối thuận lợi cho việc chăm sóc. - Tổ chức 03 lớp tập huấn kỹ thuật ươm cây rừng. Cung cấp cho người dân các kiến thức cơ bản về nhân giống và chăm sóc cây con trước đem trồng. 3. Xuất bản sách cung cấp thông tin tuyên truyền về Rú Lịnh <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra bổ sung thành phần loài động thực vật về Rú Lịnh - Biên tập và xuất bản ấn phẩm sách: "Đa dạng sinh học rừng sinh thái Rú Lịnh"
	Nguyễn Ngọc Lung	
188	<p>Huy động sự tham gia của ngư dân để bảo vệ môi trường phá Tam Giang, tỉnh Thừa Thiên</p>	<p>Mục tiêu: Nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học phá Tam Giang thông qua việc trao quyền quản lý cộng đồng ngư dân 02 xã Quảng Lợi, Quảng Thái, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Kết quả dự kiến:</p>

	<p>Huế</p> <p>Trung tâm hỗ trợ Phát triển cộng đồng bền vững (CSC)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.020.000.000 VNĐ GEF: 925.000.000 VNĐ CSC và mạng lưới môi trường: 95.000.000 VNĐ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có 80% ngư dân của 02 xã Quảng Lợi và Quảng Thái hiểu biết về luật Bảo vệ môi trường và chủ động bảo vệ nguồn lợi thủy sản - Xây dựng và thể chế hóa cụ thể quyền quản lý mặt nước phá Tam Giang cho các Chi hội nghề cá, có cơ chế cụ thể về trách nhiệm của cán bộ hai xã Quảng Thái và Quảng Lợi đối với việc thực thi các quy định nói trên. - Xây dựng và thử nghiệm thành công 02 mô hình sinh kế bền vững về nuôi trồng thủy hải sản tăng thu nhập cho ngư dân và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên: nước và bảo tồn nguồn gen. <p>Hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội thảo khởi động: gồm 50 người tham gia 2. Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 06 lớp tập huấn cho ngư dân 02 xã, mỗi lớp 30 học viên đảm bảo sự tham dự của phụ nữ, mỗi lớp 02 ngày. Nội dung: luật Bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản bền vững và những vấn đề liên quan - Thiết kế, in tờ rơi và tranh tuyên truyền: 5000 tờ rơi, 1000 tranh cho ngư dân, học sinh, cơ quan và những cộng đồng khác của 02 xã. - Xây dựng chuyên mục phát thanh Bảo vệ môi trường phá Tam Giang trên Đài truyền thanh huyện Quảng Điền, báo viết gồm 12 chuyên đề về bảo vệ môi trường phá Tam Giang, phục vụ cho việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mọi người dân. 3. Thúc đẩy thể chế hóa quyền quản lý mặt nước cho ngư dân và tăng cường trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương trong việc đảm bảo các quyền nói trên. <ul style="list-style-type: none"> - Tham vấn ý kiến ngư dân và chính quyền đoàn thể địa phương, đồng thời tiến hành đánh giá việc trao quyền quản lý mặt nước cho cộng đồng trên địa bàn huyện. - Xây dựng phương án trao quyền quản lý mặt nước phá Tam Giang cho các chi hội nghề cá có sự tham gia của cộng đồng ngư dân, dựa trên những ý kiến thu được từ đợt tham vấn và đánh giá - Tổ chức 02 cuộc tọa đàm cấp xã với chủ đề môi trường đầm phá với sinh kế của ngư dân được tổ chức tại 02
--	---	---

		<p>xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 hội thảo gồm 50 đại biểu đến từ chính quyền, đoàn thể cấp huyện, xã, các chi hội nghề cá được tổ chức 01 ngày để thảo luận phương án trao quyền quản lý mặt nước cho cộng đồng. Phương án chính thức có ý kiến của người dân và chính quyền, đoàn thể địa phương được trình lên UBND huyện để ra quyết định thi hành. <p>4. Cải thiện sinh kế bền vững cho cộng đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 06 lớp tập huấn nuôi trồng thủy sản cho các chi hội nghề cá và đại diện ngư dân. Nội dung tập huấn liên quan đến các mô hình nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường. Phương pháp tập huấn có sự tham gia, dựa trên những sáng kiến và kinh nghiệm của người dân địa phương. - Thí điểm 06 mô hình đánh bắt cá bằng chuôm (chà rạo); và hỗ trợ 40 ngư dân khó khăn nhất của 02 xã xây dựng mô hình nuôi cá lồng trên phá Tam Giang. - Hội thảo cấp huyện: tổng kết, đánh giá, vận động chính sách và nhân rộng mô hình.
	Nguyễn Chu Hồi	
189	<p>Xây dựng hồ thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng và mô hình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ công tác thu gom phân loại rác thải trên địa bàn tỉnh Quảng Nam</p> <p>Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 1.400.000.000 VNĐ GEF: 1.000.000.000 VNĐ Đối ứng:</p>	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về biến đổi khí hậu cho đội ngũ cán bộ Hội nông dân từ cấp tỉnh đến cấp xã và hội viên nông dân - Giảm thiểu tối đa tình trạng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước do những hành động thiếu ý thức của người dân đối với công tác Bảo vệ môi trường - Xây dựng các mô hình điểm về bảo vệ môi trường để các địa phương khác đến tham quan học tập và nhân rộng mô hình. <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần thay đổi nhận thức cho nông dân về công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp thông qua mô hình “Xây dựng hồ thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng và mô hình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ công tác thu gom phân loại rác thải” để làm điểm trình diễn, tham quan, ứng dụng nhân rộng trong cộng đồng dân cư - Trang bị cho 100% hội viên nông dân nắm vững kiến

	400.000.000 VNĐ	<p>thức cơ bản về tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống loài người, tích cực tham gia bảo vệ tài nguyên môi trường nông thôn, giảm thiểu đến mức thấp nhất những hành vi vi phạm của con người gây ra, làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái</p> <p>Các hoạt động chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn, Hội thảo, truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về biến đổi khí hậu cho đội ngũ cán bộ Hội Nông dân từ cấp tỉnh đến cấp xã và hội viên nông dân. - Hỗ trợ cho nông dân kinh phí xây dựng các hố thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật và các loại men vi sinh để xây dựng mô hình sản xuất phân vi sinh từ rác thải nông nghiệp - Tập huấn nâng cao nhận thức, tập huấn phương pháp thực hiện các công đoạn của dự án. Đào tạo đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên nông dân về công tác bảo vệ môi trường. - Tổ chức nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng - Hội thảo rút kinh nghiệm nhân rộng mô hình <p>(Dự kiến xây dựng 50 hố thu gom bao bì thuốc Bảo vệ thực vật tại 50 cánh đồng trên địa bàn 3 huyện, hỗ trợ men vi sinh và hướng dẫn kỹ thuật để thực hiện 50 mô hình sản xuất phân vi sinh phục vụ sản xuất nông nghiệp từ việc phân loại và xử lý rác thải...)</p>
	Hồ Ngọc Hải	
190	<p>Nâng cao năng lực và vai trò của phụ nữ trong quản lý chất thải và bảo vệ môi trường</p> <p>Hội liên hiệp phụ nữ huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh</p> <p>Tổng kinh phí: GEF: 1.050.000.000 VNĐ</p>	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu ảnh hưởng của chất thải, rác thải tới môi trường đất, nước, không khí thông qua hoạt động tuyên truyền, giáo dục ý thức trong phân loại rác và thu gom rác thải của phụ nữ. - Tận dụng các vật dụng, đồ dùng có thể tái sử dụng <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ và người dân nâng cao năng lực và nhận thức BVMT, giữ gìn vệ sinh môi trường và tạo việc làm cộng đồng dân cư: 62 cán bộ hội tại 4 xã và người dân địa phương được nâng cao kiến thức và kỹ năng BVMT nói chung, quản lý rác thải nói riêng và quản lý bảo tồn di sản. Trên 85% phụ nữ huyện Đông Triều hiểu được mục đích của việc phân loại rác thải. Thành lập được

	<p>Nguồn khác: 4.800.000.000 VNĐ</p>	<p>165 tổ phụ nữ thu gom rác thải. Xây dựng kế hoạch BVMT di tích Nhà Trần với sự tham gia của Hội LHPH Đông Triều.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, truyền bá, chia sẻ góp phần giải quyết các vấn đề môi trường trên diện rộng và thúc đẩy quá trình phát triển nông thôn bền vững của huyện Đông Triều - Nâng cao năng lực Hội LHPN Đông Triều <p>Hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuyên truyền và giáo dục nâng cao nhận thức về BVMT cho cộng đồng địa phương. 2. Vận động người dân tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường ở các khu vực công cộng và Di tích Nhà Trần. 3. Thành lập các nhóm công tác 4. Truyền thông các kinh nghiệm và bài học tới các bên liên quan 5. Liên kết với các chương trình và kế hoạch hiện có
	Hồ Ngọc Hải	
191	<p>Xây dựng và trình diễn mô hình xử lý chất thải nông nghiệp hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu ở xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang</p> <p>Hội Nông dân xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 2.100.000.000 VNĐ GEF: 1.050.000.000 VNĐ Đối ứng địa phương: 1.050.000.000 VNĐ</p>	<p>Mục tiêu:</p> <p>Mục tiêu chính: Xây dựng mô hình trình diễn ứng dụng giải pháp xử lý chất thải trồng trọt, chăn nuôi bền vững, thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện của nông thôn ĐBSCL, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ảnh hưởng của BĐKH đến môi trường sống của cộng đồng; góp phần sử dụng hợp lý, duy trì và cải thiện độ phì đất, quản lý, khai thác hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, nước và cây trồng tại Vị Thủy, Hậu Giang.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các mô hình xử lý chất thải trồng trọt (rom rạ, tàn dư cây màu luân canh trên nền lúa) thành phân hữu cơ, góp phần tăng năng suất cây trồng, giảm thiểu sử dụng phân bón hóa học, thuốc BVTV hóa học, giảm suy thoái đất do thâm canh lúa liên tục, giảm tác hại của phát thải khí nhà kính đến môi trường và sản xuất của địa phương. - Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi heo ứng dụng công nghệ vi sinh trong giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sống của địa phương. - Đề xuất được giải pháp phát triển bền vững trong sử dụng các loại chế phẩm phân hủy chất thải nông nghiệp

		<p>của trồng trọt (lúa, màu), chăn nuôi (heo) và cải thiện môi trường sống tại các vùng thôn của Hậu Giang và DBSCL.</p> <p>Kết quả dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng và thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH, giảm thiểu tác động bất lợi đến vùng dự án. 2. Tổ chức được 10-12 lớp tập huấn kỹ thuật về phương pháp xử lý rác thải nông nghiệp ứng dụng công nghệ vi sinh phân hủy nhanh rơm rạ, tàn dư thực vật, chất thải chăn nuôi đơn giản, an toàn và hiệu quả, phù hợp với điều kiện của nông thôn vùng sâu, qui mô nông hộ còn hạn chế 3. Xây dựng được 10 ha mô hình trình diễn xử lý rác thải trồng trọt (rơm rạ lúa và tàn dư thực vật của các cây trồng luân canh) thành phân hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh theo phương pháp ủ đồng 4. Xây dựng được 40-50ha mô hình xử lý rơm rạ lúa ngay tại ruộng được thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp bằng chế phẩm vi sinh phân hủy rơm rạ lúa thành phân hữu cơ và cày xới vùi lại trong đất. 5. 20 hộ chăn nuôi heo tại địa bàn dự án áp dụng mô hình chăn nuôi heo sử dụng đệm lót sinh học bằng nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương như trấu, mùn cưa, xác bã mía, xơ dừa trộn với chế phẩm vi sinh (như Balasa N01). Sau 2-3 năm sử dụng, đệm lót sinh học trở thành phân bón hữu cơ cho cây trồng. 6. Phát triển và chuyển giao các Mô hình xử lý rác thải trồng trọt và chăn nuôi thành công cho các xã, huyện khác trong tỉnh Hậu Giang cũng như các tỉnh khác ở DBSCL có điều kiện tương tự. <p>Hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng và thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH của vùng Dự án 2. Tổ chức đánh giá, lựa chọn ra các mô hình xử lý rác thải trồng trọt và chăn nuôi phù hợp tại địa phương 3. Tập huấn các biện pháp kỹ thuật phù hợp về các mô hình ứng dụng công nghệ xử lý rác thải trồng trọt và chăn nuôi cho nông dân và cán bộ kỹ thuật, khuyến
--	--	--

		<p>nông trong quản lý rác thải tại địa bàn dự án.</p> <p>4. Xây dựng và trình diễn các mô hình xử lý rác thải trồng trọt và chăn nuôi phù hợp với điều kiện địa phương.</p> <p>5. Theo dõi, đúc kết và phổ biến bài học kinh nghiệm của các Mô hình xử lý rác thải nông nghiệp thành công từ Dự án nhằm nhân rộng tại các xã, huyện khác của địa phương và các nơi khác ở ĐBSCL có điều kiện tương tự.</p>
	Hồ Ngọc Hải	
192	<p>Thiết kế hệ thống và xây dựng mô hình, cơ chế và quy trình thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại các khu dân cư ở Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.</p> <p>Viện Khoa học Môi trường và năng lượng mới</p> <p>Tổng kinh phí: 990.000.000 VNĐ</p>	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm lượng rác thải sinh hoạt nguồn hữu cơ đưa về bãi chôn lấp trung của thành phố Hà Nội. - Giảm lượng ô nhiễm môi trường thành phố - Đưa ra được mô hình và cơ chế phân loại, thu gom xử lý rác thải hiệu quả nhất mà từ trước tới nay chưa làm được - Tiết kiệm năng lượng điện lưới bằng cách đưa năng lượng tái tạo (khí Biogas) vào đời sống dân cư <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được một mô hình mẫu gồm: trang thiết bị, quy trình kỹ thuật và cơ chế phân loại thu gom xử lý rác thải hữu cơ, áp dụng có hiệu quả cho phường Đại Kim. - Hiệu quả kinh tế - Lợi ích về môi trường - Lợi ích trực tiếp cho cư dân - Tác động về mặt xã hội <p>Hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đầu tư chế tạo thùng chuyên dụng cho việc đựng rác hữu cơ Bố trí người chuyên trách, tổ chức vận động tuyên truyền cư dân Quy trình gom rác hữu cơ Quy trình gom rác vô cơ Xử lý rác bằng Biogas Phương pháp tận dụng sản phẩm khí gas.
	Hồ Ngọc Hải	
193	<p>Ứng dụng công nghệ sinh học và truyền thông xử lý ô</p>	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thành công việc xử lý ô nhiễm mùi, không khí nguồn nước thải tại các làng nghề

	<p>nhiễm mùi, không khí, nguồn nước thải tại các làng nghề Hà Nội</p> <p>Hiệp hội thủ công mỹ nghệ và làng nghề thành phố Hà Nội</p> <p>Tổng kinh phí: 60.000USD GEF: 40.000 USD Đóng góp: 20.000 USD</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi nhận thức bảo vệ môi trường và tạo thói quen xử lý rác thải hữu cơ - Đào tạo và hỗ trợ công nghệ xử lý rác thải sinh học - Xây dựng được hương ước về bảo vệ môi trường tại các làng nghề - Xây dựng được hệ thống mạng lưới đội ngũ Cộng tác viên, tình nguyện viên cộng đồng - Nhân bản mô hình xử lý rác với công nghệ sinh học kết hợp với tuyên truyền <p>Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về cơ bản xử lý được các vấn đề ô nhiễm mùi, không khí, nguồn nước tại các làng nghề - Tạo thói quen xử lý rác thải làng nghề từ các hộ sản xuất thủ công nghiệp, nông nghiệp tại các làng nghề. <p>Hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sử dụng, khai thác Công nghệ sinh học xử lý rác thải ô nhiễm an toàn và hiệu quả 2. Khai thác các kênh truyền thông đồng bộ và hoạt động với tần suất cao 3. Xây dựng hương ước làng nghề và tuyên truyền thường xuyên tại địa phương 4. Sử dụng đội ngũ CTV, TNV là thanh niên, học sinh, sinh viên tại các làng nghề trực tiếp tiến hành việc xử lý ô nhiễm (cùng với việc đảm bảo hỗ trợ lợi ích TNV). 5. Thiết lập đường dây nóng xử lý ô nhiễm do rác thải và hỗ trợ xử lý tại nơi có ô nhiễm 6. Hình thành thói quen xử lý rác thải hữu cơ từ trong mỗi hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hướng đến việc hạn chế tối đa rác thải sản xuất, sinh hoạt... giảm thiểu ô nhiễm với chất lượng hoạt động xử lý rác bằng công nghệ, kết hợp với tuyên truyền.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
194	<p>Xây dựng mô hình ứng dụng hệ thống lò đốt rác thải sinh hoạt nhằm giảm ô nhiễm môi trường cho khu du lịch Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải</p>	<p>Mục tiêu lâu dài:</p> <p>Góp phần nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường và ứng dụng hệ thống lò đốt rác ĐỒNG TRONG của thị trấn Cát Bà nhằm giảm ô nhiễm môi trường cho khu du lịch Cát Bà</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, lắp đặt và đưa vào vận hành mô hình lò đốt rác sinh hoạt tại khu vực bãi rác ĐỒNG TRONG, góp phần

	<p>Phòng</p> <p>Liên đoàn Lao động huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.600.000.000 VNĐ GEF: 1.000.000.000 VNĐ Địa phương: 300.000.000 VNĐ Nguồn khác: 300.000.000 VNĐ</p>	<p>bảo vệ môi trường cho khu du lịch Cát Bà.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, đánh giá, tổng kết các bài học kinh nghiệm trong áp dụng, vận hành hệ thống nhằm đưa ra cơ sở đánh giá khả năng và phạm vi sử dụng mô hình, đề ra phương hướng cho việc nhân rộng tại các bãi rác khác trên địa bàn huyện Cát Hải. - Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư khu vực thị trấn Cát Bà <p>Kết quả dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lắp đặt, vận hành hệ thống lò đốt rác tại bãi rác Đồng Trong 2. Biên soạn, phát hành và phổ biến một bộ tài liệu kỹ thuật của dự án 3. Đánh giá chung của việc áp dụng hệ thống lò đốt rác, ý nghĩa về hiệu quả môi trường, kinh tế, xã hội, tính nhân rộng 4. Ý thức, hành vi bảo vệ môi trường của cộng đồng khu du lịch Cát Bà được nâng cao <p>Hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiến hành khảo sát khu vực bãi rác Đồng Trong để lựa chọn áp dụng quy mô lò đốt rác cho phù hợp 2. Thống nhất kết quả khảo sát để lựa chọn địa điểm, quy mô lò đốt 3. Đề xuất nguồn kinh phí đối ứng từ ngân sách thành phố, ký kết hợp đồng thiết kế với nhà cung cấp 4. Thiết kế hệ thống và chi tiết cho các thiết bị sẽ lắp đặt 5. Tổ chức lắp đặt, nghiệm thu, chạy thử 6. Vận hành và sử dụng hệ thống 7. Theo dõi hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian vận hành hệ thống. Thu thập số liệu đánh giá kết quả và biên soạn tài liệu kỹ thuật hướng dẫn thiết kế, lắp đặt và vận hành mô hình 8. Tổ chức nghiệm thu, đúc kết bài học kinh nghiệm và biên soạn tài liệu kỹ thuật hướng dẫn thiết kế, lắp đặt và vận hành mô hình 9. Tổ chức các buổi nói chuyện với cán bộ cơ quan quản lý nhà nước liên quan, các khóa tập huấn vận hành dành cho công nhân Công ty quản lý công trình công cộng và dịch vụ đo thị huyện
--	--	--

		<p>10. Tổ chức hội thi cộng đồng chung tay bảo vệ môi trường, với đối tượng tham gia là cán bộ, đoàn viên các Công đoàn cơ sở, chủ nhà hàng, khách sạn và nhân dân khu vực thị trấn Cát Bà.</p>
195	<p>“Cùng cộng đồng địa phương tham gia bảo tồn đa dạng sinh học tại vườn quốc gia Chư Moom Rây- Tỉnh KonTum”</p> <p>Trung tâm giáo dục và truyền thông môi trường(CEACE)</p> <p>Kinh phí: 850 triệu đồng</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 800 triệu</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc tập huấn và xây dựng 02 mô hình trồng Chùm ngây tại Hòa Bình, quy mô 1 ha/điểm góp phần vào chuyển đổi cơ cấu cây trồng nông lâm nghiệp và tăng thu nhập cho hộ gia đình người dân địa phương, vừa góp phần xóa đói giảm nghèo, vừa gắn với công tác xã hội và bảo vệ đất, bảo vệ môi trường nhằm hạn chế tình trạng chặt phá rừng, đốt nương làm rẫy và biến đổi khí hậu đang là vấn đề cấp thiết hiện nay. - Sau khi dự án kết thúc, người dân địa phương ở đây thấy rõ vai trò của mô hình trồng Chùm ngây và nhân rộng mô hình này trên diện tích rộng. Điều này góp phần hạn chế được tình trạng chặt phá rừng, đốt nương làm rẫy, góp phần giải quyết việc làm cho người dân và giảm tệ nạn xã hội. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở được 04 lớp tuyên truyền, tập huấn về tính đa tác dụng, kỹ thuật nhân giống cũng như kỹ thuật gây trồng loài cây Chùm ngây cho người dân địa phương tại Hòa Bình. - Xây dựng được 02 mô hình trồng Chùm ngây tại Hòa Bình, quy mô 1 ha/mô hình. <p>Việc tập huấn và xây dựng mô hình trồng Chùm ngây đem lại hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Về kinh tế: Người dân nắm được kỹ thuật trồng Chùm ngây. Từ đó người dân sẽ biết canh tác đạt hiệu quả kinh tế và chủ động trong hoạt động sản xuất của gia đình. Với mô hình trồng cây Chùm ngây đem lại lợi ích cho gia đình sẽ khuyến khích người dân tham gia sản xuất. + Về môi trường: Bảo vệ đất, hạn chế xói mòn, hạn chế biến đổi khí hậu, hạn chế tình trạng phá rừng, đốt nương làm rẫy,... + Về xã hội: Giải quyết nhu cầu việc làm tại chỗ cho người dân, xóa đói giảm nghèo, giữ vững trật tự an ninh xã hội,... <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở 04 lớp tuyên truyền, tập huấn về tính đa tác dụng, kỹ thuật nhân giống cũng như kỹ thuật gây trồng loài cây Chùm ngây cho người dân địa phương tại Hòa Bình.

		<p>Đối tượng tập huấn: cán bộ, nông dân</p> <p>Địa điểm: huyện Mai Châu, Đà Bắc – tỉnh Hòa Bình</p> <p>Các tài liệu tập huấn: Powerpoint về tính đa tác dụng, khả năng nhân giống và gây trồng Chùm ngây; Quy trình nhân giống Chùm ngây bằng phương pháp gieo hạt và giâm hom.</p> <p>- Xây dựng được 02 mô hình trồng Chùm ngây tại Hòa Bình, quy mô 1 ha/mô hình.</p> <p>Địa điểm trồng: huyện Mai Châu, Đà Bắc – tỉnh Hòa Bình, trồng phân tán trong vườn hộ, quy mô hộ gia đình.</p> <p>Mỗi huyện chọn 01 thôn, mỗi thôn chọn 15 hộ gia đình, phát mỗi hộ 120 cây con Chùm ngây trồng rải rác trong vườn hộ.</p> <p>Sau đó tiến hành đánh giá sinh trưởng phát triển của từng mô hình trồng Chùm ngây.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
196	<p>“Bảo vệ rùa biển- phục hồi hệ sinh thái rừng tiến tới phát triển du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng”</p> <p>Hội nghề cá tỉnh Bình Thuận</p> <p>Kinh phí :900 triệu đồng</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 800 triệu đồng</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>* Đối với rùa biển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ, duy trì và phát triển rùa biển tại khu bảo tồn biển Hòn Cau. - Phát triển đảo Hòn Cau trở thành bãi đẻ lý tưởng nhất cho rùa biển trong khu vực. - Tham gia vào mục tiêu phát triển du lịch sinh thái. <p>* Đối với hệ sinh thái rừng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phục hồi hệ sinh thái rừng trên đảo Hòn Cau. - Góp phần vào việc phát triển du lịch sinh thái bền vững. <p>* Đối với du lịch sinh thái:</p> <p>Việc bảo vệ và phát triển rùa biển cũng như khôi phục hệ sinh thái rừng tại đảo Hòn Cau là một trong các yếu tố quan trọng trong việc phát triển du lịch sinh thái bền vững, giúp cải thiện đời sống kinh tế của các bà con ngư dân tham gia vào các hoạt động của khu bảo tồn và các thành phần kinh tế khác của địa phương.</p> <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ an toàn 100% rùa biển khi sinh sản tại đảo Hòn Cau. - Phục hồi các diện tích rừng đã mất; - Phát triển du lịch sinh thái bền vững; - Nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế cho bà con ngư dân sinh sống xung quanh đảo Hòn Cau và các thành phần kinh tế khác tại địa phương. - Khu bảo tồn biển Hòn Cau là khu bảo tồn mang lại hiệu quả cao về đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn lợi và phát triển sinh kế địa phương theo mục đích thành lập. <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập tổ tuần tra, giám sát 24/24h quanh đảo Hòn Cau trong suốt thời gian sinh sản của rùa (ngư dân, biên phòng, Ban quản lý khu bảo tồn biển Hòn Cau và Chu cục Thủy sản). - Kịp thời tổ chức di rời trứng rùa về nơi ấp trứng an toàn, đồng thời ngăn chặn và xử lý các vi phạm làm ảnh hưởng hoặc đe dọa đến sự an toàn của rùa biển. - Thành lập mạng lưới thông tin có sự tham gia của các ban, ngành địa phương có liên quan, cộng đồng dân cư và ngư dân khai thác quanh đảo Hòn Cau. - Tổ chức, hướng dẫn và sắp xếp các hoạt động du lịch theo đúng các quy định của pháp luật.
	Nguyễn Chu Hồi	
197	“Triển khai nhân rộng bốn mô hình trồng trọt và chăn nuôi (bắp lai – chuối, mía tím – các loại đậu, nuôi heo đen lấy thịt, gà thả vườn) cho cộng đồng dân tộc Churu tại thôn Bó Lang xã Phước Bình, huyện	<p><i>a. <u>Mục tiêu</u></i></p> <p>Chuyển giao kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi cho người dân. Nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi tăng thu nhập của các hộ dân trong cộng đồng, giảm sự phụ thuộc vào rừng, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học của Vườn Quốc gia Phước Bình.</p> <p><i>b. <u>Kết quả dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 mô hình được nhân rộng. - 105 hộ được tham gia mô hình chăn nuôi và trồng trọt.

	<p>Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận”</p> <p>Hội nông dân xã Phước Bình</p> <p>Kinh phí: 700 triệu đồng</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 700 triệu đồng</p>	<p>- 105 hộ được chuyển giao kỹ thuật thực hiện các mô hình.</p> <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <p>- Điều tra nhu cầu cần nhân rộng các mô hình trồng trọt và chăn nuôi của người dân và điều kiện thực hiện mô hình, chọn hộ để nhân rộng mô hình.</p> <p>- Hỗ trợ giống, vật tư và kỹ thuật cho các hộ dân thực hiện.</p> <p>- Tập huấn kỹ thuật cho cộng đồng, hội nghị đầu bờ và tổng kết thực hiện.</p>
	Trần Thúc Sơn	
198	<p>“Điều tra, nghiên cứu, xác định thành phần loài trong chi Asarum thuộc họ Mộc hương (Aristolochiaceae) tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, xây dựng phương án bảo tồn và nhân rộng các loài này ở huyện Vũ Quang, Hà Tĩnh, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học Vườn quốc gia Vũ Quang.”</p> <p>Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Hà Tĩnh</p> <p>Kinh phí thực hiện : 1.600.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 1.100.000.000 VNĐ</p>	<p><i>a. <u>Mục tiêu</u></i></p> <p>* Mục tiêu lâu dài: Bảo tồn loài cây Mộc Hương, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh</p> <p>* Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- Khảo sát, xác định tổng hợp thành phần loài thuộc chi Asarum phân bố tại Vườn Quốc gia Vũ Quang.</p> <p>- Xây dựng và thực hiện các hoạt động bảo tồn loài này tại Vườn Quốc gia Vũ Quang.</p> <p>- Nâng cao sự nhận thức và hiểu biết của tất cả các bên có liên quan ở mọi cấp về các giá trị đa dạng sinh học, kinh tế và xã hội của Vườn Quốc gia.</p> <p>- Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia vào lập kế hoạch quản lý và thực hiện các hoạt động bảo tồn ở Vườn Quốc gia.</p> <p>- Cải thiện đời sống nhân dân thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đệm và sử dụng hợp lý, bền vững nguồn lợi tự nhiên.</p> <p><i>b. <u>Kết quả dự kiến</u></i></p> <p>- Báo cáo xác định thành phần loài thuộc chi Asarum phân bố tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, đặc điểm nông sinh học của cây Mộc Hương.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển chọn cây giống gốc, xây dựng vườn ương sản xuất giống cây Mộc Hương với quy mô 500 m², sản xuất 6.000 cây giống. - Xây dựng mô hình trồng và phát triển cây mộc hương tại Vườn Quốc gia Vũ Quang quy mô 5 ha theo hình thức phân tán dưới tán rừng. - Xây dựng mô hình gà thả vườn cho 10 hộ với quy mô 500 con/hộ. - Xây dựng mô hình trồng gừng với quy mô 3 ha. - Các thông điệp tuyên truyền được thực hiện. - Các chương trình nâng cao nhận thức được thiết kế và thực hiện. <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <p>Hoạt động 1: Điều tra, nghiên cứu, xác định thành phần loài trong chi Asarum thuộc họ Mộc Hương tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, nghiên cứu đặc điểm sinh học của cây Mộc Hương.</p> <p>Hoạt động 2: Xác định phương án bảo tồn chi Asarum thuộc họ Mộc Hương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyển chọn cây mẹ. - Nghiên cứu quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc cây Mộc Hương. - Xây dựng mô hình vườn ương sản xuất giống và mô hình trồng để nhân rộng loài cây Mộc Hương thành hàng hóa phục vụ cho sản xuất thuốc chữa bệnh. <p>Hoạt động 3: Giảm thiểu sự phụ thuộc vào tài nguyên Vườn Quốc gia thông qua chương trình phát triển vùng đệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình nuôi gà thả vườn. - Xây dựng mô hình trồng gừng. <p>Hoạt động 4: Tổ chức các hoạt động truyền thông, đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho các bên liên quan tham gia xây dựng và bảo vệ đa dạng sinh học Vườn Quốc</p>
--	--	---

		gia Vũ Quang.
	Nguyễn Ngọc Lung	
199	<p>Xây dựng mô hình nuôi hải sâm cát ven biển cho ngư dân nghèo để cải thiện sinh kế, chuyển đổi nghề nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu tại Bình Thuận</p> <p>Liên hiệp các hội khoa học & kỹ thuật tỉnh Bình Thuận</p> <p>Kinh phí thực hiện : 2.000.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 1.200.000.000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập được mô hình nuôi hải sâm cát cho ngư dân nghèo vùng ven biển một cách phù hợp, hiệu quả. - Cải thiện sinh kế, chuyển đổi nghề nghiệp hợp lý, hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu cho ngư dân. - Từng bước thay đổi tư duy, nhận thức của người dân luôn chỉ tập trung vào khai thác nguồn lợi thủy sản trong tự nhiên. - Tạo cơ sở để thực hiện việc giao mặt nước biển cho người dân nuôi trồng thủy sản và tham gia bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản ven bờ như Luật thủy sản đã đề ra. - Tạo điều kiện phục hồi, tái tạo nguồn lợi hải sâm trong tự nhiên. <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và thử nghiệm 3 mô hình khoanh nuôi hải sâm cát ven biển tại tỉnh Bình Thuận. - Đề xuất mô hình nuôi hải sâm cát ven biển phù hợp, đạt năng suất từ 3,0 tấn/ha/vụ trở lên. - Nâng cao thu nhập của mỗi lao động tham gia mô hình đạt từ 3,0 triệu đồng/tháng trở lên. <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều tra, khảo sát nắm bắt thông tin về tình hình, đặc điểm nghề cá của tỉnh; các đặc điểm, điều kiện và khả năng của vùng ven bờ dự kiến triển khai mô hình. 2. Nghiên cứu, thiết kế hình thức, quy mô, kết cấu chuồng nuôi, mô hình chuồng nuôi; các đặc điểm, yêu cầu kỹ thuật nuôi; cách thức tổ chức quản lý, bảo vệ,... 3. Xây dựng chuồng nuôi và tiến hành nuôi hải sâm theo mô hình xây dựng.

		<p>4. Theo dõi, kiểm tra, giám sát mô hình.</p> <p>5. Hội thảo, hội nghị, tổng kết, đánh giá mô hình</p>
	Nguyễn Chu Hồi	
200	<p>Bảo tồn phát triển cây Ươi (Scaphium lachnophorum Pierre) nhằm phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân, góp phần quản lý sử dụng bền vững rừng cộng đồng tại tỉnh Quảng Nam</p> <p>Viện nghiên cứu hợp tác Khoa học kỹ thuật Châu Á-Thái Bình Dương (IAP)</p> <p>Kinh phí thực hiện : 1.400.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 1.100.000.000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>* Mục tiêu chung: Tiếp nhận và làm chủ công nghệ xây dựng thành công mô hình nhân giống và trồng thâm canh cây Ươi nhằm nâng cao giá trị kinh tế, tạo thu nhập cho người dân vùng dự án, góp phần quản lý, sử dụng bền vững rừng cộng đồng tại Quảng Nam.</p> <p>* Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức cho người dân thông qua hội thảo, tập huấn, tham quan và giao lưu thương mại. Đào tạo chuyển giao công nghệ cho cán bộ và nông dân địa phương vùng dự án. - Xây dựng và chuyển giao các quy trình kỹ thuật nhân số loài cây Ươi bằng gieo hạt, chiết, ghép, giâm hom tạo nguồn giống cây tốt, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương phục vụ cho người dân trồng cây để phát triển kinh tế. - Xây dựng và chuyển giao quy trình trồng thâm canh cây Ươi góp phần nâng cao đời sống, xóa đói giảm nghèo cho người dân. - Xây dựng vườn giống có chất lượng tốt phục vụ cho công tác tạo giống cung cấp cho việc mở rộng diện tích, phát triển vùng khai thác lâu dài. - Ứng dụng và chuyển giao một số dây chuyền, phương pháp bảo quản, chế biến các sản phẩm từ cây Ươi sau thu hoạch để nâng cao giá trị sản phẩm cho người dân. <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được hiện trạng của cây Ươi tại tỉnh Quảng Nam. - Xây dựng được Quy trình kỹ thuật phát triển cây Ươi phù hợp với điều kiện của địa phương. - Tập huấn cho 200 người dân và cán bộ địa phương về kỹ

		<p>thuật nhân giống và trồng thâm canh cây Uoi; chế biến và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện, in ấn tài liệu hướng dẫn nông dân kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Uoi và khai thác chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch sản phẩm từ cây Uoi. - Xây dựng được 01 vườn ươm có công suất 50.000 cây/năm. - Xây dựng thành công 20 ha mô hình trồng thâm canh cây Uoi. - Tổ chức thành công 02 hội thảo báo cáo kết quả giữa kỳ và đánh giá kết quả dự án. Mỗi hội thảo có 50 đại biểu tham dự. <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều tra, đánh giá thu thập bổ sung thông tin phục vụ cho xây dựng mô hình. <ul style="list-style-type: none"> - Thực trạng khai thác, gây trồng, tiềm năng phát triển và thị trường tiêu thụ các sản phẩm thu được từ cây Uoi tại địa phương. - Phân loại và quy hoạch vùng trồng thâm canh cây Uoi phù hợp với từng địa phương. - Xác định được các đối tượng tham gia xây dựng mô hình thực hiện dự án. - Thu thập kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng về bảo vệ, chăm sóc, khai thác cây Uoi trong điều kiện thời tiết, đất đai, tập quán canh tác,... ở địa phương. 2. Thống kê, đánh giá, chọn lọc xác định các cây, con đầu dòng phục vụ công tác nhân giống. 3. Thực hiện 01 đề tài nhỏ Nghiên cứu hiệu quả kết hợp kinh nghiệm truyền thống và KHKT trong phát triển và thâm canh cây Uoi. 4. Xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật tạo cây giống chất lượng cao. 5. Xây dựng và hoàn thiện quy trình trồng thâm canh cây Uoi.
--	--	--

	<p>6. Tập huấn kỹ thuật cho người dân và cán bộ trong vùng dự án.</p> <p>Tập huấn cho 200 lượt người là cán bộ, nhân dân trong vùng dự án theo các nội dung sau: Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng thâm canh, khai thác, chế biến và bảo quản cây Uoi.</p> <p>7. Xây dựng vườn ươm giống để cung cấp cây giống cho phát triển cây Uoi tại Quảng Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất cây con giống chất lượng cao. <p>8. Xây dựng mô hình trồng thâm canh cây Uoi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy mô: 20 ha. - Các biện pháp trồng rừng thâm canh tổng hợp. <p>9. Xây dựng quy trình bảo quản, chế biến sản phẩm sau thu hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản theo phương pháp truyền thống. - Bảo quản theo phương pháp hiện đại. <p>10. Đúc rút kinh nghiệm, hoàn thiện tài liệu kỹ thuật thông qua thực tế kết quả xây dựng vườn ươm và mô hình thâm canh cây Uoi.</p> <p>11. Hội thảo, hội nghị để báo cáo kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo khoa học: 50 đại biểu tham dự. - Hội thảo đầu bờ: 50 đại biểu tham dự. <p>12. Tham quan:</p> <p>Tổ chức cho 50 cán bộ kỹ thuật, lãnh đạo xã, thôn, bản và người dân tham gia dự án đi tham quan học tập phương pháp, cách làm của các địa phương khác có cùng điều kiện canh tác sản xuất kinh tế tương tự với địa phương hoặc các mô hình trình diễn.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung

201	<p>“xây dựng mô hình phát triển loài cây Chùm ngây (Moringa oleifera Lam) quy mô hộ gia đình tại tỉnh Hòa Bình”</p> <p>Viện nghiên cứu và phát triển Lâm nghiệp nhiệt đới</p> <p>Kinh phí thực hiện : 1.000.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : không thấy</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc tập huấn và xây dựng 02 mô hình trồng Chùm ngây tại Hòa Bình, quy mô 1 ha/điểm góp phần vào chuyển đổi cơ cấu cây trồng nông lâm nghiệp và tăng thu nhập cho hộ gia đình người dân địa phương, vừa góp phần xóa đói giảm nghèo, vừa gắn với công tác xã hội và bảo vệ đất, bảo vệ môi trường nhằm hạn chế tình trạng chặt phá rừng, đốt nương làm rẫy và biến đổi khí hậu đang là vấn đề cấp thiết hiện nay. - Sau khi dự án kết thúc, người dân địa phương ở đây thấy rõ vai trò của mô hình trồng Chùm ngây và nhân rộng mô hình này trên diện tích rộng. Điều này góp phần hạn chế được tình trạng chặt phá rừng, đốt nương làm rẫy, góp phần giải quyết việc làm cho người dân và giảm tệ nạn xã hội. <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở được 04 lớp tuyên truyền, tập huấn về tính đa tác dụng, kỹ thuật nhân giống cũng như kỹ thuật gây trồng loài cây Chùm ngây cho người dân địa phương tại Hòa Bình. - Xây dựng được 02 mô hình trồng Chùm ngây tại Hòa Bình, quy mô 1 ha/mô hình. <p>Việc tập huấn và xây dựng mô hình trồng Chùm ngây đem lại hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Về kinh tế: Người dân nắm được kỹ thuật trồng Chùm ngây. Từ đó người dân sẽ biết canh tác đạt hiệu quả kinh tế và chủ động trong hoạt động sản xuất của gia đình. Với mô hình trồng cây Chùm ngây đem lại lợi ích cho gia đình sẽ khuyến khích người dân tham gia sản xuất. + Về môi trường: Bảo vệ đất, hạn chế xói mòn, hạn chế biến đổi khí hậu, hạn chế tình trạng phá rừng, đốt nương làm rẫy,... + Về xã hội: Giải quyết nhu cầu việc làm tại chỗ cho người dân, xóa đói giảm nghèo, giữ vững trật tự an ninh xã hội,... <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở 04 lớp tuyên truyền, tập huấn về tính đa tác dụng, kỹ thuật nhân giống cũng như kỹ thuật gây trồng loài cây Chùm
-----	--	--

		<p>ngây cho người dân địa phương tại Hòa Bình.</p> <p>Đối tượng tập huấn: cán bộ, nông dân</p> <p>Địa điểm: huyện Mai Châu, Đà Bắc – tỉnh Hòa Bình</p> <p>Các tài liệu tập huấn: Powerpoint về tính đa tác dụng, khả năng nhân giống và gây trồng Chùm ngây; Quy trình nhân giống Chùm ngây bằng phương pháp gieo hạt và giâm hom.</p> <p>- Xây dựng được 02 mô hình trồng Chùm ngây tại Hòa Bình, quy mô 1 ha/mô hình.</p> <p>Địa điểm trồng: huyện Mai Châu, Đà Bắc – tỉnh Hòa Bình, trồng phân tán trong vườn hộ, quy mô hộ gia đình.</p> <p>Mỗi huyện chọn 01 thôn, mỗi thôn chọn 15 hộ gia đình, phát mỗi hộ 120 cây con Chùm ngây trồng rải rác trong vườn hộ.</p> <p>Sau đó tiến hành đánh giá sinh trưởng phát triển của từng mô hình trồng Chùm ngây.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
202	<p>Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của việc trồng rau sạch trên mái nhà ở cấp hộ gia đình: An toàn thực phẩm và Tiết kiệm năng lượng.</p> <p>Hội môi trường Xây dựng Việt Nam (VACEE)</p> <p>Kinh phí thực hiện : 900.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 900.000.000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>* Mục tiêu trước mắt: Xác định hiệu quả của việc trồng rau trên mái nhà đến tiết kiệm năng lượng sử dụng trong các hộ gia đình.</p> <p>* Mục tiêu lâu dài: Thúc đẩy phong trào trồng rau trên mái nhà, tiến tới áp dụng rộng rãi mô hình các mái nhà xanh, góp phần tiết kiệm năng lượng và cắt giảm lượng khí thải vào môi trường nhằm thích ứng và chống biến đổi khí hậu.</p> <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <p>- Xây dựng được mô hình trồng rau xanh phù hợp trên mái nhà.</p> <p>- Đánh giá được hiệu quả cách nhiệt của kết cấu khi trồng rau trên mái nhà.</p> <p>- Đánh giá được hiệu quả tiết kiệm năng lượng đối với các hộ gia đình trồng rau trên mái nhà.</p> <p>- Đánh giá được khả năng cắt giảm khí thải chống biến đổi khí</p>

		<p>hậu khí phong trào “mái nhà xanh” được nhân rộng tại Việt Nam.</p> <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu lý thuyết đánh giá hiệu quả tiết kiệm năng lượng nhờ thay đổi khả năng cách nhiệt của kết cấu mái. - Xây dựng các mô hình thực nghiệm của dự án: tiến hành trồng rau trên mái trong một số trường hợp điển hình khác nhau về: loại rau trồng, độ dày lớp đất trồng và hình thức trồng. - Đo đạc thông số khí hậu tại bề mặt trong và bề mặt ngoài của kết cấu mái trong các trường hợp cụ thể. - Xử lý số liệu, đánh giá hiệu quả tiết kiệm năng lượng, cắt giảm khí thải chống biến đổi khí hậu từ việc trồng rau trên mái của các hộ gia đình. - Đưa ra các khuyến nghị để nhân rộng mô hình trong cộng đồng.
	Nguyễn Ngọc Lung	
203	<p>“Chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh học quy mô nông hộ vùng trung du, miền núi”</p> <p>Trung tâm Tư vấn, chuyển giao khoa học công nghệ chăn nuôi thú y Thanh Hóa - Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 4 tỷ đồng Kinh phí xin tài trợ từ GEF/SGP: 1 tỷ</p>	<p><i>a. <u>Mục tiêu:</u></i></p> <p>* Mục tiêu tổng quát:</p> <p>Giảm thiểu vấn đề ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi lợn, giảm mùi hôi thối, tạo môi trường không khí trong lành cho con người và vật nuôi; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi lợn, góp phần tạo công ăn việc làm và nâng cao sinh kế cho người dân tại các vùng nông thôn; đồng thời tạo ra sản phẩm sạch, chất lượng cao cho người tiêu dùng.</p> <p>* Mục tiêu cụ thể:</p> <p>1. Giảm thiểu vấn đề ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi lợn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm mùi hôi thối bằng việc giảm nồng độ các chất khí như NH3, H2S,... từ chất thải trong chăn nuôi lợn, vừa đảm bảo được bầu không khí trong sạch cho môi trường sống của con người và vật nuôi, đồng thời giảm hiệu ứng nhà kính do các khí trên gây ra. - Giảm 60% - 80% lượng nước sạch sử dụng trong chăn nuôi lợn.

	<p>đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra một lượng phân bón sạch cho sản xuất nông nghiệp. - Giảm thiểu vi sinh vật gây bệnh cho vật nuôi và con người. <p>2. Nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi lợn từ 10 đến 15% bằng cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm 10% lượng thức ăn tiêu thụ, giảm 10 – 12% chi phí thức ăn. - Tăng khối lượng của lợn từ 5 – 10% so với chăn nuôi thông thường. - Giảm được 60 – 80% chi phí nước. - Giảm được 50% chi phí thú y thông qua việc giảm được các loại dịch bệnh trong chăn nuôi lợn. - Giúp tiết kiệm 60% chi phí lao động do giảm được công tắm rửa nền và dọn chuồng. <p>3. Tạo ra sản phẩm sạch cho người tiêu dùng, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng (lợn được chăn nuôi trên nền đệm lót làm tăng độ mềm, vị ngọt tự nhiên cho thịt lợn so với lợn chăn nuôi thông thường).</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>b. <u>Kết quả dự kiến:</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được: 20 mô hình chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh học với 400 m² diện tích chuồng nuôi. - Với khoảng 80 lợn nái và 800 – 1200 lợn thịt được nuôi bằng phương pháp này sẽ: <ul style="list-style-type: none"> + Tạo ra 120 tấn thịt lợn sạch, đảm bảo chất lượng. + Tiết kiệm được 30 tấn thức ăn mỗi năm. + Giảm được trên 4000 m³ nước sạch dùng cho chăn nuôi lợn. + Giảm được hàng nghìn giờ công lao động. + Tăng hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi lợn lên 10 – 15%, tương đương trên 500 triệu đồng. <ul style="list-style-type: none"> - Làm tăng độ mềm, vị ngọt tự nhiên cho thịt lợn. - Giảm đáng kể mùi hôi thối của phân, giảm ruồi muỗi, tạo môi trường thông thoáng cho lợn phát triển khỏe mạnh. Đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tác động của hiện tượng hiệu ứng nhà kính bảo vệ môi trường sống.
--	-------------	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn cho 200 lượt người tham gia và tham quan học tập tại các địa phương khác. Nâng cao kiến thức KHKT cho người chăn nuôi, góp phần tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho người chăn nuôi và cộng đồng. - Tổng kết báo cáo kết quả và đưa ra được quy trình sử dụng đệm lót sinh học trong các gia trại và nông hộ trên địa bàn trung du, miền núi. - Có kế hoạch và phương pháp nhân ra diện rộng mô hình. <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát, đánh giá tình hình chăn nuôi lợn nói chung, chăn nuôi trên đệm lót sinh học nói riêng (Thiết kế mẫu điều tra, điều tra, tổng hợp và phân tích số liệu,...). - Xây dựng mô hình chăn nuôi trên đệm lót sinh học thông qua các bước: <ul style="list-style-type: none"> + Hội thảo chọn điểm, chọn hộ. + Xây dựng kế hoạch và các nội dung triển khai hoạt động của mô hình. + Tổ chức thực hiện mô hình: tập huấn kỹ thuật chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, thiết kế và xây dựng chuồng trại, làm đệm lót; tổ chức tham quan học tập mô hình,... kiểm tra, giám sát các hoạt động của mô hình,.... + Đánh giá kết quả và nghiệm thu mô hình.\ + Tổ chức tuyên truyền nhân rộng mô hình.
	Hồ Ngọc Hải	
204	Xây dựng mô hình canh tác trồng cây Hương bài và đào tạo nghề làm hương cho đồng bào Thái tại xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An	<p><i>a. <u>Mục tiêu</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo lập cuộc sống bền vững cho cộng đồng dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa ngay trên mảnh đất thân yêu của họ, góp phần BVMT sinh thái và công cuộc xóa đói giảm nghèo. - Xây dựng mô hình canh tác nông lâm kết hợp trồng cây Hương bài dưới tán rừng và đào tạo nghề làm hương

	<p>Trung tâm Khuyến viên và dịch vụ Nghề vườn Việt Nam (Trung tâm Vị Nông)</p> <p>Kinh phí thực hiện : 1.200.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 1.000.000.000 VNĐ</p>	<p>cho cộng đồng 3 bản của xã Châu Cường, Quý Hợp, Nghệ an</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống góp phần xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao Nghệ An, nhất là phụ nữ - Bảo tồn và phát triển Đ DSH, bảo vệ đất chống xói mòn rửa trôi đất, tăng chức năng phòng hộ của rừng - Nếu thành công sẽ là mô hình cho cộng đồng dân tộc khác ở miền núi vùng cao tỉnh NA học hỏi và nhan rộng, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của đất nước <p><i>b. <u>Kết quả dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình trồng 3 ha cây hương bài dưới tán rừng tại 3 bản tham gia dự án, việc trồng dưới tán rừng giúp bảo vệ đất chống xói mòn rửa trôi, bảo tồn và phát triển được các giá trị đa dạng sinh học. - Nâng cao nhận thức, kiến thức về trồng, thu hoạch, bảo quản và nghề làm hương cho người dân, cán bộ của bản , xã tham gia dự án. Người dân biết cách tự hạch toán đầu vào, đầu ra trong quá trình phát triển cây hương bài và nghề làm hương - Tập huấn đào tạo cho 150 người của các hộ, bản, xã biết cách trồng, thu hoạch, bảo quản cây hương bài - Tổ chức 02 chuyến tham quan học tập kinh nghiệm cho người dân, cán bộ thôn bản, xã về trồng, thu hoạch, bảo quản và chế biến làm hương cho 100 người. - Tổ chức 3 cuộc hội thảo về phát triển cây hương bài ở cấp huyện, xã - Đào tạo cho 50 người dân của 3 bản thm gia dự án nghề làm hương bao gồm việc ạo nguyên liệu, pha trộn, xử lý tắm, giấy và quần hương. - Nâng cao thu nhập cho người dân thông qua việc trồng cây rễ hương và chế biến hương trầm. từ đó giảm áp lực
--	--	---

		<p>phá rừng bừa bãi, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng báo cáo kỹ thuật trồng, thu hoạch, bảo quản rễ hương bài tại Nghệ An - Mô hình là địa điểm trình diễn cho các dân địa phương khác đến tham quan học hỏi và nhân rộng sang các bản, xã, miền núi khác có điều kiện tương tự - Thành công của dự án được quảng bá rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo đài, tạp chí và internet. <p>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát tình hình kinh tế xã hội và điều kiện tự nhiên , tài nguyên rừng xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An - Hội nghị thông qua các cấp chính quyền huyện, xã, bản tham gia dự án. Lựa chọn các hộ tham gia dự án - Tham quan học hỏi mô hình trồng Hương Bài trong và ngoài tỉnh - Tham quan cơ sở sản xuất hương trầm trong và ngoài tỉnh - Khảo sát thiết kế mô hình trồng cây hương bài - Tập huấn kỹ thuật trồng, thu hoạch, bảo quản cây hương bài cho người dân - Người dân tham gia trồng, chăm sóc, thu hoạch cây hương bài - Đào tạo nghề làm hương cho các hộ tham gia dự án và tìm hiểu thị trường. - tìm hiểu thông tin thị trường về sản phẩm rễ hương và hương trầm - tổ chức thông tin, quảng bá dự án (in tờ rơi, bảng biển, sách...
--	--	---

		- Tổ chức hội thảo, báo cáo tổng kết dự án
	Nguyễn Ngọc Sinh	
205	<p>“Xây dựng mô hình trồng rừng ngập mặn cửa sông và vùng ven biển tỉnh Nghệ An”</p> <p>Trung tâm tư vấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Nghệ An.</p> <p>Kinh phí thực hiện : 850.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP :600.000.000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tác được mô hình rừng ngập mặn tập trung, quy hoạch phát triển loại cây trồng phù hợp, có tác dụng phong hộ nhanh. Từ mô hình đó phát triển trồng đại trà để giảm thiểu tác hại do BĐKH gây nên, tạo cơ sở phát triển kinh tế và dân sinh bền vững <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn cơ cấu cây trồng hợp lý, có tính chống chịu cao, có tác dụng phòng hộ tốt - Làm mô hình phát triển rừng ngập mặn tỉnh Nghệ An lên khoảng 1000 ha - Giảm được quá trình hoang mạc hóa, phát triển sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp bền vững - Tạo được môi trường du lịch sinh thái. Tăng thu nhập từ dịch vụ du lịch cho nhân dân trong vùng dự án, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững - Có được tập đoàn cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai của vùng và có tác dụng phòng chống biến đổi môi trường <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát đánh giá điều kiện tự nhiên- kinh tế-xã hội vùng dự án của 6 huyện ven biển và cửa sông có ảnh hưởng của BĐKH ven biển - Khảo sát hiệu quả của từng loại cây trồng phù hợp với vùng ngập mặn ven biển, có tìm hiểu một số cây trồng chắn sóng tại một số tỉnh khác đã trồng - Theo dõi quá trình sinh trưởng của từng loại cây trồng nhằm xây dựng quy trình trồng và chăm sóc bảo vệ rừng ngập mặn

		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 1 điểm 3 ha sản xuất cây giống. mỗi huyện chọn 2 ha trồng rừng tập trung và 1 ha rừng phân tán làm mô hình thí nghiệm, thực nghiệm làm cơ sở phát triển trồng đại trà - Quy hoạch, lập dự án trồng rừng và đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho từng huyện. xây dựng chính sách giao đất trồng, chăm sóc rừng ngập mặn - Tổ chức hội thảo và tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc từng loại cây trồng cho người dân trong vùng. - Xây dựng chính sách trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến chính sách đến từng người dân để họ hiểu lợi ích của việc bảo vệ rừng.
	Nguyễn Chu Hồi	
206	<p>Đồng hành với người thu nhập thấp “áp dụng công nghệ cao vào thuần hóa cá Vược nước mặn thành cá Vược nước ngọt có giá trị kinh tế cao”</p> <p>Viện nghiên cứu doanh nghiệp vừa và nhỏ.</p> <p>Kinh phí thực hiện : 1.450.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 1.200.000.000 VNĐ</p>	<p>a. <u>Mục tiêu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu dài hạn: <p>Xây dựng một trung tâm thuần hóa cá nước mặn thành cá nước ngọt nhằm cung cấp cá giống và cá thương phẩm cho ngư dân nuôi tại chỗ và chủ động bằng chính đất đai và lao động của mình</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu ngắn hạn <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực quản trị kinh doanh bằng hệ thống thông tin - Hoàn chỉnh quy trình kỹ thuật hàng năm cung cấp cá giống (mỗi năm cung hàng triệu con cá giống cho ngư dân trong vùng) - Hoàn chỉnh quy trình và cơ sở kỹ thuật (tạo tạo nhân tạo) và sản xuất thức ăn cho cá con và cá bố mẹ - Tập huấn kỹ thuật cho người dân có thu nhập thấp nuôi cá nhằm tăng thu nhập <p>b. <u>Kết quả dự kiến</u> ko có</p> <p>c. <u>Hoạt động dự kiến</u> ko có</p>

	Nguyễn Chu Hồi	
207	<p>Đánh giá tình trạng phân bố và thực hiện các giải pháp bảo tồn đối với loài cây Xáo tam phân tại Khánh Hòa.</p> <p>Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>Kinh phí thực hiện : ko thấy</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 800.000.000 VNĐ</p>	<p>a. <u>Mục tiêu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình trạng phân bố của loài cây Xáo tam phân trong phạm vi tỉnh Khánh Hòa - Thực hiện các giải pháp bảo tồn và gây trồng đối với loài cây này, đề xuất mô hình bảo tồn gắn với khai thác, sử dụng bền vững - Góp phần phục hồi hệ sinh thái bán khô hạn của khu vực <p>b. <u>Kết quả dự kiến</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đặc điểm lâm học và đánh giá phạm vi phân bố của Xáo tam phân tại Khánh hòa - Lập vườn ươm và nhân giống 2000 cây Xáo tam phân, tổ chức huấn luyện về mặt kỹ thuật và giao cho khoảng 10 hộ nông dân trồng và chăm sóc tại vườn rừng của hộ hoặc vườn cây được liệu (Ninh Hòa) <p>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát đặc điểm lâm học và phạm vi phân bố của loài Xáo tam phân tại các địa phương trong tỉnh Khánh Hòa (Vạn Ninh, Bình hòa, Nha Trang, Diên Khánh, Cam Ranh) - Chọn địa điểm lập vườn ươm, dự kiến đặt tại Diên Khánh hoặc Cam Lâm. Thu thập các nguồn giống (hạt, hom) và nghiên cứu biện pháp nhân giống thích hợp - Khảo sát và chọn địa điểm gây trồng tại khu vực Hòn Hèo, nơi đây phù hợp với đặc điểm lâm học của cây Xáo tam phân, theo dõi tình hình sinh trưởng của cây trồng - Nghiên cứu chuyển giao kỹ thuật nhân giống và trồng cây Xáo tam phân cho một số hộ dân với mục đích vừa bảo tồn nguồn gen vừa giúp người dân có thêm thu

		nhập từ nguồn được liệu này.
	Nguyễn Ngọc Lung	
208	<p>Bảo tồn và phát triển giống bưởi Hồng Quang Tiến cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.</p> <p>Hội làm vườn thị xã Thái Hòa- Nghệ An</p> <p>Kinh phí thực hiện : 1.650.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 950.000.000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn và phát triển giống bưởi hồng Quang Tiến ở thị xã Thái Hòa thông qua xây dựng các vườn cây đầu dòng được tuyển chọn trong vùng, áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến chiết, ghép và bằng các biện pháp kỹ thuật bón phân, phòng trừ sâu bệnh để nâng cao năng suất cả phẩm chất quả - Tăng cường năng lực tiếp thị sản phẩm cho sản xuất, nâng cao năng lực cho cộng đồng, góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn giống bưởi quý hiếm bản địa cho ccs đồng bào dân tộc trên địa bàn thị xã <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát trong các vườn hộ ở địa phương, chọn lọc ít nhất 50 cây đầu dòng có năng suất và chất lượng cao, đạt tiêu chí chọn lọc cây ăn quả theo tiêu chuẩn Việt Nam - Xây dựng 5 mô hình trình diễn trồng bưởi hồng QT trên địa bàn - Xác định được vùng đất trồng phù hợp, áp dụng các biện pháp canh tác trên vườn bưởi để bảo vệ đất chống xói mòn, làm tăng độ phì nhiêu cho đất, nâng cao năng suất phẩm chất quả, mẫu mã đẹp, hợp thị hiếu người tiêu dùng - Đào tạo đội ngũ tiểu giáo viên đủ trình độ hướng dẫn kỹ thuật: nhân giống, xây dựng vườn ươm để nhân giống bằng phương pháp ghép phục vụ cho hàng trăm héc ta, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, cần đề canh tác trên vườn bưởi để bảo vệ môi trường - Tăng cường năng lực maketing sản phẩm cho người sản xuất bưởi, quảng bá giới thiệu bưởi hồng Quang Tiến

		<ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn tài liệu phổ cập, hướng dẫn kỹ thuật trồng bưởi hồng QT <p>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra chọn cây đầu dòng, đánh dấu địa chỉ vườn hộ gia đình: trọng lượng quả, số múi, số hạt/ quả, phẩm chất quả... chọn cây đầu dòng tốt nhất khi cây đang mang quả để kiểm tra phẩm chất, số lượng quả trên cây nhiều hay ít, tốt nhất là thời điểm tháng 8,9 hàng năm. Qua điều tra theo dõi chúng tôi thấy hiện tại bưởi hồng QT đã ăn được, người dân vất vả thu hoạch - Khi xác định được số lượng cây đầu dòng, tiến hành lấy mắt ghép để nhân giống bằng phương pháp ghép mắt, hoặc chiết cành, sản xuất cây giống để xây dựng vườn cây đầu dòng - Điều tra giống bưởi hồng QT trên các loại đất: đỏ Bazan, đất phiến thạch, đất đen đá vôi... chế độ canh tác của nhân dân, đánh giá đất nào cho năng suất phẩm chất tốt nhất. - Biên soạn tài liệu phổ cập, hướng dẫn kỹ thuật trồng bưởi hồng QT - Xây dựng báo cáo, đánh giá kết quả dự án.
	Trần Thúc Sơn	
209	<p>“Bảo tồn, lưu trữ và phát triển nguồn gen quý hiếm giống vịt Sín chéng, giống gà đen Simacai có nguy cơ tuyệt chủng tại huyện Simacai, tỉnh Lào Cai.”</p> <p>Trung tâm tư vấn, đào tạo và chuyển giao tiến bộ khoa học nông nghiệp</p>	<p>a. <u>Mục tiêu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu lâu dài <p>Bảo tồn lưu giữ an toàn nguồn gen, từng bước nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn gen giống vịt Sín chéng, giống gà đen Simacai nhằm phục vụ ngành phát triển chăn nuôi gia cầm huyện Simacai theo hướng sản xuất hàng hóa bền vững góp phần nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc trong huyện</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu cụ thể <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát, phân loại và hoàn thành thu thập bổ sung được nguồn gen gia cầm (vịt Sín chéng, gà đen

	<p>Kinh phí thực hiện: ko thấy</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 900.000.000 VNĐ</p>	<p>Simacai) có nguy cơ đe dọa tuyệt chủng lớn cấp VU) có giá trị kinh tế, có tiềm năng khai thác và phát triển nguồn gen.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo toàn lưu giữ an toàn nguồn gen gia cầm quý hiếm, giá trị kinh tế cao, có nguy cơ đe dọa tuyệt chủng và có tiềm năng phát triển sản xuất - Hoàn thành việc đánh giá đối với các nguồn gen gia cầm thu thập - Đề xuất biện pháp ứng dụng, triển khai bảo tồn, khai thác và phát triển các nguồn gen gia cầm quý hiếm, có nguy cơ bị tuyệt chủng lớn ở Simacai, Lào Cai - Xây dựng một vài mô hình điểm bảo tồn và phát triển nguồn gen gia cầm quý hiếm tại địa phương nghiên cứu <p><i>b. <u>Kết quả dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng 1: vật liệu di truyền, giống cây trồng, vật nuôi...; sản phẩm (có thể thương mại hóa) - Dạng 2: bộ tư liệu về nguồn gen, phương pháp bảo tồn, lưu trữ, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật (phục tráng, thuần chủng...); báo cáo phân tích, báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ chi tiết nguồn gen và các sản phẩm khác. - Dạng 3: bài báo, sách chuyên khảo và các sản phẩm khác. <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, phân lập và thu thập nguồn gen gia cầm bản địa có giá trị kinh tế, quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng ở VN - Bảo tồn, lưu giữ an toàn nguồn gen gia cầm bản địa có giá trị kinh tế, quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng ở VN - Đánh giá sơ bộ nguồn gen gia cầm theo các tiêu chí sinh học - Đánh giá chi tiết nguồn gen
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Tư liệu hóa nguồn gen - Xây dựng một số mô hình điểm bảo tồn và phát triển nguồn gen gia cầm tại địa bàn nghiên cứu và địa phương khác.
	Trần Thúc Sơn	
210	<p>Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển rừng măng đắng đặc sản địa phương tại xã Mường Chanh và Chiềng Chung- huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.</p> <p>Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Sơn La</p> <p>Kinh phí thực hiện : 2.100.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 1.880.000.000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu tổng quát <p>Bảo vệ và khai thác hợp lý diện tích rừng tre măng đắng hiện còn, phát triển mở rộng thành hàng hóa đặc sản của địa phương, tăng cường năng lực tiếp thị sản phẩm cho người sản xuất, góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao thu nhập cho cộng đồng ổn định lâu dài</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu cụ thể <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh vùng để bảo vệ, khai thác măng hợp lý những diện tích rừng măng đắng tự nhiên hiện còn tại 02 xã vùng dự án. - Chuyển hóa một phần rừng tre măng đắng tự nhiên thành rừng giống - Xây dựng một số mô hình rừng trồng tre măng đắng hàng hóa để nhân rộng phát triển diện tích - Tuyên truyền công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho cán bộ và nhân dân vùng dự án - Xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc sản măng đắng Chung-Chanh. <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh vùng và đưa vào bảo vệ, khai thác hợp lý, bền vững khoảng 3000 ha rừng tre măng đắng - Lựa chọn và tác động kỹ thuật chuyển hóa 20 ha rừng tre măng đắng tự nhiên thành rừng giống được sở NN & PTNT công nhận nguồn gốc rừng giống - Chứng nhận măng đắng là đặc sản tiêu biểu của địa

		<p>phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng mới 6 ha rừng tre măng đắng sản xuất - Tập huấn tuyên truyền và nâng cao ý thức bảo vệ và phát triển rừng cho 500 lượt người trong vùng dự án - Khuyến cáo về phát triển tre măng đắng trên một số vùng có điều kiện tự nhiên tương đồng với vùng dự án ở Mai Sơn, Sơn La - Tạo thu nhập 20- 25 triệu đồng/ năm từ rừng tre măng đắng (nâng cao thu nhập cho khoảng 300 hộ gia đình) <p>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát hiện trạng điều kiện tự nhiên, dân sinh kinh tế vùng dự án. - Quy hoạch xác định diện tích khu vực thực hiện dự án: khu vực bảo vệ và khai thác hợp lý, khu vực chuyển hóa rừng giống, diện tích trồng rừng mới - Tổ chức các hội nghị tập huấn tuyên truyền - Xây dựng vườn ươm dâm hom để sản xuất hom giống phục vụ trồng rừng tre măng - Trực tiếp phối hợp với các bên chỉ đạo cộng đồng các bản tcs nghiệp ngoài thực địa: bảo vệ 300 ha rừng tre măng đắng tự nhiên hiện còn, tác động lâm sinh chuyển hóa 20 ha rừng tre măng đắng tự nhiên thành rừng giống, trồng mới 6 ha rừng - Xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng bản - Phối hợp với chi cục lâm nghiệp trong giám sát chuyển hóa rừng tự nhiên thành rừng giống - Thực hiện các công việc để được cấp giấy chứng nhận sản phẩm măng đắng là đặc sản tiêu biểu của địa phương - Phối hợp với GEF SGP và các cơ quan hữu quan kiểm
--	--	--

		tra giám sát thực hiện dự án.
	Nguyễn Ngọc Lung	
211	<p>Bảo tồn và phát triển giống Quế đặc sản bản địa, góp phần phát triển đa dạng sinh học và giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu, giảm nghèo cho người dân.</p> <p>Câu lạc bộ Lâm nghiệp Thanh Hóa.</p> <p>Kinh phí thực hiện : ko thấy</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 1.050.000.000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn và phát triển cây Quế bản địa thông qua mô hình trình diễn, phát huy tính đa dạng sinh học, góp phần giải quyết vấn đề môi trường toàn cầu và tạo sinh kế giảm nghèo bền vững cho các hộ gia đình và cộng đồng. - Tập huấn, hội thảo cung cấp thông tin, nâng cao hiểu biết cho các hộ gia đình, các NGOs, CBO và các đối tượng xã hội yếu thế (người nghèo, phụ nữ, người khuyết tật...để họ tham gia vào quá trình giải quyết các vấn đề môi trường - Đào tạo kỹ năng sinh kế mới, bền vững, ứng dụng xây dựng các mô hình trình diễn về gieo ươm giống- gây trồng- chăm sóc- bảo vệ - thu hoạch- bảo quản sản phẩm Quế theo tiêu chuẩn hàng hóa cơ chế thị trường. Các mô hình trình diễn về trồng Ngô, Lúa đồi. - Xây dựng khu rừng giống mẫu đủ tiêu chuẩn cung cấp hạt giống Quế có chất lượng cao cho toàn xã, làm mô hình chia sẻ kinh nghiệm cho các xã khác trong huyện - Xây dựng thí điểm du lịch sinh thái, tăng thu nhập phi nông nghiệp cho hộ gia đình - Đào tạo và xây dựng đội ngũ tập huấn viên cho cộng đồng theo phương pháp TOT để có nguồn lực phổ cập lâu dài cho cộng đồng sau khi dự án kết thúc <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 60 cán bộ chủ chốt của huyện và 3 xã vùng dự án được quán triệt toàn bộ nội dung Dự án được GEF SGP phê duyệt và chuẩn bị triển khai thực hiện dự án - Có 360 cán bộ chủ chốt của huyện và UBND 3 xã vùng dự án, NGOs, hội phụ nữ, hội nông dân, hội người khuyết tật, đoàn thanh niên, MTTQ... được học tập

		<p>nâng cao hiểu biết pháp luật về bảo vệ môi trường và bảo vệ rừng, tỷ lệ 50 % nam, 50% nữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 180 người gồm NGOs, hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên của 3 xã được tập huấn sâu về kỹ thuật gieo ươm tạo giống, trồng chăm sóc bảo vệ rừng Quế. - Lựa chọn được 3 khu rừng tiêu chuẩn cung cấp hạt giống cho nhu cầu trồng Quế của các hộ và cộng đồng 3 xã vùng dự án, treo biển số quản lý, chăm sóc và bảo vệ lâu dài, - Có 50 người được bình chọn đào tạo làm giáo viên tập huấn lại làm công tác tập huấn cho cộng đồng theo phương pháp TOT sau khi kết thúc dự án. dự kiến có 3000 người của 3 xã được tập huấn lại. - Bình chọn 6 hộ gia đình xã Xuân Cẩm thí điểm đào tạo hoạt động du lịch sinh thái gắn với tham quan công trình thủy lợi, thủy điện Cửa Đạt – Thường Xuân - Xây dựng các mô hình trình diễn trồng thâm canh kỹ thuật cao 6 ha Quế ở 3 xã. Mỗi hộ trồng $1000\text{ m}^2 = 100$ cây (1 năm trồng và 1 năm chăm sóc) - Xây dựng mô hình trồng thâm canh kỹ thuật cao 3 ha giống ngô nếp lai fan Cy1111 (mỗi xã trồng 1 ha) tổng kết hội thảo chia sẻ kinh nghiệm rộng rãi cho cộng đồng. - Hội thảo đối thoại chính sách về bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn liền với cuộc sống của cộng đồng. - Tham quan thực tế rừng Quế Yên Bái và Trà My (Quảng Nam) hội thảo chia sẻ kinh nghiệm. Số lượng 45 người. thời gian 10 ngày - Tài liệu hóa dự án và in ấn tài liệu, chuẩn bị tổng kết cấp phát tài liệu. Số lượng 1500 cuốn - Hoạt động giám sát, đánh giá kết quả dự án, báo cáo định kỳ và chuẩn bị tổng kết
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết bàn giao dự án, bàn phối hợp chỉ đạo phát huy dự án. <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp với lãnh đạo huyện và 3 xã vùng dự án để quán triệt nội dung dự án, bầu ban điều hành dự án, bình chọn người tham gia dự án, khai mạc thực hiện dự án. - Tập huấn nâng cao hiểu biết về luật BVMT. Số lượng 60 người x 3 khóa, mỗi khóa 1 ngày, tỷ lệ nam nữ bằng nhau. - Tập huấn nâng cao hiểu biết về luật BVMT và phát triển rừng. . Số lượng 60 người x 3 khóa, mỗi khóa 1 ngày, tỷ lệ nam nữ bằng nhau - Tập huấn kỹ thuật chọn giống vườn ươm- trồng- và chăm sóc bảo vệ rừng Quế. Số lượng 60 người x 3 khóa, mỗi khóa 1 ngày, tỷ lệ nam nữ bằng nhau - Xây dựng mô hình trình diễn gieo ươm cây giống, tái tạo rừng mới, phát huy tác dụng đa dạng sinh học kết hợp thâm canh tăng năng suất sản phẩm thu hoạch - Xây dựng mô hình rừng tiêu chuẩn cung cấp hạt giống chất lượng cao để bảo tồn nguồn gen Quế bản địa, phục vụ cho nhu cầu trồng rừng thâm canh của các hộ gia đình. - Xây dựng quy ước bảo vệ rừng nói chung và rừng Quế, họp dân thảo luận và thông qua văn bản có tính pháp quy, UBND xã quyết định phê chuẩn, toàn dân thực hiện - Xây dựng mô hình trình diễn giống ngô nếp lai Fan Cy năng suất cao 8-9 tấn/ ha thơm ngon phù hợp với đất đai, có khả năng chịu hạn, chịu rét, giải quyết lương thực - Tập huấn nâng cao hiểu biết và kỹ năng tập huấn lại cho đội ngũ tiểu giáo viên theo phương pháp TOT để phát huy tác dụng lâu dài ở cộng đồng sau khi dự án kết
--	--	--

		<p>thúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo bình chọn 6 hộ gia đình xã Xuân Cẩm thí điểm hoạt động du lịch sinh thái, tăng thêm thu nhập phi nông nghiệp góp phần bảo vệ bền vững tài nguyên thiên nhiên - Tổ chức các hội thảo đối thoại chính sách về bảo tồn thiên nhiên, nâng cao kiến thức, kỹ năng sống thân thiện với môi trường, mang tính toàn cầu ở cấp độ địa phương. - Tham quan thực tế, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm tại 2 tỉnh Yên Bái và Quảng Nam - Giám sát- đánh giá kết quả- báo cáo định kỳ, tổng kết phát huy lâu dài - Hợp với ban lãnh đạo địa phương, bàn giao dự án, bàn biện pháp phát huy kết quả dự án
	Nguyễn Ngọc Lung	
212	<p>Xây dựng mô hình cộng đồng tham gia lưu giữ, bảo tồn và nhân giống loài cá Bống (<i>Spinibarbus denticulatus</i>) nhằm góp phần bảo vệ các nguồn gen quý, có giá trị kinh tế cao tại xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.</p> <p>Liên hiệp hội Khoa học kỹ thuật tỉnh Hòa Bình</p> <p>Kinh phí thực hiện : ko thấy.</p>	<p>a. <u>Mục tiêu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu chung <p>Khuyến khích chính quyền và cộng đồng dân cư địa phương tham gia tích cực vào bảo tồn đa dạng sinh học thông qua việc lưu giữ, nhân giống loài cá Bống (<i>Spinibarbus denticulatus</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu cụ thể <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và bảo tồn ĐDSH cũng như bảo tồn loài cá Bống trong tự nhiên cho cộng đồng dân cư trên địa bàn - Xây dựng mô hình lưu giữ, bảo tồn nguồn gen loài bản địa (cá Bống) có giá trị kinh tế, khoa học nhằm đảm bảo nguồn gen thuần khiết không bị pha tạp - Sản xuất thành công giống cá Bống, để duy trì, phát triển loài cá Bống một cách bền vững, đáp ứng nhu cầu

	Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 1.000.000.000 VNĐ	<p>sản xuất và bổ sung cho nguồn lợi tự nhiên</p> <p><i>b. <u>Kết quả dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 70 người được tham dự lớp tập huấn và nhận thức tốt hơn về lĩnh vực môi trường (thông qua phiếu điều tra của học viên) - 70 người được tham dự lớp tập huấn và nắm bắt sơ bộ kỹ thuật nhân nuôi cá Bống (thông qua phiếu điều tra của học viên) - 01 mô hình nhân giống cá Bống được xây dựng thành công - 01 quy trình sản xuất nhân tạo giống cá Bống được ứng dụng - Một đàn cá bố mẹ được lựa chọn - Người dân nắm bắt và thực hiện tốt các kỹ thuật sinh sản bằng phương pháp nhân tạo trong quá trình nhân giống cá. - Các khâu kỹ thuật được người dân nắm bắt và thực hiện tốt - 01 mô hình nuôi cá trong ao được xây dựng với diện tích 0,5 ha. - Giống cá đủ tiêu chuẩn đã được lựa chọn - Một nguồn nước nuôi cá đủ tiêu chuẩn được đưa vào quy trình xây dựng mô hình. - Các yếu tố về môi trường được kiểm soát một cách chặt chẽ - Đàn cá nuôi được phòng ngừa dịch bệnh tốt - 01 mạng lưới phát triển nhân nuôi và tiêu thụ cá Bống được phát triển - Năng lực của cộng đồng được nâng cao - 01 khóa tập huấn được tổ chức
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - 02 nhóm được thiết lập và hoạt động có hiệu quả - 01 mạng lưới được thiết lập gồm 10 người hoạt động chính trên tinh thần tự nguyện <p>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức lớp tập huấn về tầm quan trọng của việc BTĐDSH và BVMT - Tổ chức 01 lớp tập huấn giới thiệu sơ bộ về kỹ thuật nhân nuôi cá Bống cho người dân. - Từng bước ứng dụng công nghệ sản xuất nhân tạo giống cá Bống vào quá trình nhân giống <ul style="list-style-type: none"> + Tuyển chọn đàn cá bố mẹ dựa vào nuôi vỗ + hướng dẫn người dân thực hiện các kỹ thuật cho cá Bống sinh sản bằng phương pháp nhân tạo. + hỗ trợ người dân thực hiện tốt các khâu kỹ thuật ương cá bột lên cá hương và từ cá hương lên cá giống. - Xây dựng mô hình nuôi cá bống trong ao <ul style="list-style-type: none"> + Tuyển chọn cá giống khỏe mạnh, chất lượng tốt để đưa vào nuôi trong ao. + Tiến hành kiểm tra chất lượng nước nuôi cá, đảm bảo nguồn nước không bị ô nhiễm + Kiểm soát các yếu tố về môi trường như nhiệt độ, ánh sáng, không khí liên quan đến quy trình nuôi + theo dõi, phòng ngừa dịch bệnh cho đàn cá trong quá trình nuôi. - Thiết lập mạng lưới phát triển nhân nuôi và tiêu thụ cá Bống <ul style="list-style-type: none"> + nâng cao năng lực tiếp cận thị trường sản phẩm cá bống cho cộng đồng + tập huấn về phương pháp phân tích và tiếp cận, phát triển thị trường cho sản phẩm cá Bống
--	--	--

		+ thiết lập nhóm thu gom, tiêu thụ sản phẩm cá Bống
	Nguyễn Chu Hồi	
213	<p>Sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học- cơ hội tăng thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp trên địa bàn khu kinh tế mở Chu Lai tỉnh Quảng Nam</p> <p>Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Quảng Nam</p> <p>Kinh phí thực hiện : 900.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 900.000.000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng hóa sinh học nhằm tạo sự phát triển cân đối, hài hòa giữa công nghiệp và du lịch, dịch vụ trên địa bàn khu kinh tế mở Chu Lai (theo quyết định 43/2004/QĐ- TTg ngày 23/3/2004 của Thủ tướng chính phủ thì khu kinh tế mở Chu Lai có 4 khu chức năng để phát triển: công nghiệp, du lịch, dịch vụ, khu đô thị và khu thương mại tự do. - Tạo sinh kế người dân từ việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và cơ nghề nghiệp từ phát triển các dự án công nghiệp và phi công nghiệp. - Tạo cơ chế bền vững cho người dân (người dân đồng thuận) khi nhà nước thu hồi đất để phát triển các dự án. <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Định hướng chiến lược phát triển bền vững các ngành nghề trên địa bàn khu kinh tế mở Chu Lai - Đề xuất quy hoạch và phát triển các ngành nghề hỗ trợ ngành du lịch, dịch vụ, ngành phi công nghiệp, các trang trại phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - Triển khai 02 mô hình du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái (du lịch làng chài, du lịch sông nước, du lịch đồng quê..) tại các vùng ven biển và xã đảo Tam Hải. - Đề xuất cơ chế ổn định cuộc sống và sinh kế cho người dân thuộc diện di dời, giải tỏa. - Người dân địa phương cơ bản hiểu và nắm được khái

		<p>niệm sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học</p> <p>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với UBND huyện, thị và chính quyền địa phương các xã trên địa bàn khu kinh tế mở Chu Lai tổ chức tọa đàm về sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng hóa sinh học - Phối hợp với phòng thống kê huyện Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành và thành phố Tam Kỳ điều tra cơ bản về số lượng các hộ dân làm việc tại các nhóm ngành nghề hiện có. - Phối hợp với các phòng quản lý quy hoạch, tài nguyên môi trường Ban quản lý khu kinh tế mở Chu Lai nắm toàn bộ thông tin quy hoạch ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các nguồn tài nguyên thiên nhiên.. để có cơ sở đề xuất các giải pháp.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
214	<p>Bảo tồn giống gà Tò bản địa tại Thái Bình.</p> <p>Trung tâm Tư vấn, ứng dụng, phát triển khoa học Nông nghiệp và Môi trường Thái Bình.</p> <p>Kinh phí thực hiện : 1.200.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 800.000.000 VNĐ</p>	<p>a. <u>Mục tiêu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn được giống gà Tò quý hiếm đã có từ lâu đời nhưng đang bị lãng quên, thoái hóa và đang dần bị tuyệt chủng - Nhân được giống gà Tò để mở rộng phát triển chăn nuôi cho các hộ trong vùng - Khôi phục được thương hiệu gà Tò đã có từ ngàn đời nay <p>b. <u>Kết quả dự kiến</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn lọc được giống gà Tò thuần chủng - Thành lập được “câu lạc bộ nuôi gà Tò” tại thôn Tô Đề xã An Mỹ- huyện Quỳnh Phụ Tỉnh Thái Bình. - Xây dựng được các quy trình: nhân giống, chăn nuôi, phòng dịch để các hộ trong CLB áp dụng

		<ul style="list-style-type: none"> - Nhân được giống gà Tò nổi tiếng để mở rộng phát triển nuôi giống gà Tò góp phần nâng cao thu nhập, nâng cao cuộc sống cho cộng đồng dân cư nông thôn. <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Viện chăn nuôi Quốc gia chọn giống gà Tò thuần chủng - Thành lập câu lạc bộ nuôi gà Tò tại xã An Mỹ- Quỳnh Phụ- Thái Bình. - Tập huấn cho nông dân các quy trình chăn nuôi và phòng bệnh - Nhân được giống gà Tò thuần chủng cung cấp cho các hộ chăn nuôi nông, người dân trong xã, trong vùng có nhu cầu. - Mở rộng địa bàn nuôi giống gà Tò trong xã, huyện và tỉnh Thái Bình. - Khôi phục thương hiệu gà Tò
	Trần Thúc Sơn	
215	<p>Giảm thiểu biến đổi khí hậu lồng ghép quản lý rủi ro tai nạn thương tích dựa vào cộng đồng và vận động hiến máu nhân đạo quận Liên Chiểu</p> <p>Hội Chữ Thập đỏ quận Liên Chiểu, Đà Nẵng</p> <p>Kinh phí: 1.059.000.600 GEF SGP: (không</p>	<p>a. Mục tiêu và mục đích</p> <p>1. Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo điều kiện cho hội Chữ thập đỏ và dự án giảm thiểu biến đổi khí hậu, lồng ghép quản lý rủi ro tai nạn thương tích dựa vào cộng đồng và điểm sơ cấp cứu, vận động hiến máu nhân đạo được thực hiện trên địa bàn quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng. - Phù hợp với kế hoạch hoạt động của Hội Chữ thập đỏ cơ sở và xu hướng phát triển xã hội và cộng đồng dân cư cần về giảm thiểu biến đổi khí hậu năm 2013-2020 - Trang bị kiến thức cho tình nguyện viên về giảm thiểu biến đổi khí hậu, kỹ năng về công tác sơ cấp cứu tai nạn thương tích ở cộng đồng và tăng cường công tác tuyên truyền vận động sâu rộng trong quần chúng nhân dân về công tác Hiến máu nhân đạo giáo dục lòng nhân ái, trang bị những hiểu biết sâu sắc và hiến máu an toàn vận động mọi người cùng tham gia.

	phân định rõ)	<p>- Hiến máu là tăng cường số lượng máu cung cấp cho các bệnh viện để cấp cứu, điều trị cho bệnh nhân ngoài ra còn để dự phòng khi có thảm họa xảy ra.</p> <p>2. Mục tiêu:</p> <p>- Mục tiêu trước mắt:</p> <p>+ Đến hết tháng 12/2013 hoàn thành việc trang bị cơ sở vật chất, phương tiện giảm thiểu biến đổi khí hậu, hiến máu nhân đạo, công tác sơ cấp cứu, hoàn thành 6 thương tích dựa vào cộng đồng và điểm sơ cấp cứu, vận động hiến máu nhân đạo.</p> <p>+ Đưa tình nguyện viên vào hoạt động.</p> <p>- Mục tiêu lâu dài:</p> <p>+ Đến 2014 nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện giảm thiểu biến đổi khí hậu, hiến máu nhân đạo, công tác sơ cấp cứu gây quỹ để nuôi dự án</p> <p>+ Đào tạo lại 150 tình nguyện viên (TNV) và đào tạo mới 60 TNV</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>- Hằng năm trên địa bàn quận Liên Chiểu tổ chức tuyên truyền cho cộng đồng về phòng chống và giảm thiểu rủi ro thiên tai tại hộ gia đình, tăng cường năng lực và thích ứng với thiên tai tại cộng đồng vùng dễ bị tổn thương nhất</p> <p>- Sơ cấp cứu ban đầu cho những người không may bị tai nạn và vận chuyển nạn nhân kịp thời đến bệnh viện cấp cứu, phối kết hợp với đơn vị cấp cứu 115 của thành phố để sơ cấp cứu khi có tai nạn xảy ra trên đường quốc lộ đường Đèo Hải Vân, cộng đồng khu dân cư đến bệnh viện an toàn.</p> <p>- Vận động, tuyên truyền và tổ chức hiến máu nhân đạo phối kết hợp với khoa huyết học bệnh viện đa khoa thành phố Đà Nẵng để tổ chức 1 đến 2 lần / tháng hiến máu nhân đạo tại trạm để cung cấp 50-150 đơn vị máu cho người bệnh tại các bệnh viện trên địa bàn quận Liên Chiểu và bệnh viện thành phố Đà Nẵng, giúp cho Trung tâm Huyết học thành phố có đủ số lượng máu để kịp thời cấp cứu cho bệnh nhân khi có nhu cầu máu. Đảm bảo cho việc hiến máu thường xuyên chúng tôi cần có ngân hàng máu sống, dự trữ máu khi có thảm họa xảy ra và duy trì hoạt động dự án sau khi hết tài trợ.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>- Tổ chức thành lập 6 đội TNV 5 phường, mỗi đội có từ 20-25 TNV, tổ chức tập huấn kiến thức về giảm thiểu biến đổi khí</p>
--	---------------	---

		<p>hậu, kỹ thuật sơ cấp cứu cộng đồng và kỹ năng tuyên truyền vận động hiến máu nhân đạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 1 trạm sơ cấp cứu cũng là nơi tổ chức vận động hiến máu nhân đạo và 5 phường có 5 điểm sơ cấp cứu tai nạn thương tích ở cộng đồng dân cư theo từng đội trên địa bàn quận Liên Chiểu - Trang bị đủ các dụng cụ cần thiết nâng cấp nhà Trạm, phương tiện làm việc, thông tin liên lạc, túi sơ cấp cứu, thuốc men, bông băng, y cụ, ghế nằm hiến máu và cán thương vận chuyển bệnh nhân, 2 cán bộ chuyên môn ngành Y tế tại trạm - Về phương thức hoạt động TNV: <ul style="list-style-type: none"> + Giảm thiểu biến đổi khí hậu: TNV biết cách lập kế hoạch thông báo dự kiến tình hình khả năng thảm họa có thể xảy ra tại địa phương, tổ chức tuyên truyền cho cộng đồng về phòng chống và giảm thiểu rủi ro thiên tai tại hộ gia đình, tăng cường năng lực và thích ứng với thiên tai tại cộng đồng vùng dễ bị tổn thương nhất để người dân chủ động ứng phó với thảm họa. TNV tham gia cùng chính quyền xây dựng bản đồ phân vùng hiểm họa, xác định các địa điểm di dời, sơ tán và tập kết dân khi cần thiết, tham mưu cho chính quyền địa phương giao một số việc cụ thể để TNV đảm nhận phù hợp với điều kiện, khả năng của Hội khi có thảm họa xảy ra, chủ động lập danh sách các đối tượng dễ bị tổn thương tại cộng đồng và thường xuyên cập nhật thông tin về các đối tượng này vừa làm công tác cứu trợ, cứu hộ, hướng dẫn sơ tán người dân đến nơi trú ẩn an toàn khi có thảm họa xảy ra. + Xây dựng, trang bị kiến thức về sơ cấp cứu cho đội ngũ TNV làm nhiệm vụ sơ cấp cứu ban đầu, phối kết hợp với đơn vị cấp cứu 115 của thành phố để sơ cấp cứu và vận chuyển nạn nhân bị tai nạn xảy ra trên đường quốc lộ 1A, đường Đèo Hải Vân, cộng đồng khu dân cư đến bệnh viện an toàn. + Vận động, tuyên truyền và tổ chức hiến máu nhân đạo, phối kết hợp với khoa huyết học bệnh viện đa khoa thành phố Đà Nẵng để tổ chức 1 đến 2 lần/tháng hiến máu nhân đạo tại trạm để cung cấp 50-150 đơn vị máu cho người bệnh tại các bệnh viện trên địa bàn quận Liên Chiểu và thành phố Đà Nẵng. Đội
--	--	---

		ngũ này hoạt động tình nguyện, nhiệt tình, lâu dài, có ý thức, trách nhiệm cao
	Nguyễn Trọng Hiệu	
216	<p>Xây dựng công trình khí sinh học (Bể BIOGA) có sự tham gia của cộng đồng</p> <p>Hội Nông dân huyện Triệu Phong</p> <p>Kinh phí: 1.279.400.000 GEF SGP: 1.023.520.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi. - Tạo ra nguồn năng lượng sạch và rẻ tiền cho người dân nông thôn, góp phần giảm thiểu tình trạng sử dụng nhiên liệu đun nấu (Củi, rơm rạ, dầu hỏa...) - Cung cấp phụ phẩm khí sinh học cho trồng trọt chăn nuôi, tạo ra thực phẩm sạch - Cải thiện sinh kế và chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn thông qua khai thác các lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường của công trình khí sinh học quy mô hộ gia đình <p>b. Kết quả dự kiến (không viết)</p> <p>c. Hoạt động dự kiến (không viết)</p>
	Hồ Ngọc Hải	
217	<p>Nhân rộng mô hình ứng dụng giải pháp kỹ thuật giảm thiểu tổn thương và tăng cường khả năng thích ứng trong giải quyết các vấn đề thiên tai/thời tiết cực đoan (lũ quets và hạn hán) cho vùng trung du miền núi, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Hội Khoa học Thủy Lợi Thanh Hóa thuộc Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Thanh Hóa</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu lâu dài: Đang dạng các giải pháp cải thiện sinh kế thân thiện với môi trường, giảm thiểu và thích ứng với BĐKH để phát triển KT-XH, góp phần xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững cho cộng đồng các dân tộc của 3 xã Cẩm Tâm, Cẩm Châu và Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa thông qua chuyển giao kỹ thuật các mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên bền vững (đất, nước và đa dạng sinh học) đã thành công tại dự án CBA Cẩm Tâm 2. Mục tiêu trước mắt: <ol style="list-style-type: none"> 2.1 Tiếp tục nâng cao nhận thức và hiểu biết cho cộng đồng, chính quyền và các bên liên quan (đặc biệt là các trường học) của các xã Cẩm Tâm, Cẩm Châu và Cẩm Vân của huyện Cẩm Thủy, về mối đe dọa của BĐKH và các vấn đề về môi trường đối với phát triển bền vững của các địa phương 2.2 Chuyển giao kỹ thuật các mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên bền vững (đất, nước và đa dạng sinh học) đã thành công của dự án CBA Cẩm Tâm <p>b. Kết quả dự kiến</p>

	<p>Kinh phí: 1.817.200.000 GEF SGP:1.054.200.000</p>	<p>- Mục tiêu 2.1: nhận thức và hiểu biết của cộng đồng cũng như của các bên liên quan ở các địa phương được nhân rộng, về tác động của BĐKH và các biện pháp thích ứng được nâng cao</p> <p>- Mục tiêu 2.2:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật mô hình bảo vệ, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên nước được nhân rộng ở 2 xã Cẩm Châu và Cẩm Vân + Các mô hình bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên đất và đa dạng sinh học được xây dựng nhân rộng và thành công ở các địa phương vùng dự án <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>- Mục tiêu 2.1: truyền thông để nâng cao nhận thức và hiểu biết về BĐKH và các vấn đề về môi trường và các biện pháp thích ứng (để đáp ứng mục tiêu)</p> <p>- Mục tiêu 2.2:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuyển giao kỹ thuật xây dựng mô hình thu trữ nước (nước mưa và nước mó) quy mô hộ gia đình bằng bể xi măng lưới thép vỏ mỏng (trên cơ sở cái tiến từ bể bê tông cốt thép vỏ mỏng đã áp dụng tại dự án CBA Cẩm Tâm) + Nhân rộng kỹ thuật hạn chế lũ quét vùng trung du miền núi lồng ghép với việc phát triển đa dạng các giải pháp cải thiện sinh kế thân thiện với môi trường, giảm thiểu và thích ứng với BĐKH trên địa bàn xã Cẩm Tâm và Cẩm Châu
	Nguyễn Trọng Hiệu	
218	<p>Nâng cao khả năng tiếp cận các mô hình sử dụng năng lượng tái tạo cho cộng đồng người nghèo ở tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Hội Địa lý và Tài nguyên Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế (trực thuộc Hội Địa lý Việt nam)</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu lâu dài: tăng cường khả năng tiếp cận các mô hình năng lượng tái tạo cho các cộng đồng nghèo ở tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm giảm thiểu việc sử dụng các nguồn năng lượng hóa thạch, tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường 2. Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu các mô hình năng lượng tái tạo cho cộng đồng nghèo ở tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm mô hình khí biogas, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối; - Xây dựng và lắp đặt thiết bị đun nước nóng và sử dụng một số thiết bị điện bằng năng lượng mặt trời cho các cộng đồng nghèo ven biển; - Xây dựng và lắp đặt hệ thống biogas cho các cộng đồng người dân ở vùng đồng bằng thấp trũng;

	<p>Kinh phí: (không ghi) GEF SGP: 50.000 USD</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và lắp đặt hệ thống đun nấu sinh khối ở vùng miền núi; - Tư liệu hóa, đánh giá kết quả, đúc kết kinh nghiệm và khuyến nghị với chính quyền và người dân địa phương về cách tiếp cận các mô hình năng lượng tái tạo có hiệu quả và khả năng nhân rộng. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp cộng đồng tiếp cận với các khái niệm, mô hình năng lượng tái tạo có thể ứng dụng trong thực tiễn đời sống sản xuất - Các cộng đồng nghèo ven biển, cộng đồng ở vùng trũng thấp và vùng miền núi được tiếp cận, đầu tư và khai thác các mô hình năng lượng mặt trời, năng lượng sinh học (biogas) và sinh khối; - Giúp xóa đói giảm nghèo và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng người dân ở các vùng nói trên thông qua việc triển khai và ứng dụng các mô hình này vào đời sống sản xuất. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và tư liệu hóa các mô hình năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện thực tế của các cộng đồng người dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế - Giới thiệu các mô hình năng lượng tái tạo cho các cộng đồng nghèo ở tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua các buổi làm việc, các hội thảo và các thảo luận nhóm - Chọn lựa hộ gia đình, địa điểm để triển khai đầu tư và lắp đặt các thiết bị, hệ thống nhằm khai thác và nguồn năng lượng tái tạo thông qua việc sử dụng các mô hình thí điểm nêu trên; - Tập huấn và chuyển giao công nghệ cho các hộ gia đình, các khu dân cư và các cộng đồng được đầu tư và lắp đặt các hệ thống, thiết bị khai thác năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh - Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường thông qua việc triển khai và ứng dụng các mô hình năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh - Khuyến nghị việc triển khai áp dụng các mô hình có hiệu quả và đề xuất các giải pháp nhân rộng.
	Nguyễn Trọng Hiệu	
219	Xây dựng và trình diễn Mô hình xử lý chất thải nông nghiệp hiệu quả ứng	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các mô hình xử lý chất thải trồng trọt (bao gồm rơm rạ lúa và tàn dư cây màu luân canh trên nền lúa) thành phân hữu cơ, góp phần tăng năng suất cây trồng, giảm

	<p>phó với BĐKH ở xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang</p> <p>Hội nông dân xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang</p> <p>Kinh phí: 2.100.000.000 GEF SGP: 1.050.000.000 đ</p>	<p>thiếu sử dụng phân bón hóa học, thuốc BVTV hóa học, giảm suy thoái đất do thâm canh lúa liên tục, giảm tác hại của phát thải khí nhà kính đến môi trường và sản xuất địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi heo ứng dụng công nghệ vi sinh trong giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sống của địa phương - Đề xuất được giải pháp phát triển bền vững trong sử dụng các loại chế phẩm phân hủy chất thải nông nghiệp của trồng trọt (lúa,màu), chăn nuôi (heo) và cải thiện môi trường sống tại các vùng nông thôn của Hậu Giang và ĐBSCL. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH, giảm thiểu tác động bất lợi đến vùng Dự án. Quy mô 50 nông dân/năm x 3 năm. - Tổ chức được 10-12 lớp tập huấn kỹ thuật về phương pháp xử lý rác thải nông nghiệp ứng dụng công nghệ vi sinh phân hủy nhanh rơm rạ, tàn dư thực vật, chaasat thải chăn nuôi đơn giản, an toàn và hiệu quả, phù hợp với điều kiện của nông thôn vùng sâu, quy mô nông hộ còn hạn chế. - Xây dựng được 10 ha mô hình trình diễn xử lý rác thải trồng trọt (rơm rạ lúa và tàn dư thực vật của các cây trồng luân canh) thành phân hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh theo phương pháp ủ đồng. - Xây dựng được 40-50 ha Mô hình xử lý rơm rạ lúa ngay tại ruộng được thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp bằng chế phẩm vi sinh vật phân hủy rơm rạ lúa thành phân hữu cơ và cây xới vùi lại trong đất. - 20 hộ chăn nuôi heo tại địa bàn dự án áp dụng Mô hình chăn nuôi heo sử dụng độn lót sinh học bằng nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương như trấu, mùn cưa, xác bã mía, xơ dừa trộn với chế phẩm vi sinh (như Balasa N01). Sau 2-3 năm sử dụng, độn lót sinh học trở thành phân bón hữu cơ cho cây trồng. - Phát triển và chuyển giao các Mô hình xử lý rác thải trồng trọt và chăn nuôi thành công cho các xã, huyện khác trong tỉnh Hậu Giang cũng như các tỉnh khác ở ĐBSCL có điều kiện tương tự <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH của vùng Dự án. - Tổ chức đánh giá, lựa chọn ra các mô hình xử lý rác thải
--	---	--

		<p>trồng trọt và chăn nuôi phù hợp tại địa phương vùng triển khai Dự án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn các biện pháp kỹ thuật phù hợp về các mô hình ứng dụng công nghệ xử lý rác thải trồng trọt và chăn nuôi cho nông dân và cán bộ kỹ thuật, khuyến nông trong quản lý rác thải tại địa bàn dự án. - Xây dựng và trình diễn các mô hình xử lý rác thải trồng trọt và chăn nuôi phù hợp với điều kiện địa phương <ul style="list-style-type: none"> + 10 ha Mô hình trình diễn xử lý rác thải trồng trọt (rom rạ lúa và tàn dư thực vật của các cây trồng luân canh) thành phân hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh theo phương pháp ủ đồng. Quy mô mô hình 2 ha/vụ x 4-5 vụ/2 năm + Trình diễn 40-50 ha Mô hình xử lý rom rạ lúa ngay tại ruộng được thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp bằng chế phẩm vi sinh vật phân hủy rom rạ lúa thành phân hữu cơ và cày xới vùi lại trong đất. Quy mô 10 ha/vụ x 4-5 vụ/năm + Xây dựng Mô hình chăn nuôi heo sử dụng đệm lót sinh học bằng nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương như trấu, mùn cưa, xác bã mía, xơ dừa trộn với chế phẩm vi sinh (như Balasa N01). Sau 2-3 năm sử dụng, đệm lót sinh học trở thành phân bón hữu cơ cho cây trồng. Quy mô mô hình 10 hộ chăn nuôi heo/năm x 2 năm. - Theo dõi, đúc kết và phổ biến bài học kinh nghiệm của các Mô hình xử lý rác thải nông nghiệp thành công từ Dự án nhằm nhân rộng tại các xã, huyện khác của địa phương và các nơi khác ở ĐBSCL có điều kiện tương tự.
	Hồ Ngọc Hải	
220	Nghiên cứu đánh giá khả năng phát thải/cắt giảm khí nhà kính và tiềm năng thu hồi năng lượng từ các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đô thị của thành phố Hà Nội	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá lượng phát thải khí nhà kính bằng mô hình dựa trên số liệu hiện có của một số bãi chôn lấp ở Hà Nội - Đo đạc lượng khí CH₄ phát thải từ các bãi chôn lấp điển hình ở Hà Nội - Đề xuất mô hình xác định lượng phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện địa phương - Đánh giá tiềm năng sản xuất năng lượng từ lượng khí CH₄ thu hồi được tại các bãi chôn lấp theo các kịch bản quản lý chất thải rắn và phát thải khí nhà kính

	<p>Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam (VACEE)</p> <p>Kinh phí: 950.000.000 GEF SGP: 950.000.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bên cạnh đó, việc xác định và dự báo được lượng khí CH₄ phát thải từ các bãi chôn lấp để xác định được tiềm thu hồi khí khí bãi để sản xuất năng lượng cũng góp phần quan trọng trong chiến lược phát triển công nghiệp năng lượng sạch hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch của Việt Nam <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm cơ sở dữ liệu cho các nghiên cứu sau về tính toán khí nhà kính từ hệ thống quản lý chất thải rắn, làm số liệu tham khảo cho tính toán kiểm kê khí nhà kính trong các nghiên cứu LCA về hệ thống quản lý chất thải rắn - Kết quả của đề tài có thể sử dụng vào các báo cáo phát thải khí nhà kính từ hoạt động chôn lấp của thành phố Hà Nội nói riêng và các đô thị Việt Nam nói chung. Làm cơ sở cho tính toán phát thải khí nhà kính phục vụ cho quốc gia để báo cáo lên Ủy ban liên chính phủ về BĐKH cho hợp phần chất thải - Đánh giá sơ bộ về độ tin cậy của mô hình tính toán phát thải khí nhà kính từ hợp phần chất thải của IPCC và đưa ra những hướng nghiên cứu mới, sâu hơn trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn và BĐKH <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu cơ sở/cơ chế phát thải/cắt giảm khí nhà kính từ công nghệ xử lý chất thải rắn - Đánh giá lượng phát thải khí nhà kính bằng mô hình dựa trên số liệu hiện có của một số bãi chôn lấp ở Hà Nội - Đo đạc lượng khí CH₄ phát thải từ các bãi chôn lấp điển hình ở Hà Nội - Đánh giá, lựa chọn một số mô hình xác định lượng khí nhà kính phát thải hiện có trên thế giới - Chỉnh sửa mô hình được lựa chọn để phù hợp với điều kiện địa phương - Áp dụng mô hình đã hiệu chỉnh để tính toán lượng khí nhà kính phát thải cho các giai đoạn dựa trên Chiến lược Quốc gia về quản lý CTR tầm nhìn đến năm 2025 và định hướng đến 2050 - Đánh giá tiềm năng thu hồi năng lượng từ khí CH₄ tại các bãi chôn lấp rác theo các kịch bản
--	---	---

	Nguyễn Trọng Hiệu	
221	<p>Giảm áp lực lên Đa dạng sinh học của Khu Bảo tồn Thiên nhiên Xuân Liên và áp lực ô nhiễm môi trường thông qua việc xây dựng mô hình Khu bán chăn thả gia súc tại thôn Hang Cáo, xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Hội Nông dân tập thể xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 1.890.000.000 đ GEF SGP: 1.000.000 đ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được mô hình chăn nuôi gia súc phù hợp và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế của cộng đồng dân cư địa phương, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường trong và ngoài Khu Bảo tồn <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một khu vực chăn nuôi gia súc theo mô hình bán chăn thả, phát triển bền vững được quy hoạch và tiết lập - 167 hộ gia đình trong thôn được trang bị đầy đủ các kiến thức và kỹ năng chăn nuôi gia súc theo mô hình bán chăn thả, tạo nguồn thu nhập cho người dân ổn định nhờ chăn nuôi gia súc phát triển, giảm thiểu các hoạt động gây suy giảm đa dạng sinh học - Tiết lập được cơ chế quản lý công khai, minh bạch cho Khu bán chăn thả (Ban quản lý, tổ bảo vệ, quy ước, kế hoạch, quỹ phát triển chăn nuôi...) - Kiểm soát được dịch bệnh, ngăn chặn triệt để việc trộm cắp trâu bò, tận dụng được nguồn phân thải động vật để sử dụng cho trồng cỏ bên trong và ngoài khu bán chăn thả, phục vụ sản xuất nông nghiệp - Nâng cao năng lực và nhận thức cộng đồng, cán bộ địa phương trong hoạt động quản lý và phát triển bền vững - Tổng kết bài học để xây dựng mô hình tổng thể, khả năng nhân rộng mô hình ra toàn tỉnh và chia sẻ kinh nghiệm của dự án tại cấp quốc gia. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các cuộc họp cấp thôn bản và cấp xã để tuyên truyền lợi ích và các hoạt động của bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển tổng hợp. - Quy hoạch có sự tham gia Khu bán chăn thả gia súc và khu gây trồng thức ăn cho gia súc (bên trong và bên ngoài Khu bán chăn thả) - Tổ chức các hội nghị tuyên truyền để người dân và cán bộ địa phương nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về chăn nuôi gia súc theo hướng tích cực. - Tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật về chăn nuôi trâu bò bán chăn thả, kỹ năng phòng và chữa một số bệnh thường gặp ở gia súc, kỹ thuật trồng và chăm sóc cỏ cho 167 hộ gia đình

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội nghị với sự tham gia của cộng đồng, chính quyền xã và các bên có liên quan trong việc thảo luận về tổ chức quản lý bảo vệ khu vực chăn thả, phát triển đàn trâu bò: Thành lập ban quản lý, tổ bảo vệ, quỹ phát triển chăn nuôi, xây dựng quy ước về chăn nuôi/chăn thả - Xây dựng hàng rào (cột bê tông, dây thép gai) bao quanh khu chăn thả và các khu vực trồng cỏ luân phiên. - Xây dựng nhà bảo vệ và quản lý Khu chăn thả, khu chuồng trại tập trung, hệ thống bể chứa và xử lý phân động vật, hệ thống nước uống cho gia súc - Tài liệu hóa quá trình xây dựng mô hình, các bài học kinh nghiệm phục vụ, chia sẻ và nhân rộng
	Nguyễn Ngọc Sinh	
222	<p>Phát triển mô hình quản lý, bảo vệ, phát triển rừng tự nhiên bền vững dựa trên quyền của người dân.</p> <p>Hội Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp Thừa Thiên Huế</p> <p>Kinh phí: 1.000.000.000 GEF SGP: 950.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp, mở rộng hoạt động "Quản lý bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên bền vững dựa trên quyền của người dân" đã thành công tại thôn Phú Mậu từ 41,6 ha lên toàn bộ diện tích 120 ha rừng tự nhiên nhà nước đã giao cho cộng đồng, bền vững về cộng đồng người dân vùng miền núi, dân tộc thiểu số quản lý rừng tự nhiên. - Chia sẻ thông tin, kinh nghiệm giữa các cộng đồng, các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về mô hình quản lý rừng tự nhiên bền vững dựa trên quyền. Tổng hợp và đưa ra kiến nghị, giải pháp phù hợp để vận động chính sách cho việc quản lý rừng tự nhiên dựa trên quyết định của người dân ở Thừa Thiên Huế và Việt Nam <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp hoạt động của Ban QLRCĐ Phú Mậu đi vào chiều sâu, chất lượng. Ban QLRCĐ Phú Mậu đủ khả năng triển khai thực hiện hiệu quả, chất lượng các hoạt động của dự án và có khả năng tiếp cận, tranh thủ được sự giúp đỡ, hỗ trợ thêm nguồn lực của các ban ngành, chính quyền các cấp, các tổ chức, chương trình dự án khác. - Nâng cao nhận thức và hiểu biết của cộng đồng về các giải pháp khoa học kỹ thuật để quản lý, bảo vệ, làm giàu rừng, về các chủ trương, chính sách của nhà nước đối với rừng cộng đồng, đặc biệt là các quyền của người dân khi thực hiện quản lý, sử dụng đất đai và tài nguyên rừng đã được ghi rõ trong các

		<p>vấn bản pháp luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập được hoạt động quản lý, bảo vệ, làm giàu rừng hiệu quả, bền vững trên toàn bộ diện tích 120 ha tự nhiên của cộng đồng, thể hiện qua: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định rõ ràng, cụ thể ranh giới khu rừng Nhà Nước đã giao cho cộng đồng quản lý thông qua việc cắm mốc ranh giới và lập bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng. + Thiết lập hoàn chỉnh hệ thống đường tuần tra, canh gác, hệ thống biển báo về quản lý, bảo vệ rừng. + 100% diện tích rừng được quản lý bảo vệ tốt, không để xảy ra cháy rừng, ngăn chặn triệt để người ngoài xâm nhập khai thác trái phép tài nguyên rừng + 75% diện tích rừng (90ha) được làm vệ sinh, nuôi dưỡng bằng cách chặt bỏ những cây quần queo, sâu bệnh có hại để tạo không gian sinh trưởng thuận lợi cho các loại cây có hiệu quả kinh tế như song mây, lá non, cây gỗ cây thuốc..... + 50% diện tích rừng (60ha) được làm giàu bằng các hkhloanh nuôi, trồng bổ sung các loại cây bản địa như song mây, lồ ô, kiền kiền. - Xây dựng Phú Mậu trở thành một điển hình thành công bền vững về quản lý rừng cộng đồng dựa trên quyền của người dân để chia sẻ với các cộng đồng, các tổ chức cơ quan quản lý nhà nước và vận động chính sách <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành một hoạt động nghiên cứu, sưu tập và tài liệu hóa các quyền của người dân khi quản lý, sử dụng đất đai và tài nguyên rừng đã được pháp luật quy định để cung cấp cho ban QLRCĐ nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật của cộng đồng. - Tổ chức 06 cuộc tọa đàm đối thoại chính sách (01 ngày/cuộc) cho 150 lượt thành viên Ban QLRCĐ và người dân để nâng cao hiểu biết, nhận thức của họ về các quyền của họ khi quản lý, sử dụng đất đai và tài nguyên rừng - Tổ chức 4 lớp tập huấn, mỗi lớp 01 ngày cho 120 lượt thành viên Ban QLRCĐ và người dân về các chính sách, quy định của Nhà nước về giao đất giao rừng. - Tổ chức 5 lớp tập huấn, mỗi lớp 2 ngày, cho 150 lượt sinh
--	--	---

		<p>viên ban QLRCĐ và người dân về lập kế hoạch, chuyển giao các biện pháp kỹ thuật lâm sinh về quản lý, bảo vệ, tuần tra canh gác, vệ sinh, nuôi dưỡng làm giàu rừng</p> <p>- Thực hiện 2 phóng sự về hoạt động của dự án để phát trên sóng của đài truyền hình tỉnh và một số bài báo</p> <p>2. Hoạt động phát triển nhóm:</p> <p>- Tổ chức tuần tra, canh gác rừng thường xuyên 02 lần/tháng và những cuộc tuần tra đột xuất khi cần thiết. Duy trì các cuộc sinh hoạt định kỳ 2 lần/ tháng của ban QLRCĐ để các thành viên ban quản lý cùng nhau trao đổi, thảo luận xây dựng kế hoạch và cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động của dự án; trao đổi, chia sẻ các thông tin, hiểu biết về các chủ trương, chính sách của nhà nước, các kiến thức, kinh nghiệm sản xuất lâm ăn để giúp nhau cùng phát triển</p> <p>- Ban QLRCĐ chủ động tiến hành các cuộc làm việc với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền như Hạt Kiểm lâm, UBND huyện để xây dựng, hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục cho toàn bộ diện tích rừng UBND huyện đã giao cho cộng đồng thôn quản lý</p> <p>- Tổ chức 01 cuộc hội thảo để xây dựng phương hướng, kế hoạch, cơ chế hoạt động và tổ chức của ban QLRCĐ trong những năm tới, đảm bảo Ban QLRCĐ sẽ duy trì và phát triển hoạt động ngày một hiệu quả hơn.</p> <p>3. Hoạt động quản lý, bảo vệ và làm giàu rừng tự nhiên</p> <p>- Thiết lập và tổ chức cấm các loại biển báo ranh giới rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, biển báo cấm săn bắt động vật hoang dã, chặt phá cây rừng trái phép trên toàn bộ diện tích rừng được giao</p> <p>- Thực hiện các biện pháp lâm sinh để luồng phát, vệ sinh, nuôi dưỡng 75% diện tích rừng (90ha) được giao để tạo không gian sinh trưởng thuận lợi cho các loài cây có hiệu quả kinh tế như song mây, lá nón, cây gỗ cây thuốc...</p> <p>- Trồng 2000 cây kiến kiến dưới tán rừng tự nhiên, 2000 gốc lồ ô dọc theo các khe suối, khoanh nuôi, chăm sóc và trồng bổ sung thêm song mây trên diện tích 60 ha rừng</p>
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi 05 ha diện tích rừng nghèo kiệt, đất trống để trồng rừng kinh tế bằng giống keo lai - Chăm sóc cải tạo 5 ha tre lấy măng điền trúc <p>4. Tổ chức hội thảo "Quản lý rừng tự nhiên dựa trên quyền của người dân" để chia sẻ kết quả thực hiện với các cộng đồng, các tổ chức cơ quan quản lý nhà nước và vận động chính sách.</p>
	Nguyễn Ngọc Lung	
223	<p>Trồng rừng ngập mặn kết hợp mô hình nuôi trồng thủy sản, nâng cao thu nhập cho nông dân</p> <p>Hội Nông dân tỉnh Khánh Hòa</p> <p>kinh phí: 1.552.500.000 GEF SGP: 1.052.500.000</p>	<p>a. Mục tiêu: chọn 02-03 xã ven biển có rừng ngập mặn bị xâm hại, trồng mở rộng đai rừng ngập mặn, đồng thời tiến hành trồng bổ sung, cải tạo, nâng cấp một số diện tích RNM tự nhiên ven biển nhằm bảo đảm phát triển rừng bền vững. Đồng thời, kết hợp nuôi thủy sản ven bờ. Nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân về vai trò của rừng ngập mặn, góp phần bảo vệ môi trường biển và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, góp phần tích cực vào việc chống biến đổi khí hậu toàn cầu</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được hiện trạng việc trồng và khôi phục rừng ngập mặn kết hợp nuôi thủy sản đạt được mục tiêu mong đợi - Nâng cao được năng lực quản lý và điều hành của chính quyền địa phương, của tổ chức Hội trong công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên biển bền vững. - Xây dựng mô hình trồng rừng ngập mặn kết hợp mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững, mở hướng mới có lợi cho dân cư ven biển theo mô hình rừng - tôm, cá, cua...kết hợp, gắn kết trong chuỗi sản xuất với tinh thần và trách nhiệm cao giữa các bên từ Cơ quan quản lý nhà nước - Người sản xuất - Doanh nghiệp thu mua tiêu thụ sản phẩm cho nông dân - Xây dựng được các báo cáo đánh giá các hoạt động của dự án và báo cáo tổng hợp <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khảo sát, đánh giá thực trạng, thu thập thông tin, tuyên truyền việc triển khai dự án <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc với cấp ủy đảng, chính quyền, Hội Nông dân địa phương nơi xây dựng, triển khai thực hiện dự án - Khảo sát địa điểm xây dựng mô hình: Thực trạng diện tích rừng ngập mặn hiện có, diện tích mặt nước ven bờ biển có khả

		<p>năng triển khai dự án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đời sống và nguyện vọng của người dân... Thu thập thông tin về các hoạt động bảo vệ môi trường biển của các hộ dân sống ven biển của tỉnh Khánh Hòa về những mặt tích cực và tiêu cực để tuyên truyền đến địa phương xây dựng dự án - Hợp dân tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của dự án, nhằm giúp người dân hiểu về tác dụng của rừng ngập mặn. Từ đó vận động họ tự nguyện tham gia vào thực hiện các hoạt động của dự án <p>2. Tổ chức Hội nghị, tập huấn, xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội nghị triển khai thực hiện dự án - Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng ngập mặn kết hợp nuôi thủy sản cho các hộ tham gia dự án theo cách "Cầm tay chỉ việc", cho "Cần câu, không cho cá". Thu thập nhu cầu của các hộ tham gia dự án về vốn mở rộng diện tích trồng và nuôi thủy sản để thành lập tổ liên kết sản xuất. - Xây dựng pano về nội quy bảo vệ rừng ngập mặn - Tổ chức tuyên truyền về tác dụng của rừng ngập mặn mang lại lợi ích thiết thực cho dân cư vùng biển bằng nhiều hình thức: Lồng ghép vào buổi sinh hoạt chi Hội Nông dân, tuyên truyền trên đài phát thanh của xã, phát động hưởng ứng ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, tạo ra sức lan tỏa trong cộng đồng dân cư ven biển - Xây dựng các mô hình điểm, tổ chức sinh hoạt một lần/tháng <p>3. Kiểm tra, đánh giá, sơ, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng tháng có cán bộ dự án và cán bộ kỹ thuật kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện mô hình - Định kỳ 6 tháng, 01 năm tổ chức Hội thảo để đánh giá kết quả tiến độ triển khai thực hiện dự án và rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân - Thực hiện công tác tổng kết khi kết thúc dự án
	Nguyễn Chu Hồi	
224	Xây dựng tổ chức Tổ cộng đồng về bảo vệ, tái tạo và nâng cao hiệu quả	<p>a. Mục tiêu: khôi phục nguồn lợi Sò lông đang bị cạn kiệt tại vùng biển ven bờ xã Thuận Quý. Nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, môi trường biển, Tạo sinh kế bền vững, lâu dài cho cộng đồng ngư</p>

	<p>sử dụng nguồn lợi Sò long (Anadara antiquate line) tại vùng biển ven bờ xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận</p> <p>Trang Check không trùng lặp</p> <p>Hội nghề cá tỉnh Bình Thuận</p> <p>Kinh phí: 1000.000.000 GEF SGP: 800.000.000</p>	<p>dân địa phương. Tạo được mô hình trình diễn để nhân rộng toàn tỉnh.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thành công việc tổ chức giao mặt nước của UBND tỉnh cho Tổ cộng đồng sử dụng vào mục đích bảo vệ, tái tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lợi Sò lông trong năm đầu tiên thực hiện dự án. - Một mô hình Tổ cộng đồng về quản lý, bảo vệ, tái tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lợi Sò lông cho khoảng 20 hộ ngư dân lặn trong năm đầu tiên thực hiện dự án - Xây dựng và tổ chức thực thi có hiệu quả quy chế hoạt động của Tổ cộng đồng, quy chế phối hợp giữa các bên liên quan trong năm đầu tiên và những năm tiếp theo của dự án. - Sau 3 năm triển khai, phục hồi và phát triển được nguồn lợi Sò lông tại vùng biển xã Thuận Quý theo hướng tốt hơn thời điểm chưa xây dựng tổ chức Tổ cộng đồng. - Sau 3 năm triển khai, sinh kế của cộng đồng tham gia mô hình sẽ bền vững, ổn định và tốt hơn thời điểm chưa xây dựng tổ chức cộng đồng - Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực đồng quản lý nguồn lợi thủy sản của chính quyền, ngư dân và các bên liên quan - đúc kết và chia sẻ rộng rãi những bài học kinh nghiệm của mô hình. Nhân rộng phương thức đồng quản lý trong nghề cá ra các xã, huyện khác <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiền dự án: Điều tra, khảo sát và xây dựng thuyết minh dự án; Hội thảo tham vấn cộng đồng, các bên liên quan; Thành lập Ban thực hiện dự án; Xây dựng kế hoạch, phân công thực hiện dự án; Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện triển khai thí điểm giao quyền sử dụng mặt nước cho cộng đồng gnv dân theo Nghị định số 33/NĐ-CP ngày 31/03/2010 của Thủ tướng chính phủ 2. Triển khai dự án: <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập tổ chức tổ cộng đồng là những ngư dân hành nghề lặn tại địa phương, có Ban quản lý Tổ do cộng đồng tự bầu ra. - Xây dựng điều lệ và quy định cộng đồng: điều lệ và quy ước do các thành viên cộng đồng xây dựng lên với sự hỗ trợ của
--	---	---

		<p>cán bộ dự án được chính quyền địa phương công nhận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy chế phối hợp, hỗ trợ tổ cộng đồng của các bên liên quan - Đánh dấu vùng dự án (vùng được giao, vùng cho phép khai thác, vùng bảo vệ bãi đẻ của Sò lông,...) tại vùng bảo vệ nghiêm ngặt sử dụng lưới bao khoanh vùng, tại các điểm khác sử dụng phao, cờ hiệu để đánh dấu - Tổ chức thực thi, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ quy ước của Tổ cộng đồng tại vùng dự án - Theo dõi các yếu tố môi trường, tự nhiên,... Biến động và sinh trưởng của nguồn lợi Sò lông. - Khai thác nguồn giống tự nhiên từ các nơi khác thả bổ sung vào vùng bảo vệ bãi đẻ của Sò lông. Phối hợp với các Viện, trường nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giống nhân tạo sò lông phục vụ công tác tái tạo nguồn lợi và thả nuôi tự nhiên nhằm gia tăng thêm thu nhập cho ngư dân - Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho các ngư dân nòng cốt, các cán bộ địa phương, các bên liên quan - Áp dụng thực hành theo các tiêu chuẩn của tổ chức WWF (Quỹ bảo tồn thiên nhiên Quốc tế) tiến tới việc xây dựng chứng nhận MSC cho nghề khai thác Sò lông tại vùng biển xã Thuận Quý <p>3. Khi dự án kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết kết quả, bài học kinh nghiệm và nhân rộng mô hình sang đối tượng và địa phương khác - Định hướng và hỗ trợ Tổ cộng đồng xây dựng kế hoạch hoạt động trong những năm tiếp theo
	Nguyễn Chu Hồi	
225	Đánh giá và phổ biến nhân rộng các mô hình Nông lâm kết hợp theo hướng	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần bảo vệ rừng, sinh thái đất dốc và phát triển nông lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai - Góp phần nâng cao kiến thức cho người dân trong sản xuất

	<p>bền vững trên các vùng sinh thái ở tỉnh Gia Lai</p> <p>Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Gia Lai</p> <p>Kinh phí: 1.000.000.000 GEF SGP: 600.000.000</p>	<p>nông lâm nghiệp kết hợp trên đất dốc để tăng sản xuất lương thực, thực phẩm</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được mô hình nông lâm kết hợp bền vững trên 05 tiểu vùng sinh thái của tỉnh Gia Lai - Tổ chức thành công các hội thảo phổ biến mô hình Nông lâm kết hợp bền vững tại 05 tiểu vùng sinh thái của tỉnh Gia Lai <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, thu thập thông tin và đánh giá hiện trạng các mô hình nông lâm kết hợp tại 05 tiểu vùng sinh thái của tỉnh Gia Lai - Đánh giá và lựa chọn các mô hình Nông lâm kết hợp phù hợp nhất với từng tiểu vùng sinh thái của tỉnh Gia Lai - Phổ biến các mô hình Nông lâm kết hợp được lựa chọn cho nông dân tại các tiểu vùng sinh thái của tỉnh Gia Lai
	Trần Thúc Sơn	
226	<p>Xây dựng mô hình cộng đồng ứng dụng giải pháp kỹ thuật để giảm thiểu rủi ro, tăng khả năng thích ứng với hạn hán và xâm nhập mặn tại xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh</p> <p>Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Tĩnh</p> <p>Kinh phí: 1.600.000.000 GEF SGP:</p>	<p>a. Mục tiêu chung: góp phần giảm thiểu tổn thương, tăng cường khả năng thích ứng với hạn hán và xâm nhập mặn tại xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thông qua ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi, thu trữ nước mưa cấp nước sinh hoạt, các biện pháp sản xuất nông nghiệp hữu cơ, bảo vệ, phát triển rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven bờ biển</p> <p>* Cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nâng cao được nhận thức và năng lực thích ứng của cộng đồng dân cư về BĐKH và tác hại của nó tới mọi hoạt động kinh tế, xã hội môi trường sống tại địa phương 2. Thử nghiệm mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ và thu trữ nước mưa nhằm thích ứng với hạn hán và xâm nhập mặn 3. Đánh giá kết quả, đúc kết được những kỹ thuật, bài học kinh nghiệm của mô hình, phổ biến kết quả và xây dựng những khuyến nghị có liên quan về chính sách cho địa phương <p>b. Kết quả dự kiến: Thông tin, tài liệu tập huấn, các buổi nói chuyện chuyên đề, các buổi sinh hoạt cộng đồng lồng ghép,</p>

	1.000.000.000 đ	<p>tuyên truyền cảnh báo hiểm họa của BĐKH và giới thiệu các giải pháp phòng ngừa, thích ứng với 10-12 lớp tập huấn, hội thảo được tổ chức cho 600 lượt người tham dự; Ba mô hình thích ứng với hạn hán, xâm nhập mặn được thiết kế, thực hiện tại các vườn hộ và rừng phòng hộ ven biển; Các bể nhỏ thu trữ nước mưa và giếng cung cấp nước ăn, uống, sinh hoạt cho cộng đồng. Dự kiến 50-60 hộ được hưởng lợi từ dự án, có thu nhập ổn định và tăng thu nhập từ 15-20% so với trước đây. Các tổ bảo vệ rừng cộng đồng, nhóm nông hộ được thành lập và đi vào hoạt động</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và thực hiện chương trình nâng cao nhận thức về hiểm họa của BĐKH thông qua các hoạt động truyền thông cho cộng đồng - Thiết kế và xây dựng mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp hữu cơ nhằm hạn chế tác hại của hạn hán và xâm nhập mặn tại địa phương - Theo dõi, đúc kết và phổ biến bài học kinh nghiệm của mô hình nhằm nhân rộng mô hình
	Nguyễn Trọng Hiệu	
227	<p>Ứng dụng năng lượng mặt trời trong nghề sản xuất và chế biến nước mắm nhằm xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững cho cộng đồng dân cư xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên Hà Tĩnh</p> <p>Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Hà Tĩnh</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Mục tiêu tổng quát: xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững cho người dân vùng biển xã Cẩm Nhượng huyện Cẩm Xuyên</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của người dân về kỹ thuật sản xuất và chế biến nước mắm\ - Nâng cao chất lượng sản phẩm cho người dân sản xuất và chế biến nước mắm bằng việc áp dụng phương pháp sử dụng năng lượng mặt trời trong sản xuất, chế biến, bảo quản nước mắm. - Xây dựng thương hiệu sản phẩm nước mắm cho người dân - hạn chế tình trạng người di dân đi xa làm thuê, trẻ em không được tới trường - Bảo vệ môi trường từ nghề sản xuất và chế biến nước mắm sinh ra - tăng cường tiếp cận công nghệ ứng dụng năng lượng mới cho người dân. <p>b. Kết quả dự kiến</p>

	<p>Tổng kinh phí: 2.100.000.000 đ</p> <p>GEF SGP: 1.100.000.000 đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 02 cuộc hội thảo về sinh kế người dân dựa trên điều kiện tự nhiên của vùng - 10 cuộc tập huấn cho người dân về kỹ thuật sản xuất và chế biến nước mắm và ứng dụng năng lượng mặt trời trong nghề chế biến nước mắm được tổ chức thành công và đạt hiệu quả cao. - 80% nhận thức của người dân về kỹ thuật sản xuất và chế biến nước mắm và ứng dụng năng lượng mặt trời trong nghề chế biến nước mắm được nâng cao. - 20 mô hình ứng dụng năng lượng mặt trời trong sản xuất và chế biến nước mắm được xây dựng. - 50% lao động chính trong xã không phải đi xa kiếm việc làm - 01 cuộc hội thảo đầu bờ được tổ chức thành công và hiệu quả. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. khảo sát đánh giá tình hình sản xuất nước mắm của các hộ dân trong xã Cẩm Nhượng 2. Tổ chức 20 cuộc tập huấn cho 800 người dân về kỹ thuật sản xuất và chế biến nước mắm và ứng dụng năng lượng mặt trời trong nghề sản xuất và chế biến nước mắm 3. Xây dựng 10 – 15 mô hình trình diễn về ứng dụng năng lượng mặt trời trong sản xuất và chế biến nước mắm. 4. Tổ chức 1 cuộc hội thảo đầu bờ với sự tham gia của các ngành trong tỉnh, đúc rút bài học kinh nghiệm, khuyến nghị nhân rộng. 5. Tổ chức 1 cuộc hội thảo về sinh kế người dân dựa trên điều kiện tự nhiên của vùng. <p>Quảng bá thương hiệu sản phẩm nước mắm công nghệ mới trên kênh truyền hình.</p>
	Nguyễn Trọng Hiệu	
228	<p>Quản lý đất bền vững, chống xói mòn và suy thoái đất trong canh tác</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý đất và nước bền vững trong canh tác lúa dựa trên sự tham gia của cộng đồng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, chống xói mòn và suy thoái đất và giảm phát thải khí nhà kính.</p>

	<p>lúa có sự tham gia của người dân tại huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>Hội Nông dân huyện Phổ Yên Tổng kinh phí: 1.200.000.000 đ GEF SGP: 950.000.000 đ</p>	<p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch quản lí đất và nước bền vững trong canh tác lúa được xây dựng và thực hiện bởi người dân. - Thay đổi tập quán canh tác như sử dụng lượng giống hợp lí, bón phân, phun thuốc thân thiện với môi trường. - Tăng năng suất lúa, nâng cao thu nhập cho nông dân, hiệu quả kinh tế từ sản xuất lúa được nâng cao. - Các biện pháp sử dụng phân bón khoa học được áp dụng thành công trong sản xuất lúa và được người dân áp dụng đại trà kể cả khi kết thúc dự án. - Tài nguyên đất và nước của địa phương được sử dụng bền vững với sự tham gia của người dân. - Hội nông dân và nông dân sẽ duy trì thực hiện lâu dài (a) kế hoạch quản lí tài nguyên và (b) các biện pháp sử dụng phân bón khoa học sau khi dự án kết thúc. - Các kinh nghiệm và bài học từ dự án được tuyên truyền và phổ biến tại địa phương và mạng lưới GEF SGP. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Xây dựng kế hoạch quản lí đất và nước bền vững trong canh tác lúa có sự tham gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát thực trạng sử dụng phân bón, thuốc BVTV và các tác động đến tài nguyên đất và nước trong canh tác lúa. - Lập kế hoạch quản lí đất và nước bền vững có sự tham gia của người dân. - Tuyên truyền cho người dân về kế hoạch và vận động người dân tham gia thực hiện kế hoạch. - Thành lập các nhóm hộ nông dân để thực hiện kế hoạch dựa trên sự tham gia của người dân. <p>2. Thực hiện kế hoạch quản lí đất và nước bền vững trong canh tác lúa có sự tham gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các biện pháp kĩ thuật sử dụng hiệu quả phân bón và thuốc BVTV trong trồng lúa theo hướng chống xói mòn và suy thoái đất, giảm ô nhiễm đất và nguồn nước. - Khảo nghiệm và đưa ra đối chứng để vận động người dân tham gia.
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức chuyển giao kế hoạch để cộng đồng tự quản lí đất, nước bền vững. - Rút bài học kinh nghiệm để hoàn thiện kế hoạch quản lí đất và nước có sự tham gia của người dân. <p>3. Quảng bá và nhân rộng phương pháp thực hiện của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra những bài học từ thực tế quản lí đất và nước bền vững có sự tham gia của người dân để truyewèn bá nhưng sang kiến thành công trên diện rộng thông qua các đơn vị có liên quan trong huyện phổ Yên và tỉnh Thái Nguyên. - Sản xuất tài liệu truyền thông để tuyên truyền cho người sản xuất lúa ở phổ Yên và quảng bá những hoạt động của dự án.
	Trần Thúc Sơn	
229	<p>Xây dựng mô hình quản lí rác nông nghiệp giảm thiểu phát thải khí nhà kính và cải tạo đất cát ở huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng trị</p> <p>Trung tâm nghiên cứu biến đổi khí hậu miền trung, Việt Nam. (CCCSC)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.324.700.000 đ GEF SGP: 996.700.000đ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Mục tiêu chung: Quản lí rác thải nông nghiệp để BVMT, cải tạo đất và giảm thiểu BĐKH hướng đến nền nông nghiệp xanh và sạch đóng góp vào việc thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh của Quốc gia đến năm 2020.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường nhận thức của người dân về quản lí rác thải, rác nông nghiệp, cải tạo đất, BVMT và giảm nhẹ BĐKH . - Đẩy mạnh các hoạt động tập thể của người dân để làm giảm và tái sử dụng rác nông nghiệp bằng việc hỗ trợ thành lập tổ hợp tác và hỗ trợ họ sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ rác nông nghiệp. - Nâng cao tinh thần chủ động của người dân trong sản xuất phân hữu cơ vi sinh, thông qua việc hỗ trợ kĩ thuật cũng như xây dựng hầm ủ phân và cơ sở sản xuất men vi sinh Trichoderma. - Xây dựng các mô hình canh tác bền vững bằng việc sử dụng phân hữu cơ vi sinh. - Huy động sự tham gia của cộng đồng thông qua các cuộc thi tìm hiểu các phong trào làm sạch môi trường, thu gom rác thải nông thôn của các tổ chức đoàn thể địa phương và đoàn thanh niên trường Đại học Nông Lâm Huế. - Trình diễn và vận động nhân rộng mô hình. <p>b. Kết quả dự kiến</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - ít nhất 80% số hộ y thuộc vùng dự án tiếp cận thông tin về dự án, hiểu được sự cần thiết phải thay đổi trong việc quản lý rác nông nghiệp. - Ít nhất 50% số hộ và 100% hợp tác xã nông nghiệp trong vùng dự án biết cách thu gom rác nông nghiệp và sản xuất phân vi sinh để cải tạo đất. - 2 tổ hợp tác được hình thành và có đủ điều kiện để thu gom rác nông nghiệp và sản xuất phân vi sinh. - 2 hầm ủ phân được xây dựng, 1 hầm diện tích 25m² có thể sản xuất được 35 tấn phân vi sinh/lần - 2 cơ sở sản xuất men vi sinh được xây dựng, cung cấp đầy đủ men cho sản xuất phân hữu cơ vi sinh của người dân trong vùng dự án và các xã lân cận. - 2 mô hình trồng rau an toàn 2 ha ứng dụng phân hữu cơ vi sinh được hình thành để trình diễn cho người dân trong vùng dự án thấy được hiệu quả thực sự của phân hữu cơ vi sinh. - Liên kết chặt chẽ giữa Đoàn thanh niên các xã và liên chi đoàn sinh viên trường đại học Nông Lâm Huế trong các hoạt động gom rác nông nghiệp, sản xuất phân vi sinh BVMT. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức họp thôn và mở các lớp tập huấn nhằm nâng cao nhận thức về rác nông nghiệp, ô nhiễm môi trường và BDKH của người dân. - Sử dụng các hội đoàn thể, những người có uy tín trong cộng đồng để đẩy mạnh phong trào thi đua ở cộng đồng như: Thi tìm hiểu về BDKH; cách thức quản lý rác nông nghiệp; thực hành sản xuất phân hữu cơ vi sinh, sang kiến làm đẹp cảnh quan nông thôn. - Huy động sự tham gia của sinh viên các trường đại học, đoàn thanh niên cơ sở trong các chiến dịch tình nguyện hè, tổ chức các nhóm sinh viên về các thôn, thực hiện thu gom rác nông nghiệp, tập huấn quy trình kỹ thuật và cùng người dân thực hành sản xuất phân vi sinh. - Xây dựng hầm ủ phân và làm mô hình thí điểm sản xuất phân hữu cơ vi sinh cũng như ứng dụng nó cho các cây trồng chính của địa phương. - Hình thành cơ sở sản xuất men dưới sự quản lý của THT và chính quyền địa phương trong đó người dân đóng góp vai trò chủ chốt
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các THT để hợp tác thu gom rác nông nghiệp và sản xuất phân vi sinh, men vi sinh. - Nâng cao năng lực quản lý của ban chủ nhiệm các THT và HTX nông nghiệp để quản lý rác thải thông qua tập huấn thu gom và sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ rác thải. - Chuyển giao quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh và kỹ thuật canh tác các cây trồng chính tại địa phương áp dụng phân hữu cơ vi sinh. - Xây dựng hệ thống truyền thông nhằm quảng bá nhân rộng mô hình thông qua tờ rơi, video, tivi, báo chí.
	Hồ Ngọc Hải	
230	<p>Lập kế hoạch sử dụng đất theo chiến lược phát triển giảm khí phát thải có sự tham gia của các bên liên quan ở vùng đồi núi tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nông lâm nghiệp (CARD)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.180.000.000</p> <p>GEF SGP: 890.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>*Mục tiêu chung</p> <p>Lập kế hoạch sử dụng đất theo chiến lược phát triển giảm khí phát thải có sự tham gia của các bên liên quan ở vùng đồi núi tỉnh Thừa Thiên Huế, nhằm triển khai chính sách, chiến lược phát triển của Nhà nước trong điều kiện cụ thể của địa phương đối với việc giảm thiểu những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và đảm bảo sinh kế cho người dân</p> <p>*Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích những tác động của kế hoạch sử dụng đất đối với lượng khí phát thải ở địa bàn nghiên cứu giai đoạn 2005-2015 - Nâng cao nhận thức của các bên liên quan về việc giảm thiểu lượng khí phát thải thông qua lập kế hoạch sử dụng đất - Xây dựng một số kịch bản sử dụng đất theo chiến lược giảm khí phát thải năm 2025, 2030 dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu của bộ Tài nguyên môi trường và các dự báo của IPCC - Lập kế hoạch sử dụng đất theo chiến lược giảm khí phát thải có sự tham gia của các bên liên quan cho vùng nghiên cứu giai đoạn 2015-2020, cân bằng được các yếu tố môi trường và đảm bảo sinh kế cho người dân <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mối liên hệ giữa sử dụng đất và giảm lượng khí phát thải ở các thời điểm năm 2005, 2010, 2015 sử dụng ảnh viễn thám, công nghệ GIS và phần mềm ALU. Các yếu tố của kế hoạch sử dụng đất có tác động lớn đến việc giảm lượng khí phát thải

		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức của các bên tham gia vào quá trình thực hiện sẽ được cải thiện về tầm quan trọng của việc tích hợp giảm thiểu biến đổi khí hậu và chiến lược thích ứng thông qua giảm lượng khí thải trong quá trình lập kế hoạch sử dụng đất ở cấp địa phương - Một số kịch bản sử dụng đất theo chiến lược giảm khí phát thải năm 2025, 2030 dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên môi trường và các dự báo của IPCC - Kế hoạch sử dụng đất theo chiến lược giảm khí phát thải có sự tham gia của các bên liên quan cho vùng nghiên cứu giai đoạn 2015-2020 được thành lập <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải đoán 3 ảnh viễn thám năm 2005, 2010, 2015 để xây dựng các bản đồ sử dụng đất của vùng nghiên cứu. Tính toán lượng khí phát thải cho từng năm sử dụng phần mềm Kiểm kê khí nhà kính trong lĩnh vực sử dụng đất và nông nghiệp của trường đại học bang Colorado. - Phân tích thay đổi sử dụng đất theo 2 giai đoạn. Phân tích những tác động của sự thay đổi sử dụng đất đến lượng khí phát thải. - Xác định và phân tích các bên liên quan đến công tác lập kế hoạch sử dụng đất. Tổ chức các buổi tuyên truyền, thảo luận nhóm ở cấp nông thôn nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng người dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ và phát triển rừng trong hấp thụ khí phát thải, giảm thiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với toàn xã hội và lợi ích của chính bản thân họ. Tổ chức các buổi họp ở cấp xã, huyện với sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan đến công tác lập kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt chú ý đến sự tham gia của cộng đồng người dân. Tổ chức các buổi họp ở cấp tỉnh với sự đại diện của các Sở, Ban ngành liên quan, Đại diện của chính quyền địa phương. - Xây dựng kịch bản sử dụng đất ở các thời điểm 2020, 2025, 2030 dựa trên xu hướng thay đổi sử dụng đất và định hướng phát triển của các ngành trong việc sử dụng đất cho tương lai. - Tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất theo chiến lược giảm khí phát thải cho các huyện trong vùng nghiên cứu,
--	--	---

		<p>định hướng sử dụng đất thông qua các buổi thảo luận nhóm liên quan. Công khai kế hoạch sử dụng đất đến các thôn, bản. Tổ chức các cuộc họp nhóm nghiên cứu. Tổ chức 1 buổi họp ở cấp tỉnh để công bố chính thức kế hoạch sử dụng đất.</p>
	Nguyễn Ngọc Sinh	
231	<p>Xây dựng mô hình nông nghiệp sinh thái dựa vào cộng đồng dân tộc thiểu số phòng chống thoái hóa đất khu vực đồi núi huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận</p> <p>Viện nước và công nghệ môi trường, Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam</p> <p>GEF SGP: 50.000USD</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành có cơ sở khoa học và thực tế mô hình nông nghiệp sinh thái dựa vào cộng đồng dân tộc thiểu số tại vùng núi huyện Đức Linh để có thể nhân rộng - Giảm xói mòn đất trồng, khôi phục độ màu mỡ của đất và phòng chống suy thoái đất - Các hệ thống canh tác dựa trên cơ chế sinh thái tự nhiên của đất nhằm mang lại hiệu quả, tiết kiệm năng lượng và công lao động, do đó hiệu quả kinh tế đối với nông dân và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên của huyện Đức Linh <p>b. Các kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức và sự hiểu biết cần thiết của cộng đồng dân cư thiểu số về mô hình nông nghiệp sinh thái, về thoái hóa, xói mòn đất - Đề xuất được các biện pháp canh tác, các cây trồng phù hợp với các loại đất của huyện Đức Linh - Duy trì và tăng cường được khả năng sản xuất của các tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất không phá vỡ môi trường, giữ được cảnh quan tự nhiên - Tạo việc làm ổn định và thu nhập cho cộng đồng - Kế thừa, lồng ghép hệ thống canh tác truyền thống, kiến thức bản địa với kiến thức, giải pháp phù hợp từ ngoài - Tạo cơ hội để người dân vùng núi tiếp cận quá trình hoạch định chính sách phát triển bền vững nông nghiệp nông thôn miền núi <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, chuyển giao và hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân - Đào tạo, nâng cao nhận thức của cộng đồng - Truyền thông và phát triển mạng lưới - Đề xuất cơ chế chính sách

	Trần Thúc Sơn	
232	<p>Co-management in Coastal Area for people sustainable livelihood: The case of An Chan Commune, Tuy An Distric, Phu Yen Province</p> <p>Consultancy Researach institute for Sustainable Development</p> <p>Total project cost: \$86,257</p> <p>Amount request for funding: \$48,818</p>	<p>a. Objectives</p> <p>This project aims to help the indigenious people to manage coastal resource efficiency in order to reduce exhausted natural resource exploring and preservation of biodiversity as well as mitigate climate change</p> <p>b. Processes</p> <ul style="list-style-type: none"> - Investigating the current situation of people livelihood and resource management - Project training for capacity an institutional building in order o recruit co-management natural resource system and biodiversity presevation - Introducing livelihood feasibility activitities for people income improving <p>c. Outputs</p> <ul style="list-style-type: none"> - Understading the current coastal resources management and people livelihood - Co-management system for effectiveness of natural resources management would be built and people awareness in biodiversity of natural resources.
	Nguyễn Chu Hồi	
233	<p>“Dự án bảo tồn và phát triển lợn Kiềng Sắt tạo thu nhập cho đồng bào các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi”</p> <p>Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi</p> <p>Kinh phí: 2.000.000.000đ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra về thực trạng về tình hình chăn nuôi, thú y tại 03 huyện dự kiến thực hiện làm dự án (Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng). - Nâng cao nhận thức và năng lực kỹ thuật cho cộng đồng và người dân về công tác bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và vật nuôi nói riêng, kỹ thuật bảo tồn và phát triển giống Lợn bản địa Kiềng Sắt. - Xây dựng mô hình vừa nuôi bảo tồn và nuôi lợn Ky thương phẩm: Tạo đàn lợn giống Kiềng Sắt thuần góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn gen quý hiếm. Tạo con lợn lai thương phẩm đáp ứng nhu cầu ẩm thực của cộng đồng,

	<p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP :1.200.000.000</p>	<p>vấn đề tâm linh và bản sắc văn hóa dân tộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi tập quán chăn nuôi thả rông, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và các bệnh ở lợn có thể lây sang người như bệnh lợn gạo. - Tổng kết, đánh giá, đúc kết các bài học kinh nghiệm và biên soạn tài liệu kỹ thuật về mô hình trình diễn nhằm mục tiêu nhân rộng mô hình tại các địa phương khác trong huyện và tỉnh. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> b1) Xây dựng 30 hộ chăn nuôi bảo tồn và nuôi lợn Ky thương phẩm; b2) Cung cấp thông tin đầy đủ về thực trạng về chăn nuôi và tình hình dịch tễ tại 03 huyện miền núi, là cơ sở giúp lãnh đạo các huyện hoạch định chính sách về chăn nuôi thú y; b3) Các hình thức vận động tuyên truyền như tờ rơi,... nhằm nâng cao nhận thức được tổ chức thành công, thu hút sự tham gia của cộng đồng và người dân; b4) Các lớp tập huấn và tham quan được tổ chức nhằm nâng cao năng lực kỹ thuật cho cộng đồng và người dân trong quản lý các vấn đề môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học vật nuôi và kỹ thuật bảo tồn và phát triển giống lợn Kiêng Sắt; <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> i) Điều tra về thực trạng về tình hình chăn nuôi, thú y tại 03 huyện dự kiến thực hiện làm dự án (Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng): <ul style="list-style-type: none"> - Các thông tin sơ cấp và thứ cấp được thu thập bằng cách tiếp cận với cán bộ, người dân ở các vùng khác nhau trong 03 huyện. Đối tượng phỏng vấn là các cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn, già làng và người dân địa phương. Số lượng phiếu điều tra là 150 phiếu, trong đó 50 phiếu cho đối tượng được phỏng vấn là cán bộ tỉnh và huyện, 100 phiếu cho đối tượng là người dân thuộc 6 huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi là Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng. Địa bàn điều tra thông tin thứ cấp là các phòng chuyên môn của 03 huyện miền núi như Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trạm Khuyến
--	---	--

		<p>nông, Trạm Thú y và Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện để thu thập thông tin thứ cấp. Đối với những thông tin trên phiếu điều tra, người được hỏi có thể trả lời một hoặc nhiều đáp án khác nhau. Thiết kế phiếu cho hai nhóm đối tượng phỏng vấn (cán bộ và người dân) là khác nhau. Tuy nhiên, một số nội dung điều tra có thể chung cho cả 2 nhóm. Điều tra, thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp nhằm mục đích thu thập các thông tin cơ bản về tình hình chăn nuôi, hiện trạng của lợn Kiềng Sắt trên địa bàn của huyện, nhu cầu chăn nuôi của địa phương, tình hình dịch tễ tại các huyện thực hiện dự án.</p> <p>ii) Nâng cao nhận thức và năng lực kỹ thuật cho cộng đồng và người dân về công tác bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và vật nuôi nói riêng, kỹ thuật bảo tồn và phát triển giống Lợn bản địa Kiềng Sắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các lớp tập huấn và tham quan nhằm nâng cao năng lực kỹ thuật cho cộng đồng và người dân trong vùng dự án quản lý các vấn đề môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học vật nuôi và kỹ thuật bảo tồn và phát triển giống Lợn Kiềng Sắt và lợn Ky; - Xây dựng các Tờ rơi hướng dẫn kỹ thuật, và hoạt động lồng ghép các nội dung về các vấn đề môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học vật nuôi và về lợn Kiềng Sắt trong các hoạt động có liên quan của Hội phụ nữ tại cơ sở. - Tham quan: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức cho 30 người tham gia mô hình chăn nuôi lợn Kiềng Sắt và lợn lợn Ky tham quan mô hình chăn nuôi bán hoang dã ở huyện Nghĩa Hành; + Tổ chức 100 người ở các huyện miền núi còn lại đến tham quan mô hình của dự án. <p>iii) Xây dựng mô hình vừa nuôi bảo tồn và nuôi lợn Ky thương phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn mỗi huyện 10 hộ theo tiêu chí của Ban điều hành dự án; - Xây dựng chuồng trại nuôi thuần và khu nuôi lợn lai
--	--	--

		<p>(lợn Ky) thương phẩm;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn lợn trong dân và mua từ trại Nghĩa Hành để đầu tư mỗi mô hình 05 lợn nái Kiềng Sắt thuần; 01 lợn đực Kiềng Sắt; 01 lợn đực rừng. - Xây dựng vườn cỏ để làm thức ăn xanh cho lợn. - Công tác vệ sinh thú y trong chăn nuôi lợn. <p>iv) Tổng kết, đánh giá, đúc kết các bài học kinh nghiệm và biên soạn tài liệu kỹ thuật về mô hình trình diễn nhằm mục tiêu nhân rộng mô hình tại các địa phương khác trong huyện và tỉnh.</p>
	Trần Thúc Sơn	
234	<p>“ Mở rộng mô hình sản xuất sản bền vững tại xã Hương Nhượng huyện Lạc Sơn tỉnh Hòa Bình”</p> <p>Liên hiệp các Hội khoa học Kỹ thuật Hòa Bình</p> <p>Kinh phí : Tổng kinh phí 1.500.000.000</p> <p>Kinh phí xin tài trợ của GEF SGP là 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu dự án:</p> <p>Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển cây sản bền vững để nâng cao năng suất, chất lượng, tăng thu nhập cho đồng bào dân tộc trồng sản hàng hóa, gắn với cải tạo, bảo vệ đất dốc phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững tại tỉnh Hòa Bình.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>b.1. Xây dựng được chính sách có liên quan khuyến khích đồng bào dân tộc sản xuất sản bền vững được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;</p> <p>b.2. Xây dựng thành công mô hình sản xuất mộc nhĩ, chế biến thức ăn gia súc từ sản phẩm cây (tận dụng phụ phẩm cây sản tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người trồng sản), với quy mô như sau:</p> <p>Quy mô mô hình sản xuất mộc nhĩ 15 hộ, đạt sản lượng 300 kg mộc nhĩ khô. Mô hình chế biến thức ăn 15 hộ có sản lượng 4.500 kg thức ăn. Địa điểm tại xã Hương Nhượng huyện Lạc Sơn (nơi thực hiện pha một dự án).</p> <p>b.3. Tiếp tục mở các lớp tập huấn cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm của tỉnh, huyện, xã để làm kỹ thuật viên tuyên truyền, hướng dẫn cộng đồng áp dụng quy trình canh tác sản bền vững trên đất dốc (thông qua việc chỉ đạo mở rộng 2</p>

		<p>mô hình đang giao cho hội phụ nữ xã Hương Nhượng sử dụng vốn vay pha 1 cho các hội viên vay phát triển cây sắn), để làm điểm trình diễn phục vụ tham quan, học tập cho các lớp tập huấn và cộng đồng.</p> <p><i>c. Hoạt động dự kiến:</i></p> <p>c.1. Xúc tiến xây dựng chính sách khuyến khích phát triển sản xuất sắn bền vững trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành</p> <p><i>Hoạt động c.1:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê, tổng hợp, phân tích các chính sách hiện hành có liên quan; - Dự thảo chính sách khuyến khích sản xuất sắn bền vững của địa phương; - Tổ chức hội thảo tham vấn cộng đồng và các đơn vị có liên quan; - Hoàn thiện báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định. <p>c.2: Xây dựng mô hình sản xuất mộc nhĩ, chế biến thức ăn gia súc từ cây sắn.</p> <p><i>Các hoạt động c.2.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> -Xác định địa điểm và chọn hộ tham gia mô hình; -Triển khai mô hình: <ul style="list-style-type: none"> + Hỗ trợ kỹ thuật thông qua tổ chức các lớp tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật tại hiện trường của nhóm chuyên gia. + Hỗ trợ tài chính cho các hộ tham gia mô hình trình diễn, triển khai cơ chế cho vay quay vòng trong cộng đồng. + Theo dõi định kỳ, hỗ trợ kỹ thuật cho cộng đồng. Thu thập thông tin trong quá trình triển khai mô hình. <p><i>Các hoạt động c.3.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức 12 lớp tập huấn, thời gian 2 ngày/ lớp, 50
--	--	--

		<p>người/ lớp, địa điểm tại địa phương xây dựng mô hình.</p> <p>- Tổ chức hội nghị đầu bờ, tham quan, trao đổi kinh nghiệm tại cộng đồng xây dựng mô hình trình diễn...</p>
	Trần Thúc Sơn	
235	<p>“Trồng tre ven sông, suối chống sạt lở đất, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và cải thiện sinh kế cho người dân tộc thiểu số nghèo huyện Sơn La, tỉnh Quảng Ngãi”</p> <p>Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ Gia đình và Trẻ em nghèo (CCSPFC)</p> <p>Kinh phí thực hiện : 1.663.300.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 692.400.000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>Chống xói mòn, sạt lở đất, giảm thiểu các diện tích đất bị sa bồi thủy phá, bảo vệ môi trường sinh thái và cung cấp sản phẩm măng, tre tạo thêm thu nhập cho người dân.</p> <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <p>* Trong năm đầu tiên của dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 40 km đường ven sông, suối ở hai xã Sơn Thủy và Sơn Giang, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi được bao phủ bằng các cụm/lũy tre (khoảng 10.000 gốc tre). - Mỗi gốc tre sẽ cho thu hoạch 01 cây măng, nặng trung bình 02 kg, trị giá 20.000 đồng/kg. Dự kiến tiền thu hoạch măng sẽ là: 10.000 cây măng x 40.000 đồng x 85% = 340.000.000 đồng. Tiền bán sản phẩm sẽ được các hộ nông dân xoay vòng đầu tư chăm bón các gốc tre và trồng mới khoảng 2.000 gốc bao phủ khoảng 10 km đường ven sông, suối. <p>* Trong năm thứ hai và các năm tiếp theo của dự án:</p> <p>Một cụm có thể cho thu hoạch 2 – 3 cây măng. Dự kiến tiền bán sản phẩm có thể đạt 680.000.000 đồng đến 1.020.000.000 đồng. Khoản tiền này sẽ được các hộ nông dân cải thiện cuộc sống và tiếp tục nhân rộng mô hình, tặng cây giống mới cho các hộ khác chưa được hưởng lợi từ dự án. Dự kiến có khoảng 100 – 300 hộ ở các xã lân cận sẽ cùng tham gia vào mô hình trồng tre chống xói mòn, sạt lở đất và tạo thêm thu nhập, cải thiện cuộc sống và có thêm 30 km đường ven sông, suối được bao phủ bởi các lũy tre.</p> <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 1: Tổ chức 01 cuộc hội thảo công bố dự án với 50 đại biểu đại diện chính quyền, các ban ngành đoàn thể huyện Sơn Hà và các xã trong huyện để công bố dự án và vận động sự

		<p>ủng hộ và thành lập ban quản lý dự án địa phương.</p> <p>- Hoạt động 2: Tổ chức 02 khóa tập huấn 03 ngày cho 200 hộ nông dân (mỗi xã 01 khóa/100 hộ) về ba nội dung cơ bản:</p> <p>+ Nội dung 1 (2 ngày): Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trồng tre: chọn giống tre, kỹ thuật trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh và khai thác, bảo quản măng.</p> <p>+ Nội dung 2 (0,5 ngày): Phương pháp tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm và cách ghi chép sổ sách, tính toán lợi nhuận thu được. Kế hoạch đầu tư trồng mới và hỗ trợ cây giống mới cho các hộ gia đình lân cận trong cộng đồng.</p> <p>+ Nội dung 3 (0,5 ngày): những vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, chống xói mòn, sạt lở đất nông nghiệp.</p> <p>- Hoạt động 3: Mua và cấp phát 10.000 cây tre giống cho 200 hộ gia đình nông dân.</p> <p>- Hoạt động 4: Tổ chức 02 đợt lễ ra quân trồng cây ven sông, suối tại hai xã Sơn Thủy và Sơn Giang (mỗi xã trồng 5.000 cây). Hoạt động này sẽ thu hút khoảng 500 người tham dự (bao gồm 200 hộ gia đình hưởng lợi trực tiếp từ năm thứ nhất của dự án, 200 hộ gia đình hưởng lợi gián tiếp từ năm thứ nhất của dự án và 100 đại biểu ban, ngành, huyện, 2 xã dự án và người dân). 10.000 cây tre giống được tập trung tại hiện trường buổi ra quân.</p> <p>- Hoạt động 5: Giám sát hỗ trợ. Trách nhiệm giám sát, hỗ trợ thuộc về ban quản lý dự án CCSPFC và ban quản lý dự án địa phương. CCSPFC sẽ thực hiện giám sát hỗ trợ kỹ thuật tại thực địa định kỳ 6 tháng/lần. Ngoài ra, CCSPFC thường xuyên giữ liên lạc qua điện thoại, email với ban quản lý dự án địa phương để có những hỗ trợ kịp thời.</p> <p>- Hoạt động 6: Tổ chức tuyên truyền về Luật môi trường và thông tin về hoạt động dự án định kỳ (3 tháng/lần) qua hệ thống loa phát thanh xã và 1 phóng sự phát sóng trên truyền hình huyện và tỉnh về hoạt động dự án nhằm phổ biến và nhân rộng mô hình hiệu quả ra toàn huyện Sơn Hà và tỉnh Quảng Ngãi. Dự kiến thời gian phát sóng vào cuối năm 1 của dự án.</p>
--	--	--

		- Hoạt động 7: Tổ chức một hội thảo tổng kết dự án năm 1 và thảo luận kế hoạch duy trì, nhân rộng mô hình dự án sang các năm tiếp theo.
	Nguyễn Ngọc Sinh	
236	<p>“Bảo tồn và nhân rộng cây Mai vàng Yên Tử tỉnh Bắc Giang”</p> <p>Hội làm vườn tỉnh Bắc Giang</p> <p>Kinh phí: Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện dự án: 1.500.000.000</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP : 1.100.000.000</p>	
	Nguyễn Ngọc Lung	
237	<p>“Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình Chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh học, tại tỉnh Sơn La”</p> <p>Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Sơn La</p> <p>Kinh phí: Tổng kinh phí: Tổng số: 2,2 tỷ đồng Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1,2 tỷ</p>	

	đồng	
	Hồ Ngọc Hải	

Ý TƯỞNG DỰ ÁN KHÔNG HỢP LỆ

STT	Tên dự án	Mô tả tóm tắt dự án
1	<p>Điều tra thống kê phân loại các sinh vật xâm hại, biến đổi gen trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, đề xuất biện pháp khống chế</p> <p>Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Quảng Bình.</p> <p>Tổng kinh phí 1.098.000.000 GEF SPG</p>	<p>a. Mục tiêu của đề án: Thiết lập danh mục các sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và đề xuất các biện pháp khống chế, khắc phục đối với các sinh vật ngoại lai xâm hại, biến đổi gen này nhằm thực hiện công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của tỉnh.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện các loài ngoại lai xâm hại - Định lượng được phạm vi hoạt động, khả năng lây lan của chúng đồng thời đã đề xuất những định hướng cụ thể các biện pháp phòng ngừa và khống chế cho địa phương <p>c. Các hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập và kế thừa các thông tin liên quan đến đề án. - Điều tra khảo sát, thu thập thông tin về các loại sinh vật xâm hại, sinh vật biến đổi gen hiện có trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. - Quan trắc, lấy mẫu phân tích. - Xây dựng bản đồ kỹ thuật số xác định phạm vi và mức độ ảnh hưởng của các loài sinh vật xâm hại, biến đổi gen. - Xử lý các thông tin điều tra khảo sát, lấy mẫu phân tích tiến hành viết báo cáo môi trường và biện pháp quản lý, khống chế các sinh vật xâm hại biến đổi gen trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. - Hội thảo xin ý kiến chuyên gia. - Viết báo cáo tổng kết đề án và nghiệm thu cấp cơ sở. - Nghiệm thu cấp quản lý.
2	<p>Hỗ trợ kỹ thuật giữ giống, nuôi thả Cánh kiến đỏ, chế biến Shellac và sản xuất bao bì tự hủy thân thiện môi trường</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty đã thiết lập sự tham gia của cộng đồng, tạo mối liên kết giữa Doanh nghiệp và nông dân là mắt xích quan trọng của quá trình sản xuất, giúp người nông dân có thêm việc làm và thu nhập, vừa góp phần bảo tồn tri thức bản địa và đa dạng sinh học, vừa phát triển kinh tế xã hội vùng cao, bảo vệ, phát triển bền vững rừng phòng hộ đầu nguồn, phù hợp với định hướng chiến lược của địa phương.

	<p>Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Thành Công</p> <p>Tổng kinh phí 5.250.000.000 GEF SGP</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cơ sở sơ chế CKĐ tại cộng đồng, nhằm nâng cao tỷ lệ chế suất sặng kiến thành shellac và đảm bảo chất lượng shellac xuất khẩu, giảm thiểu hao phí. - Tiếp cận thị trường trong nước và nước ngoài để tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm chế biến từ CKĐ. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Công ty tiếp tục duy trì mô hình ở các xã tại huyện Quan Hóa, Quan Sơn và sẽ đầu tư nhân rộng. Vì nghề truyền thống được bắt nguồn từ địa phương này và thổ nhưỡng khí hậu ở đây phù hợp với việc nuôi thả cánh kiến.</p> <p>Dự kiến, sẽ có 200 ha rừng Đậu thiều được trồng mới; cải tạo và trẻ hoá 150 ha rừng Cọ phèn mọc tập trung, 70 ha rừng Cọ pấu, Pich niêng, Sung ngon mọc phân tán được khoanh nuôi cho thả CKĐ.</p> <p>Xây dựng cơ sở sơ chế sặng kiến tại cộng đồng để giảm thiểu hao phí sau thu hoạch.</p> <p>Liên kết với các nhà cung cấp dịch vụ được sử dụng là cơ quan khoa học Lâm Nghiệp ở Trung ương, các chuyên gia đầu ngành về cánh kiến đỏ, các cán bộ kỹ thuật địa phương. Các cơ sở nhập khẩu và sản xuất thiết bị chế biến nông lâm sản trong nước...</p> <p>Khi Công ty phát triển, đồng nghĩa với việc đồng bào các dân tộc miền núi sẽ có điều kiện mở rộng và phát triển nghề nuôi thả CKĐ - nghề mà ông cha họ đã dày công gây dựng từ bao đời, tạo thêm việc làm và thu nhập đáng kể từ nguồn lợi rừng cho người dân. Sản phẩm CKĐ có cơ hội phục vụ người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu sang thị trường nhiều nước trên thế giới.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để thực hiện ý tưởng dự án, Công ty kết hợp với chính quyền, các tổ chức ở địa phương, quần chúng nhân dân, thiết lập sự tham gia của cộng đồng, mở các lớp tập huấn hướng dẫn tận tình cho người nông dân vùng cao nhằm nâng cao nhận thức liên quan đến lợi ích của chính họ (có việc làm, thu nhập ổn định) cũng như với thiên nhiên (bảo vệ và phát triển bền vững rừng phòng hộ đầu nguồn). - Hỗ trợ kỹ thuật nuôi thả, giữ giống CKĐ, chăm sóc phòng bệnh các loại cây chủ, mở rộng vùng sản xuất CKĐ, dự đoán thời điểm thu hoạch và bảo quản nhằm nâng cao năng suất cũng như thu nhập mang lại cho bà con dân tộc vùng
--	---	--

		<p>cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng vườn ươm giữ giống đạt chất lượng cao nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng CKĐ. - Xây dựng cơ sở sơ chế sắn kiến ngay tại cộng đồng nhằm đảm bảo chất lượng Shellac và giảm thiểu hao phí. - Tiếp cận thị trường trong nước và nước ngoài để tiêu thụ sản phẩm chế biến từ cánh kiến đỏ thân thiện môi trường. <p>Mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm đối tác cũng như các nhà đầu tư, từ đây mở rộng vùng nuôi thả CKĐ, tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào để mở rộng sản xuất các sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm của Công ty.
3	<p>Tăng cường chăn nuôi sạch để giảm nghèo và giảm ô nhiễm môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu tại tỉnh Quảng Trị</p> <p>Viện Tài chính Vi mô và Phát triển Cộng đồng</p> <p>Tổng kinh phí: 980.000.000 GEF SGP: 960.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Dự án “Tăng cường chăn nuôi sạch để giảm nghèo và giảm ô nhiễm môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu tại tỉnh Quảng Trị” được đề xuất bởi MACDI nhằm mục đích tạo cơ hội về kinh tế tài chính cho cá hộ gia đình dân tộc thiểu số và giảm ô nhiễm môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cá nhân/ hộ gia đình/ nhóm người dân tộc thiểu số có thể vận dụng kiến thức MACDI cung cấp vào quá trình sản xuất, kinh doanh thực tế tại địa phương; - Các hộ gia đình/ nhóm/ tổ chức do người dân tộc thiểu số lãnh đạo có thêm năng lực tài chính vi mô trong việc thay đổi cách thức sản xuất trong gia đình, trong nhóm sản xuất, xây dựng cuộc sống gia đình, ấm no ngay tại mảnh đất quê hương mình; - Môi trường giảm bớt ô nhiễm, phát thải khí nhà kính giảm; - Năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số được tăng cường. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch dự án - Điều tra nhu cầu khách hàng - Tập huấn lý thuyết - Cho vay chăn nuôi sạch - Thu hồi vốn và lãi - Đánh giá dự án
4	<p>Dự án xây dựng, cải tạo và bảo tồn khu suối nước nóng khoáng Vĩnh Thạnh</p>	<p>a. Mục tiêu của dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngăn chặn sự ô nhiễm nước. Kiểm soát việc sử dụng nguồn nước một cách hợp lý kết hợp với phương pháp bảo vệ và cải tạo nhằm sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên này.

	<p>Công ty Cổ phần Chí Tín</p> <p>Tổng kinh phí: 26.257.502.000 GEF SGP: 1.052.750.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát huy tối đa hiệu quả của Suối nước nóng khoáng như là chữa các bệnh da dày, ghẻ lở, phong thấp; nước khoáng uống sinh hoạt hàng ngày... Bên cạnh đó góp phần tăng thu nhập từ hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng. - Giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo, sinh kế bền vững. - Kêu gọi các tổ chức trong và ngoài nước chung tay xây dựng, góp phần bảo vệ môi trường, xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy phát triển bền vững. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, bảo tồn và sử dụng hiệu quả nguồn nước nóng khoáng từ thiên nhiên mang lại lợi ích cho địa phương. - Tạo lập được được sự cân bằng của hệ sinh thái. - Hình thành khu du lịch sinh thái mới trên địa bàn huyện, phục vụ cho khách quan du lịch, nghỉ ngơi, thư giãn. - Góp phần thay đổi bộ mặt địa phương. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy hoạch khu Suối nước nóng khoáng kiến tạo lại môi trường sinh thái. - Trồng cây xanh ven bờ kè, bảo vệ suối. - Đăng ký cơ sở đạt tiêu chuẩn môi trường, sản phẩm thân thiện với môi trường. - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường. - Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất thiết bị, dụng cụ bảo vệ môi trường; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thân thiện với môi trường; cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường. - Phát triển các hình thức tự quản và tổ chức hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường của cộng đồng dân cư. - Tuyên truyền, giáo dục và vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.
5	Bảo tồn bền vững hệ sinh thái Dầu cát	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Bảo tồn bền vững hệ sinh thái rừng thưa cây họ Dầu đặc hữu</p>

	<p>(Dipterocarpaceae) thông qua việc đồng quản lý tài nguyên có sự tham gia của cộng đồng tại khu bảo tồn thiên nhiên Tà Káu.</p> <p>Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Tà Káu</p> <p>Tổng kinh phí: 1.432.240.000 GEF SGP: 1.042.000.000</p>	<p>ven biển Nam Trung Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Làm giảm cường độ khai thác dần tiến đến chấm dứt hẳn tình trạng khai thác nhựa dầu để bảo tồn nguyên vẹn loài cây Dầu cát. Loài đặc hữu của khu vực Nam Trung Bộ.</i> - <i>Hỗ trợ sinh kế cho hộ dân nghèo có đời sống phụ thuộc vào rừng thông qua việc Đồng quản lý tài nguyên thiên nhiên và hỗ trợ sinh kế để giảm áp lực lên việc khai thác nhựa dầu, các loài LSNG khác bằng tuyên truyền vận động, tập huấn khai thác bền vững và hỗ trợ thực hiện những mô hình phát triển LSNG tại vườn nhà để tăng thu nhập cho người dân xung quanh khu bảo tồn.</i> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những hộ dân có đời sống phụ thuộc vào việc khai thác nhựa dầu được thành lập thành từng nhóm mỗi nhóm 10 người cùng với cán bộ BQL tuần tra bảo vệ trong khu vực và được hưởng hỗ trợ tuần tra bằng ngày công lao động theo thời giá tại địa phương có thêm thu nhập từ 500.000 – 600.000/tháng. Các khu vực có cây Dầu tập trung không bị khai thác nhựa dầu. - Hạn chế và tiến đến chấm dứt tình trạng khai thác nhựa dầu, từng bước phục hồi cây dầu ở khu BTTN Tà Káu. - Những hộ dân này được tập huấn phương pháp và kỹ thuật khai thác bền vững một số loài LSNG có tiềm năng trong khu bảo tồn cùng tiến hành thu hái giống và chuẩn bị gieo tạo phục vụ cho chính bản thân của họ. - 100 hộ nghèo có đời sống phụ thuộc vào việc khai thác nhựa dầu có thu nhập ổn định từ việc tham gia thực hiện vườn hộ tại nhà. Cây Dầu cát được bảo vệ bền vững. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các cuộc họp với các bên liên quan: Hộ khai thác nhựa dầu, một số hộ khác có đời sống phụ thuộc hoàn toàn vào rừng, Chính quyền địa phương, BQL khu BTTN Tà Káu. (các cuộc họp trên lồng ghép nội dung tuyên truyền về vai trò, chức năng, tầm quan trọng của rừng, đặc biệt hướng đến việc đồng quản lý tài nguyên). - Thành lập những tổ, nhóm để tham gia trực tiếp tuần tra bảo vệ rừng trong 2 năm có cán bộ BQL cùng tiến hành tuần tra. - Tập huấn khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững. Trong đó hướng dẫn người dân cách thu hái và tạo giống để chuẩn bị cho việc nhân giống và thực hiện mô hình. Có sự tham gia của những hộ dân đã có kinh nghiệm trong giai đoạn trước.
--	--	--

		<p>Đồng thời mời thêm tư vấn chuyên gia trong lĩnh vực LSNG để hướng dẫn các phương pháp khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững.</p> <p>- Nhân rộng mô hình đang thí điểm tại Tà Kóu là mô hình trồng Sâm Nam và khoai mài (cả hai mô hình này không cần diện tích lớn chỉ cần 300 - 400 m² là có thể triển khai thực hiện được. Đã có những mô hình thí điểm đem lại hiệu quả cao. Nguồn giống có sẵn tại địa phương. Không đòi hỏi kỹ thuật cao. Đã có thị trường đầu ra ổn định trong nhiều năm. Đặc biệt là kinh phí thực hiện mô hình không nhiều khoảng 5.000.000 đồng/hộ)</p>
6	<p>Tăng cường năng lực cộng đồng các dân tộc 4 huyện vùng núi phía Tây Nghệ An khai thác hợp lý tài nguyên khí hậu - đất- nước trong sản xuất nông, lâm nghiệp góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững, trong bối cảnh biến đổi khí hậu.</p> <p>Viện Nghiên cứu Biến đổi toàn cầu và Phát triển bền vững</p> <p>Tổng kinh phí: 1.250.000.000 GEF SGP: 1.050.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về BĐKH, thực trạng BĐKH, lồng ghép BĐKH trong quản lý đất- nước - khí hậu - cây trồng, vật nuôi ở địa phương và ứng dụng các thông tin khí hậu, khí hậu nông nghiệp vào quản lý chỉ đạo sản xuất nông lâm nghiệp ở vùng núi Tây Nam tỉnh Nghệ An; - Đánh giá được tài nguyên khí hậu nông nghiệp, phân định các tiểu vùng khí hậu nông nghiệp của địa phương và xây dựng cơ cấu mùa vụ cây trồng, lịch thời vụ thích nghi, giảm nhẹ tác động của BĐKH và thiên tai ở vùng núi Tây nam tỉnh Nghệ An. - Xây dựng được một số mô hình thực nghiệm về lịch thời vụ và công thức luân canh cây trồng thích ứng với BĐKH có ứng dụng thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp tháng vào quản lý chỉ đạo sản xuất nông nghiệp. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập báo cáo đánh giá tài nguyên KHNN trong đó có đánh giá tác động của khí hậu, thiên tai đối với SXNLN địa phương và phân định các tiểu vùng KHNN của 4 huyện tỷ lệ 1/25000 theo công nghệ GIS; - Đánh giá thực trạng BĐKH và kịch bản BĐKH địa phương; - Xây dựng và điều chỉnh lịch thời vụ và cơ cấu luân canh cây trồng theo điều kiện khí hậu- đất, kịch bản BĐKH và kiến thức bản địa; - Bản tin thử nghiệm về thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp địa phương - Một số mô hình về lịch thời vụ và công thức luân canh cây trồng thích ứng với BĐKH được áp dụng vào thực tế và nhân rộng, có sự đóng góp của các bản tin thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp - Tài liệu tập huấn nâng cao nhận thức về BĐKH và thực trạng

		<p>BĐKH địa phương ảnh hưởng của BĐKH đến kinh tế - xã hội (KTXH) nói chung, xói mòn thoái hóa đất, cạn kiệt nguồn nước và sản xuất nông lâm nghiệp (SXNLN) nói riêng cho cộng đồng các dân tộc miền núi phía Tây Nam tỉnh Nghệ An.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng các đối tác và các cán bộ địa phương có liên quan tham gia khảo sát thực địa, thu thập các số liệu về hiện trạng SX nông lâm nghiệp, sinh kế của cộng đồng. Thu thập các số liệu khí tượng trong khu vực nghiên cứu và các vùng lân cận; - Đánh giá thực trạng BĐKH và chi tiết hóa kịch bản BĐKH cho 4 huyện; - Đánh giá tài nguyên khí hậu nông nghiệp, phân định các tiểu vùng khí hậu nông nghiệp trong bối cảnh BĐKH; - Nghiên cứu đề xuất cơ cấu cây trồng, lịch thời vụ phù hợp với điều kiện khí hậu nông nghiệp, kịch bản BĐKH địa phương và kiến thức bản địa; - Xây dựng mỗi huyện 2 mô hình trình diễn triển khai trong 3 vụ liên tiếp về lịch thời vụ và công thức luân canh cây trồng vật nuôi thích ứng với BĐKH và theo tư vấn của bản tin thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp tháng. - Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức, hướng dẫn sử dụng, bàn giao kết quả nghiên cứu.
7	<p>Cống thoát lũ và ngăn mặn số 2, thôn 4, xã Bình Giang, huyện Thăng Bình</p> <p>Ban Quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thăng Bình</p> <p>Tổng kinh phí : 1.325.360.000</p> <p>GEF SGP: 1.053.500.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>* Mục tiêu trước mắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường khả năng thoát lũ, tiêu úng; ngăn mực nước biển dâng và triều cường; hạn chế xâm nhập mặn cho khu vực thôn 4, xã Bình Giang với diện tích gần 80 ha đất sản xuất nông nghiệp; đồng thời, nhằm đảm bảo an toàn cho khoảng 2.340 người dân, đảm bảo an toàn dân sinh và kinh tế trong khu vực; - Ổn định về tâm lý để người dân an tâm sinh hoạt và sản xuất của cải vật chất; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong lao động sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo; - Tạo mối liên kết trong phát triển kinh tế nội bộ vùng, thông qua các chương trình hợp tác phát triển giữa các xã trong vùng; <p>* Mục tiêu lâu dài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo kết cấu hạ tầng đồng bộ để phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và giao lưu giữa vùng nông thôn huyện Thăng Bình và các huyện lân cận; tạo điều kiện nâng cao đời sống nhân dân, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa vùng thành thị với vùng nông thôn và miền núi;

		<ul style="list-style-type: none"> - Tạo cơ sở hạ tầng chiến lược cho sự phát triển kinh tế của địa phương, thu hút đầu tư trên các lĩnh vực công nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng tích cực; - Xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng nông thôn một cách bền vững, gắn phát triển với bảo vệ cảnh quan, môi trường và nguồn nước <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>Sau khi dự án hoàn thành sẽ mang lại kết quả rất khả quan cho dân sinh và kinh tế trong khu vực; cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường khả năng thoát lũ, tiêu úng; ngăn mực nước biển dâng và triều cường; hạn chế xâm nhập mặn cho khu vực thôn 4, xã Bình Giang với diện tích gần 80 ha đất sản xuất nông nghiệp; - Đảm bảo an toàn cho tính mạng và tài sản của 620 hộ gia đình với khoảng 2.340 người dân; trong đó, có khoảng 110 hộ nghèo. <p>Kết quả chung về kinh tế- xã hội của khu vực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân cả giai đoạn 2011-2015 tăng 16,13% năm. - Thu ngân sách từ phát sinh kinh tế trên địa bàn tăng bình quân hằng năm 10-12%. - Thu nhập bình quân đầu người đạt xấp xỉ 1.000 USD. - Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm từ 2-3% <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <p><i>* Điều tra:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu khí tượng thủy văn trong khu vực và các vùng lân cận; - Tình hình dân sinh kinh tế trong vùng hưởng lợi của công trình; - Tác động có ảnh hưởng đến môi trường sinh thái trong khu vực; - Các tài liệu công trình công cộng có liên quan đến khu vực có công trình như: Giao thông, năng lượng, thông tin liên lạc; - Các điều kiện xây dựng công trình và các nguồn vật liệu xây dựng tại chỗ như đá, cát, sỏi ... - Định hướng và chiến lược phát triển của địa phương tại khu vực; - Nghiên cứu bản đồ 1/10.000, 1/25.000 Quốc gia hiện có. <p><i>* Khảo sát:</i></p> <p>Khảo sát địa hình khu vực dự án, bao gồm: đo vẽ bình đồ hiện trạng khu vực xây dựng công trình...</p> <p><i>* Các hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng khác:</i> bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình; - Thẩm tra thiết kế, dự toán;
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn nhà thầu thi công: lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; - Giám sát thi công xây dựng; - Kiểm định chất lượng công trình; - Đánh giá tác động môi trường. <p><i>* Quản lý dự án đầu tư xây dựng</i></p> <p><i>* Thi công xây dựng công trình</i></p> <p><i>* Các hoạt động khác:</i> bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định thiết kế và dự toán; - Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công; - Kiểm toán; - Thẩm tra phê duyệt quyết toán.
8	<p>Nâng cao công tác truyền thông bảo vệ môi trường các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long</p> <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LUẬT</p> <p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000 GEF SGP</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p><i>* Mục tiêu chung</i></p> <p>Góp phần nâng cao công tác bảo vệ môi trường tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long bằng công cụ truyền thông cộng đồng.</p> <p><i>*Mục tiêu cụ thể</i></p> <p>(1) Thu thập và phổ biến kiến thức bảo vệ môi trường cho người dân, cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp trong vùng một cách hiệu quả</p> <p>(2) Xây dựng các chiến lược quy hoạch đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường</p> <p>(3) Quy tắc phối hợp quản lý môi trường đối với các cơ quan quản lý nhà nước cấp quận/huyện, xã/phường</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>(1) Các chương trình truyền thông cộng đồng về BVMT</p> <p>(2) Đưa ra quy tắc đánh giá dự án tác động môi trường trong phê duyệt đầu tư</p> <p>(3) Kế hoạch tổng thể đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại một số địa phương trọng điểm.</p> <p>(4) Nguyên tắc quản lý và xử lý về BVMT tại các địa phương</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>(1) Thu thập và phổ biến kiến thức bảo vệ môi trường cho người dân, nhà quản lý và doanh nghiệp</p>

		<p>(2) Xây dựng các chiến lược quy hoạch đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường</p> <p>(3) Quy tắc quản lý môi trường đối với các cơ quan quản lý nhà nước cấp quận/huyện, xã/phường</p>
9	<p>Thí điểm thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích nhằm sử dụng bền vững tài nguyên rừng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học và cải thiện sinh kế cho cộng đồng tại VQG Bến En- Như Thanh- Thanh Hóa.</p> <p>Vườn Quốc Gia Bến En</p> <p>Tổng kinh phí: 1.320.000.000 GEF SPG: 1.050.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Dự án được thực hiện nhằm chia sẻ nhưng lợi ích từ lâm sản ngoài gỗ, các dịch vụ môi trường và lợi ích khác trong rừng của VQG cho người dân trong cộng đồng để giảm bớt khó khăn, nâng cao đời sống kinh tế, đồng thời nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong công tác quản lý bảo vệ rừng, góp phần sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên rừng và nâng cao hiệu quả của công tác bảo tồn đa dạng sinh học của VQG Bến En</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mọi người dân trong vùng lõi và vùng đệm của VQG Bến En đều được hưởng thụ một cách công bằng các lợi ích từ VQG mà không làm ảnh hưởng đến việc bảo tồn đa dạng sinh học. - Giảm thiểu các hành vi vi phạm lâm luật trong cộng đồng dân cư. - Bảo tồn được các hệ sinh thái, các loài sinh vật hiện có của VQG và xúc tiến tốt quá trình tái sinh, phục hồi rừng tại tất cả các phân khu chức năng của VQG - Xây dựng được 35 mô hình sản xuất ít phụ thuộc vào đất đai và tài nguyên rừng để giúp người dân thoát nghèo. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 35 cuộc họp thôn, bản để xây dựng Thỏa thuận sử dụng tài nguyên rừng tại 35 thôn vùng lõi và giáp ranh - Tổ chức Hội nghị ký kết và ban hành Thỏa thuận - Thành lập các tổ giám sát, tổ bảo vệ cấp thôn và duy trì hoạt động của các tổ này để nâng cao hiệu quả thực hiện thỏa thuận cũng như hiệu quả trong công tác bảo vệ và phát triển rừng - Xây dựng các mô hình chăn nuôi động vật hoang dã thông thường, mô hình trồng cây đa tác dụng và đào tạo nghề cho những người có nhu cầu trong cộng đồng.
10	<p>Quản lý bền vững khu rừng nguyên sinh Rú Lệnh, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị dựa vào vai trò bảo vệ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao sự hiểu biết của người dân một cách sâu sắc về vai trò và giá trị của khu rừng đối với cuộc sống của nhân dân và khoa học. - Quản lý rừng dựa vào mô hình cộng đồng.

	<p>của cộng đồng địa phương</p> <p>Trung tâm Khoa học công nghệ Quảng Trị-Viện Tài nguyên, Môi trường và Phát triển bền vững tại thành phố Huế.</p> <p>Tổng kinh phí 1.300.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao ý thức của người dân trong công tác trồng và bảo vệ rừng. - Xây dựng được vườn ươm tại chỗ cho nhân dân hai xã. - Xuất bản sách về thông tin cơ bản, và thành phần loài động - thực vật ở Rú Lịnh. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>c.1. Nâng cao ý thức của người dân trong vùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành 03 lớp tập huấn về vai trò của rừng trong biến đổi khí hậu và đối với cuộc sống con người. - Tổ chức các hoạt động trồng rừng ở khu vực vành đai. Trồng dặm một số loại cây bản địa phù hợp vào diện tích đất trồng tràm quanh rú 18,85 ha. <p>c.2. Xây dựng vườn ươm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn mặt bằng phù hợp và xây dựng vườn ươm diện tích 100 m², chọn điểm gần khe suối thuận lợi cho việc chăm sóc. - Tổ chức 03 lớp tập huấn kỹ thuật ươm cây rừng. Cung cấp cho người dân các kiến thức cơ bản về nhân giống và chăm sóc cây con trước đem trồng. <p>c.3. Xuất bản sách cung cấp thông tin tuyên truyền về rú Lịnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra bổ sung thành phần loài động - thực vật ở rú lịnh. - Biên tập và xuất bản ấn phẩm sách: "Đa dạng sinh học rừng sinh thái Rú Lịnh"
11	<p>Nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị của thảm thực vật tự nhiên tại vùng cát ven biển làng Linh An, xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị</p> <p>Trung tâm Khoa học công nghệ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Với mục đích nâng cao nhận thức của cộng đồng làng Linh An, vận động cộng đồng ở lại với làng sinh thái lập nghiệp, dự án cần đạt được 2 mục tiêu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu 1: Tập huấn nâng cao hiểu biết của cộng đồng về giá trị đa dạng sinh học và vai trò của thảm thực vật tự nhiên vùng cát nói chung và vai trò đối với phòng ngừa giảm thiểu tác động của BĐKH nói riêng thông qua các cuộc hội thảo, hội họp, tập huấn - Mục tiêu 2: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sinh kế cho cộng đồng ở lại làng sinh thái dựa vào tiềm lực của thảm thực vật tự nhiên, vận động một số hộ trở lại với làng sinh thái.

	<p>Quảng Trị-Viện Tài nguyên, Môi trường và Phát triển bền vững tại thành phố Huế.</p> <p>Tổng kinh phí 1.000.000.000</p> <p>GEF / SGP 900.000.000</p>	<p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50 người dân và cán bộ các đoàn thể hiểu biết những vấn đề cơ bản nhất của biến đổi khí hậu, hậu quả của việc biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến đời sống cụ thể của cộng đồng như thế nào; hiểu biết về vai trò của đa dạng sinh học và các thảm thực vật tự nhiên trong việc phòng chống và ứng phó với biến đổi khí hậu. Từ đó, cộng đồng có đủ khả năng (kiến thức và kỹ năng) để chủ động bảo vệ và phát triển - Mô hình trồng và sản xuất tinh dầu cây sả chanh (<i>Cymbopogon</i> spp.) và thu hái lá cây trà tự nhiên (<i>Melaleuca cajuputi</i>), cây chổi xể tự nhiên (<i>Baeckea frutescens</i> L) để chiết xuất tinh dầu cho cộng đồng sống tại làng sinh thái. Vận động được 50% số hộ ở lại làng sinh thái. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <p>Mục tiêu 1:</p> <p>Hoạt động 1: Hội thảo, hội họp theo nhóm đối tượng, theo chủ đề dưới hình thức thảo luận, hỏi đáp, chia sẻ tại thôn xóm và tại Văn phòng HTX; hội thảo chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm đối tượng: cộng đồng dân cư sống tại làng sinh thái; cán bộ các cấp (gồm Ban chủ nhiệm HTX, trưởng làng, trưởng các hội, đoàn) - Các chủ đề: hiểu biết về thảm TVTN, kiến thức bản địa về khai thác và bảo vệ rú cát; những mong muốn về phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư làng sinh thái - Mỗi chủ đề có 2 cuộc hội thảo cho hai nhóm đối tượng. (Thời gian 1 ngày/hội thảo) - Một hội thảo chung cho cả hai chủ đề, thảo luận giá trị, vai trò của thảm TVTN ở Linh An; các mong muốn về sinh kế để giúp cộng đồng bám trụ với làng sinh thái. Thời gian 1 ngày) <p>Hoạt động 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra bổ sung, đánh giá thực trạng thảm TVTN rú cát và vùng cát hoang hóa ven biển tại làng Linh An - Đánh giá giá trị của thảm thực vật tự nhiên về giá trị đa dạng sinh học và khả năng thích nghi và ứng phó đối với biến đổi khí hậu vùng ven biển - Tổ chức 2 đợt thực địa, vào mùa nắng hạn và mùa ngập úng, mỗi đợt 3 ngày, cho 6-10 thành viên là các cán bộ chuyên ngành liên quan; lãnh đạo địa phương và 2-3 người dân địa phương <p>Hoạt động 3:</p>
--	--	--

		<p>- Xây dựng bộ tài liệu tập huấn trên cơ sở tổng hợp các kết quả của hoạt động 1 và 2, với các nội dung: giá trị đa dạng sinh học và vai trò của thảm thực vật tự nhiên bản địa; các kiến thức bản địa về thảm TVTN vùng cát làng Linh An; các mô hình phát triển sinh kế có thể áp dụng cho vùng cát</p> <p>- Biên soạn 01 bộ tài liệu đầy đủ các thông tin theo yêu cầu, dễ hiểu và phù hợp trình độ dân trí người dân; in 500 tờ rơi về các đối tượng nghiêm cấm chặt bỏ và phải bảo vệ tuyệt đối; và 50 cuốn sổ tay về một số nội dung chính trong công tác bảo vệ và phát triển thảm TVTN, cung cấp cho các nhóm đối tượng tham gia dự án.</p> <p>Hoạt động 4:</p> <p>- Tập huấn nâng cao hiểu biết cho các nhóm đối tượng tham gia dự án gồm 30 hộ đã và đang sống tại làng sinh thái; các cán bộ là lãnh đạo của các hội, đoàn và Ban chủ nhiệm HTX Linh An (20 người)</p> <p>- Tổ chức 3 lớp tập huấn cho 2 nhóm đối tượng tham gia dự án. Nhóm 1 được tổ chức thành 2 lớp và nhóm 2 tổ chức 1 lớp. Thời gian mỗi lớp 3 ngày</p> <p>Mục tiêu 2:</p> <p>Hoạt động 1: Xây dựng mô hình chiết xuất tinh dầu</p> <p>- Khoanh vùng trồng sả dầu trên 5ha vùng cát, trồng xen trong các rừng nhân tạo và tự nhiên</p> <p>- Hướng dẫn khai thác bền vững nguồn lá cây trầm dầu tự nhiên và cây chổi xể tại các rú cát, các vùng diễn thế, bán ngập</p> <p>- Hướng dẫn kỹ thuật chiết xuất tinh dầu sả và tinh dầu trầm, chổi xể cho các hộ dân ở lại làng sinh thái</p> <p>Hoạt động 2: Tổ chức sản xuất tinh dầu</p> <p>- Xây dựng 02 lò chiết xuất tinh dầu trầm, chổi xể và sả</p> <p>- Thành lập tổ sản xuất gồm tổ trưởng; phụ trách tài chính; kỹ thuật; phụ trách marketing; và các tổ viên</p> <p>- Xây dựng quy chế hoạt động cho tổ sản xuất</p> <p>Hoạt động 3: Xây dựng thị trường cho sản phẩm tinh dầu của làng sinh thái Linh An</p> <p>- Xây dựng mẫu mã, đăng ký chất lượng và nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm tinh dầu Linh An</p> <p>- Tiếp cận thị trường, tiếp thị và quảng bá sản phẩm</p> <p>Hoạt động 4: Xây dựng cam kết cho các hộ ở lại làng sinh thái</p>
12	Bảo vệ môi trường sử dụng hiệu quả tài	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Phát triển cây xanh đô thị, bảo vệ môi trường sống, tận dụng</p>

	<p>nguyên đất</p> <p>Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 5.000.000.000</p> <p>GEF SGP : 1.000.000.000</p>	<p>được tài nguyên đất và giáo dục cho người dân, các tổ chức biết trân trọng, biết yêu từng cây xanh trong đô thị.</p> <p>b. Kết quả dự kiến: Sẽ không còn đất bỏ hoang ở những khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp,... mới hoặc đã được xây dựng, nhưng chưa có nhà đầu tư, chưa có người mua xây dựng công trình.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: - Thiết kế, đầu tư xây dựng vườn cây điển hình chuyên phục vụ cho phát triển đô thị (bằng phương pháp chiết cành hoặc ươm hạt, không sử dụng việc bứng cây rừng về trồng). Trên cơ sở nguồn vốn hỗ trợ của dự án, cơ quan làm chủ dự án chọn một số hạng mục cơ bản để thực hiện trên một diện tích đất phù hợp, các hạng mục khác và đất đai Nhà nước địa phương thực hiện. Vườn cây mang tính điển hình để được nhân rộng ở các địa phương. Khi nhân rộng ra các địa phương, ngoài nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước với một tỷ lệ nhỏ, còn có vốn của tư nhân đầu tư. Nguồn vốn đầu tư của tư nhân là chính. - Xây dựng một quy chế bắt buộc, người dân, các tổ chức xã hội, nhà đầu tư mua đất, thuê đất, trong vòng 02 - 03 tháng mà chưa xây dựng công trình thì phải trồng cây trên diện tích đất của mình bằng giống cây và đơn giá được chính quyền cấp tỉnh quyết định, cây được đánh số và đưa vào lưu trữ. Nếu người sử dụng đất muốn xây dựng công trình trên diện tích đất của mình thì báo cho cơ quan được chỉ định đến bứng đi chăm sóc hoặc chuyển cho chủ của lô đất khác,... Xây dựng một quy trình chặt chẽ để bảo vệ cây xanh và những chi phí từ việc mua cây, trồng cây, trả lại chi phí cho người chủ khác, việc xử phạt,...</p>
13	<p>Góp phần bảo tồn và phát triển quỹ gen Tùng Yên Tử (Hoàng đàn giả <i>Dacrydium pierrei</i>) tại khu di tích Yên Tử – Uông Bí – Quảng Ninh</p> <p>Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc</p>	<p>a. Mục tiêu của dự án * Mục tiêu chung: - Góp phần bảo tồn và phát triển nguồn gen của loài cây quý đồng thời bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng của rừng Quốc gia Yên Tử. - Làm cơ sở để nhân giống rộng rãi loài cây này tại những địa phương nó phân bố trong cả nước. * Mục tiêu cụ thể: - Nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên rừng và Tùng Yên Tử nói riêng. - Xây dựng kỹ thuật nhân giống Tùng Yên Tử bằng phương pháp giâm hom. - Xây dựng quy trình kỹ thuật làm giàu rừng bằng cây Tùng</p>

	<p>Tổng kinh phí: 1.400.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>Yên Tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình bảo vệ và phát triển Tùng Yên Tử chuyển giao cho Ban quản lý rừng Quốc gia Yên Tử. <p>b. Các hoạt động chính của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hoạt động cho mục tiêu thứ nhất:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức đánh giá lại hiện trạng và phân bố cây Tùng Yên Tử. + Tổ chức hội thảo, tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân trong việc bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng và cây Tùng Yên Tử. + Xây dựng pano, tờ rơi về bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng và cây Tùng Yên Tử để tuyên truyền cho du khách thập phương khi đến với Yên Tử. + Xây dựng nội dung tuyên truyền bảo vệ và phát triển rừng để phát trên hệ thống loa của khu di tích Yên Tử nhân dịp lễ hội, khi có khách thập phương đến thăm quan. + Xây dựng nội dung tuyên truyền bảo vệ môi trường cảnh quan khu di tích Yên Tử cho người dân địa phương và du khách khi đến với lễ hội Yên Tử. - <i>Hoạt động cho mục tiêu thứ hai:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Mở lớp tập huấn cho các hộ gia đình để xây dựng kỹ thuật nhân giống Tùng Yên Tử tại nhà. + Tập huấn cách lựa chọn cây mẹ lấy hom để nhân giống. + Tập huấn cho người dân địa phương chọn địa điểm xây dựng vườn ươm cây giống (vị trí, độ cao, đất đai để xây dựng vườn ươm...). + Xây dựng biện pháp kỹ thuật nhân giống Tùng Yên Tử. - <i>Hoạt động cho mục tiêu thứ ba:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Thử nghiệm nhân giống Tùng Yên Tử bằng phương pháp giâm hom theo nồng độ các chất kích thích ra rễ khác nhau. + Nhân giống khoảng 1000 – 2000 hom + Tìm và nhân giống thử nghiệm Tùng Yên Tử từ hạt (khoảng 200 – 300 cây) + Trồng khoảng 200 cây Tùng Yên Tử dọc theo một số đường đi chính của khu di tích. + Nếu nhân giống thành công sẽ thử nghiệm việc làm giàu rừng bằng cây Tùng Yên Tử tại khu di tích Yên Tử - <i>Hoạt động cho mục tiêu thứ tư:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức hội thảo, hội nghị xây dựng biện pháp kỹ thuật nhân giống Tùng Yên Tử nhằm phục vụ cho việc bảo tồn và phát triển giống cây quý này cho khu di tích Yên Tử nói riêng và cho
--	---	---

		<p>các địa phương có phân bố của cây Hoàng đàn trong cả nước.</p> <p>+ Tổ chức hội thảo xây dựng biện pháp kỹ thuật làm giàu rừng bằng cây Tùng Yên Tử cho cán bộ Ban quản lý rừng Quốc gia Yên Tử</p> <p>- Hoạt động cho mục tiêu thứ năm:</p> <p>Tổ chức các hội nghị đầu bờ để đúc rút, tổng kết kinh nghiệm và chuyển giao.</p> <p>c. Kết quả dự kiến</p> <p>- Số người được đào tạo, nâng cao nhận thức: cán bộ địa phương và người dân là 150 – 200 người (khoảng 10 lớp tập huấn)</p> <p>- Tạo được 1000 – 1500 cây giống Tùng Yên Tử bằng phương pháp giâm hom.</p> <p>- Tạo được khoảng 200 – 250 cây Tùng Yên Tử bằng gieo hạt</p> <p>- Trồng khoảng 200 cây Tùng dọc theo các con đường chính vào khu di tích Yên Tử.</p> <p>- Khi tạo giống thành công sẽ thử nghiệm xây dựng mô hình làm giàu rừng bằng cây Tùng Yên Tử (khoảng 2ha)</p> <p>- Xây dựng quy trình kỹ thuật nhân giống Tùng Yên Tử bằng phương pháp giâm hom.</p> <p>- Xây dựng biện pháp kỹ thuật làm giàu rừng bằng cây Tùng</p>
14	<p>Xây dựng mô hình cộng đồng bảo tồn, phát triển hệ sinh thái rừng núi cao và bảo tồn Pơ mu (<i>Fokienia hodginsii</i> Henry et Thomas) tại khu bảo tồn Tà Xùa – tỉnh Sơn La</p> <p>Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc</p> <p>Tổng kinh phí: 1.350.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu của dự án</p> <p>* Mục tiêu chung:</p> <p>- Góp phần bảo tồn và phát triển hệ sinh thái rừng trên núi cao cho khu BTTN Tà Xùa, Sơn La.</p> <p>- Bảo tồn và phát triển nguồn gen cây Pơ mu (<i>Fokienia hodginsii</i> Henry et Thomas).</p> <p>* Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên rừng và các loài cây quý trong đó có Pơ mu.</p> <p>- Xây dựng tập đoàn cây trồng phục hồi rừng cung cấp Lâm sản ngoài gỗ cho khu vực để người dân lựa chọn để gây trồng trong các mô hình rừng cộng đồng khai thác bền vững.</p> <p>- Xây dựng kỹ thuật phục hồi rừng bằng các loài cây bản địa cung cấp lâm sản ngoài gỗ.</p> <p>- Xây dựng kỹ thuật gây trồng và bảo vệ Pơ mu.</p> <p>b. Các hoạt động chính của dự án</p> <p>- Hoạt động cho mục tiêu thứ nhất:</p> <p>+ Tổ chức đánh giá hệ sinh thái rừng trong khu vực nghiên cứu</p>

		<p>+ Tổ chức đánh giá lại hiện trạng và phân bố cây Pơ mu.</p> <p>+ Tổ chức hội thảo, tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân trong việc bảo tồn, phát triển hệ sinh thái rừng và cây Pơ mu.</p> <p>- Hoạt động cho mục tiêu thứ hai:</p> <p>+ Tập huấn cho cộng đồng dân xây dựng mô hình rừng cộng đồng cung cấp lâm sản bền vững.</p> <p>+ Mở lớp tập huấn cho các hộ gia đình để xây dựng kỹ thuật nhân giống Pơ mu.</p> <p>+ Tập huấn kỹ thuật xây dựng mô hình làm giàu rừng bằng cây Pơ mu.</p> <p>- Hoạt động cho mục tiêu thứ ba:</p> <p>+ Thử nghiệm mô hình rừng cộng đồng bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng với một số loài cây cung cấp lâm sản ngoài gỗ (Táo mèo (<i>Docynia indica</i>), Sa nhân tím (<i>Amomum longiligulare</i> T.L.Wu, Song mật (<i>Calamus platyacanthus</i>) mỗi loài từ 0.5 – 1ha</p> <p>+ Làm giàu rừng bằng Pơ mu trên trạng thái rừng Ic, IIa (mỗi trạng thái từ 0.5 – 1ha)</p> <p>- Hoạt động cho mục tiêu thứ tư:</p> <p>+ Tổ chức hội thảo, hội nghị xây dựng biện pháp kỹ thuật gây trồng nhằm phục vụ cho việc bảo tồn và phát triển giống cây quý.</p> <p>+ Tổ chức hội thảo xây dựng biện mô hình rừng cộng đồng quản lý bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên hiện có.</p> <p>+ Tổ chức hội thảo tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương nơi đây trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng.</p> <p>- Hoạt động cho mục tiêu thứ năm:</p> <p>Tổ chức các hội nghị đầu bờ để đúc rút, tổng kết kinh nghiệm và chuyển giao kỹ thuật cho người dân và cán bộ của khu BTTN.</p> <p>c. Kết quả dự kiến</p> <p>- Số người được đào tạo, nâng cao nhận thức: cán bộ địa phương và người dân là 150 – 200 người</p> <p>- Tạo được 1000 – 2000 cây giống Pơ mu.</p> <p>- Xây dựng mô hình rừng cộng đồng với ba loài cây cho lâm sản ngoài gỗ với diện tích khoảng từ 1.5ha – 3ha</p> <p>- Xây dựng mô hình làm giàu rừng bằng cây Pơ mu với diện tích 1 – 2ha</p> <p>- Xây dựng quy trình kỹ thuật làm giàu rừng bằng cây bản địa</p>
--	--	---

		<p>Pơ mu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình kỹ thuật xây dựng rừng cộng đồng bằng một số loài cây cung cấp lâm sản ngoài gỗ.
15	<p>Mô hình trồng rừng nguyên liệu trên đất thoái hóa sử dụng sỏi gồm xốp tại huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ</p> <p>Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển công nghệ và Tư vấn xây dựng APTCO Việt nam</p> <p>Tổng kinh phí: 50.000 USD</p> <p>GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình trình diễn để người dân tham quan học tập, phát động phong trào trồng rừng sản xuất tại địa phương. - Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trồng rừng sử dụng sỏi gồm xốp giữ ẩm và cung cấp chất dinh dưỡng cho quá trình sinh trưởng và phát triển. Loài cây chủ yếu được lựa chọn là cây nguyên liệu phục vụ cho ngành sản xuất giấy của tỉnh Phú Thọ và một số cây đa tác dụng. - Góp phần nâng cao nhận thức và thu nhập của người dân thông qua các hoạt động trồng rừng, đặc biệt là qua xây dựng mô hình trồng rừng nông lâm kết hợp và cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất giấy. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Xây dựng 2 ha rừng sản xuất sử dụng sỏi gồm xốp với một số loại cây nguyên liệu như bạch đàn, keo lai trên nền đất bị thoái hóa.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Dự án thực hiện gồm 3 giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giai đoạn 1:</i> Kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có về kỹ thuật sử dụng sỏi gồm xốp trồng các loại cây dược liệu, tiếp tục nghiên cứu sử dụng thí điểm sỏi gồm xốp trồng cây nguyên liệu. - <i>Giai đoạn 2:</i> Kết hợp với Hội Nông dân, Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên huyện Tân Sơn tham gia khảo sát lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình trồng rừng sản xuất và chuẩn bị cây giống. - <i>Giai đoạn 3:</i> Sử dụng kỹ thuật gây trồng hoàn toàn mới với sỏi gồm xốp trồng 8 ha mô hình rừng sản xuất trên đất thoái hóa. Tuyên truyền vận động người dân tham gia trồng mới, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng theo đúng tiến bộ kỹ thuật.
16	<p>Xây dựng mô hình trồng bán thâm canh lan kim tuyến (<i>Anoactochilus roxburghii</i>), tăng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Xây dựng mô hình sản xuất cây dược liệu <i>A. roxburghii</i> quy mô thương phẩm thông qua việc nâng cao năng lực sản xuất giống và phát triển công nghệ trồng thâm canh cùng với hạ tầng tương ứng</p>

	<p>thu nhập cho nhân dân vùng núi cao, góp phần giảm khai thác nguồn lợi tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học</p> <p>Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 2.455.000.000</p> <p>GEF SGP : 940.000.000</p>	<p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sản xuất và nhân giống quy mô thương mại (đạt 10.000 cây/tuần) đạt tỷ lệ sống 80% - Cơ sở ươm giống được nâng cấp đạt công suất : 400.000 - 500.000 cây giống/năm đủ cung cấp bước đầu 100 gia đình tham gia dự án ; - Một mô hình công nghệ đồng thời làm nơi tham quan, thực tập trồng bán thâm canh/thâm canh đạt năng suất 0,7-0,8kg/m²/năm - 30 gia đình tham gia trình diễn của dự án có 15-20m² nhà lưới (2 tầng) , thu 15-17 kg cây thương phẩm/năm (thu 17-20tr.), mở rộng thêm 70-75 gia đình (hoặc hơn nữa) cho giai đoạn tiếp theo - Lập mạng lưới cung cấp và thiết lập thị trường ổn định cho sản phẩm <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo vườn ươm của Công ty CP Nông nghiệp công nghệ cao để đạt công suất ươm 40.000-50.000 cây/tháng - Biên soạn tài liệu kỹ thuật hướng dẫn xây dựng nhà lưới , hướng dẫn kỹ thuật nuôi giun và sản xuất phân giun, hướng dẫn kỹ thuật trồng lan kim tuyến bán thâm canh/thâm canh - Đào tạo tập huấn cho 30 gia đình tham gia dự án - Hội nghị trao đổi kinh nghiệm năm, đề xuất phương hướng mở rộng và triển khai cho năm sau - Giám sát kỹ thuật để công nghệ canh tác hữu cơ được thực thi - Tuyên truyền, thông tin - Xây dựng kênh thị trường để ổn định đầu ra
17	<p>Khai thác và bảo vệ nguồn lợi hải sản của cộng đồng Vạn Chài trong điều kiện nước biển dâng” Tổ chức mẫu tại Vạn Hương – Đồ Sơn – Hải Phòng.</p> <p>UBND phường Vạn Hương – Đồ Sơn –</p>	<p>a. Mục tiêu của dự án:</p> <p>* Mục tiêu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường năng lực của địa phương trong việc quản lý, bảo vệ nguồn lợi hải sản, bảo vệ môi trường biển trên cơ sở nâng cao năng lực, trách nhiệm cho cộng đồng Vạn chài trong việc bảo vệ nguồn lợi hải sản, đặc biệt là nguồn hải sản ven bờ. <p>* Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm ra các mô hình, hình thức khai thác, quản lý và phát triển nghề cá ở Vạn Hương một cách thích hợp (Khai thác kết hợp với bảo vệ, tái tạo nguồn lợi hải sản, đa dạng sinh học biển một cách hợp lý) mang lại hiệu quả kinh tế cho ngư dân, khôi phục những ngành nghề truyền thống và phát huy giá trị văn hóa ứng

	<p>Hải Phòng</p> <p>Tổng kinh phí: (không ghi)</p>	<p>xử với biển cả của Vạn Chài Đồ sơn, đồng thời nhằm nâng cao năng lực và sự thích ứng của ngư dân trong điều kiện nước biển dâng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thử nghiệm thành công các mô hình phối hợp giữa tri thức truyền thống, kinh nghiệm và áp dụng khoa học kỹ thuật, các phương pháp mới trong khai thác cá biển một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện nước biển dâng. - Trang bị kiến thức, nâng cao năng lực cho ngư dân về áp dụng khoa học công nghệ, những hình thức khai thác cá biển mới, hiệu quả cho ngư dân trong điều kiện nước biển dâng, đồng thời nêu cao ý thức bảo vệ nguồn lợi hải sản của cộng đồng ngư dân Vạn Hương thông qua các lớp tập huấn, tham quan và học tập kinh nghiệm. - Giúp ngư dân nhận thức và cam kết không khai thác hải sản bằng các loại nghề mang tính hủy diệt như: te mìn, kích điện, xung điện, te điện, giã điện.... thực hiện nghiêm túc việc cấm biển trong mùa cá đẻ.
18	<p>Xây dựng thí điểm mô hình tái chế rác thải sinh hoạt sử dụng máy thủy nhiệt công suất 500kg/ngày tại thành phố Lạng Sơn</p> <p>Viện Vật lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam</p> <p>Tổng kinh phí : 50.000 USD</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế tạo máy thủy nhiệt công suất 500kg/ngày. - Xây dựng thí điểm mô hình tái chế rác thải sinh hoạt của các nhà hàng ăn uống tại Thành phố Lạng Sơn thành viên nhiên liệu sử dụng làm chất đốt. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Tái chế thí điểm thành công rác thải hữu cơ thành 1 tấn nhiên liệu chất đốt phục vụ chính nhu cầu năng lượng của các nhà hàng.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Dự án thực hiện gồm 3 giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giai đoạn 1:</i> Từ những kết quả thu được của mô hình biến chất thải hữu cơ thành nhiên liệu quy mô phòng thí nghiệm được thực hiện với máy thủy nhiệt công suất nhỏ cỡ 5kg/mẻ thực hiện tối ưu hoá công nghệ chế tạo để đạt được hiệu suất chuyển đổi cao nhất có thể. Trên cơ sở của kết quả đó, tiến hành chế tạo máy thủy nhiệt công suất lớn 500kg/ngày. - <i>Giai đoạn 2:</i> Khảo sát lựa chọn các nhà hàng có lượng rác thải hữu cơ lớn, bị quá tải trong khâu xử lý làm đầu mỗi thu gom, phân loại các loại rác thải. Giai đoạn này cần sự kết hợp với các

		<p>ban ngành địa phương.</p> <p>- <i>Giai đoạn 3</i>: Xây dựng quy trình tái chế rác thải hữu cơ với máy thủy nhiệt công suất lớn có quy mô thương mại.</p>
19	<p>Tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu tại cộng đồng dân cư</p> <p>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng</p> <p>Tổng kinh phí: 50.000 USD</p> <p>GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Mục tiêu trước mắt là xây dựng một cộng đồng dân cư thân thiện với môi trường, nâng cao nhận thức và hành động hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân về công tác bảo vệ môi trường, thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu; phổ biến thông tin về biến đổi khí hậu và các giải pháp thích ứng, ứng phó khẩn cấp và nâng cao nhận thức về các thảm họa liên quan đến thiên tai, khí hậu; làm nòng cốt cho phong trào và nhân diện rộng trên địa bàn thành phố.</p> <p>Mục tiêu sau 2 năm thực hiện: Việc ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn toàn thành phố trở thành phong trào và được nhân ra diện rộng đạt 100% các xã, phường, thị trấn - thôn, tổ dân phố thực hiện.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chính quyền địa phương, đội ngũ cán bộ Mặt trận các cấp, các đoàn thể nhân dân sẽ được quán triệt đầy đủ những quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của nhà nước và các tài liệu liên quan về hoạt động liên quan đến thích ứng, ngăn ngừa và giảm nhẹ rủi ro biến đổi khí hậu. Góp phần nâng cao năng lực về vận động và tổ chức các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. - Nhân dân các vùng ven biển hải đảo sẽ có phản xạ tốt, ứng phó, thích nghi tốt với những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tạo sự thống nhất cao từ nhận thức đến hành động. Nhân rộng ra trên toàn địa bàn thành phố Hải Phòng với công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. - Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố sẽ được nhân dân giám sát tốt hơn, hạn chế việc xả thải ô nhiễm ra môi trường, có trách nhiệm với môi trường hơn. - Sự phối hợp của cả hệ thống chính trị, các cơ quan ban ngành, phương tiện thông tin đại chúng, các tầng lớp nhân dân sẽ thành một lực lượng to lớn, chung sức đồng lòng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu trên toàn địa bàn thành phố Hải Phòng. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>* Hoạt động bước đầu của dự án tập trung tại xã Văn Phong</p>

	<p>huyện Cát Hải, một xã ven biển của thành phố Hải Phòng (<i>là địa phương được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng lựa chọn, chỉ đạo xây dựng mô hình điểm về “Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại cộng đồng dân cư vùng ven biển hải đảo” từ tháng 6 năm 2013</i>) và lựa chọn một số địa bàn khác có nguy cơ cao bị ảnh hưởng tác động của biến đổi khí hậu.</p> <p>* Hoạt động tập trung vào các công việc chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu: Tăng cường nỗ lực để giảm thiểu hiện tượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, chuyển nhu cầu sang các nguồn năng lượng cacbon thấp bắt đầu từ những công việc đơn giản: tắt điện, nước khi không sử dụng; không dùng túi ni lông khi đi chợ; giảm thiểu việc sử dụng đồ dùng một lần, tham gia trồng rừng, bảo tồn các hệ sinh thái động thực vật, phát triển kinh tế xã hội dựa trên các nguyên tắc bền vững.... - Triển khai công tác tuyên truyền giáo dục ý thức cộng đồng: theo nguyên tắc “toàn diện, tích cực và hiệu quả”, lồng ghép các thông điệp chính và các thông tin phù hợp liên quan đến biến đổi khí hậu vào kế hoạch bài giảng phòng ngừa thảm họa dành cho cấp xã, đồng thời qua đó giới thiệu hậu quả của biến đổi khí hậu có tác động trực tiếp đến toàn bộ hành tinh của chúng ta, nước Việt Nam ta và thành phố Hải Phòng. Triển khai xây dựng các mô hình tại cộng đồng dân cư. + Nâng cao nhận thức của cộng đồng về biến đổi khí hậu; tuyên truyền việc bảo vệ, phát triển, khoanh vùng bảo tồn rừng phòng hộ ven biển, bảo tồn đa dạng sinh học nhằm góp phần xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. + Phối hợp với các ngành, các đoàn thể ứng dụng khoa học kỹ thuật phù hợp trong trồng trọt chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản (<i>phát triển nuôi trồng giống chịu được những biến đổi của môi trường</i>) lồng ghép xây dựng và phát triển nông thôn mới, đưa khuyến nông về cơ sở... nhằm đảm bảo an ninh lương thực. + Thực hiện sử dụng nguồn nước tiết kiệm và hợp lý trong sản xuất và sinh hoạt; tuyên truyền bảo vệ an toàn hệ thống đê biển, rừng chắn sóng, các công trình thủy lợi, hệ thống công trình ven biển và các công trình hạ tầng, hệ thống thoát nước,... góp phần phát triển bền vững, giảm thiểu thiệt hại. Lồng
--	--

		<p>ghép các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trong phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường”, xây dựng nông thôn mới - đô thị văn minh, chương trình phòng chống thiên tai, chương trình nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường, chương trình bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo, tăng thu nhập bình quân và an sinh xã hội.</p> <p>+ Tham gia thành viên ban chỉ đạo phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai. Phối hợp vận động nhân dân di dời ra khỏi vùng bị lụt, sạt lở ven biển, khi mưa bão... vận động nhân dân cùng phối hợp tham gia phòng chống lụt bão, động đất, sạt lở. Vận động nhân dân đi biển chủ động theo dõi diễn biến thời tiết, chấp hành nghiêm các quy định về đăng ký, đăng kiểm, trang bị an toàn cho người và phương tiện nhằm giúp ngư dân phòng tránh thiên tai, rủi ro, tai nạn trên biển ... nhằm giảm tổn thất về người và sinh kế.</p> <p>- Tổ chức ký cam kết của các đoàn thể, hộ gia đình tham gia bảo vệ môi trường, hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>- Các hoạt động thường kỳ trong năm: Tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày môi trường thế giới, hưởng ứng tuần lễ biển và hải đảo, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn. Tổ chức ngày hội Đại đoàn kết, phát động ra quân làm vệ sinh môi trường nơi làm việc, học tập, cư trú; thu gom xử lý chất thải, rác thải; giải quyết những vấn đề bức xúc, tồn đọng trên địa bàn dân cư, lồng ghép các hoạt động, phong trào bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; trồng, chăm sóc bảo vệ cây xanh, rừng phòng hộ ven biển...</p>
20	XÂY DỰNG MÔ HÌNH VÀ CƠ CHẾ MINH BẠCH HOÁ TRONG QUẢN LÝ QUẶNG SA KHOÁNG CHROMITE QUI MÔ NHỎ PHÂN TÁN GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ NƠI CÓ KHOÁNG SẢN Ở XÃ TÂN KHANG	<p>a. Mục tiêu của dự án:</p> <p>- Mục tiêu của dự án là xây dựng được mô hình và cơ chế minh bạch hoá trong quản lý quặng sa khoáng qui mô nhỏ phân tán gắn với cộng đồng dân cư nơi có khoáng sản mà mô hình mẫu là ở xã Tân Khang Nông Cống Thanh Hoá.</p> <p>- Bảo vệ môi trường mỏ và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>- Báo cáo kết quả khoảng 200 trang khổ A4 và các phụ lục Báo cáo tổng kết dự án kèm theo.</p>

	<p>HUYỆN NÔNG CỐNG TỈNH THANH HOÁ</p> <p>VIỆN Khoa học Mỏ Địa chất và Năng lượng mới</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>- 01 mô hình và cơ chế minh bạch hoá trong quản lý khoáng sản qui mô nhỏ phân tán gắn với cộng đồng dân cư nơi có khoáng sản.</p> <p>c. Các hoạt động chính của dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về thực trạng các mỏ khoáng sản có qui mô nhỏ phân tán ở Việt Nam. - Đánh giá về thực trạng quản lý khai thác khoáng sản có qui mô nhỏ phân tán ở Việt Nam. - Khảo sát điều tra tình hình thực tế khai thác khoáng sản có qui mô phân tán nhỏ lẻ tại một số địa phương và một số huyện miền núi phía bắc Việt Nam và miền trung VN gắn với cộng đồng dân cư nơi có khoáng sản. - Khảo sát tình hình Khai thác bất hợp pháp quặng Cromit tại hai huyện Triệu Sơn và Nông Cống những năm trước đây và hiện nay. - Xem xét một số vấn đề lý luận và thực tiễn về cơ chế minh bạch hóa trong quản lý khoáng sản ở một số nước trên thế giới gắn với điều kiện thực tế tại Việt Nam. - Xây dựng 01 mô hình mẫu về quản lý khoáng sản qui mô nhỏ phân tán gắn với cộng đồng dân cư nơi có khoáng sản ở một xã điển hình là xã Tân Khang, Nông Cống Thanh Hoá. - Xây dựng được cơ chế minh bạch hóa trong quản lý khoáng sản qui mô nhỏ phân tán gắn với cộng đồng dân cư nơi có khoáng sản, lấy xã Tân khang Nông Cống Thanh hoá làm mô hình mẫu.
21	-	<p>.a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm lượng rác thải sinh hoạt nguồn hữu cơ đưa về bãi chôn tập trung của thành phố Hà Nội. Đây là mục tiêu lớn nhất. - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường thành phố. - Đưa ra được mô hình và cơ chế phân loại, thu gom xử lý rác thải hiệu quả nhất mà từ trước đến nay chưa làm được. - Tiết kiệm năng lượng điện lưới bằng cách đưa năng lượng tái tạo (khí Biogas) vào đời sống dân cư.

		<p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được một mô hình mẫu bao gồm: trang thiết bị, quy trình kỹ thuật và cơ chế phân loại thu gom xử lý rác thải hữu cơ, áp dụng có hiệu quả cho Phường Đại Kim, Hoàng Mai, HN. - Hiệu quả kinh tế: Các chi phí đầu tư cho Dự án về căn bản là đầu tư một lần để sử dụng lâu dài. Vì vậy hiệu quả kinh tế (so với cách làm hiện thời) thực sự sẽ có được trong quá trình vận hành. Theo tính toán của chúng tôi, sau giai đoạn thí điểm, khi Dự án được áp dụng rộng, trong vòng 14 tháng hoạt động sẽ thu hồi đủ vốn đầu tư ban đầu, nhờ sự tiết giảm chi phí và thu bán sản phẩm phụ như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Do cách thức phân loại rác và sử dụng các dụng cụ chuyên dùng, việc thu gom vận chuyển rác được nhanh gọn hơn, sơ bộ tính tiết kiệm đến 333 xe tải loại 15 tấn chở trong ngày, tiết kiệm một khoản đầu tư xe vận tải 1700 tỷ đầu tư, rút được 700 công nhân lái xe và 1400 CN môi trường hàng ngày, giảm chi lương 47 tỷ / tháng riêng thu gom rác hữu cơ. - Việc xử lý rác hữu cơ được thực hiện ngay tại các khu dân cư, không phải vận chuyển đi xa thành phố. Việc này tiết kiệm được 40% chi phí xe vận chuyển so với cách làm cũ - Tiền bán các sản phẩm thu được từ xử lý rác hữu cơ gồm khí gas và nguyên liệu phân bón có thể đạt ít nhất 10 triệu đồng/ tháng/ 200 hộ dân. - Bài toán “tận dụng rác vô cơ để tái chế” sẽ có lời giải khi loại rác này được phân tách khỏi rác hữu cơ, và tất nhiên, hiệu quả kinh tế - môi trường là hiển nhiên. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư chế tạo thùng chuyên dụng cho việc đựng rác hữu cơ, đảm bảo vệ sinh và tiện lợi trong quá trình gom rác. Bằng cách hợp đồng đặt hàng với nhà sản xuất thùng rác hiện có trên thị trường, chỉnh đổi mẫu mã từ hình tròn sang hình vuông để có thể xếp gọn trên xe đẩy. Chỉnh thiết kế bỏ lõi trong mà vẫn có nắp bán tự động đóng kín và ngăn mùi, biến thành loại thùng đơn không lõi để giảm giá thành. - Bố trí người chuyên trách, tổ chức vận động tuyên truyền cư
--	--	--

		<p>dân, đề xuất cơ chế thực hiện và giám sát, mục đích là khép việc phân loại rác vào kỷ luật, tạo thói quen cho cư dân ngay từ đầu. Các việc này được tiến hành thông qua cơ quan hành chính địa phương. Về định chế với cư dân, phải đạt được các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các hộ gia đình và đơn vị được phát miễn phí thùng đựng rác hữu cơ chuyên dụng. + Công bố quy chế về thu gom, đổi thùng đựng rác hàng ngày. Đảm bảo triệt để 100% cư dân không được dùng các vật dụng khác để đựng và thải rác hữu cơ. Công nhân môi trường chỉ chấp nhận thu gom rác hữu cơ đựng trong thùng chuyên dụng đã cấp phát, sau đó cấp đổi thùng sạch ngay tại chỗ. + Đề xuất để áp dụng một quy định thưởng phạt hợp lý đối với các hộ gia đình và đơn vị dựa vào kết quả thực hiện phân loại rác. + Đánh số thứ tự thùng rác cấp cho từng hộ để giám sát việc phân loại. Khi kiểm tra thùng rác hữu cơ (bất cứ lúc nào), nếu phát hiện có dị vật vô cơ thì: lần 1- nhắc nhở; lần 2- cảnh cáo lên phường; lần 3- hủy cung cấp dịch vụ vệ sinh trong vòng 1 tháng, sau đó người vi phạm phải viết cam đoan không tái phạm. - Quy trình gom rác hữu cơ: công nhân môi trường dùng xe đẩy thu gom các thùng rác hữu cơ và đổi ngay thùng sạch vào một giờ nhất định trong ngày, sau đó vận chuyển tập kết tới hệ thống Biogas công cộng (ở mục e dưới đây). Tại đây bố trí chuyên trách 2 công nhân kiểm tra, phối trộn phụ gia và nạp rác hữu cơ vào phễu của bể Biogas. Thùng đựng rác sau khi đã rỗng, sẽ được phun rửa sạch và giao cho công nhân môi trường khu vực đem đi tiếp tục cấp đổi hàng ngày. - Quy trình gom rác vô cơ: Cũng cần xây dựng riêng (Sẽ có qui trình). - Xử lý rác bằng BIOGAS: Tìm địa điểm gần khu dân cư, bố trí mỗi khu vực một trạm xử lý rác hữu cơ bằng các hệ thống Biogas: các loại bể Biogas xử lý rác thải thành phân bón và khí gas hiện đang được một số công ty trong nước chế tạo bằng vật liệu composite. Trong yêu cầu của Dự án, mẫu hệ thống Biogas
--	--	---

		<p>đặt nổi có dung tích khoảng 20m³ sẽ được thiết kế mới theo tiêu chí thuận tiện cho công nhân vận hành, và có thể xả- nạp- thay thế dễ dàng. Hệ thống Biogas sẽ được lắp đặt cho từng khu vực cư dân, được tính toán đảm bảo công suất xử lý phù hợp.</p> <p>- Phương cách tận dụng sản phẩm khí gas: khí gas (chủ yếu là khí methal CH₄) sẽ được bán theo hợp đồng cung cấp và được dẫn bằng đường ống ngầm tới nơi tiêu thụ - là các hộ gia đình hoặc cơ sở sản xuất, nhà hàng, .v.v..Tiền thu được dùng để trả lương, thưởng cho công nhân môi trường và các hộ gia đình làm tốt. Cặn thải sau khi xử lý là nền phân bón hữu cơ rất tốt, được bán trực tiếp cho nông dân hoặc các cơ sở sản xuất phân bón.</p>
22	<p>Nghiên cứu những thiên tai do nước gây ra ở lưu vực sông Cái Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận dưới tác động của biến đổi khí hậu</p> <p>Công ty TNHH MTV Nước và Môi trường Bình Minh</p> <p>Tổng kinh phí: 950.000.000 đồng</p> <p>GEF SGP: 950.000.000 đồng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>(1) Đánh giá thực trạng, dự báo nguy cơ và mức độ hạn hán, lũ lụt trên lưu vực sông Cái Phan Rang dưới tác động của BĐKH;</p> <p>(2) Đề xuất giải pháp kiểm soát, phòng tránh các thiên tai do nước gây ra và điều phối nguồn nước phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>- Báo cáo khoa học về thực trạng và dự báo lũ lụt, hạn hán trên lưu vực sông Cái Phan Rang dưới tác động của BĐKH; các giải pháp kiểm soát, phòng tránh thiên tai do nước gây ra; giải pháp điều phối nguồn nước phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội;</p> <p>- Tập bản đồ phân vùng nguy cơ và mức độ ngập lụt, hạn hán lưu vực sông Cái Phan Rang dưới các kịch bản BĐKH;</p> <p>- Cơ sở dữ liệu DatabaseGis về tài nguyên nước, thực trạng và dự báo lũ lụt, hạn hán trên lưu vực sông Cái Phan Rang;</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p><u>Nội dung 1:</u> Đánh giá hiện trạng các công trình khai thác nước, các hộ sử dụng nước trên lưu vực; văn bản pháp quy về tài nguyên nước, hiện trạng quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại địa phương; tác động của BĐKH đến tài nguyên nước nói chung.</p> <p><u>Nội dung 2:</u> Xây dựng các kịch bản BĐKH; nghiên cứu ứng</p>

		<p>dụng mô hình toán (dự kiến sử dụng bộ phần mềm NAM, MIKE 11 và MIKE BASIN) mô phỏng chế độ thủy văn, thủy động lực học và chất lượng nước trên lưu vực sông Cái Phan Rang.</p> <p><u>Nội dung 3:</u> Đánh giá tài nguyên nước mặt lưu vực sông Cái Phan Rang bao gồm chất lượng và trữ lượng nước phân bố chi tiết theo không gian và thời gian. Tính toán dòng chảy năm, dòng chảy mùa (mùa lũ và mùa kiệt), dòng chảy thiết kế theo các tần suất khác nhau (năm nhiều nước, năm nước trung bình và năm ít nước).</p> <p><u>Nội dung 4:</u> Đánh giá thực trạng và dự báo tình hình ngập lụt, hạn hán trên lưu vực sông Cái Phan Rang dưới các kịch bản BĐKH.</p> <p><u>Nội dung 5:</u> Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đề kiểm soát, phòng tránh các thiên tai do nước gây ra và điều phối nguồn nước phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội tỉnh Ninh Thuận.</p>
23	<p>Đánh giá mức độ khan hiếm nguồn nước ngọt xã ven biển An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận dưới tác động của biến đổi khí hậu dựa trên chỉ số áp lực nước WSI và đề xuất giải pháp ổn định nguồn nước cấp</p> <p>Công ty TNHH MTV Nước và Môi trường Bình Minh</p> <p>Tổng kinh phí: 950.000.000 đồng GEF SGP:</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>(1) Đánh giá mức độ khan hiếm nguồn nước ngọt xã An Hải thuộc huyện Ninh Phước tỉnh Ninh Thuận dựa trên chỉ số WSI giai đoạn hiện trạng và quy hoạch phát triển đến năm 2020 dưới tác động của BĐKH;</p> <p>(2) Thiết kế giải pháp ổn định nguồn nước cung cấp cho dân sinh, các hoạt động kinh tế xã hội và xây dựng chương trình hành động ứng phó với tình trạng khan hiếm nước.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>(1) Báo cáo tổng kết và các báo cáo chuyên đề về kết quả đánh giá mức độ khan hiếm nước ngọt xã ven biển An Hải thuộc huyện Ninh Phước tỉnh Ninh Thuận; các giải pháp cấp nước, làm giảm chỉ số WSI, ứng phó với tình trạng khan hiếm nước;</p> <p>(2) Bộ dữ liệu nghiên cứu cơ bản của dự án và phụ lục kết quả tính toán chỉ số WSI giai đoạn hiện trạng, quy hoạch phát triển đến 2020 và kịch bản BĐKH;</p> <p>(3) Tập bản đồ phân cấp mức độ khan hiếm nước theo các kịch bản tính toán; các bản vẽ thiết kế giải pháp công trình ổn định nguồn nước cấp cho vùng dự án;</p> <p>b. Hoạt động dự kiến</p>

	950.000.000 đồng	<p>Hoạt động 1: Thu thập, xử lý thông tin và phân tích dữ liệu liên quan đến dự án: đặc điểm tự nhiên; hiện trạng kinh tế xã hội và quy hoạch phát triển xã ven biển An Hải, huyện Ninh Phước tỉnh Ninh Thuận; tác động của BĐKH đến vấn đề khan hiếm nước; chỉ số áp lực nước WSI và ứng dụng của chỉ số này đối với quản lý, khai thác và sử dụng nguồn nước; hiện trạng và quy hoạch các công trình khai thác nguồn nước trên địa bàn dự án.</p> <p>Hoạt động 2: Xây dựng và ứng dụng mô hình toán mô phỏng chế độ thủy văn, xâm nhập mặn và tính toán cân bằng nguồn nước diễn biến theo không gian và thời gian dưới các kịch bản quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020 và các kịch bản BĐKH.</p> <p>Hoạt động 3: Đánh giá tiềm năng nguồn nước (nước mưa, nước mặt và nước dưới đất) vùng dự án bao gồm cả trữ lượng, chất lượng và động thái theo các tần suất thiết kế khác nhau: năm ít nước, năm nước trung bình và năm nhiều nước.</p> <p>Hoạt động 4: Tính toán nhu cầu nước của các hộ sử dụng (sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nuôi trồng và chế biến thủy sản,...) theo từng giai đoạn: hiện trạng và quy hoạch phát triển đến năm 2020.</p> <p>Hoạt động 5: Tính toán chỉ số WSI và đánh giá mức độ khan hiếm nguồn nước ngọt vùng nghiên cứu: hiện trạng, theo các kịch bản quy hoạch phát triển đến năm 2020 và các kịch bản BĐKH; thành lập bản đồ phân vùng mức độ khan hiếm nước ngọt dựa trên chỉ số WSI.</p> <p>Hoạt động 6: Nghiên cứu các phương án giảm chỉ số WSI, thiết kế giải pháp công trình nhằm ổn định nguồn nước cấp cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, và xây dựng chương trình ứng phó với tình trạng khan hiếm nước vùng dự án trong điều kiện biến đổi khí hậu.</p>
24	TRỒNG CÂY TRÀM NƯỚC NGỌT TRÊN ĐẤT BÁN NGẬP NHẪM XÂY DỰNG MÔ HÌNH SINH KẾ BỀN VỮNG CHO	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Việc trồng cây Tràm nước ngọt trên hồ Thác Bà có những lợi ích và mục tiêu cụ thể sau:</p> <p>a1. Mang lại màu xanh cho những hòn đảo trọc trong mùa cạn, là mùa khai thác mạnh của du lịch miền bắc. Cảnh quan hồ được cải thiện đáng kể và cơ bản. Tạo ra môi trường thiên nhiên, góp phần tạo nên môi trường trong lành cho hồ, góp phần làm giảm hiệu ứng nhà kính</p>

	<p>NGƯỜI DÂN, CHỐNG BỒI ĐẮP LÒNG HỒ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÙNG HỒ THÁC BÀ TỈNH YÊN BÁI</p> <p>Công ty cổ phần thương mại và du lịch hồ Thác Bà</p> <p>Tổng kinh phí: 65.000 USD GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>a2. Tạo ra môi trường sống, sinh sôi, bảo tồn cho các loài cá trong hồ khi mùa nước ngập, cho các loài chim khi mùa nước cạn.</p> <p>a3. Góp phần nâng cao tính hấp dẫn cho du lịch hồ. Thông qua đó tạo cơ hội tốt hơn cho người dân vùng hồ (chủ yếu là người dân tộc) trong khai thác du lịch; góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo sinh kế bền vững cho người dân thông qua khai thác du lịch và khai thác gỗ chậm và đánh bắt cá; gián tiếp làm giảm thiểu tình trạng đánh mìn, kích điện hủy diệt cá (do người dân buộc phải sinh sống mà không có kế sinh nhai).</p> <p>a4. Chống được xói mòn đảo, một trong những nguyên nhân làm bồi đắp lòng hồ.</p> <p>a5. Tận dụng, khai thác được tài nguyên đất đai bị bỏ hoang phí 55 năm nay.</p> <p>a6. Góp phần hạn chế tai nạn cho tàu thuyền giao thông trên hồ không bị đâm vào các đảo chìm</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>b1. Phủ xanh 30 ha đảo trọc trên hồ Thác Bà với cây Tràm nước ngọt</p> <p>b2. Đào tạo, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật, quy trình chăm sóc, bảo vệ và khai thác cây Tràm nước ngọt cho 03 hộ dân sống trên hồ.</p> <p>b3. Xuất bản tài liệu phổ biến kiến thức về kinh nghiệm trồng cây Tràm trong hồ nước ngọt.</p> <p>b4. Đề xuất văn bản chính sách hỗ trợ, khuyến khích trồng và bảo vệ cây Tràm nước ngọt tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>c1. Tổ chức khảo sát đánh giá hiện trạng quỹ đất bị bỏ hoang trong hồ Thác Bà</p> <p>c2. Thu thập tài liệu về chất đất, khí hậu thủy văn vùng hồ; đặc điểm tính chất cây Tràm nước ngọt; kinh nghiệm trồng cây Tràm nước ngọt ở Lâm trường Thác Bà</p> <p>c3. Tổ chức 01 cuộc Hội thảo chuyên gia về trồng, chăm sóc và khai thác cây Tràm nước ngọt.</p> <p>c4. Lựa chọn địa điểm trồng; Xây dựng kế hoạch và tiến hành trồng cây Tràm nước ngọt trên hồ</p> <p>c5. Tổ chức 01 buổi báo cáo về dự án và 01 buổi báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả tại UBND Huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Đề xuất văn bản về chính sách trồng cây tràm nước ngọt trên hồ.</p>
--	--	---

		<p>c6. Tổ chức 02 buổi phổ biến kiến thức tại 02 xã người dân tộc sống ven hồ</p> <p>c7. Tổ chức 02 buổi đào tạo, chuyển giao kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác Tràm nước ngọt cho người dân sống trên hồ.</p> <p>c8. Xây dựng hệ thống thông tin, tài liệu về kiến thức và kinh nghiệm trồng cây Tràm nước ngọt nhằm nhân rộng cho 3.000 ha đất bị bỏ hoang trên hồ và làm mô hình điển hình cho những hồ nước ngọt khác.</p>
25	<p>TÁI TẠO RỪNG CÂY BẢN ĐỊA TRÊN ĐẢO HỒ THÁC BÀ TỈNH YÊN BÁI NHẪM BẢO VỆ SỰ ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI</p> <p>Công ty cổ phần thương mại và du lịch hồ Thác Bà</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 30.000 USD</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Việc gây dựng lại rừng nguyên sinh trên đảo hồ Thác Bà có những lợi ích và mục tiêu cụ thể sau:</p> <p>a1. Gây dựng lại, bảo vệ sự đa dạng sinh học về các giống cây trồng bản địa trên đảo hồ. Cảnh quan hồ được cải thiện đáng kể và cơ bản. Tạo ra môi trường thiên nhiên, góp phần tạo nên môi trường trong lành cho hồ, góp phần làm giảm hiệu ứng nhà kính.</p> <p>a2. Tạo ra môi trường sống, sinh sôi, bảo tồn cho các loài thú và chim còn sót lại trong vùng hồ. Tạo điều kiện gây dựng lại các loài trước đây đã từng có nhưng nay đã bị tuyệt chủng trong vùng hồ.</p> <p>a3. Góp phần nâng cao tính hấp dẫn cho du lịch hồ. Thông qua đó tạo cơ hội tốt hơn cho người dân vùng hồ (chủ yếu là người dân tộc) trong khai thác du lịch; góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo sinh kế bền vững cho người dân thông qua khai thác du lịch; gián tiếp làm giảm thiểu tình trạng đánh mìn, kích điện hủy diệt cá trong hồ (do người dân buộc phải sinh sống mà không có kế sinh nhai)</p> <p>a4. Chống được xói mòn đảo, một trong những nguyên nhân làm bồi đắp lòng hồ.</p> <p>a5. Nâng cao hiệu quả khai thác đất đai trong vùng hồ thông qua khai thác du lịch.</p> <p>a6. Tạo sự lan tỏa trong cộng đồng dân cư địa phương về hiệu quả trồng rừng bản địa thông qua khai thác du lịch.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>b1. Trồng 08 ha rừng với khoảng 50 loài cây bản địa trong vùng.</p> <p>b2. Tạo công ăn việc làm lâu dài cho 02 hộ dân sinh sống trên hồ chăm sóc mô hình rừng nguyên sinh.</p> <p>b3. Xuất bản tài liệu phổ biến kiến thức về kinh nghiệm trồng rừng nguyên sinh trong hồ nước ngọt.</p>

		<p>b4. Đề xuất văn bản chính sách hỗ trợ, khuyến khích trồng và bảo vệ rừng nguyên sinh tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.</p> <p>b5. Phát triển du lịch hồ và các dịch vụ liên quan tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.</p> <p>b6. Về lâu dài sẽ tạo được môi trường sống phù hợp cho các loại thú, chim.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>c1. Tổ chức khảo sát đánh giá hiện trạng về địa hình, địa mạo tại một số điểm trong hồ Thác Bà</p> <p>c2. Thu thập tài liệu về chất đất, khí hậu thủy văn vùng hồ; đặc điểm tính chất các loại cây bản địa.</p> <p>c3. Tổ chức 01 cuộc Hội thảo chuyên gia về trồng, chăm sóc cây bản địa.</p> <p>c4. Lựa chọn địa điểm trồng; Xây dựng kế hoạch và tiến hành trồng.</p> <p>c5. Tổ chức 01 buổi báo cáo về dự án và 01 buổi báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả tại UBND Huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Đề xuất văn bản về chính sách trồng rừng bản địa trên hồ.</p> <p>c6. Tổ chức 02 buổi đào tạo về chăm sóc rừng bản địa cho người dân sống trên hồ.</p> <p>c7. Xây dựng hệ thống thông tin, tài liệu về kiến thức và kinh nghiệm gây dựng rừng cây bản địa nhằm nhân rộng mô hình.</p>
26	<p>Xây dựng mô hình về công tác phòng chống dịch bệnh tại các xã nông thôn mới</p> <p>Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Sai mẫu, không có mục tiêu, kết quả và hoạt động dự kiến (Hợp)</p>
27	<p>Đánh giá ảnh hưởng của công trình Thủy điện Bản Chát đến đa dạng sinh học khu vực xã Mường Kim, và lân cận huyện Than Uyên, tỉnh Lai</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là cơ sở khoa học và thực tiễn để đánh giá đa dạng sinh học của xã Mường Kim; - Đánh giá ảnh hưởng của dự án Thủy điện Bản Chát đối với đa dạng sinh học tại Xã Mường Kim. <p>b. Kết quả dự kiến:</p>

	<p>Châu</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu.</p> <p>Tổng kinh phí: 500.000.000 (đồng)</p> <p>GEF SGP: 500.000.000 (đồng)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng và đặc điểm các hệ sinh thái tại xã Mường Kim; - Danh lục các loài động thực vật đặc hữu, quý hiếm và có giá trị kinh tế; - Báo cáo đánh giá sự suy giảm đa dạng sinh học các hệ sinh thái, nguồn gen và khu hệ động thực vật do hoạt động của thủy điện Bản Chát; - Báo cáo đề xuất các giải pháp bảo tồn, giảm thiểu tác động của dự án thủy điện Bản Chát đến các hệ sinh thái tại khu vực nghiên cứu. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin, dữ liệu về khu vực nghiên cứu.; - Tổ chức điều tra thực địa tại khu vực nghiên cứu; - Tổng hợp kết quả và viết báo cáo; - Tổ chức báo cáo nghiệm thu đề tài.
28	<p>Hỗ trợ xây dựng Làng sinh thái tại thôn Bò Lũng, xã Lũng Vai, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 đồng</p> <p>GEF SGP:</p>	<p>a. Mục tiêu dự án:</p> <p>Dự án xây dựng Thôn Bò Lũng, xã Lũng Vai, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai trở thành làng sinh thái, thân thiện với thiên nhiên và môi trường, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai, lựa chọn loại cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu ở địa phương, phù hợp với mục tiêu thích ứng và giảm nhẹ các thiệt hại, rủi ro do biến đổi khí hậu, góp phần sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất và bảo vệ môi trường. Sau khi kết thúc dự án người thụ hưởng dự án chính là người dân tại thôn Bò Lũng, xã Lũng Vai, huyện Mường Khương.</p> <p>b. Hoạt động dự kiến của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, xét duyệt đề cương. - Khảo sát và xây dựng báo cáo khảo sát; - Tổ chức Hội thảo khởi động dự án - Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về vệ sinh môi trường và nếp sống nông thôn mới, phổ biến hương ước thôn bản; - Phát triển hệ sinh thái vườn - đồi: Tập huấn về kỹ thuật canh

		<p>tác trên đất dốc, cải tạo vườn tạp; Trồng cây ăn quả, trồng các cây lâm sản ngoài gỗ; Hỗ trợ cải tạo hệ thống phòng hộ trên đất dốc; Hỗ trợ phân bón, cây giống;</p> <p>- Hỗ trợ cải tạo môi trường địa phương: Khơi thông cống rãnh; Vận động nhân dân cải tạo hệ thống chuồng trại, nhà tiêu;</p> <p>- Tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực thực hiện của cán bộ địa phương.</p> <p>c. Kết quả dự kiến</p> <p>Xây dựng mô hình làng sinh thái tại thôn Bô Lũng, xã Lũng Vai, huyện Mường Khương từ đó tiếp tục nhân rộng ra các địa phương khác.</p>
29	<p>Nghiên cứu trồng thử nghiệm một số loài cây lâm nghiệp phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản tập trung.</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai</p> <p>Tổng kinh phí: 900.000.000, đồng</p> <p>GEF SGP: 800.000.000, đồng</p>	<p>a. Mục tiêu dự án:</p> <p>Nghiên cứu, trồng thử nghiệm, lựa chọn được một số giống cây trồng lâm nghiệp có giá trị sinh thái cao phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường tại 02 điểm mỏ (mỏ sắt Kíp Tước xã Hợp Thành, TP. Lào Cai; mỏ đồng – xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) sau khai thác khoáng sản. Góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Sau khi kết thúc dự án sẽ mang lại được giá trị cảnh quan cho người dân địa phương, cải tạo, phục hồi môi trường, giúp cân bằng hệ sinh thái. Mặt khác hỗ trợ các đơn vị khai thác khoáng sản có định hướng lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện địa chất đối với mỗi loại hình khai thác khoáng sản, phục vụ cho công tác cải tạo, phục hồi môi trường đưa mỏ về trạng thái an toàn.</p> <p>b. Hoạt động dự kiến</p> <p>- Xây dựng, xét duyệt đề cương.</p> <p>- Khảo sát, phân tích, đánh giá điều kiện địa chất, khí hậu tại 2 - 3 điểm mỏ. Lựa chọn 01 điểm mỏ để triển khai đề tài.</p> <p>- Nghiên cứu, lựa chọn 7-8 loài cây lâm nghiệp phù hợp với điều kiện địa chất, khí hậu tại khu vực để trồng thử nghiệm.</p> <p>- Diện tích trồng Dự kiến: 2,0ha (2.500m²/loài).</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Trồng, chăm sóc, bảo vệ trong vòng 2,0 - 2,5 năm. - Báo cáo tổng kết kết quả thử nghiệm. - Nghiệm thu đề tài. - Hội thảo, hội nghị triển khai nhân rộng. <p>c. Kết quả dự kiến</p> <p>Lựa chọn được từ 2 - 3 loài cây lâm nghiệp phù hợp với điều kiện địa chất, khí hậu của một số điểm mỏ Lào Cai, phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.</p>
30	<p>Tạo không gian cho nước lũ (rooms for floods) ở đồng bằng sông cửu Long: tăng cường đa dạng sinh học, bảo tồn tài nguyên đất, nước và thích ứng với biến đổi khí hậu</p> <p>Đại học An Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 49,000 USD</p> <p>GEF SGP: 49,000 USD</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo không gian cho nước lũ bằng việc giữ lại những vùng khó hoặc không có hiệu quả khi phát triển hệ thống đê bao triệt để - Phục hồi, xây dựng, phát triển hệ thống canh tác lúa mùa nổi-cây màu ứng phó với biến đổi khí hậu và gắn kết với thị trường tiêu thụ nông sản - Xây dựng bộ chỉ tiêu về đất, nước, và đa dạng sinh học trong vùng dự án - Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn đất, đa dạng sinh học, và ứng phó với BĐKH trong vùng dự án có sự tham gia của cộng đồng. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50-100 ha đất lúa ở địa bàn Xã Lương An Trà, Xã Vĩnh Phước huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang sẽ được chọn làm mô hình thử nghiệm— không phát triển đê bao triệt để - sử dụng nước lũ để sản xuất nông nghiệp trong mùa lũ, đồng thời tạo không gian cho lũ để làm giảm áp lực vỡ đê ở những vùng lân cận; - Phục hồi và phát triển 2-3 hệ thống canh tác truyền thống có khả năng ứng phó tốt với lũ và Biến đổi khí hậu: Lúa mùa nổi- 2 vụ màu; đa dạng nguồn thu nhập thông qua phát triển du lịch nông nghiệp cho cộng đồng trong dự án; - Hoàn thành bộ chỉ tiêu về đặc tính hóa lý của đất, đa dạng sinh

		<p>học để so sánh và quan sát;</p> <p>- 50-100 hộ dân trong vùng dự án được nâng cao nhận thức về bảo vệ đất, đa dạng sinh học, và ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cùng cộng đồng (người dân, cán bộ quản lý, chính quyền địa phương) thảo luận và chọn điểm thực hiện dự án thí điểm; 2. Nghiên cứu thử nghiệm 2-3 mô hình canh tác thích nghi với biến đổi khí hậu dựa trên các mô hình canh tác bản địa, truyền thống, gắn kết với thị trường tiêu thụ; 3. Điều tra khảo sát đất và đa dạng sinh học trong vùng dự án; 4. Biên soạn và tập huấn cho cộng đồng về bảo vệ tài nguyên đất, đa dạng sinh học, và ứng phó với biến đổi khí hậu;
31	<p>Phát triển và sử dụng bền vững dược liệu tại tỉnh An Giang</p> <p>Trung tâm nghiên cứu phát triển nông thôn – trường đại học An Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 49,500 USD</p> <p>GEF SGP:</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bảo tồn một số loài cây dược liệu quý hiếm hiện có ở địa phương trên cơ sở cộng đồng 2. Xây dựng mô hình trồng và khai thác một số loài cây dược liệu trên cơ sở cộng đồng một cách bền vững 3. Phát triển mô hình trồng cây dược liệu gắn với thị trường tiêu thụ bền vững <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lập được danh sách và bản đồ phân bố một số loài cây dược liệu bản địa quý hiếm và có giá trị kinh tế cao ở 2 vùng núi và đồng bằng của tỉnh An Giang 2. Chọn lựa được mô hình trồng và khai thác cây dược liệu tốt nhất để có thể triển khai tại địa phương 3. Triển khai nhân rộng mô hình trồng và khai thác cây dược liệu với cộng đồng tại 2 vùng núi và đồng bằng của An Giang gắn với thị trường tiêu thụ <p>c. Hoạt động của dự án</p>

		<p>1. Xác định bản đồ phân bố cây dược liệu bản địa có giá trị tiềm năng cao tại An Giang</p> <p>2. Xây dựng mô hình trồng và khai thác bền vững một số loài cây dược liệu có giá trị dựa trên cơ sở cộng đồng góp phần bảo tồn nguồn tài nguyên quý hiếm này</p> <p>3. Nâng cao năng lực cộng đồng trong việc khai thác, bảo quản, chế biến và sử dụng cây dược liệu bền vững và hiệu quả cao.</p> <p>4. Gắn kết sản phẩm từ cây dược liệu với người tiêu dùng (hiệp hội đồng y, doanh nghiệp, công ty, người dân)</p>
32	<p>Nâng cao năng lực phát triển kinh tế, xã hội gắn liền với bảo vệ môi trường của bà con nông dân xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.</p> <p>Câu lạc bộ True Action - trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội</p> <p>Tổng kinh phí: 1.020.000.000 đồng</p> <p>GEF SGP: 1.020.000.000 đồng</p>	<p>a. Mục tiêu của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bà con nông dân biết được cách thức thực hiện Ủ rơm rạ bằng chế phẩm sinh học, nắm bắt được diễn tiến và cách khắc phục sự cố của những đồng ủ. Từ đó giảm và chấm dứt tình trạng đốt rơm rạ tràn lan sau mỗi vụ mùa. - Người dân biết và ứng dụng mô hình đệm lót sinh học trong chăn nuôi từ đó mà môi trường không khí, đất và nước ô nhiễm xung quanh khu vực chăn nuôi trước kia sẽ từng bước được cải thiện. - Bà con nông dân biết cách sử dụng phân compost từ quá trình ủ rơm rạ, và phân chuồng đã hoại mục từ mô hình đệm lót sinh học trong chăn nuôi để canh tác khoai tây VietGAP theo phương pháp trồng khoai tây bằng phương pháp làm đất tối thiểu. Từ đó xây dựng được thương hiệu Khoai Tây Đô an toàn, khai thác triệt để các tiềm năng hiện có của địa phương để phát triển kinh tế.. - Người dân vẫn tiếp tục duy trì và phát triển tính hiệu quả của dự án sau khi dự án kết thúc. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ dân làm nông nghiệp trong xã thay đổi được cách sử dụng rơm rạ (từ đốt chuyển sang ủ phân) - 60 % số hộ dân chăn nuôi gia súc, gia cầm ứng dụng mô hình đệm lót sinh học trong chăn nuôi. - Mở rộng gấp 5 lần diện tích trồng khoai tây của xã, xây dựng thương hiệu VietGAP cho khoai tây của địa phương. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Dự án sẽ được triển khai theo hai giai đoạn.</p>

		<p><i>Giai đoạn 1 bao gồm các hoạt động sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn chuyên giao kỹ thuật nhằm giới thiệu các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới tới bà con nông dân (Ủ rơm rạ tạo phân compost bằng chế phẩm sinh học, mô hình đệm lót sinh học trong chăn nuôi, trồng khoai tây VietGAP bằng phương pháp làm đất tối thiểu). - Thực hiện các bài phát thanh ngõ nghĩnh và vui nhộn để cung cấp thông tin thiết thực cho bà con về 2 chủ đề là bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế. Cũng thông qua các bài phát thanh đó, sẽ giới thiệu, thông báo các lộ trình, diễn tiến, kết quả của dự án tới bà con để bà con chủ động tham gia và cập nhật được các thông tin của dự án. - Hỗ trợ trực tiếp 40 hộ dân trong xã (5 hộ/thôn) để họ triển khai thực tế các kỹ thuật đã được phổ biến theo đúng quy trình. Kỹ thuật ủ rơm rạ thành phân compost sẽ được triển khai tới bà con trong vụ Xuân-Hè, còn vụ Thu- Đông thì rơm rạ sẽ được giữ lại để triển khai kỹ thuật trồng khoai tây bằng phương pháp làm đất tối thiểu. Mô hình chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học sẽ được triển khai theo suốt cả năm. Phân compost từ ủ rơm rạ vụ Xuân-Hè và phân thu từ tấm đệm sinh học chăn nuôi sẽ được sử dụng để trồng khoai tây trong vụ Đông-Xuân theo hướng VietGAP. - Các hộ dân tham gia vào dự án (40 hộ) của giai đoạn 1 sẽ thực hiện và theo sát tất cả các kỹ thuật này để mỗi hộ đều hoàn thiện được quy trình tổng hợp, thuận lợi cho việc triển khai, kiểm tra, theo dõi và đánh giá hiệu quả kinh tế, làm bước đệm cho giai đoạn 2. <p><i>Giai đoạn 2: Giai đoạn bền vững kết quả của dự án</i></p> <p>Kết thúc giai đoạn 1, người dân trong toàn xã đã chứng thực được tính hiệu quả của các mô hình. Tới giai đoạn 2, dự án sẽ giảm thiểu việc hỗ trợ cho người dân thực hiện các kỹ thuật xuống tới mức tối đa. Bà con nông dân sẽ vẫn tự áp dụng các kỹ thuật này vào quá trình sản xuất của nhà mình ngay cả khi không nhận được sự hỗ trợ của dự án. Thật ra người nông dân không sợ đầu tư, chỉ cần đầu ra ổn định và sản xuất hiệu quả thì bà con sẽ sẵn sàng tự đầu tư sản xuất. Tuy nhiên, trong giai đoạn trước, khi có ít hộ tham gia trực tiếp vào dự án thì áp lực về đầu ra chưa nhiều, lại có tiếng là sản xuất khoai tây an toàn</p>
--	--	--

		<p>nên việc tiêu thụ khoai cho các hộ dân tham gia vào dự án là không khó, nhưng khi các hộ dân thấy hiệu quả và ồ ạt sản xuất thì khâu quản lý chất lượng và tiêu thụ sản phẩm phải được đặt lên hàng đầu. Để quản lý cho tốt thì dự án sẽ phải lấy danh sách tất cả những hộ dân có nguyện vọng tham gia vào dự án mặc dù họ không nhận được hỗ trợ từ dự án. Căn cứ vào danh sách đó mà dự án có những điều chỉnh thích hợp. Nếu diện tích trồng khoai tây của dự án quá nhiều thì dự án sẽ hỗ trợ địa phương xây kho lạnh để thu mua và bảo quản khoai tây cho người dân. Đồng thời tạo điều kiện cho địa phương phát triển thương hiệu Khoai Tây an toàn.</p>
33	<p>Nghiên cứu xây dựng mô hình đưa giáo dục bảo vệ môi trường tới cộng đồng ở phường Xuân Hòa và phụ cận</p> <p>Bộ môn Thực vật - Vi sinh, khoa Sinh-KTNN, trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2</p> <p>Tổng kinh phí: 510.000.000 VNĐ</p> <p>GEF SGP: 510.000.000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng danh lục các loài cây cảnh và cây bóng mát tại phường Xuân Hòa (thuộc thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) và phụ cận. - Đánh giá tính đa dạng thực vật, sự đa dạng về giá trị tài nguyên, sinh học, sinh thái các loài ở khu vực nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống. - Đánh giá hiện trạng hệ thống cây trồng làm cảnh và bóng mát tại khu vực nghiên cứu, từ đó đề xuất biện pháp khai thác và phát triển hệ thực vật, phục vụ mục đích phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. - Gắn biển tên Việt Nam và tên khoa học một số loài cây lâu năm tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 và một số trường học tại khu vực nghiên cứu, phục vụ việc học tập, nghiên cứu và giáo dục bảo vệ cảnh quan, bảo vệ môi trường. - Trồng mới một số loài cây có khả năng tạo cảnh quan đẹp, giá trị kinh tế cao và phù hợp với điều kiện sinh thái tại một số trường học và tuyến đường chính. - Tổ chức hội thảo tại một số cơ quan và trường học để vận động mọi người cùng tham gia bảo vệ môi trường. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết đề tài với các nội dung đã đăng ký: Danh lục các loài, thông tin về đa dạng các đơn vị phân loại, giá trị tài nguyên, sinh học và sinh thái, kết quả về sinh trưởng của cây mới trồng, giải pháp đưa giáo dục bảo vệ môi trường vào trường học và đến với người dân.

	<p>- 1-2 bài báo trên tạp chí hoặc hội nghị quốc gia, đào tạo 3-5 sinh viên làm đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học; 1-2 học viên làm luận văn tốt nghiệp cao học.</p> <p>- Gắn biển tên Việt Nam và khoa học cho các loài được trồng tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 và một số trường học khác trong khu vực.</p> <p>- Trồng mới khoảng 10 loài cây gỗ với khoảng 200-500 cá thể (phụ thuộc vào điều kiện tài chính) tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2; một số cơ quan, trường học và tuyến đường chính thuộc khu vực nghiên cứu.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>- Hoạt động 1: Nghiên cứu, đánh giá tính đa dạng thành phần loài</p> <p>Sản phẩm: Danh lục các loài</p> <p>- Hoạt động 2: Nghiên cứu, đánh giá tính đa dạng thực vật, sự đa dạng về giá trị tài nguyên, sinh học, sinh thái các loài</p> <p>Sản phẩm: Đa dạng về các đơn vị phân loại, các nhóm tài nguyên, thông tin về mùa hoa quả, vùng phân bố tự nhiên của các loài nghiên cứu.</p> <p>- Hoạt động 3: Khảo sát điều kiện tự nhiên-xã hội của khu vực nghiên cứu.</p> <p>Sản phẩm: Đề xuất giải pháp sử dụng và phát triển hệ thực vật nhằm tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường.</p> <p>- Hoạt động 4: Lập kế hoạch gắn biển tên Việt Nam và khoa học một số loài.</p> <p>Sản phẩm: Gắn biển tên Việt Nam và khoa học các loài điển hình.</p> <p>- Hoạt động 5: Đánh giá khả năng thích ứng và trồng mới một số loài cây có khả năng tạo cảnh quan đẹp, giá trị kinh tế tại một số trường học và tuyến đường chính.</p> <p>Sản phẩm: Trồng mới khoảng 10 loài cây gỗ với khoảng 200-300 cá thể (phụ thuộc vào điều kiện tài chính); báo cáo về kết quả cây mới trồng</p> <p>- Hoạt động 6: Hội thảo về việc sử dụng kết quả nghiên cứu vào</p>
--	--

		<p>việc phát triển kinh tế địa phương và giáo dục bảo vệ môi trường.</p> <p>Sản phẩm: Giải pháp sử dụng kết quả nghiên cứu vào việc phát triển kinh tế địa phương và giáo dục bảo vệ môi trường.</p> <p>- Hoạt động 7: Tổng hợp kết quả nghiên cứu, viết báo cáo tổng kết.</p> <p>Sản phẩm: Bản báo cáo tổng kết</p>
34	<p>Nâng cao năng lực quản lý, giám sát bảo tồn đa dạng sinh học cho cán bộ, ban quản lý, chính quyền và người dân địa phương tại Khu bảo tồn thiên nhiên – văn hóa Đồng Nai</p> <p>Khu bảo tồn thiên nhiên- văn hóa Đồng Nai</p> <p>Tổng kinh phí: 1.229.316.704 đồng.</p> <p>GEF SGP: 1.041.254.864 đồng.</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>* Mục tiêu tổng quát.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường năng lực quản lý, giám sát và bảo tồn đa dạng sinh học cho cán bộ Khu Bảo tồn. Nâng cao ý thức của cộng đồng về công tác bảo tồn ĐDSH. Thúc đẩy sự tham gia của người dân vào công tác giám sát, quản lý tài nguyên rừng và các nguồn lợi thủy sản. - Khôi phục hệ sinh thái rừng đặc trưng của khu vực, cải tạo sinh cảnh làm nơi cư trú cho các loài động vật hoang dã và bảo vệ rừng đầu nguồn cho hồ thủy điện Trị An. - Thiết lập kế hoạch quản lý, bảo tồn hiệu quả thông qua việc hình thành cơ chế thực hiện xã hội hóa công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên ĐDSH, nâng cao tính thân thiện của con người đối với tài nguyên thiên nhiên. - Phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ môi trường, sử dụng và phát triển tài nguyên bền vững. <p>* Mục tiêu cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực quản lý, giám sát cho cán bộ, nhân viên Khu Bảo tồn và người dân địa phương. - Tăng cường các hoạt động quản lý ĐDSH với sự tham gia của cộng đồng. - Đề xuất các giải pháp bảo tồn các loài động vật quý hiếm. - Tăng cường các giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Hỗ trợ người dân khai thác hiệu quả, ổn định lượng sinh trưởng các nguồn lợi thủy sản đảm bảo đời sống lâu dài cho ngư dân trong khu vực. - Bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác bảo tồn cho

		<p>Khu Bảo tồn.</p> <p>b. Kết quả dự án:</p> <p>Các thành viên tham gia nắm được phương pháp điều tra, giám sát, kỹ năng quản lý tài nguyên ĐDSH dựa vào cộng đồng từ đó giúp cho công tác bảo tồn đạt hiệu quả hơn; lực lượng kiểm lâm Khu Bảo tồn, cán bộ lâm nghiệp xã, kiểm lâm địa bàn được bổ sung thêm kiến thức về phương pháp xác định các điểm nóng, xử lý và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm luật QLBR.</p> <p>Lập bản đồ vùng phân bố và mật độ tương đối của một số loài động vật đã lựa chọn được chính xác hơn; ghi nhận được một số đặc điểm sinh học - sinh thái của một số loài có tầm quan trọng quốc tế, các nguyên nhân đe dọa đến sự tồn tại; đánh giá được phần nào về chất lượng môi trường trong khu vực thông qua các loài chỉ thị (như các loài linh trưởng, các loài chim nước). Từ đó, đề xuất được các giải pháp bảo tồn cho từng nhóm loài động vật một cách kịp thời và hiệu quả nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo tồn và phát triển tài nguyên ĐDSH của Khu Bảo tồn.</p> <p>Nắm được mật độ tương đối của các loài, lập sơ đồ phân bố các bãi cá sinh sản để có biện pháp quy hoạch các phân khu chức năng; ghi nhận được các đặc tính sinh học, phần nào biết được chất lượng môi trường nước..., từ đó xây dựng được các giải pháp bảo tồn, tái thả và hỗ trợ cho người dân khai thác, sử dụng nguồn lợi thủy sản bền vững.</p> <p>Các loài động vật tịch thu từ các vụ vi phạm được cứu chữa kịp thời, chăm sóc tái thả về môi trường tự nhiên. Xây dựng được quy trình tiếp nhận, chăm sóc, cứu hộ và tái thả về môi trường tự nhiên cho các loài động vật hoang dã được tịch thu từ các vụ vi phạm pháp luật. Đề xuất danh mục thuốc thú y, chế độ dinh dưỡng phù hợp cho loài được cứu hộ.</p> <p>Các hoạt động của dự án thực hiện đúng nội dung, tiến độ và phạm vi ngân sách đã phê duyệt, đáp ứng yêu cầu chất lượng, kỹ thuật . . .Thiết bị được mua sắm phục vụ tốt cho các hoạt động của dự án.</p> <p>c. Hoạt động dự án:</p> <p>- Gói hoạt động 1: Nâng cao nhận thức và năng lực quản lý cho cán bộ KBT, chính quyền và người dân địa phương.</p> <p>+ Tập huấn nâng cao kỹ năng điều tra, giám sát, quản lý</p>
--	--	--

		<p>tài nguyên ĐDSH dựa vào cộng đồng.</p> <p>+ Tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm lâm về phương pháp xác định trọng điểm và xử lý các hành vi vi phạm luật QLBVR.</p> <p>- Gói hoạt động 2: Tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng và điều tra giám sát ĐDSH.</p> <p>+ Giám sát, đánh giá và bảo tồn một số loài động vật hoang dã nguy cấp quý hiếm, loài chỉ thị về sinh cảnh và môi trường có sự tham gia của người dân địa phương.</p> <p>+ Điều tra, giám sát nguồn lợi thủy sản của hồ Trị An làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp bảo tồn ĐDSH, quản lý nguồn nước và hỗ trợ người dân khai thác hiệu quả, bền vững nguồn lợi thủy sản.</p> <p>- Gói hoạt động 3: Chăm sóc, cứu hộ một số loài động vật hoang dã tịch thu từ các vụ vi phạm pháp luật.</p> <p>+ Chăm sóc, cứu hộ các loài động vật hoang dã.</p> <p>+ Tham quan học hỏi về công tác chăm sóc cứu hộ các loài động vật hoang dã cho cán bộ Khu Bảo tồn.</p> <p>- Gói hoạt động 4: Quản lý giám sát quá trình thực hiện, mua sắm bổ sung một số trang thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu hoạt động quản lý bảo tồn ĐDSH của dự án.</p> <p>+ Quản lý, giám sát quá trình thực hiện dự án.</p> <p>+ Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của dự án.</p>
35	<p>Nâng cao năng lực, hiểu biết và kỹ năng sống thân thiện với môi trường cho cán bộ Khu bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai, người dân và học sinh, thanh niên địa phương</p> <p>Khu bảo tồn thiên</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>* Mục tiêu tổng quát.</p> <p>- Tăng cường năng lực, sự hiểu biết và tạo kỹ năng sống thân thiện với môi trường tự nhiên cho người dân địa phương và Đoàn cơ sở Khu Bảo tồn. Nâng cao ý thức của cộng đồng về môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.</p> <p>- Thúc đẩy sự tham gia của người dân vào công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, quản lý tài nguyên rừng và các nguồn lợi thủy sản đến cộng đồng dân cư một cách sâu rộng hơn.</p> <p>- Phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ môi trường, sử dụng và phát triển tài năng bền</p>

	<p>nhiên- văn hóa Đồng Nai</p> <p>Tổng kinh phí GEF SGP: 46.752 USD (Tương ứng: 991.142.400 đồng)</p> <p>Kinh phí đóng góp từ các nguồn khác: 9.350 USD (tương ứng: 198.220.000 đồng)</p>	<p>vững.</p> <p>* Mục tiêu cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đào tạo đội ngũ tuyên truyền viên nông cốt là đoàn viên thanh niên Khu Bảo tồn, cán bộ chính quyền địa phương, học sinh, đoàn thanh niên ở các xã trong vùng đệm và vùng lõi được trang bị những kỹ năng, phương pháp tuyên truyền, vận động. 2. Tăng cường sự tham gia của người dân, đặc biệt là học sinh, thanh niên trong công tác tuyên truyền nhằm xây dựng cầu nối giữa Khu Bảo tồn và cộng đồng. 3. Tăng cường các giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Hỗ trợ người dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn trong khai thác các nguồn lợi thủy sản đảm bảo đời sống lâu dài cho ngư dân trong khu vực. 4. Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích và thay đổi nhận thức về vai trò của môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học cho học sinh, thanh niên địa phương nhằm giảm áp lực, hạn chế những tác động tiêu cực vào nguồn tài nguyên của Khu Bảo tồn. 5. Tạo cơ hội cho người dân trong khu vực trao đổi kinh nghiệm, cách xây dựng cho một môi trường sống xanh, ứng xử hài hòa với tự nhiên. <p>b. Kết quả dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên tham gia các lớp tập huấn nắm được phương pháp diễn đạt trước đám đông, kỹ năng tuyên truyền và trở thành những tuyên truyền viên nông cốt ở địa phương. - Sau khóa tập huấn đoàn viên thanh niên Khu Bảo tồn sẽ trở thành những tuyên truyền viên, lực lượng chủ lực phối hợp cùng địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ truyền thông. - Ý thức của người dân trong vùng đệm Khu Bảo tồn được nâng lên và dần thay đổi thói quen sinh hoạt hàng ngày như: biết phân loại rác thải, hạn chế sử dụng túi nylon, tạo môi trường sống xanh, sạch, biết sử dụng thuốc bảo vệ thực vật một cách hiệu quả nhằm giảm tác
--	---	---

		<p>hại đến môi trường tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên các đội xung kích, Câu lạc bộ Xanh được trang bị nhiều hơn các kỹ năng, được học tập, tìm hiểu về môi trường thông qua các tài liệu và các buổi sinh hoạt và đặc biệt là được thể hiện quan điểm của mình về vấn đề môi trường bằng những việc làm và hành động cụ thể. - Tạo ra nhiều sân chơi lành mạnh cho thanh thiếu niên các xã vùng đệm và vùng lõi Khu Bảo tồn. - Xây dựng mối đoàn kết giữa đoàn thanh niên Khu Bảo tồn với đoàn thanh niên các xã nhằm tạo ra những công trình mang dấu ấn thanh niên cùng chung một mục đích là: Thanh niên hành động hôm nay – Thế giới ngày mai. <p>c. Hoạt động dự án:</p> <p>Hoạt động 1: Tập huấn kỹ năng tuyên truyền và phương pháp truyền thông, tiếp cận cộng đồng cho đoàn viên thanh niên Khu Bảo tồn, cán bộ chính quyền địa phương, học sinh, thanh niên địa phương.</p> <p>Hoạt động 2: Tập huấn cho người dân cách sử dụng an toàn và hiệu quả thuốc bảo vệ thực vật trong nuôi trồng và khai thác thủy sản trong khu vực.</p> <p>Hoạt động 3: Tổ chức các hội nghị tuyên truyền về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bảo vệ rừng.</p> <p>Hoạt động 4: Tổ chức các hội nghị tuyên truyền về biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên hồ Trị An.</p> <p>Hoạt động 5: Xây dựng mô hình đội xung kích bảo vệ môi trường ở các địa phương trong vùng đệm và vùng ven Khu Bảo tồn.</p> <p>Hoạt động 6: Xây dựng mô hình truyền thông giáo dục môi trường cho thanh niên địa phương ở các xã vùng đệm Khu Bảo tồn.</p> <p>Hoạt động 7: Tổ chức Hội thi tìm hiểu về môi trường, đa dạng</p>
--	--	---

		<p>sinh học và biến đổi khí hậu cho học sinh và người dân đang sinh sống trong vùng đệm.</p> <p>Hoạt động 8: In và cấp phát cho người dân sản phẩm túi vải không dệt thân thiện với môi trường nhằm giảm túi nylon trong sinh hoạt hằng ngày.</p> <p>Hoạt động 9: In ấn và cấp phát các tài liệu về môi trường, biến đổi khí hậu cho người dân thông qua các buổi tuyên truyền.</p>
36	<p>Tăng cường sử dụng năng lượng và tài nguyên làm đầu vào sản xuất một cách hiệu quả và tiết kiệm ở cấp hộ gia đình nhằm chống ô nhiễm, giảm thiểu biến đổi khí hậu tại tỉnh Quảng Trị</p> <p>Viện Tài chính Vi mô và Phát triển Cộng đồng</p> <p>Tổng kinh phí: VND 980,000,000</p> <p>GEF SGP: VND 960,000,000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Dự án nhằm tăng cường sử dụng năng lượng và tài nguyên làm đầu vào sản xuất một cách hiệu quả và tiết kiệm ở cấp hộ gia đình nhằm chống ô nhiễm, giảm thiểu biến đổi khí hậu tại tỉnh Quảng Trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cụ thể số 1: Phát triển các sản phẩm tín dụng theo hướng sử dụng năng lượng và tài nguyên làm đầu vào sản xuất một cách hiệu quả và tiết kiệm ở cấp hộ gia đình nhằm chống ô nhiễm, giảm phát thải, giảm thiểu biến đổi khí hậu cho người nghèo, người có thu nhập thấp, đối tượng yếu thế trong xã hội đặc biệt ở vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Quảng Trị. - Mục tiêu cụ thể số 2: Giúp quỹ tăng quy mô, doanh thu và lợi nhuận cho quỹ MACDI giúp quỹ phát triển bền vững và mở rộng tiếp cận nhiều khách hàng nghèo <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cá nhân/ hộ gia đình/ nhóm người nghèo, dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị có thể vận dụng kiến thức MACDI cung cấp vào sử dụng năng lượng và tài nguyên làm đầu vào sản xuất một cách hiệu quả và tiết kiệm ở cấp hộ gia đình nhằm chống ô nhiễm, giảm phát thải, giảm thiểu biến đổi khí hậu; - Quỹ hoạt động hiệu quả. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch dự án - Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm tín dụng - Tập huấn và tuyên truyền về sản phẩm tín dụng mới - Giải ngân thí điểm sản phẩm - Đánh giá và xem xét phản hồi từ thị trường - Mở rộng và nhân rộng giải ngân cho toàn bộ khách hàng theo kế hoạch cho khách hàng

		<ul style="list-style-type: none"> - Tính toán hiệu quả đầu tư của chương trình với MACDI - Kiểm soát, đánh giá dự án - Tổng kết và tiếp cận các nhà đầu tư nước ngoài và mở rộng hơn nữa trong tương lai
37	<p>Cải thiện môi trường trong xây dựng nông thôn mới</p> <p>Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Quảng Bình</p> <p>Tổng kinh phí: 3.000.000.000 đ</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000đ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Xây dựng và phát triển nông thôn mới bền vững thông qua các hoạt động phát triển kinh tế và cải thiện môi trường cho người dân tại xã Quảng Tiến và Quảng Hòa, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ít nhất 1.500 chị em phụ nữ (thành viên nhóm Tiết kiệm Vay vốn) của Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển tại hai xã Quảng Hòa và Quảng Tiến được nâng cao nhận thức về môi trường và phát triển kinh tế xanh; 85% trong số họ thay đổi thái độ, hành vi và 75% có thể áp dụng vào thực tiễn. - Ít nhất 3 sáng kiến về mô hình tạo thu nhập bằng kinh tế xanh được lựa chọn và áp dụng thành công. - 100% mô hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn (kể cả hoạt động sản xuất nông nghiệp) đáp ứng được tiêu chuẩn về môi trường. - Hệ thống thu gom và xử lý rác thải được xây dựng và hoạt động hiệu quả và bền vững thông qua các tổ tự quản tại các thôn. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn nâng cao nhận thức về môi trường và phát triển kinh tế xanh cho các thành viên nhóm TKVV, bao gồm cả phân loại rác và cách thức xử lý rác thải hữu cơ. - Xây dựng tờ rơi về các vấn đề môi trường để tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng - Tập huấn chuyên sâu về kiến thức môi trường và kỹ năng tổ chức các hoạt động tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ chủ chốt tại xã - Tổ chức thi sáng kiến kinh tế xanh tại cộng đồng nhằm tìm ra ít nhất 3 mô hình tạo thu nhập có tính khả thi. - Thực hiện thí điểm 3 mô hình tạo thu nhập, đánh giá sự thành công và khả năng nhân rộng mô hình. - Xây dựng các tiêu chuẩn về môi trường cụ thể cho các mô hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn, hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao nhận thức và giám sát việc thực hiện.

		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư 20 xe thu gom rác thải cho các tổ tự quản, đồng thời xây dựng cơ chế quản lý, vận hành phù hợp và bền vững. - Cung cấp vốn vay để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh hay cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường trong gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh.
38	<p>Xây dựng mô hình mẫu và thiết kế, chế tạo “Nhà xí Biogas lắp ghép siêu nhẹ, di động” để tổ chức quảng bá, áp dụng vào thực tế tại xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An</p> <p>VIỆN Khoa học Mô Địa chất và Năng lượng mới (SIMIGEN)</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 1.000.000.000 đ (Một tỉ Việt Nam đồng).</p>	<p>a.Mục tiêu của Dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế một loại hố xí tiện dụng, rẻ tiền nhưng bền đẹp, có tác dụng bảo vệ được môi trường, đồng thời vẫn giúp nông dân tận dụng được chất thải làm phân bón, có thêm chất đốt sử dụng vào sinh hoạt. - Quảng bá sâu rộng về các vùng nông thôn, giúp nông dân hiểu rõ lợi ích của việc sử dụng sản phẩm Dự án để mua dùng, tạo nên một bước tiến trong nỗ lực văn minh hóa nông thôn và cải thiện đời sống nông dân. <p>b. Sản phẩm và kết quả của Dự án:</p> <p>Sản phẩm và kết quả của dự án là mẫu nhà xí kiểu mới phù hợp tiện lợi cho bà con nông thôn và một mô hình để có thể nhân rộng.</p> <p>c. Dự kiến các hoạt động Dự án:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1, Thiết kế và thông qua hội thảo trình duyệt ; 2, Chế tạo, vận hành thử 1 bộ trong vòng 1 tháng; 3, Sản xuất 50 bộ mẫu 4, Tổ chức trình bày, giới thiệu sản phẩm tại địa phương là vùng nông thôn (xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, Nghệ An) 5, Tài trợ tặng miễn phí cho 7 hộ nông dân nghèo dùng thử 6, Đánh giá sau thời gian 6 tháng, báo cáo kết quả và đăng ký bản quyền. 7, Tổ chức đặt sản xuất hàng loạt
39	<p>ỨNG DỤNG HỆ THỐNG SẤY NĂNG LƯỢNG</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Ứng dụng hệ thống ứng dụng năng lượng mặt trời trong sấy nông sản, thủy sản và dược liệu tại TP Đà Nẵng</p>

	<p>MẶT TRỜI VÀO VIỆC SẤY NÔNG SẢN VÀ DƯỠC LIỆU TẠI TP. ĐÀ NẴNG</p> <p>Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng và Tư Vấn Chuyển Giao Công Nghệ, Sở Khoa Học Công Nghệ, TP Đà Nẵng.(TTTKNL& TVCGCN Đà Nẵng)</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 23.650 USD (tương đương 501.143.500 VND (Năm trăm lẻ một triệu một trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng y)</p>	<p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống sấy năng lượng mặt trời đối với các sản phẩm nông sản và dược liệu - Tuyên truyền về việc ứng dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động bảo vệ môi trường <p>c. Kế hoạch thực hiện</p> <p>1. Thuyết minh đề tài:</p> <p>Đặt vấn đề</p> <p>Đề xuất ý tưởng</p> <p>Nghiên cứu tính khả thi của đề tài</p> <p>2. Thiết kế hệ thống sấy</p> <p>Giải pháp công nghệ</p> <p>Thiết kế</p> <p>Tối ưu hóa thiết kế</p> <p>3. Lắp đặt hệ thống sấy</p> <p>Chọn doanh nghiệp thử nghiệm</p> <p>Chọn đơn vị thi công</p> <p>Giám sát thi công</p> <p>Nghiệm thu</p> <p>4. Triển khai ứng dụng</p> <p>Thử nghiệm thiết bị</p> <p>Đưa ra đề xuất ứng dụng rộng rãi</p> <p>Đánh giá tổng kết đề tài</p>
40	<p>Điều tra hiện trạng, đánh giá vai trò, đề xuất các giải pháp sử dụng đất ngập nước phù hợp nhằm giảm nhẹ và kịp thời ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng và vai trò của ĐNN trên địa bàn tỉnh. - Duy trì và từng bước phát triển các hệ sinh thái ở các vùng ĐNN, phục hồi và bảo vệ các loài sinh vật quý, hiếm. - Phát huy những lợi thế tự nhiên của tỉnh, phát triển bền vững các vùng ĐNN góp phần giảm nhẹ những hậu quả

	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 350 triệu đồng.</p> <p>Kinh phí khác: Ngân sách nhà nước 60 triệu đồng.</p>	<p>do thiên tai gây ra để phát triển bền vững.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ hiện trạng các khu ĐNN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. - Đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các giải pháp bảo tồn, quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả, hợp lý ĐNN hiện hữu trên địa bàn tỉnh nhằm giảm nhẹ tác động của BĐKH, nước biển dâng, trong đó có việc phân công cho cơ quan chức năng quản lý thống nhất và tổng hợp về ĐNN. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, đánh giá hiện trạng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh, lập bản đồ phân bố các khu đất ngập nước. - Đề xuất các giải pháp chính sách cần thực hiện nhằm quản lý bền vững các khu ĐNN và các hình thức bảo tồn, sử dụng hợp lý hệ sinh thái khu ĐNN phù hợp với những quy định hiện hành của quốc tế, quốc gia. - Tuyên truyền, vận động cộng đồng cùng tham gia bảo vệ, khai thác có hiệu quả tránh suy thoái các vùng đất ngập nước và có những hành động tích cực phát triển các hệ sinh thái vùng đất ngập nước.
41	<p>TRUYỀN THÔNG VÀ NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VỀ CHẤT THẢI HỮU CƠ BỀN VỮNG Ở TỈNH ĐỒNG NAI</p> <p>Trung tâm Thông tin công tác Tuyên giáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai</p>	<p>a. Mục đích dự án</p> <p>Nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị và người dân về tác hại của chất thải hữu cơ bền vững về những hành vi chưa đúng của cộng đồng làm tăng khối lượng và tác hại của rác thải đối với môi trường và sức khỏe nhân dân; từ đó làm thay đổi hành vi, xây dựng hành vi tích cực của các cơ quan, ban, ngành của cộng đồng và nhân dân tích cực góp phần hạn chế và xử lý tốt chất thải hữu cơ bền vững trên địa bàn tỉnh.</p> <p>b. Nội dung dự án</p> <p>Chuyên đề 1: Tình hình kinh tế - xã hội và vấn đề ô nhiễm môi trường do chất thải hữu cơ bền vững gây ra ở Đồng Nai hiện nay</p> <p>Chuyên đề 2: Chất thải hữu cơ bền vững – một số vấn đề cần</p>

	<p>Tổng kinh phí: GEF SGP:</p>	<p>biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải hữu cơ - Chất thải hữu cơ bền vững - Tác hại của chất thải hữu cơ bền vững đối với môi trường và sức khỏe con người. - Các hoạt động xử lý chất thải hữu cơ bền vững của các nước trên thế giới và của Việt Nam. <p>Chuyên đề 3: Tổng quan về công tác bảo vệ môi trường do chất thải hữu cơ bền vững gây ra ở Đồng Nai trong 05 năm gần đây</p> <p>Chuyên đề 4: Tổng quan về công tác quản lý môi trường trong sản xuất, sử dụng các sản phẩm làm từ chất thải hữu cơ bền vững ở Đồng Nai trong 05 năm gần đây</p> <p>Chuyên đề 5: Thái độ ứng xử đối với công tác bảo vệ môi trường do chất thải hữu cơ bền vững gây ra</p> <p>Chuyên đề 6: Nhu cầu sử dụng chất thải hữu cơ bền vững trong tái sản xuất</p> <p>Chuyên đề 7: Các hướng dẫn khuyến cáo của các cơ quan chức năng đối với người dân trong việc bảo vệ môi trường do chất thải hữu cơ bền vững gây ra</p> <p>Chuyên đề 8: Các hướng dẫn khuyến cáo của cơ quan chức năng đối với việc bảo vệ sức khỏe con người do chất thải hữu cơ bền vững gây ra.</p> <p>Chuyên đề 9: Thực trạng chất thải hữu cơ bền vững và công tác xử lý ở Đồng Nai hiện nay, những vấn đề đặt ra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực trạng chất thải hữu cơ bền vững ở Đồng Nai hiện nay. - Thực trạng công tác xử lý chất thải hữu cơ bền vững ở Đồng Nai hiện nay.
--	------------------------------------	---

		<p>- Những vấn đề đặt ra.</p> <p>Chuyên đề 10: Chủ trương và giải pháp xử lý chất thải hữu cơ bền vững ở Đồng Nai hiện nay</p> <p>- Các chủ trương, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh liên quan đến công tác xử lý chất thải hữu cơ bền vững.</p> <p>- Các giải pháp xử lý chất thải hữu cơ bền vững ở Đồng Nai hiện nay.</p> <p>- Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc tham gia xử lý chất thải hữu cơ bền vững.</p> <p>Chuyên đề 11: Báo - Đài với việc tuyên truyền bảo vệ môi trường do chất thải hữu cơ bền vững gây ra.</p>
42	<p>Đánh giá hiện trạng xói mòn đất tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Đề xuất giải pháp khắc phục</p> <p>Viện Địa chất và Môi trường - Institute of Geology and Environment (IGE)</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 1.500.000.000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Đánh giá hiện trạng xói mòn đất gây tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Đề xuất giải pháp khắc phục. Áp dụng thử nghiệm và đánh giá một số mô hình cụ thể nhằm khắc phục, hạn chế, giảm thiểu thiệt hại do xói mòn đất gây ra.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thực trạng, nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của xói mòn đất tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; 2. Bản đồ hiện trạng và phân vùng cảnh báo nguy cơ xói mòn đất trên địa bàn huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; 3. Các đề xuất giải pháp khắc phục, hạn chế, giảm thiểu thiệt hại do xói mòn đất gây ra; 6. Bộ cơ sở dữ liệu và bản đồ xói mòn đất huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; 7. Kết quả xây dựng và áp dụng thử nghiệm một số mô hình cụ thể nhằm khắc phục, hạn chế, giảm thiểu thiệt hại do xói mòn đất gây ra. 8. Đào tạo cán bộ kỹ thuật tại địa phương. 9. Biên soạn tài liệu hướng dẫn. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiến hành điều tra, đánh giá thực trạng xói mòn đất tại huyện

		<p>Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tại thực địa (cùng với các cộng tác viên tại địa phương);</p> <p>2. Tiến hành xác định nguyên nhân và đánh giá mức độ ảnh hưởng của hiện tượng xói mòn đất trên địa bàn huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cùng với các cộng tác viên tại địa phương);</p> <p>3. Tiến hành lập Bản đồ hiện trạng và phân vùng cảnh báo nguy cơ xói mòn đất trên địa bàn huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái;</p> <p>4. Tiến hành đề xuất giải pháp khắc phục, hạn chế, giảm thiểu thiệt hại do xói mòn đất gây ra (tham khảo ý kiến chuyên gia, các dự án tương tự đã triển khai và phối hợp cùng với các cộng tác viên tại địa phương), lựa chọn mô hình tối ưu phù hợp với đặc điểm tự nhiên và xã hội tại địa phương;</p> <p>5. Áp dụng thử nghiệm mô hình (cùng với chính quyền, các cộng tác viên và nhân dân tại địa phương);</p> <p>6. Tiến hành đánh giá mô hình (cùng với chính quyền, các cộng tác viên và nhân dân tại địa phương);</p> <p>7. Triển khai đào tạo cán bộ kỹ thuật tại địa phương;</p> <p>8. Tiến hành biên soạn tài liệu hướng dẫn;</p> <p>9. Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ xói mòn đất huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái;</p> <p>10. Viết báo cáo tổng kết dự án.</p>
43	<p>Điều tra hiện trạng ô nhiễm môi trường tại các mỏ khai thác đá ở huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đề xuất các giải pháp xử lý và hạn chế ô nhiễm.</p> <p>Viện Địa chất và Môi trường - Institute of Geology and Environment (IGE)</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 2.500.000.000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Điều tra và đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường tại các mỏ khai thác đá ở huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đề xuất các giải pháp xử lý và hạn chế ô nhiễm. Áp dụng thử nghiệm và đánh giá một số mô hình cụ thể.</p> <p>Dự án này sẽ tiến hành triển khai thí điểm tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sau đó có thể triển khai cho các địa phương khác.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>1. Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thực trạng, nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của hiện trạng ô nhiễm môi trường tại các mỏ khai thác đá tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;</p> <p>2. Các đề xuất mô hình khắc phục, hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các mỏ khai thác đá tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;</p> <p>3. Kết quả xây dựng và áp dụng thử nghiệm một số mô hình cụ thể nhằm khắc phục, hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các mỏ khai thác đá tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;</p> <p>4. Đào tạo cán bộ kỹ thuật tại địa phương.</p>

		<p>5. Biên soạn tài liệu hướng dẫn.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Tiến hành điều tra, đánh giá thực trạng ô nhiễm môi trường tại các mỏ khai thác đá tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình tại thực địa (cùng với các cộng tác viên tại địa phương);</p> <p>2. Tiến hành xác định nguyên nhân và đánh giá mức độ ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tại các mỏ khai thác đá trên địa bàn huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (cùng với các cộng tác viên tại địa phương);</p> <p>3. Tiến hành đề xuất giải pháp khắc phục, hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các mỏ khai thác đá (tham khảo ý kiến chuyên gia, các dự án tương tự đã triển khai và phối hợp cùng với các cộng tác viên tại địa phương);</p> <p>4. Áp dụng thử nghiệm mô hình (cùng với chính quyền, các cộng tác viên và nhân dân tại địa phương và các doanh nghiệp hoặc tư nhân khai thác mỏ);</p> <p>5. Tiến hành đánh giá mô hình (cùng với chính quyền, các cộng tác viên và nhân dân tại địa phương và các doanh nghiệp tư nhân khai thác mỏ);</p> <p>6. Triển khai đào tạo cán bộ kỹ thuật tại địa phương;</p> <p>7. Tiến hành biên soạn tài liệu hướng dẫn;</p> <p>8. Viết báo cáo tổng kết dự án.</p>
44	<p>Tổ chức tuyên truyền về Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai, nâng cao nhận thức bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, chính quyền và người dân địa phương trong Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai</p> <p>Ban quản lý Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn về ĐDSH và quản lý ĐDSH cho cán bộ Khu DTSQ, chính quyền địa phương; - Biên tập và xuất bản tài liệu tuyên truyền về Khu DTSQ, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học; - Tổ chức tuyên truyền về Khu DTSQ, môi trường, ĐDSH tại các xã và trường học; - Tổ chức hội thi tìm hiểu ĐDSH cho học sinh các trường vùng đệm và vùng chuyển tiếp Khu DTSQ Đồng Nai; - Tổ chức tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm với các Khu DTSQ khác tại Việt Nam cho cán bộ quản lý, chính quyền địa phương; - Tập huấn về biến đổi khí hậu cho cán bộ quản lý, chính quyền và người dân địa phương trong Khu DTSQ; - Các trang thiết bị mua sắm phục vụ dự án đúng mục tiêu và hoạt động của dự án.

	<p>Tổng kinh phí: 1,155,899,495 đồng</p> <p>GEF SGP: 982,514,571 đồng</p>	<p>b. Kết quả dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao kiến thức về ĐDSH và quản lý, quy hoạch bảo tồn tài nguyên ĐDSH cho cán bộ quản lý Khu DTSQ và cán bộ lãnh đạo chính quyền địa phương. - Nâng cao ý thức của người dân địa phương đặc biệt là tầng lớp học sinh trong công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường; tầm quan trọng của Khu DTSQ và nguồn tài nguyên đa dạng sinh học mà Khu DTSQ đang cùng với cộng đồng địa phương quản lý, bảo vệ. - Bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, kỹ năng sống và ứng xử với môi trường, ĐDSH cho tầng lớp thanh thiếu niên trong Khu DTSQ. - Nâng cao năng lực cho cán bộ Khu DTSQ để giám sát, quản lý và bảo tồn ĐDSH. Thông qua học tập các mô hình sinh kế cho người dân của các Khu DTSQ khác trong nước để hoạch định những chiến lược quản lý bảo tồn ĐDSH cho phù hợp với đơn vị mình và mang lại lợi ích cho người dân. Tạo mối liên hệ gần gũi và nâng cao nhận thức bảo tồn cho cán bộ lãnh đạo địa phương. - Giúp cộng đồng nhận thức rõ vấn đề thích ứng chống biến đổi khí hậu trên cơ sở các phương pháp dân gian cải tiến và các giải pháp thích ứng, nghiên cứu, đề xuất giải pháp chính, phù hợp góp phần bảo vệ và phòng chống hoang mạc hoá, phòng hạn, phòng chống suy thoái tài nguyên nước cho Khu DTSQ. - Các hoạt động của dự án thực hiện đúng nội dung, tiến độ và phạm vi hỗ trợ đã phê duyệt, đáp ứng yêu cầu chất lượng, kỹ thuật . . .Thiết bị được mua sắm phục vụ tốt cho các hoạt động của dự án. <p>c. Hoạt động dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 1: Tập huấn về ĐDSH và quản lý ĐDSH cho cán bộ Khu DTSQ, chính quyền địa phương. - Hoạt động 2: Biên tập và xuất bản tài liệu tuyên truyền về Khu DTSQ, bảo vệ môi trường và bảo tồn ĐDSH. - Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền về Khu DTSQ, môi trường, ĐDSH tại các xã và trường học. - Hoạt động 4: Tổ chức hội thi tìm hiểu ĐDSH cho học sinh các trường vùng đệm và vùng chuyển tiếp Khu
--	---	---

		<p>DTSQ Đồng Nai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 5: Tổ chức tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm với các Khu DTSQ khác tại Việt Nam cho cán bộ quản lý, chính quyền địa phương. - Hoạt động 6: Tập huấn về biến đổi khí hậu cho cán bộ quản lý, chính quyền và người dân địa phương trong Khu DTSQ. - - Hoạt động 7: Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhu cầu hoạt động quản lý bảo tồn ĐDSH của dự án.
45	<p><i>Nghiên cứu xây dựng hệ thống xử lý nước thải khu giết mổ gia súc tập trung, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.</i></p> <p>Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.</p> <p>Tổng kinh phí: 1.669.483.000 VNĐ</p> <p>GEF SGP: 50.000 USD (tương đương 1.050.000.000VNĐ)</p>	<p>a. Mục tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu tổng quát: nhằm góp phần bảo vệ môi trường, hạn chế lây lan dịch bệnh ở khu giết mổ gia súc tập trung, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Đắk Hà. - Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện được quy trình xử lý nước thải phù hợp với khu giết mổ gia súc ở huyện Đắk Hà. - Xử lý được nước thải từ khu giết mổ gia súc tập trung, nước thải qua xử lý đạt được tiêu chuẩn để thải ra môi trường theo quy định. - Quản lý, kiểm soát được dịch bệnh ở khu giết mổ gia súc tập trung. - Phù hợp với quy hoạch phát triển Ngành và quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đắk Hà. - Đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của hệ thống xử lý nước thải. <p>b. Kết quả dự kiến.</p> <p>Sau khi triển khai thực hiện dự án hệ thống xử lý nước thải khu giết mổ gia súc tập trung hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng hoạt động đem lại nhiều lợi ích tại khu giết mổ gia súc tập trung và vùng hưởng lợi của dự án cụ thể như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải ra được xử lý đảm bảo các quy chuẩn về môi trường. - Thu được nguồn năng lượng khí gas từ bể yếm khí bình quân mỗi ngày tạo ra sản phẩm khí gas khoảng 50m³ gas để làm chất đốt nấu nước sôi phục vụ khâu làm lông, chạy máy nổ phục vụ cho hoạt động khu giết mổ gia súc và điện thấp sáng. Tiết kiệm việc chi phí tiền mua củi khoảng 182.500.000 đồng/năm, tiết

		<p>kiệm chi phí tiền điện thấp sáng, bơm nước khoảng 73.000.000 đồng/năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng các bể lọc sinh học và nguồn thức ăn từ phế phẩm khâu giết mổ gia súc và phụ phẩm từ chất thải gia súc đã qua xử lý bể lọc yếm khí biogas để nuôi cá, dự kiến lợi nhuận khoảng 20.000.000 đồng/năm. - Đảm bảo công tác quản lý nhà nước, thuận tiện trong việc kiểm soát giết mổ động vật, hạn chế tình trạng dịch bệnh lây lan, góp phần ổn định và phát triển bền vững ngành chăn nuôi trên địa bàn, nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh. <p>c. Hoạt động dự kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra đánh giá thực trạng khu giết mổ gia súc tập trung ở huyện Đắk Hà. - Khảo sát học tập kinh nghiệm xử lý nước thải khu giết mổ gia súc ở nơi khác. - Nghiên cứu, lựa chọn thiết kế kỹ thuật, lựa chọn công nghệ phù hợp, hiệu quả. - Xây dựng hệ thống xử lý nước thải. - Phân tích đánh giá nước thải qua xử lý. - Hoàn thiện quy trình công nghệ xử lý nước thải phù hợp với điều kiện huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. - Đào tạo, tập huấn kỹ thuật vận hành, quản lý hệ thống xử lý nước thải. - Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường.
46	<p>XÂY DỰNG ĐƯỜNG CƠ SỞ VỀ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG ĐIỆN NHÓM NGÀNH THỦY SẢN TẠI KHU VỰC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG</p> <p>Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng và Tư Vấn Chuyển Giao Công Nghệ, Sở Khoa Học Công</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Đánh giá hiện trạng sử dụng năng lượng điện trong các nhà máy chế biến thủy sản tại thành phố Đà Nẵng.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và phát triển đường cơ sở tiêu thụ điện cho nhóm ngành thủy sản - Phân tích và tính toán lượng phát thải khí nhà kính ra môi trường - Định hướng khu vực và nhóm thiết bị trọng tâm trong triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý dự án (DECC) 2. Khảo sát và đánh giá hiện trạng tiêu thụ năng lượng trong các

	<p>Nghệ, TP Đà Nẵng.(TTTKNL&TVCGCN Đà Nẵng)</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: 29.660 USD (tương đương 628.495.400 VND (Sáu trăm hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn bốn trăm đồng y)</p>	<p>nhà máy</p> <p>2.1. Thiết kế dự án</p> <p>2.2. Liên hệ , thu xếp thời gian làm việc với các nhà máy</p> <p>2.3. Thu thập thông tin vào phiếu khảo sát năng lượng theo mẫu của Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin của 20 công ty chế biến thủy sản - Khảo sát, đo đạc và thu thập thông tin tiêu thụ năng lượng - Tổng hợp và phân tích dữ liệu - Xây dựng và phát triển đường cơ sở năng lượng - Thuê chuyên gia tư vấn đường cơ sở năng lượng <p>2.4. Sửa đổi và hoàn thiện thông tin theo ý kiến chuyên gia.</p> <p>2.5. Hội thảo công bố đề tài xây dựng đường cơ sở.</p>
47	<p>Bảo tồn và phát triển nghề thuốc Nam nhằm ổn định sinh kế cho đồng bào dân tộc Dao (xã Ba Vi, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội)</p> <p>Khoa Môi trường, Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội</p> <p>GEF SGP: 600.000.000 đ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Tạo ra được mô hình quản lý và hình thức cung cấp nguồn nguyên liệu tại chỗ phục vụ sản xuất nguồn dược liệu quý giá, gia truyền, bí truyền (thuốc Nam) nhằm ổn định đời sống văn hóa, vật chất và tinh thần cho cộng đồng người Dao trên địa bàn xã Ba Vi, huyện Ba Vì, Hà Nội.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được mô hình quản lý, sản xuất nguồn nguyên liệu hỗ trợ cho hoạt động sản xuất thuốc Nam gia truyền, quý giá. - Ổn định sinh kế, góp phần bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn. - Các báo cáo chuyên đề - Ít nhất 01 bài báo khoa học trong nước - Ít nhất 01 khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát hiện trạng quản lý, sản xuất cây thuốc Nam trên địa bàn - Xây dựng mối liên minh giữa nhà quản lý, nhà khoa học và cộng đồng trong việc thực hiện mục tiêu của dự án - Tổ chức sản xuất thử nghiệm, đúc rút bài học và nhân rộng mô

		hình
48	<p>Cải tạo, mở rộng và bảo vệ vườn chim tại xóm 10, xã Lý Thành, huyện Yên Thành nhằm bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học.</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An</p> <p>Tổng kinh phí:</p> <p>GEF SGP: 1.100.000.000đ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Đánh giá được hiện trạng vườn chim tại xóm 10, xã Lý Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Góp phần phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng gắn liền với phát triển vườn chim trên địa bàn, để tăng cường để bảo tồn và tăng cường sự đa dạng sinh học, góp phần cải thiện đời sống của cộng đồng dân cư địa phương.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích rừng có các loài chim sinh sống trên địa bàn xã Lý thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được điều tra đo đạc lại; - 02 lớp tập huấn về trồng, bảo vệ và khai thác rừng gắn với phát triển và bảo vệ các loài chim sinh sống trong rừng được tổ chức cho người dân vùng thực hiện dự án; - 02 mô hình trồng rừng nhằm tăng mức độ đa dạng sinh học, tạo điều kiện cho các loài chim về cư trú được triển khai tại khu vực thực hiện dự án. - Các phương án nghiên cứu mở rộng, cải tạo vườn chim được đưa ra. Nếu điều kiện có thể mở rộng thêm diện tích của vườn. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức điều tra, đánh giá đúng hiện trạng rừng có các loài chim đến sinh sống và cư trú tại xóm 10, xã Lý Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An: diện tích, phân bố, hiện trạng về đa dạng sinh học của rừng. - Đề xuất kế hoạch phục hồi, trồng thêm cây nhằm tăng mức độ đa dạng sinh học của rừng, tạo môi trường thích hợp cho các loài chim cư trú. - Xây dựng thí điểm mô hình trồng cây gia tăng mức độ đa dạng sinh học rừng gắn với bảo vệ và phát triển vườn chim tại khu vực được lựa chọn. - Nghiên cứu các phương án cải tạo, mở rộng vườn chim. Nếu không vướng mắc trong các thủ tục về cấp đất thì sẽ mở rộng diện tích vườn chim

49	<p>Ứng dụng các giải pháp công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi nông hộ, gia trại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Trung tâm nghiên cứu ứng dụng KHKT chăn nuôi Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 đồng</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>a.Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng một nền chăn nuôi sạch, an toàn sinh học, thân thiện môi trường và hiệu quả kinh tế cao - Ứng dụng công nghệ KSH (biogas), chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, giảm ô nhiễm môi trường - Tái sử dụng chất thải cung cấp khí đốt cho hộ chăn nuôi - Nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo vệ sức khỏe con người <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 40 hầm Biogas thể tích 15m³; 40 bể chứa phụ chứa nước thải biogas làm phân bón và nuôi cá - Hỗ trợ chế phẩm vi sinh cho 40 hộ chăn nuôi - Tổ chức 2 lớp tập huấn về công nghệ biogas, chế phẩm EM và quản lý thức ăn, nước uống, hóa chất tồn dư - Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả dự án <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyển chọn hộ dân, trang trại tham gia. Hướng dẫn xây mới , sửa chữa chuồng trại phù hợp đủ tiêu chuẩn - Tập huấn về công nghệ biogas, EM, quy trình kỹ thuật chăn nuôi - Lựa chọn công nghệ biogas, chế phẩm sinh học phục vụ xây dựng mô hình - Hướng dẫn xử lý chất thải - Tổ chức giám sát, đánh giá hiệu quả/ kiến nghị đề xuất thực hiện trong những năm tiếp theo
50	<p>Xây dựng một số mô hình thâm phủ cải tạo và chống xói mòn đất trong vườn cây ăn quả và cây công nghiệp ở vùng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhằm cải tạo và hạn chế tối đa sự suy thoái đất trong một số vườn cây ăn quả và cây công nghiệp của tỉnh Nghệ An - Mục tiêu cụ thể: giảm nhiệt độ của đất trong ngày nắng nóng; giảm xói mòn, nâng độ phì của đất; nâng cao nhận

	<p>miền Tây Nghệ An</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu cây ăn quả và cây công nghiệp Phủ Quỳnh</p> <p>Thời gian thực hiện: 1 năm (2014) Tổng kinh phí: 1.000.000.000 đồng GEF SGP: 700.000.000 đồng</p>	<p>thức của người dân trong canh tác sử dụng đất</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm nhiệt độ của đất trong ngày nắng nóng; - Giảm xói mòn đất và rửa trôi đất - Nâng độ phì của đất - Nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý của người dân trong canh tác sử dụng đất <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng cây đậu long, lạc đại làm thảm phủ trong 10ha vườn cam, quýt, bưởi - Trồng cây đậu lông, đậu mè Thái Lan làm thảm phủ trong 10ha vườn cây cao su - Trồng cây lạc đại, đậu đen làm thảm phủ trong 10 ha vườn cây mía - Tập huấn về cải tạo đất, chống xói mòn đất trong vườn cây ăn quả
51	<p>Canh tác phù hợp, bảo vệ đất và môi trường cho vùng dân tộc thiểu số Tây Nghệ An</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu cây ăn quả và cây công nghiệp Phủ Quỳnh</p> <p>Thời gian thực hiện: 36 tháng Tổng kinh phí: 1.600.000.000 đồng GEF SGP: 1.100.000.000 đồng Các nguồn khác: 500.000.000 đồng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Tăng cường hiểu biết và cải thiện cuộc sống của vùng dân tộc thiểu số, góp phần tăng hiệu quả sản xuất, bảo vệ đất canh tác, hạn chế phá rừng đầu nguồn để sản xuất nông nghiệp, hạn chế xói mòn rửa trôi đất gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, sinh thái</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng hiệu quả canh tác nông nghiệp từ 15-20% - Nâng cao trình độ canh tác, sử dụng đất, phát huy lợi thế địa phương - Góp phần phát triển một số cây trồng bản địa - Hạn chế xói mòn, rửa trôi đất và ảnh hưởng đến môi trường do canh tác <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra đánh giá khảo sát địa điểm dự kiến triển khai - Lựa chọn điểm triển khai (xã, hộ), chọn loại cây trồng phù hợp - Tập huấn kỹ thuật - Tổ chức xây dựng mô hình nhân giống (chú trọng cây trồng bản địa) - Tổ chức xây dựng mô hình sản xuất phù hợp điều kiện cụ thể của địa phương
52	Xây dựng mô hình	a. Mục tiêu

	<p>cộng đồng bảo tồn, phát triển hệ sinh thái rừng núi cao và bảo tồn Pơ-mu (Fokienia hodginsii Henry et Thomas) tại khu bảo tồn Tả Xùa – tỉnh Sơn La</p> <p>Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc</p> <p>Tổng kinh phí: 1.350.000.000 đồng</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p> <p>Các nguồn khác: 350.000.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung <p>Góp phần bảo tồn và phát triển hệ sinh thái rừng trên núi cao cho khu BTTN Tả Xùa, Sơn La; bảo tồn và phát triển nguồn gen cây Pơ mu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cụ thể <p>Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên rừng và các loài cây quý (Pơ mu); Xây dựng tập đoàn cây trồng phục hồi rừng; xây dựng kỹ thuật phục hồi rừng bằng các loài cây bản địa; xây dựng kỹ thuật gây trồng và bảo vệ Pơ mu</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 150 -200 người được đào tạo nâng cao nhận thức - Tạo được 1000 -2000 cây giống Pơ mu - Mô hình rừng cộng đồng trên diện tích 1,5 – 3ha được xây dựng với 3 loài cây cho lâm sản ngoài gỗ - Xây dựng mô hình làm giàu rừng bằng cây Pơ mu với diện tích 1-2ha - Xây dựng quy trình kỹ thuật rừng cộng đồng với một số loài cây lâm sản ngoài gỗ <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đánh giá rừng trong vùng dự án - Đánh giá hiện trạng phân bố cây Pơ mu - Tổ chức hội thảo, tập huấn nâng cao nhận thức - Tập huấn xây dựng mô hình rừng cộng đồng - Tập huấn kỹ thuật nhân giống cây Pơ mu - Tập huấn kỹ thuật xây dựng mô hình làm giàu rừng bằng cây Pơ mu - Thử nghiệm mô hình rừng cộng đồng bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng với 1 số cây: táo mèo, Sa nhân tím, Song mật, mỗi loại 0,5 – 1 ha - Làm giàu rừng bằng Pơ mu trên trạng thái rừng Ic, IIa (0,5-1ha) - Tổ chức hội thảo, hội nghị xây dựng biện pháp kỹ thuật phục
--	--	--

		<p>vụ bảo tồn và phát triển giống cây quý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo xây dựng mô hình rừng cộng đồng - Tổ chức hội thảo tuyên truyền nâng cao nhận thức trong quản lý bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng - Tổ chức các hội nghị đầu bờ đúc rút và tổng kết kinh nghiệm, chuyển giao kỹ thuật
53	<p>Đầu tư hệ thống thiết bị máy xử lý rác thải bằng công nghệ urot trên địa bàn huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn-Việt Nam</p> <p>Doanh nghiệp tư nhân Tiến Hòa</p> <p>Thời gian thực hiện: 12 tháng</p> <p>Tổng kinh phí: 4.600.000.000 đồng GEF SGP: 2.500.000.000 đồng</p>	<p>a.Mục tiêu Xử lý rác thải triệt để hơn, bảo vệ môi trường tốt hơn, giảm chi phí vận chuyển, côn lạp, tăng hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - rác qua xử lý sạch, không ô nhiễm, giảm thiểu diện tích đất chôn lấp rác thải - Rác được phân ly từng loại và tận dụng - Tận dụng mùn sản xuất phân hữu cơ - Tăng hiệu quả kinh tế <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 12 tháng (kể từ ngày dự án được phê duyệt)
54	<p>Nâng cao năng lực cho giáo viên và tuyên truyền về biến đổi khí hậu trong trường học thí điểm tại huyện Hiệp Đức tỉnh Quảng Nam</p> <p>Văn phòng hợp phần về thích ứng với biến đổi khí hậu</p>	<p>a.Mục tiêu Lồng ghép biến đổi khí hậu trong trường học nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức về biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó; tạo cho học sinh có ý thức trách nhiệm cao và hành động cụ thể sáng tạo để bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá sơ bộ sự hiểu biết về tác động của BĐKH của các cơ quan nhà nước, giáo viên, học sinh tại địa phương - Đội ngũ tuyên truyền viên - Bộ tài liệu về tuyên truyền BĐKH cho học sinh - Nâng cao nhận thức về BĐKH cho học sinh - Hội thảo, tập huấn chia sẻ kinh nghiệm - Báo cáo đánh giá kết quả dự án <p>c. Hoạt động dự kiến</p>

	<p>Quảng Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 1.260.000.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo lấy ý kiến về dự án - Đánh giá sơ bộ sự hiểu biết về tác động của BĐKH của các cơ quan nhà nước, giáo viên, học sinh tại địa phương - 1 lớp đào tạo tuyên truyền viên về biến đổi khí hậu - Xây dựng bộ tài liệu về BĐKH và thiết kế bài giảng cho học sinh - Tổ chức mit tinh, kết hợp hoạt động ngoại khóa <p>Đánh giá kết quả thực hiện dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo tổng kết và chia sẻ kinh nghiệm
55	<p>Canh tác bền vững gắn với bảo vệ đất của cộng đồng dân tộc Thái xã Púng Tra, huyện Thuận Châu, Sơn La</p> <p>Trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, Trường đại học Tây Bắc</p> <p>GEF SGP: 800.000.000 đồng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hiệu quả kinh tế trong canh tác đất dốc đồi dốc của cộng đồng; - Nâng cao nhận thức, kỹ thuật canh tác đất dốc bền vững gắn với bảo vệ đất không bị xói mòn, rửa trôi, thoái hóa, bạc màu của cộng đồng <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 03ha mô hình canh tác đất dốc bền vững - 02ha mô hình nông lâm tổng hợp bền vững - 02ha mô hình trồng cây che phủ, bảo vệ ,cải tạo đất - 13 mô hình ủ phân hữu cơ - 468 hộ gia đình được tập huấn kỹ thuật <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 03 ha mô hình canh tác đất dốc bền vững - Tập huấn kỹ thuật canh tác đất dốc bền vững cho cộng đồng (13 lớp cho 468 người tại 13 bản của xã) - Xây dựng 02 ha mô hình nông lâm tổng hợp bền vững - Xây dựng 02ha mô hình trồng cây che phủ, bảo vệ ,cải tạo đất - Xây dựng 13 mô hình ủ phân hữu cơ - Tập huấn về sử dụng phân bón hiệu quả và kỹ thuật ủ phân hữu cơ (13 lớp cho 468 người tại 13 bản của xã) - Tuyên truyền: tổ chức hội nghị đầu bờ, hội thảo - Làm phóng sự truyền hình về kết quả dự án - Các hoạt động tăng cường năng lực cộng đồng
56	<p>Ứng dụng cách tiếp cận Y tế công cộng (YTCC) để giảm nguy cơ phơi nhiễm với Dioxin trong môi trường và thực</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Áp dụng cách tiếp cận Y tế công cộng nhằm giảm nguy cơ phơi nhiễm với Dioxin trong môi trường và thực phẩm cho người dân sống tại 3 phường Trung Dũng, Tân Phong, và Bửu Long, thành phố Biên Hòa</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p>

	<p>phẩm cho người dân sống tại 3 phường xung quanh sân bay Biên Hòa</p> <p>Hội Y tế công cộng Việt Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 1.800.000.000 đồng GEF SGP: 47,450USD tương đương (1.000.000.000 đồng) Các nguồn khác: 800.000.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ tài liệu truyền thông dự phòng phơi nhiễm Dioxin trong môi trường và thực phẩm - Các buổi tập huấn cho cán bộ và đội ngũ tuyên truyền viên - Kiến thức, thái độ, thực hành (KAP) của người dân tại 3 phường được cải thiện - 03 báo cáo: báo cáo đánh giá (KAP) trước can thiệp, sau can thiệp và báo cáo hoạt động dự án - Các bài trình bày về kết quả chương trình can thiệp tại các hội nghị trong nước, quốc tế về Dioxin - 1 bài báo khoa học được đăng tải <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kiến thức –thái độ -thực hành của người dân tại 3 phường và đánh giá nồng độ Dioxin trong thực phẩm tại Biên Hòa - Hoàn thiện và in ấn các sản phẩm truyền thông để áp dụng tại 3 phường - Tập huấn cho đại diện các Ban, ngành liên quan - Triển khai một số hoạt động truyền thông - Triển khai các hoạt động tập huấn, truyền thông dự phòng phơi nhiễm Dioxin tại phường Bửu Long - Đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng phơi nhiễm Dioxin trong môi trường và thực phẩm tại 3 phường sau can thiệp
57	<p>Trồng rừng chống bồi lấp, sạt lở và bảo vệ nguồn nước bầu ông và bầu bà tại thôn Hồng Lâm, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận</p> <p>Chi cục Lâm nghiệp Bình Thuận, số 17 Thủ Khoa Huân, TP Phan Thiết, Bình Thuận</p> <p>Tổng kinh phí: GEF SGP: từ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhằm tạo ra một đại rừng phòng hộ ven bầu để chặn đứng nạn cát bay, cố định cồn cát di động và chống xói mòn đất tạo ra những thảm xanh cải tạo tiểu khí hậu trong vùng, góp phần làm thay đổi theo hướng bền vững về mặt môi trường của vùng, đồng thời tạo cảnh quan sinh thái góp phần vào việc phát triển ngành du lịch hiện có tại địa phương. - Nâng cao hiệu quả phòng chống sạt lở, cát di động và sa mạc hóa gây ảnh hưởng đến diện tích mặt nước Bầu. Ngăn chặn việc lấn chiếm đất 02 bên bờ Bầu để sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi gây ảnh hưởng đến nguồn nước trong Bầu. - Rút ra bài học kinh nghiệm để có thể mở rộng diện tích trồng rừng và đề xuất xây dựng mô hình trồng rừng phòng hộ cho các bầu nước ngọt vùng đất cát khô hạn duyên hải miền trung. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Hình thành vùng trồng rừng tập trung theo mô hình trồng rừng thuần loại phi lao, dự kiến khoảng 10 – 15ha tại khu vực có ngu</p>

	1.000.000.000đ đến 1.200.000.000đ	<p>cơ cao sạt lở, xói mòn và rửa trôi gần bầu. Diện tích nằm trong qui hoạch 03 loại rừng do ban quản lý rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ Lê Hồng Phong quản lý.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập bộ phận quản lý dự án, cán bộ hỗ trợ - Khảo sát ban đầu chọn vị trí trồng rừng - Thiết kế dự án - Triển khai dự án - Theo dõi, nghiệm thu, đánh giá hiệu quả, tổng hợp bài học kinh nghiệm và xây dựng mô hình dự án tham khảo.
58	<p>Xây dựng mô hình thu gom, phân loại và xử lý nguồn rác thải sinh hoạt tại một xã nông thôn tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Chi cục bảo vệ Môi trường Thanh Hóa</p> <p>Số 14 đường Hạc Thành P. Tân Sơn, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa Tổng Kinh phí: GEF SGP: 1.000.000.000đ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng mô hình thu gom, phân loại và xử lý nguồn rác thải sinh hoạt tại một xã nông thôn tỉnh Thanh Hóa góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân + Tìm giải pháp công nghệ đơn giản, phù hợp với điều kiện địa phương + Xây dựng cơ chế tài chính phù hợp - Mục tiêu tổng quát: <p>Trên cơ sở đúc rút kinh nghiệm từ mô hình thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đã được ứng dụng, nghiên cứu, điều chỉnh và xây dựng được các mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho vùng nông thôn, phù hợp với từng vùng, miền nhằm phổ biến, nhân rộng cho các khu nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nói riêng và trên địa bàn cả nước nói chung</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo nghiên cứu tổng quan về thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn tại nông thôn Thanh Hóa. - Báo cáo chuyên đề nghiên cứu xây dựng qui trình ủ rác thải hữu cơ làm phân bón và qui trình chôn lấp rác hợp vệ sinh - Xây dựng 01 mô hình thu gom rác, phân loại, xử lý triệt để chất thải rắn sinh hoạt tại một xã nông thôn tỉnh Thanh Hóa - Báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình - Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, thu gom rác thải <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tổng quan về hiện trạng thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn khu vực nông thôn, tỉnh Thanh Hóa - Nghiên cứu cơ sở khoa học lựa chọn mô hình thu gom, quản

		<p>lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại 01 xã nông thôn, tỉnh Thanh Hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 01 mô hình thí điểm thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại 01 xã nông thôn, tỉnh Thanh Hóa - Đánh giá hiệu quả hoạt động của mô hình: xây dựng cơ chế phối hợp, quản lý, vận hành mô hình và cơ chế hỗ trợ tài chính. - tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cộng đồng đối với việc thu gom, xử lý rác thải rắn sinh hoạt nông thôn. - Hội thảo, tổng kết, nghiệm thu dự án
59	<p>Xây dựng mô hình bảo tồn rừng cây ngập mặn dựa vào cộng đồng tại hệ sinh thái đất ngập nước ven biển tại thôn Đồng Tân, xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường Thanh Hóa Số 14 đường Hạc Thành P. Tân Sơn, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa Tổng kinh phí: GEF SGP: 1000.000.000đ</p>	<p>1. Mục tiêu: Mô hình bảo tồn rừng cây ngập mặn dựa vào cộng đồng tại hệ sinh thái đất ngập nước ven biển tại thôn Đồng Tân, xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa là mô hình được xây dựng với mục đích bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững đa dạng sinh học trong hệ sinh thái đất ngập nước ven biển trên cơ sở cộng đồng dân cư sinh sống và khai thác tài nguyên hệ sinh thái này; người dân tự quản lý và đề ra cách thức khai thác bền vững với sự giám sát của chính quyền và cộng đồng dân cư sống xung quanh.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua việc xây dựng và triển khai dự án, cho các loài thủy sản và thực vật có giá trị trong hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển tại thôn Đồng Tân, xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc được phục hồi và bảo tồn; người dân sẽ có ý thức hơn về vai trò của hệ sinh thái đất ngập nước ven biển; gia tăng thu nhập cho cộng đồng sống xung quanh. - Sản phẩm của mô hình bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng tại hệ sinh thái đất ngập nước ven biển bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản thiết kế mô hình + Quy trình xây dựng mô hình + Diện tích rừng ngập mặn hoặc hệ sinh thái đất ngập nước được phục hồi, bảo vệ + Số lượng các lớp tập huấn + Quy định (qui ước bảo vệ rừng) của thôn <p>3. Hoạt động dự kiến Bước 1: Thiết kế mô hình bảo tồn RNM dựa vào cộng đồng tại hệ sinh thái đất ngập nước ven biển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập, phân tích, đánh giá các thông tin liên quan đến xây dựng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng tại hệ sinh thái đất ngập nước ven biển

		<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc với nhân dân địa phương thôn Đồng Tân, Xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc. - Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tại thôn Đồng Tân, Xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc. - Thiết kế mô hình - Phân tích, đánh giá tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn - Thiết kế các giải pháp triển khai xây dựng mô hình trên thực tế - Hoàn thiện bản thiết kế mô hình <p>Bước 2: Xây dựng mô hình bảo tồn RNM dựa vào cộng đồng tại hệ sinh thái đất ngập nước ven biển</p> <p><i>- Giới thiệu dự án để thống nhất nội dung, cách thức triển khai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Liên hệ với địa phương để trao đổi chủ trương và nội dung thực hiện + Làm việc với lãnh đạo, các ban ngành, đoàn thể và cộng đồng để thống nhất nội dung và cách thức triển khai xây dựng mô hình. + Chuẩn bị tổ chức họp giới thiệu dự án cho lãnh đạo huyện, xã và nhân dân trong xã nơi thực hiện dự án. + Vận động sự tham gia của cộng đồng và chính quyền địa phương vào triển khai thực hiện xây dựng mô hình <p><i>- Triển khai xây dựng mô hình trên thực tiễn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Xác định diễn tích đất ngập mặn cần bảo tồn, quản lý chặt chẽ trước các tác động của con người. + Xây dựng hương ước (hương ước) về bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên đa dạng sinh học tại khu vực xây dựng mô hình và thống nhất với địa phương để ban hành qui ước + Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của hệ sinh thái đất ngập nước ven biển đối với đời sống của nhân dân: mở lớp tuyên truyền , tổ chức các cuộc thi tìm hiểu vai trò, giá trị của hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển , các hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái này. + Khảo sát xác định các vị trí và diện tích có thể trồng mới và trồng dặm các loài thực vật ngập mặn <p><i>- Triển khai, hướng dẫn và thực hiện các hoạt động nâng cao sinh kế</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn cách thức khai thác, bảo vệ và phát triển bền vững các loài thủy sản + Phát huy các ngành nghề truyền thống của địa phương
--	--	---

		- Đánh giá hiệu quả của việc triển khai xây dựng mô hình trên thực tế
60	<p>Một số giải pháp phát triển bền vững cho vùng cói Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Phòng Trồng trọt – Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa</p> <p>Số 49 A Đại lộ Lê Lợi P. Tân Sơn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 1.750.000.000đ (GEF SGP: 1000.000.000đ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo và nâng cao tay nghề cho người lao động thông qua việc cải tiến kỹ thuật, tiếp cận sản phẩm mới về trồng, chế biến và sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ đa dạng, tinh xảo và có giá trị trong nước và xuất khẩu cao như mũ, giày dép cói, túi xách, làn lẵng, khay cói. - Nâng cao năng xuất và chất lượng cói - Nâng cao cơ sở vật chất chế biến, hỗ trợ mua mới 1 máy sấy hấp nguyên liệu - Đẩy mạnh xúc tiến thương mại với các doanh nghiệp trong và ngoài nước - Nâng cao năng xuất, tạo ra sản phẩm mới,... <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo được 10 lớp học cho số lượng 500 lao động có tay nghề vững vàng, làm chủ kỹ thuật thâm canh cói, chế biến một số mặt hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp đáp ứng được một phần nhu cầu thị trường; nâng cao năng lực, đa dạng hóa sản phẩm. - Xây dựng được 5 ha mô hình thâm canh với năng xuất trên 90 tấn/ha, tỉ lệ cói dài chiếm trên 50%. - Đảm bảo cung cấp 3000 sản phẩm cói khô/ ngày cung cấp nguyên liệu cho chế biến sản phẩm sau thu hoạch. - Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho 200 lao động từ nghề sản xuất chế biến cói. - Sản xuất ra được các sản phẩm thủ công mỹ nghệ đạt chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. - Xúc tiến thương mại một số thị trường trong và ngoài nước, trong đó chủ yếu tìm kiếm các nhà nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ từ cói ở các nước Châu Âu và Châu Mỹ. Mục đích là tăng thị phần thị trường tiêu thụ. Cách thức là mang các sản phẩm mỹ nghệ từ cói đi trưng bày tại hội chợ quốc tế (thông thường lài chợ chuyên ngành về hàng thủ công mỹ nghệ tại TP Frankfurt – Đức vào tháng 2 và hội chợ tại Hồng Kong tháng 10 hàng năm) <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Dự án được triển khai thực hiện trên qui mô 6 xã ven biển huyện Nga Sơn bao gồm : Nga Điền, Nga Phú, Nga Thái, Nga Tiến, Nga Tân, Nga Thủy, trong đó tập trung ở 2 xã trọng điểm cói là Nga Tiến và Nga Tân</p>

61	<p>Xây dựng thương hiệu rau sạch cho nông dân bằng các công nghệ WEB 2.0</p> <p>Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nghiên cứu và phát triển Nông Lâm Thủy sản</p> <p>Tổng kinh phí: 830.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 800.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí đóng góp từ các nguồn khác: Công ty TNHH một thành viên nghiên cứu và phát triển Nông Lâm Thủy sản: 30.000.000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Dự án cần phải đạt được các kết quả sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu 1: Xây dựng mạng lưới xã hội OpenFarm cho các đại diện nông dân của các vùng sản xuất rau sạch - Mục tiêu 2: Xây dựng ứng dụng “Chỉ một cú nhấp chuột” cho máy tính bảng OpenFarm-for-farmer để có thể viết tin trên hệ thống OpenFarm thông qua 3G và GPS. - Mục tiêu 3: Chuyển giao công nghệ của OpenFarm cho các đại diện nông dân đang canh tác các rau quả dễ hỏng tại một xã đã chọn và xây dựng phần Hướng dẫn sử dụng cho máy tính bảng OpenFarm-for-farmer - Mục tiêu 4: Xây dựng hệ thống ID tích hợp mã QR cho hệ thống OpenFarm - Mục tiêu 5: Xây dựng ứng dụng cho máy tính bảng OpenFarm-for-customer đặt tại siêu thị cho người tiêu dùng có thể kiểm tra thông tin về sản phẩm và chuỗi cung ứng đã được kiểm soát trên OpenFarm - Mục tiêu 6: Chuyển giao công nghệ của OpenFarm cho hệ thống siêu thị và cài đặt máy tính bảng OpenFarm-for-customer để người tiêu dùng có thể kiểm tra các rau quả của OpenFarm <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả 1: OpenFarm hoạt động tốt và hoàn thành tất cả các mục tiêu đặt ra - Kết quả 2: OpenFarm được công bố trên Internet phục vụ cho một xã sản xuất rau sạch - Kết quả 3: Máy tính bảng OpenFarm-for-customer hoạt động tốt đối với tất cả các chức năng và ứng dụng cần thiết - Kết quả 4: Hệ thống ID cho chuỗi cung ứng sản phẩm hoạt động tốt với tất cả các chức năng cần thiết - Kết quả 5: Có 5 loại thực phẩm được tạo lập trong OpenFarm - Kết quả 6: Máy tính bảng OpenFarm-for-customer hoạt động tốt với tất cả các chức năng và ứng dụng cần thiết - Kết quả 7: Một chuỗi siêu thị sử dụng OpenFarm và đặt máy tính bảng OpenFarm-for-customer để người tiêu dùng kiểm tra các sản phẩm có trong OpenFarm <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Chúng tôi chia dự án thành những hoạt động cho những mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 1: Xây dựng những phần cốt lõi của OpenFarm. Dự kiến hoàn thành: 3 tháng
----	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 2: Thiết kế các ứng dụng cho máy tính bảng OpenFarm-for-farmer. Dự kiến hoàn thành: 2 tháng - Hoạt động 3: (Sau khi 1,2 hoàn thành) Triển khai hệ thống OpenFarm trên nền tảng web tích hợp với máy tính bảng OpenFarm-for-farmer. Dự kiến hoàn thành: 1 tháng - Hoạt động 4: (Sau khi 3 hoàn thành) Huấn luyện cho các đại diện nông dân về OpenFarm. Dự kiến hoàn thành: 1 tháng - Hoạt động 5: (Sau khi 3 hoàn thành) Chỉnh sửa OpenFarm theo yêu cầu của thực tế. Dự kiến hoàn thành: 2 tháng - Hoạt động 6: (Sau khi 4 hoàn thành): Xây dựng bộ mã QR cho hệ thống ID. Dự kiến hoàn thành: 2 tháng - Hoạt động 7: (Sau khi 5 hoàn thành) Xây dựng các ứng dụng cho máy tính bảng OpenFarm-for-customer. Dự kiến hoàn thành: 4 tháng - Hoạt động 8: (Sau khi 6 hoàn thành) Triển khai OpenFarm cho hệ thống siêu thị. Dự kiến hoàn thành: 2 tháng - Hoạt động 9: (Sau khi 6 hoàn thành) Chỉnh sửa OpenFarm nhằm đáp ứng nhu cầu của nông dân, doanh nghiệp, siêu thị và khách hàng. Dự kiến hoàn thành: 7 tháng - Hoạt động 10: (Sau khi 6 hoàn thành) Viết bản báo cáo thu hoạch. Dự kiến hoàn thành: 3 tháng
62	<p>Tăng cường sử dụng năng lượng và tài nguyên làm đầu vào sản xuất một cách hiệu quả và tiết kiệm ở cấp hộ gia đình nhằm chống ô nhiễm, giảm thiểu biến đổi khí hậu tại tỉnh Quảng Trị.</p> <p>Viện Tài chính Vi mô và phát triển Cộng đồng.</p> <p>Tổng kinh phí: 980.000.000</p>	<p>a.Mục tiêu</p> <p>Dự án nhằm tăng cường sử dụng năng lượng và tài nguyên làm đầu vào sản xuất một cách hiệu quả và tiết kiệm ở cấp hộ gia đình nhằm chống ô nhiễm, giảm thiểu biến đổi khí hậu tại tỉnh Quảng Trị.</p> <p>Mục tiêu cụ thể số 1: Phát triển các sản phẩm tín dụng theo hướng sử dụng năng lượng và tài nguyên làm đầu vào sản xuất một cách hiệu quả và tiết kiệm ở cấp hộ gia đình nhằm chống ô nhiễm, giảm phát thải, giảm thiểu biến đổi khí hậu cho người nghèo, người có thu nhập thấp, đối tượng yếu thế trong xã hội đặc biệt ở vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Quảng Trị.</p> <p>Mục tiêu cụ thể số 2: Giúp quỹ tăng quy mô, doanh thu và lợi nhuận cho quỹ MACDI giúp đỡ quỹ phát triển bền vững và mở rộng tiếp cận nhiều khách hàng nghèo.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cá nhân/hộ gia đình/nhóm người nghèo, dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị có thể vận dụng kiến thức MACDI cung cấp vào

	<p>GEF/SGP: 960.000.000</p>	<p>sử dụng năng lượng và tài nguyên làm đầu vào sản xuất một cách hiệu quả và tiết kiệm ở cấp hộ gia đình nhằm chống ô nhiễm, giảm phát thải, giảm thiểu biến đổi khí hậu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quỹ hoạt động hiệu quả. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch dự án - Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm tín dụng - Tập huấn và tuyên truyền về sản phẩm tín dụng mới - Giải ngân thí điểm sản phẩm - Đánh giá và xem xét phản hồi từ thị trường. - Mở rộng và nhân rộng giải ngân cho toàn bộ khách hàng theo kế hoạch cho khách hàng. - Tính toán hiệu quả đầu tư của chương trình với MACDI - Kiểm soát, đánh giá dự án - Tổng kết và tiếp cận các nhà đầu tư nước ngoài và mở rộng hơn nữa trong tương lai.
63	<p>Biến phế phẩm thành sản phẩm góp phần bảo vệ môi trường tại cộng đồng thôn bản.</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, ĐH Tây Bắc.</p> <p>Tổng kinh phí: 979.725.000</p> <p>GEF/SGP: 949.725.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết vấn đề phế thải nông nghiệp (lỗi ngô) và rác thải sinh hoạt, phân trâu bò nuôi nhốt dưới gầm nhà Sàn gây ô nhiễm môi trường góp phần tạo môi trường trong sạch và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. - Tận dụng phế thải (lỗi ngô, rác thải) để tạo ra sản phẩm có giá trị (nấm sò, phân ủ) góp phần tăng thu nhập cho người dân. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng thành công mô hình trồng nấm Sò trên lỗi ngô tại 200 hộ dân. - Xây dựng thành công 200 mô hình phân ủ tại gia đình. - Xây dựng thành công 200 mô hình trồng rau sạch sử dụng phân ủ. - 200 hộ dân được tập huấn kỹ thuật trồng nấm Sò trên lỗi ngô, kỹ thuật ủ phân, kỹ thuật trồng rau sử dụng phân ủ. -> Môi trường tại cộng đồng được cải thiện, người dân có thêm thu nhập. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Dự án triển khai tại 200 hộ dân thuộc 4 huyện của tỉnh Sơn La gồm: huyện Mộc Châu, huyện Yên Châu, huyện Mai Sơn, huyện Thuận Châu (đây là 4 huyện dọc tuyến Quốc lộ 6 có diện tích trồng ngô lớn nhất tỉnh Sơn La, có rất đông người dân tộc Thái sinh sống trên nhà Sàn). Dự kiến mỗi huyện làm tại 2 xã, mỗi xã 5 bản, mỗi bản 5 hộ dân.</p>

		<p>- Hoạt động 1: Khảo sát, tìm hiểu các điều kiện về kinh tế, xã hội, môi trường, nhận thức của người dân nhằm thu được kết quả khái quát nhất về khu vực triển khai đề án. Từ kết quả khảo sát sẽ có những điều chỉnh cần thiết trong kế hoạch hoạt động cho phù hợp và chọn được đối tượng sẽ triển khai đề án.</p> <p>Kết quả đầu ra của hoạt động này là chọn được mỗi huyện 2 xã, mỗi xã 5 bản, mỗi bản 5 hộ dân là đối tượng hưởng lợi trực tiếp của dự án.</p> <p>- Hoạt động 2: Tập huấn kỹ thuật trồng nấm Sò trên nguyên liệu lõi ngô; Tập huấn kỹ thuật ủ phân sử dụng bã thải nấm và phân chuồng; Tập huấn kỹ thuật trồng rau sạch sử dụng phân ủ (dự kiến tập huấn cho 20 hộ dân).</p> <p>+ Xây dựng mô hình trồng nấm Sò, mô hình phân ủ tại gia đình, mô hình trồng rau sạch sử dụng phân ủ (Dự kiến xây dựng mô hình tại 200 hộ dân đã được tập huấn)</p> <p>+ Trong các buổi tập huấn, có thể kết hợp với Trưởng bản hoặc 1 thành viên trong cộng đồng dịch ra tiếng địa phương (tiếng Thái) để người dân tham gia tập huấn dễ tiếp thu hơn.</p> <p>Kết quả đầu ra của hoạt động này là 4 lớp tập huấn lý thuyết (mỗi huyện 1 lớp), 200 mô hình trồng nấm Sò, 200 mô hình phân ủ tại gia đình, 200 mô hình trồng rau sạch sử dụng phân ủ.</p> <p>- Hoạt động 3: kết nối thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm nấm Sò, giúp nông dân có thị trường tiêu thụ ổn định. Dự án sẽ giúp kết nối nông dân với các địa điểm tiêu thụ như các chợ Trung tâm tại các Huyện và thành phố, các nhà hàng, quán ăn, quán lẩu nấm.</p> <p>Sản phẩm nấm sẽ được đóng bao bì, trên bao bì in logo và thông tin của nhà tài trợ; thông tin của Trung tâm Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; thông tin và địa chỉ của hộ dân/bản sản xuất ra sản phẩm.</p> <p>Kết quả đầu ra của hoạt động này là bán được sản phẩm nấm Sò tại ít nhất 3 nhà hàng tại thành phố Sơn La, 3 chợ thuộc thành phố Sơn La, 4 chợ tại 4 huyện.</p> <p>- Hoạt động 4: Đánh giá dự án : nhà tài trợ sẽ cùng trung tâm, chính quyền địa phương và cộng đồng đi nghiệm thu các mô hình. Đánh giá hiệu quả của dự án tác động đến nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường thông qua sự thay đổi về môi trường tại cộng đồng thôn bản.</p>
64	Xây dựng trung tâm	a. Mục tiêu

	<p>cứu hộ, bảo tồn các loài động vật hoang dã và kết hợp du lịch sinh thái tại khu du lịch hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>Công ty cổ phần Khách sạn du lịch công đoàn hồ Núi Cốc.</p> <p>Tổng kinh phí: 2.000.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>Nhằm bảo tồn bền vững các loài chim hoang dã trên cơ sở xây dựng ý thức và sự tham gia bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học của người dân.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>Quy hoạch và bảo tồn bền vững tại một số khu vực có các loài chim hoang dã và hưởng lợi từ các dịch vụ môi trường đem lại.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, lập quy hoạch bảo tồn chi tiết các loài chim hoang dã tại đảo Bờ Rạ, hồ Núi Cốc, tp Thái Nguyên. - Thực hiện tuyên truyền cho người dân địa phương nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường từ đó tự nguyện tham gia các hoạt động bảo tồn các loài chim hoang dã trong khu vực. - Lập kế hoạch bảo tồn bền vững các loài chim hoang dã trên cơ sở người dân địa phương thực hiện và hưởng lợi từ các dịch vụ môi trường đem lại; chính quyền và kiểm lâm địa phương hỗ trợ và bảo đảm pháp lý.
65	<p>Đánh giá tính dễ tổn thương và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của cộng đồng ven biển tại xã Hộ Độ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>Chi cục bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và môi trường Hà Tĩnh.</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Dự án bao gồm 4 mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, tìm hiểu tính dễ bị tổn thương, những thay đổi và xu hướng của khí hậu ở tỉnh Hà Tĩnh thông qua trường hợp nghiên cứu điển hình tập trung đến vấn đề thích ứng với BĐKH (vùng cửa sông và ven biển) - Nâng cao khả năng thích ứng BĐKH cho người dân địa phương bao gồm các hộ gia đình, cộng đồng, những cán bộ chủ chốt của địa phương. - Tạo điều kiện tích hợp những giải pháp thích ứng BĐKH vào đời sống sinh kế hiện tại và tương lai cho người dân địa phương ở xã Hộ Độ (xã hưởng lợi từ dự án). - Hỗ trợ các chính sách chính cho Chương trình mục tiêu quốc gia thích ứng với BĐKH của bộ Tài nguyên và môi trường, bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các chương trình phát triển của tỉnh. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hiểu biết về tính dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng địa phương với BĐKH thông qua trường hợp nghiên cứu/đánh giá điển hình tại xã Hộ Độ, huyện Hà Lộc, tỉnh Hà Tĩnh - Đề xuất khả năng lồng ghép các giải pháp thích ứng vào sinh kế, kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển và các chương trình/kế

		<p>hoạch vào các hộ gia đình, làng xã, huyện và tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực cho cán bộ ở cấp địa phương để sẵn sàng tích hợp các giải pháp và chính sách tối ưu nhất vào chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn trên lớp cho các thành viên sẽ tham gia đánh giá tính dễ tổn thương và năng lực thích ứng với BĐKH về các khái niệm chung, phương pháp và các công cụ đánh giá - Khảo sát, đánh giá thực địa sử dụng các công cụ đã được tập huấn với sự tham gia của cộng đồng - Biên soạn báo cáo các kết quả chính của phần đánh giá tính dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng cũng như vạch ra những chính sách và giải pháp thích hợp nhất với địa phương - Tổ chức 1 hội thảo có sự tham gia của các cơ quan cấp tỉnh, những người ra quyết định, những nhà hoạch định để trình bày kết quả của phần đánh giá tính dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng, giới thiệu cho họ những chính sách và giải pháp thích ứng tối ưu nhất cho địa phương - Chuẩn bị 1 bài báo cáo về kết quả và kiến nghị để trình bày ở một hội thảo quốc gia về BĐKH
66	<p>Nâng cao nhận thức bảo vệ đa dạng sinh học và xây dựng chương trình (mô hình) du lịch sinh thái tại khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ.</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Tĩnh.</p> <p>Kinh phí; 1.200.000.000</p> <p>GEF SGP: 800.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập bản đồ phân vùng sinh thái, xác định các vùng sinh thái có đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm - Nâng cao nhận thức bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường của người dân sống trong vùng đệm - Xây dựng mô hình phát triển kinh tế hội gia đình bền vững trong vùng đệm - Xây dựng mô hình du lịch sinh thái tại khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ em độ tuổi tiểu học sống quanh khu vực bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ có nhận thức tốt về bảo vệ môi trường sinh thái và các hệ sinh thái trong khu vực Kê Gõ, yêu quý các loài động thực vật trong khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ. - 100% người dân khu vực sống xung quanh khu vực bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ có nhận thức tốt về giá trị và tiềm năng du lịch của khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ. - 100% người dân có ý thức trong việc thúc đẩy và phát triển để

		<p>vùng Kê Gổ có thể phát triển thành khu du lịch sinh thái thu hút đông đảo khách trong nước và quốc tế (người dân bắt đầu có thói quen tốt trong bảo vệ môi trường sống như hạn chế sử dụng và thải bỏ túi ni lông ra môi trường, có ý thức quảng bá về du lịch vùng hồ Kê Gổ)</p> <p>- Xây dựng chương trình (mô hình) phát triển kinh tế vùng đệm bền vững nhằm giảm sự lệ thuộc vào tài nguyên rừng: phát triển kinh tế xã hội các xã nằm trong vùng đệm bằng cách chuyển các ngành nghề để tạo điều kiện cho nông dân xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống, ít phụ thuộc vào kinh tế tài nguyên rừng trong đó chú trọng xây dựng mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình bền vững trong vùng đệm.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>- Thiết kế chương trình truyền thông, tổ chức lớp học nâng cao nhận thức và tầm quan trọng của hệ động thực vật trong khu vực bảo tồn và vùng đệm</p> <p>+ Đối tượng truyền thông: trẻ em độ tuổi cấp 1 sống trong vùng đệm và vùng lân cận khu bảo tồn.</p> <p>+ Hoạt động truyền thông: tổ chức các bài học (bài 1) Hệ sinh thái trên cạn của khu vực bảo tồn Kê Gổ (hình ảnh và mô tả và các loài sinh vật, đặc điểm cư trú, sinh sống, đặc biệt là các loài có trong sách đỏ Việt Nam; (bài 2) Hệ sinh thái dưới nước, (loài đặc thù của vùng ngập nước, liệt kê theo tên, hình ảnh, đặc điểm cư trú, sinh sống); (bài 3) Hệ sinh thái rừng (liệt kê các loài cây đặc thù, quý hiếm, hình ảnh, hoặc một số cây có tác dụng làm thuốc). (bài 4) Dạy cho học sinh về mối tương quan giữa các mắt xích trong chuỗi sinh thái: Phân tích và đưa ra ví dụ điển hình. Tổ chức trò chơi về mối quan hệ giữa các loài trong hệ sinh thái để các em hiểu rõ vấn đề. (bài 5) Thi vẽ tranh về các loài động thực vật mà các em yêu thích trong khu bảo tồn thiên nhiên và phát biểu cảm nghĩ. (bài 6) Tổng kết các bài học.</p> <p>- Thiết kế lớp học truyền thông về tiềm năng du lịch khu bảo tồn thiên nhiên và các phương thức giữ gìn cảnh quan và thu hút khách du lịch.</p> <p>+ Đối tượng truyền thông: Ban quản lý khu bảo tồn và người dân sống trong vùng đệm</p> <p>Bài 1. Giới thiệu về các mô hình hoạt động du lịch sinh thái trong nước và quốc tế.</p> <p>Giới thiệu và mô tả cách làm du lịch của một số khu vực trong nước và trên thế giới để bà con học hỏi và có ý thức tốt trong</p>
--	--	--

		<p>vấn đề bảo tồn thiên nhiên và phát triển du lịch sinh thái. Ví dụ: Học hỏi các mô hình làm du lịch sinh thái và bảo tồn thiên nhiên như khu du lịch sinh thái đất ngập nước Vân Long, khu du lịch sinh thái Tràng An – Ninh Bình. Vùng đất ngập nước biển Hồ, vùng nước ngọt lớn nhất khu vực Đông Nam Á thuộc tỉnh Xiêm Riệp – Campuchia. Các trang trại và khu du lịch sinh thái với mô hình quản lý của tư nhân như trang trại Nong nooch hay vườn thú Safari của Thái Lan.</p> <p>Bài 2. Tầm quan trọng và giá trị của các loài động thực vật khu bảo tồn thiên nhiên đến môi trường sống và sinh kế vùng hồ Kẻ Gỗ</p> <p>Bài 3. Vẻ đẹp và tiềm năng du lịch của khu bảo tồn thiên nhiên</p> <p>Bài 4. Tầm quan trọng của phát triển du lịch sinh thái</p> <p>Bài 5. Giới thiệu về các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình bền vững tại các địa phương khác</p> <p>Khi hoạt động du lịch phát triển: khách tham quan sẽ đến thăm quan và mua bán các sản phẩm do người dân làm ra: người dân nên có ý thức thu lượm và làm các sản phẩm tái chế như: các đồ lưu niệm từ vỏ dừa, tre trúc. Các loại làn tre trúc nhỏ xinh tiện dụng, các loại sáo, các loại đàn dân tộc, các sản phẩm dân gian đặc thù của vùng hồ Kẻ Gỗ... để bán cho khách du lịch.</p> <p>Giảm thiểu sử dụng túi nilon. Dùng các loại lá để gói thực phẩm như xôi, đậu... để giảm phát thải túi nilon ra môi trường sinh thái khu bảo tồn Kẻ Gỗ</p> <p>Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và giữ gìn vẻ đẹp thiên nhiên: không vứt rác xuống lòng hồ, chai lọ trong vùng đệm: tiến hành thu gom chất thải, đặt các thùng rác hữu cơ, vô cơ, tái chế trong khu bảo tồn.</p> <p>Tuyên truyền về giữ gìn vệ sinh môi trường sống và tránh lây lan bệnh dịch truyền nhiễm cho người dân sống trong vùng đệm. khuyến khích sử dụng nhà vệ sinh tự hoại.</p> <p>Thành lập website để giới thiệu và quảng bá giá trị và tiềm năng khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ</p>
67	Xây dựng dự án hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường cho các Câu lạc bộ môi trường xã Ninh Giang, Ninh Hải, Trường Yên, huyện	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức và hiểu biết của chính quyền địa phương, các ban ngành có liên quan và cộng đồng trong vùng dự án về bảo vệ môi trường. - Tăng cường công tác quản lý về bảo vệ môi trường. - Nâng cao nhận thức về hiểu biết của các đối tượng tham gia và thụ hưởng của dự án về GEF và GEF/SGP tại Việt Nam.

	<p>Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và môi trường Ninh Bình</p> <p>Tổng kinh phí: 1.041.000.000</p>	<p>Tăng cường mối quan hệ đối tác giữa chính quyền địa phương và cộng đồng xã tham gia dự án, các cơ quan ban ngành có liên quan của trung ương và địa phương trong công tác bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc giao lưu đối thoại, cuộc thi và chiến dịch truyền thông môi trường nhằm nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường. - Công tác phát thanh tuyên truyền về bảo vệ môi trường được tăng cường thông qua việc nâng cao năng lực phát thanh của ban văn hóa thông tin các xã tham gia dự án và nâng cấp hệ thống trang thiết bị phát thanh cấp xã - Tài liệu về phân loại rác tại nguồn, xây dựng mô hình bảo vệ môi trường. - Quy định về bảo vệ môi trường thôn, xóm được xây dựng, phê duyệt và áp dụng tại 03 xã tham gia dự án. - 3 xã được hỗ trợ trang bị dụng cụ vận chuyển, thu gom rác thải - Xây dựng, cải tạo 03 bãi chôn lấp rác thải - Những bài học kinh nghiệm xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường được đúc kết và chia sẻ trong cộng đồng, chính quyền và ban ngành có liên quan của địa phương tham gia dự án, các địa phương khác trong và ngoài tỉnh, tạo cơ hội nhân rộng mô hình dự án ở các địa phương có các vấn đề tương tự. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ câu lạc bộ Môi trường về việc quản lý và triển khai mô hình thu gom rác thải - Hỗ trợ trang bị dụng cụ phân loại rác thải tại nguồn, vận chuyển, thu gom rác thải cho 03 xã - Xây dựng quy định bảo vệ môi trường cho 03 xã có câu lạc bộ Môi trường; quy định sinh hoạt định kỳ cho 03 câu lạc bộ đó - Xây dựng kế hoạch nâng cấp hệ thống phát thanh và xây dựng năng lực phát thanh của 03 xã tham gia dự án - Xây dựng bãi chôn lấp rác thải cho 03 xã
68	<p>Tái tạo và xây dựng mô hình đồng quản lý rừng ngập mặn nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu tổng quát: <p>Nâng cao nhận thức cộng đồng và hướng đến trồng rừng ngập mặn ở ven biển nhằm góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển thủy sản bền vững, gia tăng nguồn lợi tự nhiên và bảo vệ</p>

	<p>tạo sinh kế bền vững cho người dân tại huyện Sông Cầu – Phú Yên</p> <p>Viện nghiên cứu tư vấn phát triển bền vững</p> <p>123B Phan Văn Khỏe, Phường 2, Quận 6 Tp Hồ Chí Minh</p> <p>Tổng kinh phí: 1.928.914.000 đồng GEF SGP: 1.045.457.000 đồng</p>	<p>đường bờ biển trước các tác động cơ học của sóng, gió, thủy triều và ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị và vai trò của rừng ngập mặn đối với sinh kế người dân và chống xói lở trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu và mực nước biển đang dâng. + Hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức trồng và chăm sóc rừng ngập mặn + Xây dựng và hình thành mô hình đồng quản lý, trồng và chăm sóc rừng ngập mặn phù hợp với thực tế địa phương + Đánh giá nhằm xây dựng kế hoạch duy trì kết quả đạt được và nâng cao khả năng nhân rộng của mô hình. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 200 hộ dân ở khu vực dự án và các khu vực lân cận được tuyên truyền, nâng cao nhận thức thông qua hội thảo, tờ rơi và các hoạt động truyền thông của dự án. - Chọn được vị trí, phạm vi trồng cây ngập mặn. - 100 hộ gia đình ở khu vực dự án được tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ngập mặn; thiết lập vườn ươm khoảng 1000 m². - Khoảng 1ha rừng ngập mặn được người dân trồng và chăm sóc. - Mô hình về đồng quản lý và chăm sóc rừng ngập mặn được thiết lập và chuyển giao cho người dân và chính quyền địa phương. - Kết quả dự án sẽ được nhân rộng cho các địa phương khác trong tỉnh. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khảo sát đánh giá về giá trị và vai trò của rừng ngập mặn đối với sinh kế cộng đồng, ứng phó với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng. 2. Xây dựng và nâng cao năng lực nhóm nòng cốt để xác định vai trò rừng ngập mặn và xem xét nhu cầu, khả năng phát triển rừng ngập mặn trong vùng nghiên cứu 3. Tập huấn kỹ thuật lập vườn ươm, trồng và chăm sóc cây con. 4. Tổ chức ươm, trồng cây ngập mặn 5. Xây dựng và thực hiện mô hình đồng quản lý rừng ngập mặn phù hợp với thực tế địa phương.
--	--	--

		6. Tổ chức hội thảo rút kinh nghiệm và đánh giá triển vọng.
69	<p>Nuôi giun quế xử lý phân gia súc, phát triển chăn nuôi gia cầm, sử dụng phân giun bón cho cây chè công nghiệp, cây ăn quả có múi góp phần bảo vệ môi trường tại tổng đội TNXP xây dựng kinh tế mới Tây Sơn – Hương Sơn – Hà Tĩnh</p> <p>Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân</p> <p>Số 02 ngõ 127 đường 26/3 Văn Yên, Tp Hà Tĩnh</p> <p>Kinh phí: 1.401.900 đồng Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1.050.000 đồng Kinh phí từ nguồn khác: 351.900.000 đồng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu tổng quát: Xử lý chất thải chăn nuôi làm thức ăn nuôi giun, tạo nguồn thức ăn giàu đạm chăn nuôi gia súc, gia cầm; sử dụng phân giun làm phân bón hữu cơ sạch cho trồng trọt giảm thiểu việc sử dụng phân hóa học góp phần tăng năng suất cây trồng, bảo vệ môi trường bền vững. - Mục tiêu cụ thể: + Xây dựng 20 mô hình nuôi giun quế kết hợp với gia cầm nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng thức ăn của chăn nuôi thông qua việc sử dụng chất thải gia súc nuôi giun quế, dùng giun quế làm thức ăn giàu đạm cho gia cầm, tăng hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi. + Cải thiện phương thức canh tác cây chè công nghiệp, cây ăn quả gắn với bảo vệ môi trường thông qua việc sử dụng phân hữu cơ vi sinh giảm thiểu 14.8% phân bón hóa học/năm. + Nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường gắn liền với phát triển kinh tế cho 100% đội viên tổng đội TNXP phát triển kinh tế mới Tây Sơn. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng thành công 20 mô hình nuôi giun quế kết hợp với gia cầm tăng thu nhập cho các cán bộ thực hiện mô hình. - 80% hộ đội viên được chuyển giao kỹ thuật nuôi giun quế và áp dụng giun quế để xử lý phân gia súc hộ gia đình. - 70% hộ đội viên thay đổi phương thức canh tác chè công nghiệp và cây ăn quả. - 80% chất thải chăn nuôi được xử lý bằng công nghệ sinh học và sản xuất thành phân hữu cơ bón cho cây trồng. - Tổ chức được 04 khóa dạy nghề nuôi giun quế, 04 khóa dạy nghề chăn nuôi gà và thú y. - Tổ chức được 04 khóa tập huấn nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho 100% đội viên tổng đội. - Giảm thiểu 14.8% lượng phân bón vô cơ hàng năm cho cây chè công nghiệp, cây ăn quả có múi. - Xây dựng 01 tổ hợp chăn nuôi gà với quy mô 20 hộ dân tham gia, hoạt động có hiệu quả, bền vững. - Tổ chức 01 hội thảo đánh giá, nhân rộng mô hình dự án. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội thảo lập kế hoạch tại cộng đồng cấp xã, cấp thôn.

		<p>2. Khảo sát, đánh giá lựa chọn hộ tham gia xây dựng mô hình nuôi giun quế xử lý phân gia súc kết hợp nuôi gà.</p> <p>3. Tổ chức lớp dạy nghề kỹ thuật nuôi giun quế xử lý chất thải chăn nuôi, cách sử dụng phân giun bón cho cây trồng 187 hộ.</p> <p>4. Xây dựng tổ hợp chăn nuôi gà theo cấp độ hộ gia đình.</p> <p>5. Tổ chức dạy nghề chăn nuôi gà và kỹ thuật thú y cho 187 hộ.</p> <p>6. Tập huấn kỹ thuật xử lý phân gia cầm bằng đệm lót sinh học.</p> <p>7. Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường 187 hộ.</p> <p>8. Tập huấn kỹ thuật cải tiến trong canh tác chè công nghiệp, cây ăn quả có múi, kỹ thuật bón phân vô cơ đúng, đủ liều lượng.</p> <p>9. Truyền thông các hoạt động dự án trên phương tiện thông tin của địa phương và trang mạng của Hội nông dân, Tổng đội TNXP.</p>
70	<p>Tăng cường năng lực người dân ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua việc ứng dụng mô hình canh tác tiết kiệm nước sáng tạo cho cây trồng cạn dựa trên cơ sở cộng đồng ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long</p> <p>Khoa Nông nghiệp – TNTN, Trường Đại học An Giang</p> <p>18 Ung Văn Khiêm, Phường Đông Xuyên, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 800.000.000 đồng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Tăng cường năng lực cộng đồng nghèo, dễ bị tổn thương và ứng dụng công nghệ khoa học sáng tạo để vượt qua vấn đề khó khăn thiếu nước tưới, nâng cao thu nhập, cải thiện môi trường nhằm xây dựng cộng đồng phát triển bền vững dưới điều kiện biến đổi khí hậu.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng sẽ có được thông tin, hiểu biết về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến đời sống của họ. - Cộng đồng có năng lực tự nhận ra những khó khăn và tìm cách giải quyết vấn đề khó khăn của họ khi gặp phải khó khăn không chỉ ở khía cạnh thiếu nước. - Mô hình tưới tiết kiệm nước sẽ mang lại hiệu quả về kinh tế cho người nông dân nghèo trồng cây trồng cạn và giảm thiểu xung đột về nguồn nước cũng như môi trường cho cộng đồng tại địa bàn nghiên cứu. - Nông dân tham gia mô hình sẽ biết kiến thức về kỹ thuật để quản lý nước (tưới tiết kiệm nước, thời gian, tần suất tưới, lượng nước cần thiết cho mỗi giai đoạn sinh trưởng của cây), đất đai (độ ẩm của đất phù hợp với cây), dinh dưỡng (phân bón), cây trồng (đo đếm các chỉ tiêu sinh trưởng), đánh giá hiệu quả canh tác trên cây trồng của họ. - Cộng đồng ở các địa bàn khác có thể áp dụng mô hình tưới tiết kiệm sáng tạo thông minh chia sẻ kinh nghiệm từ công dân ở cộng đồng thử nghiệm.

	<p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 600.000.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Từ mô hình thử nghiệm (cho một vài cây điển hình), nông dân có thể tự thay đổi kỹ thuật để có thể áp dụng cho cây trồng khác. - Bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm nước (dạng tài liệu bướm) được biên soạn bởi sự phối hợp nông dân, cán bộ kỹ thuật và chuyên gia để phân phát cho nông dân quan tâm. - Đào tạo: ít nhất 6 sinh viên ngành phát triển nông thôn và trồng trọt tham gia chương trình này để thực tập tốt nghiệp ra trường. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Thu thập số liệu thứ cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích, hiện trạng và kỹ thuật canh tác màu, chi phí, năng suất, chất lượng sản phẩm. Đặc biệt chú trọng đến nguồn nước, chất lượng, tác động của nước phục vụ trong sản xuất và đời sống. - Nhằm nắm lại tổng quát những thuận lợi, khó khăn trong sản xuất rau màu; làm cơ sở chọn vùng (cộng đồng) nghiên cứu. <p>2. Chọn địa bàn nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 địa bàn (3 cộng đồng) ở 3 tỉnh An Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh sẽ được chọn dựa trên cơ sở có trồng hoa màu (cây trồng cạn) và gặp khó khăn về nước tưới. - Nhằm triển khai thử nghiệm mô hình tưới tiết kiệm nước sáng tạo <p>3. Thảo luận nhóm nông dân trong cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi địa bàn (cộng đồng) chọn 30 người sống trong cộng đồng gồm cả người có trồng hoa màu và các hoạt động khác. - Nhằm giúp cộng đồng nhận ra vai trò của nước sạch, những vấn đề khó khăn trong các hoạt động sinh hoạt của người dân trong cộng đồng dưới tác động của biến đổi khí hậu và cộng đồng thấy được họ cần phải tiết kiệm nước và lợi ích của mô hình tưới tiết kiệm nước sáng tạo. <p>4. Chọn nhóm nông dân tham gia thử nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng cử 10 – 15 nông dân có kinh nghiệm trồng màu tham gia thử nghiệm - Nhằm xây dựng nhóm đại diện cộng đồng, để chia sẻ cho cộng đồng sau khi có kết quả thử nghiệm. <p>5. Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật tưới tiết kiệm nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên gia sẽ giới thiệu hữu dụng của mô hình và cách thức triển khai, quan sát, đánh giá mô hình thử nghiệm.
--	--	--

		<p>- Nhằm tạo niềm tin cho người dân tham gia và người tham gia có khả năng quản lý mô hình canh tác.</p> <p>6. Triển khai mô hình</p> <p>- Tại mỗi cộng đồng, triển khai trên 2 ruộng gần nhau và có đặc điểm tương đồng về các điều kiện tự nhiên (đất, chế độ ánh sáng...) để triển khai mô hình tưới nước tiết kiệm sáng tạo và canh tác theo nông dân.</p> <p>- Nhằm thực hiện mô hình thử nghiệm do chính người dân trong cộng đồng thực hiện bằng phương pháp “learning by doing”. So sánh hiệu quả của mô hình tưới tiết kiệm sáng tạo và mô hình canh tác theo nông dân.</p> <p>7. Đánh giá hiệu quả mô hình</p> <p>- Nhóm nông dân tham gia thử nghiệm sẽ đánh giá, so sánh lượng nước tưới, phân bón, dịch hại, sinh trưởng, năng suất cây trồng, hiệu quả kinh tế...</p> <p>- Nhằm tổng kết kết quả bằng bảng biểu để so sánh hiệu quả mô hình.</p> <p>8. Hội thảo 1</p> <p>- Tổ chức hội thảo chung cho nông dân tham gia thử nghiệm ở 3 địa bàn</p> <p>- Nhằm chia sẻ những kiến thức, hiểu biết về biến đổi khí hậu; chia sẻ kết quả mô hình tiết kiệm nước cho địa bàn khác cũng như thảo luận những khó khăn, trở ngại và rút kinh nghiệm khi thực hiện mô hình.</p> <p>9. Hội thảo 2</p> <p>- Nông dân tham gia thử nghiệm báo cáo kết quả tại cộng đồng và kinh nghiệm học hỏi từ địa bàn nông dân trong cộng đồng</p> <p>- Nhằm chia sẻ kinh nghiệm với nông dân ở cộng đồng khác, làm cơ sở nhân rộng mô hình.</p>
71	<p>Bảo tồn cây thuốc nam quý hiếm dựa trên cơ sở cộng đồng tại khu vực Bảy Núi, huyện Tri Tiên và Tịnh Biên, Tỉnh An Giang</p> <p>Bộ môn Phát triển nông thôn và QLTNTN, Khoa</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <p>- Mục tiêu tổng quát: bảo tồn tài nguyên thuốc nam như nguồn tài nguyên quý hiếm bền vững nhằm đảm bảo sức khỏe, lợi ích cho người dân và góp phần duy trì đa dạng sinh học vùng Bảy Núi – An Giang trên cơ sở cộng đồng.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Giúp cộng đồng nhận ra tầm quan trọng của tài nguyên thuốc nam và nguy cơ tuyệt chủng của chúng.</p> <p>+ Cùng cộng đồng xây dựng kế hoạch bảo tồn cây thuốc quý hiếm góp phần trong việc bảo tồn đa dạng sinh học.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p>

<p>Nông nghiệp – TNTN, Trường Đại học An Giang 18 Ung Văn Khiêm, Phường Đông Xuyên, Tp Long Xuyên, Tỉnh An Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 300.000.000 đồng Kinh phí xin hỗ trợ từ GEF SGP: 300.000.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao ý thức của cộng đồng về bảo tồn loài cây thuốc nam quý hiếm. - Người dân trong và ngoài cộng đồng sẽ hưởng lợi từ dự án thông qua giảm chi phí trị bệnh, đảm bảo sức khỏe cho người dân. - Những loài cây thuốc được bảo vệ, bảo tồn và phát triển góp phần bảo tồn đa dạng sinh học và về văn hóa, kiến thức bản địa tại vùng Bảy Núi. - Khung pháp lý cho việc bảo tồn cây thuốc quý hiếm. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chọn địa bàn nghiên cứu: chọn địa bàn đa dạng về nguồn thuốc nam quý hiếm trước kia nhưng giờ có khuynh hướng tuyệt chủng. Nhằm tăng tính khả thi của dự án và tổ chức họp cộng đồng sau này. 2. Thảo luận với cộng đồng: mời những người có am hiểu và quan tâm đến thảo luận về tầm quan trọng của cây thuốc nam, khuynh hướng diệt vong, nguyên nhân và hậu quả. Nhằm cho cộng đồng hiểu được vai trò của cây thuốc nam, nhận ra nguy cơ tuyệt chủng của những loài quý hiếm. Đồng thời tạo động cơ để cộng đồng tham gia bảo tồn cây thuốc nam. 3. Lập kế hoạch bảo tồn: thảo luận những đối tượng thuốc nào cần được ưu tiên bảo tồn. Phân tích thể chế và vai trò của tổ chức từ đó phân công nhiệm vụ trong công tác bảo tồn và xây dựng khung pháp chế để bảo tồn. Mục tiêu là để mọi người tham gia thấy được vai trò của mình từ đó phân công nhiệm vụ các tổ chức để tổ chức quản lý, vận hành công việc bảo tồn sau này, soạn thảo khung pháp chế để khai thác và bảo tồn tài nguyên thuốc nam một cách bền vững. 4. Khôi phục cây thuốc nam: cùng cộng đồng khảo sát thực địa để đánh giá lại hiện trạng sự phân bố, tính thích nghi, mức độ suy giảm của những loài thuốc nam quý hiếm. Thảo luận hỗ trợ kỹ thuật (nếu cần) để khôi phục lại những loài quý hiếm. Mục đích nhằm tăng tính khả thi về mặt thời gian và không gian trong việc bảo tồn cây thuốc nam. 5. Khảo sát đánh giá hiệu quả của dự án: cùng cộng đồng khảo sát thực địa đánh giá sự khôi phục, đa dạng cây thuốc nam sau 1 năm phát triển dự án nhằm tìm ra nguyên nhân hạn chế, khó khăn sau khi dự án triển khai làm cơ sở hiệu chỉnh khung pháp lý, công tác quản lý nhằm nâng cao tính hiệu quả của dự án. 6. Tổ chức thực hiện và quản lý dự án: sự tham gia của cộng
--	---

		đồng và bên có liên quan trong việc thực hiện và quản lý dự án.
72	<p>Nâng cao nhận thức cộng đồng đối với tầm quan trọng của vườn chim Bạc Liêu thông qua đội ngũ hướng dẫn viên du lịch thiếu nhi</p> <p>Bộ môn quản lý môi trường và TNTN, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Đại học Cần Thơ Đường 3/2 Thành phố Cần Thơ</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ các loài chim, sự đa dạng sinh học của vườn. - Người dân vùng đệm khai thác lợi ích từ vườn chim. - Thành lập trung tâm truyền đạt thông tin môi trường cho học sinh, sinh viên trong tỉnh. - Cộng đồng nơi khác biết nhiều hơn về giá trị cũng như nét riêng của vườn và hứng thú đến tham quan vườn. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ được 6 loài chim có tên trong sách đỏ Việt Nam (Đuôi cụt bụng đỏ, Cò lạo Ấn độ, Giang sen, Cò quăm đầu đen, Cỏ rần, Diêng diêng, Bò nông chân xám, Cốc Đế) giữ cho số lượng chim trong vườn không giảm. - Bảo tồn được hệ sinh thái vườn chim. - 20% số hộ dân vùng đệm có thu nhập từ du lịch sinh thái vườn chim. - 30 công ty du lịch kí hợp đồng mở tour đi vườn chim. - 50% số trường học trong địa bàn Bạc Liêu tổ chức chuyến tham quan hàng năm cho học sinh. - Đào tạo được 5 đội hướng dẫn viên du lịch Thiếu nhi có thể diễn đạt lưu loát những giá trị vô giá của vườn chim tới khách tham quan, mỗi đội 5 em nhỏ có độ tuổi từ 12 đến 17 tuổi (trong đó 3 em là các em ở vùng đệm, vùng ven biển là dân tộc thiểu số có cuộc sống khó khăn). - 20% dân cư vùng đệm hiểu được những giá trị của vườn chim. - Xuất bản một cuốn sách với nội dung về lịch sử các địa danh nổi tiếng của Bạc Liêu, đặc biệt là vườn chim. - Mở gian hàng trưng bày các làng nghề ở đồng bằng sông Cửu Long như nghề đan lát, dệt chiếu... - Xây dựng được khu vực chụp ảnh cho khách tham quan với 6 mô hình của 6 loài chim nằm trong sách đỏ và 30 loài chim có giá trị khác. - Thành lập một mạng lưới du lịch giữa tham quan vườn chim và khu sản xuất điện gió Bạc Liêu, vườn nhãn Bạc Liêu. - Tổ chức 10 hội thảo tập huấn cho các đối tượng vùng đệm, các em học sinh, sinh viên trong địa bàn tỉnh Bạc Liêu. - Tổ chức cuộc thi tuyển chọn các hướng dẫn viên du lịch Thiếu nhi. - Hoàn thành đoạn video giới thiệu về vườn chim với sự tham gia của khách tham quan vườn. Đoạn video này sẽ được công

		<p>chiếu trên Đài truyền hình Bạc Liêu, Truyền hình khu vực VTV Cần Thơ và sẽ kết nối với các kênh truyền hình khác trên cả nước để quảng bá vườn chim cho toàn khu vực đồng bằng sông Cửu Long cũng như lưu thông trên các trang mạng xã hội và các trang mạng khác, điều này sẽ tạo hứng thú cho khách tham quan du lịch.</p> <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức hội thảo cho các đối tượng là những người xâm hại vườn chim và các em học sinh, sinh viên trong địa bàn tỉnh. 2. Xây dựng mô hình loài chim để khách tham quan chụp ảnh, khu vực chụp ảnh. 3. Liên hệ các làng nghề để thành lập gian hàng đồ thủ công mỹ nghệ. 4. Liên hệ hợp tác các đối tác du lịch như các công ty du lịch, công ty điện gió Bạc Liêu, vườn nhãn Bạc Liêu.
73	<p>Tạo không gian cho nước lũ ở đồng bằng sông Cửu Long: tăng cường đa dạng sinh học, bảo tồn tài nguyên đất, nước và thích ứng với biến đổi khí hậu</p> <p>Trung tâm nghiên cứu phát triển nông thôn – Trường Đại học An Giang</p> <p>Số 18 Ung Văn Khiêm, Tp Long Xuyên, An Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 49.000 USD</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo không gian cho nước lũ bằng việc giữ lại những vùng khó hoặc không có hiệu quả khi phát triển hệ thống đê bao triệt để. - Phục hồi, xây dựng, phát triển hệ thống canh tác lúa mùa nổi, cây màu ứng phó với biến đổi khí hậu và gắn kết với thị trường tiêu thụ nông sản. - Xây dựng bộ chỉ tiêu về đất, nước và đa dạng sinh học trong vùng dự án. - Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn đất, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trong vùng dự án có sự tham gia của cộng đồng. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50 – 100 ha đất lúa ở địa bàn xã Lương An Trà, xã Vĩnh Phước, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang sẽ được chọn làm mô hình thử nghiệm – không phát triển đê bao triệt để - sử dụng nước lũ để sản xuất nông nghiệp trong mùa nước lũ, đồng thời tạo không gian cho lũ để làm giảm áp lực vỡ đê ở những vùng lân cận. - Phục hồi và phát triển 2 – 3 hệ thống canh tác truyền thống có khả năng ứng phó tốt với lũ và biến đổi khí hậu: lúa mùa nổi – 2 vụ màu; đa dạng nguồn thu nhập thông qua phát triển du lịch nông nghiệp cho cộng đồng trong dự án. - Hoàn thành bộ chỉ tiêu về đặc tính lý hóa của đất, đa dạng sinh học để so sánh và quan sát. - 50 – 100 hộ dân trong vùng dự án được nâng cao nhận thức về

		<p>bảo vệ đất, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cùng cộng đồng (người dân, cán bộ quản lý, chính quyền địa phương) thảo luận và chọn điểm thực hiện dự án thí điểm. 2. Nghiên cứu thử nghiệm 2 – 3 mô hình canh tác thích nghi với biến đổi khí hậu dựa trên các mô hình canh tác bản địa, truyền thống gắn với thị trường tiêu thụ. 3. Điều tra khảo sát đất và đa dạng sinh học trong vùng dự án. 4. Biên soạn và tập huấn cho cộng đồng về bảo vệ tài nguyên đất, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.
74	<p>ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG NHIỄM ARSENIC TRONG NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU TÁC HẠI</p> <p>Sở Tài nguyên và môi trường Phú Yên</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định mức độ nhiễm Arsenic trong nguồn nước dưới đất dùng để ăn uống, sinh hoạt và sản xuất trên phạm vi toàn tỉnh để phục vụ cho việc quy hoạch, khai thác, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả. - Đánh giá đúng mức độ và phạm vi ảnh hưởng của việc sử dụng nguồn nước bị nhiễm Arsenic tới sức khỏe cộng đồng. - Đề xuất giải pháp giảm thiểu tác hại của nguồn nước dưới đất bị nhiễm Arsenic cho các mục đích sử dụng. - Phạm vi dự kiến: Toàn tỉnh Phú Yên gồm 9 huyện, thị xã, thành phố (bao gồm 112 xã, phường, thị trấn) <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo chuyên đề kết quả điều tra khảo sát tổng quan và chi tiết hiện trạng ô nhiễm Arsenic trong nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên. - Báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc sử dụng nước nhiễm Arsenic tới sức khỏe cộng đồng. - Báo cáo chuyên đề tổng quan các phương pháp, công nghệ xử lý Arsenic trong nguồn nước; tài liệu hướng dẫn áp dụng một số công nghệ xử lý Arsenic trong nguồn nước phù hợp với điều kiện Việt Nam. - Cơ sở dữ liệu về Arsenic trong nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên. - Bản đồ hiện trạng phân bố thành phần Arsenic, phạm vi và mức độ ô nhiễm Arsenic trong nguồn nước dưới đất tỉ lệ 1/25.000 <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Điều tra trên diện rộng nhằm xác định tổng

		<p>quan hiện trạng ô nhiễm Arsenic trong nguồn nước dưới đất trên phạm vi toàn tỉnh Phú Yên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 2: Điều tra chi tiết tại các vùng có nhiễm Arsenic nhằm xác định mức độ, phạm vi ô nhiễm và đề xuất biện pháp giảm thiểu.
75	<p>“Đánh giá hiện trạng môi trường và nghiên cứu thực nghiệm công nghệ xử lý khí thải phát sinh từ lò than tại xã Phú Tân, huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.”</p> <p>Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang.</p> <p>Kinh phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kinh phí thực hiện dự kiến: 50.000 USD - Kinh phí xin GEF SGP : 40.000 USD (80%) 	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>Mục tiêu tổng quát: đánh giá tác động của hoạt động sản xuất than củi đến cộng đồng dân cư và nghiên cứu thực nghiệm công nghệ và thiết bị để xác định thiết bị xử lý khí thải phù hợp nhằm triển khai đại trà cho các cơ sở sản xuất than hầm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định mức độ ô nhiễm của khí thải phát sinh từ lò hầm than - Đánh giá tác động của nghề hầm than củi đến sức khỏe cộng đồng dân cư và sự phát triển kinh tế- xã hội của địa phương - Nghiên cứu thực nghiệm để lựa chọn công nghệ và thiết bị xử lý phù hợp - Đề xuất giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường ở các lò hầm than tại xã Phú Tân <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <p>Báo cáo kết quả đánh giá về mức độ phát thải, thành phần các chất ô nhiễm trong khí thải lò hầm than, mức độ ô nhiễm không khí ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống của người dân và đề xuất các giải pháp quản lý công nghệ xử lý và bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất than củi trên địa bàn xã Phú Tân. Châu Thành Hậu Giang</p> <p>Công nghệ và bản vẽ thiết kế mẫu đối với thiết bị xử lý khí thải lò than phù hợp để triển khai ứng dụng cho các hộ sản xuất than.</p> <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu xác định mức độ phát thải và thành phần

		<p>các chất ô nhiễm không khí trong khí thải lò hầm than</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu xác định mức độ ô nhiễm không khí xung quanh các lò hầm than và đánh giá tác hại của việc ô nhiễm khí thải lò hầm than đến sức khỏe cộng đồng và điều kiện kinh tế- xã hội của các hộ dân vùng dự án - Nghiên cứu thực nghiệm và đề xuất lựa chọn công nghệ xử lý khí thải lò hầm than với chi phí hợp lý có thể triển khai ứng dụng cho các hộ sản xuất than. - Đề xuất các giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường từ hoạt động sản xuất than củi trên địa bàn thực hiện dự án.
76	<p>XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUẢN LÝ, BẢO VỆ HỆ SINH THÁI ĐẤT NGẬP NƯỚC VEN BIỂN CÓ SỰ THAM GIA TẠI THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH</p> <p>Chi cục Biển và Hải đảo trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định</p> <p>Tổng kinh phí: 1.608.138.000 VND</p> <p>GEF SGP: 1.050.000.000 VND</p>	<p>1. Mục tiêu:</p> <p>Mô hình quản lý, bảo vệ hệ sinh thái ngập nước ven biển có sự tham gia tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được xây dựng với mục tiêu quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý và phát triển bền vững hệ sinh thái đất ngập nước ven biển trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương; người dân tự quản lý và đề ra cách thức khai thác bền vững với sự giám sát của chính quyền và cộng đồng dân cư sống xung quanh. Mọi hoạt động và nội dung thiết kế, xây dựng mô hình đều có sự tham gia của cộng đồng ngay từ khi bắt đầu triển khai cùng với sự hướng dẫn của cán bộ chuyên môn.</p> <p>2. Kết quả dự kiến:</p> <p>Sản phẩm của mô hình quản lý, bảo vệ hệ sinh thái đất ngập nước ven biển có sự tham gia (sau đây gọi tắt là mô hình) bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản thiết kế mô hình; - Quy trình xây dựng mô hình; - Hướng dẫn xây dựng vườn ươm cây ngập mặn của cộng đồng; - Diện tích rừng ngập mặn được phục hồi; - Diện tích đất ngập nước ven biển được khoanh vùng quản lý, bảo vệ và sử dụng khôn khéo; - Số lượng các lớp tập huấn/đợt tuyên truyền nâng cao nhận thức; - Quy định (quy ước bảo vệ rừng) của thôn; - Các loài động thực vật có giá trị trong hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển được bảo vệ và phát triển; - Nhận thức của người dân về vai trò của hệ sinh thái đất

		<p>ngập nước ven biển và tăng cường hiệu quả quản lý, bảo vệ, phát triển bền vững hệ sinh thái đất ngập nước ven biển của khu vực được nâng cao;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh kế của cộng đồng xung quanh hệ sinh thái đất ngập nước ven biển gia tăng và thu nhập của nhân dân trong vùng được cải thiện. <p>3. Hoạt động dự kiến:</p> <p>Hoạt động 1</p> <p>Thu thập, phân tích, đánh giá các thông tin liên quan đến xây dựng mô hình quản lý, bảo vệ hệ sinh thái đất ngập nước ven biển có sự tham gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thu thập, phân tích, đánh giá tài liệu, thông tin trong nước và quốc tế về các mô hình quản lý, bảo vệ đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng tại các hệ sinh thái đất ngập nước ven biển; + Phân tích, đánh giá vai trò của cộng đồng trong quá trình triển khai các mô hình quản lý, bảo vệ đa dạng sinh học tại các hệ sinh thái đất ngập nước ven biển; + Xác định và lựa chọn địa điểm dự kiến thiết kế và xây dựng mô hình quản lý, bảo vệ đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng tại hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển trên bản đồ; + Thu thập các thông tin và xác định diện tích, ranh giới khu vực hệ sinh thái đất ngập nước ven biển dự kiến triển khai thiết kế, xây dựng mô hình. <p>Hoạt động 2: Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường nơi triển khai xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng tài nguyên và môi trường nơi triển khai xây dựng mô hình. + Xác định và đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội của khu vực xây dựng mô hình. + Điều tra, đánh giá hiện trạng về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên hệ sinh thái đất ngập nước ven biển (tập trung vào quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn) nơi xây dựng mô hình. + Xây dựng các báo cáo chuyên đề/ tổng hợp dựa trên các thông tin và kết quả điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường phục vụ thiết kế mô hình. <p>Hoạt động 3: Thiết kế mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xác định phạm vi của mô hình dự kiến triển khai xây dựng trên thực tế + Xác định đối tượng, mùa vụ khai thác thủy sản và quản lý,
--	--	--

		<p>bảo vệ đa dạng sinh học trong hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển của khu vực được xác định dự kiến xây dựng mô hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thiết kế nội dung quy định về khai thác và phát triển bền vững các loài sinh vật trên cơ sở tham vấn của cộng đồng tại nơi dự kiến xây dựng mô hình. + Thiết kế các chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng tại nơi xây dựng mô hình. + Thiết kế thành lập tổ tự quản bảo vệ hệ sinh thái đất ngập nước ven biển nơi xây dựng mô hình. + Thiết kế các hoạt động nâng cao sinh kế cho người dân trong phạm vi triển khai thực hiện mô hình và hướng dẫn cộng đồng triển khai thực hiện. + Thiết kế diện tích, quy mô phục hồi và trồng dặm các loài cây ngập mặn đặc trưng của khu vực. <p>Hoạt động 4: Tiến hành cắm mốc ranh giới trên thực địa của khu vực xây dựng mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xác định diện tích hệ sinh thái đất ngập nước ven biển được triển khai xây dựng mô hình dựa trên bản thiết kế mô hình và ranh giới trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất của xã/phường + Tiến hành cắm mốc ranh giới nơi xây dựng mô hình (mốc bê tông mang tính đánh dấu) và xây dựng biển báo nơi triển khai mô hình + Xác định diện tích đất trồng cây ngập mặn và diện tích hệ sinh thái rừng ngập mặn cần quản lý, bảo vệ chặt chẽ trước các tác động của con người. <p>Hoạt động 5: Duy trì, bảo vệ và phát triển bền vững tính đa dạng loài trong hệ sinh thái đất ngập nước của khu vực triển khai xây dựng mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảo vệ và phát triển các đối tượng thủy sản mà nhân dân thường khai thác làm thức ăn và sử dụng thương mại trong khu vực + Duy trì và đảm bảo mùa sinh sản, mùa vụ khai thác của các đối tượng thủy sản theo quy luật tự nhiên + Bảo vệ và phát triển các giống thủy sản có thể nuôi trồng được trong khu vực. + Bổ sung, phát triển và bảo vệ các giống loài động, thực vật quý, hiếm có giá trị kinh tế trước đây đã tồn tại trong khu vực xây dựng mô hình + Triển khai bảo vệ, duy trì và phát triển các loài có giá trị trong hệ sinh thái đất ngập nước ven biển nơi xây dựng mô hình.
--	--	---

		<p>Hoạt động 6: Xây dựng và ban hành các quy định về khai thác bền vững các loại động thực vật trong khu vực xây dựng mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng quy ước (hương ước) về bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên đa dạng sinh học tại khu vực xây dựng mô hình và thống nhất với địa phương để ban hành quy ước + Xây dựng quy định khai thác bền vững thủy sản của khu vực xây dựng mô hình, lấy ý kiến cộng đồng và thống nhất ban hành, áp dụng trong cộng đồng + Phổ biến rộng rãi các quy định đến tận người khai thác (nhân dân) và huy động cộng đồng cùng tham gia các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững đa dạng sinh học tại hệ sinh thái đất ngập nước ven biển của địa phương. <p>Hoạt động 7: Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của hệ sinh thái đất ngập nước ven biển đối với đời sống của cộng đồng địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức các hội thảo nhằm tuyên truyền cho các cán bộ lãnh đạo của xã/phường về vai trò và giá trị của hệ sinh thái đất ngập nước ven biển và hướng dẫn quản lý bền vững hệ sinh thái này + Tuyên truyền cho nhân dân về giá trị và vai trò của hệ sinh thái đất ngập nước ven biển và hướng dẫn quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên này thông qua các hoạt động cụ thể: mở lớp tuyên truyền, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu vai trò, giá trị của hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển, các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển, bền vững hệ sinh thái này; thường xuyên đưa các thông tin lên bản tin qua loa phát thanh của địa phương này nơi xây dựng mô hình, kịp thời khen thưởng những cá nhân xuất sắc và có những hình thức nhắc nhở các đối tượng vi phạm trong khai thác quá mức hoặc phá hoại tài nguyên hệ sinh thái rừng ngập mặn. + Lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các cuộc họp ở địa phương + Triển khai tuyên truyền cho học sinh bằng các hoạt động: mở lớp tuyên truyền, lồng ghép nội dung tuyên truyền vào trong các bài học chính khóa và ngoại khóa, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về hệ sinh thái rừng ngập mặn và các đợt tham quan, dã ngoại về các mô hình quản lý, bảo vệ đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng tại hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển đã có hiệu quả kinh tế xã hội trên thực tiễn.
--	--	--

		<p>Hoạt động 8: Thành lập tổ tự quản bảo vệ giá trị đa dạng sinh học của hệ sinh thái đất ngập nước ven biển:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức họp cộng đồng và bầu tổ tự quản với sự tham gia của người dân nơi xây dựng mô hình, thống nhất ban hành quyết định thành lập tổ tự quản của xã/phường + Hỗ trợ kinh phí bước đầu triển khai xây dựng mô hình, bao gồm phương tiện, dụng cụ cho tổ tự quản hoạt động, đồng thời xây dựng quỹ quản lý, quản lý, bảo vệ đa dạng sinh học hệ sinh thái đất ngập nước ven biển thông qua các hình thức gây quỹ khác nhau như đóng góp của các bên liên quan và phí phạt vi phạm trong khai thác tài nguyên hệ sinh thái rừng ngập mặn + Tạo hành lang pháp lý cho tổ tự quản hoạt động (thông qua quy chế hoạt động của tổ tự quản, đặc biệt là nội dung gây quỹ, quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn, khen thưởng và xử lý vi phạm trong quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn) trong quá trình thực hiện và đặc biệt đảm bảo cho tổ tự quản hoạt động sau khi kết thúc mô hình. <p>Hoạt động 9: Trồng mới cây ngập mặn</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khảo sát, xác định địa điểm và diện tích có thể trồng cây ngập mặn + Lựa chọn loài cây ngập mặn bản địa để phục hồi + Tập huấn kỹ thuật xây dựng vườn ươm cây cho cộng đồng, bao gồm: tổ chức lấy quả để ươm cây ngập mặn, chăm sóc, duy trì và bảo vệ cây con + Triển khai trồng các loài cây ngập mặn + Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng và phát triển đa dạng sinh học của hệ sinh thái <p>Hoạt động 10: Triển khai, hướng dẫn và thực hiện các hoạt động nâng cao sinh kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tùy điều kiện và kinh nghiệm của địa phương, mỗi địa phương lựa chọn các hoạt động nâng cao sinh kế phù hợp, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> a. Triển khai hoạt động trồng nấm: <ul style="list-style-type: none"> - Mở lớp tập huấn về kỹ thuật trồng nấm - Xác định các hộ gia đình có khả năng tiếp thu và làm chủ được kỹ thuật - Lựa chọn các hộ gia đình để hỗ trợ giống và triển khai trồng nấm - Thành lập câu lạc bộ trồng nấm để chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng hoạt động trồng nấm
--	--	--

		<p>b. Triển khai hoạt động chăn nuôi gia súc kết hợp với xây dựng hầm biogas</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm kết hợp với xây dựng hầm biogas - Tiến hành khảo sát các hộ gia đình có tiềm năng triển khai các hoạt động chăn nuôi gia súc kết hợp xây dựng hầm biogas và lựa chọn hộ gia đình điển hình để hỗ trợ giống, kỹ thuật và vật tư cần thiết. - Hướng dẫn các kỹ thuật chăn nuôi và triển khai xây dựng hầm biogas - Tổ chức các cuộc họp trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và phổ biến, nhân rộng trong cộng đồng của khu vực. <p>c. Nuôi trồng thủy sản trong hệ sinh thái rừng ngập mặn và quanh vùng rừng ngập mặn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản dưới và quanh vùng hệ sinh thái rừng ngập mặn của khu vực xây dựng mô hình - Hướng dẫn các thức khai thác, bảo vệ và phát triển bền vững các loài thủy sản. <p>d. Phát huy các ngành nghề truyền thống của địa phương. Tùy thuộc vào đặc điểm, tính chất của các ngành nghề truyền thống ở mỗi địa phương để hỗ trợ, phục hồi và phát triển các ngành nghề truyền thống đó phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.</p> <p>Hoạt động 11: Đánh giá hiệu quả của việc triển khai xây dựng mô hình trên thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá chi phí lợi ích của việc xây dựng mô hình sau khi hoàn thiện mô hình, xác định các lợi ích đạt được về kinh tế - xã hội và môi trường trước và sau khi triển khai xây dựng mô hình + Chăm sóc, duy trì và phát triển giá trị đa dạng sinh học của hệ sinh thái đất ngập nước ven biển nơi xây dựng mô hình + Đảm bảo sự tham gia đầy đủ và tích cực của cộng đồng nơi triển khai xây dựng mô hình, đặc biệt là các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đa dạng sinh học của hệ sinh thái đất ngập nước ven biển.
77	Đánh giá tính dễ tổn thương và năng	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Dự án bao gồm 4 mục tiêu:</p>

	<p>lực thích ứng với biến đổi khí hậu của cộng đồng ven biển tại xã Hộ Độ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, tìm hiểu tính dễ bị tổn thương, những thay đổi và xu hướng của khí hậu ở tỉnh Hà Tĩnh thông qua trường hợp nghiên cứu điển hình tập trung đến vấn đề thích ứng với BĐKH (vùng cửa sông và ven biển). - Nâng cao khả năng thích ứng BĐKH cho người dân địa phương bao gồm các hộ gia đình, cộng đồng, những cán bộ chủ chốt của địa phương. - Tạo điều kiện tích hợp những giải pháp thích ứng BĐKH vào đời sống sinh kế hiện tại và tương lai cho người dân địa phương ở xã Hộ Độ (xã hưởng lợi từ dự án). - Hỗ trợ các chính sách chính cho Chương trình mục tiêu quốc gia thích ứng với BĐKH của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các chương trình phát triển của tỉnh. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hiểu biết về tính dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng địa phương đối với BĐKH thông qua trường hợp nghiên cứu/đánh giá điển hình tại xã Hộ Độ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh; - Đề xuất khả năng lồng ghép các giải pháp thích ứng vào sinh kế, kinh tế-xã hội, chiến lược phát triển và các chương trình/kế hoạch vào các cấp hộ gia đình, làng xã, huyện và tỉnh; - Nâng cao năng lực cho cán bộ ở cấp địa phương để sẵn sàng tích hợp các giải pháp và chính sách tối ưu nhất vào chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn trên lớp cho các thành viên sẽ tham gia đánh giá tính dễ tổn thương và năng lực thích ứng với BĐKH về các khái niệm chung, phương pháp và các công cụ đánh giá; - Khảo sát, đánh giá thực địa sử dụng các công cụ đã được tập huấn với sự tham gia của cộng đồng; - Biên soạn báo cáo các kết quả chính của phần đánh giá tính dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng cũng như vạch ra những chính sách và giải pháp thích hợp nhất với địa phương;
--	---	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 1 hội thảo có sự tham gia của các cơ quan cấp tỉnh, những người ra quyết định, những nhà hoạch định để trình bày kết quả của phần đánh giá tính dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng, giới thiệu cho họ những chính sách và giải pháp thích ứng tối ưu nhất cho địa phương; - Chuẩn bị 1 bài báo cáo về kết quả và kiến nghị để trình bày ở một hội thảo quốc gia về BĐKH.
78	<p>Điều tra hiện trạng, đánh giá vai trò, đề xuất các giải pháp sử dụng đất ngập nước phù hợp nhằm giảm nhẹ và kịp thời ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi</p> <p>Tổng kinh phí: 410 triệu đồng GEF: 350 triệu đồng</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng và vai trò của ĐNN trên địa bàn tỉnh. - Duy trì và từng bước phát triển các hệ sinh thái ở các vùng ĐNN, phục hồi và bảo vệ các loài sinh vật quý, hiếm. - Phát huy những lợi thế tự nhiên của tỉnh, phát triển bền vững các vùng ĐNN góp phần giảm nhẹ những hậu quả do thiên tai gây ra để phát triển bền vững. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ hiện trạng các khu ĐNN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. - Đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các giải pháp bảo tồn, quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả, hợp lý ĐNN hiện hữu trên địa bàn tỉnh nhằm giảm nhẹ tác động của BĐKH, nước biển dâng, trong đó có việc phân công cho cơ quan chức năng quản lý thống nhất và tổng hợp về ĐNN. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, đánh giá hiện trạng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh, lập bản đồ phân bố các khu đất ngập nước. - Đề xuất các giải pháp chính sách cần thực hiện nhằm quản lý bền vững các khu ĐNN và các hình thức bảo tồn, sử dụng hợp lý hệ sinh thái khu ĐNN phù hợp với những quy định hiện hành của quốc tế, quốc gia. - Tuyên truyền, vận động cộng đồng cùng tham gia bảo vệ, khai thác có hiệu quả tránh suy thoái các vùng đất ngập nước và có những hành động tích cực phát triển các hệ sinh thái vùng đất ngập nước
79	Nghiên cứu phát triển mô hình tour, tuyến du lịch sinh	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích hiện trạng tiềm năng phát triển tour, tuyến và các hình thức du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng ở

	<p>thái bền vững gắn với cộng đồng ở Vườn Quốc Gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp</p> <p>Khoa Nông nghiệp & Tài nguyên thiên nhiên, trường đại học An Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 50.000.000đ</p> <p>GEF SGP: 40.000.000đ</p>	<p>Vườn Quốc gia Tràm Chim</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra mô hình khuyến cáo cho việc xây dựng mô hình tour, tuyến du lịch bền vững gắn với cộng đồng ở vườn quốc gia Tràm Chim <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến cáo mô hình du lịch sinh thái gắn với cộng đồng hiệu quả bền vững ở vườn quốc gia Tràm Chim. - Hình thành được ban hướng dẫn du lịch ở địa phương và nâng cao ý thức người dân bảo tồn, gìn giữ khu bảo tồn và người dân ở cộng đồng được hưởng lợi thông qua tham gia hoạt động du lịch <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu lý thuyết - Viết đề cương chi tiết + phiếu điều tra - Thảo luận nhóm (PRA) làm tham gia làm du lịch và không tham gia làm du lịch - Tổng hợp thông tin PRA - Phỏng vấn sâu - Phân tích và xử lý số liệu - Viết bản thảo báo cáo - Gửi góp ý chỉnh sửa bổ sung - Viết hoàn chỉnh báo cáo
80	<p>“Xây dựng mô hình trồng cây dược liệu đẳng sâm (Codonopsis javanica Blume) từ cây nuôi cấy mô tại vùng cao nguyên Lang Biang - Lâm Đồng”</p> <p>Viện Nghiên cứu</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Mục tiêu bảo tồn và phát triển nguồn gen cây dược liệu quý của vùng cao nguyên Lang Biang. Xây dựng mô hình trồng cây đẳng sâm có năng suất củ cao tại 5 xã của huyện Lạc Dương và tại Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên. Tập huấn kiến thức trồng và chăm sóc cây đẳng sâm cho khuyến nông viên, nông dân chủ chốt và người dân của 5 xã; đào tạo kiến thức và thông thạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật cho thanh niên của 5 xã thuộc huyện Lạc Dương. Dự án nhằm tập huấn kiến thức trồng, chăm sóc và nhân giống cây đẳng sâm, góp phần giải quyết việc làm và tăng thêm thu nhập cho người dân của huyện Lạc Dương, thúc đẩy phát triển kinh tế địa</p>

	<p>Khoa học Tây Nguyên</p> <p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>phương, kinh tế xã hội.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bảo tồn trong ống nghiệm nguồn gen cây dược liệu quý đẳng sâm của vùng cao nguyên Lang Biang. – Một qui trình nhân giống trong ống nghiệm cây đẳng sâm. Qui trình có khả năng ứng dụng và chuyển giao. – Xây dựng mô hình trồng đẳng sâm tại 5 xã của huyện Lạc Dương và tại Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên. Mỗi mô hình trồng 3.000 cây đẳng sâm cấy mô. Mô hình trồng đẳng sâm có khả năng ứng dụng và chuyển giao. – 10 lớp tập huấn kiến thức trồng và chăm sóc cây đẳng sâm cho 5 xã của huyện Lạc Dương, mỗi lớp tập huấn có 50 người tham gia. – Đào tạo kiến thức và thành thạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật cho 25 thanh niên của 5 xã thuộc huyện Lạc Dương. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn thiện qui trình nhân giống trong ống nghiệm cây đẳng sâm. – Trồng 18.000 cây đẳng sâm cấy mô tại vườn ươm Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên. – Chuyển cây đẳng sâm cấy mô đến 5 xã của huyện Lạc Dương và xây mô hình trồng. – Mỗi xã của huyện Lạc Dương mở 2 lớp tập huấn kiến thức trồng và chăm sóc cây đẳng sâm cho khuyến nông viên, nông dân chủ chốt và người dân. – Đào tạo kiến thức và thành thạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật cho thanh niên của 5 xã thuộc huyện Lạc Dương.
81	<p>Nghiên cứu xây mô hình quản lý rừng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với xóa đói giảm nghèo dựa</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng và phát triển cây nửa lùn, cây bo bo dưới tán rừng; - Tạo thêm thu nhập cho người dân tộc miền núi; - Hạn chế phá rừng làm nương rẫy, dẫn đến mục tiêu bảo vệ đất, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. <p>b. Kết quả dự kiến</p>

	<p>vào tri thức bản địa của người dân tộc thiểu số ở vườn Quốc gia Pù huống, huyện Quế Phong, Nghệ An</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An</p> <p>Tổng kinh phí: 1.100.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.100.000.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Mô hình phát triển cây nửa lòng, cây bo bo dưới tán rừng được triển khai ở huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Mô hình này mang lại lợi ích kinh tế cho người dân tộc thiểu số từ đó ổn định việc làm, không phá rừng làm nương rẫy, trong đó kết quả cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - 02 cuộc làm việc với UBND huyện, xã; - 01 cuộc điều tra để xác định vị trí; - Xác định được số lượng giống cần và thực hiện nhân giống cây; - 01 cuộc tập huấn về trồng cây, chăm sóc cây; - Giao cây giống, phân đạm cho người dân trồng và chăm sóc; - Các đợt kiểm tra về kết quả thực hiện mô hình; - 01 báo cáo và có đề xuất trong việc thực hiện mô hình <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát lựa chọn các bản làng phù hợp để xây dựng mô hình: Chi cục Bảo vệ môi trường đưa ra các tiêu chí để xây dựng mô hình, tổ chức đợt khảo sát trên địa bàn huyện Quế Phong (là huyện hiện có các cây nửa lòng, cây bo bo tự nhiên phát triển). Phối hợp với UBND huyện Quế phong lựa chọn địa điểm để nhân rộng mô hình. - Nhân giống cây nửa lòng, cây bo bo để hỗ trợ cho bà con nông dân: Hiện nay cây nửa lòng, cây bo bo tự nhiên trên địa bàn huyện Quế Phong đang còn nhưng không nhiều do đã bị khai thác từ trước tới nay. Do vậy muốn phát triển mô hình thì đòi hỏi phải có được nguồn giống nhân tạo. Do vậy, cần phải nhân giống để phát cho bà con người dân tộc - Tập huấn cách thức trồng chăm sóc, kết hợp với các kiến thức bản địa của người dân tộc nơi đây: Trước khi giao cây cho bà con trồng thì tập huấn cách thức trồng, chăm sóc và thu hoạch các sản phẩm từ cây, hướng dẫn nơi trồng cây cho bà con. Việc này phải phối kết hợp với UBND huyện Quế Phong, Ban quản lý khu bảo tồn Pù Huống. - Hướng dẫn, kiểm tra trong quá trình cây phát triển: Để tránh việc phá cây trong quá trình phát triển khi chưa đến mong đợi thì sẽ có kiểm tra, hướng dẫn cho bà con thực hiện. - Tổng hợp, đánh giá và viết báo cáo kết quả thực hiện dự án.
82	Hỗ trợ xã ven biển	a) Mục tiêu:

	<p>huyện Quỳnh Lưu xử lý nước nhiễm mặn đạt tiêu chuẩn nước sinh hoạt.</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000</p> <p>GEF SGP : 1.000.000.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp UBND xã Quỳnh Thọ thống nhất lựa chọn địa điểm xây dựng hệ thống xử lý nước cấp sinh hoạt cho xã. - Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước cấp sinh hoạt cho ít nhất 80% hộ dân thuộc xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu. - Hoàn thành hệ thống đầu nối dẫn nước từ hệ thống xử lý tới các hộ gia đình. - Xây dựng quy chế vận hành và quản lý hệ thống xử lý dài hạn. - Hỗ trợ một phần kinh phí vận hành ban đầu cho hệ thống. <p>b) Kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 80% hộ dân được sử dụng nguồn nước từ hệ thống xử lý. - Hỗ trợ chi phí vận hành và quản lý trong thời gian đầu sau khi hệ thống hoàn chỉnh. - Xây dựng kỹ thuật và quy chế vận hành hệ thống xử lý. - Nâng cao đời sống và sức khỏe cộng đồng của xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu. <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát lựa chọn địa điểm xây dựng. - Xây dựng hệ thống xử lý nước nhiễm mặn thành nước cấp sinh hoạt. - Xây dựng các công trình phụ trợ khác. - Đầu nối hệ thống dẫn nước tới hộ dân. - Cho hệ thống vận hành chạy thử. - Hỗ trợ kinh phí vận hành ban đầu. - Lập quy chế hoạt động và lên kế hoạch duy trì hoạt động của hệ thống trong thời gian dài sau khi hoàn thành bàn giao sản phẩm. - Nghiệm thu và bàn giao sản phẩm cho xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu.
83	Điều tra, đánh giá hiện trạng rừng	<p>a. Mục tiêu</p> <p>Đánh giá đúng hiện trạng rừng ngập mặn của tỉnh Nghệ</p>

	<p>ngập mặn, đề xuất kế hoạch phục hồi và trồng thí điểm một số mô hình rừng ngập mặn gắn với việc phòng hộ và giảm thiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tại các huyện ven biển tỉnh Nghệ An.</p> <p>Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An</p> <p>Tổng kinh phí: 1.200.000.000 GEF SGP: 1.200.000.000</p>	<p>An. Góp phần phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn trên địa bàn, để tăng cường chức năng phòng hộ ven biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và góp phần cải thiện đời sống của cộng đồng dân cư địa phương.</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng diện tích rừng ngập mặn hiện có trên địa bàn tỉnh Nghệ An được điều tra đo đạc lại; - 03 lớp tập huấn về trồng, bảo vệ và khai thác rừng ngập mặn được tổ chức cho người dân vùng thực hiện dự án; - 03 mô hình trồng rừng được triển khai tại 03 xã được lựa chọn thuộc khu vực thực hiện dự án. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức điều tra, đánh giá đúng hiện trạng rừng ngập mặn của tỉnh Nghệ An: diện tích, phân bố, hiện trạng về đa dạng sinh học của rừng ngập mặn. - Đề xuất kế hoạch phục hồi, trồng mới và quản lý bảo vệ bền vững rừng ngập mặn. - Xây dựng thí điểm mô hình trồng rừng ngập mặn phòng hộ và gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu tại khu vực được lựa chọn.
84	<p>Established the collection and propagation orchid garden in the Bidoup Nui Ba National Park Botanic Gardent.</p> <p>International Center for Tropical Highland Ecosystems Research (ICTHER) of Bidoup Nui Ba National Park</p>	<p>a. Purpose of the project</p> <ul style="list-style-type: none"> - Investigation and collection native orchids in the Bidoup-Nui Ba national park; - Identification and characteristics of biologists; - Selection the suitable propagation methods; - Plantion the orchid in the garden collection. - Technique propagation orchid training for the community; - Technical assistance for the local people when they would like to build the Orchids propagation pattern in their homes. <p>b. Outputs from the project</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100 orchid species will collected - 100 orchid species will identified, linked table name and

	GEF SGP: 50.000USD	<p>characterized;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Experiment with different propagation methods on the same species in order to find the optimal propagation methods; - Select 10 species of high economic value and easy for propagation to compile propagation methods documentation; - Provide training for 5 targeted villages in high economic value Orchid propagation; - Technical assistance for the households to build Orchids garden.
85	<p>Dự án Trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản sa nhân tím dưới tán rừng tự nhiên tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định</p> <p>Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định</p> <p>Tổng kinh phí: 1.019.528.246</p> <p>GEF SGP: 1.020.000.000</p>	<p>*Mục tiêu</p> <p>a. Mục tiêu chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần xóa đói giảm nghèo cho nhân dân địa phương, hướng đến mục tiêu xây dựng xã vùng cao Vĩnh Sơn trở thành xã nông thôn mới; - Tạo ra nhận thức đúng đắn về việc phát triển, khai thác, sử dụng bền vững, hiệu quả lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, góp phần tăng thu nhập cho người dân tham gia nghề rừng; - Xã hội hóa công tác bảo vệ và phát triển rừng theo hướng bền vững. <p>b. Mục tiêu cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo; - Giảm sức ép lên tài nguyên rừng, hạn chế nạn khai thác gỗ trái phép; - Nhân dân tại các làng của xã Vĩnh Sơn tham gia dự án áp dụng được quy trình kỹ thuật trồng, thu hoạch, bảo quản loài sa nhân tím vào sản xuất để đem lại lợi ích kinh tế thiết thực cho nhân dân theo hướng bền vững, hiệu quả, làm cơ sở cho việc nhân rộng mô hình.

		<p>*Kết quả dự kiến</p> <p>a. Kết quả dự kiến về kinh tế</p> <p>Tăng được nguồn thu cho nhân dân địa phương trên một đơn vị diện tích rừng, tận dụng được công lao động nhàn rỗi, giải quyết được việc làm trước mắt cho nhân dân địa phương. Bên cạnh đó, cung cấp nguồn nguyên liệu quý cho ngành dược, công nghiệp thực phẩm, mỹ phẩm,....</p> <p>b. Kết quả dự kiến về xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình trồng sa nhân tím dưới tán rừng tự nhiên giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân địa phương, góp phần ổn định cuộc sống, xóa đói giảm nghèo; - Giảm sức ép lên tài nguyên rừng; hạn chế và dần đi đến chấm dứt tình trạng xâm hại tài nguyên rừng tại địa phương và hướng đến mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng bền vững. <p>c. Kết quả dự kiến về môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ và phát triển cây sa nhân tím, tăng tính đa dạng cây trồng cho ngành nông nghiệp, ngành dược liệu tỉnh; - Cây sa nhân tím không cạnh tranh đất đai với loại cây trồng khác, chỉ tận dụng đất dưới tán rừng tự nhiên góp phần hạn chế thoái hóa đất, hoang mạc hóa, tiến tới canh tác bền vững cho vùng đất dốc; góp phần vào việc bảo vệ diện tích rừng hiện có và tăng độ che phủ của rừng. <p>*Hoạt động dự kiến</p> <p>a. Xây dựng mô hình trồng sa nhân tím dưới tán rừng tự nhiên với sự tham gia của cộng đồng dân cư trên cơ sở ứng dụng Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản sa nhân tím thuộc Đề tài Nghiên cứu quy trình kỹ thuật trồng, thu hoạch, bảo quản và dược tính của loài sa nhân tím tại Bình Định;</p> <p>b. Tổ chức tập huấn, hội thảo để chuyển giao và hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản sa nhân tím để nhân dân tại các làng của xã Vĩnh Sơn tham gia dự án áp dụng được vào sản xuất;</p> <p>c. Tham quan mô hình đã thực hiện có hiệu quả (dự kiến tham quan mô hình ở tỉnh Phú Yên);</p>
--	--	---

		d. Theo dõi đánh giá hiệu quả của Dự án.
86	<p>Phục hồi vùng đất ngập úng do đập dâng Văn Phong dâng nước làm ngập úng một số diện tích đất xã Tây Giang</p> <p>Kinh phí: 1.100.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Phòng chống lụt bão, bảo vệ trực tiếp tính mạng cho nhân dân vùng dự án, đảm bảo không bị mất đất sản xuất do lũ lụt hàng năm gây ra, giảm chi phí cho việc khắc phục tình trạng sạt lở bờ hàng năm.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>Bảo vệ tính mạng cho nhân dân vùng dự án khỏi các nguy cơ do lũ lụt gây ra, giữ được đất sản xuất cho nhân dân. Sau khi xây dựng công trình sẽ mang lại hiệu quả thiết thực đến đời sống nhân dân trong vùng dự án, nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế - Xã hội, mà hiện nay đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn do thiên tai gây ra.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <p>Xây dựng bờ kè gia cố lát khan dày 20cm, dầm lót dày 10cm và vỉ địa kỹ thuật, chân kè bằng chân khay bê tông M200.</p>
87	<p>Hỗ trợ xóa bỏ lò gạch thủ công bằng đất sét nung để giảm thiểu ảnh hưởng môi trường</p> <p>Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn</p> <p>Kinh phí: 1.100.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu: Nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và việc khai thác đất sét tràn lan không theo quy hoạch dẫn đến việc suy thoái về đất từ nay đến tháng 06/2014 xóa bỏ hoàn toàn 100 lò gạch ngói thủ công đang nằm rải rác trong khu dân cư.</p> <p>b. Kết quả dự kiến: 100 hộ gia đình đang còn hoạt động sản xuất gạch ngói thủ công trong khu dân cư chuyển đổi nghề sản xuất gạch ngói thủ công sang những công việc khác sạch hơn với môi trường hoặc chuyển đổi công nghệ sản xuất và di dời vào khu sản xuất tập trung.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: Chuyển đổi các lò gạch ngói thủ công sang công nghệ sản xuất sạch hơn hoặc chuyển đổi nghề</p>
88	Phục hồi môi	a. Mục tiêu:

	<p>trường khu bãi rác cũ thị trấn Phú Phong</p> <p>Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn</p> <p>Kinh phí: 1.100.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000</p>	<p>- Giảm ô nhiễm môi trường xung quanh do bãi rác cũ gây ra, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân vùng dự án.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <p>- Chôn lấp và xử lý toàn bộ khối lượng rác thải hiện có tại bãi rác cũ, từng bước xử lý toàn bộ nước thải hiện có tại bãi rác cũ, phục hồi môi trường khu bãi rác cũ thị trấn Phú Phong.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <p>- Xử lý toàn bộ nước rác hiện có tại 02 ô chôn lấp cũ. Lấp đất và trồng cây xanh trên toàn bộ diện tích bãi rác cũ.</p> <p>- Sau khi hoàn thành việc xử lý tại bãi rác cũ, tiến hành hủy bể bê tông xi măng chứa nước bốc hơi, trả lại mặt bằng và trồng cây xanh trên diện tích này.</p>
89	<p>THU GOM, XỬ LÝ RÁC THẢI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC HỆ THỐNG KÊNH LẠI GIANG HUYỆN HOÀI NHƠN – TỈNH BÌNH ĐỊNH</p> <p>Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định</p> <p>Kinh phí: 270.000.000</p> <p>GEF SGP: 270.000.000</p>	<p>f. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý thực trạng ô nhiễm môi trường do việc xả rác thải và xác súc vật chết trên hệ thống kênh Lại Giang ở huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. - Nâng cao nhận thức bảo vệ nguồn nước, môi trường hệ thống kênh Lại Giang trong các cấp chính quyền và toàn thể người dân. <p>g. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng rác thải, xác súc vật phát sinh trên hệ thống kênh Lại Giang ở huyện Hoài Nhơn theo đúng quy định, đảm bảo vệ sinh và bảo vệ môi trường. - Trang bị cho cộng đồng sống dọc kênh nhận thức bảo vệ nguồn nước và bảo vệ môi trường hệ thống kênh Lại Giang. - Tăng cường năng lực quản lý hành chính của các xã, thị trấn về bảo vệ nguồn nước và bảo vệ môi trường hệ thống kênh Lại Giang. <p>h. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế, lắp đặt, xây dựng và vận hành lưới chắn rác,

		<p>xác súc vật trên hệ thống kênh Lại Giang ở các xã, thị trấn có hệ thống kênh Lại Giang đi qua.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Phòng Kinh tế, Xí nghiệp Thủy lợi 1 và UBND các xã, thị trấn có hệ thống kênh Lại Giang đi qua tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước và môi trường hệ thống kênh Lại Giang. - Theo dõi, giám sát kết quả thực hiện, sửa chữa, thay mới lưới chắn rác. - Bố trí hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải cho người dân xung quanh khu vực kênh Lại Giang. Trường hợp xe vận chuyển rác không đến được thì hỗ trợ và xây dựng mô hình hố rác hộ gia đình cho người dân xử lý rác thải tại nhà. - Định kỳ hàng quý, tổ chức họp các cơ quan, đơn vị liên quan để báo cáo kết quả thực hiện, qua đó có sự điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp. - Định kỳ 6 tháng, tiến hành lấy mẫu, phân tích chất lượng nước hệ thống kênh Lại Giang.
90	<p>Xử lý môi trường trong làng nghề sản xuất tinh bột sắn (mỳ) thủ công (ngăn ngừa suy thoái đất)</p> <p>Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn</p> <p>Kinh phí: 930.000.000</p> <p>GEF SGP: 930.000.000</p>	<p>a. Mục tiêu: Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước từ việc chế biến tinh bột mì của các hộ gia đình nằm rải rác trong khu dân cư.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã khảo sát được công xuất sản xuất, hàm lượng độc tố gây ô nhiễm nguồn nước từ các hộ sản xuất tinh bột mì - Đã xây dựng được hệ thống xử lý chất thải tại chỗ bằng các hồ sinh học cho từng hộ gia đình: Bể chứa có diện tích xây dựng là 21,7m², rộng 3,1m, cao 2,7m. Bể dài được chia thành các ngăn: bể acid hoá, bể trung hoà, bể lọc kỵ khí, bể lọc hiếu khí... Dưới đáy mỗi bể có lót san hô hoặc xơ dừa (với công suất một tấn bột/ngày và lượng nước thải 12m³/ngày) <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <p>Xây dựng các bể sinh học, xử lý chất thải tại chỗ cho các hộ gia đình sản xuất tinh bột mì.</p>
91	HỖ TRỢ XÂY DỰNG HỐ XÍ	<p>1. Mục tiêu của Đề án</p> <p>Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn ổn</p>

	<p>HỢP VỆ SINH CHO HỘ NGHÈO</p> <p>UBND Xã Vĩnh Hiệp- Huyện Vĩnh Thạnh- Tỉnh Bình Định</p> <p>Tổng kinh phí: 715.200.000</p> <p>GEF SGP: 395.200.000</p>	<p>định, tạo điều kiện cho người dân yên tâm ổn định cuộc sống và chăm lo sản xuất. Phần đầu đến năm 2020 đạt các tiêu chí về môi trường trong Bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới.</p> <p>Xây dựng 160 nhà tiêu hợp vệ sinh cho các hộ nghèo chưa có nhà tiêu hoặc có nhưng không đảm bảo vệ sinh.</p> <p>2. Hiệu quả dự kiến của Đề án</p> <p>Đề án được triển khai sẽ góp phần đảm bảo ổn định đời sống cho nhân dân, các hộ nghèo sẽ có điều kiện sử dụng các công trình hợp vệ sinh, góp phần bảo vệ môi trường sống, hạn chế các loại bệnh liên quan đến sinh hoạt và vệ sinh.</p> <p>3. Giải pháp thực hiện</p> <p>a) Giải pháp về nhân lực</p> <p>Đề án sử dụng nguồn lực con người tại địa phương để huy động thực hiện đề án.</p> <p>Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm giám sát việc xây dựng công trình, nghiệm thu theo từng giai đoạn và quyết toán theo các chế độ tài chính hiện hành.</p> <p>MTTQVN xã và các Hội đoàn thể và toàn thể người dân được tham gia giám sát việc thực hiện dự án, có quyền được tham gia đóng góp ý kiến vào việc thực hiện dự án.</p> <p>b) Giải pháp truyền thông và vận động</p> <p>Trạm Y tế xã phối hợp với các Hội đoàn thể vận động nhân dân xây dựng ý thức giữ gìn vệ sinh trong sinh hoạt, hạn chế các loại bệnh do mất vệ sinh gây ra. Nâng cao ý thức trong cộng đồng dân cư về xây dựng môi trường sống trong sạch, lành mạnh.</p> <p>c) Giải pháp kỹ thuật</p> <p>Các hộ dân hưởng lợi từ dự án sẽ tự xây dựng hoặc thuê các nhóm thợ trong cộng đồng dân cư để thực hiện. Các hộ dân được hỗ trợ sẽ thực hiện dưới sự giám sát của UBND xã. Khi công trình hoàn thành và được nghiệm thu thì các hộ mới được nhận hết phần kinh phí hỗ trợ.</p> <p>Nhà tiêu được xây dựng bằng gạch xây đảm bảo các yêu cầu về tường, mái, và nền móng, đảm bảo diện tích tối thiểu 2,5 m².</p>
92	<p>KÈ CHỐNG LỞ DỌC BỜ SÔNG KÔN XÃ VĨNH</p>	<p>1. Mục tiêu của Đề án</p> <p>Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn ổn định, tạo điều kiện cho người dân yên tâm ổn định cuộc sống và chăm lo sản xuất.</p>

	<p>HIỆP</p> <p>UBND Xã Vĩnh Hiệp- Huyện Vĩnh Thạnh- Tỉnh Bình Định</p> <p>Tổng kinh phí: 8.400.000.000</p> <p>GEF SGP: 8.400.000.000</p>	<p>Xây dựng được 1.200 m bờ kè dọc theo sông Kôn tại các khu vực xung yếu hạn chế ảnh hưởng sạt lở, xói mòn do thiên tai, bão lũ gây ra hàng năm, ổn định quỹ đất sản xuất cho nhân dân.</p> <p>2. Giải pháp thực hiện</p> <p>d) Giải pháp về nhân lực</p> <p>Đề án sử dụng nguồn lực con người tại địa phương để huy động thực hiện đề án.</p> <p>MTTQVN xã và các Hội đoàn thể và toàn thể người dân được tham gia giám sát việc thực hiện dự án, có quyền được tham gia đóng góp ý kiến vào việc thực hiện dự án.</p> <p>e) Giải pháp truyền thông và vận động</p> <p>UBND xã phối hợp với các Hội đoàn thể vận động nhân dân tiến hành trồng cây để tạo vành đai bảo vệ dọc theo bờ sông.</p> <p>f) Giải pháp kỹ thuật</p> <p>UBND xã là chủ đầu tư dự án sẽ tiến hành thuê tư vấn thiết kế, giám sát và thi công để đảm bảo chất lượng công trình.</p> <p>Tuyến kè thiết kế nằm trên đoạn sông cong cho nên cơ bản tuyến kè chọn thiết kế phải chọn sao cho dòng chảy có lợi nhất về mặt thủy lực, tiếp theo là uốn nắn tuyến thẳng với dòng chảy và lấn một phần ra phía sông để bảo vệ đất hoa màu của nhân dân.</p> <p>Kè chống sạt lở được gia cố bằng đá lát khan dày 20 cm, dưới có lớp dăm lót đá 2x4 dày 10 cm và lớp dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật. Gia cố mặt kè và mái hạ lưu kè bằng đá lát khan chân khay bằng đá xây hồ M100 vào đất tự nhiên chống sạt lở.</p> <p>3. Hiệu quả dự kiến của Đề án</p> <p>a) Hiệu quả xã hội</p> <p>Đề án được thực hiện sẽ góp phần bảo vệ quỹ đất thuộc vành đai sông Kôn, chống sạt lở, tạo được cảnh quan thiên nhiên, tạo điều kiện để trồng vành đai cây xanh dọc theo bờ sông, bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật góp phần xây dựng bầu khí quyển xanh, sạch.</p> <p>b) Hiệu quả kinh tế</p> <p>Khi Đề án được thực hiện thì hàng năm diện tích hoa màu đang canh tác của bà con sẽ không bị xói mòn vào mùa mưa, tạo điều kiện để người dân yên tâm sản xuất, tăng thu nhập và</p>
--	--	---

		<p>ổn định đời sống.</p> <p>Tạo điều kiện để bố trí các khu dân mới ở những vùng có thể bố trí dân cư, tạo quỹ đất ở cho nhân dân trong xã.</p>
93	<p>Đánh giá tác động và khả năng thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng dân cư ven sông Lam, tỉnh Nghệ An</p> <p>Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An</p> <p>Kinh phí (từ GEF): 1 tỉ 500 triệu đồng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào những biến đổi của các hiện tượng khí hậu cũng như của thiên tai, hiện tượng thời tiết cực đoan để đánh giá những thiệt hại và tổn thất có thể gây ra do biến đổi khí hậu cho vùng dân cư ven sông Lam (Nghệ An) - Đề xuất giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong điều kiện của địa phương <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hiện trạng khả năng thích ứng và ứng phó của người dân đối với biến đổi khí hậu - Quy trình hành động ứng phó khi có thiên tai xảy ra - Tài liệu, sản phẩm tuyên truyền về kỹ năng, phương thức tổ chức cuộc sống thích ứng với biến đổi khí hậu - Mô hình hỗ trợ sinh kế cho người dân <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, đánh giá hiện trạng nhận thức, kiến thức của dân cư ven sông Lam về biến đổi khí hậu, biện pháp ứng phó với thiên tai. - Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các chuyên gia, các khoa học về biến đổi khí hậu cũng như những kinh nghiệm những người dân sống trong vùng có thời tiết khắc nghiệt, chịu ảnh hưởng nhiều từ thiên tai và biến đổi khí hậu, từ đó, xây dựng cơ sở kiến thức và tài liệu kỹ năng hành động, ứng phó biến đổi khí hậu để tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng dân cư ven sông Lam thông qua các lớp tập huấn và các chương trình truyền thông trên địa bàn dân cư. - Xây dựng mô hình cộng đồng ứng phó với biến đổi khí hậu bao gồm cả việc đầu tư, xây dựng các công trình giúp người dân ứng phó một cách chủ động và hiệu quả nhất đối với biến đổi khí hậu.
94	Nâng cao nhận thức và tăng cường năng	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế và ngăn ngừa hiện tượng HMH và THĐ ở Việt

	<p>lực trong việc hạn chế và ngăn ngừa hiện tượng Hoang mạc Hóa (HMH) và Thoái hóa Đất (THĐ), góp phần trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu tại Bình Định và Bình Thuận</p> <p>Phân viện Khí tượng Thủy văn và Môi trường phía Nam, Viện Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Nam từ nguồn các-bon hữu cơ có sẵn trong tự nhiên ở những khu vực HMH và THĐ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực của người dân trong việc cải tạo và nâng cao chất lượng đất, qua đó hạn chế và ngăn ngừa hiện tượng HMH và THĐ, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu tại Bình Định và Bình Thuận <p>b. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát thực trạng HMH và THĐ và đánh giá mức độ ảnh hưởng của HMH và THĐ đến kinh tế - xã hội và điều kiện sống tại hai tỉnh Bình Định và Bình Thuận - Khảo sát năng lực nhận thức và năng lực ứng phó với HMH và THĐ của người dân tại hai tỉnh nói trên - Thu thập dữ liệu thống kê các loại cây nông lâm nghiệp có khả năng kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương và dễ dàng thích nghi với BĐKH tại hai tỉnh. - Nghiên cứu và đề xuất danh sách các loại cây nông lâm nghiệp có khả năng kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương và dễ dàng thích nghi với BĐKH tại hai tỉnh Bình Định và Bình Thuận nhằm phục vụ cho mô hình nông nghiệp trú ẩn và nông nghiệp che chắn, trồng xen/luân canh và đa dạng hóa sinh học (nông lâm kết hợp) - Giới thiệu và thí điểm ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm hạn chế và ngăn ngừa hiện tượng HMH và THĐ, góp phần trong việc thích ứng với BĐKH tại một số địa điểm của hai tỉnh. - Tổ chức hội thảo, tập huấn, chương trình phát sóng về HMH, THĐ trong việc ứng phó với BĐKH <p>c. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá thực trạng HMH và THĐ, đánh giá mức độ ảnh hưởng của HMH và THĐ đến kinh tế - xã hội và điều kiện sống tại 2 tỉnh - Báo cáo năng lực nhận thức và ứng phó với HMH và THĐ của người dân tại 2 tỉnh - Danh sách các loại cây nông lâm nghiệp có khả năng kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương và dễ dàng thích nghi với BĐKH tại 2 tỉnh nhằm phục vụ cho mô hình
--	---	---

		<p>nông nghiệp trú ẩn và nông nghiệp che chắn; trồng xen/luân canh và đa dạng hóa sinh học (nông lâm kết hợp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ấn phẩm giới thiệu về HMH, THĐ ứng phó với BĐKH - Hội thảo tập huấn cho các hộ nông dân và xây dựng các chương trình phát sóng trên TV về HMH, THĐ tại 2 tỉnh - Giảm lượng rác thải hữu cơ tại 2 tỉnh - Giảm ô nhiễm đất do lạm dụng quá mức phân bón hóa học và qua đó giảm chi phí cho phân bón hóa học - Tăng năng suất, chất lượng thu hoạch và hiệu quả KT của cây nông lâm nghiệp <p>d. Tổ chức thực hiện và quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nông dân/Đoàn thanh niên - UBND Xã, quận - Hội khuyến nông - Hội phụ nữ - Phân viện KTTV và môi trường phía Nam
95	<p>Xây dựng mô hình sinh kế vùng đệm ven rừng ngập mặn (RNM) cho cộng đồng cư dân nghèo ven biển nhằm bảo vệ và khai thác hiệu quả hệ sinh thái RNM tại Nghệ An và Hà Tĩnh</p> <p>Công ty cổ phần tư vấn và phát triển Thành Vinh</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Dự án góp phần bảo vệ và khai thác có hiệu quả hệ sinh thái RNM thông qua hoạt động sinh kế của cộng đồng - Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo đánh giá hiện trạng RNM, từ đó có các đề xuất về khai thác RNM có hiệu quả • Xây dựng và thử nghiệm các mô hình nuôi thủy sản phù hợp tạo sinh kế bền vững cho cư dân sống ven RNM (như mô hình nuôi quảng canh cải tiến tôm sú trong RNM, nuôi hào đơn, vẹm xanh, cua... theo hướng thân thiện với môi trường) • Cùng với chính quyền địa phương và các hội như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư nhân rộng kết quả các mô hình <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng RNM, bao gồm cả tình hình khai thác, sử dụng RNM; phân tích các vấn đề liên quan đến việc khai

		<p>thác, sử dụng và đề xuất các giải pháp nhằm tái tạo, bảo vệ RNM tại Nghệ An và Hà Tĩnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được từ 2 – 4 mô hình nuôi trồng thủy sản mà người trực tiếp tham gia là các hộ dân dưới sự quản lý của các hội - Tổ chức các cuộc hội thảo cộng đồng có sự tham gia của người dân và các hội, có khoảng 150 – 200 lượt người được tham gia vào các cuộc họp và hội thảo tại cộng đồng về việc khai thác, bảo vệ RNM và hệ sinh thái của sông - Thành công của dự án sẽ giúp nông dân vùng đệm RNM nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống, từ đó nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò RNM, bổ sung vào quy hoạch của các địa phương trong việc khôi phục, tái tạo RNM và hình thành cho cư dân trong vùng những mô hình sinh kế bền vững thông qua việc sử dụng hợp lý RNM, hệ sinh thái cửa sông. Bên cạnh đó, ý thức của cộng đồng về việc khai thác, sử dụng RNM, nguồn lợi tự nhiên được cải thiện, sinh kế của cộng đồng được khai thác một cách bền vững <p>c. Tổ chức thực hiện và quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty cổ phần tư vấn và phát triển Thành Vinh - Các ban ngành tham gia dự án - Chi cục Nuôi trồng Thủy sản – Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nơi dự án triển khai - Phân viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản Bắc Trung bộ - Các hội Nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên huyện, xã nơi triển khai dự án <p>(Dự án liên quan, “Nguồn lợi vì sự phát triển bền vững”, được Ngân hàng Thế giới tài trợ, do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh quản lý)</p>
96	Khôi phục Hệ sinh thái rừng Đước, bảo vệ môi trường tại Đầm Thủy Triều, thuộc xã Cam Hòa, Cam Hải Đông,	<p>Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục trồng mới khoảng 100.000 cây Đước (trụ mầm) với tổng diện tích khoảng 20ha tại 02 xã Cam Hải Đông, Cam Hòa, huyện Cam Lâm, trồng và chăm sóc, bảo vệ trong thời gian 01 năm sau đó để tự phát triển . <p>Kết quả dự kiến</p>

	<p>huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa</p> <p>Nguyễn Hữu Hào – UBND huyện Cam Lâm</p> <p>GEF SGP: 500.000.000 đ</p>	<p>-Sau khi trồng và bảo vệ 100.000 cây được sau 01 năm sẽ đảm bảo tỉ lệ sống khoảng 80%. Kích thước chiều cao của cây khoảng 1 m, số lượng lá >10 lá , rễ bám và phát triển tốt..</p> <p>Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao cho phòng TN_MT phối hợp với các phòng ban, UBND các xã Cam Hòa, Cam Hải Đông triển khai thực hiện - Thông báo cho người dân được biết DA hỗ trợ này để tạo sự đồng tình của dân - Khảo sát lựa chọn vùng, khu vực sẽ trồng Được - Liên hệ mua cây giống tại thị xã Nhon Hòa - Thuê nhân công là dân cử tri vừa góp phần tạo công ăn việc làm cho dân - Bảo dưỡng, chăm sóc cây lớn trong thời gian 01 năm sau đó cây phát triển tự nhiên.
97	<p>Xây dựng mô hình trình diễn và chuyển giao công nghệ chế biến phụ phẩm chè xanh đồn bỏ hàng năm thành sản phẩm có giá trị cao góp phần tăng thu nhập cho nông dân miền núi trồng chè và giảm phát thải</p> <p>Nguyễn Hữu Hà – Chi đoàn thanh niên Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Phú Thọ</p> <p>Tổng kinh phí : 1.150.000.000 đ GEF: 950.000.000 đ</p>	<p>Mục tiêu :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận thu phụ phẩm chè làm nguyên liệu chế biến sản phẩm mới có giá trị cao góp phần tăng thu nhập cho nông dân miền núi trồng chè và giảm phát thải nhà kính. - Tạo thêm công ăn việc làm , nâng cao nhận thức về phát triển công nghệ mới trong SX về MT và BDKH - Nâng cao năng lực tiếp cận triển khai ứng dụng KHCN cho thanh niên miền núi phía Bắc - Nâng cao nhận thức XH, vai trò của cộng đồng, của mỗi cá nhân, về các tổ chức UNDP,GEF SGP ...tiếp cận và gắn kết với các hoạt động công nghệ, cùng chung tay phát triển KTXH và BVMT <p>Kết quả dự kiến :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thiết bị đồng bộ qui mô nhỏ chế biến tận thu phụ phẩm chè xanh đồn bỏ hàng năm (qui mô 500kg nguyên liệu/ngày) hoạt động theo nguyên lý sản xuất sạch không có chất thải 2. Trình diễn và sản xuất thành công 3 sản phẩm từ nguyên liệu tận thu chè xanh đồn bỏ hàng năm, tổng nguyên liệu là 25 tấn , qua đo lường toán hiệu quả KT, mức độ tăng thu nhập và giảm phát thải của mô hình 3. Phổ biến giới thiệu cho 1000 nông dân trồng chè, trong ½ là độ tuổi thanh niên (18-30 tuổi) , Nâng cao nhận thức 4. Có được số liệu điều tra khảo sát thực tế , chiến lược

		<p>và lộ trình phát triển công nghệ, với hệ máy qui mô nhorphuf hợp, hướng đến skhai thác tận thu toàn bộ phựphaamr chè cyar Phú Thọ và từng bước lan truyền sang tỉnh khác</p> <p>5. Góp phần nâng cao nhận thức năng lwucj và tinh thần hợp tác phát triển cioong nghệ cho nông thôn miền Núi</p> <p>Hoạt động dự kiến</p> <p>Tổ chức thực hiện và quản lí dự án (sự tham gia của cộng đồng và các bên có liên quan trong việc thực hiện và quản lí DA)</p>
98	<p>Xây dựng mô hình trình diễn và chuyển giao công nghệ chế biến phụ phẩm chè xanh đồn bỏ hàng năm thành sản phẩm có giá trị cao góp phần tăng thu nhập cho nông dân miền núi trồng chè và giảm phát thải.</p> <p>Chi đoàn thanh niên Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ</p> <p>Tổng kinh phí: không có.</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận thu phụ phẩm chè làm nguyên liệu chế biến sản phẩm mới có giá trị cao, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân miền núi trồng chè và giảm phát thải khí nhà kính. - Ngoài ra còn các mục tiêu thứ cấp khác về tạo thêm việc làm, nâng cao nhận thức về phát triển công nghệ mới trong sản xuất, về môi trường và BDKH. - Nâng cao năng lực tiếp cận triển khai ứng dụng KHCN cho thanh niên miền núi phía Bắc. - Nâng cao nhận thức xã hội, vai trò của cộng đồng, của mỗi cá nhân, về các tổ chức UNDP GEF SGP... tiếp cận và gắn kết với các hoạt động công nghệ, cùng chung tay phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thiết bị đồng bộ quy mô nhỏ chế biến tận thu phụ phẩm chè đồn hàng năm (quy mô 500kg nguyên liệu/ngày, sản phẩm là polyphenol tổng, thức ăn gia súc, gia nhiệt bằng nhiên liệu tái tạo, hoạt động theo nguyên lý sản xuất sạch không có chất thải. 2. Trình diễn và sản xuất thành công 3 sản phẩm từ nguyên liệu tận thu chè xanh đồn bỏ hàng năm, tổng nguyên liệu được tận thu và chế biến là 25 tấn, qua đó tính toán được hiệu quả kinh tế, mức độ tăng thu nhập và giảm phát thải của mô hình. 3. Phổ biến giới thiệu mô hình cho 1000 nông dân trồng chè, trong đó có ½ là độ tuổi thanh niên (18-30 tuổi đang tham gia trồng và chế biến chè), nâng cao nhận thức.

		<p>4. Có được số liệu điều tra khảo sát thực tế, chiến lược và lộ trình phát triển công nghệ với hệ máy modul (quy mô nhỏ) phù hợp, hướng đến khai thác tận thu toàn bộ phụ phẩm chè của tỉnh Phú Thọ và từng bước lan truyền sang các tỉnh khác.</p> <p>5. Góp phần nâng cao năng lực, nhận thức và tinh thần hợp tác phát triển công nghệ cho nông thôn miền núi.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Tổ chức thực hiện và quản lý dự án (Sự tham gia của cộng đồng và các bên có liên quan như tổ chức đề xuất, tổ chức/chuyên gia tư vấn, chính quyền và các ban ngành có liên quan, các chương trình/dự án có liên quan) trong việc thực hiện và quản lý dự án.</p>
99	<p>Khoanh nuôi, bảo vệ và trồng bổ sung loài cây Lan – <i>Christensonia vietnamica</i> Haager – (loài đặc hữu của Việt Nam) góp phần bảo tồn nguồn gen, bảo vệ tính đa dạng sinh học và phục vụ nghiên cứu khoa học về các loại phong lan quý hiếm tại Vườn quốc gia Núi Chúa tỉnh Ninh Thuận.</p> <p>Vườn quốc gia Núi Chúa tỉnh Ninh Thuận</p> <p>Tổng kinh phí: 196.900.000 GEF SGP: 183.300.000</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <p>1. Mục tiêu dài hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định điều kiện lập địa và vùng phân bố tự nhiên cây <i>Christensonia vietnamica</i> Haager, loài lan đặc hữu cho miền Nam Việt Nam. - Khoanh vùng phân bố tự nhiên của loài cây (lập bản đồ) để có các giải pháp lâm sinh tác động giúp cho việc phục hồi tự nhiên loài cây phong lan đặc biệt quý hiếm này. - Xây dựng quy trình nhân giống, kỹ thuật trồng loài cây <i>Christensonia vietnamica</i> Haager, loài lan đặc hữu cho miền Nam Việt Nam trong môi trường tự nhiên. <p>2. Mục tiêu dài hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phục vụ nhu cầu nghiên cứu khoa học về loài cây <i>Christensonia vietnamica</i> Haager – loài lan đặc hữu cho miền Nam Việt Nam. - Góp phần vào công tác bảo tồn và phát triển tài nguyên VQG Núi Chúa đặc biệt là các loài lan quý hiếm tại VQG Núi Chúa, có giá trị kinh tế và khoa học cao. - Nâng cao nhận thức cho cộng đồng sống xung quanh VQG Núi Chúa về tính đa dạng sinh học tại VQG Núi Chúa tỉnh Ninh Thuận. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>1. Điều tra thực địa và khoanh vùng nơi phân bố của <i>Christensonia vietnamica</i> Haager</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin về sự phân bố của loài lan này - Ghi nhận được sự phân bố của các loài lan này và các

		<p>loài lan hiện hữu tại đây</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập bản đồ phân bố các loài (2ha). <p>2. Thu thập và nhân giống loài cây <i>Christensonia vietnamica</i> Haager</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu được mẫu vật (10%) so với ghi nhận - Nhân giống 1000 giá thể. <p>Nhân giống ngoài thực địa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo được 800 giá thể sống tốt - 800 giá thể được trồng ngoài tự nhiên <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Điều tra thực địa và khoanh vùng nơi phân bố của <i>Christensonia vietnamica</i> Haager</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp dân sống xung quanh VQG, tìm hiểu sự phân bố - Điều tra ngoài thực địa - Lập bản đồ phân bố loài <p>Thu thập và nhân giống loài cây <i>Christensonia vietnamica</i> Haager</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận sự có mặt của loài - Nhân giống trong môi trường nuôi cấy mô <p>3. Nhân giống ngoài thực địa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huấn luyện cây trước khi đưa ra môi trường tự nhiên - Tiến hành trồng tại khu vực ghi nhận phân bố <p>4. Kiểm tra đánh giá và bảo vệ khu vực nhân giống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần tra, kiểm tra - Đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển
100	<p>Tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng tại Vườn Quốc gia Yok Đôn</p> <p>Trung tâm Đa dạng Sinh học và Phát triển (CBD)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.262.202.072</p>	<p>a. Mục tiêu: Cải thiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học của Vườn Quốc gia Yok Đôn, góp phần bảo vệ sự toàn vẹn của Cảnh quan vùng Đồng Bằng phía Đông Campuchia, thông qua tăng cường hiệu quả công tác quản lý đa dạng sinh học VQG Yok Đôn; tăng cường hợp tác liên biên giới giữa Yok Đôn và Mondulhiri; và tăng cường hợp tác giữa VQG Yok Đôn với Bộ đội biên phòng trong tuần tra rừng.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một báo cáo đánh giá nhanh tình hình vi phạm lâm luật ở khu vực vườn Quốc gia Yok Đôn và buôn bán trái phép các loài hoang dã qua biên giới giữa Yok Đôn và Mondulhiri, Campuchia; - Một mạng lưới theo dõi thú lớn sử dụng kiến thức bản địa và thông báo vi phạm lâm luật được thành lập và

	<p>VND (tương đương 60.002 USD)</p> <p>GEF SGP: 1.051.800.000</p>	<p>vận hành có sự tham gia của người dân;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một biên bản ghi nhớ giữa Vườn Quốc gia Yok Đôn và Khu bảo tồn Mondulkiri của Campuchia; - Một cơ chế hợp tác giữa Bộ đội Biên phòng, dân phòng và lực lượng kiểm lâm trong địa bàn Vườn; - Nhận thức về công tác bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ các loài hoang dã của bộ đội biên phòng và người dân vùng lõi tăng, do đó giảm số vụ vi phạm lâm luật của hai đối tượng này. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức bảo tồn, tăng cường thực thi pháp luật và giám sát đa dạng sinh học cho Vườn Quốc gia Yok Đôn, với các hoạt động cụ thể sau: <ul style="list-style-type: none"> + Khảo sát nhanh vấn đề vi phạm lâm luật, đặc biệt là vấn đề khai thác và buôn bán trái phép qua biên giới các loài hoang dã; + Truyền thông nâng cao nhận thức bảo tồn đa dạng sinh học; và + Tăng cường hợp tác và tuần tra liên ngành (kiểm lâm, bộ đội biên phòng, đội bảo vệ rừng của buôn Drăng Phok) - Tăng cường sự tham gia của cộng đồng sống trong vùng lõi của Vườn Quốc gia Yok Đôn vào công tác thực thi pháp luật và theo dõi đa dạng sinh học: <ul style="list-style-type: none"> + Thành lập đội đặc nhiệm phản ứng nhanh với tội phạm lâm luật theo tin báo của cộng đồng; + Thành lập mạng lưới theo dõi diễn biến đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng và kiến thức bản địa; + Thành lập mạng lưới mật báo thông tin về vi phạm lâm luật của cộng đồng - Xây dựng cơ chế hợp tác xuyên biên giới giữa Vườn Quốc gia Yok Đôn và Khu bảo tồn Mondulkiri, Campuchia: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm giữa Vườn Quốc gia Yok Đôn và Mondulkiri; + Hội thảo liên vườn Quốc gia Yok Đôn và Mondulkiri; MOU về hợp tác giữa 2 tỉnh trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng; + Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin giữa Vườn Quốc gia Yok Đôn, Việt Nam và Khu bảo tồn rừng Mondulkiri, Campuchia.
--	---	---

101	<p>Giám sát động thái cảnh quan và phân bố của loài Chà vá chân đen (Pygathrix nigripes) ở Vườn quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận với sự trợ giúp của dữ liệu viễn thám và kỹ thuật GIS</p> <p>Vườn quốc gia Núi Chúa</p> <p>Tổng kinh phí: 500.000.000</p> <p>GEF SGP: 500.000.000</p>	<p>1.1. Mục tiêu</p> <p>Mô tả đặc điểm phân bố, số lượng cá thể của loài Chà vá chân đen ở VQG Núi Chúa theo nhân tố sinh thái như địa hình và chỉ số thực vật NDVI.</p> <p>Phân tích mối quan hệ giữa động thái mảnh và số lượng cá thể Chà vá chân đen tại khu vực nghiên cứu.</p> <p>Lập bản đồ phân bố của loài Chà vá chân đen dựa trên các nhân tố sinh thái như địa hình và chỉ số thực vật NDVI tại VQG Núi Chúa.</p> <p>1.2. Kết quả dự kiến</p> <p>Sau khi thực hiện xong dự án này có thể trả lời 4 câu hỏi chính sau đây:</p> <p>(1) Đặc điểm phân bố, số lượng cá thể của loài Chà vá chân đen ở VQG Núi Chúa theo các nhân tố địa hình và thảm thực vật.</p> <p>(2) Ảnh hưởng của động thái cảnh quan đến sự phân bố và số lượng cá thể của loài Chà vá chân đen tại VQG Núi Chúa.</p> <p>(3) Bản đồ phân bố của loài Chà vá chân đen dựa trên các nhân tố sinh thái (chỉ số thực vật, độ cao, độ dốc) tại VQG Núi Chúa.</p> <p>(4) Đưa ra được đề xuất bảo vệ hệ sinh thái rừng bền vững cho Vườn quốc gia Núi Chúa.</p>
102	<p>Xây dựng mô hình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật từ bã thải trồng nấm và trồng trọt tại Thành phố Đà Nẵng</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.100.000.000</p> <p>GEF SGP:</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình sản xuất chế phẩm vi sinh vật và sản xuất thử nghiệm chế phẩm vi sinh phục vụ xử lý, chế biến các phế phụ liệu từ trồng nấm và sản xuất nông nghiệp làm cơ chất hữu cơ phục vụ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật chức năng. - Xây dựng mô hình trình diễn sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật cho một số đối tượng cây trồng chính (hoa, rau các loại) trên địa bàn thành phố. <p>2. Các hoạt động chính</p> <p>Nội dung 1. Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, bổ sung trang thiết bị phục vụ tiếp nhận công nghệ và sản xuất chế phẩm vi sinh vật xử lý hữu cơ và phân hữu cơ vi sinh vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm trang thiết bị cho phòng thí nghiệm vi sinh - Xây dựng, mua sắm thiết bị cho phòng lên men xốp và

	<p>1.000.000.000 đồng (50.000 USD)</p>	<p>đóng gói sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, mua sắm thiết bị cho xưởng chế biến cơ chất hữu cơ và sản xuất phân hữu cơ vi sinh vật chức năng. <p>Nội dung 2. Đào tạo để chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ để sản xuất và sử dụng chế phẩm vi sinh vật chế biến cơ chất hữu cơ làm phân bón hữu cơ vi sinh vật cho cây trồng, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật - Quy trình công nghệ xử lý nguyên liệu hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh vật - Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật <p>Nội dung 3. Xây dựng mô hình sản xuất chế phẩm vi sinh vật và phân bón hữu cơ vi sinh vật như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất thử chế phẩm vi sinh vật và phân bón hữu cơ vi sinh vật theo quy trình công nghệ được chuyển giao và hoàn thiện công nghệ cho phù hợp với điều kiện của thành phố Đà Nẵng. - Đánh giá chất lượng sản phẩm và hoàn thiện công nghệ <p>Nội dung 4. Tập huấn cho công nhân kỹ thuật, cán bộ khuyến nông và các hộ nông dân tại các mô hình sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ vi sinh vật cho các hộ sản xuất và các hợp tác xã/ tổ hợp tác xã trên địa bàn thành phố - Tập huấn kỹ thuật sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh vật chức năng cho các hộ nông dân trên một số đối tượng cây trồng chính ở Đà Nẵng như hoa, cây cảnh và một số loại rau màu. <p>Nội dung 5. Xây dựng mô hình sử dụng chế phẩm vi sinh vật và phân hữu cơ vi sinh vật tại một số cơ sở sản xuất và hộ nông dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật chức năng cho các loại cây trồng chính. - Tổ chức hội nghị đầu bờ và tổng kết mô hình: tổ chức hội nghị và giới thiệu kết quả sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật chức năng tới các hộ nông dân.
--	--	--

103	<p>Đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học các loài thực vật, nguyên nhân suy thoái và đề xuất các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học các loài thực vật ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.100.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.000.000.000 VNĐ (50.000 USD)</p>	<p>Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập được danh lục các loài thực vật hiện hữu ở khu BTTN Sơn Trà. - Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học các loài thực vật và xác định được xu thế biến đổi đa dạng sinh học thực vật ở Khu BTTN Sơn Trà. - Xác định được các nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học thực vật một cách đầy đủ và chính xác (xác định nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan). - Đề xuất các biện pháp khả thi trong quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học. - Xây dựng cơ sở dữ liệu về các thông số, về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến đa dạng sinh học trong khu vực nghiên cứu và vùng phụ cận. <p>Các hoạt động chính</p> <p>Nội dung 1: Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học các loài thực vật và xu thế biến đổi đa dạng sinh học ở Khu BTTN Sơn Trà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 1: Thu thập các tài liệu nghiên cứu về đa dạng sinh học và các công trình nghiên cứu liên quan đến đa dạng sinh học các loài thực vật đã thực hiện ở Khu BTTN Sơn Trà. - Hoạt động 2: Phân tích, đánh giá tổng hợp kết quả các công trình nghiên cứu trước đây và đề xuất định hướng, giải pháp, nội dung nghiên cứu bổ sung. - Hoạt động 3: Điều tra khảo sát, thu thập mẫu vật, quan sát, xác định thành phần loài thực vật hiện hữu ở Sơn Trà trong thời gian nghiên cứu; ghi tọa độ các loài, mẫu vật thu được (trong thời điểm nghiên cứu); hiện trạng sinh cảnh ở Khu BTTN Sơn Trà. - Hoạt động 4: Giám định và lập danh lục thành phần loài thực vật ở khu BTTN Sơn Trà. - Hoạt động 5: Đánh giá xu thế biến đổi đa dạng sinh học các loài thực vật ở Khu BTTN Sơn Trà. - Hoạt động 6: Tổ chức các đợt tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ về nghiên cứu bảo tồn thực vật quý hiếm, điều tra đa dạng sinh học các loài thực vật và Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường cho cán bộ tham gia thực hiện dự án, cán bộ kiểm lâm, người dân địa phương. <p>Nội dung 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu và tư liệu hóa các thông tin về đa dạng sinh học các loài thực vật Khu BTTN Sơn Trà</p>
-----	--	--

		<p>- Hoạt động 1: Lựa chọn MS.Access 2007 cho quản lý dữ liệu thuộc tính và MapInfo 8.0 cho quản lý dữ liệu không gian để xây dựng phần mềm BioST có chức năng cập nhật, giám sát diễn biến đa dạng sinh học.</p> <p>- Hoạt động 2: Nhập các thông tin, số liệu về đa dạng sinh học các loài thực vật, kiểu thảm thực vật ở khu BTTN Sơn Trà.</p> <p>Nội dung 3: Xác định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng sinh học các loài thực vật trong khu vực nghiên cứu và vùng phụ cận, đề xuất các biện pháp bảo tồn.</p> <p>- Hoạt động 1: Phân tích đánh giá sự tác động của các yếu tố tự nhiên đến xu thế biến đổi đa dạng sinh học các loài thực vật trong khu vực dựa trên số liệu thu thập được về đa dạng sinh học qua các đợt điều tra, khảo sát.</p> <p>- Hoạt động 2: Xác định các nhân tố kinh tế - xã hội tác động đến đa dạng sinh học các loài thực vật trong khu vực</p> <p>- Hoạt động 3: Nghiên cứu đề xuất các biện pháp bảo tồn có tính khả thi.</p>
104	<p>Thí điểm về cải thiện hệ thống y tế cấp xã nhằm nâng cao chất lượng sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.100.000.000 GEF SGP: 1000.000.000</p>	<p>* Mục tiêu</p> <p>Mục đích của dự án góp phần cải thiện hệ thống y tế thành phố nhằm tăng cường khả năng chống chịu với BĐKH.</p> <p>Thực hiện dự án trên địa bàn huyện Hòa Vang với quy mô thí điểm 3 xã trong 11 xã, hoạt động kinh tế của người dân có truyền thống gắn liền với Sản xuất nông nghiệp sẽ tác động tích cực đến cuộc sống trên 120.000 người, đặc biệt tập trung tại các xã Hoà Bắc, xã Hoà Phú xã Hoà Nhơn, xã Hoà Tiến là những khu vực dễ bị tổn thương do thiên tai nhất.</p> <p>* Các hoạt động chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá trước khi can thiệp về năng lực hệ thống y tế cộng đồng cấp xã 2. Tổ chức các hoạt động nhằm tăng cường năng lực hệ thống y tế các cấp ứng phó với BĐKH 3. Xây dựng mô hình hệ thống y tế cấp cộng đồng cấp xã trên địa bàn huyện Hòa Vang có khả năng chống chịu với BĐKH 4. Đánh giá năng lực sau can thiệp và nhân rộng mô hình. <p>* Kết quả dự kiến của dự án:</p> <p>Cộng đồng khu vực nông thôn được trang bị, hướng dẫn cơ bản về sức khỏe, vệ sinh môi trường và biến đổi khí hậu cũng như phòng tránh các rủi ro thiên tai.</p>

		<p>Các cơ sở y tế cấp cộng đồng thôn, xã sẽ được cải thiện hơn, để cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế tốt hơn cho người dân.</p> <p>Hệ thống y tế cộng đồng ở cấp xã được cải thiện điều kiện, tăng cường năng lực.</p>									
105	<p>Phục hồi rạn san hô trong vùng biển Đà Nẵng</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.100.000.000 GEF SGP: 1.000.000.000 VND, tương đương 50.000 USD</p>	<p>1. Mục tiêu dài hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phục hồi các rạn san hô bị phá hủy nhằm góp phần cải thiện chất lượng môi trường và làm cơ sở tiền đề xây dựng các trang trại san hô theo hướng thương mại hóa, góp phần vào nỗ lực bảo tồn trong nước và quốc tế. - Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan và cộng đồng địa phương nhằm quản lý, bảo vệ và phục hồi san hô trong vùng biển Đà Nẵng. - Cải thiện và nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ cho lực lượng quản lý, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên trong vùng biển Đà Nẵng. - Quản lý bền vững, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học nhằm nâng cao đời sống của người dân địa phương, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố. <p>2. Mục tiêu ngắn hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hình thức khai thác và sử dụng làm phá hủy và giảm chất lượng các hệ sinh thái được ngăn chặn; - Khoanh vùng bảo tồn những khu vực trọng yếu và triển khai điều tra thực trạng tài nguyên sinh học dưới nước; - Mô hình quản lý tài nguyên với sự tham gia của cộng đồng được hình thành; Giáo dục nâng cao nhận thức về giá trị của rạn san hô - Phục hồi các hệ sinh thái bị phá hủy, bảo tồn các rạn san hô trong khu vực; xây dựng các trang trại san hô theo hướng thương mại hóa. - Phát triển du lịch sinh thái, tăng thu nhập cho địa phương; - Mô hình sinh kế thay thế cho cư dân. <p>Các kết quả chủ yếu của dự án</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="3">Dạng kết quả dự kiến của dự án</th> </tr> <tr> <th>I</th> <th>II</th> <th></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Dạng kết quả dự kiến của dự án			I	II				
Dạng kết quả dự kiến của dự án											
I	II										

		<ul style="list-style-type: none">- Mẫu (model, market)- Sản phẩm- Vật liệu- Thiết bị máy móc- Dây chuyền công nghệ- Giống cây trồng	<ul style="list-style-type: none">- Quy trình công nghệ: X- Phương pháp:- Tiêu chuẩn- Quy phạm	<ul style="list-style-type: none">- Sơ đồ, bản đồ:- Bảng số liệu: X- Báo cáo phân tích: X- Tài liệu dự báo"- Đề án, quy hoạch triển khai:- Chương trình máy tính:																				
Các phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu và dự kiến phân bổ nguồn lực của dự án																								
		<table><tr><th>TT</th><th>Nội dung công việc</th><th>Sản phẩm phải đạt</th><th>Thời gian bắt đầu/kết thúc</th></tr><tr><td>1</td><td>Chuẩn bị tài liệu và các phương tiện nghiên cứu</td><td>Sẵn sàng triển khai</td><td>2/2014</td></tr><tr><td></td><td>Phục hồi vùng rạn bị phá hủy</td><td>Phục hồi 1000 m² rạn san hô khu vực phía Nam bán đảo Sơn Trà</td><td>3-10/2014</td></tr><tr><td>3</td><td>Tiến hành theo dõi và giám sát khả năng phục hồi</td><td>Các số liệu giám sát hàng năm</td><td>5-8/2014-2017</td></tr><tr><td>4</td><td>Phân tích số liệu và viết báo cáo hàng năm</td><td>Hoàn thành các báo cáo hàng năm theo mục tiêu đề ra</td><td>12/2013-2017</td></tr></table>	TT	Nội dung công việc	Sản phẩm phải đạt	Thời gian bắt đầu/kết thúc	1	Chuẩn bị tài liệu và các phương tiện nghiên cứu	Sẵn sàng triển khai	2/2014		Phục hồi vùng rạn bị phá hủy	Phục hồi 1000 m ² rạn san hô khu vực phía Nam bán đảo Sơn Trà	3-10/2014	3	Tiến hành theo dõi và giám sát khả năng phục hồi	Các số liệu giám sát hàng năm	5-8/2014-2017	4	Phân tích số liệu và viết báo cáo hàng năm	Hoàn thành các báo cáo hàng năm theo mục tiêu đề ra	12/2013-2017		
TT	Nội dung công việc	Sản phẩm phải đạt	Thời gian bắt đầu/kết thúc																					
1	Chuẩn bị tài liệu và các phương tiện nghiên cứu	Sẵn sàng triển khai	2/2014																					
	Phục hồi vùng rạn bị phá hủy	Phục hồi 1000 m ² rạn san hô khu vực phía Nam bán đảo Sơn Trà	3-10/2014																					
3	Tiến hành theo dõi và giám sát khả năng phục hồi	Các số liệu giám sát hàng năm	5-8/2014-2017																					
4	Phân tích số liệu và viết báo cáo hàng năm	Hoàn thành các báo cáo hàng năm theo mục tiêu đề ra	12/2013-2017																					

		5	Soạn thảo cẩm nang hướng dẫn kỹ thuật phục hồi và đánh giá rạn san hô	Cẩm nang hướng dẫn chi tiết các bước tiến hành	5-7/2017		C S
		6	Chuyển giao kỹ thuật phục hồi cho cộng đồng	Cộng đồng nắm bắt và triển khai được các kỹ thuật phục hồi	7-8/2017		C s F d S N đ b
		7	Tổng kết đề tài	Báo cáo tổng kết, nghiệm thu	12/2017		C S
106	<p>Xây dựng hệ thống xử lý nước thải 05 chợ huyện Cái Bè (chợ Cái Bè, chợ Hòa Khánh, chợ Cổ Cò, chợ An Hữu, Chợ Thiện Hộ)</p> <p>Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000 GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>a. Mục tiêu dự án: Xử lý nước thải cho 05 chợ (khoảng 1561 hộ kinh doanh), không xả nước thải chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra môi trường, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường ở địa phương.</p> <p>b. Kết quả dự kiến: đạt cột B – QCVN 14 : 2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.</p> <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khảo sát vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho 05 chợ. + Hợp đồng với Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang thiết kế và xây dựng hệ thống. + Vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải. + Sau khi vận hành hệ thống xử lý nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn sẽ tiến hành bàn giao cho cán bộ chuyên môn để vận hành hệ thống. 					
107	Quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên	a. Mục tiêu					

lâm sản ngoài gỗ dựa vào cộng đồng tại thôn Hành Rạc I, xã Phước Bình, huyện Bác Ái, thuộc vùng đệm trong Vườn Quốc gia Phước Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Gắn kết cộng đồng vào công tác bảo tồn tài nguyên LSNG đặc biệt các loài quý hiếm, hướng dẫn kỹ thuật khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên LSNG cho cộng đồng. - Hỗ trợ sinh kế cho người dân trong cộng đồng Hành Rạc I bằng cách: (i) Thỏa thuận chia sẻ lợi ích từ nguồn tài nguyên LSNG; (ii) Gây trồng thực nghiệm 3 loài LSNG: Sâm bố chính (<i>Abelmoschus sagittifolius</i>), Khổ Qua rừng (<i>Momordica charantia</i>), Chuối cô đơn (<i>Ensete glaucum</i>). - Nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm từ LSNG sử dụng làm: (i) Thực phẩm; (ii) Dược liệu; (iii) Thủ công mỹ nghệ truyền thống.
Vườn Quốc gia Phước Bình	<p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ quản lý, bảo vệ rừng của thôn (đã thành lập và duy trì hoạt động được tài trợ kinh phí hoạt động của chương trình 30A) và người dân hiểu biết được các loài LSNG cần bảo vệ và nắm bắt kỹ thuật khai thác hợp lý các loài LSNG được phép khai thác. Tham gia đồng quản lý và giám sát việc khai thác các loài LSNG cần được bảo vệ. - Gây trồng thành công 3 loài LSNG: Sâm bố chính, Khổ Qua rừng, Chuối cô đơn. - Nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm từ LSNG: (i) Thực phẩm (Măng, Khổ Qua rừng); (ii) Dược liệu (Sâm bố chính, Chuối cô đơn); (iii) Thủ công mỹ nghệ truyền thống (đàn Chapi, nia, nỏ, gùi, khèn bầu,...).
Tổng kinh phí: 990.000.000	
GEF SGP: 900.000.000	<p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 1: Nâng cao nhận thức của người dân về tài nguyên LSNG + Soạn các chương trình tập huấn có nội dung đơn giản, dễ tiếp thu về giá trị LSNG cho cộng đồng. + Xây dựng các bản tin, poster cho các trường học và cộng đồng Hành Rạc I. + Tập huấn nâng cao năng lực quản lý, giám sát về khai thác và sử dụng tài nguyên LSNG cho các tổ đội khoán bảo vệ rừng tại cộng đồng Hành Rạc I.

		<p>- Hoạt động 2: Hướng dẫn kỹ thuật khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên LSNG cho cộng đồng Hành Rạc I</p> <p>+ Kế thừa dữ liệu từ dự án VCF để khoanh vùng phân bố các loài LSNG cần bảo vệ và vùng được chia sẻ khai thác.</p> <p>+ Tập huấn kỹ thuật khai thác các loài LSNG được chia sẻ, quy định vùng được phép khai thác cho cộng đồng Hành Rạc I.</p> <p>- Hoạt động 3: Gây trồng thực nghiệm 3 loài LSNG (Sâm bố chính, Khổ Qua rừng, Chuối cô đơn)</p> <p>+ Thiết lập quy trình kỹ thuật gây trồng 3 loài LSNG (Sâm bố chính, Khổ Qua rừng, Chuối cô đơn).</p> <p>+ Chọn các hộ tiềm năng để thực hiện gây trồng 3 loài LSNG.</p> <p>+ Tập huấn kỹ thuật trồng 3 loài LSNG cho cộng đồng.</p> <p>+ Hỗ trợ tìm đầu ra cho các sản phẩm đã gây trồng.</p> <p>- Hoạt động 4: Nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm từ LSNG</p> <p>+ Tập huấn kỹ thuật sơ chế đối với một số loài LSNG như: Mãng, Khổ Qua rừng, Sâm bố chính, Chuối cô đơn,...</p> <p>+ Tập huấn nâng cao kỹ năng cho cộng đồng về kỹ thuật gia công các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống có sử dụng LSNG như: đàn Chapi, gùi, nỏ, khèn bầu, nia,... để đa dạng hóa mẫu mã và nâng cao chất lượng tiếp cận thị trường và du khách tham quan VQG.</p>
108	<p>Nghiên cứu giải pháp và xây dựng quy trình canh tác theo hướng chống suy thoái đất và giảm tác động BĐKH trên vùng đất lúa ba vụ tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Phòng Tài nguyên</p>	<p>- Mục tiêu :</p> <p>+ Nghiên cứu các giải pháp canh tác lúa theo hướng bền vững, chống suy thoái đất và nâng cao chất lượng đất.</p> <p>+ Xác định quy trình canh tác trong vùng đề bao trồng lúa 3 vụ áp dụng tổng hợp các biện pháp tăng năng suất và duy trì được độ phì nhiêu của đất.</p> <p>+ Nghiên cứu mô hình sản xuất 3 vụ trong vùng đề bao. Trong đó có 2 vụ lúa (Đông Xuân và Thu đông) và 01 vụ màu (Hè Thu) nhằm giảm tác động biến đổi khí hậu.</p> <p>- Kết quả dự kiến</p> <p>+ Đưa ra mô hình giải pháp canh tác lúa theo hướng bền vững, chống suy thoái đất và nâng cao chất lượng đất.</p>

	<p>và Môi trường huyện Cái Bè, Tiền Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 797.000.000</p> <p>GEF SGP: 797.000.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Xác định được quy trình canh tác trong vùng đê bao trồng lúa 3 vụ áp dụng tổng hợp các biện pháp tăng năng suất và duy trì được độ phì nhiêu của đất. + Xây dựng mô hình sản xuất 3 vụ trong vùng đê bao nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm tác động biến đổi khí hậu. - Hoạt động dự kiến: <ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng kết quả nghiên cứu ra diện rộng theo đúng quy trình kỹ thuật tạo ra sản phẩm lúa có chất lượng tốt, thân thiện với môi trường + Giảm chi phí đầu tư về sử dụng phân bón, thuốc hóa học đưa đến tăng tính cạnh tranh về giá cả, tăng lợi nhuận + Có thể tạo tiền đề để liên doanh với doanh nghiệp xuất khẩu gạo và tiến đến canh tác lúa đạt tiêu chuẩn ViệtGAP hoặc GlobalGAP <p>Phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tổ chức hội thảo khoa học nhằm chuyển giao quy trình canh tác và mở rộng mô hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện và quản lý dự án (Sự tham gia của cộng đồng và các bên có liên quan (tổ chức đề xuất, tổ chức/ chuyên gia tư vấn, chính quyền và các ban ngành có liên quan, các chương trình/dự án có liên quan) trong việc thực hiện và quản lý dự án. - Thời gian thực hiện dự án: 18 tháng
109	<p>Mô hình quản lý và kiểm soát chất thải rắn vùng nông thôn</p> <p>Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ</p>	<p>Bản Scan (#134 trong file gốc, Thu Phương chưa đánh máy)</p>
110	<p>Biến phế phẩm thành sản phẩm góp phần bảo vệ môi trường tại cộng đồng thôn bản.</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết vấn đề phế thải nông nghiệp (lỗi ngô) và rác thải sinh hoạt, phân trâu bò nuôi nhốt dưới gầm nhà Sàn gây ô nhiễm môi trường góp phần tạo môi trường trong sạch và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. - Tận dụng phế thải (lỗi ngô, rác thải) để tạo ra sản phẩm có giá trị (nấm Sò, phân ủ) góp phần tăng thu nhập cho người dân. <p>b. Kết quả dự kiến</p>

	<p>nghệ, Trường Đại học Tây Bắc</p> <p>Tổng kinh phí: 979.725.000 đồng</p> <p>GEF SGP: 949.725.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng thành công mô hình trồng nấm Sò trên lõi ngô tại 200 hộ dân. - Xây dựng thành công mô 200 hình phân ủ tại gia đình. - Xây dựng thành công 200 mô hình trồng rau sạch sử dụng phân ủ. - 200 hộ dân được tập huấn kỹ thuật trồng nấm Sò trên lõi ngô, kỹ thuật ủ phân, kỹ thuật trồng rau sử dụng phân ủ. <p>➔ Môi trường tại cộng đồng được cải thiện, người dân có thêm thu nhập</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>Dự án triển khai tại 200 hộ dân thuộc 4 huyện của tỉnh Sơn La gồm: huyện Mộc Châu, huyện Yên Châu, huyện Mai Sơn, huyện Thuận Châu (đây là 4 huyện dọc tuyến Quốc lộ 6 có diện tích trồng ngô lớn nhất tỉnh Sơn La, có rất đông người dân tộc Thái sinh sống trên nhà Sàn). Dự kiến mỗi huyện làm tại 2 xã, mỗi xã 5 bản, mỗi bản 5 hộ dân.</p> <p>- Các hoạt động của Dự án:</p> <p>Hoạt động 1: Khảo sát, tìm hiểu các điều kiện về kinh tế, xã hội, môi trường, nhận thức của người dân. Nhằm thu được kết quả khái quát nhất về khu vực triển khai đề án. Từ kết quả khảo sát sẽ có những điều chỉnh cần thiết trong kế hoạch hoạt động cho phù hợp và chọn được đối tượng sẽ triển khai đề án.</p> <p>Kết quả đầu ra của hoạt động này là chọn được mỗi huyện 2 xã, mỗi xã 5 bản, mỗi bản 5 hộ dân là đối tượng hưởng lợi trực tiếp của dự án.</p> <p>Hoạt động 2: Tập huấn kỹ thuật trồng nấm Sò trên nguyên liệu lõi ngô; Tập huấn kỹ thuật ủ phân sử dụng bã thải nấm và phân chuồng; Tập huấn kỹ thuật trồng rau sạch sử dụng phân ủ (Dự kiến tập huấn cho 20 hộ dân).</p> <p>+ Xây dựng mô hình trồng nấm Sò, mô hình phân ủ tại gia đình, mô hình trồng rau sạch sử dụng phân ủ (Dự kiến xây dựng mô hình tại 200 hộ dân đã được tập huấn).</p> <p>+ Trong các buổi tập huấn, có thể kết hợp với Trưởng bản hoặc 1 thành viên trong cộng đồng dịch ra tiếng địa phương (tiếng Thái) để người dân tham gia tập huấn dễ tiếp thu hơn.</p> <p>Kết quả đầu ra của hoạt động này là 4 lớp tập huấn lý thuyết (mỗi huyện 1 lớp), 200 mô hình trồng nấm Sò, 200 mô hình phân ủ tại gia đình, 200 mô hình trồng rau sạch sử dụng phân ủ.</p>
--	---	--

		<p>Hoạt động 3: Kết nối thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm nấm Sò, giúp nông dân có thị trường tiêu thụ ổn định. Dự án sẽ giúp kết nối nông dân với các địa điểm tiêu thụ như các chợ Trung tâm tại các Huyện và Thành phố, các nhà hàng, quán ăn, quán lẩu nấm.</p> <p>Sản phẩm nấm sẽ được đóng bao bì, trên bao bì in logo và thông tin của nhà tài trợ; thông tin của Trung tâm Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; thông tin và địa chỉ của hộ dân/bản sản xuất ra sản phẩm.</p> <p>Kết quả đầu ra của hoạt động này là bán được sản phẩm nấm Sò tại ít nhất 3 Nhà hàng tại Thành phố Sơn La, 3 chợ thuộc thành phố Sơn La, 4 chợ tại 4 huyện.</p> <p>Hoạt động 4: Đánh giá Dự án: Nhà tài trợ sẽ cùng Trung tâm, chính quyền địa phương và cộng đồng đi nghiệm thu các mô hình. Đánh giá hiệu quả của dự án tác động đến nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường thông qua sự thay đổi về môi trường tại cộng đồng thôn bản</p>
111	<p>SÁNG KIẾN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CHO CÁC HỘI TÌNH NGUYỆN MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC</p> <p>Tổng kinh phí: 20.820 USD</p> <p>GEF SGP: 13.800 USD</p>	<p>1. Mục tiêu Tổ chức sản xuất sách và ấn phẩm về môi trường hướng tới giới trẻ, bao gồm sinh viên các trường đại học. Mục tiêu dự kiến: Người quan tâm đến môi trường, người nghiên cứu về khoa học môi trường, khoa học sự sống nói chung. Số lượng phát hành đợt 1: 3000 bản</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - VICC đánh giá các dự án khả thi và tư vấn về cách tổ chức hoạt động, tổ chức buổi tập huấn về kỹ năng mềm - VICC phối hợp với hội vì môi trường, tổ chức hội thảo giới thiệu sách - VICC tiếp cận 20 trường đại học tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh để triển khai dự án giai đoạn 1 - Giai đoạn 1: Triển khai ấn phẩm trọng tâm: “The world without us” – Alan Weisman
112	<p>Xây dựng mô hình canh tác cây trồng bản địa bền vững trên đất dốc nhằm Bảo tồn đa dạng</p>	<p>a. Mục tiêu dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> oMục tiêu chung. <p>Bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên đa dạng sinh học, phát triển du lịch cộng đồng, chống xói mòn rửa trôi, tạo công ăn việc làm tăng thu nhập cho đồng bào các dân</p>

	<p>sinh học, hạn chế xói mòn, rửa trôi phù sa xuống Hồ Ba Bể tại xã Quảng Khê, huyện Ba Bể và xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn</p> <p>TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP</p> <p>Tổng kinh phí: 1,3 tỷ đồng GEF SGP: 1,2 tỷ đồng</p>	<p>tộc trong vùng đệm VQG Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.</p> <p>○Mục tiêu cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn đa dạng sinh học: các nguồn gen quý, các giống cây bản địa như hồng không hạt Bắc Kạn, rau Bò Khai và rau Sắng. - Chống xói mòn, rửa trôi nhằm hạn chế đất đá, rơm rác, phù sa trôi xuống lòng hồ. - Gắn mô hình sản xuất nông nghiệp với du lịch đón tiếp tại nông hộ. Đa dạng hóa các sản phẩm nông sản đặc sản phục vụ khách du lịch đến thăm hồ Ba Bể. - Hạn chế tình trạng phát nương làm rẫy, chặt phá rừng đầu nguồn, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào các dân tộc. - Nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương trong công tác quản lý về đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, thiên nhiên nói chung và VQG Ba Bể nói riêng. <p>b. Kết quả dự kiến.</p> <p>* Về các mô hình.</p> <p>○Mô hình hồng không hạt Bắc Kạn</p> <p>Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên sinh học thông qua xây dựng vườn ươm và quản lý cây trồng mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc xây dựng vườn hồng không hạt đầu dòng sẽ giúp cho việc bảo tồn và khai thác nguồn giống một cách hiệu quả. Bình tuyển, quản lý và khai thác cây đầu dòng: Số cây được bình tuyển 10 cây; Số cành ghép (nguồn giống) được khai thác 5.000 cành. - Xây dựng các vườn ươm tại địa phương để nhân giống: Số vườn ươm 2 vườn; diện tích vườn 100 m²/vườn; Số gốc ghép được nhân giống 6.000 cây; tỷ lệ ghép sống 90%; tỷ lệ xuất vườn đạt tiêu chuẩn đem trồng 80%. - Xây dựng các mô hình canh tác hồng không hạt bền vững trên đất dốc sẽ phát huy được hiệu quả trong việc chống xói mòn, rửa trôi. Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho đồng bào các dân tộc. Khoanh vùng, trồng mới: Đây là dự án của cây lâu năm, do vậy dự kiến sau khi kết thúc dự án trồng mới được: 10ha, số cây trồng mới sinh trưởng tốt 4.000 cây, sản lượng sau 5 năm 80.000kg. Để thấy hiệu quả kinh tế của mô hình chúng tôi tạm hoạch toán trong bảng 01. <p>Bảng 01: Dự kiến hiệu quả kinh tế.</p>
--	--	--

		Số cây/	400	
		Số ha	10	
		Tổng cây	4,000	
		Năng suất sau 5 năm cho quả (kg/cây)	20	
		Tổng năng suất (kg)	80,000	
		Giá bán (đ/kg)	20,000	
		Thành tiền/10ha/năm	1.600,000,000	
		Qua bảng 01 cho thấy sau 5 năm mô hình 10ha sẽ mang lại thu nhập cho người dân khoảng 1,6 tỷ đồng. Sản lượng của mô hình năm sau sẽ cao hơn năm trước, đồng nghĩa với việc thu nhập của người dân cũng tăng theo. Đây là cây ăn quả lâu năm nên hiệu quả kinh tế sẽ kéo dài có thể sang đời con cháu vẫn được hưởng.		
○Mô hình cây rau Bò Khai và cây rau Sắng.				
- Xây dựng vườn nhân giống tại chỗ sẽ giúp cho việc bảo tồn giống và dần thuần hóa thành cây rau ăn. Hiện nay, cây rau Bò Khai và rau Sắng phần lớn là mọc tự nhiên trong rừng, chỉ số ít các hộ trồng loại cây này tại vườn nhà. Số vườn ươm 2 vườn; diện tích vườn 100 m2; số gốc ghép được nhân giống 6.000 cây; tỷ lệ ghép sống 80%; tỷ lệ xuất vườn đạt tiêu chuẩn đem trồng 70%.				
- Xây dựng các mô hình canh tác ray Bò Khai và rau Sắng trên đất dốc sẽ phát huy được hiệu quả trong việc chống xói mòn, rửa trôi. Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho đồng bào các dân tộc. Trồng mới khoảng 6ha.				
- Đây là loại rau ăn nhưng cũng có thể coi là cây dược liệu, rất tốt cho sức khỏe. Đây sẽ là một trong những đặc sản không thể thiếu trong bữa ăn của khách du lịch khi đến thăm hồ Ba Bể. Hiệu quả về chống xói mòn rửa trôi.				
Để thấy rõ hiệu quả của việc hạn chế lượng phù sa bị rửa trôi thông qua mô hình canh tác bền vững trên đất dốc chúng tôi xin lấy ví dụ cụ thể trong bảng 02.				
Bảng 02. Mô hình nông lâm kết hợp làm tăng mức độ che phủ, độ ẩm đất và khả năng chống xói mòn rửa trôi.				
Loại mô hình		Độ dốc (°)	Độ che phủ (%)	Độ ẩm đất (%)
Rừng tự nhiên – dứa		8 – 15	80	16,9
Rừng bạch đàn thuần		8 – 10	45	15,3

		Mô hình Nông lâm kết hợp	8 – 10	90	17,6		75,0
		Đối chứng: Bỏ hóa chất	8 – 10	-	9,5		189,4
		<p>Qua bảng 02 cho thấy nếu đất bỏ hóa lượng phù sa hàng năm bị xói mòn đạt 189,4 tấn/ha/năm, nhưng với mô hình nông lâm kết hợp thì lượng đất bị xói mòn thấp hơn rất nhiều 75,0 tấn/ha/năm.</p> <p>Như vậy, nếu các mô hình của dự án được triển khai phần nào sẽ làm giảm được lượng đất đá rom rác và phù sa trôi xuống lòng hồ Ba Bể.</p> <p>* Hiệu quả về phát triển du lịch.</p> <p>Sự gắn kết giữa sản xuất các cây trồng đặc sản với du lịch đón tiếp tại nông hộ sẽ tạo công ăn việc làm cho người dân, đáp ứng nguồn thực phẩm sạch, an toàn và ngon cho du khách. Khách du lịch đến không chỉ được ăn nghỉ, thăm quan mà còn có các đặc sản làm quà mang về khi kết thúc chuyến đi.</p> <p>* Hiệu quả về đào tạo.</p> <p>Người dân được nâng cao kỹ năng canh tác thông qua các đợt tập huấn về quy trình kỹ thuật sản xuất.</p> <p>Các mô hình canh tác bền vững trên đất dốc sẽ giúp cho người dân có cái nhìn tích cực hơn trong việc chống xói mòn rửa trôi.</p> <p>Người dân và chsnh quyền địa phương hiểu thêm về tầm quan trọng của việc bảo vệ đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu...</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn đa dạng nguồn gen thông quan vườn ươm, quản lý cây đầu dòng và phát triển vùng sản xuất hồng không hạt, rau Bò Khai và rau Sắng đặc sản. - Thử nghiệm, xây dựng mô hình trình diễn và quy trình kỹ thuật chung dựa trên kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng, kết hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật. <p>Đào tạo và chuyển giao kỹ năng tư vấn và quản lý bảo tồn tại địa phương cho người dân và chính quyền.</p>					
113	Tăng cường năng lực phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Hải Châu, huyện Tĩnh	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu tổng quát: <p>Nâng cao hiệu quả công tác phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu cho cộng đồng cấp cơ sở theo phương châm 4 tại chỗ. Lấy xã ven biển Hải Châu làm điểm để nhân rộng ra các xã khác trên địa bàn tỉnh có điều kiện tương tự.</p>					

	<p>Gia, Thanh Hóa</p> <p>Trung tâm Phát triển bền vững miền Trung – Tây Nguyên (SUSDECVIETNAM)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.260.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.050.000.000 (tương đương 50.000USD)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cụ thể: Tăng cường năng lực và giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương trước thiên tai và biến đổi khí hậu cho chính quyền và người dân địa phương xã Hải Châu. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của chính quyền và người dân địa phương về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM) và ứng phó với biến đổi khí hậu. - Lồng ghép việc lập kế hoạch giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng và ứng phó với biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; bước đầu cải thiện sinh kế. - Nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm - Tăng cường năng lực PCLB cho các đội phản ứng nhanh ở cấp xã và cấp thôn - Nâng cao nhận thức về phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và biến đổi khí hậu cho học sinh và giáo viên THCS và Tiểu học trên địa bàn. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức Hội thảo khởi động và Hội thảo kết thúc Dự án với các ban ngành có liên quan ở cấp huyện và cấp xã 2. Xây dựng bộ tài liệu Thông tin - Giáo dục và Truyền thông (IEC) về giảm thiểu rủi ro thiên tai vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu (tờ rơi, pô-tơ, biển báo, sổ tay, ...) sát với thực tế địa phương. 3. Hỗ trợ xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình về giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu cũng như thông tin về các hoạt động của Dự án. 4. Tổ chức các hoạt động sân khấu về giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng. 5. Tập huấn cho các Tập huấn viên (TOT) các kiến thức và kỹ năng về giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và thích nghi với biến đổi khí hậu, đánh giá hiểm họa, khả năng dễ bị tổn thương và khả năng (HVCA) cho các đối tác có liên quan ở cấp huyện và cấp xã. Tiến hành đánh giá HVCA ở xã dự án 6. Lập Kế hoạch phòng ngừa thiên tai của cộng đồng ở cấp xã và thôn dựa trên kết quả của đánh giá HVCA 7. Tổ chức hội thảo lập kế hoạch liên ngành ở cấp huyện và xã để lồng ghép Giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và
--	--	--

		<p>Thích nghi với biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>8. Tập huấn cho hộ gia đình về lập kế hoạch phòng ngừa thiên tai của hộ gia đình.</p> <p>9. Làm sạch môi trường tại các thôn dễ bị tổn thương.</p> <p>10. Tập huấn về cách diễn giải bản tin dự báo thời tiết, thông tin cảnh báo sớm về các loại thiên tai khác nhau (lũ, bão, cháy rừng) cho Đội phản ứng nhanh và các cán bộ có liên quan cấp xã (Ban CHPCLB, Chữ Thập đỏ, Phát thanh, truyền hình)</p> <p>11. Củng cố hệ thống cảnh báo sớm ở cấp xã và thôn (nâng cấp hệ thống phát thanh và trang bị thêm loa cầm tay, thiết lập các điểm đo mực nước, lập biển báo các vị trí có thiên tai nguy hiểm, v.v).</p> <p>12. Tập huấn kỹ thuật sơ cấp cứu ban đầu cho các Đội xung kích.</p> <p>13. Cung cấp các bộ thiết bị cứu hộ (áo phao, áo mưa, đèn pin, ...) và bộ thiết bị sơ cấp cứu ban đầu cho đội phản ứng nhanh.</p> <p>14. Tổ chức đợt diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn ở cấp xã.</p> <p>15. Hoàn thiện bộ tài liệu đào tạo và tiến hành tập huấn/đào tạo TOT về Giảm thiểu rủi ro thiên tai và Thích ứng với biến đổi khí hậu cho đội ngũ giáo viên các trường.</p> <p>16. Hỗ trợ lồng ghép kiến thức về Giảm thiểu rủi ro thiên tai và Thích ứng với biến đổi khí hậu vào các hoạt động ngoại khóa cũng như tập huấn cho học sinh.</p> <p>17. Hội thảo đánh giá, rút kinh nghiệm để nhân rộng trọng nhà trường.</p> <p>18. Hội thảo Tổng kết Dự án</p>
114	Xây dựng mô hình cộng đồng khôi phục và phát triển rừng ngập mặn ven biển phá Tam Giang- Cầu Hai và đầm Lập An (Huyện Phú Lộc) Ở Tỉnh Thừa Thiên Huế.	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục và phát triển cây ngập mặn ở các vùng đất có cây ngập mặn ven pha Tam Giang – Cầu Hai và đập Lâm An (huyện Phú Lộc), góp phần vào việc chống xói lở bờ biển trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu. - Nâng cao nhận thức vai trò của rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu và mô hình trồng phục hồi của người dân và chính quyền địa phương, từ đó thực hiện quy chế quản lý và sử dụng rừng ngập mặn sau khi dự án kết thúc. - Cải thiện sinh kế của người dân gắn với thủy sản, nghề cá được ổn định hơn.

	<p>Bảo tàng thiên nhiên duyên hải Miền Trung – Sở Khoa Học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>Tổng kinh phí: 40.000 USD</p> <p>Kinh phí từ GEF SGP: 40.000 USD</p>	<p>b) Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 04 vườn ươm cây ngập mặn dựa vào cộng đồng ở địa phương gần khu vực xác định trồng phục hồi thí điểm. - Trồng phục hồi 5ha rừng ngập mặn ở khu vực có cây ngập mặn. - Khoảng 200 người dân được tham gia nâng cao năng lực và nhận thức về vai trò của rừng ngập mặn - Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng rừng ngập mặn với sự tham gia chặt chẽ của cộng đồng và chính quyền địa phương. <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham vấn cộng đồng, phỏng vấn 200 hộ dân của khu vực ven phá Tam Giang và đập Lập An về hiện trạng cây ngập mặn tại đại phương từ năm 1975 đến nay và những yếu tố về kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến sự phân bố, sinh trưởng và phát triển của cây ngập mặn. - Tổ chức 04 hội thảo cộng đồng tại xã Hương Phong (huyện Hương Trà), xã Lộc Vĩnh (huyện Phú Lộc), thị trấn Thuận An (huyện Phú Vang) và thị trấn Lăng Cô (huyện Phú Lộc) bằng cách sử dụng công cụ PRA (lập bản đồ có sự tham gia, trực thời gian, phỏng vấn bán cấu trúc) để xác định hiện trạng và biến động của rừng ngập mặn ven phá Tam Giang – Cầu Hai. Quy mô mỗi cuộc họp bao gồm từ 15-20 người đảm bảo đầy đủ về thành phần, giới tính, nhóm hộ và vị trí xã hội. Nội dung tập trung vào nâng cao nhận thức về vai trò của rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu. - Khảo sát, chọn địa điểm và hợp tác với người dân xây dựng vườn ươm và trồng phục hồi 5ha rừng ngập mặn. - Khảo sát, chọn địa điểm thu hái hạt giống cây ngập mặn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nếu không đáp ứng đủ thì mua ở địa phương khác). - Hướng dân kỹ thuật gieo ươm và chăm sóc cây giống, phụ trách nhóm lao động gieo 40.000 đươn vị giống trong bầu đất. Kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn cộng đồng kỹ thuật vườn ươm để có những biện pháp xử lý cần thiết, đảm bảo cây con sinh trưởng phát triển tốt. - Xây dựng hàng rào bảo vệ khu vực xác định trồng phục hồi 5ha cây ngập mặn.
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, thu thập số liệu về sinh trưởng và phát triển của cây ngập mặn được trồng. - Hội thảo xây dựng quy chế quản lý và sử dụng rừng ngập mặn cho cộng đồng. - Bàn giao công tác quản lý bền vững và hưởng lợi trực tiếp từ khu vực trồng cây ngập mặn cho người dân và chính quyền địa phương.
115	<p>Nâng cao nhận thức và hỗ trợ cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ sử dụng, tiết kiệm nước sạch để sinh hoạt trong điều kiện biến đổi khí hậu.</p> <p>Phòng Nước- Khí tượng thủy văn- Sở tài nguyên và môi trường Quảng Nam</p> <p>Tổng kinh phí: 977.800.000 vnd</p> <p>Kinh phí từ GEF SGP: 977.800.000 vnd</p>	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực nhận thức của người dân trong việc bảo vệ nguồn nước tại địa phương. Đồng thời hiểu rõ hơn tầm quan trọng trong việc bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh trong hiện tại và tương lai. - Hỗ trợ cộng đồng địa phương nghèo có nước sạch phục vụ sinh hoạt. Đảm bảo nguồn nước sạch an toàn cho người dân trong vùng sử dụng trong điều kiện biến đổi khí hậu - Hướng dẫn cộng đồng dân cư cách lọc nước đơn giản để sử dụng nước sạch sinh hoạt sau lũ. <p>b) Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với buổi nói chuyện và tuyên truyền với người cộng đồng địa phương ven sông thì ước tính hiệu quả mang lại khoảng hơn 70% cộng đồng người dân được nghe ý thức trong việc bảo vệ nguồn nước. Đồng thời phát tờ rơi đến các gia đình thì hơn 50% có nhận thức hơn trong việc bảo vệ nguồn nước tại địa phương. - Hành động cụ thể cùng với hộ phụ nữ, thanh niên, nông dân trong thôn trong việc vệ sinh ven sông sẽ tác động rất lớn đến ý thức của người dân xung quanh trong bảo vệ lưu vực sông. Hiệu quả dự kiến trong hoạt động này rất cao ước tính khoảng hơn 85% dân cư ven sông ý thức hơn trong giữ gìn vệ sinh môi trường ven sông. Cùng với việc phát tờ rơi tuyên truyền, hoạt động này đem lại hữu ích trong việc bảo vệ môi trường đồng thời bảo vệ tài nguyên nước. - Với việc xây dựng hệ thống nước sạch hộ gia đình thì 95% người dân trong thôn sử dụng tiết kiệm và có nhận thức cao hơn trong việc bảo vệ nguồn nước hiện có nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu trong điều kiện hiện nay. Đồng thời người dân nơi đây vốn nhận thức chưa cao trong việc bảo vệ tài nguyên nước và sử dụng nước

		<p>sạch dự án sẽ làm thay đổi nhận thức của một bộ phận không nhỏ người dân xung quanh trong việc bảo vệ tài nguyên nước và cộng đồng biết cách sử dụng nước sạch trong sinh hoạt đảm bảo sức khỏe và gìn giữ vệ sinh môi trường xung quanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án không những có sức lan tỏa trong cộng đồng hưởng thụ dự án mà còn ảnh hưởng tới nhiều tầng lớp trong cộng đồng địa phương cùng chung tay bảo vệ nguồn nước hiện có. <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <p>Hoạt động 1: Nâng cao nhận thức về tài nguyên nước cho cộng đồng dân cư ven hệ thống sông chính Vu Gia – Thu Bồn.</p> <p>Mỗi huyện chọn ra vài thôn xã gần hệ thống tổ chức các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập nhóm bài vệ nguồn nước, nâng cao nhận thức cho người dân trong nhóm về bảo vệ nguồn nước. Mục đích để có thể là người tuyên truyền cho người thân xung quanh để bảo vệ nguồn nước. - Phối hợp cùng với hội nông dân phụ nữ, thanh niên của nông thôn định kỳ tổ chức ra quân dọn vệ sinh thu gom rác trên các tuyến sông đồng dân cư - Tổ chức các buổi nói chuyện, hướng dẫn người dân sử dụng nước sạch sau lũ bằng phương pháp trực quan như hướng dẫn sử dụng bình lọc cát đơn giản để có nước sạch sử dụng sau lũ. (các huyện này hàng năm đều bị lũ, lụt nặng do vậy nước sạch là vấn đề thiết yếu) - Phát tờ rơi tuyên truyền bảo vệ tài nguyên nước và hướng dẫn sử dụng tiết kiệm nước hiệu quả <p>Hoạt động 2: Thí điểm khoan giếng và xây dựng bể lọc nước hỗ trợ cho các hộ gia đình phục vụ sinh hoạt.</p>
116	<p>Mô hình quản lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng</p> <p>Sở tài nguyên và môi trường Long An.</p>	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao ý thức của người nông dân bảo vệ môi trường hoạt động nông nghiệp đồng thời nhận thức được tính độc hại của bao bì thuốc bảo vệ thực vật đến con người và môi trường. - Vạch ra được mạng lưới thu gom, lưu trữ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên phạm vi thực nghiệm, nghiên cứu. - Lựa chọn và đưa vào vận hành công nghệ thích hợp để xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật <p>b) Kết quả dự kiến:</p>

	<p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 vnd</p> <p>Kinh phí từ GEF SGP: 800.000.000 vnd</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 100% nông dân tại khu vực nghiên cứu nhận thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường; tham gia vào việc vận hành mô hình quản lý, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng. - Xây dựng được các trạm trung chuyển lưu trữ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. - Xây dựng được các công trình xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật (mô hình điểm). - Đưa ra cơ chế quản lý, vận hành, duy trì và nhân rộng mô hình <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, lựa chọn vị trí thực hiện thí điểm mô hình quản lý, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng. - Đánh giá hiện trạng môi trường khu vực nghiên cứu trong đó tập trung vào các thông số lượng bao bì thuốc phát sinh; tỷ lệ thu gom; chất lượng môi trường... để làm số liệu nền nhằm đánh giá tính hiệu quả của mô hình - Đa dạng hóa các công cụ truyền thông để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; thu gom xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật của nông dân nói chung và nông dân tại khu vực nghiên cứu nói riêng như tổ chức tập huấn, nói chuyện chuyên đề, phóng sự, áp phích... - Hỗ trợ nông dân khu vực nghiên cứu các dụng cụ thu gom. Lưu trữ tạm thời bao bì thuốc bảo vệ thực vật; bảo hộ lao động... - Tổ chức hội thảo. - Xây dựng các trạm trung chuyển, công trình xử lý, vận hành công trình xử lý - Đánh giá tính hiệu quả của mô hình
117	<p>Xử lý nước thải từ khu vực xử lý nước có công suất vừa và nhỏ thuộc các hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Ninh Thuận.</p>	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý theo tiêu chuẩn QCVN 14: 2008/ BTNMT – cột B (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong khu vực do việc tồn đọng nước thải không được xử lý. <p>b) Kết quả dự kiến:</p> <p>Phần công nghệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TCXDVN 7957-2008: Thoát nước- Mạng lưới và công

	<p>Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Ninh Thuận</p> <p>Tổng kinh phí: 1.200.000.000 vnd</p> <p>Kinh phí từ GEF SGP: 1.100.000.000 vnd</p>	<p>trình bên ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - TCXDVN 447401987: Tiêu chuẩn thoát nước bên trong công trình <p>Phần môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chuẩn Việt Nam 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. - Quy chuẩn Việt Nam QCVN 08-2008 về chất lượng nước mặt <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức và quản lý dự án: Đơn vị Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Ninh Thuận, tổ chức trong việc thực hiện và quản lý dự án. - Thời gian thực hiện dự án: 2013-2015.
118	<p>Khu xử lý rác thải đô thị tại xã Hồng Phong huyện Cao Lộc</p> <p>HTX Đồng Tâm</p> <p>Tổng kinh phí: 6.871.637.000 vnd</p> <p>Kinh phí từ GEF SGP: 50.000 USD</p>	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, tái chế, tiêu hủy rác thải sinh hoạt trên đại bàn thị trấn Đồng Đăng và các xã lân cận nhằm góp phần tăng cường công tác xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. - Thúc đẩy phát triển các hoạt động tái sử dụng, tái chế và tiêu hủy chất thải góp phần giảm thiểu lượng chất thải, hạn chế chôn lấp, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và sức khỏe nhân dân vì mục tiêu phát triển bền vững - Xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt đô thị bằng công nghệ tiên tiến, đồng bộ đảm bảo đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn/ quy chuẩn môi trường và hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc gia quy định. - Giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương, tăng ngân sách. - Giúp đỡ các cơ quan quản lý tại địa phương có những định hướng và phát triển trong công tác quản lý rác thải sinh hoạt nói riêng và môi trường đô thị nói chung, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường.
119	<p>Ứng dụng công nghệ thủy canh trong việc sản xuất rau sạch tại huyện đảo Bạch Long Vỹ,</p>	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình sản xuất rau Thủy canh đạt chất lượng tại đảo Bạch Long Vỹ để đáp ứng nhu cầu rau sạch cho cư dân và lính trên đảo đồng thời góp phần bảo vệ môi trường biển đảo. - Hỗ trợ gia đình thanh niên xung phong làm quen với

	<p>TP. Hải Phòng</p> <p>Tổng đội thanh niên xung phong Hải Phòng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 vnd</p> <p>Kinh phí từ GEF SGP: 800.000.000 vnd</p>	<p>công nghệ trồng rau bằng hệ thống Thủy canh, phát triển bền vững và nhân rộng mô hình ra toàn huyện đảo và các địa phương khác</p> <p>b) Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm của dự án: Toàn bộ quy trình công nghệ trồng rau bằng phương pháp thủy canh sẽ được chuyển giao. Dụng cụ và vật tư để duy trì 50 hệ thống Modul trồng rau thủy canh được cung cấp đầy đủ. - Hiệu quả KT- XH của dự án: <ul style="list-style-type: none"> + Năng suất hơn so với canh tác từ đất, với một hệ thống sẽ có sản lượng rau tương đương 10m² canh tác đất nông nghiệp. + Trồng được nhiều vụ, có thể trồng trái vụ. + Góp phần cải thiện môi trường, vì cây rau qua quá trình quang hợp để sinh trưởng sẽ hấp thụ khí CO₂ và tạo ra đường khí O₂, cho nên việc trồng rau tại nhà có thể cung cấp O₂ và làm giảm hiệu ứng nhà kính + Không sử dụng thuốc trừ sâu bệnh và hóa chất độc hại khác + Sản phẩm hoàn toàn sạch, giàu dinh dưỡng, đồng nhất và hoàn toàn tươi ngon. + Ý nghĩa KT-XH: Dự án góp phần nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân nơi đây, tạo công ăn việc làm cho người dân và đặc biệt là tạo dựng cho người dân nơi đây một niềm tin và yên tâm sống, học tập và công tác. <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát thu thập thông tin kinh tế xã hội - Hội thảo giới thiệu dự án - Tập huấn và chuyển giao công nghệ - Thăm quan mô hình - Xây dựng mô hình.
120	<p>Mật mã đại cương</p> <p>HTX Dịch vụ Du lịch sinh thái cộng đồng Giao Xuân.</p>	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng nhận thức, thu hút dự tham gia của toàn thể người dân, đặc biệt là đối tượng học sinh THCS vào các hoạt động bảo tồn tài nguyên và phát triển sinh kế thay thế trong khu vực. - Tạo dòng sản phẩm mới, tăng thu nhập cho nhóm phụ nữ thực hành sinh kế thay thế thân thiện với môi trường ở xã Giao Xuân (và mở rộng sang xã Giao Hải) thuộc vùng đệm VQG Xuân Thủy. - Hình thành phong cách sống hướng biển, thân thiện với

	<p>Tổng kinh phí: 1.250.000.000 vnd</p> <p>Kinh phí từ GEF SGP: 950.000.000 vnd</p>	<p>môi trường và có đóng góp cho hoạt động bảo tồn tài nguyên thông qua việc thúc đẩy kinh doanh các sản phẩm từ thủ công mỹ nghệ phong cách biển, thân thiện với môi trường.</p> <p>b) Kết quả dự kiến:</p> <p>KQ1: 04 sự kiện nâng cao nhận thức về hệ sinh thái biển/RNM, sinh vật biển, cuộc sống của người dân vùng biển được tổ chức định kỳ mỗi quý cho học sinh ở 05 trường THCS thuộc 05 xã vùng đệm VQG Xuân Thủy và được duy trì tổ chức định kỳ trong ít nhất 03 năm tiếp theo.</p> <p>KQ2: Một mẫu gồm 35 sản phẩm mới được thiết kế, và 10 đợt tập huấn kỹ năng nghề được tổ chức cho 35 thành viên hiện tại của tổ chức mỹ nghệ Quà của biển Xuân Thủy (và 45 thành viên mới ở các xã lân cận) củng cố tay nghề và tăng thu nhập từ hoạt động sinh kế thay thế thân thiện môi trường cho 35 thành viên lên 1,5 triệu/người/tháng và giới thiệu việc làm mới cho 45 thành viên, giúp củng cố tính bền vững của sinh kế được lựa chọn</p> <p>KQ3: 01 quỹ “ vì màu xanh Xuân Thủy” được xây dựng thông qua việc bán 1.000 sản phẩm ra thị trường, đem lại lợi nhuận 100 triệu đồng và gây quỹ tại các sự kiện tổng kết cuối năm.</p> <p>KQ4: 01 góc trưng bày được xây dựng và duy trì ổn định tại phong bảo tàng VQG Xuân Thủy, giúp du khách có cơ hội tìm hiểu về đa dạng sinh học biển, hệ sinh thái RNM Xuân Thủy và tham gia vào các hoạt động bảo tồn tài nguyên cùng với người dân trong vùng.</p> <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 04 sự kiện giáo dục, truyền thông (vẽ tranh, thi viết về cảm nhận với môi trường xung quanh...) - Thiết kế sản phẩm dựa trên sản phẩm vẽ của học sinh THCS - Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng (may, móc, thêu...) - Hỗ trợ trang bị máy may cho nhóm chị em thành nghề - Xây dựng phòng trưng bày sản phẩm trong bảo tàng VQG Xuân Thủy - Tổ chức bán hàng qua các kênh tại chỗ, bán hàng online..
121	Giúp người dân bảo vệ môi trường và cải thiện	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án góp phần làm nâng cao các sản phẩm và tiện ích trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi,

<p>cuộc sống thông qua phát triển chăn nuôi bằng việc khuyến khích sử dụng “hầm biogas cải tiến” tại tỉnh Bình Thuận.</p> <p>Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật Lâm Sinh</p> <p>Tổng kinh phí: 1.285.000.000 vnd</p> <p>Kinh phí từ GEF SGP: 835.000.000 vnd</p>	<p>tiết kiệm năng lượng gỗ củi bằng việc khuyến khích người dân tận dụng các nguồn phế thải gia súc làm nhiên liệu sạch, không mất tiền mua để bảo vệ rừng và các dạng nhiên liệu khác, hạn chế để CH₄... phát thải trong tự nhiên làm tăng nguy cơ biến đổi khí hậu và tiềm ẩn nhiều nguy cơ khác từ môi trường cũng như đa dạng sinh học. Đồng thời cùng với phát triển kinh tế người dân có thể dễ dàng tin cậy vào các thiết bị sẽ được quy chuẩn hóa như trong công nghiệp cũng như khắc phục được những nhược điểm của các loại hầm biogas đã làm trước đây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích người dân sử dụng thiết bị khí sinh học để phát triển kinh tế bền vững thông qua chăn nuôi. Giảm áp lực lên các nguồn nhiên liệu khác, giảm thải khí nhà kính. Bảo vệ sức khỏe người sử dụng do môi trường ô nhiễm và bảo vệ rừng tại các khu vực đồng bào miền núi. - Ngoài ra Bình Thuận là một tỉnh có số lượng chăn nuôi nhiều nhưng số lượng biogas ở đây chưa được phát triển và số lượng còn ít, vì vậy việc áp dụng các công nghệ mới này vào và chuyển giao cho địa phương cũng là mục tiêu của dự án. <p>b) Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 45 hầm Biogas loại 10m² đạt chất lượng cao phù hợp với mọi địa hình tại 5 huyện của Bình Thuận và chuyển giao công nghệ cho người dân. - Trung tâm tổ chức 05 lớp tập huấn cho 250 người và 1 cuộc hội thảo để nâng cao ý thức cho người dân và làm cơ sở nhân rộng trong bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học đồng thời đề ra được các giải pháp phát triển sau khi kết thúc dự án. - Ý thức về môi trường và chất lượng cuộc sống của người dân được nâng lên. Xây dựng quan hệ giữa người dân và chính quyền địa phương với các nhà nghiên cứu trong quá trình phát triển mở rộng. <p>c) Các hoạt động dự kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra dân sinh kinh tế và chọn địa điểm tại tỉnh Bình Thuận - Làm mô hình thử nghiệm (5 hầm đợt 1) lấy ý kiến người dân, sửa đổi bổ sung nếu thấy cần thiết.
--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn và xây dựng mô hình (5 lớp tập huấn và 45 hầm biogas cải tiến cho toàn bộ) - Tổ chức các hoạt động truyền thông quảng cáo (hội thảo, làm phim, viết báo...) - Đề xuất một số cơ chế, chính sách hỗ trợ người nông dân để họ dễ dàng tham gia vào chương trình
122	<p>Phát triển các mô hình trình diễn làm tiền đề cho việc xây dựng “chương trình quốc gia về bếp đun cải tiến” tại khu vực rừng phòng hộ Nam Đông – Thừa Thiên Huế.</p> <p>Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật Lâm sinh</p> <p>Tổng kinh phí: 875.000.000 vnd</p> <p>Kinh phí từ GEF SGP: 775.000.000 vnd</p>	<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa công nghệ mới có lợi thiết thực cho người nghèo thông qua việc xây dựng các mô hình trình diễn giúp học thay đổi hành vi thói quen và ý thức để xây dựng chiến lược hiệu quả và lâu dài cho việc bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, ngoài ra còn xây dựng các mối quan hệ lâu dài trong việc tiết kiệm năng lượng, bảo vệ rừng và đa dạng sinh học - Khu vực VQG Bạch Mã đặc biệt là Nam Đông không chỉ giàu về đa dạng sinh học mà còn có giá trị phòng hộ xung yếu cho lưu vực sông Tả Trạch đang rất cần được bảo vệ, là một trong những huyện nghèo miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế và tại đây cũng diễn ra tình trạng phá rừng bừa bãi, người dân thì thiếu đất sản xuất nên việc tăng cường các biện pháp bảo vệ là rất cần thiết. <p>b) Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả của bếp đun cải tiến sẽ làm thay đổi thái độ và hành vi của người dân đối với rừng, môi trường và đa dạng sinh học bằng cách thông qua 10 lớp tập huấn và truyền thông cho 500 người tham dự và 1 cuộc hội thảo - Mô hình 1000 bếp cho 10 xã tại 2 huyện Nam Đông và Phú Lộc vùng đệm Vườn quốc gia Bạch Mã sẽ được đặt và duy trì bền vững, mang lại hiệu quả rõ rệt cho người dân và môi trường. Đại diện cho những công nghệ ưu việt nhất hiện nay - Xây dựng quan hệ bền vững giữa người dân và những người làm công nghệ thông qua tư vấn trong quá trình phát triển tạo sự bền vững cho chương trình - Sẽ có các đề nghị về cơ chế hỗ trợ cho người nghèo có điều kiện tiếp cận với công nghệ có lợi ích về kinh tế xã hội cũng như với môi trường và đa dạng sinh học. <p>c) Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra dân sinh kinh tế và tìm hiểu đánh giá nhu cầu, tìm địa điểm thích hợp

		<ul style="list-style-type: none"> - Làm mô hình thử nghiệm (50 chiếc) lấy ý kiến người dân, sửa đổi nếu thấy cần thiết - Tập huấn và xây dựng mô hình (10 lớp tập huấn và 1000 Bếp kiềng cải tiến cho cả 2 đợt) - Tổ chức các hoạt động truyền thông quảng cáo (hội thảo, làm phim...) - Đề xuất một số cơ chế, chính sách hỗ trợ người nông dân để xây dựng thành chương trình quốc gia.
123	<p>Dự án xây dựng mô hình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật từ bã thải trồng nấm và trồng trọt tại TP Đà Nẵng</p> <p>Sở Kế hoạch và đầu tư TP Đà Nẵng Tầng 14, số 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.100.000.000 đồng Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu dài hạn: Xây dựng được mô hình sản xuất và mô hình sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh vật từ nguồn bã thải trồng nấm, phế thải trồng trọt phù hợp với một số cây trồng chính (hoa, cây cảnh, rau an toàn) của TP Đà Nẵng. - Mục tiêu ngắn hạn: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng cơ sở vật chất và tiếp nhận công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật và sản xuất thử nghiệm 01 tấn chế phẩm vi sinh phục vụ xử lý, chế biến các phế phụ liệu từ trồng nấm và sản xuất nông nghiệp làm cơ chất hữu cơ phục vụ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật chức năng. + Xây dựng cơ sở vật chất và tiếp nhận công nghệ sản xuất thử nghiệm 50 tấn phân bón hữu cơ vi sinh vật sử dụng cho cây trồng tại một số hợp tác xã trồng nấm và các tổ hợp sản xuất nông nghiệp khác. + Xây dựng mô hình sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật, chọn một số đối tượng cây trồng chính (hoa, rau các loại) trên địa bàn thành phố với quy mô 1 – 2 ha/mô hình. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật bao gồm các công đoạn. - Chế phẩm vi sinh vật. - Quy trình công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật. - Phân hữu cơ vi sinh vật. - Quy trình sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh vật cho một số đối tượng cây trồng chính. - Mô hình trình diễn sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật bón cho một số loại cây trồng chính. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, bổ sung trang thiết bị phục vụ tiếp nhận công nghệ và sản xuất chế phẩm vi sinh vật xử lý</p>

		<p>hữu cơ và phân hữu cơ vi sinh vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm trang thiết bị cho phòng thí nghiệm vi sinh - Xây dựng, mua sắm thiết bị cho phòng lên men xộp và đóng gói sản phẩm - Xây dựng, mua sắm thiết bị cho xưởng chế biến cơ chất hữu cơ và sản xuất phân hữu cơ vi sinh vật chức năng. <p>2. Đào tạo để chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ để sản xuất và sử dụng chế phẩm vi sinh vật chế biến hữu cơ làm phân bón hữu cơ vi sinh vật cho cây trồng, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật + Lựa chọn và đánh giá sự phù hợp đối với chủng vi sinh vật chuyển hóa Xenluloza tại địa phương. + Lựa chọn và đánh giá sự phù hợp đối với chủng vi sinh vật chuyển hóa hợp chất Photpho hữu cơ tại địa phương. + Xác định các điều kiện sinh trưởng và phát triển của các vi sinh vật phân giải hữu cơ tại địa phương. + Xác định các điều kiện sản xuất sinh khối các vi sinh vật trong thiết bị lên men tại địa phương. + Xác định các điều kiện sản xuất chế phẩm vi sinh vật xử lý hữu cơ trên cơ chất xộp tại địa phương. + Quy trình kiểm tra đánh giá chất lượng chế phẩm vi sinh vật xử lý hữu cơ tại địa phương. + Quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh vật xử lý hữu cơ tại địa phương. - Quy trình công nghệ xử lý nguyên vật liệu hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh vật. + Lựa chọn và xác định thành phần hóa học, sinh học của nguồn nguyên liệu hữu cơ. + Xây dựng quy trình xử lý các nguyên liệu hữu cơ dạng rắn làm cho cơ chất hữu cơ phù hợp để cho các vi sinh vật phát triển theo đúng yêu cầu. + Xây dựng quy trình kiểm tra, đánh giá chất lượng cơ chất hữu cơ sau khi xử lý bằng chế phẩm vi sinh vật. - Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật. + Lựa chọn và đánh giá sự phù hợp đối với chủng vi sinh vật có khả năng cố định nitơ tại địa phương. + Lựa chọn và đánh giá sự phù hợp đối với chủng vi sinh vật có khả năng phân giải Photpho khó tan tại địa phương. + Lựa chọn và đánh giá sự phù hợp đối với chủng vi sinh vật có khả năng đối kháng vi sinh vật gây bệnh tại vùng rễ địa
--	--	---

		<p>phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh vật tại địa phương. + Quy trình kiểm tra chất lượng phân hữu cơ vi sinh vật. + Quy trình sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật đối với một số đối tượng cây trồng chính (hoa, rau, ...) tại địa phương. <p>3. Xây dựng mô hình sản xuất chế phẩm vi sinh vật và phân bón hữu cơ vi sinh vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất thử chế phẩm vi sinh vật và phân bón hữu cơ vi sinh vật theo quy trình công nghệ được chuyển giao và hoàn thiện công nghệ cho phù hợp với điều kiện của thành phố Đà Nẵng. - Đánh giá chất lượng sản phẩm và hoàn thiện công nghệ. - Quy mô: xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật để sản xuất với quy mô 1 tấn chế phẩm VSV/ năm tại Trung tâm CNSH Đà Nẵng và 50 tấn phân hữu cơ vi sinh vật tại 5 hợp tác xã trong thời gian thực hiện dự án. <p>4. Tập huấn cho công nhân kỹ thuật, cán bộ khuyến nông và các hộ nông dân tại các mô hình sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ vi sinh vật: 3 lớp (120 người) cho các hộ sản xuất và các hợp tác xã/tổ hợp tác xã trên địa bàn thành phố. - Tập huấn kỹ thuật sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh vật chức năng cho 200 hộ nông dân (5 lớp) trên một số đối tượng cây trồng chính ở Đà Nẵng như hoa, cây cảnh và một số loại rau màu. <p>5. Xây dựng mô hình sử dụng chế phẩm vi sinh vật và phân hữu cơ vi sinh vật tại một số cơ sở sản xuất và hộ nông dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 3 mô hình sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật chức năng cho các loại cây trồng chính: hoa 1 mô hình, rau 2 mô hình với quy mô 1 – 2 ha/ năm. - Tổ chức hội nghị đầu bờ và tổng kết mô hình: tổ chức hội nghị và giới thiệu kết quả sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật chức năng tới các hộ nông dân
124	<p>Dự án đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học các loài thực vật ở khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà.</p> <p>Sở Kế hoạch và đầu</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu dài hạn: Giám sát liên tục diễn biến đa dạng sinh học và các hệ sinh thái trên cạn ở Khu BTTN Sơn Trà. - Mục tiêu ngắn hạn: <ul style="list-style-type: none"> + Lập danh mục các loài động, thực vật hiện hữu ở khu BTTN Sơn Trà. + Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học và xác

	<p>tư TP Đà Nẵng Tầng 14, số 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 đồng Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>định được xu thế biến đổi đa dạng sinh học ở Khu BTTN Sơn Trà.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng các bản đồ hiện trạng và phân bố các loại động, thực vật quý hiếm theo từng sinh cảnh khác nhau lồng ghép với các bản đồ địa chính, địa chất. + Xây dựng các nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học một cách đầy đủ và chính xác (xác định nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan). + Đề xuất các biện pháp khả thi trong quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học. + Xây dựng cơ sở dữ liệu về các thông số, về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến đa dạng sinh học trong khu vực nghiên cứu và vùng phụ cận. + Xây dựng Phòng trưng bày mẫu ảnh theo tiêu chuẩn quy định ở Khu BTTN Sơn Trà. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục các loài động vật, thực vật trên cạn tại Khu BTTN Sơn Trà, cập nhật đến thời điểm kết thúc dự án. - Bộ cơ sở dữ liệu tổng thể về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và tài nguyên đa dạng sinh học trên cạn ở Khu BTTN Sơn Trà. - Phần mềm BioST cập nhật, giám sát diễn biến đa dạng sinh học ở Khu BTTN Sơn Trà. - Bộ sưu tập ảnh các loài động thực vật,... - Nhà trưng bày mẫu ảnh. - Bản đồ GIS về hiện trạng phân bố và đa dạng sinh học các thảm thực vật tỷ lệ 1/25.000 và bản đồ phân bố các loài động, thực vật quý hiếm tỷ lệ 1/10.000. - Phương án, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học ở Khu BTTN Sơn Trà. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học và xu thế biến đổi đa dạng sinh học ở Khu BTTN Sơn Trà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các tài liệu nghiên cứu về đa dạng sinh học và các công trình nghiên cứu liên quan đến đa dạng sinh học đã thực hiện ở Khu BTTN Sơn Trà. - Phân tích, đánh giá tổng hợp kết quả các công trình nghiên cứu trước đây và đề xuất định hướng, giải pháp, nội dung nghiên cứu bổ sung. - Điều tra khảo sát, thu thập mẫu vật, quan sát, xác định thành
--	---	---

		<p>phân loài động, thực vật hiện hữu ở Sơn Trà trong thời gian nghiên cứu, ghi tọa độ các loài mẫu vật thu được (trong thời điểm nghiên cứu), hiện trạng sinh cảnh ở Khu BTTN Sơn Trà.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát và lập danh mục thành phần loài động vật, thực vật ở Khu BTTN Sơn Trà. - Đánh giá xu thế biến đổi đa dạng sinh học ở Khu BTTN Sơn Trà. - Xây dựng Phòng trưng bày mẫu ảnh ở Khu BTTN Sơn Trà. - Tổ chức các đợt tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ về nghiên cứu bảo tồn động, thực vật hoang dã, điều tra đa dạng sinh học và pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường cho cán bộ tham gia thực hiện dự án, cán bộ kiểm lâm, người dân địa phương. <p>2. Ứng dụng GIS lập các bản đồ hiện trạng phân bố và đa dạng sinh học các thảm thực vật với tỷ lệ 1/25.000 và bản đồ phân bố các loài động, thực vật quý hiếm tỷ lệ 1/10.000.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thực địa vùng mẫu trên cơ sở các loài thu thập được. - Tổng hợp các nghiên cứu thực địa, lập sơ đồ phác thảo. - Sử dụng toàn bộ các dẫn liệu thống kê từng loài và các bản đồ thừa khác như đất đai, địa hình, giải đoán ảnh vệ tinh,... để xây dựng bản đồ phân bố động, thực vật đặc trưng, bản đồ thảm thực vật ở Sơn Trà. <p>3. Xây dựng cơ sở dữ liệu và tư liệu hóa các thông tin về đa dạng sinh học ở Khu BTTN Sơn Trà.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn MS Access 2007 cho quản lý dữ liệu thuộc tính và MapInfo 8.0 cho quản lý dữ liệu không gian để xây dựng phần mềm BioST có chức năng cập nhật, giám sát diễn biến đa dạng sinh học. - Nhập các thông số, số liệu về đa dạng sinh học các loài động thực vật, kiểu thảm thực vật ở khu BTTN Sơn Trà. <p>4. Xác định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng sinh học trong khu vực nghiên cứu và vùng phụ cận, đề xuất các giải pháp bảo tồn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đánh giá sự tác động của các yếu tố tự nhiên đến xu thế biến đổi đa dạng sinh học trong khu vực trên số liệu thu thập được về đa dạng sinh học qua các đợt kiểm tra, khảo sát. - Xác định các nhân tố kinh tế - xã hội tác động đến đa dạng sinh học trong khu vực qua các bước: <ul style="list-style-type: none"> + Tiến hành điều tra kinh tế - xã hội toàn quận Sơn Trà + Xây dựng hệ thống phiếu điều tra có nội dung về: hoàn cảnh
--	--	--

		sống của dân cư địa phương, tác động của họ đến khu hệ sinh vật Sơn Trà, thái độ của họ.
125	<p>Dự án phát triển du lịch sinh thái bền vững ở thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh biến đổi khí hậu</p> <p>Sở Kế hoạch và đầu tư TP Đà Nẵng Tầng 14, số 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 đồng Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình phát triển du lịch sinh thái vừa nhằm thực hiện công tác quảng bá hoạt động du lịch thành phố, đảm bảo cho năng lực trong lĩnh vực du lịch và các đối tượng dễ bị tổn thương liên quan đến hoạt động du lịch có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. - Hoạt động của mô hình sẽ gián tiếp góp phần phát triển tài nguyên sinh thái, bảo vệ môi trường sống tự nhiên của sinh vật như bản thân nó đang tồn tại, hạn chế những ảnh hưởng của tự nhiên và con người, góp phần cân bằng sinh thái tạo điều kiện cho các sinh vật phát triển, sinh sôi, nảy nở. - Mô hình này góp phần hạn chế tới mức tối đa các tác động có thể của hoạt động du lịch sinh thái đến bảo tồn; có biện pháp thu gom chất thải xử lý triệt để; tuyên truyền giáo dục cho du khách ý thức bảo vệ thiên nhiên. Việc phát triển du lịch sinh thái cũng góp phần tạo công ăn việc làm tăng thu nhập cho người dân (sản xuất hàng lưu niệm, dịch vụ phục vụ du khách...), du lịch sinh thái liên quan đến văn hóa địa phương, nên khuyến khích phát triển các hoạt động để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và các đối tượng dễ bị tổn thương có liên quan hoạt động du lịch, góp phần bảo tồn, phát triển hệ tài nguyên sinh thái ven biển và hệ sinh thái liên quan khác. - Tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của người dân, tăng thu nhập của người dân sống dựa vào du lịch biển/người dân trên địa bàn thành phố thông qua hoạt động du lịch sinh thái. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đào tạo và nâng cao nhận thức chung về thích ứng chủ động với thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu. - Nâng cao nhận thức về mối liên quan sinh tồn giữa hệ sinh thái và sinh kế, sự cần thiết của việc cân nhắc các vấn đề của hệ sinh thái khi ứng dụng, chuyển đổi, gia tăng các loại hình sản xuất kinh doanh, sinh kế (thích ứng với biến đổi khí hậu một cách hài hòa – tránh thích ứng có hại). - Tổ chức điều tra, đánh giá lập bản đồ về “Hệ sinh thái trong

		<p>mối tương quan với các loại hình sinh kế trên địa bàn Đà Nẵng”, chỉ rõ vùng, loại hình bị ảnh hưởng do bão, lụt (và các loại hình thiên tai khác) và cách thích ứng “hài hòa”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chiến lược lồng ghép bảo vệ, phát triển hệ sinh thái trong bối cảnh thực hiện các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên đánh giá mối tương quan của các lĩnh vực ảnh hưởng đến/ chịu ảnh hưởng của việc quản lý hệ sinh thái (VD: Du lịch, cung cấp nước sạch, nông nghiệp bán thành thị...) - Sáng kiến “Đưa hệ sinh thái và hoạt động thích ứng của bạn” nhằm hướng các kế hoạch hành động của ban ngành, của Thành phố. - Xây dựng phương án thu phí dịch vụ sinh thái từ các đơn vị hưởng lợi từ Hệ sinh thái (Du lịch, nuôi trồng thủy sản) nhằm mục đích hỗ trợ cộng đồng thích ứng sinh kế. - Tổ chức ngoại khóa về bảo vệ hệ sinh thái và biến đổi khí hậu, gắn với phát triển vùng rừng, biển và du lịch, dịch vụ. <p>2. Đa dạng hóa các hình thức sản xuất nhằm thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các cơ hội chuyển đổi sinh kế thích ứng, các biện pháp, hoạt động liên quan, nguồn lực cần thiết và các mạng lưới huy động nguồn lực tiềm năng (kỹ thuật, tài chính, thông tin...) đối với các loại hình sinh kế bị tác động nặng nề nhất. Tập trung cho những hoạt động bán thành thị phụ trợ cho ngành dịch vụ, du lịch. - Phát triển sản xuất nông nghiệp xanh: vùng rau hữu cơ tại vùng ven, vùng thủy sản sinh thái (kết hợp chuỗi dịch vụ, nhà hàng trong khâu phát triển thị trường đầu ra). <p>3. Nâng cao năng lực cho các bộ nhà nước và cung cấp thiết bị và phương tiện nhằm cải thiện khả năng dự báo/cảnh báo sớm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bản đồ nguy cơ rủi ro (cháy, suy kiệt nguồn lợi, thiên tai) và phương tiện/kế hoạch/cách thức dự báo, cảnh báo, truyền tin, ứng phó. - Tổ chức hội thảo, tập huấn về Thích ứng xanh – sinh kế bền vững cho các cán bộ hoạch định chính sách các cấp. Dự đoán những ảnh hưởng tiềm năng về môi trường, vật chất, xã hội an toàn và sức khỏe (cho khách du lịch và vùng du lịch) <p>4. Tập huấn về xây dựng nhà ở an toàn: Thực hiện đào tạo về “Thiết kế xây dựng mô hình du lịch với các khách sạn quy mô nhỏ và du lịch tại gia” cho các bên có liên quan tại các địa điểm du lịch có rủi ro cao và tập trung vào các giải pháp thực tế, chỉ</p>
--	--	--

		phí thấp nhằm cải thiện hạ tầng hiện tại.
126	<p>Dự án thí điểm về cải thiện hệ thống y tế cấp xã nhằm nâng cao chất lượng sức khỏe cộng đồng</p> <p>Sở Kế hoạch và đầu tư TP Đà Nẵng Tầng 14, số 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 đồng Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần cải thiện hệ thống y tế thành phố nhằm tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. - Thực hiện dự án trên địa bàn huyện Hòa Vang với quy mô thí điểm 3 xã trong 11 xã, hoạt động kinh tế của người dân gắn liền với sản xuất nông nghiệp sẽ tác động tích cực đến cuộc sống trên 120 000 người, đặc biệt tập trung tại các xã Hòa Bắc, Hòa Phú, Hòa Nhơn, Hòa Tiến là những khu vực dễ bị tổn thương do thiên tai nhất. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng khu vực nông thôn được trang bị, hướng dẫn cơ bản về sức khỏe, vệ sinh môi trường và biến đổi khí hậu cũng như phòng tránh các rủi ro thiên tai. - Các cơ sở y tế cấp cộng đồng thôn, xã sẽ được cải thiện hơn để cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế tốt hơn cho người dân. - Hệ thống y tế cộng đồng ở cấp xã được cải thiện điều kiện, tăng cường năng lực. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá trước khi can thiệp về năng lực hệ thống y tế cộng đồng cấp xã. 2. Tổ chức các hoạt động nhằm tăng cường năng lực hệ thống y tế các cấp ứng phó với biến đổi khí hậu. 3. Xây dựng mô hình hệ thống y tế cấp cộng đồng cấp xã trên địa bàn huyện Hòa Vang có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. 4. Đánh giá năng lực sau can thiệp và nhân rộng mô hình.
127	<p>Dự án phục hồi rạn san hô vùng biển Đà Nẵng</p> <p>Sở Kế hoạch và đầu tư TP Đà Nẵng Tầng 14, số 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu dài hạn: <ul style="list-style-type: none"> + Phục hồi các rạn san hô bị phá hủy nhằm góp phần cải thiện chất lượng môi trường và làm cơ sở tiến đến xây dựng các trang trại san hô theo hướng thương mại hóa, góp phần vào nỗ lực bảo tồn trong nước và quốc tế. + Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan và cộng đồng địa phương nhằm quản lý, bảo vệ và phục hồi san hô trong vùng biển Đà Nẵng. + Cải thiện và nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ cho lực lượng quản lý, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên trong vùng biển Đà Nẵng. + Quản lý bền vững, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên

	<p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>nhiên và đa dạng sinh học nhằm nâng cao đời sống của người dân địa phương, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu ngắn hạn: + Các hình thức khai thác và sử dụng làm phá hủy và giảm chất lượng các hệ sinh thái được ngăn chặn. + Khoanh vùng bảo tồn những khu vực trọng yếu và triển khai điều tra thực trạng tài nguyên sinh học dưới nước. + Mô hình quản lý tài nguyên với sự tham gia của cộng đồng được hình thành, giáo dục nâng cao nhận thức về giá trị của rạn san hô. + Phục hồi các hệ sinh thái bị phá hủy, bảo tồn các rạn san hô trong khu vực; xây dựng các trạm trại san hô theo hướng thương mại hóa. + Phát triển du lịch sinh thái, tăng thu nhập cho địa phương. + Mô hình sinh kế thay thế cho cư dân. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư liệu hình ảnh và băng video về hiện trạng rạn san hô trước và sau khi triển khai giải pháp phục hồi ở khu vực tiến hành phục hồi. - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện định kỳ hàng năm: phản ánh được xu thế thay đổi của chất lượng hệ sinh thái và nguồn lợi sinh vật của khu vực tiến hành phục hồi theo thời gian. - Khu vực rạn san hô bị phá hủy được phục hồi: có 1000 tập đoàn san hô sống mới tại khu vực phục hồi; tăng chỉ số độ phủ san hô sống và nguồn lợi sinh vật trong hệ sinh thái. - Cẩm nang hướng dẫn kỹ thuật phục hồi và đánh giá rạn san hô: mô tả chi tiết và rõ ràng các bước tiến hành trong phục hồi rạn san hô. - Báo cáo tổng kết: đánh giá khả năng phục hồi và phân tích lợi ích kinh tế và sinh thái; đề xuất các hướng triển khai và ứng dụng kết quả theo hướng thương mại hóa. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị tài liệu và các phương tiện nghiên cứu. 2. Phục hồi rạn san hô bị phá hủy: phục hồi khoảng 1000 m² rạn san hô khu vực phía Nam bán đảo Sơn Trà. 3. Tiến hành theo dõi và giám sát khả năng phục hồi. 4. Phân tích số liệu và viết báo cáo hàng năm. 5. Soạn thảo cẩm nang hướng dẫn kỹ thuật phục hồi và đánh giá rạn san hô: hướng dẫn chi tiết các bước tiến hành.
--	--	---

		6. Chuyển giao kỹ thuật phục hồi cho cộng đồng. 7. Tổng kết đề tài.
128	<p>Xây dựng mô hình trồng cây dược liệu đẳng sâm từ cây nuôi cấy mô tại vùng cao nguyên Lang Biang – Lâm Đồng</p> <p>Viện nghiên cứu khoa học Tây Nguyên 116 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Đà Lạt, Lâm Đồng</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1.000.000.000 đồng</p>	<p>1. Mục tiêu Bảo tồn và phát triển nguồn gen cây dược liệu quý của vùng cao nguyên Lang Biang. Xây dựng mô hình trồng cây đẳng sâm có năng suất củ cao tại 5 xã của huyện Lạc Dương và tại Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên. Tập huấn kiến thức trồng và chăm sóc cây đẳng sâm cho khuyến nông viên, nông dân chủ chốt và người dân của 5 xã; đào tạo kiến thức và thông thạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật cho thanh niên của 5 xã thuộc huyện Lạc Dương. Dự án nhằm tập huấn kiến thức trồng, chăm sóc và nhân giống cây đẳng sâm, góp phần giải quyết việc làm và tăng thêm thu nhập cho người dân của huyện Lạc Dương, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, kinh tế xã hội.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn trong ống nghiệm nguồn gen cây dược liệu quý đẳng sâm của vùng cao nguyên Lang Biang. - Một quy trình nhân giống trong ống nghiệm cây đẳng sâm. Quy trình có khả năng ứng dụng và chuyển giao - Xây dựng mô hình trồng cây đẳng sâm tại 5 xã của huyện Lạc Dương và tại Viện nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên. Mỗi mô hình trồng 3000 cây đẳng sâm cấy mô. Mô hình trồng đẳng sâm có khả năng ứng dụng và chuyển giao. - 10 lớp tập huấn kiến thức trồng và chăm sóc cây đẳng sâm cho 5 xã của huyện Lạc Dương, mỗi lớp tập huấn có 50 người tham gia. - Đào tạo kiến thức và thành thạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật cho 25 thanh niên của 5 xã thuộc huyện Lạc Dương <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoàn thiện quy trình nhân giống trong ống nghiệm cây đẳng sâm. 2. Trồng 18 000 cây đẳng sâm cấy mô tại vườn ươm Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên. 3. Chuyển cây đẳng sâm cấy mô đến 5 xã của huyện Lạc Dương và xây mô hình trồng. 4. Mỗi xã của huyện Lạc Dương mở 2 lớp tập huấn kiến thức trồng và chăm sóc cây đẳng sâm cho khuyến nông viên, nông dân chủ chốt và người dân. 5. Đào tạo kiến thức và thành thạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật cho thanh niên của 5 xã thuộc huyện Lạc Dương.

129	<p>Tăng cường năng lực cho cộng đồng nhằm bảo vệ Dơi và phát triển kinh tế hộ qua hình thức du lịch cộng đồng tại khu vực Chùa Dơi, Sóc Trăng</p> <p>Viện nghiên cứu phát triển đồng bằng sông Cửu Long, Đại học Cần Thơ</p> <p>Tổng kinh phí: 50 000 USD</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường năng lực cho cộng đồng địa phương nhằm hiểu thêm về vai trò của Dơi trong môi trường và cộng đồng trong việc giữ gìn nền văn hóa Khmer tại cộng đồng mình. - Tăng cường quản lý và bảo vệ đàn Dơi hiện tại từ cộng đồng địa phương, góp phần bảo vệ Dơi và phát triển đàn Dơi. - Phát triển kinh tế nông hộ tại địa phương thông qua những hoạt động truyền thông tại khu vực chùa Dơi nhằm xóa đói giảm nghèo các hộ. - Phát triển kinh tế nông hộ và tăng cường năng lực cho các hộ dân tại địa phương thông qua hình thức du lịch cộng đồng cho du khách khi viếng thăm chùa. - Tăng cường tiếng nói của người dân địa phương trong công tác quản lý nguồn lợi địa phương nhằm phát huy tính dân chủ và bình đẳng. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 “cửa hàng lưu niệm” do người dân làm ra sản phẩm được trưng bày và buôn bán tại địa phương. - 06 hộ gia đình được tăng cường năng lực nhằm phát triển thành hình thức “home – stay” và phục vụ dịch vụ cho du khách. - 50 hộ gia đình nghèo được tập huấn làm ra những sản phẩm lưu niệm nhằm phục vụ cho các cửa hàng lưu niệm. - 30 thanh niên tại địa phương được đi tập huấn nhằm phát triển kỹ năng xây dựng hình thức du lịch cộng đồng tại địa phương. - 50 sư sãi trong chùa, cán bộ địa phương và cộng đồng tham gia vào hội thảo tập huấn xây dựng hình thức du lịch cộng đồng tại địa phương. - Các công cụ truyền thông khác nhằm phục vụ nhu cầu du khách, học sinh và cộng đồng trong thời gian dự án. - Xây dựng nhóm hướng dẫn du lịch cho du khách tại cộng đồng và nhóm phục vụ du lịch cho du khách tại cộng đồng. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức họp các bên liên quan tại tỉnh Sóc Trăng về kế hoạch dự án tiếp theo trong 2 năm, tổ chức kí kết các văn bản với tỉnh Sóc Trăng và các bên liên quan. 2. Cùng đối tác rà soát lại vấn đề địa phương về tình hình kinh tế - xã hội: tỷ lệ nghèo, hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số, phụ nữ nghèo, thanh niên đi học. Từ đó xác định các đối tượng hưởng tới của dự án và chọn các hộ,
-----	---	--

		<p>3. Hội thảo thông tin: thông báo dự án rộng rãi cho cộng đồng và các cộng đồng đăng kí tham gia.</p> <p>4. Tập huấn những hộ dân, cá nhân tham gia vào dự án; chọn các cá nhân gửi đi tập huấn hay học tập khóa ngắn hạn về quản lý du lịch và dịch vụ; chọn các hộ có con em đang học tập tại các trường đại học, cao đẳng để hướng nghiệp làm tại địa phương hay hướng nghiệp cho các em học sinh đang học cấp 3 thi vào các ngành liên quan để sau này về phục vụ cộng đồng.</p> <p>5. Tập huấn các bên liên quan: sư sãi, cán bộ địa phương, người dân, các công ty du lịch và các tổ chức liên quan.</p> <p>6. Xây dựng các gia đình theo tiêu chuẩn “Home – stay” tại khu vực, dự kiến sẽ xây dựng 6, kế hoạch làm từng giai đoạn trong 2 năm của dự án.</p> <p>7. Liên hệ các công ty du lịch tại Sóc Trăng, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hà Nội... để kết nối việc hợp tác và thông báo cho du khách về dịch vụ tại địa phương.</p> <p>8. Xây dựng gian hàng lưu niệm để trưng bày và buôn bán các sản phẩm handmade từ cộng đồng (ưu tiên các sản phẩm liên quan đến Dơi).</p> <p>9. Cùng các hộ dân xây dựng mô hình nuôi Dơi lấy phân tại địa phương.</p> <p>10. Cùng người dân tổ chức các buổi tuyên truyền về Dơi cho cộng đồng tại cộng đồng và các phương tiện truyền thông.</p> <p>11. Hỗ trợ nghiên cứu Dơi cho thanh niên các trường Đại học tại ĐBSCL, TP Hồ Chí Minh.</p> <p>12. Hội thảo giữa kỳ và cuối kỳ</p>
130	<p>Thực hiện thí điểm đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sử dụng đất của huyện Đô Lương, từ đó định hướng sử dụng đất hợp lý</p> <p>Chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An Số 6, ngõ B4, Đường Duy Tân,</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sử dụng đất huyện Đô Lương trong thời gian qua. - Dựa vào kết quả quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đô Lương để dự báo các tác động đến quy hoạch sử dụng đất. - Đề xuất các giải pháp, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hợp lý. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc điều tra về tác động của biến đổi khí hậu được thực hiện trên địa bàn huyện Đô Lương và các xã thuộc huyện. - Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đô Lương được đánh giá trên phương diện tác động của biến đổi khí hậu. - Các đề xuất, kiến nghị, khuyến cáo về quy hoạch sử dụng đất

	<p>TP Vinh, Nghệ An</p> <p>Tổng kinh phí: 1.180.000.000 đồng</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 1.180.000.000 đồng</p>	<p>của huyện Đô Lương được đưa ra.</p> <p>- 05 hội thảo để xin ý kiến các chuyên gia về nội dung đề xuất được tổ chức.</p> <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <p>1. Điều tra hiện trạng môi trường, hiện trạng sử dụng đất và các thông tin khác trên địa bàn huyện Đô Lương.</p> <p>2. Điều tra các khu vực nhạy cảm trên địa bàn huyện: thủy điện, khai thác khoáng sản, dòng chảy của sông và suối, việc chuyển đổi trong sử dụng đất ở huyện Đô Lương.</p> <p>3. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sử dụng đất trong thời gian qua đối với từng loại đất như: đất nông nghiệp (trồng lúa, hoa màu, cây lâu năm, đất rừng...), đất phi nông nghiệp, đất khác...</p> <p>4. Dựa vào quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để dự báo các tác động của biến đổi khí hậu đến sử dụng đất trong thời gian tới: đất nông nghiệp (trồng lúa, hoa màu, cây lâu năm, đất rừng...), đất phi nông nghiệp, đất khác...</p> <p>5. Tổ chức các hội thảo để xin ý kiến chuyên gia hoàn thiện về các đề xuất, khuyến cáo, điều chỉnh quy hoạch.</p> <p>6. Tổng hợp, đánh giá và viết báo cáo kết quả thực hiện dự án.</p>
131	<p>Nghiên cứu xây dựng hệ thống xử lý nước thải khu giết mổ gia súc tập trung, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum</p> <p>Phòng Kinh Tế và Hạ tầng, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum 153 Hùng Vương, Thị trấn Đắk Hà, Tỉnh Kon Tum</p> <p>Tổng kinh phí: 1.669.483.000 đồng</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 50 000 USD</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <p>- Mục tiêu tổng quát: Nhằm góp phần bảo vệ môi trường, hạn chế lây lan dịch bệnh ở khu giết mổ gia súc tập trung, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Đắk Hà.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Hoàn thiện được quy trình xử lý nước thải phù hợp với khu giết mổ gia súc ở huyện Đắk Hà.</p> <p>+ Xử lý được nước thải từ khu giết mổ gia súc tập trung, nước thải qua xử lý đạt tiêu chuẩn để thải ra môi trường theo quy định.</p> <p>+ Quản lý, kiểm soát được dịch bệnh ở khu giết mổ gia súc tập trung.</p> <p>+ Phù hợp với quy hoạch phát triển Ngành và quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đắk Hà.</p> <p>+ Đánh giá được hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của hệ thống xử lý nước thải.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <p>- Nước thải ra được xử lý đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.</p>

		<p>- Thu được nguồn năng lượng khí gas từ bể yếm khí bình quân mỗi ngày tạo ra sản phẩm khí gas khoảng 50m³ gas để làm chất đốt nấu nước sôi phục vụ khâu làm lông, chạy máy nổ phục vụ cho hoạt động khu giết mổ gia súc và thắp điện sáng. Tiết kiệm việc chi phí tiền mua củi khoảng 182.500.000 đồng/năm, tiết kiệm chi phí tiền điện thắp sáng, bơm nước khoảng 73.000.000 đồng/năm.</p> <p>- Tận dụng các bể lọc sinh học và nguồn thức ăn từ phế phẩm khâu giết mổ gia súc và phụ phẩm từ chất thải gia súc đã qua xử lý bể lọc yếm khí biogas để nuôi cá, dự kiến lợi nhuận khoảng 20.000.000 đồng.</p> <p>- Đảm bảo công tác quản lý nhà nước, thuận tiện trong việc kiểm soát giết mổ động vật, hạn chế tình trạng bệnh dịch lây lan, góp phần ổn định và phát triển bền vững ngành chăn nuôi trên địa bàn, nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh.</p> <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều tra đánh giá thực trạng khu giết mổ gia súc tập trung ở huyện Đắk Hà. 2. Khảo sát học tập kinh nghiệm xử lý chất thải khu giết mổ gia súc ở nơi khác. 3. Nghiên cứu, lựa chọn thiết kế kỹ thuật, lựa chọn công nghệ phù hợp, hiệu quả. 4. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải. 5. Phân tích đánh giá nước thải qua xử lý. 6. Hoàn thiện quy trình công nghệ xử lý nước thải phù hợp với điều kiện huyện Đắk Hà, Tỉnh Kon Tum. 7. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật vận hành, quản lý hệ thống xử lý nước thải. 8. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường.
132	<p>Bảo vệ phát triển cây bàng vuông và cây phong ba nhằm phát huy tác dụng chắn gió, chắn cát bảo vệ đảo Cồn Cỏ trước tác động của biến đổi khí hậu</p> <p>Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <p>Tăng cường năng lực giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với cộng đồng dễ bị tổn thương của xã Triệu An, Triệu Phong, Quảng trị trước biến đổi khí hậu.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng trước biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro của thiên tai. - Cải thiện các hoạt động sinh kế. - Phòng tránh các loại dịch bệnh trong mùa mưa lũ. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức các lớp tập huấn cho ít nhất 10 cán bộ trong mỗi

	<p>môi trường Quảng Trị</p> <p>Quốc lộ 1A, Phường Đông Giang, Đông Hà, Quảng trị</p> <p>Tổng kinh phí: 850.000.000 đồng</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 800.000.000 đồng</p>	<p>thôn về kỹ năng điều hành các cuộc họp, thúc đẩy hội thảo có sự tham gia trong dự án.</p> <p>2. Tổ chức các cuộc họp, thảo luận nhóm trọng tâm.</p> <p>3. Xây dựng được một vành đai cây chịu mặn nhằm bảo vệ hệ thống đê bao ở hai thôn An Lợi và Vĩnh Tường và đặc biệt nó phải được cộng đồng tự bảo vệ.</p> <p>4. Cải tạo hệ thống kênh thoát nước chính trong làng; thiết lập và vận hành hệ thống thu gom rác thải theo quy chế đồng quản lý.</p> <p>5. Ít nhất 40 hộ nghèo và cận nghèo của 2 thôn cần được hỗ trợ xây nhà vệ sinh tự hoại để đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng tránh dịch bệnh.</p> <p>6. Trang bị bể lọc nước mang lại nguồn nước sinh hoạt có chất lượng tốt.</p>
133	<p>Tái tạo rừng cây bản địa trên đảo hồ Thác Bà, Tỉnh Yên Bái nhằm bảo vệ sự đa dạng sinh học và phát triển du lịch sinh thái</p> <p>Công ty cổ phần thương mại và du lịch hồ Thác Bà</p> <p>Tổ 19 Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái</p> <p>Kinh phí xin hỗ trợ từ GEF SGP: 40 000 USD</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gây dựng lại, bảo vệ sự đa dạng sinh học về các giống cây trồng bản địa trên đảo hồ. Cảnh quan hồ được cải thiện đáng kể và cơ bản. Tạo ra môi trường thiên nhiên, góp phần tạo nên môi trường trong lành cho hồ, góp phần làm giảm hiệu ứng nhà kính. - Tạo ra môi trường sống, sinh sôi, bảo tồn cho các loài thú và chim còn sót lại trong vùng hồ. Tạo điều kiện gây dựng lại các loài trước đây đã từng có nhưng nay đã bị tuyệt chủng trong vùng hồ. - Góp phần nâng cao tính hấp dẫn cho du lịch hồ. Thông qua đó tạo cơ hội tốt hơn cho người dân vùng hồ (chủ yếu là người dân tộc) trong khai thác du lịch; góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo sinh kế bền vững cho người dân thông qua khai thác du lịch; gián tiếp làm giảm thiểu tình trạng đánh mìn, kích điện hủy diệt cá trong hồ (do người dân buộc phải sinh sống mà không có kế sinh nhai). - Chống được xói mòn đảo, một trong những nguyên nhân làm bồi đắp lòng hồ. - Nâng cao hiệu quả khai thác đất đai trong vùng hồ thông qua khai thác du lịch. - Tạo sự lan tỏa trong cộng đồng dân cư địa phương về hiệu quả trồng rừng bản địa thông qua khai thác du lịch. <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng 08 ha rừng với khoảng 50 cây bản địa trong vùng.

		<ul style="list-style-type: none"> - Tạo công ăn việc làm cho 02 hộ dân sinh sống trên hồ chăm sóc mô hình rừng nguyên sinh. - Xuất bản tài liệu phổ biến kiến thức về kinh nghiệm trồng rừng nguyên sinh trong hồ nước ngọt. - Đề xuất văn bản chính sách hỗ trợ, khuyến khích trồng và bảo vệ rừng nguyên sinh tại huyện Yên Bình, Yên Bái. - Phát triển du lịch hồ và các dịch vụ liên quan tại huyện Yên Bình, Yên Bái - Tạo môi trường sống phù hợp cho các loài chim, thú. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức khảo sát đánh giá hiện trạng về địa hình, địa mạo tại một số điểm trên hồ Thác Bà. 2. Thu thập tài liệu về chất đất, khí hậu thủy văn vùng hồ; đặc điểm, tính chất các loại cây bản địa. 3. Tổ chức 01 hội thảo chuyên gia về trồng, chăm sóc cây bản địa. 4. Lựa chọn địa điểm trồng; xây dựng kế hoạch và tiến hành trồng. 5. Tổ chức 01 buổi báo cáo về dự án và 01 buổi báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả tại UBND huyện Yên Bình. Đề xuất văn bản về chính sách trồng rừng bản địa trên hồ. 6. Tổ chức 02 buổi đào tạo về chăm sóc rừng bản địa cho người dân sống trên hồ. 7. Xây dựng hệ thống thông tin, tài liệu về kiến thức và kinh nghiệm gây dựng rừng cây bản địa nhằm nhân rộng mô hình.
134	<p>Ứng dụng công nghệ sấy năng lượng mặt trời vào việc sấy nông sản và dược liệu tại TP Đà Nẵng</p> <p>Trung tâm tiết kiệm năng lượng và tư vấn chuyển giao công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ, TP Đà Nẵng 51A Lý Tự Trọng, Quận Hải Châu, TP</p>	<p>1. Mục tiêu</p> <p>Ứng dụng hệ thống năng lượng mặt trời trong sấy nông sản, thủy sản và dược liệu tại TP Đà Nẵng</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống sấy năng lượng mặt trời đối với các sản phẩm nông sản và dược liệu. - Tuyên truyền về ứng dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động bảo vệ môi trường. <p>3 Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thuyết minh dự án. 2. Thiết kế và chuyển giao công nghệ. 3. Khảo sát và thực hiện hệ thống sấy năng lượng mặt trời. <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, lựa chọn đơn vị được lắp đặt. - Liên hệ, lựa chọn đơn vị thi công. - Lắp đặt hệ thống.

	Đà Nẵng Kinh phí đề xuất thực hiện dự án: 23 650 USD	4. Khảo sát và hoàn thiện hệ thống theo ý kiến chuyên gia. 5. Nghiệm thu, bàn giao hệ thống sấy năng lượng mặt trời.
135	<p>Xây dựng mô hình hợp tác xã sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm ăn do phụ nữ làm chủ tại xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Trung tâm dạy nghề phụ nữ Thanh Hóa Số 18 đường Hạc Thành, Phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 1.696.000.000 đồng Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 950.000.000 đồng</p>	<p>1 Mục tiêu</p> <p>- Mục tiêu chung: Khắc phục những khó khăn, thách thức hiện nay do việc sản xuất nhỏ lẻ, thất bại của nghề trồng nấm hiện nay, phát huy tiềm năng lợi thế của nền nông nghiệp tinh nhà, thúc đẩy nghề trồng nấm trở thành sản xuất hàng hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao, bảo vệ môi trường từ đó tăng cường và nâng cao năng lực kinh tế của những phụ nữ tham gia vào ban chủ nhiệm HTX giúp đỡ cho nhóm phụ nữ nghèo làm chủ hộ cùng tham gia mô hình HTX sản xuất và kinh doanh nấm hiệu quả bền vững.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể: + Xây dựng mô hình hợp tác xã: sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm ăn do phụ nữ làm chủ tại xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. + Mở 03 lớp đào tạo nghề kỹ thuật trồng, chế biến và tiêu thụ nấm ăn, xử lý phế thải từ nghề sản xuất nấm thành phân hữu cơ cho 105 lao động nữ được lựa chọn tại xã Hà Tiến (35 người/lớp), qua đó sẽ lựa chọn những chị em có đủ tiêu chuẩn tham gia mô hình hợp tác xã. + Đề ra giải pháp nhân rộng mô hình HTX: sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm ăn do phụ nữ làm chủ trong phạm vi toàn tỉnh sau khi kết thúc dự án.</p> <p>2. Kết quả dự kiến</p> <p>- Nâng cao năng lực, nhận thức cho chị em phụ nữ trên địa bàn xã về việc bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên trên địa bàn xã.</p> <p>- Xây dựng thành công mô hình HTX: sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm ăn do phụ nữ làm chủ tại xã Hà Tiến, Hà Trung, Thanh Hóa.</p> <p>- Tạo việc làm tại chỗ cho 105 học viên tham gia các lớp đào tạo nghề kỹ thuật trồng nấm của Dự án.</p> <p>- Nâng cao chất lượng sản phẩm nấm ăn nhờ áp dụng các quy trình công nghệ mới trong sản xuất và chế biến sản phẩm nấm.</p> <p>- Việc sản xuất, chế biến với quy mô HTX sẽ tạo nguồn cung ứng sản phẩm nấm ổn định và đảm bảo chất lượng ra thị</p>

		<p>trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành các kênh phân phối và cung ứng sản phẩm nấm trong và ngoài tỉnh tạo tiền đề cho việc xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài. <p>3. Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều tra, đánh giá điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu học nghề kỹ thuật trồng nấm cho phụ nữ của xã Hà Tiến, lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình tổ chức HTX sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm ăn do phụ nữ làm chủ. Tổ chức tập huấn về an toàn lao động và bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên, nâng cao năng lực về tiếp cận thị trường, xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh với quy mô hộ gia đình và tổ hợp tác, hợp tác xã. 2. Thực hiện các thủ tục thành lập HTX sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm ăn do phụ nữ làm chủ ở các địa phương trong tỉnh, xây dựng tiêu chí mô hình. 3. Tham quan học tập kinh nghiệm tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm có hiệu quả cao trong và ngoài tỉnh. 4. Tiếp nhận chuyển giao công nghệ <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm dạy nghề phụ nữ tỉnh Thanh Hóa sẽ tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật trồng, thu hái, bảo quản, chế biến nấm, xử lý phế thải từ nghề sản xuất nấm thành phân hữu cơ cho 105 lao động nữ được lựa chọn tham gia dự án. - Trung tâm hỗ trợ cải tạo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nấm tại Trung tâm dạy nghề phụ nữ Thanh Hóa và việc sản xuất thử nghiệm, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nấm tại HTX. 5. Xây dựng mô hình HTX do phụ nữ làm chủ: sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm ăn tại xã Hà Tiến. 6. Tổng kết dự án <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả Dự án: theo dõi các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tổng kết dự án. - Xây dựng phương án tổ chức nhân rộng kết quả dự án trong phạm vi toàn tỉnh.
--	--	---

136	<p>Thiết lập và lắp đặt hệ thống xử lý nước sinh hoạt, phục vụ cấp nước cho những khu vực bị xâm thực mặn và ngập lụt trên địa bàn huyện Tuy Phước và phường Nhơn Bình, Tp Quy Nhơn, Bình Định</p> <p>Đoàn trưởng Đại học Quy Nhơn 170 An Dương Vương, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định</p> <p>Kinh phí xin tài trợ từ GEF SGP: 500.000.000 đồng</p>	<p>1 Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập và lắp đặt hệ thống xử lý nước nhiễm mặn và nước bị ngập lụt, nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn nước sinh hoạt theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế. - Người dân được sử dụng nước sạch và có ý kiến hài lòng. - Người dân biết cách sử dụng và bảo quản hệ thống thiết bị. <p>2 Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây chuyền xử lý nước nhiễm mặn và nước bị ngập lụt (số lượng hệ thống phụ thuộc vào nguồn tài chính thực hiện dự án). - Tất cả người dân tại khu vực thực hiện dự án tham gia tập huấn về cách sử dụng và bảo quản dây chuyền thiết bị. <p>3 Hoạt động dự kiến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khảo sát nhu cầu: nghiên cứu tài liệu về tình hình, đặc điểm của khu vực thực hiện dự án, đánh giá thực trạng ngập lụt và xâm thực mặn, nhu cầu và khả năng cung cấp nước sạch cho người dân, tiến hành lấy mẫu nước phân tích để xác định thực trạng nguồn nước tại khu vực. 2. Thiết kế, lập kế hoạch thực hiện dự án: theo dõi kết quả đánh giá của ban khảo sát nhu cầu đề xuất kế hoạch thực hiện dự án cho phù hợp. Trong dự án này, tập trung xây dựng quy trình xử lý nước nhiễm mặn và nước bị ngập lụt, đảm bảo dây chuyền có tính ổn định, có thể xử lý trong mùa mưa và mùa khô. 3. Tổ chức thực hiện, theo dõi giám sát: tiến hành thực hiện dự án theo kế hoạch đề ra, trong quá trình thực hiện dự án tiến hành công tác giám sát chặt chẽ để có thể bổ sung hoặc thay thế các công đoạn cho phù hợp. Bên cạnh đó, việc quản lý tài chính của dự án cũng rất quan trọng. 4. Đánh giá: đánh giá kết quả dự án theo từng giai đoạn. Từ đó, rút kinh nghiệm cho các bước thực hiện tiếp theo. Trong quá trình đánh giá từng giai đoạn, nếu thấy giai đoạn đó chưa thực hiện xong hoặc thực hiện không đạt theo kế hoạch thì cần có biện pháp tác động phù hợp.
-----	---	--

137	<p>Huy động sự tham gia của cộng đồng bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học vườn cò Đông Xuyên</p> <p>Đoàn thanh niên Sở Tài</p>	<p>a) Mục tiêu</p> <p>Nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cán bộ quản lý, cán bộ của các tổ chức (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi...) và người dân trong việc bảo vệ môi trường</p> <p>b) Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo tập huấn về quản lý môi trường - Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về đa dạng sinh học, bảo tồn Vườn Cò - Thiết kế tờ rơi, áp phích và nội dung tuyên truyền trên loa phát
-----	---	--

	<p>nguyên và Môi Trường</p> <p>Tổng kinh phí: 1.500.000.000 VND</p> <p>GEF/SGP: 1.000.000.000 VND</p>	<p>thanh của xã, thôn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập tổ tự quản và xây dựng quy định về bảo tồn đa dạng sinh học - Trồng bổ xung cây xanh phù hợp với tập tính sinh sống của cò, xây dựng chòi quan sát bảo vệ Vườn Cò <p>c) Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp những thông tin cần thiết về lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường địa phương khi có Vườn Cò - Nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về việc bảo tồn và phát triển Vườn Cò nói riêng và đa dạng sinh học nói chung - Quy định về bảo vệ môi trường sinh thái Vườn Cò sẽ được phổ biến rộng rãi đến người dân xã
138	<p>Nghiên cứu các biện pháp canh tác và sử dụng đất dốc bền vững tránh sự sa mạc hóa và tác động của biến đổi khí hậu tại huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Đoàn quy hoạch nông lâm nghiệp Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 1.000.000.000 VND</p> <p>GEF/SGP: 1.000.000.000 VND</p>	<p>a) Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu các biện pháp cải tạo và sử dụng đất dốc có hiệu quả và bền vững nhằm mục đích bảo vệ và cải tạo độ phì nhiêu của đất dốc, tránh hiện tượng xói mòn, rửa trôi, khô hạn dẫn đến thoái hóa đất và sa mạc hóa - Nghiên cứu các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả kinh tế cao trên các loại đất dốc nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế sản xuất nông lâm nghiệp, khắc phục những trở ngại khó khăn về chế độ canh tác lạc hậu trên đất dốc <p>b) Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, đánh giá hiện trạng về mức độ suy thoái và thoái hóa của các loại đất dốc trong vùng nghiên cứu - Nghiên cứu các biện pháp cải tạo và sử dụng đất có hiệu quả để nâng cao độ phì nhiêu của đất, tránh sự thoái hóa đất - Tuyên truyền vận động người dân hiểu biết về tầm quan trọng của đất đai trong cuộc sống - Nghiên cứu áp dụng một mô hình canh tác trên đất dốc có hiệu quả sản xuất kinh tế cao <p>c) Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các biện pháp cải tạo và sử dụng đất dốc có hiệu quả - Đưa ra những biện pháp khoa học kỹ thuật trong canh tác trên đất dốc - Xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao - Làm cho người dân hiểu biết hơn về đất dốc nhằm sử dụng bền vững
139	Sự tham gia của cộng đồng	a) Mục tiêu

	<p>đồng làm sạch môi trường nước và thu gom chất thải ở thôn Bao Vinh, xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Tổng kinh phí: 1.290.000.000 VND</p> <p>GEF/SGP: 1.000.000.000 VND</p>	<p>Nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cán bộ quản lý, cán bộ của các tổ chức (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi...) và người dân trong việc bảo vệ môi trường</p> <p>b) Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội nghị truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ và nhân dân trong việc bảo vệ môi trường - Triển khai, sửa chữa, xây dựng hệ thống mương máng thoát nước - Trang bị các phương tiện, dụng cụ và thùng chứa rác thải đặt tại các điểm tập trung - Trồng cây xanh dọc theo các tuyến giao thông trong thôn - Triển khai các hoạt động thu gom, xử lý rác, nước thải <p>c) Kết quả dự kiến</p> <p>Cán bộ và nhân dân thôn Bao Vinh nhận thức được tầm quan trọng, trách nhiệm và tích cực tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng thôn Bao Vinh trở thành nơi có cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp</p>
140	<p>Bảo tồn và phát triển bền vững Khu Bảo tồn loài Sến Tam Quy</p> <p>Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ Lâm nghiệp Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 44.195.000 VND</p> <p>GEF/SGP: 40.000.000 VND</p>	<p>a) Mục tiêu</p> <p>Quản lý, bảo vệ, bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng KBT loài Sến Tam Quy gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nguồn gen, cảnh quan và dịch vụ môi trường; là cơ sở cho việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng rừng đặc dụng, huy động sự tham gia rộng rãi của cộng đồng vào hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng KBT Sến Tam Quy</p> <p>b) Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 1-2 mô hình kinh tế hộ để tăng thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời giảm áp lực cho công tác bảo vệ phòng chống cháy rừng - Tổ chức tuyên truyền lưu động về nội dung quản lý bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng từ 2-3 lần/năm đối với các xã có rừng do Trung tâm quản lý. In tờ rơi phát cho nhân dân. Phối hợp với các trường học tổ chức nói chuyện, giao lưu với học sinh về vai trò, ý nghĩa của rừng, nâng cao tinh thần trách nhiệm chung tay góp sức bảo vệ rừng. - Xây dựng Website quảng bá hình ảnh khu bảo tồn. Đăng tải nội dung, kết quả các đề tài, dự án có liên quan đến Khu bảo tồn, những

		<p>thách thức, nhu cầu thực tế trong công tác bảo vệ, phát triển rừng Sến</p> <p>c) Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 518,5ha rừng có tổ thành loài Sến chiếm trên 70% - 1-2 mô hình phát triển kinh tế hộ - Có được bản cam kết bảo vệ rừng với 150-200 hộ dân sống ven rừng - Mô hình điều khiển diễn thế Lim - Sến theo hướng bảo tồn loài Sến mật đạt hiệu quả cao - Nhân dân trong vùng hiểu được vai trò, tầm quan trọng của rừng Sến, tham gia hiệu quả vào công tác quản lý bảo vệ và phòng cháy rừng thông qua tuyên truyền
141	<p>Cải thiện sinh kế người dân các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam thông qua mô hình trồng và phục hồi các loại song mây (lâm sản ngoài gỗ).</p> <p>Trung tâm Ứng dụng và Thông tin KH-CN Quảng Nam.</p> <p>Tổng kinh phí: 946 500 000 đồng</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 850 000 000 đồng</p>	<p>b. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Cải thiện sinh kế của người dân vùng núi Quảng Nam, góp phần bảo vệ, quản lý và khai thác hợp lý, bền vững tài nguyên rừng thông qua hoạt động bảo tồn, gây trồng, phát triển các loài song mây. - Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Nâng cao nhận thức của người dân vùng núi về bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, tạo được ý thức và tập quán bảo vệ, gây trồng các loại lâm sản ngoài gỗ nói chung và song mây nói riêng thông qua các hoạt động truyền thông. + Xây dựng mô hình trồng song mây có hiệu quả kinh tế cao, dễ thực hiện, phù hợp với tập quán và trình độ canh tác của người dân vùng núi, tạo thành các mô hình điểm để người dân học tập, nhân rộng. + Tập huấn, hướng dẫn người dân phương pháp nhân giống, gây trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác hợp lý cây song, mây. <p>c. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức của người dân và cộng đồng về bảo vệ và khai thác, quản lý bền vững tài nguyên rừng được nâng lên. - Hạn chế nạn chặt phá rừng và đốt nương làm rẫy. - Tạo được tập quán trồng, bảo vệ và khai thác hợp lý lâm sản ngoài gỗ. - Sinh kế của người dân được cải thiện, giúp người dân miền núi

		<p>được cải thiện.</p> <p>d. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn truyền thông: + Tập huấn về tầm quan trọng của việc bảo vệ và phát triển rừng: 05 lớp/ 05 huyện. + Tập huấn về định hướng và kỹ thuật gây trồng, chăm sóc, khai thác hợp lý các loài lâm sản ngoài gỗ: 10 lớp/ 05 huyện. + Tham quan mô hình trồng song mây dưới tán rừng: 01 chuyến. + Hội thảo trao đổi kinh nghiệm, đánh giá kết quả dự án: 05 lớp/ 05 huyện. - Xây dựng mô hình trồng song mây: + Xây dựng 01 vườn ươm cây giống: 2500 m² + Trồng khoảng 50 ha cây song mây / 05 huyện.
142	<p>Thí điểm cộng đồng ứng phó với biến đổi khí hậu, bền vững nghề và cư trú.</p> <p>Sở Tài nguyên và môi trường Khánh hòa.</p> <p>Tổng kinh phí: 1,0 tỉ đồng</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 1,0 tỉ đồng</p>	<p>d. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu để ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu cho từng giai đoạn ngắn hạn và dài hạn nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của tỉnh Khánh Hòa. - Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2011 – 2015: + Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng đến tài nguyên nước của Khánh Hòa và đề xuất kế hoạch ứng phó. + Đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng đến hạ tầng cơ sở của các ngành và địa phương ven biển trong tỉnh, đề xuất kế hoạch thích ứng và ứng phó. + Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến đa dạng sinh học vùng biển ven bờ và đề xuất kế hoạch ứng phó nhằm đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven biển của tỉnh. + Hoàn thành thí điểm dự án cộng đồng ứng phó với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng ở quy mô cấp xã vùng ven biển trong đó tập trung lĩnh vực phát triển bền vững nghề và nơi cư trú.

		<p>+ Nâng cao năng lực ứng phó của tỉnh Khánh Hòa đối với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.</p> <p>e. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 95% cộng đồng dân cư, 100% cán bộ cấp cơ sở thuộc địa bàn được lựa chọn triển khai dự án được tập huấn nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu các tác động của biến đổi khí hậu; kiến thức, kỹ năng phòng tránh thiên tai. - Giúp nhân dân xây dựng kế hoạch thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu nước biển dâng, thiên tai bằng cách chuyển đổi nghề, được nhà nước đào tạo nghề mới bền vững với sinh kế, cư trú. - Báo cáo bài học kinh nghiệm, thực tiễn triển khai Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu. <p>f. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra thực địa, phân tích, đánh giá, lựa chọn 1 hoặc 2 xã phường, thị trấn vùng ven biển của tỉnh Khánh Hòa dễ bị tổn thương do tác động biến đổi khí hậu, nước biển dâng và thiên tai. - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai đến đời sống nhân dân, bao gồm: sinh kế, việc làm, cư trú và hiện trạng khai thác nguồn lợi tài nguyên phục vụ nhu cầu sống của cộng đồng. - Nghiên cứu mô hình tạo sinh kế và cư trú bền vững gắn liền với kế hoạch ứng phó, thích ứng của cộng đồng với biến đổi khí hậu; phòng tránh thiên tai. - Xây dựng báo cáo bài học kinh nghiệm, đề xuất, cần rút ra khi triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020.
143	<p>Áp dụng biện pháp hóa – sinh học để ngăn chặn sự xâm lấn của Mai dương, tạo cảnh quan phục vụ phát triển du lịch sinh thái trên khu vực lòng hồ song Mực – Vườn</p>	<p>d. Mục tiêu : Hạn chế và dần đi đến triệt tiêu sự xâm hại của cây Mai dương trên vùng lòng hồ Sông Mực, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái, quản lý nguồn tài nguyên đất, nước bền vững và nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học tại VQG Bến En, Thanh Hóa.</p> <p>e. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả xử lý cây Mai dương bằng biện pháp hóa

	<p>Quốc gia Bến En tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Vườn Quốc gia Bến En.</p> <p>Tổng kinh phí: 1 078 000 000 đồng</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 1.000.000.000 đồng.</p>	<p>học và sinh học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được 3 mô hình (diện tích 03 ha) trồng cây chịu ngập úng để ngăn chặn sự phát triển trở lại của cây Mai dương tại 03 đảo trên khu vực lòng hồ Sông Mực. - Có ít nhất 150 người dân trong cộng đồng được tuyên truyền về tác hại của mai dương đối với sản xuất nông – lâm nghiệp và bảo vệ môi trường. - Có phương án chuyển giao kỹ thuật cho các vùng có điều kiện tự nhiên tương tự để góp phần hạn chế sự phát triển của cây Mai dương trên diện rộng <p>f. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra đánh giá thực trạng về diện tích, tình hình sinh trưởng, phát triển của cây mai hương tại khu vực lòng hồ Sông Mực. - Xác định điểm thí nghiệm xử lý và tạo cảnh quan. - Tiến hành xử lý cây Mai dương bằng một hệ thống các phương pháp: phát toàn diện cây Mai hương trên khu vực thí nghiệm, đốt để kích thích hạt Mai dương nảy mầm và bật chồi gốc, phun dung dịch muối ăn (NaCl) vào các thời điểm khác nhau để tiêu diệt chồi và cây con. - Xử lý thực bì và trồng 03 ha các loài cây bản địa có khả năng sinh trưởng và phát triển trên vùng đất bán ngập như: Tràm, Trúc tiết, Phay sừng, Gáo nước,... trên các diện tích đã xử lý cây Mai dương để ngăn chặn sự phát triển trở lại của cây Mai dương. - Tổ chức 03 đợt tuyên truyền về tác hại của Mai dương cho nhân dân khu vực vùng lõi và vùng đệm của VQG Bến En. - Xây dựng phương án chuyển giao kỹ thuật cho các vùng có điều kiện tự nhiên tương tự để góp phần hạn chế sự phát triển của cây Mai dương trên diện rộng.
144	<p>Nghiên cứu giải pháp và xây dựng qui trình canh tác theo hướng chống suy thoái đất và giảm tác động biến đổi khí hậu trên vùng đất lúa Ba Vụ tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang</p>	<p>a) Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu các giải pháp canh tác lúa theo hướng bền vững, chống suy thoái đất và nâng cao chất lượng đất - Xác định quy trình canh tác trong vùng đê bao trồng lúa 3 vụ áp dụng tổng hợp các biện pháp tăng năng suất và duy trì được độ phì nhiêu của đất - Nghiên cứu mô hình sản xuất 3 vụ trong vùng đê bao, trong đó có 2 vụ lúa (Đông Xuân và Thu Đông) và 1 vụ màu (Hè Thu) nhằm giảm tác động biến đổi khí hậu <p>b) Hoạt động</p>

	<p>Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cái Bè, Tiền Giang</p> <p>Tổng kinh phí: 897.000.000 VND</p> <p>GEF/SGP: 897.000.000 VND</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng kết quả nghiên cứu ra diện rộng theo đúng quy trình kỹ thuật tạo ra sản phẩm lúa có chất lượng tốt, thân thiện với môi trường - Giảm chi phí đầu tư về sử dụng phân bón, thuốc hóa học đưa đến tăng tính cạnh tranh về giá cả, tăng lợi nhuận - Tạo tiền đề liên doanh với doanh nghiệp xuất khẩu gạo và tiến đến canh tác lúa đạt tiêu chuẩn ViệtGAP hoặc GlobalGAP - Phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tổ chức hội thảo khoa học nhằm chuyển giao quy trình canh tác và mở rộng mô hình. <p>c) Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra mô hình giải pháp canh tác lúa theo hướng bền vững, chống suy thoái đất và nâng cao chất lượng đất - Xác định được quy trình canh tác trong vùng đê bao trồng lúa 3 vụ áp dụng tổng hợp các biện pháp tăng năng suất và duy trì được độ phì nhiêu của đất - Xây dựng mô hình sản xuất 3 vụ trong vùng đê bao nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm tác động biến đổi khí hậu
145	<p>Đầu tư xây dựng xưởng sản xuất nhựa tái sinh, phân hữu cơ sinh học từ rác thải</p> <p>Công ty CP quản lý đô thị và vệ sinh môi trường Đồng Hỷ</p> <p>Tổng kinh phí: 3.705.950.000 VND</p> <p>GEF/SGP: 1.000.000.000 VND</p>	<p>Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng được xưởng sản xuất nhựa tái sinh, phân hữu cơ sinh học từ rác thải, nhằm bảo vệ môi trường, làm cho môi trường xanh sạch đẹp, đồng thời đem lại hiệu quả cao trong sản xuất và kinh doanh - Tạo việc làm và tăng thu nhập ổn định cho lao động địa phương, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn
146	Tên dự án: Xây dựng mô hình quản lý bãi tôm Hòn	a. Mục tiêu:

	<p>Nẹ tỉnh Thanh Hóa dựa vào cộng đồng</p> <p>Tên tổ chức: Chi cù khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 6.500.000.000 đ</p> <p>GEF SGP: 6.500.000.000 đ</p>	<p>Nguồn lợi thủy sản được khai thác bền vững đồng thời đảm bảo phân phối hài hòa quyền lợi giữa các đối tượng tham gia khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản, nâng cao thu nhập và đời sống của ngư dân thông qua phương thức đồng quản lí nghề cá.</p> <p>Bảo vệ nguồn lợi thủy sản địa phương thông qua việc bảo vệ các khu vực bãi sinh sản tôm.</p> <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ, phục hồi và phát triển được nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là nguồn lợi tôm và môi trường trong vùng bãi tôm Hòn Nẹ - Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực đồng quản lí nguồn lợi thủy sản của chính quyền, ngư dân và các bên liên quan. - Tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng tham gia mô hình theo hóng ổn định và tốt hơn - Đúc kết và chia sẻ rộng rãi những bài học kinh nghiệm của mô hình cho những tổ chức cá nhân liên quan và có quan tâm. - Nhân rộng phương thức đồng quản lí nghề cá ra các xã, huyện khác và từng bước nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh. - Xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn lợi hải sản và môi trường sống của chúng tại vùng biển ven bờ từ Nga Sơn - Hậu Lộc <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và phê duyệt đề cương - Thực hiện điều tra đầu vào, tập huấn ban đầu - Xây dựng cơ sở dữ liệu nền và hồ sơ mô hình, thành lập tổ chức cộng đồng. - Xây dựng và ban hành khung thể chế, chính sách và luật pháp liên quan đến việc xây dựng và triển khai mô hình. - Tổ chức thực hiện mô hình đồng quản lí nguồn lợi thủy sản có sự tham gia của cộng đồng. - Tiến hành khoanh vùng, bảo vệ khu tôm Hòn Nẹ
--	--	---

		<p>- Tái tạo nguồn lợi hải sản, thả giống hải sản xuống khu vực nước tự nhiên đảo Nẹ.</p> <p>Nghiên cứu đánh giá tổng kết đề án, đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình.</p>
147	<p>Tên dự án: Đánh giá tác động của môi trường ảnh hưởng đến điều kiện sống của loài cá Bống tại huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Tên tổ chức: Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Thanh Hóa</p> <p>Tổng kinh phí: 2.300.000.000 đ</p> <p>GEF SGP: 2.300.000 đ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Bảo vệ được loài cá bống (<i>Spinibarbus bichthys denticulatus</i>, Oshima 1926) tại địa phương thông qua việc bảo vệ môi trường sống của chúng</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80 -90% cán bộ và các hộ sống xung quanh khu vực có loài cá sinh sống được tuyên truyền về công tác BVMT sống của loài cá Bống. - Báo cáo hiện trạng về môi trường sống của loài cá Bống tại huyện Cẩm Thủy. - Báo cáo hiện trạng phân bố của loài cá Bống tại huyện Cẩm Thủy. - Đề xuất giải pháp ngăn chặn các ảnh hưởng của môi trường sống đến loài cá Bống. <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và phê duyệt đề cương dự án - Thực hiện các điều tra đầu vào - Điều tra đặc điểm môi trường sống của cá Bống tại huyện Cẩm Thủy - Đánh giá hiện trạng phân bố của loài cá Bống tại huyện Cẩm Thủy. <p>Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức ch cộng đồng, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên soạn các tài liệu, phim ảnh... phát hành đến mỗi người dân giúp họ thấy được vai trò và trách nhiệm trong việc bảo vệ loài cá Bống.

		+ Tổ chức việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng.
148	<p>Tên dự án: Bảo tồn và phát triển loài cây dược liệu quý, hiếm cây xáo tam phân (Paramignya trimera) tại vườn quốc gia Núi Chúa tỉnh Ninh Thuận.</p> <p>Tên tổ chức: Vườn Quốc gia Núi Chúa</p> <p>Tổng kinh phí: 1.210.000.000 đ</p> <p>GEF SGP: 1.100.000.000 đ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định và khoanh vùng phân bố tự nhiên hiện còn giúp duy trì, phát triển tránh nguy cơ tuyệt chủng loài cây dược liệu quý hiếm này. - Xác định được kỹ thuật gây trồng phục hồi loài cây. - Cung cấp giống cho người dân quanh vườn quốc gia trồng kinh doanh, phát triển kinh tế, tạo sinh kế bền vững cho người dân. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh vùng 500 ha khu vực phân bố tự nhiên của cây. - Mô tả được đặc tính sinh thái của loài giúp phát triển loài trong môi trường tự nhiên và nhân tạo - Gieo tạo để trồng phân tán và cung cấp cho người dân quanh VQG 20.000 cây. - Trồng tập trung 10 ha. - Trồng 30.000 cây xen trong khu vực khoanh vùng bảo vệ. <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khoanh vùng phân bố - Theo dõi, đo đếm các chỉ tiêu lâm sinh của cây để đánh giá khả năng phục hồi tự nhiên. - Điều tra đặc tính sinh thái loài cây - Gieo tạo cây giống bằng 3 hình thức. - Tạo cây giống - Cung cấp cây giống - Trồng phục hồi - Báo cáo, đánh giá

149	<p>Tên dự án: Xây dựng mô hình canh tác cây trồng bản địa bền vững trên đất dốc nhằm bảo tồn ĐDSH, hạn chế xói mòn, rửa trôi phù sa xuống Hồ Ba Bể tại xã Quảng Khê, huyện Ba Bể và xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn</p> <p>Tên tổ chức: Trung tâm nghiên cứu và phát triển hệ thống nông nghiệp.</p> <p>Tổng kinh phí: 1.300.000.000đ</p> <p>GEF CGP: 1.200.000 đ</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>Mục tiêu chung: Bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên Đ ĐDSH, phát triển du lịch cộng đồng, chống xói mòn rửa trôi, tạo công ăn việc làm tăng thu nhập cho đồng bào các dân tộc trong vùng đệm VQG Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn ĐDSH: các nguồn gen quý, các giống cây bản địa như Hồng không hạt Bắc Kạn, rau Bò khai và rau Sắng. - Chống xói mòn, rửa trôi nhằm hạn chế đất đá, rơm rác phù sa rơi xuống lòng hồ. - Gắn mô hình sản xuất nông nghiệp với du lịch đón tiếp tại nông hộ. Đa dạng các sản phẩm nông sản đặc sản phục vụ khách du lịch đến thăm Hồ Ba Bể. - Hạn chế tình trạng phát nương rẫy, chặt phá rừng đầu nguồn, giải quyết việc làm tăng thu nhập cho đồng bào các dân tộc. - Nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương trong công tác quản lý về Đ ĐDSH, BVMT, thiên nhiên nói chung và VQG Ba Bể nói riêng. <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>1. Mô hình vườn Hồng không hạt Bắc Kạn</p> <p>Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên sinh học thông qua xây dựng vườn ươm và quản lý cây trồng mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình tuyển 10 cây; số cành ghép được khai thác: 5.000 cành. - Xây dựng 2 vườn ươm, 100m² /vườn. ghép nhân giống 6.000 cây, tỉ lệ sống 90%, tỉ lệ xuất vườn đạt tiêu chuẩn đem trồng 80%. - Khoanh vùng trồng mới 10ha, trồng mới 4.000 cây, sản lượng sau 5 năm 80.000 kg. <p>2. Mô hình cây rau Bò khai và cây rau Sắng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 2 vườn ươm nhân giống, 100m² /vườn. 6.000 cây được nhân giống, tỉ lệ sống 80%, tỉ lệ xuất vườn 70%.
-----	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các mô hình canh tác rau Bò Khai và rau Sắng trên đất dốc, trồng mới 6ha. 3. Chống xói mòn rửa trôi 4. Hiệu quả về phát triển du lịch 5. Hiệu quả về đào tạo: nâng cao kỹ năng canh tác <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn đa dạng nguồn gen thông qua vườn ươm, quản lý cây đầu dòng và phát triển vùng sản xuất hồng không hạt, rau Bò Khai và rau Sắng đặc sản. - Thử nghiệm, xây dựng mô hình trình diễn và quy trình kỹ thuật chung dựa trên kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng kết hợp tiến bộ KHKT. - Đào tạo và chuyển giao kỹ năng tư vấn và quản lý bảo tồn tại địa phương cho người dân và chính quyền.
150	<p>Công trình trường Phổ thông Dân tộc (PTDT) bán trú Tiểu học và Trung học</p> <p>Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Trảng Định, Lạng Sơn</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF SGP: khoảng 1,000,000,000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp nước sạch cho nhân dân thôn Khuổi Vai, Pò Có trong vòng bán kính 2km, trạm y tế, trụ sở Ủy ban Nhân dân xã và trường PTDT bán trú Tiểu học, Trung học Cơ sở Bắc Ái 1 - Học sinh, cán bộ giáo viên và nhân viên trong trường có nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn sinh hoạt - Có rừng để giữ đất chống hoang hóa và tích nước <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên có đủ nước sạch cho hơn 50 hộ dân, 1 trạm y tế, 1 trụ sở UBND xã và nhà trường với 170 học sinh bán trú và 30 giáo viên công tác xa nhà ở tại trường - Có 3 nhà vệ sinh cho riêng học sinh nam, nữ và giáo viên, nhân viên nhà trường sử dụng - Có 5000 cây xanh để giữ đất và nước đầu nguồn <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt hệ thống cung cấp nước sạch từ đầu nguồn khe núi Khau Hương về cụm khu dân cư Khuổi Vai, độ dài khoảng 5 km, xây bể áp lực đầu nguồn, ống dẫn kim loại, bể chứa nước tại trung

		<p>tâm để phân phối và 5 bể nhánh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây mới 3 nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn tại trường học - Tổ chức trồng cây xanh trên diện tích đất 3,600 mét vuông
151	<p>Kết hợp bảo vệ thảm thực vật trên các đảo với bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học dưới biển để bảo tồn tính toàn vẹn đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang và tạo cơ hội tăng thu nhập cho cộng đồng từ hoạt động du lịch sinh thái</p> <p>Ban Quản lý vịnh Nha Trang</p> <p>Kinh phí dự kiến:</p> <p>Kinh phí xin từ GEF SGP: 1,000,000,000 VNĐ</p> <p>Kinh phí đóng góp từ Ban Quản lý: 100,000,000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tính đa dạng sinh học trên các đảo trong vịnh Nha Trang nhằm đề xuất những giải pháp hiệu quả để quản lý và bảo tồn toàn vẹn đa dạng sinh học của hệ sinh thái dưới nước, trên cạn và cảnh quan phong phú của danh lam thắng cảnh vịnh Nha Trang <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về đa dạng thảm thực vật, thành phần loài động/thực vật trên đảo, thực trạng và giá trị thực trạng của chúng - Lập bản đồ hiện trạng thảm thực vật, phân bố của các loài thực vật quý hiếm cần được bảo tồn - Thiết lập mô hình sinh kế mới cho cộng đồng địa phương - Đề xuất giải pháp quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học của hệ sinh thái trên cạn cho toàn vịnh <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tổng quan các tài liệu, kết quả điều tra đa dạng sinh học đã có để xây dựng tài liệu về đa dạng sinh học cả trên cạn và dưới nước - Điều tra đa dạng sinh học hệ sinh thái trên cạn có sự tham gia của người dân - Xây dựng bản đồ hiện trạng thể hiện vị trí các giá trị tài nguyên thực vật quý hiếm, đặc trưng để bảo vệ trên bản đồ vịnh Nha Trang - Khoanh vùng chức năng và cấm mốc ranh giới có giới thiệu về các giá trị đặc trưng từng vùng nhằm quản lý và bảo vệ - Tổ chức hội thảo khoa học gồm các chuyên gia, nhà quản lý địa phương để đánh giá về giá trị tài nguyên và đề xuất các biện pháp bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trong danh lam thắng cảnh vịnh Nha Trang - Chọn 3 hộ gia đình, hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất và kỹ năng hướng dẫn viên để phát triển du lịch sinh thái

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương và du khách về các giá trị đa dạng sinh học trong danh lam thắng cảnh vịnh Nha Trang
152	<p>Xây dựng cơ chế quản lý rạn san hô và thực hiện thí điểm phục hồi 4000 m² san hô cứng có sự tham gia của cộng đồng tại thôn Bãi Hương, xã Tân Hiệp (Cù Lao Chàm), Hội An, Quảng Nam</p> <p>Ban Quản lý Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 321.700.000 VNĐ</p> <p>Đối ứng cơ quan thực hiện: 27.625.000 VNĐ</p> <p>Cộng đồng: 7.050.000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu lâu dài: tăng độ phủ rạn san hô tại vùng biển Cù Lao Chàm, góp phần bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên - Mục tiêu ngắn hạn: 4000 m² rạn san hô tại Bãi Hương (Cù Lao Chàm) được phục hồi sinh thái và bảo vệ, khai thác hợp lý đến hết năm 2014 <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4000 m² rạn san hô được phục hồi sinh thái - 1 hương ước cộng đồng về quản lý, khai thác bền vững rạn san hô được ban hành - Nhận thức về bảo vệ và khai thác bền vững rạn san hô của cộng đồng được nâng cao - Xây dựng, thiết kế 1 loại hình du lịch tại vùng rạn san hô tại thôn Bãi Hương do cộng đồng thực hiện <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 1: <ul style="list-style-type: none"> • Ít nhất 50 cộng đồng được tập huấn kỹ thuật trồng san hô • Khoảng 2,400 tập đoàn (mảnh/cành) san hô được trồng tại vùng phục hồi • Ít nhất 3 đợt theo dõi, giám sát sự tăng trưởng của san hô - Hoạt động 2: <ul style="list-style-type: none"> • Hơn 50 cộng đồng tham gia xây dựng hương ước • Hương ước được các cơ quan quản lý chuyên môn và chính quyền địa phương đồng thuận • 1 quyết định ban hành hương ước cộng đồng về quản lý, khai thác bền vững rạn san hô - Hoạt động 3: <ul style="list-style-type: none"> • Ít nhất 100 cộng đồng Bãi Hương được tham gia các lớp tập

		<p>huấn về biến đổi khí hậu, rạn san hô</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng tự tổ chức 1 hoạt động/chiến dịch bảo vệ môi trường, bảo tồn biển • Thiết kế và in 1 bộ tờ rơi truyền thông • Lắp đặt pano về dự án <p>- Hoạt động 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hợp tham vấn cộng đồng về loại hình dịch vụ du lịch bền vững tại vùng rạn san hô • Tổ chức thí điểm loại hình du lịch • Quảng bá tour thí điểm đến các công ty, đơn vị du lịch
153	<p>Xây dựng mô hình ứng dụng hệ thống lò đốt rác thải sinh hoạt nhằm giảm ô nhiễm môi trường cho khu du lịch Cát Bà, huyện Cát Hải, Hải Phòng</p> <p>Liên đoàn Lao động huyện Cát Hải, Hải Phòng</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 1 tỉ đồng</p> <p>Từ tổ chức đề xuất và địa phương: 300 triệu đồng</p> <p>Từ các nguồn khác: 300 triệu đồng</p>	<p>a. Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường và ứng dụng hệ thống lò đốt rác tại bãi rác Đồng Trong của thị trấn Cát Bà nhằm giảm ô nhiễm môi trường cho khu du lịch Cát Bà - Mục tiêu cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> • Khảo sát, lắp đặt và đưa vào vận hành mô hình lò đốt rác sinh hoạt tại khu vực bãi rác Đồng Trong, góp phần bảo vệ môi trường cho khu du lịch Cát Bà • Theo dõi, đánh giá, tổng kết các bài học kinh nghiệm trong áp dụng, vận hành hệ thống nhằm đưa ra cơ sở đánh giá khả năng và phạm vi sử dụng mô hình, đề ra phương hướng cho việc nhân rộng tại các bãi rác khác trên địa bàn huyện Cát Hải • Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư khu vực thị trấn Cát Bà <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt, vận hành hệ thống lò đốt rác tại bãi rác Đồng Trong - Biên soạn, phát hành và phổ biến một bộ tài liệu kỹ thuật của dự án - Đánh giá chung của việc áp dụng hệ thống lò đốt rác, ý nghĩa về hiệu quả môi trường, kinh tế, xã hội, tính nhân rộng - Ý thức, hành vi bảo vệ môi trường của cộng đồng khu du lịch

		<p>Cát Bà được nâng cao</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho mục tiêu 1: <ul style="list-style-type: none"> • Tiến hành khảo sát khu vực bãi rác Đồng Trong để lựa chọn áp dụng quy mô lò đốt rác cho phù hợp • Thống nhất kết quả khảo sát để lựa chọn địa điểm, quy mô lò • Đề xuất nguồn kinh phí đối ứng từ ngân sách thành phố, ký kết hợp đồng thiết kế với nhà cung cấp • Thiết kế hệ thống và chi tiết cho các thiết bị sẽ lắp đặt • Tổ chức lắp đặt, nghiệm thu và chạy thử • Vận hành và sử dụng hệ thống - Cho mục tiêu 2: <ul style="list-style-type: none"> • Theo dõi hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian vận hành hệ thống, thu thập số liệu đánh giá kết quả và biên soạn tài liệu kỹ thuật hướng dẫn thiết kế, lắp đặt và vận hành mô hình • Tổ chức nghiệm thu, đúc kết bài học kinh nghiệm và biên soạn tài liệu kỹ thuật hướng dẫn thiết kế, lắp đặt và vận hành mô hình - Cho mục tiêu 3: <ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức các buổi nói chuyện với cán bộ cơ quan quản lý nhà nước liên quan, các khóa tập huấn vận hành dành cho công nhân Công ty Quản lý công trình công cộng và dịch vụ đô thị huyện • Tổ chức Hội thi cộng đồng chung tay bảo vệ môi trường với đối tượng tham gia là cán bộ, đoàn viên các công đoàn cơ sở, chủ nhà hàng, khách sạn và nhân dân khu vực thị trấn Cát Bà
154	<p>Tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng tại vườn quốc gia (VQG) Yok Đôn</p> <p>Trung tâm Đa dạng Sinh</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học của VQG Yok Đôn, góp phần bảo vệ sự toàn vẹn của cảnh quan vùn đồng bằng phía Đông Cam-pu-chia, thông qua tăng cường hiệu quả công tác quản lý đa dạng sinh học VQG Yok Đôn

	<p>học và Phát triển (CBD)</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 50,000 USD</p> <p>Từ WWF: 7,002 USD</p> <p>Từ VQG Yok Đôn: 3,000 USD</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hợp tác liên biên giới giữa Yok Đôn và Mondulkiri - Tăng cường hợp tác giữa VQG Yok Đôn và bộ đội biên phòng trong tuần tra rừng <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một báo cáo đánh giá nhanh tình hình vi phạm lâm luật ở khu vực VQG và buôn bán trái phép các loài hoang dã qua biên giới - Một mạng lưới theo dõi thú lớn, sử dụng kiến thức bản địa và thông báo vi phạm lâm luật được thành lập và vận hành có sự tham gia của người dân - Một biên bản ghi nhớ giữa VQG Yok Đôn và khu bảo tồn Mondulkiri của Cam-pu-chia - Một cơ chế hợp tác giữa Bộ đội Biên phòng, dân phòng và lực lượng kiểm lâm trong địa bàn vườn - Nhận thức về công tác bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ các loài hoang dã của bộ đội biên phòng và người dân vùng lõi tăng, do đó giảm số vụ vi phạm lâm luật của 2 đối tượng này <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức bảo tồn, tăng cường thực thi pháp luật và giám sát đa dạng sinh học cho VQG Yok Đôn: <ul style="list-style-type: none"> • Khảo sát nhanh vấn đề vi phạm lâm luật, đặc biệt là việc khai thác và buôn bán trái phép qua biên giới các loài hoang dã • Truyền thông nâng cao nhận thức bảo tồn đa dạng sinh học • Tăng cường hợp tác và tuần tra liên ngành (kiểm lâm, bộ đội biên phòng, đội bảo vệ rừng của buôn Drăng Phok) - Tăng cường sự tham gia của cộng đồng sống trong vùng lõi của vườn VQG vào công tác thực thi pháp luật và theo dõi đa dạng sinh học <ul style="list-style-type: none"> • Thành lập đội đặc nhiệm phản ứng nhanh với tội phạm lâm luật theo tin báo của cộng đồng • Thành lập mạng lưới theo dõi diễn biến đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng và kiến thức bản địa • Thành lập mạng lưới mật báo thông tin về vi phạm lâm luật của cộng đồng
--	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cơ chế hợp tác xuyên biên giới giữa VQG và khu bảo tồn Mondulkiri • Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm giữa 2 nơi • Hội thảo liên VQG, MOU về hợp tác giữa 2 tỉnh trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng • Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin giữa VQG và khu bảo tồn
155	<p>Xây dựng mô hình lâm nghiệp cộng đồng ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH)</p> <p>Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trường Đại học Tây Bắc</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 700,000,000 đồng</p> <p>Từ cộng đồng địa phương: 40,000,000</p> <p>Từ tổ chức đề xuất: 60,000,000</p>	<p>a. Mục tiêu: nâng cao năng lực lâm nghiệp cộng đồng giúp người dân địa phương ứng phó với BĐKH</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các mô hình trình diễn thể hiện năng lực lâm nghiệp cộng đồng được xây dựng gồm: <ul style="list-style-type: none"> • 8 mô hình trồng rừng cộng đồng trồng các loài cây bản địa có giá trị gỗ hoặc lâm sản ngoài gỗ mang lại thu nhập cho hộ gia đình • 8 mô hình vườn ươm quy mô nhóm hộ gia đình tạo điều kiện cho hộ gia đình tự chủ động tạo ra nguồn cây con • 40 bếp đun cải tiến tiết kiệm củi được xây dựng tại 40 hộ gia đình có nhu cầu sử dụng củi đun nấu cao • 40 bếp kiềng cải tiến tận dụng lõi ngô đun nấu được đưa vào sử dụng tại 40 hộ gia đình thương xuyên thiếu củi đun và mong muốn tận dụng nguồn lõi ngô thải ra sau thu hoạch <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho người dân địa phương thăm quan, học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình lâm nghiệp cộng đồng - Trồng rừng cộng đồng trên vùng canh tác đất dốc - Xây dựng vườn ươm quy mô nhóm hộ gia đình - Tập huấn kỹ năng điều tra, giám sát tài nguyên rừng cho chủ rừng - Xây dựng bếp đun cải tiến tiết kiệm củi đun cho các hộ gia đình - Thiết kế và đưa vào sử dụng bếp kiềng cải tiến đun lõi ngô - Truyền thông nâng cao nhận thức của người dân địa phương về BĐKH

156	<p>Xây dựng mạng lưới bảo tồn biển Quảng Nam</p> <p>Ban Quản lý Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm, Hội An, Quảng Nam</p> <p>Kinh phí: từ GEF SGP: 1,300,000,000 VNĐ</p> <p>Từ khu bảo tồn biển Cù Lao chàm, khu bảo vệ rừng dừa nước Cẩm Thanh, khu bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải: 300,000,000</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hiệu quả quản lý của các khu Tiểu khu ĐQL Bãi Hương, khu bảo vệ rừng dừa nước Cẩm Thanh, khu bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải - Quản lý mạng lưới bảo tồn biển Quảng Nam sẽ trực tiếp nhằm vào các đối tượng mục tiêu là các hoạt động khai thác tài nguyên biển, hoạt động khai thác đánh bắt thủy sản, hoạt động du lịch... trong phạm vi biển Quảng Nam, trong đó quan tâm nhất là vùng kết nối giữa Cù Lao Chàm, cửa sông Thu Bồn và vùng rạn san hô Tam Hải, Núi Thành <p>b. Kết quả dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một mạng lưới bảo tồn biển Quảng Nam trên cơ sở kết nối 3 khu bảo tồn, bao gồm tiểu khu ĐQL Bãi Hương, khu bảo vệ rừng dừa nước Cẩm Thanh, khu bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải được hình thành và có kế hoạch hoạt động được triển khai - Các khu bảo tồn trong mạng lưới được liên kết, hỗ trợ và tăng cường quản lý và được nâng cao hiệu quả hoạt động về các mặt du lịch, thủy sản, sinh kế, bảo vệ tài nguyên, môi trường... - Các khu bảo tồn trong mạng lưới được chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ chuyên gia, giúp đỡ trong đào tạo và kêu gọi đầu tư - Các khu bảo tồn trong mạng lưới được liên kết thực hiện chương trình giám sát, thu thập thông tin nhằm đánh giá hiệu ứng tràn từ các khu bảo tồn - Các khu bảo tồn trong mạng lưới được hỗ trợ thực hiện chương trình phục hồi rạn san hô, cây ngập mặn, thảm cỏ biển, rong biển... <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mạng lưới bảo tồn biển Quảng Nam: <ul style="list-style-type: none"> • Thành lập nhóm hạt nhân trong cộng đồng của 3 khu bảo tồn, dự kiến thành viên là tập hợp từ các ban bảo tồn thôn, tiểu khu bảo tồn biển, BQL khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, các tổ cộng đồng của khu bảo tồn dừa nước và các tổ cộng đồng từ khu bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải. Ngoài ra, các thành viên từ các bên liên quan của 3 xã, hội nghề cá Quảng Nam, phòng TN & MT, phòng kinh tế của 3 huyện, sở TN & MT, sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của
-----	---	--

		<p>tỉnh Quảng Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn kĩ thuật về thu thập thông tin, phân tích hiện trạng tài nguyên, môi trường DPSIR, phân tích SMART, SWOT, xây dựng kế hoạch quản lý... • Tổ chức tập huấn cộng đồng tại 3 khu bảo tồn • Xây dựng quy chế mạng lưới bảo tồn biển • Tổ chức tham quan học tập cho cộng đồng tại các khu bảo vệ <p>- Xây dựng kế hoạch quản lý trong đó chú trọng đến cơ chế tài chính bền vững cho mạng lưới</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức tập huấn cộng đồng tại 3 khu bảo tồn • Xây dựng kế hoạch quản lý • Xây dựng cơ chế tài chính bền vững cho mạng lưới khu bảo tồn <p>- Tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý của các khu bảo tồn trong mạng lưới</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức truyền thông quy chế bảo vệ khu bảo tồn biển tại khu bảo vệ rừng dừa nước Cẩm Thanh và khu bảo vệ rạn san hô Tam Hải • Tổ chức hỗ trợ tuần tra, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nguồn lợi thủy sản trong các khu bảo tồn <p>- Tạo điều kiện cho các khu bảo tồn chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ chuyên gia, giúp đỡ trong đào tạo và kêu gọi đầu tư tại các khu bảo tồn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ chuyên gia về quản lý rác thải, phát triển du lịch sinh thái từ khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm cho khu bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô và rừng dừa nước. • Hỗ trợ chuyên gia về xây dựng chương trình nhà lưu trú, quản lý bãi biển cho khu bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải, khu bảo tồn dừa nước Cẩm Thanh từ khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm <p>- Tạo điều kiện cho các khu bảo tồn thực hiện chương trình giám sát, thu thập thông tin nhằm đánh giá hiệu ứng tràn từ các khu bảo tồn</p>
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ kỹ thuật giám sát hệ sinh thái Tam Hải theo phương pháp reefcheck • Hỗ trợ kỹ thuật giám sát kinh tế xã hội tại khu bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải, khu dứa nước Cẩm Thanh <p>- Tạo điều kiện cho các khu bảo tồn thực hiện chương trình phục hồi rạn san hô, cây ngập mặn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ kỹ thuật phục hồi rạn san hô cho khu bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải
157	<p>Tăng cường hỗ trợ mô hình đồng quản lý thủy sản tại 3 xã ven biển Tam Tiến, Bình Hải, Duy Hải của tỉnh Quảng Nam</p> <p>BQL Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm, Hội An</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 1,3 tỉ đồng</p> <p>Từ 3 xã Duy Hải, Bình Hải, Tam Tiến: 300 triệu đồng</p>	<p>a. Mục tiêu:</p> <p>- Nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực tham gia quản lý thủy sản cho cộng đồng người dân 3 xã Tam Tiến, Bình Hải, Duy Hải và ven biển tỉnh Quảng Nam, hướng đến khai thác hợp lý, góp phần bảo vệ tài nguyên, môi trường biển ven bờ</p> <p>b. Kết quả dự kiến</p> <p>- Ban ĐQL thủy sản của 3 xã Tam Tiến, Bình Hải, Duy Hải có khả năng tổ chức thực hiện tốt các hoạt động tuyên truyền, phối kết hợp với các lực lượng chức năng tuần tra, giám sát, triển khai ghi nhật ký đánh bắt, khảo sát đánh giá kết quả hoạt động trong vùng biển đồng quản lý của địa phương</p> <p>- Vùng biển đồng quản lý của 3 xã Tam Tiến, Bình Hải, Duy Hải được quản lý tốt các hoạt động khai thác đánh bắt theo quy chế đồng quản lý đã ban hành</p> <p>- Nguồn lợi thủy sản tại các vùng biển đồng quản lý được bảo vệ và phục hồi</p> <p>- Đời sống và thu nhập của người khai thác thủy sản ven bờ của 3 xã Tam Tiến, Bình Hải, Duy Hải được cải thiện và nâng cao</p> <p>c. Hoạt động dự kiến</p> <p>- Nâng cao nhận thức cho cộng đồng người khai thác thủy sản tại địa phương và trong vùng về hoạt động đồng quản lý thủy sản tại 3 xã bao gồm vùng biển đồng quản lý, quy chế quản lý, phương thức quản lý, đối tượng quản lý... và các lợi ích mang lại từ sự tham gia của cộng đồng vào đồng quản lý thủy sản</p> <p>- Nâng cao năng lực cho cộng đồng người khai thác thủy sản tại địa phương và trong vùng về tuyên truyền, tuần tra, giám sát, ghi chép nhật ký, khảo sát và đánh giá với sự tham gia của người dân</p>

		<p>trong mô hình đồng quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu và xây dựng thí điểm các mô hình sinh kế hỗ trợ, nâng cao thu nhập thay thế cho ngư dân ven biển trong vùng đồng quản lý theo nguyên tắc bảo tồn và khai thác hợp lý - Triển khai chương trình giám sát hoạt động đồng quản lý thủy sản tại địa phương, đúc kết kinh nghiệm... phục vụ giáo dục, đào tạo cho các trường đại học, viện nghiên cứu, nhân rộng mô hình - Liên kết với các khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, bảo vệ rừng dừa nước Cẩm Thanh, bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô Tam Hải, rừng ngập mặn Núi Thành... tạo thành mạng lưới bảo tồn biển, bảo tồn các hệ sinh thái ven bờ của tỉnh Quảng Nam, nhằm nhân rộng hiệu quả bảo tồn, phát triển nguồn lợi
158	<p>Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt thông Cốc Rào, xã Tô Hiệu, Bình Gia, Lạng Sơn</p> <p>Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 1,000,000,000 VNĐ</p> <p>Nhân dân đóng góp: 100,000,000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu: Phục vụ lợi ích thiết thực cho người dân nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội</p> <p>b. Kết quả dự kiến: cấp nước sinh hoạt cho 177 người dân</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: xây dựng hệ thống cấp nước tập trung</p>
159	<p>Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt thôn Pá Danh, xã Trùng Quán, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn</p> <p>Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 500,000,000</p>	<p>a. Mục tiêu: phục vụ lợi ích thiết thực cho người dân nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội</p> <p>b. Kết quả dự kiến: cấp nước sinh hoạt cho 109 người dân</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: xây dựng hệ thống cấp nước tập trung</p>

	<p>VNĐ</p> <p>Từ các nguồn khác: 50,000,000 VNĐ</p>	
160	<p>Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt thôn Tổng Kịt, thôn Nà Chi, xã Trùng Quán, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn</p> <p>Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 1,000,000,000 VNĐ</p> <p>Nhân dân đóng góp: 100,000,000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu: Phục vụ lợi ích thiết thực cho người dân nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội</p> <p>b. Kết quả dự kiến: cấp nước sinh hoạt cho 198 người dân</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: xây dựng hệ thống cấp nước tập trung</p>
161	<p>Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt thôn Khun Gioong, Bản Gioong, xã Trùng Quán, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn</p> <p>Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 1,000,000,000 VNĐ</p> <p>Nhân dân đóng góp: 100,000,000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu: phục vụ lợi ích thiết thực cho người dân nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội</p> <p>b. Kết quả dự kiến: cấp nước sinh hoạt cho 317 người dân</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: xây dựng hệ thống cấp nước tập trung</p>
162	<p>Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn</p>	<p>a. Mục tiêu: phục vụ lợi ích thiết thực cho người dân nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội</p> <p>b. Kết quả dự kiến: cấp nước sinh hoạt cho 722 người dân</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: xây dựng hệ thống cấp nước tập trung</p>

	<p>Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 1,000,000,000 VNĐ</p> <p>Nhân dân đóng góp: 100,000,000 VNĐ</p>	
163	<p>Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt thôn Suối Tát, xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn</p> <p>Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF SGP: 700,000,000 VNĐ</p> <p>Nhân dân đóng góp: 70,000,000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu: phục vụ lợi ích thiết thực cho người dân nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội</p> <p>b. Kết quả dự kiến: cấp nước sinh hoạt cho 373 người dân</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: xây dựng hệ thống cấp nước tập trung</p>
164	<p>Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn</p> <p>Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF SGP: 800,000,000 VNĐ</p> <p>Nhân dân đóng góp: 80,000,000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu: phục vụ lợi ích thiết thực cho người dân nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội</p> <p>b. Kết quả dự kiến: cấp nước sinh hoạt cho 761 người dân</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: xây dựng hệ thống cấp nước tập trung</p>
165	<p>Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt thôn</p>	<p>a. Mục tiêu: phục vụ lợi ích thiết thực cho người dân nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội</p>

	<p>Khe Mạ, xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn</p> <p>Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 1,000,000,000 VNĐ</p> <p>Nhân dân đóng góp: 100,000,000 VNĐ</p>	<p>b. Kết quả dự kiến: cấp nước sinh hoạt cho 242 người dân</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: xây dựng hệ thống cấp nước tập trung</p>
166	<p>Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt thôn Nà Mò, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn</p> <p>Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn</p> <p>Kinh phí:</p> <p>Từ GEF: 600,000,000 VNĐ</p> <p>Nhân dân đóng góp: 60,000,000 VNĐ</p>	<p>a. Mục tiêu: phục vụ lợi ích thiếu thực cho người dân nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội</p> <p>b. Kết quả dự kiến: cấp nước sinh hoạt cho 360 người dân</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: xây dựng hệ thống cấp nước tập trung</p>
167	<p>Tên dự án: Chuyển dịch cơ cấu cây trồng làm đa dạng sinh học, chống xói mòn, rửa trôi, thích ứng với bối cảnh biến đổi khí hậu và góp phần phát triển kinh tế bền vững khu vực Nghĩa đàn, Nghệ An.</p> <p>Tên tổ chức: Công ty CP</p>	<p>d. Mục tiêu :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu ngắn hạn: Hoàn thiện 30 ha vườn cây đầu dòng, vườn ươm nhân giống cây cao su, cây lâm nghiệp bản địa của công ty hiện nay để công ty giải quyết vấn đề cung cấp đủ cây giống, phẩm chất tốt cho nông dân trong vùng và khu vực. Cung cấp đủ 100 000 cây cao su chất lượng hàng năm để nông dân phát triển cao su tiểu điền, cung cấp 60 000 cây lâm nghiệp bản địa. Góp phần cải thiện sinh kế của cộng đồng dân cư các xã vùng dự án nhằm giảm áp lực lên rừng và đa dạng sinh học thông qua phát triển cao su tiểu điền, cây lâm nghiệp bản địa, chi trả dịch vụ môi trường rừng và

	<p>Cao su Yên Tĩnh</p> <p>Tổng kinh phí: 3 050 000 000 đồng</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 1 100 000 000 đồng</p>	<p>phát triển du lịch sinh thái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu dài hạn: Góp phần đồng hành cùng nông dân phát triển cao su tiểu điền, nâng diện tích che phủ rừng bền vững để góp phần giảm thiểu khí thải nhà kính hiện nay và tình hình nóng lên toàn cầu. Phục hồi phát triển bền vững cho cộng đồng nông dân nghèo, tăng cường công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và cải thiện đời sống nông dân vùng dự án. <p>e. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả từ năm 2008 đến năm 2013, công ty đã xuất bán được 710 000 cây giống cao su, tương đương với diện tích trồng được 1 120 ha. - Với nhu cầu mở rộng, nâng cấp chất lượng vườn ươm từ năm 2014, dự kiến mỗi năm sản xuất, xuất bán được 100 000 cây giống cao su và 60 000 cây bản địa. - Đến tháng 6 năm 2014 hoàn thiện 30 ha vườn cây đầu dòng, vườn ươm cây giống cao su, cây lâm nghiệp bản địa của công ty tại xóm Quán Mít xã Nghĩa Tân, Nghĩa Đàn, Nghệ An). - Hỗ trợ nông dân giá giống cao su để nông dân trong vùng và phụ cận dự án phát triển mở rộng 50 ha cao su tiểu điền (200 ha năm 2014, 300 ha năm 2015). - Hỗ trợ giống cây lâm nghiệp bản địa có giá trị kinh tế để nông dân vùng dự án trồng mới 100 ha rừng dưới 2 hình thức trồng tập trung, trồng phân tán. - Tập huấn cho 5000 nông dân về kỹ thuật trồng, chăm sóc cao su, cây lâm nghiệp bản địa. Tư vấn miễn phí cho nông dân trong vấn đề quy hoạch diện tích vườn đồi theo hướng khai thác hợp lý, bền vững. <p>f. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm mới 500 m² nhà lưới làm vườn ươm, nhân giống cao su, cây lâm nghiệp bản địa, hệ thống giám sát chất lượng cây giống, mua sắm thêm trang thiết bị vườn ươm năm 2014. Mua 1 xe tải 5 tấn để chuyên chở cây giống cung cấp cho nông dân vùng dự án. - Tổ chức 50 lớp tập huấn (30 lớp năm 2014, 20 lớp năm 2015). - Tổ chức cung ứng giống cây cao su, cây lâm nghiệp bản địa cho người dân trong vùng dự án và phụ cận.
168	Tên dự án: Xây dựng mô	a. Mục tiêu :

<p>hình du lịch sinh thái cộng đồng tại khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên – Thanh Hóa.</p> <p>Tên tổ chức: Khoa Môi trường- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>Tổng kinh phí: 870 000 000 đồng</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 870 000 000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức cộng đồng vùng đệm KBTTN Xuân Liên về khai thác sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. - Cân bằng lợi ích giữa cộng đồng vùng đệm và KBTTN Xuân Liên về giá trị từ hoạt động du lịch sinh thái. - Xây dựng mô hình du lịch sinh thái cộng đồng thí điểm trên 2 xã giáp ranh KBTTN Xuân Liên. <p>b. Kết quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về hiện trạng kinh tế xã hội, sinh kế cộng đồng địa phương, điểm mạnh và hạn chế của việc triển khai mô hình du lịch sinh thái. - Nâng cao được nhận thức cho người dân 2 xã giáp ranh KBTTN về khai thác sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. - Xây dựng các điểm và tuyến du lịch sinh thái cộng đồng KBTTN Xuân Liên – Thanh Hóa. - 20 hướng dẫn viên địa phương được đào tạo. - Tăng ngân sách địa phương từ hoạt động du lịch <p>c. Hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: (4 tháng) khảo sát, thu thập thông tin thứ cấp về hiện trạng phát triển kinh tế xã hội, nhận thức của cộng đồng địa phương về công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên KBTTN Xuân Liên. Đồng thời đánh giá điểm mạnh và điểm yếu triển khai sinh kế bền vững của cộng đồng vùng đệm KBTTN Xuân Liên. - Giai đoạn 2: Gồm 4 tiểu hợp phần , dự kiến thực hiện trong 8 tháng: <ul style="list-style-type: none"> + Tiểu hợp phần 1: Tăng cường năng lực các cơ quan và tổ chức đoàn thể địa phương trong lĩnh vực BVMT và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên. + Tiểu hợp phần 2: Lập 3 tuyến du lịch sinh thái thí điểm. Bao gồm các bước thiết lập điểm và tuyến tuyến du lịch sinh thái tại 2 xã; triển khai các dịch vụ và hoạt động quy hoạch tạo nên các tuyến du lịch. + Tiểu hợp phần 3: Phối hợp với ban quản lý KBTTN Xuân Liên trong việc khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên của KBTTN. + Tiểu hợp phần 4: Quản lý và giám sát dự án.
--	--

169	<p>Tên dự án: Đầu tư thiết bị hệ thống máy xử lý rác thải bằng công nghệ ươm trên địa bàn huyện Văn Lãng tỉnh Lạng Sơn – Việt Nam.</p> <p>Tên tổ chức: Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Tin Hòa.</p> <p>Tổng kinh phí: 4 600 000 000 đồng</p> <p>Kinh phí GEF SGP: 2 500 000 0000 đồng.</p>	<p>a. Mục tiêu : (không có trong bản gốc)</p> <p>b. Kết quả dự kiến: (không có trong bản gốc)</p> <p>c. Hoạt động dự kiến: (không có trong bản gốc)</p>
170	<p>Tăng cường năng lực phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa</p> <p>Trung tâm Phát triển bền vững miền Trung – Tây Nguyên (SUSDECVIETNAM)</p> <p>Tổng kinh phí: 1.260.000.000</p> <p>GEF SGP: 1.050.000.000 (tương đương 50.000USD)</p>	<p>a. <u>Mục tiêu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu tổng quát: <p>Nâng cao hiệu quả công tác phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu cho cộng đồng cấp cơ sở theo phương châm 4 tại chỗ. Lấy xã ven biển Hải Châu làm điểm để nhân rộng ra các xã khác trên địa bàn tỉnh có điều kiện tương tự.</p> <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu cụ thể: <p>Tăng cường năng lực và giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương trước thiên tai và biến đổi khí hậu cho chính quyền và người dân địa phương xã Hải Châu.</p> <p>b. <u>Kết quả dự kiến</u></p> <p>Nâng cao nhận thức của chính quyền và người dân địa phương về quản lý rủi ro thiên tai đưa vào cộng đồng (CBDRM) và ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Lồng ghép việc lập kế hoạch giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng và ứng phó với biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã</p>

		<p>hội của địa phương; bước đầu cải thiện sinh kế.</p> <p>Nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm</p> <p>Tăng cường năng lực PCLB cho các đội phản ứng nhanh ở cấp xã và cấp thôn</p> <p>Nâng cao nhận thức về phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và biến đổi khí hậu cho học sinh và giáo viên THCS và Tiểu học trên địa bàn.</p> <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức Hội thảo khởi động và Hội thảo kết thúc Dự án với các ban ngành có liên quan ở cấp huyện và cấp xã 2. Xây dựng bộ tài liệu Thông tin - Giáo dục và Truyền thông (IEC) về giảm thiểu rủi ro thiên tai vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu (tờ rơi, pô-tơ, biển báo, sổ tay, ...) sát với thực tế địa phương. 3. Hỗ trợ xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình về giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu cũng như thông tin về các hoạt động của Dự án. 4. Tổ chức các hoạt động sân khấu về giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng. 5. Tập huấn cho các Tập huấn viên (TOT) các kiến thức và kỹ năng về giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và thích nghi với biến đổi khí hậu, đánh giá hiểm họa, khả năng dễ bị tổn thương và khả năng (HVCA) cho các đối tác có liên quan ở cấp huyện và cấp xã. Tiến hành đánh giá HVCA ở xã dự án 6. Lập Kế hoạch phòng ngừa thiên tai của cộng đồng ở cấp xã và thôn dựa trên kết quả của đánh giá HVCA 7. Tổ chức hội thảo lập kế hoạch liên ngành ở cấp huyện và xã để lồng ghép Giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và Thích nghi với biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. 8. Tập huấn cho hộ gia đình về lập kế hoạch phòng ngừa thiên tai của hộ gia đình. 9. Làm sạch môi trường tại các thôn dễ bị tổn thương.
--	--	--

		<p>10. Tập huấn về cách diễn giải bản tin dự báo thời tiết, thông tin cảnh báo sớm về các loại thiên tai khác nhau (lũ, bão, cháy rừng) cho Đội phản ứng nhanh và các cán bộ có liên quan cấp xã (Ban CHPCLB, Chữ Thập đỏ, Phát thanh, truyền hình)</p> <p>11. Củng cố hệ thống cảnh báo sớm ở cấp xã và thôn (nâng cấp hệ thống phát thanh và trang bị thêm loa cầm tay, thiết lập các điểm đo mực nước, lập biển báo các vị trí có thiên tai nguy hiểm, v.v).</p> <p>12. Tập huấn kỹ thuật sơ cấp cứu ban đầu cho các Đội xung kích.</p> <p>13. Cung cấp các bộ thiết bị cứu hộ (áo phao, áo mưa, đèn pin, ...) và bộ thiết bị sơ cấp cứu ban đầu cho đội phản ứng nhanh.</p> <p>14. Tổ chức đợt diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn ở cấp xã.</p> <p>15. Hoàn thiện bộ tài liệu đào tạo và tiến hành tập huấn/đào tạo TOT về Giảm thiểu rủi ro thiên tai và Thích ứng với biến đổi khí hậu cho đội ngũ giáo viên các trường.</p> <p>16. Hỗ trợ lồng ghép kiến thức về Giảm thiểu rủi ro thiên tai và Thích ứng với biến đổi khí hậu vào các hoạt động ngoại khóa cũng như tập huấn cho học sinh.</p> <p>17. Hội thảo đánh giá, rút kinh nghiệm để nhân rộng trọng nhà trường.</p> <p>18. Hội thảo Tổng kết Dự án</p>
171	<p>Vận động công chúng tham gia bảo tồn đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng</p> <p>Đinh Thị Hoa Mỹ. Địa chỉ: 818 Trường Chinh, Đà Nẵng. Đt: 0905 576 686. Email: hoamy4@yahoo.com</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP: 1</p>	<p><u>a.Mục tiêu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> * Mục tiêu chung của dự án: <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học của cộng đồng địa phương, đặc biệt là học sinh các trường trên địa bàn phường Mân Thái, Thọ Quang (Quận Sơn Trà) và các nhóm cộng đồng sống dựa vào khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) - Nâng cao nhận thức để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và xâm phạm đa dạng sinh học do khách tham quan, du lịch gây ra.

	tỷ đồng.	<ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu cụ thể - Đánh giá nhận thức của người dân, du khách về bảo tồn đa dạng sinh học. - Nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo tồn đa dạng sinh học Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà đối với khách tham quan khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà và cộng đồng. - Huy động sự tham gia của người dân vào việc xây dựng Quy chế hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng bền vững tại KBTTN <p><u><i>b. Kết quả dự kiến</i></u></p> <p>60% số hộ dân xung quanh KBTTN được nâng cao nhận thức về quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>Ít nhất 50% học sinh tham gia tích cực vào “Câu lạc bộ thiếu niên hành động vì môi trường”</p> <p>100% phụ huynh của các học sinh tham gia Câu lạc bộ ký cam kết không tham gia các hoạt động ảnh hưởng xấu đến đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên.</p> <p>Xây dựng và áp dụng quy chế khai thác, quản lý và bảo tồn thiên nhiên KBTTN theo hướng bền vững tại các phường thuộc dự án.</p> <p>100% số hộ dân trong vùng dự án được cung cấp và chia sẻ thông tin về Quy chế khai thác quản lý và bảo tồn thiên nhiên KBTTN theo hướng bền vững.</p> <p><u><i>c. Hoạt động</i></u></p> <p>1.Đánh giá nhận thức của người dân, du khách về bảo tồn đa dạng sinh học.</p> <p>1.1 Lập bảng câu hỏi và tiến hành điều tra nhận thức của người dân và du khách về bảo tồn đa dạng sinh học.</p> <p>1.2 Phỏng vấn các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu về tình hình quản lý, khai thác tài nguyên tại KBTTN</p> <p>2. Nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo tồn đa dạng sinh học KBTTT Sơn Trà đối với khách tham quan khu BTTN Sơn Trà và</p>
--	----------	--

		<p>cộng đồng.</p> <p>2.1 Hội thảo nhằm nâng cao nhận thức của người dân về quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo hướng bền vững cho các lao động chính của các hộ gia đình thuộc khu vực dự án.</p> <p>2.2 Thành lập “câu lạc bộ thiếu niên hành động vì môi trường”</p> <p>2.3 Tổ chức “hội thi tìm hiểu bảo tồn đa dạng sinh học”</p> <p>2.4 Tổ chức các hoạt động dã ngoại của “câu lạc bộ thiếu niên hành động vì môi trường”, vận động phụ huynh các em tham gia các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học và ký cam kết không tham gia các hoạt động ảnh hưởng xấu đến đa dạng sinh học tại KBTTN</p> <p>2.5 Vận động các em học sinh trong câu lạc bộ viết và ký vào bản kiến nghị “Hành động vì thiên nhiên” gửi chính quyền thành phố.</p> <p>2.6 Biên soạn và in ấn tờ rơi tuyên truyền về các hành động và lợi ích của bảo tồn đa dạng sinh học cho người dân và du khách.</p> <p>3. Huy động sự tham gia của người dân vào việc xây dựng quy chế quản lý, khai thác, sử dụng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng bền vững tại KBTTN.</p> <p>3.1 Tổ chức hội thảo tham vấn lãnh đạo Ban Quản lý bán đảo Sơn Trà và các bãi biển du lịch Đà Nẵng, UBND quận Sơn Trà, UBND phường Mân Thái, Thọ Quang, các trường học tại hai phường và đại diện sở NN-PTNT, sở Tài nguyên- Môi trường và Sở Khoa học- Công nghệ thành phố Đà Nẵng cùng với người dân xây dựng Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng bền vững tại KBTTN</p> <p>3.2 Phân tích dữ liệu của hoạt động 1.1, 1.2 và 3.3 để xây dựng bản thảo Quy chế.</p> <p>3.3 Cung cấp bản thảo Quy chế cho các bên liên quan và nhận thông tin góp ý bổ sung và chỉnh sửa.</p> <p>3.4 Tổ chức một buổi hội thảo với các bên liên quan để lấy ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện quy chế.</p> <p>3.5 Thúc đẩy và vận động hành lang chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước thông qua và ban hành Quy chế</p>
--	--	---

		<p>3.6 Thiết kế và in tờ rơi về quy chế và phát cho các hộ dân để ký cam kết.</p> <p>3.7 Phối hợp lồng ghép vào các cuộc họp của tổ dân phố để giới thiệu nội dung của Quy chế đến cộng đồng trong khu vực dự án.</p> <p>3.8 Giám sát và đánh giá việc áp dụng và thực thi Quy chế để có những điều chỉnh phù hợp.</p>
172	<p>Mô hình quản lý và kiểm soát chất thải rắn vùng nông thôn</p> <p>Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.</p> <p>Địa chỉ: 45, đường 3/2 Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.</p> <p>ĐT: 0710 625 0798</p> <p>Email: teungtamungdung@cantho.gov.vn</p> <p>Kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện khoảng 974,000,000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP : 974,000,000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>Tăng cường ý thức của người dân về kiểm soát và quản lý chất thải rắn sinh hoạt và độc hại ngay tại hộ gia đình.</p> <p>Xây dựng các điểm thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật đúng quy chuẩn ngay trên đồng ruộng và đề xuất hướng xử lý phù hợp.</p> <p>Đề xuất phương pháp quản lý, phân loại và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chăn nuôi hợp vệ sinh và dễ thực hiện cho người nông dân.</p> <p><i>b. Kết quả dự án</i></p> <p>Tăng cường ý thức của người dân về sức khỏe và an toàn liên quan đến chất thải rắn, đặc biệt là chất thải từ bao bì thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>Ý thức người dân được nâng cao là nền tảng để thực hiện tốt công tác quản lý, phân loại và xử lý chất thải rắn tại vùng nông thôn trong giai đoạn tiếp theo.</p> <p>Thu gom 80% lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật (hiện tại là 0%- báo cáo của UND huyện Vĩnh Thạnh) thông qua các bãi thu gom hợp quy chuẩn cần được xây dựng ngay trên đồng ruộng.</p> <p>Hạn chế sự ô nhiễm nguồn nước bởi sự xử lý chất thải rắn không đúng quy định như hiện nay</p> <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <p>Tổ chức 9 lớp tập huấn để tăng cường ý thức của người dân về mối nguy cơ từ chất thải rắn sinh hoạt, chăn nuôi, bao bì thuốc bảo vệ thực vật và vệ sinh đồng ruộng một cách bền vững và hiệu quả tại huyện Vĩnh Thạnh.</p> <p>Tuyên truyền cho người nông dân về cách quản lý và xử lý chất thải</p>

		<p>rắn hiệu quả và an toàn ở địa phương thông qua áp phích, tờ rơi.</p> <p>Xây dựng 3 bãi thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật đạt quy chuẩn tại 3 ấp. Đây là mô hình để tham khảo và nhân rộng sau này cho các địa phương khác.</p> <p>Xây dựng một mô hình xử lý chất thải chăn nuôi tại nông hộ.</p> <p>Biên soạn một cẩm nang về quy trình thu gom, phân loại, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chăn nuôi và bao bì thuốc bảo vệ thực vật.</p>
173	<p>Điều tra, đánh giá và lập hồ sơ đề xuất xây dựng khu bảo tồn cho những khu rừng có giá trị bảo tồn cao thuộc diện tích rừng do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kan quản lý.</p> <p>Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật.</p> <p>Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.</p> <p>ĐT: 04-38360169.</p> <p>Email: iebr@iebr.ac.vn</p> <p>Cán bộ giao dịch: PGS. TS Nguyễn Văn Sinh</p> <p>ĐT: 098 954 8886</p> <p>Email: vansinh.nguyen@iebr.ac.vn</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP :</p>	<p><i>a. Mục tiêu:</i></p> <p>Điều tra đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao trên địa bàn 5 đơn vị của công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kan gồm: Lâm trường Bạch Thông, Lâm trường Chợ Mới, Lâm trường Ngân Sơn, Lâm trường Ba Bể, trạm nông nghiệp Na Rỳ.</p> <p><i>b. Kết quả dự kiến:</i></p> <p>Báo cáo chuyên đề “kết quả điều tra đa dạng sinh học 5 lâm trường”. Phản ánh được hiện trạng đa dạng động vật (thú, chim, bò sát, lưỡng cư), đa dạng thực vật (bậc cao có mạch) và hệ sinh thái tại 5 lâm trường.</p> <p>Báo cáo chuyên đề “kết quả điều tra khu rừng có giá trị bảo tồn cao”. Phản ánh được hiện trạng đa dạng động vật (Thú, chim, bò sát, lưỡng cư), đa dạng thực vật (bậc cao có mạch), ranh giới khu rừng có giá trị bảo tồn cao</p> <p>Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học. Phần mềm chạy không có lỗi, cho phép tra cứu dữ liệu dễ dàng, có bộ cài đặt, được lập trình trên môi trường có bản quyền.</p> <p>Cơ sở dữ liệu cho phần mềm quản lý đa dạng sinh học của 5 đơn vị được nghiên cứu. Chưa đầy đủ thông tin đa dạng sinh vật của các đơn vị được nghiên cứu và có thể dùng phần mềm là kết quả của dự án để tra cứu.</p> <p>Báo cáo tổng kết dự án (Việt, Anh). Đáp ứng nội dung đã đề ra trong đề cương.</p>

	1.000.000 đồng	<p>Đĩa CD lưu trữ kết quả của dự án 02 bản.</p> <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến:</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo kế hoạch thực hiện - Khảo sát tổng quan 5 đơn vị Công ty Lâm nghiệp Bắc Kan - Điều tra đa dạng sinh học tại 5 đơn vị - Thu thập dữ liệu ranh giới các khu rừng có giá trị bảo tồn cao. - Xây dựng cơ sở dữ liệu số đa dạng sinh học 5 đơn vị được điều tra. - Viết báo cáo dự án - Dịch báo cáo sang tiếng Anh - Hội thảo góp ý báo cáo - Báo cáo nghiệm thu trước hội đồng.
174	<p>Một số giải pháp phục hồi, bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn tại Nghệ An và Hà Tĩnh thông qua các hoạt động sinh kế của cộng đồng.</p> <p>Công ty cổ phần và phát triển Thành Vinh</p> <p>Địa chỉ: 39, Phan Tấn Thông, khối 8, phường Hà Huy Tập, TP Vinh, Nghệ An.</p> <p>ĐT: 0383 844 468</p> <p>Email: thanhvinhjsc68@gmail.com</p>	<p><i>a. <u>Mục tiêu.</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu chung <ul style="list-style-type: none"> - Dự án sẽ tập trung nghiên cứu tại 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ với các mục tiêu chính. - Đánh giá hiện trạng, tình hình khai thác, sử dụng rừng ngập mặn và đề xuất một số giải pháp nhằm phục hồi và tái tạo RNM, góp phần cải thiện môi trường sống, nơi trú ngụ cho các loài sinh vật, và giảm ảnh hưởng của sóng, gió vào các công trình đê điều ven biển và cư dân sinh sống vùng ven bờ. Xây dựng các mô. - Nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc sử dụng hợp lý RNM và các nguồn lợi tự nhiên. Từ đó, tăng cường sự đoàn kết trong cộng đồng trong việc bảo vệ thiên nhiên và bảo vệ tổ quốc. • Mục tiêu cụ thể <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hiện trạng RNM từ đó có các đề xuất về

	Kinh phí xin GEF SGP : 1.000.000.000	<p>hình khai thác RNM có hiệu quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và thử nghiệm các mô hình nuôi thủy sản phù hợp tạo sinh kế bền vững cho cư dân sống ven RNM. Ví dụ như các mô hình nuôi Nhuyễn thể, Giáp xác. - Cùng với chính quyền địa phương và các hội như Hội nông dân, Hội Phụ Nữ, Đoàn Thanh Niên xây dựng các quy ước về khai thác và bảo vệ RNM từ đó tuyên truyền về tầm quan trọng của RNM. <p><i>b. <u>Kết quả dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng RNM, bao gồm cả tình hình khai thác, sử dụng RNM; phân tích các vấn đề liên quan đến việc khai thác, sử dụng và đề xuất các giải pháp nhằm tái tạo, bảo vệ RNM tại Nghệ An và Hà Tĩnh. - Xây dựng được 2-4 mô hình nuôi trồng thủy sản. Người trực tiếp tham gia là các hộ dân dưới sự quản lý của các hội - Bộ quy ước do cộng đồng xây dựng trong việc sử dụng và bảo vệ RNM phù hợp với từng cộng đồng địa phương tại Nghệ An và Hà Tĩnh - Tổ chức các cuộc hội thảo cộng đồng có sự tham gia của người dân, các hội. Có khoảng 150- 200 lượt người được tham gia vào các cuộc hội họp, hội thảo tại cộng đồng về việc khai thác bảo vệ RNM, hệ sinh thái cửa sông. <p>Thành công của dự án sẽ góp phần bổ sung vào quy hoạch của các địa phương trong việc khôi phục, tái tạo RNM và hình thành cho cư dân trong vùng những mô hình sinh kế bền vững thông qua việc sử dụng hợp lý RNM, hệ sinh thái cửa sông. Bên cạnh đó, ý thức của cộng đồng về việc khai thác, sử dụng RNM, nguồn lợi tự nhiên được cải thiện, sinh kế của cộng đồng được khai thác một cách bền vững.</p>
175	Xây dựng mô hình nâng cao năng lực bảo vệ rừng và môi trường dựa vào cộng đồng tại xã Tiên	<p><i>a. <u>Mục tiêu</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu chung: tăng cường sự tham gia của các tổ chức cộng đồng thôn, xã trong hoạt động bảo vệ môi trường, bảo

<p>Lãng, huyện Tiên Yên tỉnh Quang Ninh.</p> <p>Viện nghiên cứu lâm sinh thuộc viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.</p> <p>ĐT 04 37525675</p> <p>Email: info@sri.org.vn</p> <p>Đại diện: PGS. TS Trần Văn Con. DDT 098 269 1386. Email con.tran@sri.org.vn</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP : 1.000.000.000 VNĐ.</p>	<p>vệ rừng và quản lý rừng bền vững.</p> <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu cụ thể: <p>Nâng cao độ che phủ của rừng, phục hồi đa dạng sinh học và các nguồn tài nguyên rừng, góp phần tạo sinh kế xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường.</p> <p>Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng cấp thôn bản trong hoạt động phục hồi và quản lý rừng bền vững.</p> <p><i>b. <u>Kết quả và đầu ra:</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> Kết quả 1: Nâng cao độ che phủ và phục hồi đa dạng sinh học tài nguyên rừng, cải thiện sinh kế nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường <p>+ Hoạt động 1.1: thiết lập 2 ha mô hình trồng cây Ba kích dưới tán rừng cho 15-20 hộ</p> <p>+ Hoạt động 1.2: Thiết lập 10 mô hình hộ nuôi và phát triển giống gà thịt Tiên Yên</p> <p>+ Hoạt động 1.3: xây dựng được 3 mô hình cộng đồng quản lý và bảo vệ rừng bền vững bao gồm: 2 mô hình cộng đồng quản lý rừng tự nhiên trên đất liền và một mô hình cộng đồng quản lý rừng ngập mặn ven biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> Kết quả 2: Nâng cao năng lực cộng đồng trong quản lý rừng <p>+ Hoạt động 2.1: tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng và môi trường thông qua các cuộc thi về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng ở các cộng đồng.</p> <p>+ Hoạt động 2.2 tổ chức các lớp tập huấn về phòng chống cháy rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và làm giàu rừng, kỹ thuật gây trồng và khai thác cây lâm sản ngoài gỗ, kỹ thuật chăn nuôi gia cầm tạo sinh kế cho người dân để giảm áp lực vào rừng.</p> <p>+ Hoạt động 2.3 hỗ trợ hoàn thiện các tổ chức cộng đồng về mặt pháp lý</p> <p>+ Hoạt động 2.4 xây dựng 1 video clip về hoạt động của dự án như là hình thức tài liệu hóa</p>
--	--

		+ Hoạt động 2.5 phổ biến các thành quả và kinh nghiệm của mô hình tới các địa phương khác.
176	<p>Nâng cao nhận thức về bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn nước cho phụ nữ và trẻ em thông qua việc hỗ trợ xây dựng mô hình bể lọc than hoạt tính và các hoạt động truyền thông cộng đồng tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.</p> <p>Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông Thanh Hóa. Địa chỉ: Làng Tráng, xã Lâm Xa huyện Bá Thước, Thanh Hóa. ĐT: 0373 880 671</p> <p>Email: kbttnpl.snnptnt@thanhhoa.gov.vn.</p> <p>Kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện khoảng 1,250,000,000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP : 950,000,000 VNĐ.</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>Cải thiện sức khỏe và điều kiện sống của người dân địa phương trong khu BTTN Pù Luông, tỉnh Thanh Hóa thông qua việc khuyến khích các hộ gia đình sử dụng bể lọc bằng than hoạt tính và nâng cao nhận thức cho phụ nữ và trẻ em về bảo vệ và sử dụng nguồn nước một cách hợp lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu cụ thể của dự án: <p>- 144 hộ gia đình nghèo trong 9 xã được hỗ trợ xây dựng bể lọc nước bằng than hoạt tính.</p> <p>- 45 thợ xây địa phương được đào tạo và chuyển giao công nghệ xây dựng bể lọc nước than hoạt tính.</p> <p>- 03 lớp tập huấn được tổ chức cho 150 phụ nữ về: hướng dẫn đánh giá nhanh chất lượng nước và cách sử dụng nước sạch hiệu quả, cách giữ gìn vệ sinh môi trường các nguồn nước, cách nhận dạng và phòng chống một số loại bệnh thông thường do sử dụng các nguồn nước kém vệ sinh, cách trữ nước vào mùa mưa và tiết kiệm nước vào mùa khô.</p> <p>- Ít nhất 04 đợt tuyên truyền (trong đó 02 đợt tổ chức tại trường học) về dự án và hiệu quả của việc sử dụng bể lọc nước than hoạt tính được tổ chức cho hơn 1000 người dân, trẻ em và các đối tác có liên quan.</p> <p>- Ít nhất 02 loại sản phẩm tuyên truyền được thiết kế và phân phát cho người dân tại xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối tượng hưởng lợi <ul style="list-style-type: none"> Đối tượng hưởng lợi trực tiếp <p>+ 144 hộ dân nghèo, những người ít có cơ hội tiếp cận với những giải pháp công nghệ hiện đại tại khu bảo tồn sẽ được hỗ trợ xây dựng bể lọc than hoạt tính.</p> <p>+ 45 người dân địa phương được tập huấn và chuyển giao kỹ thuật xây bể lọc nước than hoạt tính.</p>

		<p>+ Khoảng hơn 1000 trẻ em (tại các trường mầm non) và khoảng gần 5000 phụ nữ và người già sẽ được hưởng lợi từ việc hỗ trợ từ việc xây bể lọc nước than hoạt tính cho 09 trạm y tế xã và 09 trường mầm non.</p> <p>+ Hơn 150 phụ nữ sẽ được tham gia lớp tập huấn và chia sẻ kinh nghiệm về bảo vệ nguồn nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng hưởng lợi gián tiếp <p>Gần 18.309 người dân tại khu BTTN Pù Luông có các xã đặc biệt khó khăn, có trình độ dân trí thấp, tỷ lệ nghèo đói cao sẽ được hưởng lợi từ việc hỗ trợ mô hình bể lọc than hoạt tính và nâng cao nhận thức về bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn nước, từ đó nâng cao điều kiện sống và sức khỏe của người dân địa phương.</p> <p>UBND các xã thuộc khu bảo tồn: được lợi từ việc nâng cao điều kiện vệ sinh môi trường và đời sống của người dân, từ đó góp phần thay đổi diện mạo của xã và của cả khu bảo tồn</p> <p>Người dân của các xã lân cận Khu bảo tồn có thể biết tới hiệu quả của mô hình, từ đó góp phần nhân rộng mô hình trong khu vực.</p> <p><i>b. <u>Hoạt động dự kiến của dự án</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 1: tổ chức lớp tập huấn đào tạo thợ xây bể lọc nước than hoạt tính cho các xã. Tổ chức một lớp tập huấn về “kỹ năng tuyên truyền sử dụng bể lọc nước than hoạt tính và cách sử dụng nước sạch hợp lý” cho ít nhất 48 trưởng thôn bản. - Hoạt động 2: Tổ chức 03 lớp tập huấn cho phụ nữ của 9 xã về “hướng dẫn lập bản đồ thôn bản và đánh giá nhanh chất lượng các nguồn nước: sẽ được tập huấn cho ít nhất 50 chị em phụ nữ các xã. Dự kiến sau lớp tập huấn 01 bản đồ thôn bản về các nguồn nước sẽ được hoàn thiện, những người tham gia biết được cách nhận biết, đánh giá nhanh các nguồn nước trong thôn bản... để từ đó nâng cao ý thức và xây dựng cách phòng tránh bệnh tật. <p>+ 01 khóa tập huấn về “cách giữ gìn vệ sinh môi trường và cách nhận dạng, phòng chống một số loại bệnh thông thường do sử dụng các nguồn nước kém vệ sinh”. Dự kiến sẽ có khoảng 50 chị em phụ nữ</p>
--	--	---

		<p>được tham gia khóa tập huấn này.</p> <p>+ 01 khóa tập huấn về “hướng dẫn cách trữ nước vào mùa mưa và sử dụng nước tiết kiệm vào mùa khô” được tổ chức cho 50 chị em trong xã. Khóa tập huấn sẽ hướng dẫn và cung cấp cho chị em những kỹ năng cơ bản về cách sử dụng hợp lý nước. Sau khóa tập huấn chị em có thể áp dụng tại gia đình và hướng dẫn cho các hộ trong thôn bản của mình.</p> <p>- Hoạt động 3: tiến hành xây dựng bể lọc nước than hoạt tính</p> <p>+ Xây dựng bể lọc nước than hoạt tính cho trạm y tế xã, trường mầm non và phân phát cho các hộ gia đình đã được lựa chọn hỗ trợ xây dựng bể lọc nước than hoạt tính.</p> <p>+ Nghiệm thu và bàn giao cho các bên sử dụng</p> <p>- Hoạt động 4: tuyên truyền dự án và ý nghĩa mô hình</p> <p>+ Đánh giá hiệu quả sử dụng của các hộ gia đình</p> <p>Sau 2-3 tháng bàn giao và đi vào sử dụng, dự án sẽ tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng các bể lọc nước than hoạt tính của trạm y tế, trường mầm non và các hộ gia đình tham gia mô hình. Kết quả đánh giá sẽ được sử dụng cho việc truyền thông trong cộng đồng và chia sẻ với các bên quan tâm.</p> <p>+ Tuyên truyền nhân rộng trong khu vực</p> <p>Dự án tiến hành hoạt động tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh bằng tiếng kinh và tiếng dân tộc (02 lần/tháng) về mô hình bể lọc nước than hoạt tính và bảo vệ nguồn nước, cách sử dụng nước sạch, vệ sinh... trong thôn bản, dọn dẹp vệ sinh. Bên cạnh đó, dự án sẽ cùng UBND các xã phát động trong trào vệ sinh thôn bản, dọn dẹp vệ sinh xung quanh các khe nước cung cấp cho thôn bản... theo định kỳ các than cho chị em phụ nữ và các em học sinh tham gia. Ngoài ra, dự án sẽ kết hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức đối với việc bảo vệ rừng và giữ gìn vệ sinh môi trường thôn bản để dự án \đạt được kết quả cao hơn.</p>
--	--	---

177	<p>Điều tra đánh giá thực trạng suy thoái rừng Luồng ở các huyện thường Xuân, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Sơn, Quan Hóa tỉnh Thanh Hóa từ đó đề xuất các biện pháp kỹ thuật phục tráng và thâm canh Luồng bền vững”</p> <p>Đoàn quy hoạch nông lâm nghiệp Thanh Hóa.</p> <p>Đại diện: Nguyễn Viết Thái. ĐT 0912 071 939</p> <p>Kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện khoảng 5,96 tỷ đồng</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP : 3,96 tỷ đồng</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>Chống thoái hóa và nâng cao chất lượng rừng Luồng, bảo vệ diện tích rừng luồng hiện có thể đảm bảo được nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, bền vững cho công nghiệp chế biến, xây dựng và dân dụng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, ổn định cuộc sống cho hộ dân, chống xói mòn đất, phòng chống thiên tai như lũ ống, lũ quét và sạt lở đất.</p> <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <p>Đánh giá được tình hình sinh trưởng, phát triển, mức độ suy thoái của rừng Luồng ở các huyện và dự kiến diện tích cần đưa vào phục tráng khoảng 13.000 ha (Thường Xuân 700 ha, Lang Chánh 3,400 ha; Bá Thước 1400 ha, Quan Sơn 1000 ha, Quan Hóa 6500 ha.</p> <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <p>Xây dựng kế hoạch phục tráng rừng luồng cho các địa phương</p> <p>Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phục tráng rừng luồng tại địa phương</p> <p>Hỗ trợ kinh phí tập huấn và phân bón để thực hiện các mô hình điểm phục tráng rừng luồng ở các địa phương (mỗi địa phương 3 mô hình và mỗi mô hình có diện tích là 1ha.</p>
178	<p>Tuyên truyền người dân sử dụng phân hữu cơ sinh học từ rác thải và phụ phẩm nông nghiệp</p> <p>Công ty đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Kaizen</p> <p>Địa chỉ: 45 Quang Trung, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.</p> <p>Email: daotaokaizen@gmail.com</p>	<p><i>a. Mục tiêu:</i></p> <p>Nghiên cứu và hoàn thiện quy trình sản xuất phân hữu cơ sinh học (HCSH) từ phụ phẩm nông nghiệp như: rơm rạ, thân cây đậu lạc, vừng, cà chua, bắp cải, thức ăn thừa... rác thải sinh hoạt hữu cơ tạo thành phân hữu cơ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Điện Quang, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam nói riêng và sau đó nhân rộng ra các vùng khác trên địa bàn huyện và tỉnh Quảng Nam nói chung</p> <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <p>- Về kinh tế:</p> <p>Tạo ra nguồn phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp có giá thành rẻ hơn các loại phân khác.</p>

	<p>ĐT: 05116 25 30 16</p> <p>Kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện khoảng 60,000,000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP: 40,000,000 VNĐ.</p>	<p>Người nông dân có nguồn thu nhập thông qua việc phân loại rác tại gia đình.</p> <p>- Về xã hội:</p> <p>Giảm diện tích đất phải chôn lấp rác thải, bảo vệ môi trường sinh thái nhằm trả lại độ phì nhiêu cho đất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường</p> <p>Giúp người dân địa phương có ý thức hơn trong việc sử dụng phân hữu cơ. Nhân rộng mô hình cho các vùng địa bàn lân cận.</p> <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <p>Làm việc cùng chính quyền địa phương và HTX NN Điện Quang về mục tiêu dự án (sơ bộ đã có sự thống nhất chung về dự án nay)</p> <p>Tổ chức tuyên truyền vận động người dân tham gia</p> <p>Ký kết hợp đồng phân loại rác thải và tiêu thụ sản phẩm phân hữu cơ.</p> <p>Tập huấn hướng dẫn phân loại và chế biến phân hữu cơ.</p>
179	<p>Thí điểm thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích góp phần sử dụng bền vững tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học và cải thiện sinh kế cho cộng đồng tại VQG Bến En- Như Thanh- Thanh Hóa.</p> <p>Vườn Quốc gia Bến En</p> <p>Địa chỉ: Xã Hải Vân, huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>ĐT: 0373 983 719</p> <p>Email: vqgbe.snnptnt@thanhhoa</p>	<p><i>a. <u>Mục tiêu:</u></i></p> <p>Đảm bảo mọi người dân trong vùng lõi của VQG Bến En đều được hưởng thụ một cách công bằng các lợi ích từ lâm sản ngoài gỗ không thuộc các loài quý, hiếm cần được bảo vệ nghiêm ngặt, nguồn lợi từ các dịch vụ môi trường rừng, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trên hồ sông Mực để phát triển kinh tế gắn liền với trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng, góp phần sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên rừng và nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học của VQG Bến En.</p> <p><i>b. <u>Kết quả dự kiến</u></i></p> <p>Giảm thiểu các hành vi vi phạm lâm luật trong cộng đồng dân cư.</p> <p>Bảo tồn được các hệ sinh thái, các loài sinh vật hiện có của VQG và xúc tiến tốt quá trình tái sinh, phục hồi rừng tại tất cả cá phân khu chức năng của VQG</p> <p>Xây dựng được 09 tổ giám sát thực hiện thỏa thuận, quản lý bảo vệ rừng cấp thôn và 09 mô hình sản xuất ít phụ thuộc vào đất đai và tài</p>

	<p>.gov.vn</p> <p>Kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện khoảng 1,320,000,000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP: 1050,000,000 VNĐ.</p>	<p>nguyên rừng để giúp người dân thoát nghèo (mô hình nuôi lợn rừng lai bán hoang dã kết hợp với trồng cây lâm nghiệp đa tác dụng và nuôi cá lồng trên hồ sông Mực)</p> <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <p>Khảo sát các nguồn tài nguyên hiện có trong VQG Bến En để xác định loại tài nguyên và dịch vụ có thể chia sẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 09 cuộc họp thôn tại 09 vùng lõi của VQG để xây dựng thỏa thuận sử dụng tài nguyên rừng. Nội dung của thỏa thuận phải thể hiện được phương án chia sẻ lợi ích, quyền và trách nhiệm của các bên liên quan, giải quyết tranh chấp và các vấn đề khác có liên quan. - Tổ chức hội nghị ký kết và ban hành thỏa thuận - Thành lập 09 tổ giám sát, tổ bảo vệ cấp thôn và duy trì hoạt động của các tổ này để nâng cao hiệu quả thực hiện thỏa thuận cũng như hiệu quả trong công tác bảo vệ và phát triển rừng. - Tổ chức tập huấn kỹ thuật nhận biết các loài cá, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, nhận biết các loài lâm sản ngoài gỗ để đảm bảo đánh bắt cá và thu hoạch lâm sản có giá trị kinh tế cao phù hợp với quy định của Pháp luật - Tổ chức các đợt tuyên truyền để nâng cao nhận thức pháp luật cho nhân dân, hạn chế và đi đến loại bỏ các hành vi vi phạm Lâm luật. - Phối hợp với chính quyền địa phương và người dân để bảo vệ tốt hệ sinh thái ngập và bán ngập, bảo vệ sinh cảnh cho các loài chim nước, bảo vệ rừng phục vụ hoạt động du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng - Xây dựng các mô hình chăn nuôi động vật hoang dã thông thường kết hợp với trồng cây Lâm nghiệp đa tác dụng, nuôi cá lồng trên hồ sông Mực và đào tạo nghề cho những người có nhu cầu trong cộng đồng.
--	--	--

180	<p>Xây dựng mô hình tổ chức du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng góp phần cải thiện thu nhập, nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và hạn chế tác hại của quá trình biến đổi khí hậu toàn cầu tại VQG Bến En- Như Thanh- Thanh Hóa.</p> <p>Vườn Quốc gia Bến En</p> <p>Địa chỉ: Xã Hải Vân, huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>ĐT: 0373 983 719</p> <p>Email: vqgbe.snnptnt@thanhhoa.gov.vn</p> <p>Kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện khoảng 1,250,000,000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP : 1050,000,000 VNĐ.</p>	<p><i>a. Mục tiêu:</i></p> <p>Phục hồi thành công bản sắc văn hóa, và một số ngành nghề truyền thống tiêu biểu của người dân địa phương, cải thiện vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, trang bị kỹ năng cần thiết cho những người tham gia để xây dựng thành công mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, cải thiện thu nhập, nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học và hạn chế tác hại của quá trình biến đổi khí hậu toàn cầu.</p> <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục và duy trì được các giá trị văn hóa tiêu biểu ở địa phương - Có ít nhất 10 hộ đủ điều kiện tổ chức ăn nghỉ cho 10 du khách/ hộ và 15 người dân đủ điều kiện trở thành hướng dẫn viên du lịch sinh thái. - Có ít nhất 10 hộ tham gia tổ dệt thổ cẩm, 10 hộ tham gia tổ đan lát và 10 hộ tham gia tót nuôi cá lồng trên hồ Sông Mực - Đảm bảo mức tăng trưởng kinh tế trung bình của hộ tham gia mô hình là 20%/ năm do việc tổ chức các dịch vụ ăn nghỉ, hướng dẫn du lịch, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thủ công truyền thống. - Duy trì hoạt động thường xuyên của tour du lịch: trung tâm du lịch sinh thái, thôn Xuân Thủy, Thôn Thanh Bình <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành điều tra xã hội học về các lễ hội, sinh hoạt văn hóa, ngành nghề truyền thống tại 02 thôn Xuân Thủy và Thanh Bình xã Tân Bình, huyện Như xuân, tỉnh Thanh Hóa. - Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhân dân về việc lựa chọn các lễ hội, sinh hoạt văn hóa, ngành nghề truyền thống cần được ưu tiên khôi phục, phát triển và lựa chọn 10 hộ ưu tiên tham gia tổ chức ăn nghỉ cho du khách để hỗ trợ cho việc phục hồi, nâng cấp nhà vệ sinh và bếp ăn. - Xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động phục hồi, phát triển
-----	--	--

		<p>các hoạt động văn hóa và ngành nghề truyền thống có sự tham gia của cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 03 khóa đào tạo, mỗi khóa 10 ngày về kỹ thuật dệt thổ cẩm, thêu ren, đan lát và nuôi cá lồng cho 30 lượt người dân địa phương - Thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên của các tổ: dệt thổ cẩm và thêu ren, đan lát, nuôi cá lồng, hướng dẫn du lịch, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm thủ công truyền thống. - Tổ chức 01 chuyến tham quan 05 ngày tại Bán Lác- Mai Châu- Hòa Bình về kỹ thuật dệt thổ cẩm và tại Huyện Chương Mỹ, Hà Nội về kỹ thuật đan lát, sản xuất hàng mây tre đan cho 15 người dân địa phương và 05 cán bộ VQG. - Tập huấn 03 khóa nghiệp vụ tổ chức, điều hành tour, hướng dẫn du lịch sinh thái, vệ sinh an toàn thực phẩm, mỗi khóa 05 ngày cho 15 người dân và 05 cán bộ VQG - Tổ chức thi bài viết hướng dẫn du lịch, có sự gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa bản địa và kiến thức bảo tồn đa dạng sinh học để đưa vào thuyết trình trong các tour du lịch nhằm tuyên truyền cho du khách về trách nhiệm đối với môi trường, hạn chế các vấn đề tiêu cực do khách tham quan gây ra cho môi trường và hệ sinh thái rừng. - Giới thiệu tour du lịch trên website của VQG Bến En.
181	<p>Dự án chống lũ ống, lũ quét trên suối Gia Ty. Xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận</p> <p>Chi cục Thủy lợi Ninh Thuận</p> <p>Địa chỉ: 01 Nguyễn Khuyến, TP Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận</p>	<p><i>a. Mục tiêu:</i></p> <p>Xây dựng đập dâng, tạo ao chứa trên suối Gia Ty nhằm giảm thiểu thiệt hại do lũ ống, lũ quét gây ra đồng thời cải thiện tầng chứa nước dưới đất để lưu trữ nước và sử dụng nước trong tương lai, tăng độ ẩm đất và năng suất nông nghiệp cải thiện phần lớn diện tích đất đang trong tình trạng hoang mạc hóa</p> <p>Tạo nguồn nước cho gia súc chăn nuôi và động vật hoang dã trong khu vực</p> <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <p>Sau khi dự án hoàn thành sẽ hình thành</p>

	<p>ĐT: 068 382 4184.</p> <p>Kinh phí: Tổng kinh phí: 1,250,000,000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP : 1000,000,000 VNĐ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 01 đập ngăn suối có kết cấu bằng đá hộc xây, kết hợp BTCT + chiều dài đập: $L_d = 23\text{m}$, chiều rộng mặt đập $B = 1\text{m}$ + Cao trình đỉnh đập: $+49,5\text{ m}$, cao trình tường 2 bên $+50,5\text{m}$ <ul style="list-style-type: none"> - 01 ao chứa nước hình thành khi xây dựng đập có: + dung tích W ao = 10000 m^3 + diện tích mặt ao $F_{ao} = 4650\text{ m}^2$ <p><i>c. Hoạt động dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tối đa nguồn tài nguyên nước mặt để phục vụ sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và các ngành kinh tế khác. Với đặc thù là một tỉnh có điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi các loại gia súc có sừng. Việc chủ động được lượng nước phục vụ cho sinh hoạt và chăn nuôi qua hệ thống công trình đập dâng – ao chứa sẽ góp phần giải quyết những thiệt hại do tình hình khô hạn nghiêm trọng đã xảy ra trong những năm qua. - Do có nước tưới, diện tích trồng rừng, trồng cây lâu năm được mở rộng, phát triển kinh tế trang trại, lâm nghiệp sẽ giải quyết được việc làm tại chỗ cho lực lượng lao động ở nông thôn. Không bị thiệt hại về chăn nuôi do hạn hán gây ra làm cho đời sống người dân được đảm bảo và nâng cao. - Chính các điều kiện trên làm cho tình hình trật tự an ninh xã hội được đảm bảo, tránh các tệ nạn xã hội, mọi người cùng nhau xây dựng cuộc sống mới ngày càng tốt đẹp hơn
--	--	---

182	<p>Đánh giá tác động của nguồn thải từ các khu dân cư tập trung đến nguồn nước trên sông rạch địa bàn tỉnh Cà Mau, đề xuất các giải pháp hiệu quả trong quản lý và bảo vệ môi trường.</p> <p>Viện kỹ thuật biển</p> <p>Địa chỉ 658 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5 TP Hồ Chí Minh.</p> <p>ĐT: 08 3836 2821.</p> <p>Email: vienktbien@vnn.vn</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP : 780 triệu đồng</p> <p>Kinh phí đóng góp từ nguồn khác: 0 đồng.</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>Điều tra thực trạng và diễn biến hoạt động xả thải tại các khu dân cư ven sông trên địa bàn tỉnh Cà Mau; tổ chức các buổi hội thảo, lớp tập huấn tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường và các kiến thức cần thiết trong công tác quản lý nguồn thải tại cộng đồng, xây dựng mô hình tổ tự quản môi trường thí điểm tại địa phương, đề xuất các giải pháp quản lý nguồn thải và bảo vệ môi trường hiệu quả tại địa phương.</p> <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số liệu điều tra về thực trạng và diễn biến hoạt động xả thải tại các khu dân cư ven sông trên địa bàn tỉnh Cà Mau - Bản đồ phân bố các khu dân cư ven sông và phân cấp mức độ ô nhiễm cho toàn tỉnh Cà Mau, - Tổ chức được từ 1 -2 hội thảo và 2 lớp tập huấn về công tác quản lý nguồn thải và bảo vệ môi trường - Thí điểm thành lập từ 1-2 tổ tự quản môi trường cộng đồng tại địa phương - Đề xuất giải pháp quản lý nguồn thải và bảo vệ môi trường, tập trung vào các giải pháp xây dựng mô hình tự quản tại địa phương. - Hoạt động dự kiến - Thu thập các tài liệu, số liệu, thông tin có liên quan đến dự án. - Khảo sát hiện trường, điều tra, phỏng vấn theo mẫu điều tra xã hội học - Tổ chức các buổi hội thảo tập huấn, - Thực hiện thí điểm “ tổ tự quản môi trường cộng đồng”
183	<p>Áp dụng một số biện pháp tận dụng hiệu quả nguồn nước, chống xói lở, suy thoái đất</p>	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>Nhằm hỗ trợ các tổ chức và cộng đồng địa phương trong việc xác lập, thực hiện và vận hành, bảo dưỡng các hệ thống công trình tái tạo nguồn nước nhằm cung cấp nước sinh hoạt tăng cường sản</p>

<p>Ban chỉ đạo điều phối và quản lý tổng hợp tài nguyên nước tỉnh Ninh Thuận</p> <p>Kinh phí: tính trên diện tích 3 ha là 1 tỷ đồng</p> <p>Xin tài trợ GEF SGP 85% (khoảng 850 triệu đồng)</p> <p>Kinh phí đóng góp từ người dân: 15% (150 triệu đồng)</p>	<p>xuất nông nghiệp, cải thiện đời sống và giảm nhẹ các tác hại của lũ lụt và hạn hán</p> <p><i>b. <u>Kết quả dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trữ lượng nước ngầm vùng dự án tăng lên làm tăng độ ẩm của đất, tăng khả năng sản xuất nông nghiệp ổn định của đất vùng dự án. - Tạo ra hồ chứa nước sẽ tích trữ nước, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp - Cải thiện đời sống của người dân vùng dự án. <p><i>c. <u>Hoạt động dự kiến</u></i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn tổ chức hội, đoàn thể thành lập ban quản lý dự án. - Hội thảo triển khai ý tưởng dự án đến các địa phương để nắm bắt thông tin một số vùng, địa phương phù hợp với dự án - Khảo sát, chọn vùng phù hợp triển khai dự án - Tổ chức thiết kế, thi công các rãnh, đập có sự tham gia của người dân. - Tập huấn người dân cách duy tu, bảo quản công trình - Lắp đặt dụng cụ, thiết bị quan trắc nước ngầm, tập huấn sử dụng và bàn giao có cam kết quản lý, sử dụng của chủ sở hữu đất thực hiện dự án. - Phối hợp cơ quan chức năng, địa phương chọn giống cây trồng phù hợp. - Chủ sở hữu đất triển khai trồng cây trong diện tích đất dự án. - Hội thảo giới thiệu mô hình dự án đã triển khai đến các địa phương để tiếp tục vận động chính quyền địa phương, cộng đồng nhân rộng mô hình dự án. - Giám sát, báo cáo kết quả thực hiện dự án.
--	---

184	<p>Xây dựng bảo tồn loài khi Vàng (Macaca Mulatta) dựa vào cộng đồng kết hợp phát triển du lịch sinh thái rừng ở đảo Cù Lao Chàm, Tỉnh Quảng Nam</p> <p>BQL khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, Hội An, Tỉnh Quảng Nam</p> <p>Kinh phí dự án: 900.000.000 VNĐ</p> <p>Kinh phí tài trợ từ GEF SGP: 850.000.000 VNĐ</p> <p>Các nguồn khác: 50,000,000 VNĐ</p>	<p><i>a. Mục tiêu:</i></p> <p>Xây dựng mô hình bảo tồn quần thể khi vàng dựa vào cộng đồng kết hợp với phát triển du lịch sinh thái rừng nhằm góp phần bảo vệ đa dạng sinh học khu rừng đặc dụng Cù Lao Chàm, Tỉnh Quảng Nam. Giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng mức sống cho người dân tại địa phương.</p> <p><i>b. Kết quả dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn loài khi vàng kết hợp bảo vệ rừng đặc dụng cù Lao chàm - Tạo lập cơ sở dữ liệu rõ ràng về phân bố, số lượng của loài khi Vàng ở Cù Lao Cham: bao gồm bản đồ phân bố, báo cáo kỹ thuật, hình ảnh và sách mô tả cụ thể về đặc điểm loài khi Vàng - Phối hợp đài truyền hình xây dựng bộ phim khoa học về quần thể khi Vàng tại Cù Lao Chàm: phối hợp cùng đài phát thanh truyền hình Hội An xây dựng bộ phim 30p về các loài và công tác bảo vệ loài khi Vàng tại cù Lao Chàm - Thành lập quy trình và đi vào hoạt động đội tuần tra giám sát có sự tham gia giữa người dân và lực lượng kiểm lâm Cu Lao Chàm: Phối hợp cùng lực lượng kiểm lâm , chính quyền địa phương và người dân lập ra quy trình giám sát loài khi Vàng và một số loài quan trọng khác và lập đội tuần tra giám sát thường xuyên trên các tuyến này. - Tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa người dân và cơ quan quản lý trong công tác bảo tồn: tổ chức buổi họp thôn theo quý, khôi phục và tăng cường tổ chức các lễ hội truyền thống của cộng đồng. - Nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ tài nguyên - Xây dựng được chương trình giáo dục thiên nhiên ở trường học: tập huấn giáo viên, xây dựng bộ giáo cụ và bài giảng về giáo dục thiên nhiên cho học sinh trường trung học cơ sở - Nâng cao tình yêu và nhận thức cho người dân trong việc bảo tồn loài khi Vàng và đa dạng sinh học rừng đặc dụng
-----	---	--

		<p>Cù Lao Chàm , giúp đỡ và giám sát người dân địa phương thác một số lâm sản ngoài gỗ theo hướng bền vững.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phục hồi và phát triển các truyền thống văn hóa đặc trưng của địa phương để nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân và du khách. - Cải thiện sinh kế - Xây dựng tuyến du lịch sinh thái khám phá rừng Cù Lao Chàm góp phần giải quyết công ăn việc làm, nâng mức sống cho người lao động địa phương: khảo sát, tìm hiểu điều kiện và khai thác các tuyến phát triển du lịch sinh thái. - Xây dựng sản phẩm lưu niệm đặc trưng cho Cù Lao Chàm như postcard, quà khắc hình ảnh hoặc in ảnh về khi, các thực vật đặc trưng nhằm tăng thu nhập cho một bộ phận dân cư. <p>c. <u>Hoạt động</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chương trình tuần tra giám sát quần thể khi Vàng - Đánh giá lại phân bố và số lượng khi Vàng ở đảo Cù Lao Chàm, Thiết kế tuyến tuần tra giám sát - Tập chức khóa tập huấn cho kiểm lâm: tập trung kỹ thuật khảo sát khi Vàng, cách thức thu thập số liệu, kỹ năng ghi chép ngoài thực địa, sử dụng phần mềm máy tính, giám sát sự phân bố, sự biến động số lượng quần thể - Hợp thôn thành lập đội bảo vệ rừng ở các thôn làng, hỗ trợ trang thiết bị cần thiết (ống nhòm, máy định vị, máy chụp hình...), tập huấn kỹ năng tuần tra giám sát rừng cho đội BV rừng - Thực hiện tuần tra giám sát định kỳ theo tháng có sự tham gia của đội BV và kiểm lâm. Thu thập số liệu về khi vàng, môi trường sống, tác động, thông tin về một số loài động vật khác. • Chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Đối với học sinh: <ul style="list-style-type: none"> + Thành lập câu lạc bộ giáo dục thiên nhiên ở trường học gồm cán bộ khu bảo tồn và giáo viên trường THCS Quang Trung. Tập huấn về các kỹ năng cần thiết + Xây dựng bộ giáo cụ và bài giảng giáo dục thiên nhiên + Tập huấn cho giáo viên, cán bộ khu bảo tồn thực hiện bài giảng ở trường THCS, tiểu học, tổ chức cuộc thi tìm hiểu thiên nhiên cho học sinh - Đối với người dân <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện tuyên truyền ở thôn làng về vai trò của rừng và đa dạng sinh học, luật bảo vệ rừng và cách thức khai thác một số lâm sản ngoài gỗ hợp lý + Cấp phát sổ tay hướng dẫn cho người dân và treo poster tuyên truyền ở các tuyến đường trung tâm và ở các nhà thôn, làng và trên các tuyến du lịch + Phát thanh hàng ngày về chủ đề bảo tồn khí Vàng trên địa phương (3 phút mỗi ngày) + Thay đổi thói quen và một số nghề nghiệp gây ảnh hưởng hệ sinh thái rừng bằng cách đưa họ vào đội tuần tra giám sát, hướng dẫn viên du lịch và xây dựng niềm yêu thương động vật cho họ thông qua việc nghiên cứu cùng các nhà khoa học. - Chương trình du lịch sinh thái <p>Lập tuyến du lịch sinh thái rừng CLC</p> <p>Tập huấn cho người dân hướng dẫn tour du lịch</p> <p>Kết hợp với trung tâm du lịch đưa các tour này đi vào hoạt động</p> <p>Xây dựng và gắn bản tin trên tuyến</p> <p>Xây dựng sản phẩm hàng lưu niệm</p>
185	“Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng	<p><i>a. Mục tiêu</i></p> <p>Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương ở các cấp về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai</p>

<p>đồng” tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Chi cục đề điều và phong chống lụt bão tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện khoảng 2500,000,000 VNĐ</p> <p>Kinh phí xin GEF SGP : 1000,000,000 VNĐ.</p> <p>Kinh phí nguồn khác: 1500,000,000 VNĐ</p>	<p>dựa vào cộng đồng, đảm bảo 100 % cán bộ các cấp trực tiếp làm công tác quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.</p> <p>Tăng cường năng lực cho cộng đồng về giảm nhẹ thiên tai, trên 70% số dân các xã thuộc vùng trọng điểm thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.</p> <p><i>b. Hoạt động dự kiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1 nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương ở các cấp về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, bao gồm hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn phù hợp và thống nhất về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động QLTTCD ở các cấp và tại cộng đồng. + xây dựng bộ tài liệu đào tạo về chính sách, cơ chế, các bước thực hiện quản lý thiên tai, dựa vào cộng đồng cho đội ngũ giảng viên, các cơ quan, cán bộ địa phương và cán bộ trực tiếp triển khai thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp + xây dựng bộ tài liệu đào tạo về chính sách, cơ chế thực hiện QLTTCD (bao gồm bộ tài liệu cho giảng viên và học viện) + tổ chức đào tạo về chính sách, cơ chế, các bước thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho đội ngũ giảng viên các cơ quan, cán bộ địa phương và cán bộ trực tiếp triển khai thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp + trang bị dụng cụ giảng dạy về quản lý quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho đội ngũ giảng viên. - Phần 2: tăng cường truyền thông giáo dục và nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai <p>+ thành lập nhóm triển khai thực hiện các hoạt động QLTTCD tại cộng đồng do cộng đồng bầu chọn</p> <p>+ xây dựng sổ tay hướng dẫn triển khai các hoạt động cơ bản về chuẩn bị, ứng phó và phục hồi ứng với từng giai đoạn: trước, trong và sau thiên tai phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội.</p>
--	---

		<p>+ xây dựng kế hoạch phòng chống và quản lý rủi ro thiên tai lồng ghép với tác động của biến đổi khí hậu hàng năm</p> <p>+ tổ chức diễn tập về phòng chống giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng.</p> <p><i>c. <u>Hoạt động</u></i></p> <p>Sở NN và PTNT: xác định mục tiêu, xây dựng nhiệm vụ, tính toán kinh phí và đề xuất giải pháp thực hiện hàng năm và đề xuất phân bổ nguồn lực cho các cấp, ngành thực hiện. Hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các cấp ngành thực hiện kế hoạch. Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm, tổng hợp báo cáo kết quả, tiến độ cho ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>Sở KH &ĐT phối hợp với Sở Tài chính cân đối bố trí nguồn vốn.</p> <p>Sở GDĐT phối hợp sở NN và PTNT xây dựng bộ tài liệu đào tạo về chính sách, cơ chế thực hiện QLTTCD</p> <p>UBND cấp huyện</p> <p>+ xây dựng chương trình thực hiện kế hoạch nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng tại địa phương.</p> <p>+ chủ động huy động các nguồn lực bổ sung lồng ghép với các hoạt động có liên quan đến cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai, chương trình đầu tư, phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn để đạt được mục tiêu của kế hoạch</p> <p>+ đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu, có hiệu quả kinh phí đầu tư, thực hiện chống lãng phí, thất thoát vốn.</p> <p>+ tổ chức phổ biến tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân trước hết người dân ở khu vực thường xuyên bị thiên tai, có nguy cơ bị ảnh hưởng trực tiếp đến thiên tai</p> <p>+ xác định địa bàn xung yếu, nội dung ưu tiên thực hiện kế hoạch theo từng giai đoạn, báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch trên địa bàn huyện theo quy định.</p>
186	Nhật kí xanh cho chiến sĩ nhí	<p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Giúp các em ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi</p>

	<p>Phạm Phương Thảo (Đại sứ môi trường Bayer 2013)</p> <p>Tổng kinh phí: 20,000,000</p> <p>GEF SGP: 10,000,000</p>	<p>trường hoặc tiết kiệm năng lượng.</p> <p>+ Thông qua việc thực hiện các hành động thường ngày, giúp các em hình thành các thói quen tốt và hữu ích trong hoạt động thường ngày.</p> <p>- Kết quả dự kiến</p> <p>+ 100% các em tham gia dự án đều hứng thú và thực sự thực hiện các "hành động xanh" để ghi chú trong nhật ký.</p> <p>+ Ý thức của các em học sinh đối với vấn đề bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng được nâng cao.</p> <p>- Các hoạt động dự kiến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị, thiết kế quyển "Nhật ký xanh" 2. In một số lượng nhất định và giới thiệu cho các em học sinh, thầy cô và cả phụ huynh ở 2 trường tiểu học trọng điểm 3. Cho các em tiến hành thực hiện và ghi "nhật ký xanh" 4. Thu thập và phân tích kết quả 5. Phát phần thưởng khuyến khích cho các em có những hành động tích cực nhất 6. Báo cáo kết quả và nhận ý kiến đóng góp
187	<p>Nâng cao năng lực xử lý nước thải tại một số trạm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội bằng hệ thống liên hoàn sử dụng vật liệu composite FRP góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường</p> <p>Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam</p>	<p>Mục tiêu của dự án:</p> <p>Mục tiêu của dự án này là hỗ trợ và nâng cao năng lực xử lý nước thải tại một số trạm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội bằng hệ thống liên hoàn sử dụng vật liệu composite FRP góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.</p> <p>Kết quả dự kiến của dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ thiết kế hệ thống xử lý nước thải hoạt động hiệu quả được hoàn thiện và chuyển giao cho 02 trạm y tế lựa chọn. - 02 mô hình hệ thống xử lý nước thải được xây dựng và vận hành tại 02 trạm y tế được lựa chọn.

	<p>Tổng kinh phí: 2.200.000.000</p> <p>GEF/SGP: 47.450 USD (tương đương 1000 000 000 VNĐ)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các lớp học về nâng cao nhận thức biến đổi khí hậu và quản lý chất thải y tế, vận hành, bảo trì hệ thống cho cán bộ của trạm y tế được lựa chọn và tại các trạm y tế khác có nhu cầu chuyển giao công nghệ. - 02 Báo cáo: báo cáo về đánh giá thực trạng nước thải của trạm y tế xã trước khi tiến hành dự án và báo cáo đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý thông qua việc phân tích các tính chất nước thải đầu ra sau xử lý và tính ổn định của hệ thống.
188	<p>Phục hồi môi trường và tài nguyên thủy sản đầm Sam-Chuồn, phá Tam Giang Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Tôn Thất Pháp- Trung tâm nghiên cứu quản lý và phát triển vùng Duyên hải (CMD)</p> <p>Tổng kinh phí :</p> <p>1.350.000.000 đ</p> <p>GEF : 850.000.000đ</p>	<p>Mục tiêu : Thúc đẩy quy hoạch vùng nuôi sáo khoanh (nuôi vây lưới) gắn với bảo tồn ĐDSH theo hướng đặt cơ sở vào cộng đồng và dựa vào nguồn lực của chính quyền huyện, xã nhằm sớm phục hồi môi trường đầm và giữ ổn định sinh kế cho cộng đồng ngư dân ở đầm Sam-Chuồn, phá Tam Giang Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>Mục tiêu cụ thể :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Cải tiến mô hình nuôi sáo khoanh và sắp xếp lại theo hướng thân thiện với MT để mở rộng không gian trao đổi nước cho đầm và không gian phân bố di cư thủy sản ở đầm. -Thành lập khu bảo tồn sinh cư thủy sản trọng yếu ở đầm -Giữ ổn định sinh kế cho cộng đồng ngư dân có đời sống phụ thuộc vào nghề nuôi thủy sản sáo khoanh -Tăng cường vai trò làng ngư trong đồng quản lý tài nguyên MT và hoạt động thủy sản ở đầm. <p>Kết quả dự kiến :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Mô hình nuôi vây lưới cải tiến theo hướng thân thiện MT được cộng đồng ngư dân chấp thuận và triển khai áp dụng -Mô hình nuôi sáo khoanh cải tiến được đồng triển khai thực hiện ở mặt nước đầm thuộc địa bàn xã Phú Mỹ và Phú Xuân - Hai vùng bảo vệ bãi giống, bãi đẻ trọng yếu được thành lập - Một không gian đầm Sam- Chuồn tự nhiên rộng lớn được trả lại cho đầm (không chắn lưới) nhờ đó nước đầm được thông thoáng và

		<p>trao đổi nước giữa đầm với biển và trao đổi nước đầm với ô nuôi được tăng cường và đảm bảo giao thông thủy và thoát lũ.</p> <p>-Vai trò quản lí đầm phá của làng ngư được tăng cường</p> <p>Hoạt động dự kiến :</p> <p>1.Tập huấn nâng cao năng lực : cho cộng đồng và cho chính quyền cấp huyện xã</p> <p>2.Xây dựng sự đồng thuận : phân tích, thảo luận, lập phương án triển khai</p> <p>3.Xây dựng chương trình hành động qui hoạch khôi phục MT đầm Sam- Chuồn dựa vào nguồn lực địa phương</p> <p>4.Xây dựng cơ chế quản lí đầm coi trọng vai trò của làng ngư</p> <p>5.Đánh giá quá trình thực hiện qui hoạch phục hồi MT đầm Sam – Chuồn dựa vào nguồn lực địa phương</p>
--	--	---